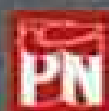




NGỌC GIAO

# Hà Nội cũ năm đây



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

**HÀ NỘI CŨ NĂM ĐÂY**

**TUYỂN TẬP TẢN VĂN**

---

**Tác giả: Ngọc Giao**

**Nhà xuất bản Phụ Nữ**

**Text: WAKA**

---



**Ebook: nguyenthanh-cuibap**

## Mấy Lời Của Người Làm Tuyên

Sau khi cha tôi qua đời, đọc lại những di bút của cha tôi, nhà văn Ngọc Giao, một nỗi ân hận xót xa và xúc động dâng trào trong tôi. Từng dòng chữ cho tôi thấy những mong ước thiết tha đến cháy bỏng của ông là được in lại các tác phẩm của mình, vừa mãnh liệt lại vừa tuyệt vọng. Trong một bức thư dự định gửi gắm việc in tác phẩm cho một người bạn, ông dẫn dò: *“Thưa bác, trang bìa sau, dưới ảnh in mấy dòng này thì trang bìa đẹp hơn, có ý nghĩa hơn. Tôi rất tiếc. Đêm khó ngủ, mơ thấy sách bán được, và được tái bản, ta sẽ in thêm bài về ông Vũ Đình Long và một số gương mặt nhà văn khác, cuốn sách sẽ đỡ mỏng manh. Nhưng đó chỉ là một điều mơ ước.”* Qua bút tích để lại của cha tôi sau năm 1990, có thể thấy sinh thời ông đã có rất nhiều dự định trong sáng tác, có những dự định đã thành tác phẩm, có những dự định còn dang dở.

Tôi đọc và bật khóc. Mãi lo sinh kế cho gia đình, tôi đã để cha tôi cô đơn đến thế. Giữa cái guồng máy xã hội mà ai nấy đều quay cuồng đến chóng mặt cho cuộc mưu sinh và mưu cầu danh - lợi, một ông già ngoài tám mươi bút run, sức yếu làm sao lo nổi cái chuyện in sách và ra sách.

Cha tôi là một con người nhạy cảm, tinh tế và sâu sắc. Càng già càng hiu hắt, càng tiếc thương từng áng mây chiều, từng đoá hoa sớm héo, từng làn gió nhẹ xuân thu. Từ sau 1954, trải qua biết bao thăng trầm sóng gió, ông đã gác bút triệt để. Ông không còn gì nữa, như ông đã nói trong một bài ký, *“ngoài dăm ba khóm trúc gầy, mười khóm hoa hèn cỏ dại, mọc lẫn vào thanh thảo. Đôi khi cố công ngồi tỉa xén một hai búi cây hoang dại bờ rào*

do một ông già nông thôn mang đến nửa bán nửa cho... Âu đó cũng vui tuổi già, sau những ngày dài, chập tối, ngô văng lên đèn, một mình, bước thấp bước cao, lê đầu gậy, dạo một quãng cho đỡ đau xương cốt”. Kể từ đó, ông sống những ngày tàn không tác phẩm. Nhưng từ năm 1990 cho đến khi qua đời, 1997 – như chính ông thổ lộ - ông cũng “cố ngồi, cố viết, tay quá run, chữ không thật nét, coi như làm cái việc rửa bút cùn, lau kiếm gỉ, viết với tâm tình băng giá của một ông già. Viết nhiều, viết ít, viết gì đi nữa, chỉ là những dòng chữ biệt li...”. Những bài ký của ông viết rải rác trong giai đoạn này, gần đây tôi đã tuyển lại thành một tác phẩm dưới nhan đề *Hà Nội cũ năm đây* - sức bút của ông vẫn dồi dào và trí tuệ vẫn mẫn tiệp. Ông hay suy tư, những người hay suy nghĩ sâu xa thì lại càng hay buồn. Nỗi buồn, nỗi đau lớn nhất của cuộc đời ông, với tư cách một nhà văn, là không được viết và bị quên lãng quá lâu. Nhiều lúc, ông giật mình ngơ ngác vì thấy mình vẫn tồn tại khi các bạn ông như Vũ Trọng Phụng, Vũ Đình Long, Lan Khai, Lê Văn Trương, Tam Lang, Thụy Chương, Lê Bái Leiba, Trần Huyền Trân, Thâm Tâm, Nguyễn Bính đã ra đi từ lâu – như ông viết trong bài ký *Người phun kiếm*: “Các ông bạn cầm bút của tôi, cùng thời với tôi, tất cả đều đã ra khỏi cái quá khứ văn bút đau thương kịch cỡm này”.

Từ năm 1989, tôi đã vào Thư viện Quốc gia (Hà Nội) để sưu tầm các truyện ngắn của cha tôi đăng trên tuần báo *Tiểu thuyết thứ Bảy*. Ngay năm đó, Nhà xuất bản Văn học đã ấn hành tập truyện của ông, nhan đề *Cô gái làng Sơn Hạ*, cuốn sách mỏng manh, chỉ ngót 200 trang, in rất xấu, tôi sợ cha tôi buồn, vậy mà ông vui lắm.

Năm 2001, Nhà xuất bản Hội nhà văn lại ấn hành tiếp *Ngọc Giao, truyện và ký*, do tôi tuyển. Cuốn sách này dày dặn và tuyển chọn có hệ thống. Nhưng ông đã qua đời từ 1997, không được gặp lại đứa con tinh thần của mình.

Cuối năm 2009, nhờ sự giúp đỡ nhiệt tình, tử tế của Thư viện Khoa học Tổng hợp (thành phố Hồ Chí Minh) đối với em rể tôi, tôi đã có trong tay

249 truyện ngắn, ký và tản văn của cha tôi viết từ 1934 đến 1949 đăng trên Tiểu thuyết thứ Bảy. Trên cơ sở tư liệu này, tôi đã tiến hành tuyển để cho ra mắt tập ký và tạp văn *Quan báo* (H., Nxb Hội nhà văn, 2010, 340 tr.) ; và tập truyện ngắn *Phấn hương* (H., Nxb Văn học, 2010, 390 tr.).

Riêng tập truyện và ký *Hà Nội cũ năm đây*, nội dung và bố cục đã được sắp đặt dựa trên ý nguyện trong bức thư kể trên của cha tôi.

Sinh thời, ông còn viết cho các báo *Tri tân, Sinh lực, Tao đàn, Phổ thông, Lẽ sống, Lên đường, Công tộ*. Hiện giờ tôi đang tiến hành sưu tầm những gì ông đã viết cho các báo này, để tập hợp thành một tập truyện ngắn mới. Và khi có đủ điều kiện thuận lợi, tôi sẽ cho tái bản các tác phẩm chính sau đây của cha tôi: *Cô gái làng Sơn Hạ* (truyện ngắn, tuyển lại, có bổ sung); *Nhà quê* (tiểu thuyết, 1944); *Quán gió* (tiểu thuyết, 1949); *Cầu sương* (tiểu thuyết, 1953); *Xóm Rá* (tiểu thuyết, 1953)... để rồi tiến tới một *Tuyển tập Ngọc Giao*.

Và tin rằng ở một nơi xa lắm, ít nhiều Cha tôi cũng thấy được.

*Hà Nội, mùa Đông năm 2015*

**Nguyễn Tuấn Khanh**

## Đời nó thế

**Đ**ã lâu lắm, tôi không tiếp được tin tức của anh Thông, một người bạn hiền có đức hạnh mà thầy mẹ tôi vẫn răn tôi nên lấy làm khuôn mẫu. Anh người trong Thanh, hồi ấy ra Hà Nội trọ tại nhà tôi. Chúng tôi cùng học một trường, một lớp, ăn một bàn, ngủ chung một chiếc giường tây.

Chúng tôi ít khi có sự bất bình, tuy chúng tôi vốn chẳng ưa nhau lắm, chỉ đôi lần xảy ra cuộc cãi lý trong vài phút lại hòa ngay. Anh rất đứng đắn, rất lễ phép và điều hơn hết đối với thầy mẹ tôi, anh coi như cha mẹ đẻ. Có lần mẹ tôi bị ốm xoàng, anh tỏ vẻ âu sầu lo lắng, và hi sinh một ngày học để ở nhà sắc thuốc, bóp đầu, nâng giắc mẹ tôi. Rồi nhắm vào lòng mê tín của các cụ anh bàn nên cúng “dâng sao giải hạn” thì bệnh tất lui. Thế là anh khăn áo chỉnh tề, bày vàng hương, thắp đèn, thắp nến, lãng xăng như một anh cung văn vậy. Thầy mẹ tôi cảm động lắm, thế mà trong khi các ngài đang cảm động, đang nức nở khen anh là người tử tế hiếm có thì tôi lại ngồi vắt vẻo ở rạp chiếu bóng vỗ tay cười một vai ngộ nghĩnh khéo khôi hài. Vô phúc cho tôi, cái tin ấy thầy mẹ tôi đều biết. Tôi bị một trận mắng nên thân. Nghĩ anh Thông mách, tôi thù ra mặt. Nhưng chúng tôi vốn có lệ không được giận nhau quá ba giờ.

Thầy tôi cũng thương anh hết sức. Bởi vì anh khéo chiều chuộng, khéo nói, khéo cả chân tay. Buổi sáng, mặc tôi ngủ say, anh dậy sớm nhất, pha trà sen mời thầy tôi uống và đón lúc thầy tôi muốn hút thuốc lào, anh vê thuốc, đánh diêm, vắt chiếc cần trúc vào tận miệng thầy tôi, như thế, một cụ già khó tính đến đâu, cũng phải đem lòng cảm mến.

Cả nhà khen anh có hiếu. Đối với thầy mẹ tôi anh còn tha thiết thế, huống hồ đối với các cụ sinh ra anh thì còn hiếu thảo gấp trăm phần.

Anh lại được cả cái đức tốt là ghét ái tình.

Đừng ném cuốn tiểu thuyết văn chương mơ mộng, dĩ thỏa trước mắt anh ấy.

Đừng kể cho anh ấy nghe chuyện những tấm thân trắng như bột bánh trôi của các cô đào chiếu bóng.

Đừng vớ lầm cái cán bút trong sách của nhà đạo đức ấy mà viết những dòng trai lơ để “thuốc” một ả nào.

Đó là những điều nghiêm cấm mà vẻ mặt lạnh lùng, và đôi mắt sâu sắc của anh Thông đã dọa thềm tôi.

Không bao giờ anh chịu bỏ chiếc khăn xếp với chiếc áo the vá khuy. Các bạn ở trường chế giễu, anh chỉ mỉm cười. Anh là một cái “thái cực” ở bên tôi: một thẳng chí ngoan, chí hiếu, nhũn nhặn, keo kiệt, khúm núm như lão hủ nho, thế mà ông Trời sao lại bắt chung đụng với một thẳng như tôi, ham chơi, nghịch ngợm, hiếu đễ tâm, lễ độ tùy lúc, lại hay làm đóm, hay vòi tiền đi xem chiếu bóng. Thành thử, tôi bị thầy mẹ tôi ghét, mà anh càng ngày càng được các cụ yêu, thường xì xào bàn kín rằng sẽ gả anh cho con Mùi, em gái tôi hiện là lưu học sinh năm thứ ba trường nữ sư phạm.

Anh Thông có lẽ thám thính được cái tin mừng đó, lại càng cố mua chuộc lòng tin yêu của các cụ, đến nỗi nịnh hót quá, lễ phép quá, khiến anh có vẻ nô lệ như một con lừa vậy.

Có ai dám ngờ anh có gan khoác tay gái chơi đêm? Thế mà tôi đã gặp anh đi cùng người đẹp, một đêm kia, trên bờ Hoàn Kiếm. Người đẹp ấy... thì ra là cô bán kem, nước đá, mà các bạn trai đều nhẵn mặt và tôi nhớ đích là con yêu tinh ấy đã khiến một người bạn thân thiết của tôi phải sáu tháng

kêu trời, sau một đêm để tia nọc độc của nàng tự do chạy thẳng vào mạch máu.

Thấy hiển nhiên con rắn độc ấy sắp quấn chặt vào cổ anh Thông, tôi rùng mình muốn kéo anh ra khỏi hoạn nạn. Nhưng sức nghĩ đến những nỗi căm hờn cũ, những lúc vì tấm gương sáng của anh mà tôi bị đòn, bị mắng thì lòng thương bạn không còn nữa. Tôi đã lánh đường, để mặc anh đi suốt đêm hôm ấy.

Thế rồi, mấy ngày sau, tình cờ tôi lại tóm được tập thư xanh tím của anh, lại tóm được mấy chiếc ảnh chụp các cô đầm hở đùi, hở ngực, mà anh giấu tận lần trong một chiếc gối bông.

Đúng một tuần lễ, kể từ đêm anh phạm tội “ngoại tình”, người anh gầy rộc hẳn đi, mặt xanh như tàu lá, ngày nào cũng lên cơn sốt. Tuy thế, anh không dám đưa con ở giặt quần áo của mình.

Thầy mẹ tôi thương xót, bảo mời ông lang đến xem mạch. Anh van vì xin đừng mời đến. Các cụ cứ yên trí là anh chỉ bị cảm xoàng, tự nhiên sẽ khỏi. Sau không đành tâm trông thấy anh gầy yếu quá, mẹ tôi lập đàn cúng, mời ông thầy đến, chiêm trống suốt một đêm.

Mà bệnh vẫn tăng lên dữ dội.

Thầy tôi định viết thư vào Thanh mời ông thân anh ra, song anh nằng nặc xin đừng để ông thân anh biết, vì nếu biết, cụ buồn.

Cả nhà không hiểu căn bệnh của anh. Duy có một mình tôi hiểu. Nhưng tôi không dám nói ra. Thấy nhiều lúc anh nằm đậy chăn thút thít khóc, tôi hối hận về cái tội ác của tôi. Nếu tôi can ngăn anh đừng đi với ả hàng kem thì đâu có bệnh tật này. Có lẽ Trời run rủi cho tôi ác thế để trừng phạt cái thói đạo đức giả của anh chẳng!



Hai ba tháng ròng, người anh gầy như một cành cây khô sắp gãy. Thương hại, tôi mách anh đến một lão lang. Quả nhiên, anh khỏi sau một thời kỳ trị bệnh khá lâu.

Từ đấy, chịu ơn tôi, anh sợ tôi như sợ vía cô hàng kem vậy.

Cách ít độ, đến kỳ thi, anh trượt; còn tôi không ngờ, lại đỗ! Cùng vụ thi ấy, con em gái tôi cũng đỗ. Anh Thông xấu hổ, không chờ thầy me tôi nhắc đến việc nhân duyên tốt đẹp của anh với em Mùi, anh đã lẳng lặng xếp áo quần, sách vở vào va li, từ biệt chúng tôi về Thanh để hầu hạ ông thân sinh, bù lại những tháng ngày xa xôi, không thể quì dưới gối phụng thờ.

Bảy năm cách biệt, bây giờ tôi mới được thư anh gửi ra mời tôi vào chơi.

Tôi vui vẻ nhận lời.

Xe vừa đỗ ngoài cửa, anh đã chạy ra niềm nở đón. Tôi la lên mừng rỡ, và rung hai cái vai đầy thịt, vỗ cái bụng bành trướng của anh mà cười. Anh béo như con lợn quay, mình mặc bộ tây vải vàng, chân đi “ghệt” tựa như một ông Tây chủ đồn điền, hay một người săn bắn, - thiếu chút nữa tôi không thể nhận ra ông đồ lễ phép, khúm núm, gầy oặt, đã trọ ở nhà tôi năm nọ.

- Anh khá lắm hể?

Thông híp mắt, bạnh má ra cười, giơ tay giới thiệu tòa nhà tây, chiếc xe ô tô mới và khu vườn đầy hoa thơm, cỏ lạ, đoạn thân ái xóc cánh tay tôi lôi sênh sệch vào nhà.

- Joseph! Jean! Ra chào bác Kim, bạn của ba đi, các con!

Tức thì, hai thằng bé, một thằng mặt vàng ệch, ngớ ngẩn như thằng khách con, mặc bộ áo quần lính thủy, một thằng đen trũi, tóc quăn, mặc

quần đùi vải đỏ, sơ mi cụt tay bám đầy đất cát, dắt nhau vào, bắt tay tôi rồi rút.

Sau cuộc giới thiệu tên tuổi các quý tử, anh mời tôi dùng “áp-pê-rô”<sup>1</sup>. Tôi hỏi thăm vợ anh. Anh bảo:

- Nhà tôi đang giở cuộc “xì” ở bên vợ chồng chú Sên, lát nữa sẽ về.Ồ, “en” nói chuyện có duyên, buồn cười ra phết, tôi đổ anh nhịn được mới tài.

Tôi lại hỏi thăm ông thân anh ngồi đâu để tôi chào. Thì anh chặc lưỡi, lôi tôi ra vườn thăm hoa, rồi kéo tôi vào nhà, kể huyền thuyên rằng anh mới tậu thêm được hai cái nhà tây nữa, vị chi là sáu cái. Mai kia anh sẽ bán cái đồn điền đáng giá chín ngàn của anh cho một người Pháp, vì anh chán đồn điền lắm.

- Mùi phú quý, anh ạ, nếm mãi cũng không còn thấy thú. Bây giờ tôi chỉ thèm sự an nhàn. Thỉnh thoảng sai đánh xe đưa vợ con đi chơi các nơi xa lạ. Mình thì bàn đèn sẵn đấy, gái đẹp chỉ vậy một cái là bay đến như bướm bướm. Hôm nào trời êm ả, lại vác súng đi bắn mấy con mòng, con két về nhắm rượu...

Tôi đang thầm ca tụng hạnh phúc của người bạn sung sướng thì tên bồi gõ cửa vào mời chúng tôi sang phòng ăn.

Chúng tôi kéo ghế ngồi. Hai thằng con ở ngoài vườn, xô nhau chạy vào nhảy lên bàn, lên ghế, chাম những ngón tay đầy đất cát vào các đĩa ăn. Thông mắng yêu các con rồi nhìn tôi cười sảng sặc:

- Bác xá cho các cháu. Chúng nó nghịch ngợm, tự nhiên chẳng khác con tây. Ấy thế cũng hay! Chả lẽ bắt chúng nó đàn độn, hiền lành, nhút nhát, như các trẻ An nam thì hỏng hết.

Tôi chưa kịp khen các ông quý tử và chưa kịp trả lời câu nói có nghĩa lý, lạ lùng, trái ngược của ông đồ nhu nhược, hủ lậu ấy thì có tiếng chửi đầy

tớ, mắng con chó sấn, rửa chú Sênh ăn non... nhiech anh lính Tây chạy làng, vang động cả gian phòng khách. Giữa lúc tôi ngỡ ngác, gót giầy mang cá đã cồm cộp gõ trên nền gạch hoa, rồi một người đàn bà mặt còn đầy nộ khí bước vào.

Thông vội đẩy ghế nhòm mình, giới thiệu tôi với người đàn bà ghé gớm đó.

- A! Vợ hiền anh!

“Nàng” dịu nét mặt, nhe bộ răng trắng, cúi đầu đáp lễ, đoạn ngồi xuống ghế, rót thêm rượu, vồn vã mời nâng cốc. Ba chúng tôi chạm cốc, hai thằng con cũng bắt chước làm theo.

Vẫn không quên ông thân anh, nên tôi nhắc anh mời cụ ra dùng cơm tiện thể cho vui.

Vợ anh vội đáp:

- Cụ tôi đã ăn từ sớm. Bác... mặc cụ tôi.

Thông nói tiếp:

- Anh cứ xơi rượu đi, ông cụ càng già càng khó tính, ăn vặt luôn, không có giờ nào cả.

Tôi không hiểu câu nói nghĩa lý của nhà đạo đức. Mà vợ chồng anh cũng không cần cho tôi hiểu, cứ nhồm nhoàm, nhai, uống, nuốt, rồi lại gắp, cười, đùa, sung sướng như cặp vợ chồng mới cưới. Chợt có tiếng ho khù khụ, tiếng ho của một người ốm yếu hình như không còn sức mà ho nữa, - rồi một ông già gầy tựa bộ xương hom của anh thợ mã, mặc chiếc áo đùi nâu vá đụp, một tay chống gậy, một tay chống đầu gối, cố bước lên thềm.

Không cần giới thiệu, tôi cũng có thể biết ông già ấy là ông thân anh, là một người tốt phúc đã được anh - trước mặt thầy me tôi, - hằng nhắc nhở, thở than, ân hận rằng không được quì dưới gối phụng thờ, chỉ vì đi “du học”!

Tôi đã biết vợ hiền anh.

Tôi đã biết thân phụ anh.

Và tôi đã hiểu anh.

Tôi đứng dậy chào. Ông cụ gật đầu, thở hỗn hển, rồi men vào kéo một chiếc ghế ngồi, nhìn lăm lét các món xào thơm ngạt mũi, như thèm thường lắm.

Hai thằng nhãi tru tréo lên, tựa như thấy một lão ăn mày hóa hủi.

- Ghế này của Jean. “A-lê”, sang kia ngồi với thằng Jacques.

- Bẩn lắm, ngồi cạnh lây cả rận chấy sang quần áo mới của người ta, “San bu-ru”<sup>2</sup>!

Chúng nó lùì, chúng nó nhõ, chúng nó tránh xa, mà khốn nạn, ông già có hiểu gì đâu!

- Kìa, anh cạn cốc đi, ông cụ tôi cầm đấy.

- Lại điếc mới khổ người ta chớ!

Rồi bộ môi son toét nở:

- Thật là của nợ!

Tôi không thể trả lời. Lòng tôi đau như bị một vết thương. Ông cụ run tay cầm đũa, nhìn cái bát rỗng mà người con dâu quý còn đang bận gặm

chiếc đũa gà quay, chưa muốn xới cho lão một thìa cơm.

- Anh Kim, cạn cốc đi!

- Bác xới tự nhiên cho. Chém cha cái thằng bếp nhé! Nó làm món xào mặn quá... Lương những sáu đồng một tháng mà chẳng làm trò gì nên thân cả. À, kìa bác Kim, sao ăn yếu thế?

Mấy đầu ngón tay móng đỏ, trắng mịn như thoa phấn, cầm thìa tiếp thức ăn vào bát tôi. Tôi ngượng ngùng nhìn bát ông già chỉ dính vài hột cơm mà chẳng có một miếng thịt, một lá rau. Tôi nhìn cặp mắt cụ, cặp mắt hiền từ mấy mươi năm nay vẫn âu yếm nhìn các con thân mến, lúc ấy đỏ ngầu như có mấy giọt lệ ngập ngừng không dám trào ra trước vẻ mặt tàn ác của con.

- Mời anh!

- Mời bác! Chỗ tình thân, xin đừng làm khách.

- Anh lưu ở chơi đây vài ngày. Tối ta đi hát, mai ta đi săn. Ở đây nhiều cảnh thú lắm.

- Lát nữa, em sai mời vợ chồng anh ký bên cạnh chú thím Sinh đầu phố, và người bạn Tây ở trong trại đến chơi “xì” tiêu khiển.

Ăn xong, vợ chồng Thông cùng tôi đi bách bộ trong vườn. Anh trở cho tôi trông cái chuồng con bằng gỗ sơn xanh, treo trên cành cây bưởi lớn, lá rủ xuống lòa xòa:

- Anh coi, đây là “tòa biệt thự” của đàn chim bồ câu giống. Tháng trước thả bay thi đã giật giải nhất đấy. Có người khách giả tôi chín mươi đồng cả đàn, mà tôi không bán, đủ biết giá trị đến đâu!

Rồi vợ anh vờ vai tôi, nheo mắt, nháy:

- Đây là con đực, kia là con cái. Cặp vợ chồng ấy đẻ mần lăm. Mà lại mớm mồi khéo nữa. Bầy chim con chóng lớn lạ.

Vợ chồng anh khoan khoái cười ầm ĩ trong khi ngắm con chim đực đang tha rác bay lên kết ổ, và con chim cái lục sục mớm thóc cho đàn chim non kêu riu rít.

Tôi ngoảnh nhìn ông cụ già, thân sinh anh, đang ngồi lẻ loi, ủ rũ dưới bậc thềm, vạch áo ra tìm rận bỏ lên mồm cắn.

Đã hiểu rõ người bạn xưa kia làm khuôn mẫu cho tôi về khoa luân lý; đã ghê tởm cái cảnh giàu sang sung sướng của người bạn thâm giao, - tôi ngay chiều hôm ấy, vội cặp mũ ra ga, dẫu rằng vợ chồng anh giận dữ vì không giữ được tôi ở lại chơi để cùng anh nếm mùi phong lưu, phú quý trong cái cảnh gia đình êm ấm: tiền sẵn, vợ đẹp, con ngoan, và mai kia anh sẽ đặt tiệc mừng thượng thọ cho ông cụ thân sinh tốt số đã được vợ chồng anh đêm ngày nâng giấc phụng thờ, và trước khi bị điếc, bị câm, đã để lại cho vợ chồng anh cái gia tài khá lớn.

*Tiểu thuyết thứ Bảy, 1942*

---

<sup>1</sup> Rượu khai vị.

<sup>2</sup> Con cú rù bần.

# Người đưa thư

**K**ính tặng lớp bạn già Hà Nội cũ

*Đường Hà Nội sáng choang lửa điện*

*Quanh Hồ Gươm xe điện cao su...*

Tản Đà đã nhập đề bài thơ *Vợ chồng người bán than* bất hủ bằng hai câu quá nôm đến mức phải dùng cái danh từ “cục gạch” mà phê phán. Nhưng tôi hiểu rằng đó là thâm ý của nhà thơ ngang ngạnh ném vào cỏi lầm than cát bụi, ồn ào này câu thơ mộc mạc nôm na ấy chính là để ngạo nghễ cười thể sự và để dồn cả thi tứ vào cuộc sống an nhàn, ẩn dật của đôi vợ chồng người bán than chốn lâm tuyền:

*Rừng đêm sương khói mịt mù*

*Gió đêm lạnh lẽo cây lù dù đen.*

Đã từ lâu lắm rồi, tôi vẫn thường ngâm ngợi bài thơ đó. Mỗi lần bắt đầu câu “Đường Hà Nội...”, lòng tôi lại băng khuâng nhớ đến một cái bóng gù gập như một lưỡi liềm, một cái bóng già nua ốm yếu đã hiện ra và đã khuất rồi trong băm sáu ngả đường Hà Nội thời xưa cũ.

Đó là người đưa thư. Chao ôi, vẫn cái con người cần cù, nhẫn nhục, lặng lẽ như cánh lá run trong bóng tối.

Tôi nhớ đến ông ta, như là nhớ đến một kinh thành cổ kính. Thuở đó cứ chiều chiều, tôi lại đứng ngây mặt nhìn con la cao lớn kéo chiếc xe phun

nước tưới những đường lát đá gồ ghề, lồi lõm. Con la không có tuổi, tai vểnh cao như hai chiếc mo nang, lông loãn xoắn đỏ, bốn chân điểm trắng, uế oải gõ móng sắt xuống nền đá bụi. Người phu đi kèm con vật, tay cầm đoạn roi mây, mỗi khi đến ngã tư đường, lại vụt vào đầu la mấy cái ra hiệu cho nó rẽ. Nhưng cái xe phun nước ấy chưa thấm gì với cái xe chở gỗ cây. Chúng ta hãy nhớ lại để hình dung một đôi cày xe to dài như hai cây tre bương đầu nhọn hoắt lừ đừ đưa về phía trước dữ dội như cặp ngà voi để dẹp đường. Dưới lòng xe hai ba cây gỗ lớn được buộc ghì vào thân xe bởi những sợi xích sắt to, mà đầu xích thừa buông thông xiết xoang xoảng xuống mặt đường đá dăm lờm chờm, ăn nhịp với tiếng nghiêng rào rạo của đôi vành bánh xe vĩ đại, đường kính chừng hai thước rưỡi. Xe gỗ đi nghênh ngang trên đường phố hẹp nồng mùi cống rãnh và bụi cát, nếu gặp phải xe tưới nước không lồ kia hay chạm mũi vào chiếc xe ô tô lọc cọc từ xa tới thì thật là không biết tránh thế nào.

Chiều Hà Nội xưa còn có tiếng chuông gõ nhịp nhàng ở những cỗ xe bán dầu tây. Cỗ xe nho nhỏ, đôi bánh xinh xinh với cái thùng sắt sơn vàng hình thùng rượu, có rôbinê tháo dầu xuống cái thùng con treo lưng lẳng mà khách hàng đã hứng sẵn chai và phễu.

Ngày ấy tôi trọ học ở nhà cô tôi. Cái thằng nhỏ tóc gọng mành gài hai bên tai, suốt ngày ra máy nước đầu phố chen thùng trống tài ba của đệ tử Tư - Dậu, Hàn - Bái, và để chim các chị vú chị sen - cứ cách vài ba ngày nó lại bắt tôi vác chai ra đầu phố đón mua dầu. Phải nhận làm việc đó bởi vì tôi sợ nó. Nó luôn luôn tự khoe giỏi võ, nó hứa truyền cho tôi vài miếng để chơi nhau với những thằng bạn gà tồ vẫn quen bắt nạt tôi ở nhà trường và tôi cũng thích làm việc đó, bởi vì tôi thích ngửi mùi dầu tây.

Hà Nội xưa lại có những chiếc xe ngựa của hãng bánh mì Thano chạy lóc cóc khắp ngã đường chật chội. Những chiếc xe bọc kẽm cao lênh khênh sơn vàng chói, chỉ có việc giao bánh tháng cho các nhà phong lưu, khá giả. Thời ấy mà ăn chơi đến thế là sang lắm. Mỗi sáng rất đúng giờ, anh xà ích



áo cánh, quần chúc bầu trắng nõn gò cương hãm ngựa cạnh vỉa hè, thổi một tiếng còi, bọc bánh bằng mảnh giấy bóng trao cho kẻ gia nhân của khách hàng. Anh nhỏ, chị sen nhận bánh và nhận số đem vào cho chủ kí rồi lại mang số ra trả anh xà ích. Anh xà ích giật cương con ngựa gày gò có hai miếng da che nửa mắt lại gõ móng lọc cọc trên đường đá mấp mô.

Ngày ấy, bà cô tôi dọn hàng đồng. Tiền trinh Khải Định kể hàng bao nhiêu thúng xếp đầy các gậm giường. Cô tôi đau mắt, và trong khi đau mắt cô tôi đã hết lòng làm việc thiện, bắc cầu, tạc tượng, đúc chuông, ấy thế mà cô tôi vẫn bị mù. Mang mục tật, cô vẫn chăm buôn bán và cô càng giàu có bao nhiêu, tôi càng phải bỏ cả sách đèn để suốt ngày ngồi đếm tiền Khải Định. Cứ mỗi cọc nhỏ là một hào: hai mươi đồng trinh vàng chóa. Mỗi chuỗi dài là đủ một đồng: 200 đồng trinh lóng lánh nằm trong thùng, như từng khúc rắn quấn vào nhau.

Đếm tiền hoa cả mắt, tôi vẫn không dám bỏ đi chơi. Bởi vì cô tôi mắt không nhìn thấy tiền, nhưng tai cô thính lắm, có thể nghe mà ước lượng được những chuỗi trinh Khải Định, xu đồng reo lách cách trên tay tôi. Chờ lúc nào cô tôi nghe tiền mỗi một chộp ngủ đi một lát, tôi mới dám rón vội hai đồng Khải Định, chạy vèo ra đón đầu chiếc xe ngựa sơn vàng cao lênh khênh kia để năn nỉ anh xà ích áo quần trắng lố mua cho được cái bánh tây có bọc giấy bóng vàng. Tôi vội trở vào nhà. Cái thân hình xanh xao gầy oắt của tôi lại lọt thỏm giữa những thúng tiền đầy ắp, tôi vừa nhai bánh vừa gieo mạnh những đồng trinh vàng chóa, những đồng xu đỏ ối, cốt cho tiếng kim khí xô xát làm át tiếng bánh tây kêu ròn trong hàm răng tôi, bên đôi tai rất thính của bà cô mù tàn tật.

Thế rồi cô tôi đã chết, chỉ vì một lá thư, chỉ vì cái người đưa thư ấy. Tôi nhớ một sáng mùa đông ông ta đã ho lụ khụ, bước xuống cái xe nhà cũ kĩ sơn đen kẻ chỉ đỏ cao ngất ngưỡng, đôi bánh vành sắt vẹt mòn vì bao tháng năm lăn mãi trên bầm sáu ngã đường đá sắc.

Người phu trạm ấy đã vừa ho vừa lau nước mũi, mở cái hộp da trâu to tướng nhuộm nhiều cát bụi, mồ hôi, có sợi dây da đeo lên cổ, lấy ra một phong thư xanh, lạng lẽ ném vào thúng tiền Khải Định trước mặt tôi, rồi quay ra. Chiếc xe nhà đen cao ngất ngưỡng lại lăn trên đôi vành sắt vệt mòn, tiếng sắt cọ nghiêng đá đường lồi lõm kêu ghê rợn trong mưa lạnh.

Lẳng nghe tiếng động ở đầu càng xe bọc đồng chạm ngoài hè, và nghe tiếng ho quen thuộc của người đưa thư bà cô mù vội hỏi:

- Có thơ đấy à? Thơ anh cả mày phải không?

Tôi quen lệ như mọi khi đọc thư người anh cả, con cô tôi ở ngoài mỏ Ông Bí gửi mắng đa về, nên từ từ bóc phong bì. Nhưng đây là bức thư chữ đàn bà dưới kí tên chị tôi tức là cô con gái quý của cô tôi. Tôi đọc. Hỡi ơi đó là bức thư tuyệt mệnh, viết bằng máu và hoen nhòe nước mắt. Thì ra cô con gái quý của cô tôi đã trầm mình ở Hồ Tây chỉ vì chị ấy đã thất trinh, đã có mang và gã sở vốn là một ông đốc học một trường tư thực đã ra roi giục truy phong phi nước đại.

Thời ấy gái thâm nghiêm chỉ còn cách gỡ danh dự bằng thuốc độc, nước hồ, mỗi khi bị phụ tình, bị cưỡng hôn hay chán đời bởi chẳng được cùng ai tròn duyên kiếp.

Cô tôi nghe xong thư chết ngất đi, rồi ốm, rồi chết thật. Rồi sau đó, tôi được giải phóng khỏi cái ngục tù tiền Khải Định vàng chóa, tiền xu đồng đỏ ối xếp cao như núi bấy lâu đè trĩu mái đầu xanh tội nghiệp của tôi.

Tôi ôm bọc áo, mớ sách, đi ở nhờ nơi khác. Nhưng ngày ngày dù ở đâu, dù đi đâu, quanh cái thành phố băm sáu phố phường chật hẹp này, tôi vẫn gặp người đưa thư ấy. Ông ta vẫn âm thầm lạng lẽ làm cái công việc của con chim câu sứ giả. Ông ta vẫn nhẫn nhục cần cù, câm nín, cùng chiếc xe nhà đen cũ kĩ cao ngất ngưỡng, hàng ngày đi khắp hang cùng ngõ hẻm, phân phát những chuyện buồn vui, sầu não của muôn vạn mối tình duyên

thiên hạ, những chuyện lọc lừa xảo trá, tóc tang bí ối của muôn vàn con thú dữ đã nhờ mảnh giấy con tem, chiếc dấu bưu điện để, dấu cách xa nhau nghìn dặm, cũng có thể cắt hằn cắt họng nhau vì một mưu thần chước quỷ, vì một mảnh khốe sâu độc gian hùng.

Tôi đã nhón lên dần, tôi đã bị guồng máy thời gian nhào lộn theo luật phù trầm gớm ghiếc và tôi đã già đi trước tuổi. Vậy mà ông ta, người đưa thư ấy, người sứ giả vô cùng nhẫn nại ấy, vẫn thảng ngày ngồi dựng đứng trên chiếc xe nhà sơn đen cũ kĩ mòn bánh và long trục, lọc cọc lăn hoai trên các ngã đường.

Ông ta vẫn đội chiếc mũ thuộc địa bọc vải vàng, vẫn mặc bộ tây vải ka ki, áo cổ cứng ôm lên gáy, một dây khuy đồng có mỏ neo và đôi chân chữ bát vẫn lê đôi giày săng đá. Mỗi khi đeo cái hòm da ketch sù trước ngực, bước từ hè bên này sang hè bên kia, đế giày săng đá lại gõ rào rào trên đường đá khiến trẻ con hai dãy phố xúm xít chạy theo, như là chạy theo lão Hai Tây làm quý thuật, đóng đinh hai mươi phân vào lỗ mũi trước bãi chợ Hàng Da.

Lũ trẻ xúm lấy ông ta, ông ta chẳng gạt chúng ra, cũng chẳng lộ một chút cảm tình chi hết, bộ mặt xương xẩu, đen bóng lúc nào cũng lạnh lẽo khác thường. Cái lưng khom gập xuống, phía ngực lũng lảng cái hòm da, hai cánh tay dài có khi buông lỏng thông có khi ôm đỡ chiếc hòm thư, ông ta gục đầu mà bước trông thảm hại như con đười ươi già cô độc.

- Cám ơn ông ạ. Mời ông hãy vào xơi chén nước.

- Đa tạ ơn ông. Mời ông hãy vào nhà ăn miếng trầu cau tươi cho ấm áp. Trời rét quá, rét buốt xương buốt tủy thế này! Đi đâu mà vội thế.

Nhưng lời dịu ngọt của cụ già đạo mạo và bà quả phụ tình duyên còn lóe sáng trong đuôi mắt bồ câu kia cũng chẳng đủ sức đậm đà để mời được người đưa thư âm thầm, cầm nín đó uống chén nước trà, ăn miếng trầu cau.

- Ái chà, một bức thư màu hi vọng. Thư ân thư ái của cô vợ chưa cưới của tôi đây mà! Cảm ơn ông nhé! Ông xơi điếu thuốc đã nào!

Đó là một gã con trai đang tựa cửa đỏ mắt chờ cái xe nhà sơn đen kẻ chỉ đỏ, cao ngất ngưỡng đúng chín giờ sáng và bốn giờ chiều từ xa lại, để nhận một lá thư tình, và để cảm ơn ông ta. Nhưng người đưa thư câm nín và lạnh lẽo kia chỉ mỉm cười, khẽ lắc đầu.

Và đây là cô gái đào tơ e lệ nép mình sau bức màn viền vải tây điều hồng hộp giơ mấy ngón tay trắng nõn ra đón chiếc phong bì tím, chưa kịp cảm ơn đã giấu phong thư vào túi, chạy vội vào trong bếp, má còn ửng hồng.

Người đưa thư lúc nào cũng thân nhiên làm phận sự, đã mấy chục năm trời. Trong quãng thời gian dằng dặc ấy, người đưa thư đã phân phát gửi gắm biết bao nhiêu tóc tang sầu muộn, hờn tủi, sướng vui vào cõi thế gian hỗn độn này mà tự chung con người nhỏ bé, câm nín ấy, chẳng nghĩ gì, chẳng biết gì đến việc mình làm.

Thời thế như tấn tuồng đời, đã bao phen thay trò, đổi lớp, ngón ngang như lá thu vàng rụng và cũng nhẹ nhàng như ức triệu phong thư do đôi bàn tay đười ươi già nua ấy rải rắc vào thiên hạ.

Tôi đã qua thời thơ ấu và niên thiếu và cũng đã qua rồi những buổi sáng buổi chiều tựa cửa phòng quán trọ, hồi hộp mong chờ những lá thư tình, thư bạn ở gần ở xa, do người sứ giả kia đưa đến tận tay tôi.

Bây giờ tuổi đã xế chiều, ấy thế mà tôi vẫn còn thấy ông lão đưa thư của cái “Hà Nội xưa cũ” ấy một chiều kia, lang thang trong “Hà Nội mới” chói lòe đèn nê ông, nhộn nhịp người năm châu bốn biển và hằn sâu vết xe chinh chiến...

Thời thế đã đổi thay nhiều. Cho nên cái xe nhà sơn đen cao ngất ngưỡng của người sứ giả kia, theo định luật phế hưng, đã bị tiêu diệt tự bao giờ. Ông ta vẫn mang nghiệp cũ, nhưng mà cái hòm da trong đó đã đựng bao nhiêu

nước mắt, bao nhiêu tiếng cười của con người, giờ đây cái hòm da lịch sử đó tôi không còn được thấy trên cái lưng gù gập kia nữa.

Rồi trong những ngày tiếp theo, ông già khốn khổ đã còng lưng đạp chiếc xe đạp gỉ nát, bánh cao su đặc, xích rão kêu ken két như là xương xẩu ông trên các nẻo đường rải nhựa.

Ông già cô độc ấy, gần đây, đã biến đi đâu mất hút. Tôi thương tôi nhớ hình bóng Hà Nội cũ bao nhiêu, lại càng thương nhớ bấy nhiêu con người khổ não câm nín ấy. Đã có lúc, tôi chợt nghĩ rằng con người ấy đã âm thầm len lỏi vào muôn vàn định mệnh của thế gian, chia sẻ buồn, vui cho nhân thế...

Ngày nay, tôi không còn trông thấy ông lão đưa thư đó. Hà Nội đã thay hình thoát xác, ai còn lưu giữ cái lão lưng còng mắt toét, lom khom như con khỉ già vô dụng ấy làm chi nữa cho thêm chật chội phố phường thanh lịch.

*Tiểu thuyết thứ Bảy, 1951*

## Người xưa cảnh cũ bây giờ...

Nói đến đồ cổ và cây cảnh là nói đến cái vạn niên vạn đại của trời đất, của thiên nhiên. Trời đất đã không cùng thì lời nói cũng không cùng. Những nhà cổ học uyên bác trên thế giới, qua nhiều thế kỉ, đã tốn nhiều giấy mực. Riêng ở cái xứ sở mình, trừ số rất ít nhà hiếu cổ, đã quan tâm đến đồ cổ vào khoảng nửa sau thế kỉ XX, còn quần chúng thì chẳng mấy ai coi nó là những thứ kỳ trân bảo vật đáng thương tiếc, đáng sưu tầm, nếu không nói là đáng thờ kính.

Từ kỉ nguyên đồ đá, đồ đồng, ở Trung Quốc, chín cái đỉnh vĩ đại đồng vàng đời Đông Chu đã đánh dấu lịch sử phương Đông về kĩ thuật sử dụng kim loại. Trong khi ấy, trên thế giới, Cổ Hy Lạp, Ai Cập... cũng đã cho nhân loại thấy những tác phẩm thần kỳ, siêu thánh. Đến bây giờ, hầu hết những công trình ấy đang nằm dưới đáy đại dương, trong lòng trái đất, kể cả bao nhiêu lâu vàng gác ngọc, thành trì sắt đá của những kỉ nguyên đế bá ngàn xưa. Không còn gì hết! Có chăng còn rơi rớt lại một số đồ nhỏ bé thuộc loại gia dụng của cổ nhân Trung Quốc, Việt Nam (thường kể tự Lý, Trần) mà ta đôi khi được may mắn gặp, thêm hoài nghi là thứ bậc cổ đại, trung đại, cận đại, hay “hiện đại Đài Loan”, mặc dù có hoặc không dấu ấn. Quả vậy, nói đến đồ cổ là nói đến cái không cùng. Vấn đề thuộc loại “bất khả tri”, ta dành riêng và tôn trọng công việc của các nhà khảo cổ.

Hãy nhìn cái trước mắt, nói câu chuyện hôm nay. Chuyện về thiên nhiên, cây cảnh. Thiên nhiên cũng là cái không cùng. Hiểu được đôi chút về nó cũng là khó lắm rồi.

Người Việt vốn yêu tạo vật, chủ về cỏ, cây, hoa đá. Thời xưa, tình người gắn bó với tạo vật thậm thiết hơn nhiều so với thời này. Bởi cái vui buồn của con người sẵn sàng được chia sẻ với cỏ cây, bất cứ ở đâu cũng có cỏ, cây, hoa, đá, núi, rừng, sông, biển. Không gian không chật hẹp, thắt bó như thời đại mới này. Cái thú điền viên tồn tại trong bất cứ người mưu sinh nào đã quá thẳng thắn, mệt mỏi. Nhà nào cũng cố thu vén kỳ được một mảnh vườn con, trồng rau đỗ xen lẫn trồng hoa. Nhà nho về già, bất đắc chí, càng cần bầu bạn cùng hoa lá. Rượu lưng bầu, thơ dăm bạn. Trồng hoa, cố nhân ưa nhất là hoa cúc.

*Yêu hoa gì đẹp bằng yêu cúc*

*Cúc đã tàn rồi thật hết hoa.*

Trong trời đất, không còn cúc, chẳng còn hoa gì nữa. Yêu cúc mà sùng bái đến như vậy, kể thật quá si, quá đáng. Bởi nó hợp với người quân tử - “Diệp bất li thân, hoa vô lạc địa (lá chẳng lìa cành, hoa không rớt đất). Cao Bá Nhạ gặp lúc thời thế đảo điên, lẩn trốn về nơi hoang dã, nằm yên trong cảnh bần hàn “Cúc dăm ba khóm, mai vài bốn cây”, vậy thôi, mà cũng chẳng được yên, đầu vẫn rụng, không thể độ cùng hoa cúc.

Bình sinh, tôi ngày còn là anh học trò nghèo, trọ nhà một cụ đồ nho, ngày ngày đỡ cụ tưới hoa, chậu cảnh ở tỉnh Đông (Hải Dương). Cụ giảng giải cho nghe cái thú chơi cây cảnh, chủ yếu là lan, gần như đủ loài lan quý. Sau đó, rời vườn hoa nhà cụ, tôi về Hà Nội, lao vào cuộc sống, dần dần quên đi cái mộng điền viên.

Cho đến năm tuổi đã xế chiều, tôi lại thấy thèm cái thú cây cỏ cũ. Tôi tìm đến mấy nhà chơi cây cảnh ở Hà Nội. Duyên may được gặp cụ Vĩnh (thường gọi là cụ Vĩnh Hàng Trống). Lần đầu tới viên môn bậc lão thành, tôi bất giác giật mình, bỡ ngỡ, tưởng như mình là anh chàng Từ Thức lạc Đào Nguyên. Mấy gốc mai già hoa lá kín nửa sân, lối đi lát đá phiến trắng, kê đá hờ cho cỏ mọc. Hàng hàng chậu cảnh, mặt giàn, bể lớn, bể bé, đủ

màu men xanh rêu, xanh bí, tím than, trong đó thạch lan, thạch cúc, thạch trúc, cùng các loại cây thế hình thù kỳ lạ. Cây dưới nhà trồng trong những bể, những chậu to. Cây trên sân gác, nhiều đến không đếm xuể, cũng chậu, bể, đủ hình đủ dáng, mỗi cây một vẻ, một bố cục riêng.

Tranh của danh họa, tĩnh vật hay phong cảnh đẹp biết mấy thì cũng chỉ là phiến diện - một mặt phẳng thôi - Vĩnh lão gia ở đây, qua cách chơi cây, tài sáng tạo còn được người xem ưa thích hơn xem tranh vẽ. Tác phẩm của cụ Vĩnh - không nói phù điêu - đều nổi thành hình khối, phô trương màu sắc, đường nét ra bốn mặt. Người chơi cây cảnh bình thường thì cây thế nào cứ thế cắm vào lòng chậu, lấp gốc tươi hàng ngày, cây không chết là mãn nguyện rồi. Vĩnh tiên sinh trồng cây là sáng tạo. Cụ cắt xén cây, lột xác cây, biến dạng cây, trồng nghiêng, trồng ngả, ngọn xấu cắt đi, kéo cành lên thay ngọn, thân gốc bé lấy vỏ cây khác đắp vào cho gốc to hơn, kỹ thuật đắp gốc cây khéo đến không ai biết là gốc giả. Qua một cơn đau nhức, cây được nằm trong chậu, chờ được sống. Ngồi nhìn cụ cắt xén thân cây bé nhỏ mà cảm thấy xót cho cây, bởi tôi nghĩ nó cũng biết đau như con bệnh dưới dao giải phẫu. Tình cờ, tôi được trông thấy trong một góc sân kín một đồng xác cây đã chết khô. Tôi lẩm bẫm: “Đồng xương vô định đã cao bằng đầu”. Cái tò mò của tôi phạm đến tự ái nhà chơi cây bậc thầy. Cụ cười gượng, bảo tôi: “Tự cố, mỹ nhân khó sống lâu. Bao Tự, Tây Thi, Hạ Cơ, Ly Cơ... đều yếu mệnh. Tôi giết cây kể đã nhiều. Tôi không tiếc. Thà hưởng cái đẹp của ngọc mỹ nhân dăm ba ngày còn sướng hơn chịu nhìn cái xấu nửa đời người”.

Tài cắt xén cây, chọn cây, am hiểu tính nết cây, nhớ thời vụ hoa tàn nở, chúng tôi, môn đồ cụ, đều bái phục. Duy có điều không giấu được là cụ Vĩnh đôi khi xuất hiện nguyên hình là bạo chúa đối với cây. Tôi không thể quên lần xem cụ trồng một cây cực đẹp. Tôi đánh giá cây đó đứng vào bậc nhất vườn nhà cụ. Đột nhiên, cụ mài sắc lưỡi dao con, rồi cắt đứt ngọn cây, chẻ nát nó ra, bôi tí thuốc nâu vào. Tôi kinh ngạc nhìn cụ. Cụ bảo: “Đó là cây trời đánh. Nó mà sống thì mới lạ”. Thật lòng, tôi thương cái cây xấu số.



Vậy mà nó cũng cố bám lấy cuộc đời được hơn một tháng. Chúng tôi nói nhỏ với nhau: “Cụ ác tay quá. Mình lo ngại cho tuổi thọ của cụ ít lành”.

Người chơi cây đã đọc Hồng lâu mộng, tất không thể không đọc kỹ vườn Đại Quan của Phủ Vinh, Phủ Ninh. Phải là Tào Tuyết Cần, một phong lưu công tử thi thư, con trai một nhà quan đã suy tàn, mới biết được cái đẹp của kiến trúc một vùng thượng uyển, cả cái mỹ quan, cái hùng vĩ của thiên nhiên được ngòi bút ông nhẹ phẩy trên mặt giấy như hoa như gấm, thực hơn cả thực.

Sau Tào Tuyết Cần, còn một phụ nữ Mãn Châu, cô gái nghèo con một ông thợ giặt, biết tận hưởng cái đẹp thiên nhiên. Đó là Từ Hi Thái hậu cuối triều Mãn Thanh. Vườn nghỉ mát của Từ Hi chỉ cách Bắc Kinh năm dặm, phòng khi có biến thì kịp chạy về thủ đô, khi đó Anh, Pháp, Mỹ lăm le nuốt sống Trung Hoa... Vườn Đại Quan của Tào Tuyết Cần là kỳ quan vô nhị, qua một bức tranh vẽ trên thiên tiểu thuyết nổi danh văn học Trung Quốc. Còn Di Hòa Viên của bạo chúa Từ Hi Thái hậu là có thật. Cuối triều Mãn Thanh, quân Anh, Pháp, Mỹ đã xô nhau phá cướp báu vật, hủy diệt cây cảnh Di Hòa Viên. Nữ chúa lại bắt dân làm lại, y như cũ, do tự ái và hiếu thắng. Di Hòa Viên, người ta bảo hiện nay vẫn còn đẹp lắm.

Mấy chục năm qua rồi, chơi cây vườn, tôi thích nhiều hơn các loại là mai, trúc, nhất là trúc, các loại trúc. Trúc trồng rất khó. Nói riêng về giống trúc mềm, cao, thân có chỉ xanh, người sành điệu mệnh danh nó là Tiêu Tương trúc, hoặc Nga Mi trúc. Chuyện kể: Vũ Vương ra trận bị tử vong (trận đánh lớn Tần Vương diệt Tây Chu, rồi diệt Đông Chu, rồi chín đỉnh núi về Tần). Vũ Vương nhà Chu chết bên bờ sông Tương dưới chân núi Nga Mi. Hai bà vợ là Nga Hoàng, Nữ Anh đến đây khóc chồng mấy ngày liền. Nước mắt hai bà nhỏ đến đâu, trúc mọc lên đến đấy. Thân trúc vàng, có gân xanh, bảo rằng đó là nước mắt. Người ta nói chơi rằng giống trúc này vốn hồng nhan. Mỗi lần đánh trúc lên, chuyển vội từ hố đất này sang hố khác cách nhau vài gang tấc, chỉ hôm sau là cây héo chết liền.

Ngày xưa chơi vườn phải đủ tứ quý: thông - mai - cúc - trúc. Cao hơn nữa, còn đủ danh hoa, dị thảo, quái thạch, kỳ thư. Các bạn chơi cây, cố sao đạt được tiêu chuẩn siêu đẳng này của làng chơi ở thời buổi khó khăn này.

Vườn cụ Vĩnh còn lưu sâu trong tôi, không thể nào quên: Một rừng đỗ quyên, hoa nở ngút ngàn. Trong rừng quyên, bên dòng suối, hai pho tượng nhỏ: ông trạng vinh quy ngời ngựa, bà trạng đẹp tuyệt vời năm vông. Bất cứ chậu cảnh nào của cụ cũng mang một chủ đề. Kia, một rừng thông trồng lối bạt phong, tưởng đâu rừng cây đang nổi gió. Đây, gã trò nghèo, theo sau một bé con quảy gánh sách trên vai lũn cùn chạy theo thầy trong rừng trúc, trèo non, vượt suối, nhập Tràng An. Hãy nhìn kĩ một tảng đá ong đặt trên đĩa nước. Trong đá gài bốn năm mầm chuối non, một chú bé dặt trâu qua đoạn cầu tre ngắn. Chỉ có vậy thôi mà người xem phải ngẩn ngơ suy nghĩ, nhớ về thôn xóm cũ. Nếu lại là một kiêu bào, chỉ cần hòn đá cô thôn ấy đặt trên bàn, nổi sầu xứ khôn nguôi, khó cầm nước mắt. Chậu cây cụ Vĩnh, đều có thơ, có họa, có nhạc, gọi người xem ít nhiều phải bần khoản, vui lẫn nỗi buồn.

Chơi cây hoa, nhất định không bỏ đỗ quyên. Loại danh hoa này xuất xứ tại làng Trình Xuyên, hữu ngạn dòng Trà Lý xuôi gần Nam Định. Ba loại: hồng quyên, tử quyên, bạch quyên, nở độ thu đông, không ưa nhiều nước, sợ nắng như lan, giữ gìn rất khó.

Tôi mới chỉ nói qua về lối chơi ngoại cảnh, cây vườn. Còn cách trang trí nội thất thì cụ Vĩnh quả là một bậc thầy. Cũng như về chơi đá, cụ là một lão sơn nhân, sành sỏi về đá cứ như một đạo sĩ sống cùng với đá. Cụ hiểu đá hơn hiểu mọi vật trên đời. Nhân câu chuyện vui cạnh khay trà, cụ buông cây đàn xuống chiếu, lặng nhìn chúng tôi một lúc, rồi cất tiếng cười: “Tôi hiểu đá, tôi yêu đá... có thể ba kiếp trước, tôi là Bảo Ngọc trong truyện *Hồng lâu mộng*, từ hòn đá Nữ Oa mà chui ra nhập kiếp trần. Mai đây, tôi lại về với đá”. Cụ nói thêm: Xưa, kẻ hiền sĩ gặp xa giá Thiên tử ngoài đường, không biết cúi đầu vái lạy. Nhưng đi qua rừng núi, ngẩng trông thấy

đá đẹp, hiền sĩ vội quỳ vái lại, gọi là “bái thạch vi huynh”. Không chơi đá, không thể được. Bao nhiêu cổ vật trên cõi đời này, thọ lắm cũng chỉ dăm ba ngàn năm. Còn đá, nó là thần khí của vũ trụ, tổng thể cả ngũ hành, đã trải hàng triệu triệu năm phơi mưa nắng, suối, thác đục rửa thành thùng nát, mài gọt nhẵn như tơ lụa. Đá này gọi là đá lửa. Đá lửa mới là đá quý. Hình dáng phải là cổ quái. Đá gai, nếu đẹp, chỉ là đá quý. Không thể là quái thạch so cùng đá lửa.

Riêng về hoa đào, không chơi đào bích, màu đỏ chói như xôi gấc. Người thanh lịch chơi đào phai - cũng gọi là đào Vân Nam - có nhiều cánh, khác với đào ta cũng phai nhưng chỉ có năm cánh, mau tàn, Vĩnh lão gia gọi đào phai là “cung phấn nữ”, cùng chung tên với một giống trà. Cung phấn nữ, bởi nó phơn phớt má đào như các cung phi.

Tôi vẫn ham muốn say nồng trong men tạo vật, mặc dù tuổi đã quá già, ham thích mọi sự coi như đã hết. Càng già càng hiu hắt, càng tiếc thương từng áng mây chiều, từng đóa hoa sớm héo, từng làn gió nhẹ xuân thu.

Không còn gì nữa, ngoài dăm ba khóm trúc gầy, mười khóm hoa hèn cỏ dại, mọc lẫn vào thanh thảo. Đôi khi cố công ngồi tựa xén một hai búi cây hoang dại bờ rào do một ông già nông thôn mang đến nửa bán nửa cho.

Sực nhớ bài thơ cũ, viết phúc đáp ông bạn hiền Đỗ Đức ở thành Nam hồi sau năm 1954, khi ông gửi thư hỏi tôi độ này sống ra sao.

*Một mảnh sân con*

*Một gian phòng nhỏ*

*Dăm cành xuân cối*

*Chơi với nước non.*

Có một may mắn lớn trong cuộc đời tôi. Kể từ bấy đến nay, ở đâu tôi cũng được sống cùng cỏ, cây, hoa, đá. Trước, ở phố Đặng Dung và nay ở đất Trung Tự.

Âu đó cũng vui tuổi già; sau những ngày dài, chập tối, ngô văng lên đèn, một mình, bước thấp bước cao, lê đầu gậy, dạo một quãng cho đỡ đau xương cốt.

Gần đây, tình cờ, đọc trang báo cũ, thấy câu thơ cổ do ông nào đó dịch, tôi lấy làm tâm đắc:

*Cảm thương khóm trúc bên khe đá*

*Vẫn đứng trong mưa đợi chủ về...*

Tôi hình dung một ông già áo vải, dép cỏ, từng lê gót cả tám phương, công không thành, danh chẳng đạt, lại quay về khe đá, bạn cùng khóm trúc. Tôi cũng lại sức nhớ ông bạn thơ đất Vị Hoàng (cũng đã chết rồi) năm xưa gửi cho tôi:

*Ngõ trúc trắng vàng nhớ cố nhân...*

Thưa bạn đọc, ông bạn ở Hội cây cảnh Quyết Bội, Tây Hồ, có nhã ý đến thăm tôi, cậy tôi viết một bài trong dịp xuân này. Tự xét mình già yếu quá không còn sức viết, song quá yêu ông bạn trẻ, bữa nay cố ngồi nguệch ngoạc ít dòng theo kí ức. Viết theo thể tùy bút, nghĩ gì viết nấy, không bố cục, không văn hoa gì hết. Xin bạn đọc thể tất cho một cây bút về già.

*Sinh vật cảnh Hà Nội, 1992*

## Mối tình của Cự hoàng

**C**on người cõi thế gian này, qua nửa đời hay trọn kiếp, đều mang nặng muôn vàn thế sự, có khi ôn lại tưởng như sắp vỡ óc ra. May mà sức óc không có khả năng lưu giữ hết, nhiều sự kiện buồn vui lành dữ, theo dòng thời gian tuần tự trôi đi. Riêng tôi cũng vậy, biết bao nỗi thăng trầm, quên đi đã nhiều theo tuổi tác. Duy có một kí ức còn phảng phất trong đầu, hơn nửa thế kỉ qua rồi vẫn khó quên, nhất là sau một buổi coi bộ phim *Ông hoàng đế cuối cùng* - Phế đế Phổ Nghi cuối triều Mãn Thanh, Trung Quốc.

Tôi sức nghĩ đến câu chuyện, hay là mối tình giữa ông phế đế Việt Nam Bảo Đại với cô ả Lý Lệ Hà. Thời phong kiến, sau bức rèm nhung, gấm vóc, có hoàng hậu, nguyên phi, quý phi, ái phi, cuối cùng là cung nữ. Tôi xếp Lý Lệ Hà vào loại ái phi của phế đế cuối cùng triều Nguyễn. Xưa mỹ nữ Tây Thi chỉ là cô gái quê đập lụa bến Trữ La, thì ở cuối thế kỉ này, ái phi của cự hoàng Việt Nam cũng là một cô gái xuất thân lam lũ tại miền biển Chợ Cồn, Văn Lý thuộc Thái Bình. Tây Thi xưa còn có Phạm Lãi đi tìm, đem về nước Việt, dạy làm đẹp, dạy múa hát rồi chính yêu nữ ấy đã giết vua Ngô, kẻ thù của vua Việt, đốt cháy Cô Tô trên mười dặm, ba tháng liền không hết lửa.

Thời ấy, ái phi Lý Lệ Hà, tự tìm đường lên Hà Nội, tự lột hình cô thôn nữ, trở thành một mỹ nhân, ăn nói vô cùng giáo hoạt, đi đứng kiêu kỳ, trang phục hơn một cô gái xuất thân quý tộc, lạ hơn nữa là cô ả tự học ra sao mà nói tiếng Pháp như đầm trong khi không hề đọc được một chữ Pháp. Bước đầu vào Hà Nội, Lệ Hà tạm náu mình trong xóm Bình Khang tức Khâm Thiên. Chỉ một thời gian ngắn, Lệ Hà bỏ nghề kĩ nữ, thuê căn gác khá sang

trọng 15 ngô Trạng Trình (nay là ngô Liên Trì). Căn gác này vụt trở thành một thứ mê cung chứa đủ mặt nhân vật văn, võ Pháp, Việt cao cấp của chính phủ quốc gia.

Trong những ngày quốc trưởng Bảo Đại ở Huế, Đà Lạt, mãi mê săn bắn và tửu sắc thì hoàng thân Vĩnh Cẩn luôn luôn ra Hà Nội tìm thú chơi bời. Ông hoàng bé nhỏ, loắt chắt, láu lỉnh như con khỉ Tôn Hành Giả này, qua một đêm khiêu vũ đã chìm đắm nơi mê cung Lý Lệ Hà. Chỉ ít ngày sau, Vĩnh Cẩn dâng nộp Lệ Hà cho quốc trưởng. Thế là ông vua hiếu sắc mê say ả Lý, luôn tìm cách ra Bắc, gặp con yêu nữ. Chuyện này, cả Hà Nội biết, và cũng bay đến tai Từ Cung Thái hậu và bà hoàng Nam Phương ở kinh đô Huế. Mối tình Bảo Đại - Lý Lệ Hà nửa âm thầm, nửa ầm ĩ kéo dài cho đến năm 1945, năm dữ dội của lịch sử Việt Nam.

Bảo Đại từ năm ấy, rời vương miện, trở thành công dân Vĩnh Thụy, cùng Lệ Hà tạm trú tại ngôi nhà lớn 51 Trần Hưng Đạo.

Một đêm, Lý Lệ Hà, xuân đã bắt đầu tàn, thủ thi kể tôi nghe về nỗi vinh nhục trong mối tình vương giả ấy.

“Qua mấy tháng tạm trú tại 51 Trần Hưng Đạo - Lệ Hà nói vậy - lão ta rất buồn (Lệ Hà lúc nào cũng gọi Bảo Đại là lão ta). Lão chỉ thờ dài, không nói năng gì hết. Ăn, uống cho gì nhận cả không hề kêu ca, nhăn nhó. Ngày ấy là 30 Tết âm lịch. Lão ta, càng lì lợm, ra bao lơn đứng nhìn xuống phố. Lão khẽ vỗ vai tôi: “Buồn lắm Hà ơi! Biết làm sao được bây giờ?” Giọng Huế khó nghe, nhưng mình đã cố học nghe và học nói giọng kinh đô với lão. Lúc đó, trời đổ tối. Mình chợt nghĩ ra và reo lên: “Có cuộc vui rồi. Theo phong tục người Hà Nội thì hàng năm, cứ đêm 30 Tết, sắp giao thừa, mọi người kéo nhau đến đền Ngọc Sơn làm lễ, đông vui lắm. Chúng mình chờ gần giao thừa, sẽ cuốc bộ đến Ngọc Sơn”. Lão mỉm cười gật đầu.

Gần 12 giờ khuya, mình và lão, mặc rất bình thường, tản bộ giữa dòng người đến Ngọc Sơn. Lão vua này dừng lại, ngơ ngác ngắm cảnh Hồ Hoàn

Kiểm, ngơ ngác nhìn cây Bút Tháp đồ sộ, ngơ ngác ngắm cầu son Thê Húc nổi danh của đất Thăng Long. Lão lẩm bẩm khen là đẹp. Có thể đây là lần đầu tiên ông vua đất nước Việt Nam lưu ý đến cái đẹp kỳ lạ của cố đô lịch sử, cũng ngơ ngác, cũng ngẩn ngơ xa lạ như một người ngoại quốc từ đâu mới đến đây lần thứ nhất.

Cầu Thê Húc chật người. Mình nắm chặt tay lão, cố gạt nhẹ mọi người, giúp lão lách được cái thân hình to béo. Vào tới đền, thốt nhiên lão bảo mình, giọng nói cao hơn mọi lúc: “Cô vào đốt cho tôi một năm hương, đem mau ra cho tôi”. Mình mang vội năm hương đã đốt cháy, đưa qua tay lão. Lặng lẽ, trịnh trọng, như là những khi lão hoàng đế trẻ này quỳ trên đàn Nam Giao, làm lễ cùng bá quan, lạy trời đất. Mặt quay về phương Nam, lão lẩm nhẩm khẩn lạy linh hồn tiên vương tiền đế, cúi lạy cả đức Từ Cung Thái hậu (còn sống) và gửi lời chúc tụng cả cho Nam Phương Hoàng hậu. Mình cố gắng nghe lão vua khẩn khứa, quả tình mình cảm thấy lòng xúc động. Cái đêm 30 Tết, đêm giao thừa, con người, không kể gì quý tiện, tà chánh, đều có một lúc thay đổi hồn xác. Lưu lạc giang hồ bấy lâu nay, chính mình cũng muốn khóc, nghĩ đến cái vùng biển chợ Cồn nghèo khổ, nơi mình cũng đi mò cua bắt ốc nuôi thân. Dòng người mỗi lúc thêm đông, tiếng ồn ào dữ dội quá, mình vội thúc lão khẩn khứa ít thôi. Lão gật đầu, ném bó hương xuống nước Hồ Gươm. Mình lại cố gạt nhẹ mọi người, kéo được lão qua cầu, đến chân Bút Tháp, chợt thấy ông thầy bói, đeo kính đen, chẳng biết mù thật hay mù giả. Mình bấm lão ngồi thụp xuống trước ông thầy bói. Lão to béo, khó khăn lắm mới ngồi xuống cạnh mình. Đặt tiền xem quẻ xong mình khẽ nói với ông thầy: “Ông hãy xem tướng tay ông bạn tôi đây, coi xấu tốt ra sao. Chỉ cần thế thôi!” Lão vua không chịu đưa bàn tay ra, sợ bẩn. Mình phải nài ép, kéo bàn tay lão đặt vào tay ông thầy. Ông mù này, vừa nắm bàn tay mềm nhũn như bông của ông vua sờ sờ nắn nắn, bỗng ông ta rút vội mấy ngón tay lại như bị bỏng. Giọng ông thầy bói thều thào, nói nhỏ: “Ngài là quý nhân. Tôi không dám nói gì hơn. Chỉ xin thưa rằng ngài sắp đi xa, xa lắm, khỏi đất này”. Mình và lão đưa mắt nhìn nhau. Mình vội đứng lên, kéo lão đứng theo rồi lại len lỏi trong dòng người, cuốc

bộ về Trần Hưng Đạo. Suốt dọc đường lão vua như con chim sắp sổ lồng, cúi đầu bước, mình cũng vậy, không nói một câu nào.

Quả nhiên, ít ngày sau, cố vấn Vĩnh Thụy được tuyên bố câu: “Làm dân một nước độc lập tự do còn hơn làm vua một nước nô lệ”; rồi đó, phé đế Bảo Đại được bay sang Hồng Kông, theo sau đó cựu thần thủ tướng Trần Trọng Kim và mình.

Đến đất Hồng Kông giàu có, mình bị ngột, lo sợ quá, bởi không có nhiều tiền, lão và mình thuê một khách sạn tồi tàn. Trần Trọng Kim cũng ở một khách sạn nghèo nàn khác. Ở nơi đất khách càng buồn, lão và mình ăn uống kham khổ, chiều tối ra đường phố, nhìn ngắm cái giàu sang người thiên hạ. Có một đôi lần thấy lão quá sầu, mình dắt lão vào cái bar nho nhỏ, loay hoay tìm một cái bàn ở góc tối tăm, kín đáo. Thế mà, chưa kịp ngồi, làm sao mà ban nhạc bar lại nhận ra cái bộ mặt râu rĩ của anh vua xa nước. Tức thì một bài “Valse royale” (bài nhảy nghênh giá, theo phong tục phương Tây) vang lên. Ban nhạc sống vô cùng trang trọng chơi bài đó; đồng thời ông chủ khách sạn bước ra cúi rạp đầu, cung nghinh vị phé vương. Lão và mình cố giấu vẻ luống cuống, cố gắng lấy bộ thần nhiên vương giả giả tạo, nhưng vẫn không bỏ cái bàn nhỏ ở góc tối tăm sau khi lão và mình cố gắng gượng nhảy hết điệu vũ cung đình ấy.

Ngồi mấy phút, mình kéo lão rời phòng nhảy. Ra đường, mình toát mồ hôi lạnh, xót món tiền vừa phải xổ ra trả giá chai sâm banh thượng hạng và tiền thừa trên đĩa “Đức vua” rộng thưởng cho ban nhạc.

Đói quá, trong túi mình không còn lấy một xu, lão thì chẳng bao giờ có một tí tiền. Thì từ thời xưa cũng vậy, chưa có một ông vua nào có tiền trong túi. Nhưng khủng khiếp nhất là sự kiện đã xảy ra: nhịn đói, đội rét, bò được về tầng thứ 13 của khách sạn thì lão và mình hết thở. Tuy mệt, theo thói quen, cứ đi đâu về là linh tính bảo mình phải mở ngay tủ áo, rút ở một góc kín chiếc giày cao gót của mình ra xem. Ôi chao, trời nghiêng đất lệch. Cái gót giày tám phân rộng, trong đó mình giấu tất cả tế nhuyễn riêng tây, vàng,



kim cương, đã biến hết cả rồi. Mình bỏ rơi chiếc giày xuống thảm, ngã lăn ra đệm đi văng, ngất xỉu đi. Lúc sau, mở mắt ra, thấy lão đang gục xuống vai mình. Lạ hơn nữa là lão khóc. Ôi, lão khóc thật sự, một điều không bao giờ mình chờ đợi ở con người lầm lì, chai đá ấy.

Cũng kể từ tai nạn ấy, lão càng buồn phiền hơn trước. Lão ghé tai mình: “Vụ này, tôi đoán, không phải là điệp viên Pháp lấy cắp đầu. Mà chính tụi Pháp thuê điệp viên Intelligence Service của Anh làm đây. Mục đích: “Bần cùng hóa” một anh vua khốn khổ để rồi phải tìm đường quay về với chúng”. Đây, lần đầu tiên, lão vua lầm lì tỏ ra sáng trí và nói hơi nhiều như vậy.

Một buổi tối trời rét cực kỳ, hai đứa mình theo thường lệ, lang thang mãi mới như chân. Lão vua dùng gót trước tủ kính sáng choang của một hiệu bán đủ loại đàn. Lão ngắm nghía với cặp mắt thèm thuồng, rồi ngần ngại khẽ nói: “Ước chi có tiền mua cây đàn gảy chơi cho đỡ buồn”. Thật là tội nghiệp! Mình đành phải vét hết túi trong đến túi ngoài, liều mua cây guitare loại đẹp nhất. Từ bữa đó, lão từ chối không ra phố, nằm miết hoặc ngồi lì bên cửa sổ khách sạn, gảy đàn. Mình thiệt không ngờ lão có tài âm nhạc, không những chơi các bản cổ kim danh tiếng của Tây phương, mà còn chơi cả nam bằng, nam ai... xứ Huế. Mình khen ngợi, lão mỉm cười: “Tôi là học trò của nhạc sư đệ nhất thần kinh, đó là ông Ngũ Đại. Tôi vẫn thường gảy đàn hầu Thái hậu. Người rất vui lòng”.

Lão trọng thần tòng vong Trần Trọng Kim, lâm vào cảnh đói nghèo, vô phương cầu cứu, vài ba lần mò đến hỏi xin mình. Tất nhiên mình buộc phải khước từ. Mình đã bán đến chiếc nhẫn cuối cùng, chờ sống chết, lấy đầu ra tiền đưa ông. Sau đó, tuyệt nhiên không thấy vị lão thần đến vấn an cự họàng như trước nữa...”.

... Thì ra, sau thời gian ngắn sống lưu vong ở Hồng Kông với ái phi Lý Lệ Hà, Bảo Đại tìm đường qua Pháp, ông Trần Trọng Kim tìm đường về nước, sống ít ngày tàn trong căn nhà cũ phố Hàng Chuối Hà Nội, rồi nhắm

mắt xuôi tay trong niềm phẫn hận, cô đơn, đời không ai nhớ đến. Lệ Thần! Một học giả, một sử gia. Mỗi lần ngó tới cuốn *Việt Nam sử lược*, và cuốn *Nho giáo* tôi không khỏi chạnh lòng nhớ ông già cô trung ấy. Và tôi cũng không thể quên cái sống oan chết uổng của Tử Trường Tư Mã Thiên triều Vũ Đế...

“Lão vua vẫn mộ đờn, quên mọi sự. Về tình dục, lão vốn nổi danh là quý vương không mệt mỏi. Vậy mà, ở giai đoạn này, lão tỏ ra thờ ơ lạnh lẽo với tôi, với những mỹ nhân đất Hồng Kông”.

Cột báo có hạn. Tôi tiếc không viết được trọn câu chuyện Mối tình của Cự Hoành, ít nhất phải ngót 300 trang với nhiều biến cố có ít nhiều tính chất sử liệu. Cho phép tôi dừng bút. Để kết thúc, tôi xin nhắc đến việc này: Cũng một buổi đêm, Lý Lệ Hà (Trà Hoa Nữ của tôi) đưa tôi xem mảnh giấy - một bức thư tuy đã ố vàng qua bán kỷ, vẫn còn thoang thoảng hương thơm. Tôi đọc:

“Em Lý Lệ Hà thân quý. Chị ở xa đức Cự Hoành hàng mấy vạn dặm trùng dương, nhưng chị biết rằng em đang hết lòng hết sức chăm sóc Cự Hoành ở Hồng Kông. Chị cầu mong lịch sử mai đây không buông rơi Cự Hoành, còn gặp lại nhau. Đức Từ Cung Thái hậu và chị trọn kiếp nhớ ơn em. Chị Nam Phương”.

*Cửa Việt*, Hội Văn học Nghệ thuật Quảng Trị, số 12 Xuân Nhâm Thân, 1992

# Cái kiêu người Hà Nội

**T**rời rét ngọt. Đài báo thế.

Tôi tự cho mình có cái thói quen lẩm cẩm là cứ thích ra đường dưới những cơn mưa, cơn gió. Phố phường có một bộ mặt riêng khi trời mưa gió. Nó âm u, buồn bã mang một nỗi buồn mênh mang man mác, gợi nhớ gợi thương. Nhớ những người thân ở các nẻo chân trời xa, xa lắm. Thương những người thân yêu đã khuất mà ta đã tiễn đưa trong cơn mưa bất chợt, sấm chớp lóe trời. Nhớ thương được phơi rải ngoài mưa gió mọc cánh mà bay, hơn là giam giữ nó trong xó buồng kín mít nặng tiếng thở dài. Tôi, già yếu lắm rồi vậy mà cái tính lẩm cẩm ấy vẫn đang mang. Tôi nghe có tiếng người ngồi trong nhà, né tránh mưa dưới mái hiên khúc khích: “Cái lão già kia trời đày, không sợ ốm chết à!”. Tôi không hề cảm sốt. Phơi mưa gội gió về vẫn như thường, con cháu rất ngạc nhiên.

Đôi vế đùi đi bước nặng, như có chì đeo, tôi vẫn đều đều bước. Đến một phố có nhiều nước từ lá cây rơi xuống đầu, không cần nhìn biển phố, tôi cũng biết đó là phố Phan Thanh Giản (nay đổi là Nguyễn Hữu Huân). Tôi dừng bước, ngắm nhìn một chú bé mười mười hai tuổi, gày gò bé choắt, áo quần mong manh ướt sũng đang dang vòng tay ngăn ngui ôm thân cây lớn bên hè, ngoi lên nhanh thoăn thoắt. Đôi bàn tay nó và bàn chân nó dính chặt vào thân cây như có đinh đóng chặt vào, nó bật người lên như con khỉ rùng, chớp mắt đã biến mất trên những cành lá um tùm. Nó leo lên cành đại thụ ấy làm gì? Những người đứng dưới mái hiên tránh mưa, tôi cũng vậy, đều đưa mắt hỏi nhau, không ai đoán được cái trò chơi này của nó. Một ông già bỗng bật cười, nói băng quơ, không ai nghe, ai đáp: “Thằng oắt này lớn

lên sẽ làm to. Nó sẽ tận dụng cái tài leo cây này leo lên “cây danh vọng”, tất nhiên sẽ trúng, sẽ đạt, không cần ai dạy dỗ, con cháu mình thua nó, sẽ thờ nó là thầy. Thăng này bé đã biết thời cơ, luyện leo trèo tự bây giờ. Giỏi lắm!” Tôi mỉm cười, thầm thương thức câu nói đùa của ông già. Chợt từ một ngôi nhà cũ kỹ, có lẽ xây từ thời bạch chung cướp chiếm Thăng Long, bay ra một mùi thơm quen thuộc, gợi cho người ta quên cái rét gió mưa. Đó là mùi thơm của cà phê rang.

Tôi vốn nghiện cà phê, nhưng bệnh ruột bắt tạm bỏ cà phê ít tháng. Nay lại đột nhiên gặp bạn tri âm, người tôi nóng hổi lên, huyết mạch xốn xang trong cơ thể. Ngó nhìn vào trong nhà, ánh điện tranh tối tranh sáng, tôi biết là tiệm cà phê, dứt khoát bước vào. Mưa lưu giữ khách. Có đến hơn chục đầu người đang sát kề nhau tán dóc. Không còn một ghế ngồi. Tôi ngơ ngác nhìn vào căn phòng trong, cũng tranh tối tranh sáng, nhưng một linh cảm cổ hủ trong tôi nó báo tôi biết đây là một phòng tranh lớn, một kho tác phẩm hội họa, chủ nhân có lẽ là một nhà sưu tầm, một danh họa nào đây.

Tôi chào cô gái nhỏ bán hàng sau cửa sổ, xin phép vào thăm hỏi chủ nhân. Cô gái tươi vui nhanh nhẩu mời tôi:

- Xin bác cứ vào, bố cháu ngồi trong ấy.

Tôi vào. “Bố cháu” là một người không già, chẳng trẻ, một người không có tuổi, cơ thể gầy còm, quần áo xềnh xoàng, ngồi bó gối trên chiếc ghế gỗ khá to, cầm cúi trên một tập sách dày, vẻ đăm chiêu suy nghĩ, không ngẩng lên nhìn khách lạ.

Tôi đặng hăng, lúc đó mới được trông mặt chủ. Ông từ tốn đứng lên, vái chào tôi.

Tôi đảo mắt nhận xét nhanh toàn bộ phòng tranh thầm nhủ đây là một tay chơi tranh có cỡ. Ai vậy? Phải chăng là cái ông “Lâm cà phê” gì đó, mình nghe người ta đồn đại cái tên ông đã lâu ngày.

Chủ thùng thẳng mời khách ngồi, pha nước. Tay bưng tách trà mời khách, mắt ông hé mở nhìn thẳng mặt tôi, chợt bật tiếng khẽ reo lên:

- O, tưởng ai hóa ra ông...

Tôi sững sờ, cắt tiếng ông.

- Tôi cũng vậy, hóa ra nhờ mưa đưa đẩy tôi đến ông tưởng chơi tranh. Ông Lâm, cái tên tôi đã quen tai, và mắt thì chưa thấy.

Vẻ vui mừng hiện trên mặt chủ nhân. Ông không gọi con gái bưng cà phê khách uống ngoài hàng, mà đứng dậy lấy bộ “phin” mới, trắng tinh, tự tay pha mời tôi thứ cà phê đặc biệt với thuật nhà nghề.

Trong lúc ông loay hoay tìm chai rượu tây quý giá trong tủ sách, cũng có thể gọi là kho sách quý đủ loại, tôi nhìn cái lưng còm cõi của ông, nhìn cái tách mà cà phê đang rỏ giọt, tai nghe tiếng mưa nặng hạt ngoài hiên, cảm khái nhớ câu thơ cổ:

*Sông hồ lần lửa thôn dâu*

*Giọt rỗng xuân điếm, ngày thâu chìm chìm.*

Tôi thường thức tách cà phê nóng, pha một thìa rượu rum. Cái hương vị vụn vụn này mất đi mới một thời gian vài tháng mà tưởng như đã qua đi vài thế kỷ ở trong tôi, giây phút gió mưa rét mướt này, tưởng như sống lại. Cái nghệ thuật (hay là cái đạo) pha trà, pha cà phê, nấu rượu ta thường thức thì được, nói ra thì khó. Cái khó ấy, các cụ tổ ta, đã qua nhiều thời đại, nói đến rồi. Ta học lỏm các cụ, chỉ thực hiện được phần nhỏ đấy thôi, sánh sao được cái phong lưu tiền bối.

Tách cà phê cho tôi tỉnh táo. Lúc này, chúng tôi mới nói tới tranh, mà đề cập đến tranh tức là làm lễ chiêu hồn một số đông nghệ sĩ tài hoa mệnh

móng đã từ lâu, hoặc mới gần đây, ném bút nghiên, giã từ côi tạm này về nơi cảnh ảo.

Lần tâm trạng như tôi, ông Lâm đột nhiên vẻ mặt buồn rầu, ít nói. Phòng dưới nhà, phòng trên gác có chừng tới ngót nghìn tranh, đủ loại, đủ đề tài, trường phái, kỹ thuật khác nhau. Đây là một kho báu ngọc, tụ hội gần trọn vẹn cả một kỷ nguyên hội họa, kể từ đầu thế kỷ hai mươi.

Trẻ xửa hát:

*Rồng vàng lấy nước được mùa*

*Cọp trắng giữ nước chúa vua đi cày.*

Tiếng trẻ nít hát vui, thế mà bạch quý một đạo nhân Cần Vương văn thân nổi khắp, đã nhộn lên bắt bớ, tra hỏi ai dạy chúng!

Tri kỷ thân tình dễ buộc. Chỉ trong chốc lát, ông Lâm đã dễ tỏ lòng gắn bó với tôi. Hai căn nhà đồ sộ chất đầy tranh các danh họa (phần lớn là bạn tôi); tranh treo dưới nhà, trên gác không phân loại trường phái, chất liệu sơn mài, lụa, giấy, cũ, mới. Có tranh Tardieu, Jonchères, Ingembety - “thầy của những bậc thầy”, chính các ông này tự phong mình như vậy. Jonchères tự đắc rằng: Các anh họa sĩ Việt chỉ đủ sức vẽ tranh lụa, sơn mài. Còn tranh sơn dầu phải có tài cao mới vẽ nổi. Họa sĩ Việt ỨC LẮM, không dám cãi. Duy có Tô Ngọc Vân dám viết báo *Volonté* một bài dài: “Các ông đừng tự phụ, họa sĩ Việt Nam chúng tôi đủ sức sáng tác những tác phẩm lớn với đủ chủng loại, có thể nói là còn làm những cái khó hơn các ông đang làm, đó là điêu khắc, phù điêu...” Jonchères tức lắm, nhưng không làm gì nổi Tô Tử (tức bút hiệu Tô Ngọc Vân). Thời cũ, trong số họa sĩ, Tô Tử có học thức hơn cả, dám bút chiến với thầy Tây ba bài liền bằng Pháp ngữ phong phú của ông.

Lâm kéo ghế gần tôi. Vui câu chuyện, tôi ngắm con người yêu nghệ thuật bé nhỏ lành hiền, đỉnh đạc này, tự nhiên nảy ra ý nghĩ tâm sự về đời riêng

kín của ông.

Một cuộc phỏng vấn không cố ý:

- Ông có thể vui lòng cho tôi biết chút ít về thân thế chìm nổi của ông kể từ ngày thơ ấu.

Giọng Lâm ngậm ngùi, nén tiếng thở dài:

- Tôi sinh năm 1930, chính quê Hà Nội. Tổ tiên tôi ở phố Nối, Hưng Yên, huyện Mỹ Văn, ra Hà Nội sinh sống tới tôi là bảy đời, ở vùng An Giám, cạnh Văn Miếu. Ông nội tôi ra Hà Nội dạy học, dời thôn xóm đưa cả cháu con ra đây. Pháp lấy đất gia đình tôi đang ở làm sân vận động Hàng Đẫy. Bố mẹ tôi phải ra ở bãi Phúc Tân. Nhà quá nghèo tôi không được đi học đành xin học ở mấy trường làm phúc buổi tối, như trường Nguyễn Du, Khai trí tiến đức, Hàng Quạt...

Mười lăm tuổi, tôi theo anh ruột vào Sài Gòn tìm việc kiếm cơm, nhưng bé quá, không ai thuê mướn.

9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp, tôi ra Bắc, ngày ấy lên tàu hỏa trốn vé, vì không có một xu, nhịn đói và trốn lẩn trên các toa tàu đã ba ngày đêm, tưởng chết. Năm 1945, vừa lúc Nhật làm dân Việt Nam chết đói, tôi vẫn ở cùng bố mẹ tại bãi Phúc Tân, Hà Nội. Bố mẹ tôi chạy loạn trước một tuần cùng các em về Yên Đổ huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, quê ngoại. Nơi đó, mẹ tôi là cháu xa cụ Tam Nguyên Yên Đổ. Đầu 1949, gia đình vào huyện Nho Quan, Ninh Bình tìm kế sinh nhai. Tôi theo bà con đi làm các nghề nhỏ mọn chẳng đủ ăn. Sau phải đi làm tiều phu kiếm củi ở Nho Quan, vác ra chợ bán, chạy bom chí chết.

19-2-1949, gia đình theo bà con hồi cư về Hà Nội, ở 3C phố Hàng Vôi.

Ngày 1-1-1950, tôi đóng cái gánh gỗ, bán cà phê. Sau đóng xe gỗ có bốn bánh đẩy từ sớm đến khuya, ngồi ở gốc đa Sở Kho bạc trông ra vườn hoa

Chí Linh. Sau đó vợ chồng tôi lại quấy gánh ra đố ở bờ sông cạnh nhà máy nước đá. Các nghệ sĩ như Thái Thanh, Thái Hằng... chiều thứ Bảy hàng tuần ra hát ở vườn hoa Chí Linh uống cà phê với các văn nghệ sĩ. Tôi nghèo khổ, túng thiếu, lại được bẫm sinh cái tính yêu tranh, yêu các văn nghệ sĩ đến uống cà phê. Các ông ấy quá mến tôi, bỏ công sưu tầm tranh cho tôi. Tôi đã sung sướng có trong tay tranh cụ Nam Sơn, Nguyễn Sáng, Bùi Xuân Phái, Sĩ Ngọc, Hoàng Lập Ngôn, Nguyễn Thường Huân. Các họa sĩ đã tặng tranh, lại tìm thêm cho tôi các đồ cổ, sách cổ. Ông Nguyễn Tuân, Thế Lữ, Nguyễn Công Hoan... cũng cho tôi sách với những lời đề tặng quá thân yêu khiến tôi đưa tay nhận sách mà đỏ mặt.

Tôi thường nói với các ông Sáng, Phái: “Sau này, khi chúng ta chết cả, sẽ có người đến 60 Nguyễn Hữu Huân hỏi lại đời sống của họa sĩ các ông”. Tôi tin như vậy, vì người nước ngoài bước chân đến Việt Nam đều phải kinh ngạc về văn hóa, văn học Việt Nam. Trước mình “khép cửa” nhiều năm, tiếc quá. Nay đến ngày “mở cửa” thì các ông đã đi rồi. Khá nhiều đại biểu, du khách nước ngoài đến gian nhà đầy tranh của tôi xem kỹ từng bức, hỏi kỹ về tiểu sử, đức tính, tài năng, sinh hoạt của từng ông với tấm lòng kính phục.

Lâm nói một hơi dài, say sưa với cái phác họa dĩ vãng thăng trầm của mình. Tôi để ông nghỉ ngơi với tách cà phê nóng rồi hỏi tiếp:

- Ông có vẻ đã luống tuổi, nghe sức sống ra sao, và nghĩ gì về cái gia tài quý giá này khi lưu truyền cho con cháu.

- Tôi nghe đã yếu rồi. Tôi đã di chúc cho con trai tôi là Nguyễn Văn Tùng. Nó cũng có máu yêu nghệ thuật, có khả năng lưu giữ cái kho tàng sách, tranh, đồ cổ dưới mái nhà cổ lỗ này. Tôi hi vọng vậy, trong vạn vật đổi thay...

Rồi tiếp:



- Riêng từ 1960 đến giờ, tôi nghiên cứu đạo Phật và kín đáo làm việc thiện như giúp các nhà sư tu sửa chùa chiền cũ nát.

Lâm ghé tai tôi đỏ mặt thềm thì: “Ông Nguyễn Tuân, Văn Cao, Sáng, Phái, Liên đã có lần bảo tôi là Mạnh Thường Quân của văn nghệ sĩ”. Câu chuyện đến đây ngừng lại, vì có hai người ngoại quốc đến xem tranh.

Tôi vốn là người yêu hội họa, gặp được người cũng yêu tranh, nhất là người ấy lại là một cậu bé nghèo, vô cùng nghèo, sống lầm than khổ hạnh với đủ nghề, đi ở, kiếm củi rừng, quạt nước sôi đầu phố tối ngày, pha cà phê tuyệt hảo, hết lòng kính trọng, phục vụ các văn nghệ sĩ, rồi từ tay không nhờ cà phê mà trở nên chủ nhân danh tiếng một kho tàng văn hóa...

Người bé mà chí lớn.

Đấy, cái kiểu lập thân, lập trí, lập danh, lập nghiệp của con người Hà Nội là như vậy.

*Người Hà Nội, số 8-9 / 1996*

## Bóng đá Việt Nam thời xưa

**P**hong trào bóng đá ở Việt Nam thịnh hành vào những năm 1925, từ Sài Gòn đến Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định. Hồi ấy tôi còn ít tuổi, mê đá bóng hơn là học chữ. Cứ đến ngày cụ Đồ Tồn tới trường dạy chữ Nho là lũ quý ham bóng đá bỏ học, nhét sách vào cặp quần, kéo đến bãi cỏ Măng Danh, quần nhau với trái bóng cao su, gọi là “bóng xanh”. Suốt dọc các phố lúc đông người cũng như lúc vắng xe cộ, lũ trẻ làm nhộn thiên hạ bằng quả bóng làm bằng giẻ rách, chân đá miệng thét vang “bắt này, gôn Nhuận đây, thách đấy!” Gôn Nhuận có tài bắt bóng cao, bóng sệt, nhảy nhót như con vượn. Các đội bóng Tây, ta đều phải bó tay, không sao đưa được bóng vào khung thành của Nhuận. Thời ấy, luật bóng đá rất đơn giản, trọng tài, cả Tây lẫn ta không thổi phạt việt vị như bây giờ. Mỗi khi năm bảy cầu thủ dẫn bóng vào vòng cấm địa, đưa bóng đến cửa thành đối phương, là lao vào người giữ gôn, kẻ húc đầu, kẻ đánh khuỷu tay vào mặt gôn, kẻ đập cho gôn ngã. Người giữ gôn như gôn Nhuận, lanh lẹ, khôn khéo, tránh né đòn địch thủ, tung người nhảy vút lên hất bóng sút góc cao, hoặc lăn mình trên mặt cỏ ôm bóng gọn vào lòng, chịu ăn đòn, rồi lại vùng đứng lên, không hề nhăn nhó hoặc nằm ăn vạ trong những tràng pháo vỗ tay rầm rộ của hàng vạn khán giả trước nay vẫn tôn sùng gôn Nhuận là Vua Nhuận, vô địch trong số đông thủ thành Sài Gòn, Cao Miên, Lào, Gia Định.

Ở Hà Nội, đội bóng đàn anh là Stade Hanoien, đội cao giá nhất, rồi đến đội Eclair với thủ quân có tài năng rõ rệt là ông Trần Văn Quý, làm giáo học, người cao gầy, rất đạo đức, không hề cho phép cầu thủ đồng đội chơi dữ, lấy nghệ thuật làm trọng, rất được lòng khán giả. Bên bờ sông Hồng hồi ấy (gần Viện Bác Cổ) có một bãi đất bỏ hoang. Đội Eclair lấy nó làm bãi

tập, cũng là bãi đấu những trận lớn, khi tiếp đội bóng trong Nam ra, khỏi phải nhờ bãi Măng Danh thường gọi là “bãi nhà binh” của quân đội Pháp. Đội Eclair là địch thủ đáng gờm của Stade Hanoien. Thủ quân Trần Văn Quý, hậu vệ thành trì của toàn đội, nhiều pha nóng mắt, một mình dẫn bóng xông đến cửa gôn Nhuận, sút như trái phá, cố tình đè bẹp gôn Nhuận, nhưng trái bóng dù ác hiểm bậc nào vẫn nằm trong bàn tay mềm mại của Văn Đức Nhuận, vua gôn.

Dân Hà Nội giữ truyền thống yêu chuộng thể thao từ thuở xa xưa ấy. Mong chờ mỗi mắt ngày Chủ nhật, bàn tán về bóng đá, chê khen không biết mệt các danh thủ của từng đội mà người ta có cảm tình đặc biệt. Dân chúng mê đá bóng ngang với mê tài tử lừng danh màn bạc.

Bóng đá là tất cả. Cả Hà Nội sôi lên mỗi khi được tin một đội bóng nổi danh từ Pháp quốc đang trên đường sang Hà Nội.

Sân cỏ Măng Danh ngày ấy là sân bóng duy nhất, một bãi cỏ hoang tàn, gồ ghề, lồi lõm, một phía sân trồng mấy cây hoa phượng, có tí bóng mát cho dân chen chúc với các gánh bánh tôm, mấy bà bán quả me, quả sấu. Lũ trẻ con thì trèo lên tận ngọn phượng vĩ làm khán giả nỏ miệng reo hò khi đội ta thắng và chửi rủa đội Tây phần đông là lính lê dương đủ màu da chơi đều hoặc bại trận. Cũng có buổi đấu lớn, Tây bán vé, nhiều buổi cho khán giả vào, không lấy tiền. Cửa vào cứ đi thẳng từ cổng chính, gọi là cổng tình, vào bãi. Chúng không hề canh gác về an ninh, trật tự đối với dân bản xứ mà chúng coi thường là không dám nổi loạn, không dám giở trò gì trước sức mạnh lính lê dương, súng đạn của chúng.

Tôi nhớ một buổi tranh hùng giữa đội bóng đầu bò của Hà Nội là đội bóng Nội Châu, đội thứ nhì đứng sau Stade Hanoien với đội Tây gọi tắt là đội Service.

Đội Nội Châu là tập thể mười lăm cầu thủ làm đủ các nghề, nghèo lắm. Có một anh thương gia tư sản cực giàu, chủ cửa hàng sắt, tên gọi Đặng Văn

Học, cũng có máu yêu bóng đá. Anh còn trẻ, thích cái tiếng “Mạnh Thường Quân”. Anh triệu tập cầu thủ danh tiếng sẵn như Luyễn hói, Tòng đen, Lựu lùn, Ung, Cu, Hợi... bỏ tiền may quần áo, mua giày, mua bóng da, đặt lập tên đội, rồi lập tức ra quân, thách đấu với đội Pháp trong đó phần đông là Tây lai lành nghề mật thám và đánh bốc.

Một trận đấu nảy lửa, so tài, đua sức và thi chịu đòn. Chúng to, khỏe hơn đội mình, tất nhiên. Trọng tài là ông Huy Khôi Kinh Kông. Tiếng còi của ông vô tư, cương quyết. Công chúng và cầu thủ rất kính mến ông.

Trong bóng đá thời ấy có một điều lạ, rất lạ: suốt hai hiệp, 90 phút, khán giả không hề thấy một cầu thủ nào bị thương, dù nặng hay nhẹ, chịu bỏ bóng, nằm lăn ra bãi cỏ cố ý hay không trong tiếng còi trọng tài phạt đối phương, dù ở ngay giữa vòng cấm địa, mười lăm thước trước cửa gôn. Trọng tài ít thổi những tiếng còi vật vãnh khi đội bóng lợi thế đang lên bóng. Trừ khi hậu vệ cố tình chơi dử định tâm “vô hiệu hóa” một tiền vệ vốn có cú đánh đầu hoặc sút như trái phá, trọng tài bắt buộc thổi còi phạt “pênanti”. Ngày nay, “pênanti” mười một thước. Thời xưa, phạt cú sút giết người này là sáu thước. Thủ thành, trụ hai chân, thân nhiên chờ trái bóng chết người ấy ở ngay trước mắt. Thủ gôn ngày ấy, phần đông rất giỏi... gần tài với Văn Đức Nhuận.

Luật quyết định khi đối phương chuẩn bị sút, thủ gôn không được cựa mình, phải đứng yên (bây giờ gôn được quyền động chân, động tay, chờ cản bóng). Cả bãi đấu nín thở, chờ đạn “đại bác” bắn vào gôn, như xé gió. Thủ môn đội bóng của Hà Nội quăng cả cơ thể ra đón bóng, ôm trái bóng trước ngực. Đấu trường như pháo nổ vang trời vỗ tay hoan nghênh ca ngợi. Thủ gôn Nội Châu nằm chết lịm. Anh em ùa đến nâng anh dậy, nhưng theo bản năng một chiến sĩ tưởng mình trúng đạn song không chịu chết, vẫn cố ngồi lên nhìn kẻ địch, anh thủ gôn, gan dạ, trái tính, dũng cảm của ta đã vùng dậy, giấu cái đau nhức ở ngực bụng và đôi cánh tay tê dại, nhìn đồng đội cố mỉm cười.

Sau đó, anh thủ gôn, người anh hùng trận đấu trẻ tuổi năm lịm một lúc mới trở ra sân.

Tôi xin trở lại đội nổi danh số một là đội Stade Hanoien với vua lưới Văn Đức Nhuận.

Ông Nhuận có ba anh em nổi danh Hà Nội. Người anh cả là Văn Đức Điều, một phong lưu công tử Hà thành hoa lệ. Ông làm tham tá kho bạc thời Pháp. Người cao, mặc âu phục đúng mốt (như hoàng tử Anh quốc), mặt lạnh như tiền. Chiều thứ Bảy, Chủ nhật, ông vác “can” dạo chơi phố Tràng Tiền. Thấy ông dáng người, vẻ mặt, y phục đúng mốt hơn cả người Âu, Tây đầm đề ngắm nhìn, tưởng ông là dân Anh Cát Lợi. Người thứ hai là Văn Đức Nhân, dạy học trường tư thục. Thời ấy những trí thức nhà giàu không thích làm công chức cho Nhà nước, mất tự do. Họ làm cho các hãng buôn lớn, hoặc dạy học trường tư, lúc nào chán nghề thì bỏ, ngồi nhà. Người thứ ba tên Phú, chơi hữu biên, chạy nhanh như vận động viên 100 thước, sút vô lê như búa bổ. Ông Nhuận người cũng cao lớn như người Âu, rất đẹp trai, hoạt bát, vui vẻ với mọi người, thân mật với học trò. Tôi học Pháp văn của thầy Nhuận tại trường Quảng Văn (nay là phố Nguyễn Siêu). Những năm xưa, chơi thuốc phiện coi là cái thú chơi kín đáo, thanh nhã, rẻ tiền. Thầy Nhuận cũng thích cái thú “ken cò”. Đôi khi, tình cờ gặp tôi ngoài phố, thầy khẽ gọi tên tôi, tươi cười nói nhỏ: “Giao có một hào đấy không. Đưa thầy, thầy buồn quá, hôm nay không có trận đấu bóng nào. Thầy muốn đến thăm mộ Đức Trinh một lát (tiệm hút sang nhất Hà Nội là của mộ me Tây Đức Trinh, sau đền Bà Kiệu).

Ngày các chiến sĩ ra trận, ông bầu tự bỏ tiền túi ra mở tiệc khao quân, sang thì ăn ở Đại Từ Gia Đông Hưng Viên, vừa thì nhậu tại Mỹ Kinh, Tự Hưng Lô, Tây Nam Từ Gia... Xong, hàng chục xích lô, hợp thành đám rước phóng như bay chở mười lăm chiến sĩ rượu say xuống xóm. Thế là Khâm Thiên đã ran tiếng trống phách lại thêm những đấu thủ này đua nhau

hành lạc, tiếng cười, tiếng kêu, kéo dài cho đến sáng. Chẳng biết ở cõi bồng lai về các đấu thủ có ngủ được không sau một đêm rượu bò ra chiếu.

Đúng hai giờ, toàn đội đã đủ mặt theo ông bầu lên bãi Măng Danh. Địch thủ là đội bóng lê dương da màu của quân đội viễn chinh.

Đứng trước kẻ địch quá mạnh về chiến thuật, về sức khỏe, đội ta, mười một “chiến sĩ” sau đêm trác táng rượu mạnh, xì ke không bảo nhau mà tự bùng tình cơn sa đọa, trở lại với bản năng Hạng Võ, đã xuất hiện giữa đấu trường, chơi hiệp đầu cực kỳ hay. Gôn Văn Đức Nhuận trở hết tài bắt bóng nổi, cản bóng chìm, né tránh những đợt sóng xung phong rồi thì lấy thủ làm công, trung phong, tả hữu, chỉ thiếu có gôn phải giữ khung thành, ào ạt như giông tố kéo lên đê bẹp địch, uy hiếp địch. Ba chàng dũng sĩ hồi ấy là Thông, Hối, Viễn được mệnh danh là ba chàng ngự lâm, chuyên bóng cho nhau bật tường, sút tung lưới đội lê dương. Thủ môn đội Tây nổi tiếng là Dereras tung người lên cao, xuống thấp như con khỉ độc trên rừng mà chịu không cản được bóng chọc thủng lưới của bộ ba Thông, Hối, Viễn.

Đối phương rất sợ ba con gấu Thông, Hối, Viễn, còn sợ không kém một quái kiệt tả biên là “Kế cụ ngả bàn đèn”. Có danh hiệu ấy là vì ông dắt bóng đến góc phạt của đối phương, ông phải nằm ngả xuống sút vô lê, quả bóng bay ngoắt ngoéo, gôn không sao bắt được.

Cái thời xưa bóng đá thịnh hành đến vậy mà Tổng cục Bóng đá ít khi treo cúp. Toàn là đá hữu nghị, được thua ăn ở cái bắt tay chặt chẽ hoặc lỏng lẻo của nhau.

Nói đến bóng đá Hải Phòng, gọi là State Haiphonaise. Tài nghệ của đội Cảng này cũng là mỗi gồm của các đội nổi danh Hà Nội.

Nếu Stade Hanoien có hậu vệ vững như bàn thạch là Văn Đức Vịnh (anh thủ môn Văn Đức Nhuận) thì Stade Haiphonaise có hậu vệ là kiện tướng có một không hai trong làng bóng Việt Nam thuở ấy. Đó là danh thủ công tử

Trọng. Mỗi lần công tử Trọng xuất hiện trên bãi cỏ, cả vạn người vỗ tay. Mà địch thủ dù Việt, hay Pháp đều thấy ngán, biết trước mình đang chơi sức với con hổ dữ. Toàn đội Càng khỏe như voi. Bóng mà đến chân hữu vệ Tài thì đối phương phải thay nhau dốc sức mà thi chạy dắt bóng với Tài, và thủ môn cũng vất vả mới vồ được trái bóng Tài vừa chạy, vừa sút, ít khi quá xà ngang xà dọc một gang tay.

Sẽ lỗi lầm, nếu quên ca ngợi đội bóng nhà máy dệt Thành Nam, do ông bầu tài hoa Mộng Lân dìu dắt. Trụ cột của đội Cotonkin là Khoa, Huân, Khuê, Tấn... Mỗi lần bãi Măng Danh được nhận trận đấu Cotonkin Thành Nam đấu nghiêng ngửa với đội Hà Nội Nội Châu là một ngày hội lớn Olympique. Kỳ phùng địch thủ. Hai đội ngang tài ngang sức, không ai chịu nhường ai một ngọn cỏ trên bãi chiến. Trận đấu diễn ra bằng sức mạnh và trí tuệ. Không hề có chuyện đấu ăn thua như bây giờ. Thua, được, kết cục ôm nhau với tình bằng hữu.

Thời xưa, mười một cầu thủ ra sân không hề có dự bị, chơi hết mình từ đầu đến cuối hiệp hai, không có lệ thay cầu thủ đang giữa cuộc chơi. Một cầu thủ bị thay, cúi đầu lủi thủi về ghế ngồi dự bị, tự coi là cái nhục, xấu hổ cùng khán giả. Một cầu thủ chỉ va chạm nhẹ vào đối phương, ôm chân căng, để y tá khiêng lên cáng, cũng coi là điều đáng ngượng, tỏ cho người xem thấy chỗ yếu kém về sức khỏe của mình. Hồi xưa, cầu thủ bị đau, cố ngiên răng chịu đựng, cứ chơi như thường, cố giấu vết thương do địch thủ gây nên.

Nhân nói đến cử chỉ, tư cách mất dạy của cầu thủ trên sân, tôi nhớ lại trận đấu của Nội Châu với đội nhà binh Pháp Tổng hành dinh (Service).

Nội Châu hạ một bàn. Tổng hành dinh không gỡ được, mặc dầu ba tên đầu gấu chuyên chơi dữ là trung phong Privet, Jouvenceau, Réale nổi cơn điên xông vào phá khung thành Nội Châu, nhưng hai hậu vệ Luyện hói, Tòng đen ép chúng bật ra ngoài vòng cấm địa. Tỷ lệ Pháp thua 1 vẫn giữ nguyên vẹn. Còi tan cuộc. Công chúng reo vang, tên Privet to như trâu

mộng, cầu tiết đứng giữa bãi vạch quần quay bốn phía đài vung lên, vừa đá vừa vẩy, vừa chửi tục hết sức thô lỗ.

Trời! Ngay lập tức, cả bốn phương tám hướng tiếng hò hét, tiếng Tây lẫn tiếng Việt, lẫn cả “tửu hà ma” của ngót vạn người nổi lên như có trận phá thành đoạt lũy.

Phong trào và tài năng bóng đá của Việt Nam nói chung, của cầu thủ tài danh Hà Nội, Sài Gòn, Hải Phòng, Nam Định như vậy đấy. Cách đây không xa, một đại diện FiFa đến Việt Nam phê phán gọn: Việt Nam chưa biết đá bóng (?). Những danh thủ Việt Nam nói trên đây đã xuất hiện có thể còn trước Pêlê, trước cả rất nhiều nước thế giới mãi đến tận ngày nay ta mới thấy lên trên báo chí và trong đại hội thể thao quốc tế.

*Người Hà Nội, số 11 / 1997*



## Hà Nội xưa - Nghề in ấn

**Đ**ề cập đến vấn đề văn hóa, văn học của một dân tộc trước hết phải nói đến nghề in ấn.

Tôi bắt đầu nhắc tới những chuyển biến của ngành này với cái mốc năm 1936.

Thời đó, nền văn học Việt Nam đã có cơ phát triển. Nhiều tác phẩm Pháp, Trung Hoa được dịch ra Việt ngữ. Đại biểu cho dịch giả Pháp văn là Nguyễn Văn Vĩnh, Dương Phương Dực (học trò cụ Vĩnh), Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Giang (con cả cụ Vĩnh)... Đại diện dịch giả tác phẩm Trung Hoa là các cụ Bùi Kỳ, Sở Bảo Doãn Kế Thiện, Nguyễn Đỗ Mục, Phan Kế Bính, Mai Đăng Đệ, Cử Can... Giai đoạn ấy, một số công tử nhà giàu ganh nhau đẩy mạnh phong trào Tây du, cốt lấy cái tiếng cậu cử, cậu tú để cưới gái đẹp, đào mỏ vàng. Họ trở thành những ông Tây An Nam, không cậu nào dịch nổi một cuốn sách Pháp văn. Tựu trung du nhập sách văn học Pháp vào Việt Nam chỉ có một Nguyễn Văn Vĩnh. Cụ Vĩnh đã dịch những tác phẩm nào, tài năng dịch ra sao tôi tin bạn đọc đã biết, khỏi kể.

Cùng thời kỳ ấy, văn học lãng mạn Trung Quốc tràn ngập vào Việt Nam qua những tác phẩm tình yêu của Từ Trầm Á. Hoàng Ngọc Phách chịu ảnh hưởng nhà văn nước Tàu này qua truyện *Tổ Tâm*, *Bóng trắng soi*... Nhưng nước mắt của nhà văn bi lụy này làm ngập lụt nền văn học Việt Nam chưa được bao lâu đã vội khô tàn. Sức sống của dân tộc Việt Nam đã chuyển mình. Nhà văn Việt Nam tự vạch một hướng đi riêng trong đó cái hơi thở căm hờn thực dân Pháp đã nổi lên cơn gió lốc qua *Chiêu hồn nước* của Phạm Tất Đắc và những lời kêu gọi đồng bào thức tỉnh của Ký Con, Thái

Học, cô Bắc, cô Giang, Sứ Nhu... Cùng với cơn gió lốc *Chiêu hồn nước*, những lá truyền đơn bay khắp đất nước Việt Nam. Đẩy mạnh cơn giông tố ấy nghe in ấn âm thầm phát triển, mạnh nhất là ở Hà Nội.

Nhà in lớn, nhà in nhỏ ra đời. Công cụ sản xuất vô cùng khiêm tốn.

Một hai cái máy nho nhỏ, gọi là máy Minerrve (máy công tử, đập chân, như thợ may máy khâu) mặt máy chỉ mang nổi từ 6 đến 8 bát chữ.

Việc chính của máy công tử là in hóa đơn cho nhà buôn, in thiệp cưới, danh thiệp. In xong một cuốn sách 200 trang phải hàng tháng mới hoàn thành. Còn in báo, hồi ấy, chủ nhà in có vốn mới dám mua máy lớn, mỗi khuôn chữ có thể chứa được hơn 30 bát chữ. Thợ sắp chữ làm ban ngày, cố sao cho kịp giờ buổi sáng để lên khuôn thử cả 4 trang, rồi đập hai bản thử (morasse) đem đến Nha Thông tin, Phòng Báo chí trình kiểm duyệt. Lấy được con dấu và chữ kí nhận của kiểm duyệt rồi, đến 2 giờ đêm hai công nhân đứng máy (machiniste) mới bắt đầu cho máy chạy, đến 5 giờ sáng thì in xong từ 3000 đến 5000 tờ, phát hành vào lúc tinh mơ, trẻ con lĩnh báo, chạy rao khắp tỉnh.

Giấy sách, giấy báo phải mua của Pháp, tại nhà máy giấy Đáp Cầu. Ngoài cơ sở này, không đâu có giấy. Chiến tranh Việt - Pháp nổ ra, nhà máy giấy Đáp Cầu đổ vỡ. Ngành in không còn có giấy. Phải tìm đến cứu tinh là giấy Bưởi, rất đắt và rất hiếm. Hồi đó, có một ông già công nghệ trong xóm “Bưởi giấy” là ông Lại Viện sáng chế ra giấy dó. Loại giấy này dày lắm, in sách và cũng cung cấp cả cho triều đình Huế dùng làm giấy sắc viết biểu nhà vua, có triện thiên tử, đó là sắc phong của hoàng đế trị vì.

Thực dân cũng mở một nhà in lớn, gọi là nhà in Taupin, viết tắt IDEO (nhà in Viễn Đông). Taupin không hề cạnh tranh với các nhà in người Việt. Nó in báo Pháp và các thứ sổ sách giấy tờ cho nhà binh và công sở Pháp.

Hà Nội có mấy nhà xuất bản, nhà in lớn. Đáng kể nhất: Minh Sang, TB Cay, Ngô Tử Hạ, Lê Văn Tân, Tân Dân... Nhà in nhỏ là Tân Việt, Cộng Lực. Được cái, để bảo nhau, không có cạnh tranh, kiện cáo. Vấn đề nhà in mua chữ quá khó khăn. Phải gửi *Commande* sang Pháp mua mỗi bận ít ra vài ba tấn các loại, các cỡ chữ. Chữ cỡ lớn làm titre (đầu bài) gọi là *Europe gras* (Ơ rốp béo), chữ nhỏ - *Europe maige* (Ơ rốp gầy), chủ nhà in tính đắt tiền là chữ *Chetteman* (Sentoman) cỡ 8, nét sắc. Loại chữ này dùng in sách đắt tiền, in lên loại giấy hảo hạng, gọi là giấy *Boufflant* (bút-făng). Loại hạng nhất, soi tờ giấy lên mắt ta nom rõ trong giấy có sợi chỉ nước (*lignefeu*) giá trị như tờ giấy bạc ngân hàng. Còn chữ dùng in báo, in sách thì dùng loại chữ đứng thông thường cỡ 9, 10 (romain) và chữ ngả.

Từ sách đến báo in ấn còn ấu trĩ.

Sau này, văn hóa theo đà sống của quần chúng ngày một trưởng thành, luồng thông tin sáng sủa hơn nhờ vào nguồn cung cấp của hãng thông tin Pháp (Agence France Presse - AFP) và Tân Hoa Xã của Trung Quốc.

Quần chúng Việt Nam đã nhận thức được sự ích lợi văn minh của sách vở, báo chí. Thêm vào đấy, một động lực lớn của văn hóa, văn học Pháp, Trung đã gây cho dân mình tinh thần yêu sách, yêu báo. Mà muốn có sách báo đẹp, phải phát triển nghề in ấn. Do đấy, một thanh niên thức giả không giàu nhưng cố xoay tiền, xin được Pháp cấp giấy sang “mẫu quốc” học nghề in. Đó là ông Đỗ Văn. Qua ba năm học nghề in, chủ yếu nghề đúc chữ, nhà kỹ sư thứ nhất của Việt Nam hồi quốc. Ông Đỗ Văn quả là một nhân tài. Tuy nhiên, một thời gian, không ông chủ nhà in nào dám sử dụng chàng kỹ sư nhanh nhẹn, tháo vát, thông minh ấy.

Người ta chê ông là một kỹ sư cao giá, không trả nổi lương ông. Ngày ấy ông nghị Nguyễn Văn Luận, chủ nhà in và nhật báo Trung Bắc Tân Văn, khước từ Đỗ Văn, cứ khư khư ôm cái nhà in khốn khổ phố Phùng Hưng. Đỗ Văn thất nghiệp với cái nghề quý hơn vàng là cái nghề đúc chữ mà cả

nước Việt Nam chưa có. Cái kỹ thuật bậc thầy bị xếp xó không một ai nhìn đến.

Thế rồi, sau đó con ngựa xích thố ấy đã có Quan Văn Trường nhảy được lên lưng, phi ngàn dặm. Nhà học giả Nguyễn Văn Vĩnh đã rời căn nhà nhỏ bé trên con đường hẻo lánh dẫn lên chợ Bưởi mà xuống phố tìm kiếm nhà kỹ sư thất nghiệp. Tri kỉ gặp nhau, như Tào Tháo gặp Lưu Bị ngồi luận chuyện anh hùng bên đĩa mơ xanh...

Đỗ Văn dốc hết kiến thức, luận về nghề in, sẽ nhờ nghề in làm nên nghiệp lớn.

Nguyễn Văn Vĩnh cũng dốc túi càn khôn, cho Đỗ Văn biết về kế hoạch.

Nhờ một nhà in hiện đại, mở nhà xuất bản sách Âu Tây tư tưởng (dãy nhà hiện nay còn đứng sừng sững ở bờ Hồ Gươm trông thẳng sang nhà Thủy Tạ), ông Vĩnh đã ký khế ước với Tây, có quyền sở hữu nó hết 20 năm sẽ trả lại. Trước nó là đất hoang. Ông Vĩnh bỏ tiền túi ra xây dựng. Nay, nó là nhà hàng kem Hồng Vân gì đó.

Nhà kỹ sư ấn loát Đỗ Văn trở hết tài, hết trí, kể từ nay là một nhân tài làm công ăn lương tháng cho ông Vĩnh.

Cụ Nguyễn Văn Luận được cụ Vĩnh thuyết phục, cũng trọng đãi Đỗ Văn.

Nhà in ở Phùng, hàng ngày in nhật báo Trung Bắc Tân Văn, số sách linh tinh. Còn một nhà in nữa, đồ sộ hơn, ông Vĩnh và Đỗ Văn dựng nó thành một xí nghiệp hiện đại thuê toàn thợ giỏi, thợ máy có tay nghề vững, máy thì vào hạng nhất Việt Nam. Nó chiếm một gian nhà rộng, đào sâu ngót một thước để chân móng máy. Máy này gọi là Rotative, giá đắt như hồng ngọc. Đỗ Văn cùng làm với thợ, chỉ huy hết thợ. Chỉ nhận in sách quý, chữ mới, giấy thượng hạng. Nhà in danh tiếng này tọa ngự trên phố Hàng Buồm.

Các tuần báo, tạp chí ở Hà Nội, được bàn tay kiệt xuất của Đỗ Văn mớ vào, quả là những trái đào vườn thượng uyển, đẹp đến nỗi mấy tờ báo Pháp phải ngợi khen. Mấy tuần báo Việt như *Nhật Tân* của Phùng Tất Đắc, *Con Ong* của Huyền Voi (bố vợ Văn Cao), *Báo Mới* của Trương Tửu, *Đông Tây* của Hoàng Tích Chu... làm cho báo giới Việt Nam khởi sắc.

Ngựa hay thường có tật. Hàng tháng, cụ Nguyễn Văn Vĩnh vui vẻ trả lương Đỗ Văn trong khi cụ nghị Nguyễn Văn Luận thì nhăn nhó về sự hoang phí của ông công nhân Âu hóa họ Đỗ. Mỗi lần ông rửa tay dầu mỡ, bàn tay một phong lưu công tử, chớ chẳng phải bàn tay thợ nhà in, mất đi một lít cồn 90 độ, có khi hơn thế.

Cụ nghị Luận phải kêu to:

- Trời sinh ra Đỗ Văn chỉ có Nguyễn Văn Vĩnh mới có gan sử dụng.

Sau đó nhà in Lê Văn Tân cũng như họa mi tức nhau tiếng hót, nóng mắt và ngứa tiết, cho con trai là Lê Văn Hân sang Pháp thụ giáo nghề in và đúc chữ. Hân, có trí có gan của bố, cũng qua ba năm thành tài, về lập lò đúc chữ tại nhà xuất bản Lê Văn Tân phố Hàng Bông. Từ đấy, hầu hết nhà in miền Bắc mua chữ của Lê Văn Hân, không phải đặt mua tại Pháp. Chữ người Việt sản xuất chẳng kém gì chữ của Tây.

*Người Hà Nội số 12/1996*

## Hà Nội cũ vui buồn sân khấu

**B**ài ký này, tôi hãy nói đến tuồng cổ khoảng thời gian cận đại 1930-1940. Tuồng hồi ấy là hát bộ. Diễn viên tả bằng trụ bộ, động tác, nhiều hơn là hát. Phải là tuồng Nam Bộ, nói gọn là tuồng Sài Gòn, mới được khán giả Hà Nội hoan nghênh, tuồng Trung Bộ, Bắc Bộ coi như bỏ.

Người Hà Nội, tất cả mọi giới làm ăn vất vả suốt ngày mong tối xuống đèn lên, xô nhau tới rạp Quảng Lạc ngõ Sầm Công, chen nhau lấy vé. Rạp Quảng Lạc, hiện nay còn tồn tại, duy có hình dáng là đổi thay, khó nhận ra. Chủ Quảng Lạc là viên Phủ Trọng, làm quan tỉnh Bắc Ninh, vừa làm quan vừa kinh doanh làm giàu bằng gánh hát uy danh lẫy lừng này.

Cạnh rạp Quảng Lạc đột xuất dựng lên một rạp nữa gọi là Đồng Lạc, bé nhỏ hơn Quảng Lạc. Diễn viên Đồng Lạc kém tài thua sắc, ghế ngồi ít, cửa ra vào chật hẹp, vì thế, chỉ ngót một năm rạp Đồng Lạc chịu thua, tan đám.

Không địch thủ, Quảng Lạc xưng vương. Phủ Trọng tung tiền và thủ hạ vào Nam Bộ, tìm mua hết diễn viên tuồng cổ kiệt xuất, mua những vở tuồng pho rút ra từ những bộ truyện quen thuộc, danh tiếng của cổ thời Trung Quốc mà người Việt Nam, nhất là người Hà Nội, vốn đã thuộc lòng. Kể như tuồng *Tam Quốc*, *Chinh Đông chinh Tây*, *Ngũ hổ bình Liêu*, *Càn Long du Giang Nam*, *Thí võ Lý Nguyên Bá - Võ văn Thành đô*, *Võ Tam Tư chém cáo*, *Thục Quý Anh viên môn thục tội*, *Tây Sương ký*, *Tiết Đình Sơn nhất bộ nhất bài*, *Tây du*, *Mỗ gan Tỉ Can*, *Thôi Oanh Oanh - Trương Quân Thụy...*

Cái vốn bốn tường Quảng Lạc quá giàu, diễn viên nam nữ toàn nổi danh về tài sắc. Những kép bậc thầy như Sáu Phú chỉ chuyên đóng một vai Quan Vân Trường, mỗi tháng diễn vài buổi, ngồi chơi ăn lương tháng cao nhất rạp. Sáu Phú được mẽ người cao lớn, mặt to, tiếng to, trụ bộ oai phong, không kép nào địch nổi, được Phủ Trọng quý nể, trọng đãi, có phần sợ hãi như sợ chính linh hồn Hán Thọ Đình hầu Quan Vũ hiển linh. Những kép khác cũng được Phủ Trọng quý yêu, chiêu đãi như kép Tám Ngân rất đẹp trai, võ tuồng điêu luyện, cùng với kép Đĩnh, hai người chuyên sắm vai Triệu Tử Long, Lã Bố, Mã Siêu. Phủ Trọng sắm ba bộ giáp trụ, giáp trắng, mũ gài hai lông đuôi chim trĩ vút dài. Mỗi lần hai kép Tám Ngân, kép Đĩnh mặc giáp trắng, đội mũ lông trĩ xuất hiện trên sân khấu, khán giả hò reo, đốt pháo tay vang rạp. Còn các đào trứ danh, phải kể đào Tám Long, mình cao, giọng rất sang, hát không có vẻ gì là lấy hơi, vậy mà âm thanh lạnh lạnh vang xa như tiếng chuông ngân, khách ngồi ghế nghèo hạng bét nghe cũng rõ. Những năm xa xưa ấy không có micro. Tám Long có một tài nghệ phi thường lại thêm nhan sắc tuyệt hảo, nghiêm nghị tùy từng vai, lắng lơ tùy theo nhân vật trong vở hát. Thứ đến đào Kim Đính, đẹp không thua kém Tám Long, thêm võ thuật tuy là võ thuật tuồng, cũng sắc sảo trong đường cung kiếm, biến sân khấu thành một võ trường thời Chiến quốc Trung Hoa cổ đại. Phải kể tiếp đến đào Chín Cường. Đào Cường tài dưới Tám Long, Kim Đính nhưng cái lắng lơ khiến khán giả mê say thì không thể tìm một đào khác thay thế Chín Cường trong vai Điêu Thuyền làm tình với Lã Bố, khó hơn nữa là vai Hồ Nguyệt Cô cũng làm tình ngay giữa sân khấu với Võ Tam Tư (kép Tám Ngân đóng) trong vở *Võ Tam Tư chém cáo*.

Xin lỗi bạn đọc. Cho tôi bổ sung thêm những kép trứ danh Quảng Lạc là kép Ba Niên, chuyên sắm những vai đại lực sĩ nguyên nhung, trụ giáp cực đẹp, võ nghệ cao cường, múa cây họa kích che gần kín cả thân, khán giả ngỡ Ba Niên là một võ sĩ Thiếu Lâm.

Đi kèm kép Ba Niên là kép Lộ, tài năng không thua Tám Ngân trong vai Triệu Tử “toàn thân toàn là đảm” - lời khen của Khổng Minh. Không thể

quên tài kép Cẩn trong vai Trương Phi thét đồ cầu Trường Bản. Nhưng trội hơn kép Cẩn, cũng trong vai Trương Phi, còn kép Ba Bồi. Khi Trương Dực Đức - Ba Bồi vượt râu xồm phóng mình ra sân khấu cùng với giọng hát tấu mã, roi ngựa tung vun vút thì cả rạp phải rung lên vì cái giọng sấm sét, làm thủng màng tai khán giả, phụ nữ phải nhắm mắt, trẻ em phải khóc đòi về: “Con sợ lắm!”.

Danh tuồng võ Sài Gòn lừng danh, vô địch, ngự trị đỉnh cao nghệ thuật sân khấu thời ấy, không thể quên thập nén hương tưởng niệm một vua hề, một quái kiệt thúc thiên hạ chết cười. Đó là kép Tín. Ôi chao! Chuỗi cười đứt ruột, chuỗi cười ngạt thở, chuỗi cười gây sức sống, chuỗi cười làm thẳng ngốc trở nên khôn, thẳng gian ác trở thành lương thiện, chuỗi cười quý hơn chuỗi ngọc. Ông vua hề kép Tín tuồng Quảng Lạc, suốt từ ngày Quảng Lạc làm mê say người Hà Nội cho đến ngày Quảng Lạc bị thời gian đào thải, tối nào cũng xuất hiện trên cái thế giới vạn thuở ngàn năm, cái thế giới đồ vương tranh đế muôn vàn nhục vinh. Thời ấy châu Âu đang phát triển phim câm. Vua hề Charlot, Busten, Katoon, Toufou... làm cho thế giới Tây phương điên lên vì cười. Nhưng cái thứ phim câm ấy, cái cười của mấy ông vua cười kể trên vẫn không thể nào sánh ngang với cái kiểu bán cười, gây cười của ông vua cười kép Tín.

Tối tối, khán giả chỉ mong kép Tín ra trò. Ông vừa thò mặt ra, cái bộ mặt cực kỳ ngộ nghĩnh, không hiền, không ác, không say, không tỉnh, nửa người, nửa khỉ, nửa đười ươi, với cái quạt giấy lớn hơn quạt nông dân quạt thóc mà ông móc ở cặp quần sau lưng ra, xòe rộng, che toàn thân thể, là khán giả đã bò ra mà cười. Phủ Trọng làm giàu, vợ tiền dân mộ tuồng Hà Nội, chính nhờ cây cười kép Tín.

Cái lạ là kép Tín không chỉ là vua cười mà còn dư tài sắm những vai khác như Na Tra, Hồng Hải Nhi, Lý Nguyên Bá, ba cậu bé có phép thần, tài võ động trời động đất. Vậy mà khi sắm vai ba cậu bé này không ai hiểu Tín hóa trang biến thể cách nào để thành những cậu bé nhỏ chừng mười lăm,



mười sáu tuổi? Cả rạp phải trố mắt ngạc nhiên. Đặc biệt nhất là khi kếp Tín chơi vai Đại thánh Tôn Hành giả. Tín hoàn toàn biến thành con khỉ. Khi từ động tác đi, nhảy múa, hay hàng ma phục quái, đánh nữ yêu tinh, đến bàn tay luôn gãi thân hình không quần áo sang đẹp như phim Tàu ngày nay, mà chỉ quần có manh vải giả da hổ, cố ý thò ra cái đuôi dài. Tín cứ giữ cái đuôi cho khỉ thật là khỉ. Hồi ấy chưa có cái trò một nhà báo phỏng vấn, mà chỉ là một cuộc gặp gỡ giữa một ông nhà báo với một nhân vật nào đó nơi trà đình nghèo, chuyện vui. Tôi, vẫn ở tuổi một thư sinh nghèo, tình cờ có mặt ở cái hiệu cao lâu phố Hàng Buồm, lắng nghe ông nhà báo hỏi ông vua cười:

- Vì lẽ gì ông yêu thích cái đuôi con khỉ Tề Thiên như vậy. Không lần diễn nào ông chịu bỏ cái đuôi?

Vua cười cười khê:

- Tôi giữ cái đuôi con khỉ là vì tôi không muốn con khỉ giống người. Nó cứ mãi là con vật, nhưng là con vật đầy nhân tính, phục tùng Như Lai Phật Tổ, sống chết một lòng chung thủy với thầy, với bạn đồng hành sang tận Tây Trúc cầu kinh. Nhưng Đường Tăng Tam Tạng, tuy được tiếng là một thánh tăng, một cao tăng, nhưng lại là một con người đầy thú tính, ưa xiểm nịnh, đạo đức dở hơi, chẳng biết gì là ngay gian, thiện ác, mấy lần đuổi tôi về Hoa Quả Sơn, nhiều lần đốc Khôn tiên thẳng làm tôi khổ sở ở dọc đường, bất nhân bạc nghĩa, không hề có chút tình cảm gì gọi là nhân tính. Vậy mà, đức Như Lai, một con người hóa Phật nhìn thông suốt việc hạ giới, người thế gian, cũng vẫn thiên vị phong Tam Tạng là La Hán! Cho nên tôi yêu cái đuôi con vật của tôi, tôi tự hào là con vật đầy nhân tính. Tôi còn mong ước trong cuộc sống giữa xã hội con người như thế này, tôi được phép, cho đến chết, sinh hoạt bình thường, tự nhiên, như con khỉ có đuôi này mà không bị người ta bỏ tù, bắt tội.

Nói đến đây, ông vua cười không cười. Ông đứng lên nghiêng mình lịch sự chào ông nhà báo.

Tối hôm ấy, Quảng Lạc đại diện vở *Quan Vân Trường thụ Hạ Bì*. Các báo hàng ngày đăng quảng cáo: “Tối nay Quan Vũ sử dụng thanh long đao thật”.

Tôi vốn sùng bái kiểu viết chữ quảng cáo tích hát bằng bút lông phần nước của họa sĩ Trần Phênh. Chữ lạ, chữ đẹp như rồng mây, như hoa sóng. Tối tối, tôi nghiện đến cửa rạp Quảng Lạc ngồi xõm ngắm chữ Trần Phênh trong khi người có tiền, người nghiện tuồng tung tiền ra lấy vé.

Thường thì bảy rưỡi khai diễn. Người mê Trần Phênh vào rạp sớm nửa giờ, ngồi ngắm không chán mắt bức phong ông vẽ cầu Thê Húc, Tháp Rùa trên Hồ Hoàn Kiếm. Bức phong ấy, tài hội họa ấy của Trần Phênh, người họa sĩ cao tài đầu tiên tốt nghiệp trường Cao đẳng Nghệ thuật Đông Dương làm vẻ vang họa sĩ Việt Nam.

Đến lúc mở màn. Cả rạp hồi hộp lắng chờ.

Kép Tín, vua hề, đóng vai Châu Sương.

Châu Sương mặt mày hung dữ, ra sân khấu với tất cả điệu bộ nhà nghề, chiếc roi ngựa tượng trưng cho con xích thố vươn mình, hí, nhảy. Kép Tín tay cầm roi điều khiển thiên lí mã, tay vác câu uyển nguyệt đao, đèn hai bên sân khấu chiếu vào thanh đao bằng đồng loáng chói.

Rồi đó, Quan Vân Trường từ hậu trường hét vang mấy tiếng cực oai nghiêm. Sau tiếng hét, Quan Vũ giáp trụ lẫm liệt, lững thững ra sân khấu, không hát, chỉ biểu diễn trụ bộ, rồi ngồi xuống ghế thiếp vàng, bên mấy cây nến đỏ. Đây là Quan Vũ khán thư, tay phải, bằng hai ngón, vén chòm râu từ thái dương rủ xuống, chòm râu ấy, theo tiếng nhạc, được hát lên cùng với ánh mắt đưa theo. Động tác đọc sách vuốt râu, tuyệt nghệ.

Các bà khán giả thành kính chắp tay vái lạy Quan ngài Sáu Phú trên sân khấu, miệng xuýt xoa: “Nam mô a di đà Phật”; “Lạy thánh mớ bái, mớ lạy!”...

Sáu Phú theo lệnh Phủ Trọng, trước tối diễn tích Quan ngài, phải ngủ ở rạp, ăn chay ba ngày, không được về với vợ. Xin âm dương, ngài cho được, mới dám công bố lên các báo.

Quảng Lạc tàn rồi. Nhiều năm sau, nghệ sĩ Sỹ Tiến, bỏ nhiều ngày tháng công phu khổ luyện vai Quan Vũ, Sáu Phú mười phần, thì đồ đệ Sỹ Tiến thành công được bảy phần. Có khác là Sáu Phú đóng Quan Công tuồng cổ Sài Gòn. Còn Quan Công Sỹ Tiến là cải lương, Sỹ Tiến cùng với Anh Đệ, Ái Liên, Kim Chung, Lam Phương, Bích Hợp, Huỳnh Thái là những ngôi sao sáng của cải lương miền Bắc.

Sỹ Tiến vốn là một diễn viên chịu học hỏi, cầu tiến, muốn trở nên một đàn anh. Anh được bạn đồng nghề quý nể vì đạo đức và năng khiếu. Anh càng khiến khán giả thương yêu với vai *Chu Du ba lần học máu*.

Muốn học máu, phải có phép riêng. Tối diễn, cần ăn no những chất dễ nôn ra. Đến rạp, Sỹ Tiến thể hiện vai Chu Du tức giận vì thua tài kém trí Khổng Minh, Chu Du nhào lộn để học máu, nhưng tối ấy Sỹ Tiến không thành công. Anh vỗ bụng, ngoảnh mặt vào hậu trường móc cổ, vẫn không ọe được. Cuối cùng, mệt quá anh nhào lộn về phía trước sân khấu, bao nhiêu thứ trong dạ dày anh phun như xe nước tưới đường xuống dãy ghế hàng đầu sang trọng nhất. Trước buổi diễn anh ốm, nhưng chủ rạp đã đăng quảng cáo rồi, anh phải nghiêng răng vừa diễn vừa rên. Nỗi đau đớn của nghề! Không diễn, phải đền chủ rạp.

Quảng Lạc đã cáo chung ngót nửa thế kỷ nay. Các danh tài hát bộ nam và nữ chết hết cả rồi!

Tôi cần nói rõ duyên cớ cái chết của Phủ Trọng cùng cái tài sản nghệ thuật tuồng Quảng Lạc danh vang đất nước.

Một tối rạp diễn vở đặc biệt *Vua Trụ mõ gan đại trung thần Tỳ Can* do kép Cường đóng. Rạp chật người Hà Nội. Vở đang diễn thì một cảnh éo le,

không thể tưởng tượng được xảy ra: Phủ Trọng bắt kếp Giò mặc triều phục thái sử ra sân khấu, ngửa mặt lên tầng gác, trên đó có thượng khách Toàn quyền A. Sarraut ngồi. Kếp Giò sụp xuống lạy viên Toàn quyền bốn lạy. Phủ Trọng mặc áo gấm đỏ, đội khăn tím đứng bên kếp Giò thái sử, cũng sụp lạy theo.

Cả rạp, trước cảnh si nhục ghê tởm ấy lặng hẳn đi. Sau đó mấy phút tất cả khán giả xô ghế đứng lên, ào ạt kéo ra khỏi rạp với nhiều tiếng chửi.

Qua tối ấy, Quảng Lạc vắng dần, để rồi chết hẳn. Các diễn viên cũng bỏ rạp vô Nam hết.

Phủ Trọng mang cái nhục.

Kếp Giò được Phủ Toàn quyền ban cho cái mẽ đay cứu phẩm.

*Người Hà Nội*, số 16 / 1996

## Hà Nội cũ năm đây

Ngày ấy, Hà Nội chưa vào cuộc chiến, nhưng lòng dân đã sẵn sàng cũi lửa cho một lò thiêu xác quân thù.

Suốt một dải bãi bờ sông Nhị, đầu là An Dương đến cuối là Hàm Tử Quan, thành nơi ngụ cư của giang hồ tứ chiếng.

Lũ văn nghệ chúng tôi chọn bãi An Dương, nơi địa đầu cát lở làm đất trụ, có thể giữ yên thân khi bình lại có thể rút lui khi biến, lấy Tây Hồ làm lá chắn. Anh quân sư nhỏ con Gia Cát Thâm Tâm qua cơn lằm lì khá nhiều ngày, một đêm mưa, bỗng mở miệng bảo chúng tôi như vậy đấy.

Thế là chúng tôi kéo đến bãi An Dương trống vắng lưu trú với một đám ba bốn chục người nghèo khổ, sống đung đầu dưới mấy túp lều tạm dựng xơ xác, mái vẹo, tường xiêu, một hố đất đào đủ tầm sâu thành giếng lấy nước ăn. Ngày ngày họ đi làm, thôi thì đủ nghề khốn khổ và khốn nạn.

Cứ thế, lâu dần, rừng lành khí đến. Bỗng một ngày Hà Nội gió mưa, chúng tôi choáng váng vì thấy có đến hơn trăm nhân mạng không biết từ cõi đất trời nào kéo đến, tìm chúng tôi xin trú ngụ. Trong số cư dân ấy nam nữ đủ cỡ tuổi, cỡ người, ai nấy đều cao lớn, nói năng bật thiệp, đứng ngồi nhanh nhẹn. Người nào cũng có cặp mắt sáng, vầng trán rộng, miệng cười tươi. Chúng tôi hỏi họ về nghề nghiệp. Cả nam, nữ đều thấp giọng: “Nghề khuân vác. Đêm thì chúng tôi tập trung ở An Dương này. Ngày thì tiến xuống Phà Đen làm phu bốc vác”. Chúng tôi thấy không nên hỏi kỹ. Cứ theo cách nhìn tướng mặt, nghe giọng nói, chúng tôi đã đoán biết họ là ai, nhưng để bụng, và tỏ lời hoan nghênh, mời họ sống chung bãi, chung đời.

Cứ vậy qua đi ít ngày đêm, tri kỷ gặp tri kỷ, dang rộng cánh tay mà ôm ấp nhau, dốc tâm can ngỏ tình, ngỏ trí với nhau. Thì ra họ đều là tàn quân của Hoàng Hoa Thám, Tán Thuật, Cai Vàng, và nghĩa quân của sứ quân núi rừng Việt Bắc. Giặc Pháp truy lùng ráo riết, những anh hùng tráng sĩ này tìm cách vào thủ đô Hà Nội, nhìn thẳng mặt kẻ thù. Với họ, chúng tôi đang nhanh chóng trở nên bạn chí thân, không có rườy thề, mà có thể sinh tử cùng nhau.

Tất cả bọn họ, nam như nữ, đều võ thuật cao cường. Chúng tôi được họ truyền cho dăm ba miếng phòng thân cực kỳ đơn giản và hữu dụng. Còn côn kiếm thì xin miễn. Anh Bảy Thụ, người thầy, bậc đàn anh của họ, nhìn chúng tôi lộ vẻ ngạc nhiên. Tôi đáp:

- Chúng tôi lúc nào cũng sẵn côn kiếm ở đây rồi. Mà tất phải học thêm.

Tôi vung chiếc bút máy lên theo đường kiếm. Anh Bảy Thụ cười vang.

Chúng tôi với họ chung sống đã một năm qua không thấy xảy ra việc gì khác lạ, ngoại trừ trường hợp một vài người trong bọn họ vắng mặt, lần này vài ba tháng, khớp với những tin báo chí đăng rùm beng: vụ anh công sứ miền Trung bị treo cổ, anh tổng thư ký phủ toàn quyền miền Nam vừa bị ám sát hay bị bắt cóc, hoặc lần khác, viên thanh tra mật thám Pháp công cán ở Sài Gòn, bị một lưỡi dao găm cắm trúng lưng giữa phố phường đông như hội.

Chúng tôi, trước những biến cố ấy, không hề han hỏi, mà chỉ theo dõi tâm tư anh Bảy Thụ qua ánh mắt sáng ngời, nụ cười bí hiểm của anh.

Cuộc chung sống này không được dài ngày. Rồi sự chia tay cũng đến, tất nhiên và bình thường như mọi cuộc chia tay trên vạn nẻo đường chinh chiến.

Lại một ngày mưa. Bọn tráng sĩ ấy nắm chặt tay chúng tôi rồi dũng mãnh lên đường. Họ vào Nam chiến đấu.

Bãi cát An Dương này lại chìm vào yên lặng rùng rợn của cái chết từ trời đổ xuống hay từ dưới đất nhô lên.

Trước kia, dốc đê đổ xuống bãi An Dương cũng to như bây giờ. Giặc Tây đề phòng dân bãi mà chúng luôn nghi là cộng sản nổi dậy thì chúng sẵn sàng lao xe quân sự xuống dẹp liền bằng sức mạnh. Trên hai đoạn đê bị cắt xén, chúng ngày đêm đặt hai tên lính lê dương, trung liên sẵn cầm tay, xả đạn xuống người dân nếu ban đêm không cầm chiếc đèn gió hoặc đèn hoa kỳ ở tay lưng liêng giơ cao lên khỏi đầu đủ ba lần. Và ban ngày, đạn trung liên cũng xé xác người dân bãi, nếu tên lính đã ra lệnh cho người dân đứng lại mà không líu ríu tuân theo.

Tôi đã chứng kiến cảnh một người đàn bà đau đẻ, tay ôm bụng, tay cầm cây đèn hoa kỳ cạn dầu khô bốc, lập cập run rẩy loạng choạng tiến đến chân tên lính, tay chưa kịp giơ lên thì một trận gió to thổi tắt ngọn đèn, và tiếp đến một tràng đạn xé trời khuya, người sản phụ ôm bụng trên vũng máu. Tên lính lê dương mặt đen ngòm trong bóng tối, thân nhiên giương đôi mắt trắng nhìn cái xác cười.

Chờ đến sáng hôm sau, chúng tôi lặng lẽ đào hố chôn mẹ con người xấu số. Chị có chồng, một người đàn ông, tiểu công chức, không văn hóa, nghiện cả thuốc phiện lẫn rượu, thối chóc, hay đánh vợ. Tối hôm ấy, ngày lãnh lương anh ta được bạn đồng nghề rủ nhau đi đánh chén say bí tỉ, rồi kéo nhau sang Gia Quất hát cô đầu. Người vợ chết đúng lúc anh chồng đang say rượu, phiện trong vòng tay gái hồng lâu. Tội lỗi ngoài ngưỡng cửa. (Âu cũng là tiền định, tôi viết truyện *Ở bãi*, truyện *Tội lỗi ngoài ngưỡng cửa* đăng *Tiểu thuyết thứ Bảy*, cách đây hơn 50 năm rồi).

Ngày nay, tôi lại tái hồi dải bãi sông oan trái An Dương. Nhưng tôi không hề oán giận bãi cát mát mịn màng, những bóng cây xanh rờn trên dòng nước Nhị Hà lặng lẽ từ thượng nguồn ngàn dặm xa xôi chảy về xuôi rung lên tiếng hát ngàn năm đất Việt.

Tôi tự hào vì bãi đất An Dương. Tôi tưởng tượng xưa kia chính bãi An Dương này là bến Bình Than mà đại danh tướng Trần Quốc Tuấn cùng các quan văn võ hội quân và họp bộ lão xin ý kiến toàn dân hòa hay chiến.

Cờ chiến nhà Trần bình Nguyên Mông kéo đổ bến nước Bình Than. Ngựa hí, quân reo, bước đi rầm rập của các danh tướng Trần Khánh Dư, Phạm Ngũ Lão, Yết Kiêu, Dã Tượng đã khua vang trời nước An Dương kín đáo. Và cũng chính ở khúc sông Nhị Hà này, sau đó danh tướng Trần Khánh Dư đã thủy chiến, chặn quân Nguyên, cướp hết lương thực. Nguyên Mông đại bại, lưu lại mấy ngàn xác chết trên dòng sông Hồng đã đổ lại pha thêm máu đỏ.

Khúc sông mang dấu ấn lịch sử này, ngày nay không còn những đám mây xây thành soi bóng nước vỗ bờ lau, không còn vang vọng tiếng thét oai hùng của cậu bé Trần Quốc Toản vừa bóp nát trái cam vì tức giận lệnh cấm ra quân của phụ hoàng, nhưng tiểu chiến tướng vẫn ra quân dưới lá cờ thêu kim tuyến dòng chữ lớn: “Phá cường địch, báo hoàng ân”.

Bài ký ngắn ngủi này mang nặng nỗi quan hoài thăm thiết của tôi đối với dải bãi bến phù sa An Dương kể từ ngày tôi cùng mấy anh em văn nghệ Thâm Tâm, Trần Huyền Trân, Nguyễn Bính, Nguyệt Hồ, Viễn Khách - sống ẩn náu ở đây góc hai năm tránh Tây, tránh Nhật, nghe thiên hạ sự.

Thế rồi lại chia tay! Chiến sự bùng nổ vang trời. Người lên Việt Bắc, kẻ vô Nam, kẻ về tề. Viết, vẫn viết, viết trước họng súng, đầu lê, lạng lẽ, nghiêng rãng mang cái tị hiềm khó giải, tề nhân.

Tôi đã là tề nhân gần hai năm chui bờ rúc bụi, viết *Đất, Xã Bèo, Người của đất* đồng thời viết cả trường thiên phóng sự về đời sống khổ nạn của văn quan, võ tướng xã hội Sài Gòn, với nhan đề *Xóm Rá* (1953).

Viết xong *Đất, Xã Bèo*, tôi viết một cụm hai truyện dài *Cầu Sương, Quán Gió*. Nội dung đề cập đến số phận hẩm hiu của người phụ nữ giai cấp tư



sản trong ngày chiến. Cô gái khuê môn không hiểu lòng chồng, dẫn đến phụ chồng.

Xin trở về với bãi bến An Dương. Hồi mấy mái tóc xanh còn chụm vào nhau chung đèn chung bóng. Trần Huyền Trân, Nguyễn Bính, Thâm Tâm, ba nhà thơ sục sôi lòng cách mạng, ngày đêm bàn cách lên chiến địa. Trần Huyền Trân khẽ nói lên cái day dứt của lòng mình:

*Nằm đây thép gỉ sơn mòn*

*Cái đi đi mất, cái còn lẫn khôn*

*Thần thờ thẹn gối, e chẵn...*

Các anh đã lên chiến địa. Các anh đã làm những cánh chim thỏ chí lớn hải hồ. Các anh đã vì nghĩa cả. Tôi cũng từ lâu, xoa mái tóc bạc này, nhằm câu chiêu niệm. Thế sự vân du du, rồi cũng đi vào ảo giác.

Tôi mệnh chưa cho chết, sống quá đủ rồi. Mong đi. Đi về đâu? Về đâu? Nào biết.

Giờ thì tôi lại ở bến bãi An Dương “Cây đa bến cũ, con đò khác xưa”. Về đây ở với lũ con trai. Cả ngày nằm giữa Hồ Tây, Nhị Hà đọc sách. Đầu óc mỏi rồi, trí nhớ thui rồi, mắt mờ rồi. Sợ đọc, viết, cố ngồi, cố viết, tay quá run, chữ không thật nét, coi như làm cái việc “rửa bút cùn, lau kiếm gỉ”, viết với tâm tình bằng giá của một ông già. Viết nhiều, viết ít, viết gì đi nữa, chỉ là những dòng chữ biệt li. Tôi nghe như sắp ra khỏi kiếp tục gửi trong cõi tạm.

Ngồi bút lê đến đây, ngậm ngùi tưởng như những cành lá khô rơi rụng cuối nẻo đường văn nghiệp.

Tôi sức nhớ câu thơ trong thiên trường ca của Lý Thương Ẩn, danh sĩ Thịnh Đường.

## *Sen tàn nghe rồn tiếng mưa thu*

Tôi đặc ý với ý thơ, lời thơ tuyệt hảo này. Mỗi lần nhắc đến, lệ hoen má hóp. Xin mượn câu thơ họ Lý khếp bài ký ngắn ngủi này và cũng luôn thể kính chào bạn đọc cố hữu cáo chung nghề cầm bút của tôi.

Kể từ nay, tôi sống những ngày tàn không tác phẩm nhưng bù vào cái bất hạnh ấy, xin được phép vui mừng báo với quý vị là tôi làm cha một lũ năm trai, một gái, làm ông nội, ông ngoại một đàn mười lăm, mười sáu cháu.

Chỉ còn hận chưa có mống chắt nào.

Thì tháng trước, giữa mùa xuân cô cháu dâu, trưởng tộc của tôi cho ra chào đời một thằng chắt khỏe mạnh kháu khỉnh.

Tôi mừng và nghĩ đến cái truyện ngắn, rất ngắn, rất hay của nhà văn Nga M. Gorki. Truyện rằng:

Một đoàn người đi phá hoang. Trong đoàn có một người đàn bà đau đẻ khi đi qua bãi bể sóng gió âm âm. Người sản phụ đau quá, ngã gục trên bãi sông. Ai giúp đỡ bà? Không ai cả. May, trong đoàn có nhà văn Gorki. Ông xoay trần giúp sản phụ cho ra chào đời một chú bé thiên thần. Chú bé khỏe mạnh, cứng cáp, quấy đạp, khóc vang. Nhà văn hào ôm chú bé thiên thần, nhảy xuống sông, dìm chú xuống làn sóng nước mặn nồng, nhắc lên, dúng xuống đủ ba lần.

Chú bé khóc to hơn, vang vọng cùng tiếng sóng liên hồi vỗ vào đất nước Đại Nga. Còn thằng chắt nhỏ của tôi, thừa các vị, cũng khô ngô tuần tú, cụ và chắt rất hợp nhau. Cụ già rồi, nhưng cũng cảm hứng như văn hào Gorki muốn ẵm chắt lội xuống dòng sông Nhị, ba lần dúng nước, tắm rửa chắt ở Trường Giang, chào mừng đất nước Việt Nam anh hùng đổi mới.

*Người Hà Nội, số 19/1996*

## Người phun kiếm

Hôm nay nói đến nghề xuất bản sách báo, cách in ấn và phát hành sách báo tại Hà Nội những năm trước cách mạng, tôi nhân danh một người đã cộng sự với một tài năng lớn trong nghề này là ông Vũ Đình Long, không ngần ngại gì mà không nhắc đến tên ông với tấm lòng chân thật và cũng không thiếu ít nhiều suy nghĩ đặng cay.

Qua nhiều năm nay, mỗi lần có dịp nói đến cái nghề xuất bản cao quý này, tôi lại ngậm ngùi nhớ tới ngôi nhà 93 phố Hàng Bông, trong đó có một người tầm vóc to lớn, da ngăm đen, bước những bước đi lạch bạch quanh bàn giấy đồ sộ luôn tỏ ra bực bội, dăm chiêu, tính toán. Đó là ông Vũ Đình Long, một trí thức bỏ vốn ra kinh doanh văn chương chữ nghĩa, làm giàu. Ông Long từ đâu đến trong cái Hà Nội ngàn năm văn vật quay cuồng qua bao cuộc hưng vong lịch sử này? Lúc còn là một ông giáo dạy lớp phổ thông, không ai biết đến ông. Ông giáo họ Vũ đang an phận gõ đầu trẻ nhỏ, bỗng có lệnh đổi ông lên tận Hà Giang tiếp tục “Godautre” (gõ đầu trẻ - nhà văn Nguyễn Công Hoan, bạn đồng nghiệp của ông Long, chơi chữ). Ông Long ở Hà Giang tận dụng mấy năm sống với núi rừng, ngày đêm trau dồi chữ Hán. Ông bắt đầu thử năng khiếu văn chương, dịch pho tiểu thuyết Tàu *Anh hùng náo*. Pho truyện kiệt tác. Sách gửi về Hà Nội, xuất bản, được độc giả nhiệt liệt hoan nghênh. Sau đó, đến *Mảnh trăng thu*, một truyện tình nổi tiếng của nhà văn lãng mạn Tàu là Từ Trầm Á. Ông Vũ Đình Long nổi danh trong làng văn bút Hà thành hoa lệ.

Rồi thì, gió đã lên, cờ đến tay Vũ, Tây lại chuyển ông giáo Long về Hà Nội. Ông tự thấy ngấm say men văn học, xin thôi nghề dạy học, bắt đầu mở

nhà in. Họ Vũ vẫn bản chất cơ mưu, nói chắc nịch, làm ăn cũng chắc nịch lại thêm cái nết điềm đạm, khiêm tốn, vui vẻ với mọi người, luôn lấy câu “thu phục nhân tâm” làm chuẩn đích trong nghệ thuật xã giao.

Khởi đầu, vừa làm, vừa nghe ngóng, thử sức mình, nhà in Tân Dân chỉ vền vện có một máy in cỡ nhỏ, vài máy công tử đạp chân, nhận in thiệp cưới, danh thiệp, sổ sách nhà buôn... Công việc chạy đều, có thu có nhập. Họ Vũ nghĩ ngay đến việc làm lớn. Ông lân la bước vào nghề xuất bản. Hãy làm chú mèo con bắt chuột chí, ông cho ấn loát loại sách ít trang, giá rẻ - 25 xu một cuốn: sách *Phổ thông bán nguyệt san*. Số lượng 2.000 cuốn, bán quanh Hà Nội. Chỉ độ mười hôm, sách bán hết. Ông Long xuýt xoa thầm nhủ: “Thế này thì phi xuất bản bất phú”. Loại phổ thông bán nguyệt san ra đều, cứ nửa tháng cái máy in cũ kĩ chạy “cà xịch cà tàng” lại thòi ra một quyển, số lượng nhích dần lên.

Thời vận đến rồi. Họ Vũ đã ngời phác họa một xí nghiệp ấn loát, một xưởng in cỡ lớn, với một máy hiện đại Minerve gửi mua bên Pháp quốc.

Cứ như một trận đối đời. Một sớm, nhà in cũ bị phá, cái máy cũ thâm hại như chú ngựa già, chưa bị chủ nhân mổ thịt, vẫn được chủ tận dụng sức tàn, khiêng vào một xó chạy đều đều. Máy hiện đại Minerve từ Pháp đã đến Việt Nam, chủ nhân được giấy hải quan mời xuống cảng Hải Phòng nhận máy, xe về Hà Nội.

Họ Vũ phải thuê hai chục thợ phá nền nhà, đào móng, hạ bệ cái máy tối tân, to như hai cỗ xe tăng chập lại. Tây không quên cử một kĩ sư Tây theo sang Hà Nội lắp máy, thu một số bạc trả công rất lớn.

Cái máy xe tăng bắt đầu khoe oai lực. Nó chạy êm như ru. Một phút nhả ra năm chục tờ giấy in khổ báo, tự nó gấp rất ngon lành.

Như đã nói, ông Vũ Đình Long lắm cơ mưu, lại giỏi cả Hán văn lẫn Pháp văn. Về tài giao dịch thì ít ai bì kịp. Ông vén tay áo, dồn cả trí tuệ vào công

việc: chính thức dựng nhà xuất bản. Nhưng muốn tung hoành trên mặt trận văn hóa, văn học, phải có tướng quân, đó là những con người văn nghệ, con người trí thức, những con người áo vải, dễ nắm tóc đẩy, mà cũng khó chơi, khó trị.

Họ Vũ tự tin bản lĩnh của mình, như Tống Giang Lương Sơn Bạc, chịu khom mình vái lạy thì tức khắc thu nạp được hầu hết anh hùng hảo hán bốn phương.

Quả vậy, họ Vũ đã công thành như Tống Công Minh. Muốn thu phục bọn áo vải kiếm ăn bằng cây viết, ông chủ nhà xuất bản phải có tài chiếm lĩnh lòng tin bọn người hàn sĩ qua thư từ trao gửi. Thời cũ, người mua văn, kẻ bán chữ, thoạt đầu ít khi tiếp diện. Giao dịch bằng thư từ, chữ nghĩa. Có cảm tình với người mua chữ, thì viết cái chơi, không cảm tình thì... hoa rơi lá rụng! Thế đấy! Cái bệnh chung của người áo vải bán văn, sống nghèo, chết thảm, không chịu ai cưỡng chế.

Vũ Đình Long sinh hoạt khắc khổ, không thích xuống xóm “Kính thiên” (Khâm Thiên), không ưa gái nháy. Rất thích chơi bát đĩa thượng hạng của Trung Quốc, khoe bát đĩa lạ với khách mời dự tiệc, ăn món lạ, uống rượu lạ. Thật vậy, ông hào phóng trong việc mời khách ăn. Thực khách đó, tất nhiên không phải các anh nhà văn áo vải đủ danh, đủ tài, đủ đức như Vũ Trọng Phụng, Lan Khai, Nguyễn Tuân, Lê Văn Trương, J.Leiba Thanh Tùng Tử, Hiên Chi... Chỉ có một bạn văn, một bạn cùng nghề “Godautre” mỗi lần từ Thái Bình, Nam Định lên chơi Hà Nội là được Vũ Đình Long cho xe hơi đi đón về dự tiệc vô cùng thịnh soạn, đó là Nguyễn Công Hoan.

Nhà in mang danh hiệu Tân Dân, nhà xuất bản Tân Dân đứng ngạo nghễ ở phố Hàng Bông, như thách thức đọ kiếm với mọi nhà in lớn, như nhà in TB Cay của Hoa kiều ở phố Sinh Từ, nhà in Minh Sang ở Bồ Hồ, nhà in Ngô Tử Hạ phố Nhà Thờ, nhà in Lê Văn Tấn phố Hàng Bông, nhà in và cũng là nhà xuất bản Văn Hồng Thịnh 112 Hàng Bông và còn chục nhà in nhỏ khác. Nhưng địch thủ ghê gớm nhất của những nhà in Việt này là xí

nghiệp in của người Pháp IDEO (Imprimerie d'Extrême Orient - Nhà in Viễn Đông). Nói là địch thủ ghê gớm là nói về ấn loát tân kỳ của nhà in Pháp. Ngoài ra, họ không hề cạnh tranh gì với nhà in người Việt.

Ông Vũ Đình Long có đầu óc làm ăn lớn và ấn loát tối tân, tổ chức nhà xuất bản có khoa học. Xu hướng của ông là cố gắng noi theo tổ chức văn học của Editions Flammarion và Librairie Hachette, nhà xuất bản vĩ đại, kỳ cựu của Pháp. Đã có trí cầu tiến như vậy, họ Vũ duy trì cách đối xử khéo với đội ngũ nhà văn hồi ấy đã tỏ ra khá mạnh.

Đội ngũ nhà văn của nhóm Tân Dân (đối lập với Tự Lực văn đoàn mà chủ lực chỉ có bốn anh em họ Nguyễn Tường) gồm hai thành phần: bút lông và bút sắt, đào tạo bởi hai thế hệ.

Bút lông: Cụ bảng Mai Đăng Đệ, cụ cử Phan Kế Bính, sở bảo Doãn Kế Thiện, các ông Nhượng Tống, Nguyễn Can Mộng, Phan Khôi, Tản Đà, Trúc Khê Ngô Văn Triện, Nguyễn Đỗ Mục... Các ông không khoa bảng như Nguyễn Triệu Luật, Phan Trần Chúc, thi sĩ Lê Bái (bút danh: J.Leiba Thanh Tùng Tử, tuổi trẻ tài cao Hán học, Pháp học đều uyên bác)...

Bút sắt: Hiên Chi Nguyễn Văn Chất (viết báo Pháp nhiều hơn báo Việt), Lan Khai (tiểu thuyết gia nổi tiếng), Vũ Trọng Phụng, Nguyên Hồng, Nguyễn Công Hoan, Như Phong, Tchya, Phùng Tất Đắc (Hán học, Pháp văn cũng vào bậc uyên thâm), Lê Văn Trương (tiểu thuyết gia, người hùng, viết khỏe nhất, nhiều độc giả nhất miền Nam cũng như miền Bắc), Lưu Trọng Lư, Thâm Tâm, Trần Huyền Trân và tôi.

Còn lạ gì trò đời ghen ăn, ghét ở. Hai tờ báo tuần *Phong hóa* và *Ngày nay* của nhóm Tự lực văn đoàn thẳng tay lôi Vũ Đình Long lên mặt báo. Họ sử dụng tranh trào phúng, thơ văn hài hước để đả kích ông. Đặc biệt bức biếm họa vẽ Vũ Tiên ông hếch mũi lên trời, kiếm ở hai lỗ mũi phun ra tới tới, bạc tiền như nước vỡ đê ào ào chảy vào tay áo thụng của Vũ Tiên ông...

Nhưng ông Vũ không những không giận nhóm Nhất Linh, mà còn tỏ ra thích thú.

Tôi, tuổi thọ khá cao rồi, cầm bút viết hồi kí này, bút rời tay, cảm thấy lòng buồn.

Cho đến ngày nay, tôi còn tồn tại. Các ông bạn cầm bút của tôi, cùng thời với tôi, tất cả đã ra khỏi cái quá khứ văn bút đau thương kịch cỡm này.

*Người Hà Nội, số 29 / 1996*

## Sư tử Hà Đông đại chiến sư tử Hà Nội

**T**hưở ấy, Hà Nội dậy lên phong trào võ thuật cực kỳ sôi nổi trong dân chúng. Đáng kể nhất là phường võ Hàng Bột, Sinh Từ, Quốc Tử Giám, Hàng Buồm, ngõ Hàng Hương. Lãnh tụ nổi danh của võ sinh mấy phường ấy là Cử Tồn, cử nhân khoa cuối cùng triều vua Khải Định. Rồi đến Tư Dật, Ba Lập Lợ, Yêu Râu Xanh, Phúc Đen, Công tử Ân Hàng Lược, Nồi Hàng Buồm, Cậy Béo ngõ Hàng Giấy, Hàn Bái...

Trong số võ sĩ đó, được bá phục nhất là lò võ Cử Tồn ở ngõ Văn Tần, phố Sinh Từ. Cụ Cử Tồn trao quyền huấn luyện cho con trai trưởng là Sáu Du làm trưởng tràng, dạy ba mươi võ sinh quyền, tấn, sử dụng thành thạo các môn võ khí như đao, kiếm, thiết linh, đinh ba...

Thực dân Tây, hồi đầu, theo dõi lò võ nức tiếng này. Sau chúng thấy thái độ tư cách cụ Cử đáng kính trọng, chúng cũng lờ đi, mặc cha con cụ Cử tự do hoạt động miễn đừng gây chuyện phá rối nền bảo hộ. Tuy nhiên, phố phường Hà Nội, cứ cách dăm ba ngày, lại nháo lên vì cuộc ẩu đả xảy ra giữa các lò võ bề ngoài vẫn giao du, thân thiết song bên trong không tránh khỏi ngấm ngáy, thách đố nhau tí thỉ. Đấu trường nhất định là mấy cao lâu, từu quán nổi danh của Hoa kiều như Đông Hưng Viên, Nhật Tân, Tây Nam, Từu Giang, Tự Hưng Lâu. Gây chuyện nhiều nhất là Hàn Bái. Ông này ra đường không bao giờ có vũ khí trong mình, ngoài tấm khăn tay hoặc dải lụa dây lưng đầu buộc hai chục đồng tiền trinh, xu đồng; khi đối chiến ông vung dải lụa lên đủ sức đoạt đao của địch rất dễ dàng.

Hàn Bái đến từu quán, lên gác cao không qua cửa mà chỉ khẽ vỗ đùi, rón gót phi thân lên mái hiên, nhảy qua bao lơn, nhảy qua cửa sổ, chễm chệ



ngồi xuống ghế, nhẹ nhàng đến mức khách ăn nhón nhíp chung quanh không ai biết. Ông thường đi một mình, uống rượu một mình, không có bạn. Nhưng rồi, ông có ngay thù địch, bất cứ nơi nào có mặt ông. Kẻ thù ấy là mấy anh mật thám Tây lai, mấy trọc phú chủ những chiếc xe hơi bóng loáng đậu dưới đường, mấy ông quan phủ quan huyện ở tỉnh xa về Hà Nội nhìn người bằng nửa đuôi mắt nhà quan, quát hầu sáng bồi bàn, mắng khách ăn thiếu lễ phép. Hàn Bái ngứa mắt, nóng tay, đứng phắt lên, đập đổ bàn ăn, vít đầu những thằng đáng ghét, hạ những nắm đấm như búa bổ đánh cho hả giận. Hàn Bái móc tiền ném xuống bàn trả tiền ăn, phi mình qua cửa sổ xuống mái hiên, nhẹ nhàng đặt chân dưới vỉa hè, biến mất. Kẻ thù thò đầu qua cửa sổ nhìn theo, bỏ vỉa. Từ chủ hiệu đến khách ăn đều biết là Hàn Bái, nhưng không ai dám hé răng. Cái tên Hàn Bái vang trong Hà Nội, nhất là khu phố Hàng Buồm, như một hung thần. Vậy mà, Tây cứ lờ đi, không ai hiểu lí do gì khiến thực dân nể tránh cái ông Hàn này đến thế.

Ông Hàn không nhận học trò, ít bạn, cũng không ai thấy ông quen biết một người Tây. Rồi, bỗng một ngày, người ta nghe tin võ sĩ Hàn Bái chết. Xác ông chơ vơ trong một căn phòng nhỏ xếp đầy hoa. Có thể ông đã mua hết hoa Hà Nội, tự sát giữa mùi hoa. Ông cắt mạch máu cổ tay, máu thấm đỏ cả một chồng khăn bông, rỏ xuống cái chậu thau hứng máu. Cái chết của một con người kỳ quặc giữa Hà thành như thế đấy.

Sau cái chết Hàn Bái, làng võ Hà Nội chột trở nên tĩnh lặng. Phường ăn chơi Hà Nội thỉnh thoảng mới thấy Ba Lập Lơ, Tư Dậu, Yêu Râu Xanh xuất hiện.

Họ thân ái với nhau, khoác tay nhau, đỉnh đạc vào tửu quán bác tôi, huynh đệ, sống như những thư sinh đọc sách.

Hà Nội vào thu. Cái thu Hà Nội nhắc nhủ mọi nhà nhớ đến ông tiến sĩ giấy, cái đèn kéo quân, chủ yếu là cái đầu sư tử, không chỉ riêng cho trẻ nhỏ, mà cái đầu sư tử của người lớn làm nổi hội hè đình đám. Phường võ Hà Nội lại sôi lên hoạt động sau thời gian im lặng mang tấm khăn tang Hàn

Bái. Phường múa sư tử truyền thống là phường Hàng Bột, Hàng Hương hàng năm vẫn thù địch nhau, gửi chiếu thư cho nhau, thách đố tranh lèo đoạt giải bằng vũ lực. Đầu tháng Tám phường Hàng Bột, phường Hàng Hương ra công làm đầu sư tử mới to hơn đầu sư tử năm trước để thị uy với đối phương, không làm bằng nan tre, mà kết bằng mây, đủ sức thay lá chắn đỡ đòn búa bổ, giáo đâm của địch. Đầu sư tử làm rất công phu, nặng đến mức một võ sinh phải khỏe lắm mới nâng được nó lên múa theo điệu võ, đón đỡ che thân, tấn công địch thủ.

Mở mắt mong chờ ngày mười bốn, ngày rằm trăng tròn máu đỏ. Cả Hà Nội nóng lòng đợi ngày thi võ. Võ sinh của hai phường đã dày công luyện tập những động tác múa đầu sư tử, những bài võ của người đánh côn phối hợp với người múa lân. Luyện cả cách trông người đứng trên vai nhau, đội đầu lân lên đầu, vừa múa vừa giơ tay giật gói tiền treo trên ngọn cột đèn hoặc trên bao lơn nhà treo giải.

Hôm ấy, khoảng bốn giờ ngày mười bốn, phường Hàng Hương do võ sư Yêu Râu Xanh cầm đầu, tất cả mười lăm người đứng trên xe bò, hùng dũng kéo đến Hàng Ngang, cờ rong trống mở, chiêng náo bạt khua âm ã. Phường đứng trước cửa hàng to nhất phố. Đó là ông Bang Si đứng đầu kiều dân Trung Hoa, giao dịch về mặt chính trị với chính quyền thực dân Pháp. Cửa hàng ông Bang Si rất đồ sộ, bán đồ gia dụng đắt tiền, chủ yếu là đồng hồ cao cấp Thụy Sĩ. Tháng Tám hàng năm, Bang Si treo giải thưởng múa kỳ lân, giải to hơn các cửa hiệu tư lỵ Hoa kiều, Ấn kiều phố Hàng Ngang, Hàng Đào. Mọi nhà giải treo chỉ có 5 đồng. Giải nhà Bang Si những 10 đồng hai giấy con công, món tiền thời ấy là quá hậu.

Phường Hàng Hương bắt đầu khua chiêng trống và bắt đầu giễu võ giương oai. Chợt ở đầu phố Hàng Đường kéo đến một xe bò chở ních người, côn kiếm, giáo mác, reo hò như “đổ thành vỡ núi”. Xe bò này đứng lại, mấy chục người vũ khí tua tủa nhảy ào xuống theo. Anh đi đầu múa đầu lân xanh xông vào húc đầu lân phường Hàng Hương màu tím. Hai đầu lân

chọi nhau cực mạnh. Anh múa côn của phường mới đến cũng vung côn quét ngang mình anh múa côn của phường Hàng Hương. Thế là chiêng trống hai phường cũng hòa vang. Hai võ sinh múa côn của hai phường võ động hai ngọn côn vun vút. Côn va mạnh nhau chan chát, sênh ra là mất mạng. Cùng lúc, hai đầu lân cũng huy động hết sức bình sinh húc vào nhau nảy lửa. Đồng thời, mấy chục võ sinh của hai phường, kẻ giáo, người gươm, đánh nhau tụi bụi. Phường Hàng Hương thấy đối thủ toàn lạ mặt không rõ từ đâu đến cướp giải, anh nào cũng có những miếng võ lợi hại khác thường. Yêu Râu Xanh, người cầm đầu phường Hàng Hương, quát âm lên:

- Anh em từ đâu đến cướp giải của chúng ta? Cho biết đã, rồi sẽ đánh nhau.

Võ sinh phường lạ mặt không thèm đáp, càng tăng chiêng trống. Người múa đầu lân càng nhảy nhót, đảo lộn theo thế võ, hai tay nhắc bổng đầu sư tử lên, rung rung cho tiếng nhạc trong đầu lân kêu to, phóng hai chân ra đá bật một võ sinh phường Hàng Hương lăn ra giữa mặt đường, lại vịn mình phi song cước đá một anh múa kiếm của phường Hàng Hương ngã bổ nhào vào gầm xe bò.

Nổi giận, Yêu Râu Xanh xông vào trả đòn người múa sư tử phường lạ mặt. Người múa sư tử ấy nhảy sang bên, nhắc đầu lân khỏi đầu mình, rung nhạc kêu giòn giã, nhẹ tay ném đầu sư tử cho một võ sinh đỡ lấy. Lúc đó Yêu Râu Xanh trợn mắt nhìn kẻ địch. Thì ra đó là một cô gái có khuôn mặt đẹp, búi tóc, mặc áo cánh nâu, quần lĩnh, thắt dải lụa đỏ quanh lưng, chân giẫm đất. Cô gái mặt thản nhiên, không thờ, không mệt, nhìn thẳng mặt Yêu Râu Xanh, cười mỉm:

- Võ sư lạ lắm ư? Tôi chỉ là một gái quê từ Hà Đông kéo quân ra đây dự cuộc thi đoạt giải múa lân, nhân tiện xem tài vũ dũng của các phường lân Hà Nội. Nhưng xem ra thì tài năng các ông cũng bình thường.

Yêu Râu Xanh bốc giận, múa quyền đánh cô gái múa sư tử Hà Đông. Hai người thử sức nhau bằng quyền thuật. Hai bên ngang tài. Nói vậy là vì nể Yêu Râu Xanh mà không nói thẳng, bởi một đòn song cước lẽ ra đánh trúng ngực Yêu Râu Xanh, nhưng cô gái múa sư tử Hà Đông đã rụt chân lại, chỉ đánh nhẹ vào cánh tay ông Râu Xanh dữ tướng.

Cô gái Hà Đông nhảy lùi lại, che miệng cười.

Ông Râu Xanh đỏ mặt, nhưng không nổi giận, bởi cô gái múa sư tử Hà Đông đẹp quá. Tất cả võ sinh, đệ tử ông Râu Xanh đều tinh mắt nhận thấy sư phụ suýt thua. Họ thu vũ khí, ngừng chiêm trống.

Cô gái Hà Đông tiến đến trước mặt Râu Xanh, giơ hai bàn tay không lên, tươi cười nói:

- Cuộc đấu võ đến đây đã xong rồi. Xin mời sư phụ và huynh đệ phùng Hàng Hương vượt lên đoạt giải. Anh em chúng tôi xin lỗi, và xin bái biệt trở về Hà Đông ngay bây giờ kéo trời đổ tối.

Phải nói là nửa dân Hà Nội bịt kín Hàng Đào, Hàng Ngang xem cuộc thi võ đặc biệt này. Khi đã nhìn rõ gương mặt đẹp, cơ thể thanh nhã, và những đường võ khùng khiếp của cô gái đội đầu sư tử Hà Đông, bà con mới thì thào:

- Sư tử Hà Đông, Sư tử Hà Đông!

Thì ra nó là như thế.

*Người Hà Nội, số 42/1996)*

## Hoang thai

**C**hị là cái thứ đàn bà đã trải qua non thế kỷ làm ái tình với lính lê dương nghĩa là đã có cái sức khỏe ném mười anh sãng đá da đen qua cửa sổ, tát “mông ma ghì” liền ba cái, tung túi dết hăn ra đường rồi thờ phì phò như đầu xe hỏa lên dốc, than tiếc cái chữ trình ba vạn của mình đã trao nhầm chàng Sở tóc quăn, dẫu rằng trong khi ấy chị đang giấu một anh tình nhân trong tủ áo. Chị đã ở biên thù với các đấng Từ Hải sống cái đời lính thú nhưng không hát khúc “ba năm trấn thủ lưu đồn”, mà lại hát Mác-xây-e để giết những “dân phiến loạn” Cổ Am, Yên Bái.

Và chị đã ở Tông, ở Đắp Cầu, ái ân với tất cả cơ này, đội khác, rồi thì lại một dạo lấy tàu má chín.

Ấy thế mà tôi được gặp cái “trường đua ngựa” ấy hôm nay, trong một ngõ cụt phố cửa Đông.

Thực vậy, tôi đi tìm chị chúa-me này với tất cả thiện chí của một kẻ ký giả trái khoáy, nghĩa là một kẻ làm báo không biết gõ cửa những ông quan chính phủ mà phỏng vấn về chương trình cứu nước nuôi dân hay là - cho sát thời sự hơn - đi phỏng vấn cái quái nhân về các trò ma tịt, mà lại dẫn xác vào hang cọt tìm gặp mẹ chúa me này. Để làm gì?

Thưa rằng để xem một lũ lợn con, sản phẩm của thời đại loạn.

Chị chúa me đã hết cả vẻ hồng nhan, trông chị via-cà-cộ như chiếc xe cút kít thời Hà Nội còn thả đèn dầu và chiều chiều có con lừa vĩ đại đi tưới nước đường các phố.

Tôi đã leo lên cái thang lộ thiên mà những bậc lát xi măng vỡ nát nhiều vì đầu đinh giầy lính tấy. Bước lên sàn gác, tôi phải sừng sờ. Trước mắt tôi: đúng bảy chị nhà quê vừa nằm vừa ngồi ngổn ngang trên hai lá chiếu rải liền. Mỗi người ôm một đứa con. Chị chúa me mời tôi ngồi xuống chiếc ghế sa lông thổ phỉ, mặt da bọc đã nát bét như da mặt một me già như chị. Và nghe mấy chiếc răng nhuộm cốt trâu, chị nói:

- Đĩ đại, ai bảo thấy nó vào không chạy, để nó tóm được rồi thì ềnh mẹ nó ra. Chừa thì đẻ, xấu chó gì!

Nghe chị chúa me cong cớn nói, tôi sức nhớ đến những lời giáo huấn rất hùng hồn của một bà đốc trường nữ học hồi thịnh Sa-Tiền đã ban cho mấy nữ sinh, mà bây giờ, thầy đã lên rừng đền tội ác, mà trò thì một số ít đã rất thạo cái nghề vành ngoài bảy chữ...

Chị chúa me trở một ả gái non ngồi quay mặt vào tường kéo áo lau nước mắt ôm cái bọc hài nhi mà tôi đã trông rõ cái đầu nhọn hoắt, mấy sợi tóc quăn lơ thơ trên màu da đen trũi. Thằng bé ưỡn người khóc, mở mắt trắng dã nhìn lên trần nhà như lên cơn sài uốn ván.

- Con bé này mới mười bảy tuổi. Chui xuống bè tre ngâm dưới ao sen rồi, nó chưa đi hẳn đã chui lên tắm rửa cầu ao. Nó lòi lên. Thế là đẻ ra con chuột nhất.

Chị đứng lên vạch cái tã phủ kín một cục than nữa đang ngủ ở chân tường:

- Cha mẹ đẻ cái thằng nhãi này, mặt mũi trông mà gớm! Về sau tha hồ đẹp giai như bố!

Tôi cúi xuống nhìn để tưởng đến bộ mặt Cáp Tô Văn của rạp Quảng Lạc ngày xưa. Người mẹ đang ngồi vá mớ giẻ không còn hình là mảnh áo quần, càng cúi đầu thấp xuống. Thằng bé cựa quậy, người mẹ ẵm con lên vạch vú teo cho bú, rồi quay vào tường khẽ nựng “Dào ôi, bố mà!”.

Một người mẹ nữa ở phía tường kia tự nhiên cười khúc khích. Tôi ngoảnh lại: cô ả này răng trắng, lông mày kẻ chỉ. Ấm thẳng bé có đủ sáu nét gạch trên hai má, môi đầy thâm như cặp chỏ, ả tiến ra cửa sổ mà hát ru bài “Chiến sĩ hải quân”. Chị chúa me lườm dài một cái:

- Cái con này thì truyền đời mười lần đẻ hoang. Càng đẻ nó càng vui sướng.

Cô ả quay ngay lại:

- Chứ làm sao ạ? Giời sinh đàn bà để đẻ ra con chứ đẻ ra chó đâu mà sợ. Nó đen hay nó trắng, cần gì. Khỏi đứa lên bà lớn mà cũng đẻ ra con khác máu, thiên hạ vẫn đăng báo mừng rồi cả lên.

Ả cười sảng sặc và lại ru con bằng bài “Khỏe vì nước, kiến thiết quốc gia”<sup>3</sup>. Một tiếng nấc ở sau lưng tôi. Người đàn bà đứng tuổi ngồi úp mặt vào bàn tay khóc. Chị chúa me trề môi nói:

- Khóc cái xác mẹ mày à? Nó chết thì bọc lại, bỏ vào đáy sọt rác, sáng mai đổ lên xe rác, thế là xong nợ, rồi còn đi kiếm cơm mà nhét vào mồm chứ. Quý hóa cái gì mà xót với thương.

Tôi hỏi chị chúa me:

- Chị nuôi những người này để làm gì?

Chị cười nhạt:

- Có đứa được chúng nó thương hại cho búu xe nhà binh mà ra đây. Có đứa vì xấu hổ với chồng con, làng nước, mà cũng bò ra để kiếm việc làm. Tôi mới vợ được lũ lợn nhón lợn nhỏ này đem về nuôi chơi đấy rồi thì... làm gì có người thừa, hở ông!

Chị nheo mắt cười một cách rất Tú Bà.

Tôi bước xuống cầu thang. Tiếng khóc của lũ trẻ nhũn nhẽo như mèo con sắp chết khiến tôi se lòng nghĩ đến cái xe rác ngày kia sẽ đến hút dần chúng đi như hút những cái rác không tên tuổi.

Ra đường, tôi đi rảo bước. Hôm nay Hà Nội vào thu. Tiếng chuông giáo đường văng trên thành phố khiến tôi nghĩ nhiều về tiếng khóc của lũ hài nhi vô tội và bọn đàn bà oan nghiệt trên căn gác nọ.

*Ông Chọc Tiết*, nxb Ngày Mai H., 1950

---

<sup>3</sup> Bài hát của Hùng Lĩnh thời Chính phủ Quốc gia lâm thời trước Cách mạng tháng Tám.



# Buôn xác

**"T**hế này thì quá lắm! Giời giết đê mất thôi!

Tôi ngoảnh lại, cái người vừa oán trời đó là một anh bạn buôn xác chết, nghĩa là anh làm cái nghiệp cho thuê đòn và bán áo quan. Mặt anh rất buồn trên chiếc ca vát mà tôi tưởng tượng có biết bao âm khí tử thi đã ám vào từ cái ngày anh khởi sự tậu nhà bằng nghề nhận đám.

- Thật là giết đê, ai ngờ thằng cha đã chết đến cổ, con cháu đã sửa soạn chia nhau khăn áo đẹp rồi mà còn sống lại.

Anh giận lắm. Để anh nguôi cơn nóng, tiện ngay kia, tôi kéo anh vào một quán giải khát mà chủ quán là một gã đã nổi tiếng nói năng khoác lác.

Không muốn nghe anh bán nước khoe tài bán nước, tôi kéo anh buôn xác chết vào một chiếc bàn ở góc nhà đồ, thăm như bãi mồ hoang.

Anh bạn suốt đời chứng kiến cảnh tang tóc của tôi nâng cốc đá lạnh lên uống một hơi rồi đặt cốc xuống mà nhăn mặt nhố, chê rằng cam ừng. Anh nhăn mặt mãi, như một con người rất vệ sinh xưa nay sợ mùi người chết, khiến tôi, một phút tưởng rằng đang ngồi trước một bậc hiền nhân quân tử vốn rất khinh bỉ Việt gian nhưng mà rất tôn thờ mẫu quốc.

Lát sau anh bạn nhà tang hết lợm giọng, và cũng hết luôn cả giận, anh nói buồn như bài kèn lâm khốc:

- Cái nghề của tôi nhiều lúc tức mà muốn chết mẹ nó đi để cho vợ con nó chôn quách mình như là mình đã chôn thiên hạ. Có những chỗ ăn chặt cả

trăm phần, mình một mặt tự đến nhà con bệnh thăm nom giữ đám, một mặt phái yêu tạ đi bao vây quanh cửa nhà con bệnh để đánh đòn cản lũ đồng nghiệp tinh ma. Mất bao nhiêu công sức, thế rồi thì là con ông cụ đếch chết cho, sống lại chừng nửa tháng để rồi một sáng tốt đẹp kia thẳng đồng nghiệp khác nó tò te con ông cụ qua cửa hàng mình mới tức chứ!

Anh bạn nhà tang ngừng nói, đánh diêm châm thuốc lá. Trong bóng chiều tàn nơi ngôi quán đồ nhìn điệu thuốc lấp lóe trên cái mặt đen tựa tròn nôi của bạn, tôi tưởng rằng đó là cây bạch lạp cháy hắt hiu trên tấm vải đen phủ quan tài...

Khói thuốc phủ quanh khuôn mặt bạn, tôi lặng lẽ nhớ đến mùi hương đen trên mồ đất mới. Anh đứng dậy:

- Nếu không bạn, mời anh cùng đi với tôi đến một nhà kia, để tìm cảm giác. Cái nghề các anh là lúc nào cũng thèm cảm giác chứ gì! Thì đấy, cảm giác sẽ phi thường lắm.

Tôi theo anh. Và anh đã dẫn tôi vào nhà xác.

Ông già gác cổng vốn là cánh hầu, nghe giọng đã biết là tri kỷ hàng ngày. Cánh cổng sắt hé mở và đóng lại kêu rợn như hàm răng người giã chết nghiền vào nhau.

Ở cửa nhà xác, một người đang khóc. Anh bạn ca vát đen mắt sáng lên, xông ngay đến người đó, làm tôi nghĩ tới cảnh một đàn quạ săn gà con. Anh ngả mũ chào người ấy mà rằng:

- Thưa ông, thân nhân của ông đã bất hạnh qua đời, chúng tôi xin trân trọng chia buồn. Bây giờ thì công việc tổng táng, ông cứ tin cậy ở hãng chúng tôi, vốn là một hãng lớn có xe bốn ngựa vô cùng lịch sự, cờ quạt, nghi trượng, linh xa toàn mới sắm, phu tráng lễ độ mà giá tiền tính rẻ hơn tất cả mọi nơi. Thưa ông, một lần nữa, tôi xin trân trọng chia buồn...

Người đàn ông chẳng trả lời, bởi vì y đang khóc như mưa. Tôi mang máng nhớ y là một người thợ giày ở phố tôi, vừa cầm vừa điếc.

Anh bạn ca vát đen lại xoa tay:

- Thưa ông...

Tức thì, một người mắt xếch môi thâm từ đằng vườn hoa nhà thương sẫm sẫm tới. Hắn bước vào nhà xác. Tôi nhìn theo hắn, tôi đã trông rõ năm sáu tử thi vô thừa nhận chồng chất lên mấy nắp quan tài gỗ mỏng.

Tôi đánh bạo bước tới gần. Những bàn chân hoặc bằng bó sừng phù, hoặc tím ngắt duỗi song song, mặt che mảnh giấy, nằm bình tĩnh như những con người đang ngon giấc.

Tôi để ý nhìn người mắt xếch. Hắn lật mảnh giấy ở mặt tử thi người đàn bà trẻ tuổi nằm ở bên ngoài, lại che giấy lại quay ra toan nói với người đàn ông đang khóc, nhưng thấy đồng nghiệp là anh bạn ca vát đen của tôi đây, hắn trừng mắt rồi cười khẩy:

- Thưa rằng đám này tôi đã nhận ngay từ khi bà ấy mổ được ba ngày. Có quý ông đây làm chứng. Hắn viện chứng nhưng người chứng điếc câm, không nghe thấy họ nói gì, chỉ khóc.

Bạn tôi có lẽ nào chịu kém, anh nghiêm mặt nói:

- Cái đám này nhất định phải về tôi. Chỉ có hãng tôi mới có ngựa tốt xe đẹp, phường nhạc giỏi, bú dích lối tây, hay là trống kèn cải cách, hay là già lam cổ điển. Mà giá thì... rất rẻ, nếu cần ra thì hãng tôi đây vì nghĩa đồng bào mà làm công không, để tỏ cái tinh thần người dân một nước với nhau.

Người đồng nghiệp mắt xếch cười ba tiếng mà rằng:

- Anh nói dóc như một gã nghị viên Viện dân biểu. Cái thá gì mà lại làm công không khi cái thằng sống cần chôn thằng chết để mà có cơm ăn.

Rồi đó, gã mắt xếch quát to:

- Anh quả thật là một đồ tồi, một kẻ buôn xác chính tông!

Anh bạn ca vát đen của tôi ngửa mặt lên trời cười nhạt:

- Ở ờ, tôi, anh, chúng nó đều buôn cả. Thế đấy!

*Ông Chọc Tiết*, nxb Ngày Mai H., 1950

## Hành khất, hành văn

**T**ừ cái thuở Hà Nội băm sáu phố phường, tôi - một cậu bé con đã được ăn Tết cổ truyền của Thủ đô lưu giữ khá nhiều kỷ niệm. Thời gian trôi như nước chảy, nhiều chuyện cũ quên đi, duy mẫu truyện ngắn ngủi này, tôi không sao quên được. Nó nhắc nhở tôi nghĩ đến nó, nhớ đến nó, nhớ đến đau lòng. Tôi bẫm sinh là thằng nhỏ mau nước mắt, dễ buồn dễ khóc những chuyện không đâu. Hàng năm cứ đúng lúc thành phố nổ ran pháo giao thừa, tôi chui vào cái giường nhỏ bé của tôi trong góc kín, kéo chiếu chiếu phủ lên tấm chăn bông mỏng manh, nằm lắng nghe pháo thiên hạ đón xuân.

... Mấy ngày Tết năm xưa rét lắm, một chăn dạ, chăn bông không đủ ấm, tôi phải dùng hai lá chiếu phủ lên chăn mới đủ ấm, nằm nhắm mắt suy nghĩ chuyện đời. Tuổi thơ còn non dại, đã biết cuộc đời ra sao, sống chết vui buồn là cái gì, thế mà, đúng giờ giao thừa đêm ba mươi, tự nhiên tôi cảm thấy buồn vợ vẫn, buồn không duyên cớ, không muốn nói với ai, không thích nhìn mặt ai, chỉ thèm chui vào một xó, nằm nghĩ ngợi đến chuyện nhà trường, chuyện thầy, chuyện bạn tốt xấu, chuyện anh chị em trong nhà lục đục hay êm ấm. Chỉ có thể thôi mà nước mắt đã rưng rưng. Cái xó tôi nằm giữa lối cửa ra vào. Nửa đêm sắp giao thừa, mẹ tôi, theo thường lệ hàng năm, lảng xãng, te tái lo việc quan trọng là sửa soạn mâm xôi con gà luộc thật thanh khiết, chờ đến khi pháo nổ gần im tiếng là khệ nệ thân chinh bưng lễ ra vỉa hè trước cửa, hương hoa, đèn nến sáng choang, đứng rì rầm khấn vái đất trời, thánh thần, tiên tổ phù hộ độ trì an khang hạnh phúc.

Mẹ tôi đang thành kính khấn vái thì tôi tung chiếu, tung chăn vùng dậy trong tiếng kêu thất thanh của mẹ: “Ồi trời, ối đất ơi, chúng nó cướp mất

xôi gà lế của tôi rồi! Ối bà con ơi, chúng nó kia kìa. Đuổi bắt hộ tôi!”.

Đó là cái Tết đói năm Ất Dậu. Qua đêm rét, sáng nào cũng có xác chết phơi ngoài đường phố. Người qua đường, trước còn ghê sợ, nhắm mắt tránh mùi hôi thối, ruồi nhặng bu đầy xác chết, sau cũng quen mắt, quen mũi cứ bước qua xác kẻ tử vong, kíp vào chợ Đồng Xuân mua sắm Tết. Bởi vậy, tiếng kêu mất mâm xôi trắng nõn, con gà béo múp vàng ngậy mà mẹ tôi kêu khản cổ, chẳng ai chú ý. Có tiếng cười ran: “Sao bà dại thế. Chết đói đầy đường, chẳng ai bố thí. Đói đến nỗi ăn được thịt người, chúng cũng không tha hưởng chi mâm xôi gà béo ngon như thế, khác nào hồ đói vớ được mồi. Mất, coi như làm phúc cứu bản. Đừng xót của. Nhịn ăn cứu đói. Năm nay, Phật độ cho bà...”.

Người đàn ông đi qua đường có lý. Tôi vội chạy ra, kéo tay mẹ tôi vào. Và suốt từ lúc mất xôi gà, tôi cười, cười ôm bụng, cười nhịn thở, cười tưởng chết. Mẹ mắng tôi. Tôi đáp: “Con rất mừng vì nhà ta gặp Phúc. Thế là đêm nay, hai ba thằng ăn cướp ấy tạm thoát cơn chết đói. Không có xôi gà, thiên hạ ăn hộ mình rồi. Mai con nhịn đói, gọi là nhịn ăn đãi khách. Mẹ cười đi để mừng xuân, cái xuân phúc đức”. Mẹ tôi cười.

Pháo đón xuân năm ấy ít nổ, không liên chi hồ điệp như mọi năm. Xuân chết tiệt này giặc Nhật - Pháp làm cho dân Việt chết đói trên hai triệu người. Có người bảo: “Giá ta có súng đạn nổ vào đầu giặc dữ dội như pháo mọi năm để trả thù này thì ta vẫn chưa hả giận”.

Hà Nội vừa im tiếng pháo, mọi nhà chuẩn bị đi nằm, sau một ngày quá nhọc mệt bởi sửa soạn đón giao thừa. Tôi không vào giường, loay hoay chờ đón mấy ông bạn “văn nhân hành khất” sắp đến mừng xuân với những vần thơ tuyệt tác ứng khẩu thành chương.

Ngay từ thuở nhỏ năm lên mười tuổi gì đó, tôi đã thích thơ ca, thích cả văn xuôi. Cứ chờ bố đi làm vắng, tôi đã chúm mũi vào những sách thơ, những truyện tình yêu thời cổ lỗ. Tôi cũng ti toe tập viết văn, bỏ cả bài vở

nhà trường. Bố tôi, một lần, tóm được tôi đang say mê chép một bài thơ tình, bố nổi giận, vớ ngay cái nghiên mực bằng đá chạm hoa diêu, ném vào đầu tôi. May mà cái nghiên đá nặng đến mười cân bay chệch qua đầu, không thì tôi đã vỡ sọ, chết toi rồi. Nhưng viết vẫn là “cái nghiệp”. Tôi lớn lên, chừng hai mươi tuổi, vẫn mê say văn chương, cho đến bây giờ, cái nghiệp ấy sắp qua rồi.

Dân Hà Nội bắt đầu vào giấc ngủ đêm xuân, bọn người chuyên làm về chúc Tết bắt đầu hành sự. Họ không đông lắm, có chừng độ mười người, phần nhiều đứng tuổi, quần áo chỉnh tề, tuy vá víu. Mặt mũi người nào cũng sáng sủa, sạch sẽ, nghiêm trang.

Hàng năm, đúng giao thừa là các ông xuất hiện vào đúng cái thời khắc tối như đêm ba mươi Tết. Họ chia nhau, mỗi ông vài ba phố (khu Đồng Xuân). Mỗi người có “vũ khí” riêng. Đó là ống tre giang, văng, hay chỉ là một ống nửa xanh tươi to bằng cổ tay đục thủng một đầu. Các ông cùng một lúc, gõ đầu ống tre giang xuống bậc cửa nhà người ta, cất giọng êm ả dịu dàng, gần như ngâm thơ đủ cho chủ nhà nghe rõ.

*Súc sắc súc sê*

*Chúc khỏe quanh năm*

*Buôn một bán năm*

*Tiền vào như nước*

*Vàng vào cửa trước*

*Bạc vào cửa sau*

*Sinh đẻ lau nhau*

*Học hành tấn tới*

.....

*Súc sắc súc sẻ*

.....

Lời thơ, hay hò vè, chỉ cần đọc theo nhịp đập của ống giang hai ba lần là chủ nhà, dù keo kiệt đến đâu, cũng khẽ rút then hé cửa, dúi vào tay người chúc Tết một hào, có khi kèm cả chiếc bánh chưng, nếu thí chủ có thiện tâm thương kẻ đói. Lại một ông cuối phố, giọng vang vang, khiến người khó ngủ phải lẩm bẫm chửi thầm một hai câu tục tũn lẽ ra không nên dùng để họa lại văn thơ ứng khẩu của thi nhân hành khất:

*Súc sắc súc sẻ*

*Xin thương tôi với*

*Bát cháo chén cơm*

*Vạn đại nhớ ơn*

*Kính mừng xuân mới!*

....

*Súc sắc súc sẻ*

*Bước khỏe ra đây*

*Bát gạo cầm tay*

*Thí cho kẻ đói*

....



Tôi rất thích thơ văn ở cái tuổi bé con, lại thêm nét tò mò, tôi hé cửa lách ra vái chào ông thi nhân hành khất. Ông ngạc nhiên trước thái độ cung kính của cậu bé con đối với con người rách rưới mà thiên hạ đều khinh bỉ. Tôi sờ mó vào cánh tay xương xẩu của ông, vuốt ve miếng vải vá trên vai áo ông, giọng ôn tồn, lễ độ:

- Thưa ông...

Ông hấp tấp nắm bàn tay rét cóng của tôi, lắp bắp:

- Chết nỗi, tôi không dám... Cậu muốn nói gì?

Tôi cũng lễ phép:

- Thưa ông, cháu vừa được nghe ông chúc tết nhà cháu bằng những câu thơ hay lắm. Sao ông lại nghĩ ra được những câu thơ hay thế? Ông nghĩ từ trước, hay ông vừa mới nghĩ ra. Ông làm ơn dạy cháu làm thơ. Cháu yêu thơ lắm. Cháu đã đọc truyện *Hoàng Trừu, Tống Trân Cúc Hoa*... cháu mê thơ lắm ông ạ.

Ông thi nhân hành khất, vuốt mấy sợi râu đã ngả bạc, khẽ cười:

- Chết thật, cậu bé ơi, những câu tôi ứng khẩu đọc ra đều là vè cả đấy. Chứ thơ đâu lại lắm cẩm lác lếu, nhằm nhí như vậy. Ở quê tôi, những đứa trẻ chăn trâu đều biết hát trống quân, hát phường vải từ mấy chục câu như vậy. Cậu chưa về quê bao giờ hả? Cậu thử về vùng Bắc Ninh, Bắc Giang, xưa gọi là Kinh Bắc, chơi với lũ trẻ chăn trâu một ngày là tức thì cậu làm được thơ còn hay gấp trăm những câu vè tôi đọc lác, chúc Tết kiếm miếng ăn ngày đói.

Nghe ông thi nhân hành khất người Kinh Bắc nói, tôi kinh ngạc, đứng ngẩn ra. Tôi nghĩ bụng sẽ có ngày tìm về Kinh Bắc, gặp xem lũ trẻ chăn trâu ở đó thông minh tài trí đến thế nào.

Ngót một thế kỷ nay, tôi vẫn nhớ chuyện đọc thơ chúc Tết bằng ống nứa ngoài bậc cửa đêm ba mươi Tết, cho đến ngày nay cái tiếng ống giang bập bùng nhịp lời về chúc Tết của các thi nhân hành khất lại bay về bên mái tóc bạc này, văng vẳng ở bên tai tôi. Tôi xin thành kính tặng các bậc độc giả quá cao niên vốn sẵn công tâm với ngành văn bút bài *Súc sắc súc sẻ* ngắn gọn này. Lão già chúng ta cùng vui sống lại ngót trăm niên cổ lai hi.

*Người Hà Nội, số 2, 11/1/1997*

## Phấn hương

**B**ạn làng chơi chẳng lạ cái ngõ hẻm đầy người, đầy rơm rác, nặng “mùi bần tiện”, “mùi hạ lưu” ấy tại Hà Thành. Nhưng đây là một chỗ ăn chơi, thật là một chỗ ăn chơi huyền ảo, cuộc vui bắt đầu từ lúc sáng đèn.

Bước chân vào ngõ ấy, vào giờ vui ấy, tức thì người ta quên mùi nước cống mà để cho khứu giác xúc tiếp ngay với mùi thơm của một tiệm cao lâu âm ỉ những tiếng hò hét của các ông chiệc đang đánh bài cào, mặt chược, và những tiếng đàn ca lạnh lạnh của các cô đào Tàu mua vui cho khách đến ăn.

Liên đây là rạp hát tuồng, một rạp hát tuồng trường thọ nhất và được khán giả hoan nghênh nhất. Ngoài cửa bao giờ người ta cũng thấy treo tấm biển: “Tối nay đại diễn...” chữ viết bằng phấn nước của họa sĩ Trần Phệnh, nét chữ mềm mại quá, khiến người ta càng ngắm càng yêu. Mấy tàu lá gồi quần ngoài cửa rạp đã héo vì nắng gió, chiếc đèn lớn làm theo hình tấm hoành phi, phơi mãi ngoài trời, nên những chữ cắt dán hồ đã rơi rụng từng nét một, và giấy bạc hết mà thùng rách từng miếng lớn, trơ lại khung tre.

Đó là buổi hát đặc biệt, thiên hạ nô nức đi xem. Vì người ta chú ý ngay tự lúc chiều: một chiếc ô tô tã phun khói mù đường, trên chở một tấm biển lớn kê tên tích hát, và năm bảy đào kép, mặt phấn môi son, mũ giáp lịch sự như Tiết Đình Sơn, Phàn Lê Hoa nhà Đường; dữ dội, xấu xí như Chung Vô Diệm, Bao Công đời Tống. Những danh nhân thời chinh chiến ấy ngồi chồng chất lên nhau, chiều chiều đi diễu hết các phố, phơi mặt hè dưới nắng chiều hè còn nóng rát, hoặc dưới mưa gió buốt những chiều đông. Họ

đã quen với khán giả lắm rồi, mà dân các phố cũng thích nhìn những bộ mặt ấy, vì họ cho là một trò vui mắt vui tai.

Hà Thành thời đó không thiếu gì những sự ngang tàng. Muốn gặp những cái ngang tàng ấy, phải đến cái ngõ hẻm này, chỗ đấu chọi của các tay chơi.

Phong trào đâm chém của đảng Càn Long đang thịnh, cho nên những tay anh chị luôn luôn giắt roi da, dây điện, dao, búa làm khí giới cần dùng trong lúc thị uy để tranh cướp một con đĩ thập thành, hoặc một con sen ngoài máy nước. Nhất là ở cửa rạp hát tuồng trong cái ngõ đầy người, đầy rơm rác, đầy ruồi muỗi ấy - âu là tôi cứ gọi thẳng tên nó là ngõ Sầm Công - dân Càn Long càng muốn trở oai, hoành hành như những ông tướng đóng tuồng. Người lịch sự phải góm mặt các ông tướng đó, vì mỗi khi họ cần cà khịa, nhe chiếc răng đồng cười nhạt để thử gan một ông diện sang đi với một cô nhân tình xinh đẹp, thì tốt hơn là ông này cứ lẳng lặng mà đi.

Nhưng các ông tướng Càn Long lại rất nhún nhường, nịnh hót những ông tướng đóng tuồng, vì họ cần những ông này truyền cho họ dăm ba miếng võ tuồng.

Được nói chuyện với một kép hát trứ danh là một điều hạnh diện. Vừa thấy mặt ông kép mặt xanh xao đầu tóc rối bù, vận quần áo cánh lụa, nghênh ngang rẽ đám đông người vào rạp, là mấy ông tướng Càn Long chạy đến chào hỏi, mời kéo ra hàng nước để thết miếng trà, hay cốc nước chanh.

Ở thời ấy, đào kép hát tuồng được người ta yêu mến như bây giờ người ta yêu mến những ngôi sao màn ảnh..., nhưng thời ấy qua rồi!

Ngày nay người ta thích chớp bóng, thích cải lương Nam Kỳ, người ta quên hẳn nghề hát bộ, quên những người, chừng mười, mười lăm năm trước, đã được họ nhắc nhủ luôn, đã được họ ngắm những chân dung lồng trong khung kính treo ngoài cửa rạp, như ngắm những bậc vĩ nhân thế giới.

Phong trào của kịch trường mới đã đẩy họ lùi vào dĩ vãng tối tăm hoặc đưa họ về những năm mờ. Họ đã chết hay là đang sống không nghề nghiệp, hay là đang hấp hối, thở nặng nề mà tiếc than nghề cũ, thời xưa.

Đã lâu lắm rồi, tối nay tôi mới đi qua cái ngõ chật người, đầy muối, ngạt mùi hôi hám ấy.

Tôi đã vì một sự bất đắc dĩ mà chui đầu qua một khung cửa gần như đổ sụp xuống đầu tôi, và tôi đã đứng trong một căn gác gần như hũ nút. Bạn tôi bảo tôi ngồi xuống chiếc giường có sẵn một người nằm bên khay đèn thuốc phiện chưa lên lửa. Người nằm đó nhóm đầu lên, vợ chiếc giẻ lau khay đèn để chùi mũi, nhìn chúng tôi không biết nói câu gì. Bạn tôi lẳng lặng đặt giữa lòng khay một hộp thuốc một đồng, rồi giới thiệu cho tôi rõ người đàn bà ấy xưa là một danh ca của nghề hát bộ.

Nàng là Bảy Hoa.

Tôi tưởng đó là lời giễu cợt, nhưng không, ai lại giễu cợt một nỗi đau thương, một hiện hình của cái dĩ vãng sâu thẳm ấy. Vậy thì Bảy Hoa, chính thị nàng. Nàng, xưa là Sắc đẹp, xưa là Tài hoa, xưa là tất cả những lời tưởng lệ, mà nay, trái lại... tôi rất ngại ngùng vì phải tìm những chữ chẳng văn hoa để tả hình dung người đàn bà ấy.

Bảy Hoa! Tên nàng in vào óc tôi tự ngày còn nhỏ. Tôi bỏ học, nhịn ăn quà để lấy tiền xem hát, cũng như để thuê những truyện La Thông tảo Bắc, Chinh Đông, Chinh Tây, Thủy Hử, Tùý Đường. Mê xem hát và ham đọc tiểu thuyết Tàu đến nỗi bị thầy tôi treo ngược chân lên cành cây mà đánh, bắt nhịn cơm đến hai ba bữa, mẹ tôi xin hộ mới thôi.

Tôi thuộc tên các đào kép hơn thuộc tên các danh nhân trong sử ký; tôi thuộc tích hát hơn thuộc những bài học ở trường.

Nhất là Bảy Hoa, cái tên dễ nhớ làm sao! Tôi mê vẻ đẹp của nàng - tôi chỉ biết mê thôi, bởi vì tuổi thơ ngây tôi đã biết gì là yêu. Tối nào đi xem

mà Bảy Hoa không sắm trò thì tôi chán ngán chỉ muốn về. Không được đi xem, tôi nằm mê thấy Bảy Hoa, tôi thấy Bảy Hoa hiển hiện trên trang sách học, trong bóng ngọn đèn. Tôi vui thích mỗi khi Bảy Hoa đóng võ chém một tướng Phiên; tôi hồi hộp mỗi lần Bảy Hoa bị trúng mũi tên, xoa tóc than thảm thiết bên bức phong vẽ cảnh núi rừng.

Không bao giờ Bảy Hoa sắm vai đào phụ, vì người ta phải kính trọng cái danh và tài nghệ của nàng. Nhiều lần, chen lách vào lấy được chiếc vé hàng ghế cuối, tôi ra cửa thờ, và tôi đã phát ghen với mấy ông lớn rất sang khoác tay Bảy Hoa lên chiếc xe hơi, đưa nàng đi ăn uống trước giờ nàng vào rạp sắm tuồng.

Bảy Hoa đẹp như thế, tài danh như thế, ai mà chẳng đón đưa.

Bảy Hoa lại được hãng thu thanh mời hát vào đĩa nhựa. Tôi xin thầy tôi mua tất cả những đĩa có bản hát của nàng, và tôi đoán rằng được vậy, tôi sẽ không dám trốn học đi coi hát nữa.

Thế là ngày đêm tôi đã có Bảy Hoa ở bên mình, ở chung giường ngủ, ở trên bàn học và Bảy Hoa theo tôi về tận nhà quê, trên bãi cỏ, hát cho tôi nghe dưới bóng cây râm mát giữa cánh đồng. Trời ơi! giọng ngân dài như tiếng tiêu sâu, nỉ non và thắm thía như lời than thở ấy, tôi không mê một làm sao! Đây là lớp Hán - Sở tranh hùng, Ngu Cơ khóc biệt Hạng Vương trên bến Ô Giang vắng buồn khúc địch Trương Lương... Đây là lớp Bàn Phi quỳ ôm gối Nhân Tôn, kéo dài bào van lạy quân vương xin cho khỏi tội tử hình... Đây là lớp Bạch xà bị tiên ông hãm trong tháp ngọc..., Đát Kỷ làm nũng Trụ Vương đòi ăn gan nuốt mật Tỷ Can...

- Bảy Hoa ơi! Thời xưa mất hẳn rồi.

Tôi ngậm ngùi thương người đẹp ấy, nàng danh ca ấy, tối nay, một tối mưa đông buồn lạnh, một tối mà không biết vì đâu, lòng tôi cũng lạnh buồn như mưa. Cuộc gặp gỡ Bảy Hoa, hình sắc Bảy Hoa càng khiến lòng tôi

thêm chán ngán, và quả như lời kẻ buồn đời thường than thở, cuộc sống của con người ngăn ngủi quá chừng.

- Vừa mới năm nào!

Ừ, vừa mới năm nào Bảy Hoa còn được đời mển chuộng, đón đưa, mà nay thì thân tàn ma dại, mình gày bọc manh áo vá tanh hôi.

- Bảy Hoa hiện nay làm nghề gì cho đủ xài, đủ hút?

Nàng tiêm thuốc trả lời:

- Còn biết làm chi nữa! Nghề hát đã phế bỏ rồi. Chỉ còn một cách tự tử, hoặc sống mà ăn xin cho qua bữa.

Câu nói ấy se lòng tôi lại, nhưng Bảy Hoa vẻ mặt thản nhiên, vì có lẽ nàng đã dùng câu đó để đáp nhiều người, như tôi, đã thương hại hỏi nàng.

- Ông ạ, bọn anh em chúng tôi nay sống ít, mà chết thật rất nhiều. Tôi đã đi đưa đám những bạn tôi, hồi còn có sức; nhưng nay yếu rồi, tôi chẳng còn sức mà đi đưa đám nữa. Sau khi mất nghệ, chị Tám mà nay còn đĩa hát đấy, đã chết vì đau phổi, anh Sáu đã bỏ mạng bởi thiếu sài... còn kẻ sống sót như anh Hải thì soạn vở cải lương, như chị Thanh, chị Cường thì đi làm điếm. Còn tôi, tôi chỉ còn đủ hơi chờ một ngày rét quá, một buổi trời u ám quá...

Bảy Hoa thở dài.

Tuy căn gác tối như hũ nút, tôi cũng cố tìm xem có vật gì đáng giá ít nhiều, nhưng không. Tôi chỉ thấy trên tường đầy khói ám, mấy tấm ảnh lồng trong khung kính vỡ treo lệch lạc: ảnh Bảy Hoa chụp hồi còn trẻ. Bức thì chụp nàng mặc áo giáp Tàu sắm vai nữ tướng, bức thì chụp nàng ôm bó hoa to che gần kín ngực, tươi cười.

Bảy Hoa của thời xưa sắc tài đang lừng lẫy đấy! Bảy Hoa thuở trước đã qua rồi!

Tôi lại bước chân vào cái ngõ hẻm đầy người, đầy rơm rác, đầy nặng, đầy “mùi bần tiện, mùi hạ lưu” ấy một đêm sau, mưa gió lạnh lùng hơn. Và tôi lại khom lưng chui qua khung cửa thấp, trèo lên cái thang ọp ẹp gần sụp đổ, ngồi nhìn Bảy Hoa tiêm hết hộp thuốc lớn tôi mua tặng, nhìn những bức ảnh lúc thiếu thời treo trên vách bẩn nhện chằng.

Nàng kể cho tôi nghe những tích hát nàng thích, những đoạn tình kỳ dị, những người yêu thủy chung, si ngốc hoặc là đểu giả lọc lừa...

Tôi ngỡ cho nàng biết lòng tôi yêu mến sắc tài nàng hồi tôi còn thơ nhỏ. Nàng ngược mắt nhìn tôi:

- Trời ơi, đã lâu lắm tôi mới được nghe một người, là ông, nhắc đến sắc đẹp của tôi, nhắc đến một cảm tình gửi tặng tôi... tôi sung sướng quá...

Bảy Hoa ngồi nhóm dậy, lôi một chiếc hòm gỗ đầy bụi bậm ở gầm giường, mở lấy một gói giấy to..., nàng run tay trịnh trọng mở gói giấy đó ra, khẽ đặt lên lòng tôi:

- Đây là những bó hoa năm xưa, nhân dịp diễn giúp dân bị nạn, quan Đốc lý đưa tặng tận tay tôi... đây là bó hoa của một người... một người đã mất cả gia tài, cơ nghiệp vì tôi... đây là những bó hoa của một số đông khán giả... đây là... nhưng thôi, nó nào phải là những bông hoa tươi thắm như nhan sắc tôi năm ấy, ... nay chỉ là một đồng lá khô, cánh héo, hương sắc không còn.

Tôi bùi ngùi đưa trả lại nàng những bó hoa khô.

Nàng khẽ tiếp:



- Giờ trót đời tôi ước gì lại được bó hoa tươi của ai tặng nhỉ! Có một đêm tôi nằm mê thấy được như thế đấy. Song đùa vậy mà chơi, chứ đó chỉ là một giấc mơ mà!

Mấy ngày sau, vào một buổi chiều trời u ám, lá rụng nhiều, gió thổi nhiều, tôi đi lang thang bên bờ hồ Hoàn Kiếm, rồi qua chợ Đồng Xuân. Chợ đã tàn, chỉ còn một cô gái bán hoa, - trên rổ còn một bó hoa gần héo úa. Nhìn cô gái bán hoa mặt buồn rười rượi, quần áo tồi tàn, tôi tưởng tượng đến cảnh gia đình nghèo túng của cô, tôi vét tất cả xu trong túi mua bó hoa tàn úa ấy rồi đi.

Đang lúc không biết dùng bó hoa ấy làm gì, thì một chiếc lá rơi xuống đầu tôi, một hơi gió nhẹ thổi qua tai tôi như hơi thở của một người gần chết, tôi vụt nhớ đến Bảy Hoa. Vội vàng, tôi quay lại nhà nàng.

Nghe tiếng giầy tôi vừa giẫm cọt kẹt trên sàn gỗ nát, Bảy Hoa đang thiu thiu bên khay đèn không lửa, bỗng mở mắt nhìn tôi, gượng cười.

Ngồi bên nàng, tôi ngạc nhiên vì thấy đày mình nàng rắc kín những cánh hoa khô héo mà người ta đã tặng nàng, và nàng đã cho tôi xem đêm nọ. Nàng nắm tay tôi, thở phì phào:

- Ông làm ơn mở rộng cái cửa sổ kia ra, cho tôi nhìn thấy trời một lần chót nữa.

Tôi kính cẩn nâng bó hoa mua ban nãy, ghé tai nàng:

- Bảy Hoa, tôi tặng bà bó hoa này, tôi tặng bà tất cả tấm cảm tình của tôi hồi thơ nhỏ, và tôi cầu cho linh hồn bà siêu thoát.

Mắt sáng hẳn lên, nàng đỡ bó hoa đặt lên miệng hôn, rồi ấp lên ngực, hơi nhếch đôi môi xám nhạt:

- Ông đã làm giấc mơ của tôi thành sự thực, ông đã cho tôi một bó hoa cuối đời..., ông ơi, tôi mãi nguyện quá, vui thỏa quá...

Rộn người, tôi cúi đầu trước thi thể Bảy Hoa trong căn gác tối, khi ấy ngoài trời mưa gió vẫn thổi dài.

Sáng tác năm 1934

Đăng *Tiểu thuyết thứ Bảy*, số 163/1937

## Ở bãi

**T**ừ ngày trú ngụ dưới bãi sông, tôi thấy trong tâm hồn tôi có một cái gì mới mẻ, dường như một sự tiếp xúc hỗn độn hình bóng về tình cảm không rõ rệt.

Những buổi tối con sông mờ giăng, đoàn người lặng lẽ đi bên bờ sông kéo chiếc thuyền ngược gió, ngược dòng... Bộ mặt tối tăm khổ hạnh của bác thợ máy Gia Lâm và bác đồ tể chiều chiều uống say, ngồi bên chum nước, mài dao... Tất cả, hình này lẫn bóng kia, màu này pha màu khác, tựu chung dệt nên một bức tranh gầy ấn tượng khá sâu sắc.

Tôi thân thuộc dần dần. Người ta thôi không ngờ tôi nữa.

- Cái nhà ông ấy trông hiền quá nhỉ!

Tôi làm gì ai mà chẳng hiền. Tôi hiền cùng ngoại vật, hiền cả trong tư tưởng.

Bọn tôi, bác thợ máy và bác đồ tể. Hai bác ở cách tôi mấy ruộng dâu, tối thường rủ nhau cùng đến nhà tôi học. Tôi vui lòng bỏ thì giờ buổi tối dạy hai bác học tính, làm luận, địa dư, cách trí. Tôi lại nhận cả chân dạy lớp học Truyền bá quốc ngữ nữa. Phần thưởng khiến tôi vui thỏa nhất là nhìn những bộ mặt nghèo khổ kia sáng ra trên những dòng chữ đen, trên những con số khó mà họ vừa hiểu biết.

Tôi ở bãi đã được hai tháng. Bây giờ trời bắt đầu rét. Gió lùa vào những gian nhà lá, rét thấu xương. Tôi không kêu ca. Người ta chịu được, mình

cũng phải chịu được. Hãy giản dị đi rồi sẽ quen. Khi giản dị, người ta mới thấy cái đẹp đúng nghĩa của cuộc đời.

Một chiều. Tôi ngồi bó tay trước chiếc bàn gỗ mộc. Mấy tờ giấy trắng trước mắt. Bụi bốc mờ trên đường đê cao. Sóng vỗ ngoài sông ở sau nhà. Khóm chuối góc sân, xơ xác. Tôi mới cầm bút, bắt đầu một truyện dài. Sự bắt đầu là cả một thách thức. Tôi rụt rè, sợ lòng mình, sợ những hình, những bóng. Loáng như một lưỡi thép chạm vào xương, hình bóng đoàn người lẫm lẫm đi ngược dòng nước, giờ hiện ra dưới ngòi bút không động đậy. Ánh nắng nhạt cháy trên trang giấy, đẹp như vàng son. Tôi ước gì những tư tưởng tôi nghĩ trên giấy cũng đẹp như màu vàng son, những tư tưởng chói lòa, mắt trần không đọc được, ở đấy rồi biến ngay vào vũ trụ, bay lên những hành tinh. Nhưng than ôi, xác thịt con người vốn nặng, tư tưởng từ cái sợ tối như địa ngục thoát ra, có bao giờ có cánh. Tuy nhiên, tôi cũng muốn viết thử một câu. Câu gì chả được, miễn có một đường tơ vương cho vui bút giấy. Nặng tắp, giờ tôi rất mau. Đoàn ngựa của bọn “dô kê” quần thảo ngoài bãi cát sông đã lên đê. Bỗng một cảm giác gì làm ghé rợn não cân, tôi nhìn quanh.

Một hình thể xương thịt hiện ở góc nhà tự lúc nào không biết. Tôi đẩy ghế đứng dậy, có lẽ để tự vệ, có lẽ để... Hà! Tôi không thể nói rõ lý trí tôi lúc đó.

Nó tiến ra ngoài chỗ sáng, gần tôi. Một con bé, rách rưới chừng mười hai tuổi, ấy là đoán theo gương mặt, mà nếu đoán theo vóc người thì phải rút tuổi nó đi chút nữa.

- Con bé này, mà vào tự lúc nào?

Nó nhìn tôi không chớp và không đáp. Tôi hỏi nữa, một lúc lâu, nó mới nhếch miệng, giọng rất nhỏ:

- Cháu chui qua lỗ vách thủng kia. Cháu quen nhà này lắm, trước kia ông ngoại cháu ở đây. Ông ngoại cháu chết rồi.

Linh tính cho tôi nghĩ ngay đến lão già say rượu. Tôi lại nhớ đến một hai đêm tôi nằm mơ thấy lão. Lão đã ngồi ở chỗ tôi ngồi, lão đã nằm ở chỗ tôi nằm, khốn nạn, gian nhà lá chật hẹp này, đâu là không có hơi hướng lão. Tôi chú ý ngắm con bé. Nó nhìn lên nóc nhà, giọng phều phào:

- Ông cháu, ngày sống, có giữ cho cháu một cái gói đựng mấy hào. Ông cháu bảo phải để dành vài hào phòng khi về quê quán. Ông cháu dù thèm rượu, dù đói đến đâu cũng không hề mớ đến mấy hào của cháu. Cháu đến xin ông cho cháu lấy đi. Bây giờ ông cháu chết rồi, cháu cũng chưa chắc được người ta thả cho về quê, thôi thì cháu lấy mấy hào ấy mua hương hoa thắp mà ông cháu vậy.

Nói rồi, con bé trở lên mái rạ, chỗ ông nó giấu gói tiền. Tôi bắc ghế lên giường, trèo vạch mái ra xem, quả nhiên có một gói giấy nhỏ. Con bé đón lấy cái gói bỏ vào túi, len lén ra cửa, rồi lủi đi. Cái thân hình tiều tụy mất vào bóng tối...

Con bé kỳ dị làm tôi nghĩ ngợi. Ngày hôm sau, tôi nói chuyện này với bác thợ máy và bác đồ tể. Hai bác không hề biết lão già kia có con bé cháu ấy. Ở đây, ai cũng chỉ biết lão độc có một thân một mình.

Cách đó ba ngày, con bé lại đến. Mặt nó có một vẻ ngơ ngác, buồn khổ lạ lùng. Nó đứng cạnh bàn tôi làm việc, nhìn khắp gian nhà, mắt đỏ mọng lên.

Tôi cố dịu giọng cho nó khỏi sợ:

- Em đến gian nhà cũ này vì em nhớ đến ông ngoại em phải không?

Em bé gật đầu. Tôi bắt đầu lưu ý đến nó hơn, vì tôi thấy lòng tôi nao nao một niềm thương xót.

- Em ở đâu? Có bố mẹ không?

Con bé cúi nhìn xuống đất. Một lát, nó ngẩng nhìn tôi, rồi lại vắn cái dáng điệu sợ sệt như tối nọ, nó lủi ra ngoài.

Sau đó, hơn một tháng sau, con bé không đến nữa. Một buổi, tôi lang thang đi về vùng ô Yên Phụ. Xuống một con đường dốc, tôi chợt thoáng thấy hình dáng con bé khốn khổ kia sau một bờ rào tre bao quanh cái sân đất hẹp và ba gian nhà lá. Tôi dừng lại. Bờ rào thưa, cho tôi nhìn rõ những người trong sân. Con bé đang vo gạo bên chum nước. Có một mẹ đàn bà to béo ở trong nhà ra, quát tháo ầm ĩ, tay cầm thanh củi.

- Con ranh này, tao sai mày đi mua tương ngoài hàng kia mà mày đi mất nửa ngày. Bà thì đánh tan xác mày ra...

Mụ xăm xăm đến con bé, vụt đồm độp xuống nó. Con bé trước còn giơ tay đỡ, sau tay đau quá, nó rụt lại ôm lấy đầu, chìa lưng ra cho mụ vụt. Nó không kêu, không giãy. Tôi điên tức, muốn vào can thiệp nhưng vào làm sao, can thiệp thế nào? Thành ra, hôm đó ra về, tôi nuôi cái buồn, cái tức trong lòng, như chính thân tôi đã bị ai hành hạ. Tối hôm ấy, bác thợ máy và bác đồ tể đến học, tôi kể lại cảnh kia cho họ nghe.

Bác đồ tể đập tay vào đùi tôi, cười vang nhà:

- Ôi mẹ ôi, đó là nhà con mụ Mít. Tối nào mưa dầm gió bắc, ông có muốn đi giải sầu thì tôi xin hướng dẫn. Nhiều mềng sộp lắm ạ!

Tôi thấy một cái gì vang vỡ trong lòng. Con bé mới từng ấy tuổi, gày gò như thế! Có lẽ đâu!

Bỏ qua, tôi không nói gì đến chuyện ấy nữa. Mười giờ, bác thợ máy và bác đồ tể học xong ra về. Tôi làm việc, vừa cầm bút thì có một cái bóng lén vào. Con bé ấy! Vắn dáng điệu sợ hãi, nó ẩn sau lưng tôi, làm như có ai theo đuổi, cần tôi che chở.

Tôi biết ý, ra cài công.

Trong ánh lửa đỏ mờ, tôi nhận thấy nó lạ hơn mọi bữa. Mặt nó bôi phấn sáp, lông mày vẽ vụng về. Nó mặc cái áo lụa hoa đào, tuy giời rét đứt ruột. Vai áo rách sã một miếng, tỏ ra bị ai giằng xé. Nó run bần bật. Tôi cầm bàn tay gày nhỏ của nó, bảo:

- Em không sợ, đã có ta bên vực. Con mụ béo đánh đuổi phải không?

Con bé tròn mắt nhìn tôi. Nó lạ, sao tôi biết con mụ béo.

- Ta biết. Con mụ ấy bắt em tiếp khách chứ gì?

Con bé ôm mặt khóc nức nở.

- Ông ơi, ông chết đi để cháu bơ vơ một thân một mình, người ta đày đọa cháu thế này...

Nó điên cuồng, cào cấu mặt mũi, móc ngón tay vào chỗ áo rách, xé toạc thêm ra.

- Cháu không nghe lời nó được. Cháu sợ lắm... Nó bôi son, trát phấn vào mặt cháu. Nó bắt cháu cởi áo nâu ra mặc áo lụa này vào. Nó dỗ dành cháu. Dỗ không được, nó đánh. Cháu chạy. Một người đàn ông say rượu đuổi cháu đến đây...

Tôi không nói gì, lặng yên nhìn con bé khốn khổ như một con nai con bị kẻ đi săn dồn đuổi. Tôi ngồi trước ngọn đèn con. Ngoài giời mưa rét. Con bé mệt, nằm ngả đầu trên một cánh tay co quắp. Nó rên se sẽ. Tôi đặt tay vào trán nó. Da nóng như than. Tôi đỡ nó vào giường, đắp chăn. Nó lên cơn sốt rét, run lập cập. Tôi thức suốt đêm hôm ấy, lòng hoang mang, khổ não vô cùng.

- Nếu ta không cứu vớt, nó bị đọa lạc, sẽ rơi xuống vực.

Sớm hôm sau, để yên nó ngủ tôi đi lấy trước một món tiền tại một nhà xuất bản. Tôi đến nhà mẹ Tú Bà. Con mẹ thấy tôi nhận là anh họ con bé, và thấy tôi đến giả tiền chuộc nó ra, thì hí hửng, rất khả ố.

Đưa tiền và lấy giấy tờ của mẹ Mít xong, tôi về bãi. Con bé đã thức dậy, thấy tôi về, nó vội ngồi lên. Nó ngờ ngác nhìn tôi, nhìn một lượt khắp gian nhà, rồi lại vẫn dửng dưng, nó lên ra cửa như mọi bận.

Tôi kéo tay nó lại:

- Ta chuộc cho em ra rồi. Bây giờ em có thể yên thân ở đây với ta.

Nó trở mắt nhìn tôi rồi bưng mặt khóc.

Hôm ấy Chủ nhật. Hai vợ chồng bác thợ máy đi qua ngõ, chùng ngày lương, dắt nhau lên phố sắm sửa chảnh. Tôi gọi vợ chồng bác thợ máy vào. Tôi kể chuyện đêm qua con bé bị người ta ép, phải trốn đến đây, và sau cùng tôi nhờ vợ chồng bác đem nó về, nuôi nó. Vợ bác thợ máy, vốn hiền lành, phúc hậu, vui vẻ xin nhận nó làm con nuôi, bởi bác đang hiếm hoi chưa có mụn con nào. Vợ chồng bác xin đem con bé về ngay lúc đó để thuốc thang cho nó khỏi bệnh. Nhìn ba cái bóng đi khuất bờ rào, tôi mỉm cười, rất bằng lòng.

Tôi ngồi phác họa tương lai con bé. Trong khi ấy trời hửng nắng, sau mấy ngày gió bắc, mưa dầm.

*Tiểu thuyết thứ Bảy, số 432 năm 1942*



## Cuội già

**T**hăng Cuội ngồi gốc cây đa... Thừa rằng, ở trần gian này, lão cuội già của tôi hàng bao nhiêu năm nay ngồi ở lầu cao có hầu non đấm bóp, và xuống lầu ra đường thì lão ngự xe hơi.

Lão cố Cuội của cái thế gian toàn những cuội này rất phong lưu mà lại “phú quý sinh lễ nghĩa”, lão đã noi gương người quân tử thiết lập bàn đèn nha phiến ở trong buồng kín, hú hí với hầu non tiêm thuốc và khi say thì lơ mơ nhìn vào chụp đèn sáng bóng để ví cái đức lớn của mình cũng trong sáng như chất thủy tinh.

Cho ra vẻ con người hào hoa phong nhã, cố Cuội lại gây trong vườn rộng đủ tứ quý: thông, mai, cúc, trúc, và bể cạn có núi mẫu tử, có Bá Di, Thúc Tề, có khi trộm đào Vương mẫu, có cả Thái Thượng lão quân ngồi cửa hang luyện thuốc tràng sinh để nhìn vợ chồng ông Trạng nguyên áo gấm, chàng thì ngựa bạch, thiếp thì võng đỏ tàn xanh, và còn nhiều trò đẹp nữa.

Bởi thế tôi đã vội đến thăm lão Cuội tại tòa lầu hoa cao ngất ấy.

Đến nơi, thấy Cuội già đang đứng trầm ngâm trước hòn núi giả, màu đá mốc bụi rêu như bộ mặt nhuộm khói hun xám xịt của Cuội già, tôi cười nói:

- Tiên sinh sống thế này thật tuyệt. Bồng lai giữa lò sát sinh Hà Nội là đây chắc!

Cố Cuội không đáp vội, nhưng lộ rõ vẻ vui thích qua cặp kính gọng vàng quần thêm chỉ đỏ xanh như lá bùa đeo trên mặt lão phù thủy già.

Cố Cuội gật gù chỉ vào lũ hầu tiên xúm quanh chiếc bàn cờ bên khe suối, bảo tôi:

- Loài khỉ kia còn là chơi muôn kiếp nữa cũng không xong ván cờ thiên cổ ấy. Ví như là ngày nay, ông nhi, lũ khỉ người còn cứ là khổ sở với ván cờ danh lợi. Cho nên, tôi đặt những con khỉ đánh cờ này bên dòng nước cạn khô là có cái ý sâu sắc của triết nhân, ông hiểu rồi đấy chứ?

Cố nhiên tôi phải nghiêng mình kính trọng cái ý kiến thâm trầm của kẻ cư sĩ cao điệu ấy. Lão lại dẫn tôi ra đường núi phía Nam, trở một đám rước vua. Tôi nhận thấy mặt lão nghiêm hẳn lại, và hai tay vòng trước ngực như một đại thần cầm hốt, nhưng cố Cuội không nói cái giọng đại thần, mà lại nói giọng một chính khách bình dân, nghĩa là lão chửi một câu rất đều để tiết hết cả uất khí bấy nay tích lũy trong buồng phổi ám khói đen, rồi tiếp:

- Chứ lại không đáng chửi ư? Cái lũ “cuốc ra cuốc vào” vô quân vô phu này, chúng nó dám mở mồm kêu bỏ triều đình, bỏ mũ triều thiên, áo cấm bào, tàn vàng tán tía, thì ra điên đảo quá. Tôi không thể nào chịu được cõi đời này nữa. Thế này thì ra, mẹ kiếp, quân cu li, thần cu li, dân cu li, tút mo cu li hả! Cuộc đời bá đạo, vô loài, cho nên lão cứ đánh mũ ni che tai, không muốn bước chân ra đường nữa.

Cố Cuội làm ngay ra điệu lão; lộ khụ chống ba toong, kéo tôi ngồi xuống ghế xi măng, nhìn khóm trúc ở bên cánh cổng mà nói:

- Đời vô đạo, đời hỗn loạn, nên tôi trồng khóm trúc để cho thằng bố Bộ nhà tôi mỗi khi nó đi công tác xa về, nhìn khóm trúc mà sửa mình, nắn đức cho ngay thẳng, như loài tre quân tử ấy. Vì vậy mà thằng cả Bộ nhà tôi nó theo được cái đạo thánh hiền, cho nên dân chúng ca tụng lắm.

Tôi quay nhìn mặt lão, để càng ghê sợ cặp kính quăn chỉ đỏ xanh của con yêu già đang lên giọng tôn quân ái quốc cổ võ cho cái danh vọng bản thủ, xấu mặt của thằng con. Tôi cười, nói một câu trái khoáy:

- Thế mà báo giới nó vẫn công kích ông Bộ nhà ta rằng thụt két, rằng hiếp dân, rằng... thôi thì đủ thứ. Cái đó có hại lớn cho cái dòng dõi đại thần của cụ, cụ có tin không?

Cố Cuội cười ba tiếng, trầm ngâm một lát, rồi gật gù dẫn một đoạn điển tích về Khổng Mạnh để cải chính cái việc mà thiên hạ dám bảo ông Bộ của cụ hiếp dân, thụt két:

“Xưa đức thánh Khổng tuyệt lương bảy ngày. Thầy trò nhịn đói. Thầy Tử Lộ phát cáu nói rằng: “Quân tử cũng cùng đến thế ư!” Khổng tử đáp: “Quân tử mới cố cùng. Tiểu nhân mà cùng thì ắt làm bậy ngay”. Thầy Tử Cống vốn giỏi về khoa ngôn ngữ, có tính linh lợi, đi kiếm gạo mang về. Khổng Tử sai thầy Nhan Hồi (vốn đứng đầu trong số thập hiền) vào bếp thổi cơm. Cơm chín, Nhan Hồi bắc nồi ra. Thầy Tử Cống đứng bên ngoài nhìn vào thấy thầy Nhan mở vung bốc cơm ăn trước. Tử Cống lên nhà hỏi Khổng Tử: Đã là bậc hiền có thể thay đổi khí tiết được không? Thánh Khổng dạy rằng:

“Đã là bậc hiền, khí tiết như giếng sao, không mây nào che khuất được”. Tử Cống nói: “Chúng tôi theo thầy, đói no cùng chịu. Sao Nhan Hồi đã mở nồi ăn cơm trước”. Khổng Tử cười: “Ta dám cả quyết Nhan Hồi không làm sự đó. Ắt hẳn có duyên cớ chi đây”. Bèn gọi thầy Nhan hỏi. Thầy Nhan vòng tay đáp: “Tôi mở vung thấy lẫn ít tro than bẩn, bốc toan vất đi, nhưng lại nghĩ rằng ngũ cốc là vàng ngọc, cho nên tôi bỏ miệng ăn...”. Khổng Tử gật đầu khen phải. Thầy Nhan xuống dọn cơm. Thánh Khổng bảo học trò: “Ta đã bảo, khí tiết hạng người quân tử không bao giờ đáng nghi ngờ, vì nó không bao giờ thay đổi hết!”.

Trịnh trọng dẫn xong kinh điển, Cuội già nghiêm mặt tiếp:

- Đấy, ông ngẫm mà coi, nhà tôi có trúc lâm, tất phải có thất hiền. Bảy thằng con tôi, ba thằng làm quận trưởng, hai thằng làm tỉnh trưởng, thằng út làm to nhất, tựu chung cả bảy đứa đều là bậc Nhan Hồi. Cho nên tôi đã

hiếu thấu con tôi thẳng như trúc, sáng như giăng. Thế thì mẹ kiếp, có khi nào tôi lại tin rằng nó hiệp dâm, nó ăn cắp tiền, cho dầu là hiệp những con đàn bà ở cái thời loạn này không cần đêch gì trình tiết, cho dầu là chọc két moi tiền không lấy gì làm sạch lăm thì cũng ví như thầy Nhan bốc cơm hớt ăn cho khỏi phí của giờ, thế mà thôi! Làm cái thá gì mà cứ chửi nặng cả lên, hả hả!

Lão cố Cuội trở vào mặt tôi mà hỏi, công phần như một đại thần trí thức bị thằng nhỏ rình bắt được quả tang đã hiệp cả vú em.

Tôi cả sợ, vội ra đường. Vả ngoảnh lại, tôi thấy lão Cuội già ung dung đứng dậy, khoanh hai tay trước hòn núi giả sơn, có lẽ để suy nghĩ nhiều thêm nữa về ván cờ liên miên bất tuyệt của loài khi độc trong cái cảnh nước non đầy bụi xe chinh chiến ấy.

Nxb Ngày Mai, Hà Nội., 1950

# Ông thầy đàn

**T**ố Hà ạ, hàng ngày có những cảnh rất tầm thường, những chuyện rất tầm thường, tầm thường quá đến nỗi người ta không cần lưu ý tới, mà sao tôi cứ phải bận lòng, không thể nào quên được dễ dàng.

Bạn vẫn giễu tôi:

- Nghề tiểu thuyết của bọn anh lồi thoi lắm. Thấy được cái gì, nghĩ được cái gì, nghe được cái gì, là tức khắc các anh bắt chộp ngay lấy mà viết cho thành truyện, y như người đi săn vớ được mồi ngon.

Tôi không cãi Tố Hà.

Tôi muốn nhắc lại hồi năm tháng trước, một nghệ sĩ và tôi vào chơi Nam Kỳ. Chúng tôi đã thấy trong sinh hoạt ồn ào, phong phú của Sài Gòn Chợ Lớn một cảnh khiến tôi nhớ mãi đến ngày nay. Đó là một người đàn bà mù, trán hói cao, mặt xương xương như khuôn mặt đàn ông, thường ngồi lê la ở các sân ga xe điện. Mụ gầy đờn bầu và hát cải lương, bao giờ cũng chỉ một điệu và một giọng buồn thảm lạ lùng! Trước mặt mụ, một cái thau đồng nhỏ. Bên lòng mụ, một đứa bé gái uể oải gõ cái que theo nhịp mẹ hát, và hai đứa trẻ gày gò chốc lờ dựa vào nhau mà ngồi im lặng cho ruồi nhặng bám khắp mình. Mỗi lần đứa nhỏ khóc, con chị lại bỏ chiếc que đánh nhịp xuống đất, dỗ em. Nó dỗ không được, mụ phải ngừng hát để ẵm đứa nhỏ lên lòng. Chờ lúc nó chịu nằm yên, mụ mới dờ dẫm vịn trực đàn, lên dây lại, dạo vài tiếng rồi lại ca nốt bài Tứ đại oán, Vọng cổ hay là Trường tương tư, kể lẽ một đoạn tình dang dở hay là tốt đẹp của một vị tiểu thư nào đó,

một vị Vương phi nào đó..., - bao giờ cũng chỉ một điệu và một giọng buồn thảm ấy.

Từ biệt Nam Kỳ, biết bao cái đẹp, cái vui, tôi không nhớ, - tôi chỉ nhớ có tiếng đàn bầu, giọng hát của mù lò, tôi chỉ nhớ hình ảnh bàn tay run rẩy của mù lò mỗi lần rời bỏ chiếc que đờn để vỗ về đứa con nít khóc, dịu dàng ru cho nó nín, rồi lại hát, vẫn hát, - bao giờ cũng chỉ một điệu và một giọng buồn thảm lạ lùng.

Có những tối mùa đông, tôi lạc vào một gia đình, ở đấy, bạn tôi rót mời tôi li rượu mạnh. Lòng tôi tự nhiên vui vì được nhìn lửa réo trong lò, được nhìn vài đứa trẻ kháu khỉnh đùa nghịch cười khúc khích trong chăn ấm, một cô bé tóc xanh hây còn buông xõa chui đầu vào mền học nhăm lại bài thi.

Tôi cũng thấy lòng say, mỗi lần được lạc vào một căn phòng, ở đấy, bạn yêu tôi kiêu căng như một bà hoàng, ném cho tôi cái nệm bảo ngời, ấn điều thuốc lá vào tận môi tôi, đánh diêm châm cho tôi hút rồi cứ để tôi ngồi yên dưới gối, bạn nằm dài trên đi văng đọc nốt trang sách quý bạn đang mê... Quanh chúng tôi là im lặng.

Có những đêm gió réo ào ào, mưa nặng hạt đập vào cửa kính, tôi thoáng thấy hai bóng người dật dứ nhau chạy vụt qua để ẩn dưới mái hiên. Đó là một kẻ gần mù đưa đường cho một kẻ đã mù, hai người “nghệ sĩ”... bán lạc rang, đem nghệ thuật ra dùng để nuôi nghề và để sống với nghề. Trong bóng tối, họ cất tiếng sáo lên..., sầu nào làm sao, réo rắt làm sao! - bạn yêu tôi để rơi cuốn tiểu thuyết tình xuống ngực. Tiếng sáo phả vào mưa gió xa dần, xa mãi, vì trong bóng tối, hai người “nghệ sĩ” đang dật dứ nhau, lang thang khắp hang cùng, ngõ hẻm của Hà thành...

Lòng tôi ám nặng một u hoài. Tôi sức nhớ đến mấy bạn cùng nghề của tôi, lúc này đang quây quanh một khay đèn trong tiệm hút, say sưa bàn về một tờ báo sắp ra đời... Tôi sức nghĩ tới một thi sĩ, quần áo tồi tàn nhem

nhuốc, mang sách đi chào bán tận từng nhà, nhưng mà chẳng ai thèm nhìn đến tập thơ của ông.

Có những đêm khuya vắng, ở một cuộc vui trở về nhà, mùi rượu, mùi thuốc phiện, mùi phấn chưa bay hết, nằm dài trên chiếc xe buông kín mui, tôi đã thấy, trong sương lạnh xuống mù trời, một bà lão già ốm yếu cúi lom khom, nhặt những lá khô rơi rải rác giữa mặt đường, trên hè gạch, ném vào đôi thúng gánh đi. Bà lão cứ lom khom nhặt thế mãi, đi thế mãi, hết đêm này sang đêm khác, hết cả một mùa đông.

Còn biết bao cảnh tầm thường hơn vậy, tầm thường quá đến nỗi người ta không thèm lưu ý tới, nhưng tôi cứ phải bận lòng, không thể nào quên được dễ dàng.

Tố Hà có hiểu tại làm sao?

Bây giờ, đến chỗ tôi cần giới thiệu cùng bạn đọc ông thầy đàn mù của tôi: ông Sáu.

Ông Sáu nằm bên khay đèn thuốc phiện với một người bạn phong trần.

Người bạn phong trần, mỗi lần tiêm xong, lại lẳng lẳng gí đầu dọc tẩu vào môi người mù. Người tàn tật này bắt ngay lấy mà hút một cách ngon lành, rồi lại nằm yên, ngửa mặt lên trần vôi ám khói. Họ không nói với nhau một câu, mà cũng chẳng còn gì mà nói với nhau nữa, vì trong ký ức họ, trong lòng họ có bao nhiêu câu chuyện cũ, họ đã kể cho nhau nghe hết cả rồi. Bây giờ, họ chỉ ngấm ngấm chịu những nỗi đau đè lên tâm hồn họ, bây giờ họ chỉ thầm tính toán làm sao đủ bữa hút chiều nay, bữa hút sáng mai... Những ước vọng lấp biển vá trời đã chết theo với tuổi trẻ, những thời phí bạc ngàn mất đi, ngày nay họ chỉ nghĩ đến sự tàn tiện từ đồng hào, đồng trinh nhỏ, tới một chút sái vụn rơi xuống chiếu, khay đèn.

Nghe tiếng giầy bạn tôi, ông Sáu ngồi nhóm dậy, nói giọng Huế, bởi ông là người Huế:

- Thầy Mai đó phải không? Tôi nghe nói thầy đàn tấn bộ lắm rồi. Bữa nay thầy xuống xóm hát hề?

Mai không muốn ông thất vọng:

- Tôi đưa một ông bạn xuống học đàn.

Gương mặt ông Sáu vụt tươi lên, cặp mắt mù tịt hồ muốn mở to ra để nhìn cái người mà thần Tài đã run rủi đến để sắp đưa cho ông một món tiền.

Người bạn phong trần của ông Sáu là người Bắc, từ này năm yên cũng ngồi nhóm dật, cười niềm nở:

- Thầy học đàn, thực là nên lắm, hay lắm, vì đó là một lối chơi nghệ thuật hơn hết thầy. Chúng tôi sẽ xin hết lòng, hết sức.

Thế rồi, ông Sáu và người bạn phong trần xoắn xuýt lấy tôi, nói toàn về âm nhạc. Hai cái xác ban này năm như chết, lúc này cùng đột nhiên sống lại, nói rất nhiều. Thành thử, tôi không từ chối được, vả thực tình thì chẳng nữ, nên tôi buộc lòng làm người học đàn bất đắc dĩ, lỗi đó là ở bạn Mai tôi.

- Chừ, thầy học bài Nam, há? Phải, ai mới học cũng bắt đầu bằng mấy bài Nam. Nhưng chắc thầy đã tập qua đàn rồi?

Không muốn khoe mình đã biết âm nhạc tây tự lâu năm, tôi đáp ông thầy đàn rằng tôi chưa biết gì, mà cũng chưa mó đến cây đàn bao giờ cả.

- Chừ, thầy hãy xơi nước đã. Hương đâu đây? Con pha trà dâng hai thầy đi con.

Hương là một thiếu nữ mới lớn, đẹp một vẻ buồn của người xứ Huế. Nước da Hương xanh dìu dịu, có lẽ nàng không đánh phấn, nhưng đó chưa hẳn là một cố, mà còn cố nữa khiến tôi phải hoài nghi: biết đâu đó chẳng là



màu da của một người thức nhiều đêm trắng vì nghề. - Nàng đeo kiềng và mặc áo màu lá cây non, màu áo ấy, gương mặt ấy đủ gợi cho tôi nhớ đến tất cả những cô gái kinh kỳ xa xưa, nhưng bao giờ cũng sống trong lòng tôi.

Hương nhè nhẹ bước tới gần, cười nụ:

- Rước thầy xơi nước.

Nàng đặt chén nước trà loãng gần như nước lã bên tay tôi, rồi lui ra đứng thập thò ngoài cánh cửa.

Ông Sáu vừa giơ tay sờ soạng, Hương đã vội bước vào kéo cái ống điếu, nạp thuốc vào miệng điếu, đánh que diêm, chờ cho ông Sáu hút xong, nàng mới lui ra, đứng ngoài cánh cửa.

Người bạn phong trần của ông thầy đàn giơ tay với lấy cây tam thập lục đưa Mai, rồi ông với cây tỳ bà để lên lòng mình, cười như một người sung sướng nhất trần ai:

- Chúng ta hãy họa chơi một bản cho vui đã, thầy Mai.

Mai không lưỡng lự, họa liền.

Dứt bài ấy, đến lượt ông thầy đàn mà tôi đang muốn được biết tài nghề.

Ông Sáu ngồi chững chạc, nâng cây nguyệt lên, sửa qua cung bực, gẩy bài Tứ đại.

- Hương ngồi ca hai thầy nghe, con!

Hương bẽn lẽn bước ra, vén áo ngồi ghé trên đầu tấm ghế gỗ dài tôi đang ngồi. Tôi nhận thấy Hương vì sợ lệnh cha, hơn là vì sự chiều khách mà ca.

Nghe tiếng đàn thần của tay nhà nghề chơi đàn đã ba mươi năm có lẽ, nghe giọng ca hay của cô gái Huế trong ánh đèn vàng đục ở một căn phòng

nhỏ hẹp, tôi mê mê cảm như mình đang ngồi trong một khoang thuyền trôi giữa dòng sông Hương lặng lẽ những đêm nào..

Hết bài Tứ đại, ông Sáu đặt cây đàn xuống chiếu, khiêm tốn nói:

- Bữa ni, tôi đờn không hay, mà con bé cháu nó mắc ho nên ca cũng dở quá chừng.

Ông còn nói khiêm tốn vài câu nữa, tuy chúng tôi đã hết lời khen tài nghệ của ông và của cô Hương. Hương nhìn tôi bằng đôi mắt cảm ơn, hai má nàng hây hây đỏ. Tôi không biết nàng thẹn vì nàng vui sướng, hay vì một lẽ gì.

Tôi hẹn ông Sáu: một tuần lễ tôi chỉ có thể đến nhà ông một lần vào chiều thứ Bảy.

Hôm nay mới là thứ năm. Chín giờ tối ở thư viện ra, tôi không có việc gì làm, không muốn về nhà vội, mà cũng chẳng biết đi đâu. Tâm hồn tôi nhiều khi có một cái trống rỗng mênh mang ấy. Lòng tôi nhiều khi bị xâm chiếm bởi những nỗi chán chường nó làm cho tôi thành kẻ chán đời. Đường vắng, ít người và xe pháo. Những chiếc lá bàng run trên cành khô lừ lừ bay xuống, chạy xiết trên mặt hè ướt át. Nhớ đến gian phòng tối tăm ấm áp của ông thầy đàn Huế, tưởng tượng đến bàn tay xinh nhỏ của cô gái Huế sẽ bưng chén trà nóng mời tôi, tôi gọi xe kéo xuống Khâm Thiên.

Thấy tôi đến không nhằm thứ Bảy, ông Sáu ngạc nhiên, mừng. Còn Hương, tôi nhận thấy Hương nhìn tôi với đôi mắt sáng hơn, bạo dạn hơn ngày thường. Nàng đỡ chiếc mũ dạ ở tay tôi, móc túi lấy chiếc mùi xoa lụa hồng thấm những giọt mưa bám ướt. Người tôi, mới trong giây phút đã nóng ấm lạ lùng. Tôi thấy ngọn đèn dầu như biến thành một cái lò sưởi lửa đang reo! Tôi thấy không khí bao bọc quanh tôi thật là thân mật!

Tôi nằm với ông thầy đàn ấy mãi đến khuya, khuya lắm mà chẳng nghĩ đến sự về nhà. Tiếng huyền nào ngoài đường đã ngớt, tiếng phách ở các

nhà cô đầu bên cạnh đã im bật tự lúc nào.

Người bạn phong trần của ông Sáu hôm nay đi vắng. Ông ta đi kiếm tiền để về đây xài thuốc phiện. Có khi đi năm bảy ngày, có bận đi biệt hàng tháng. Nhưng theo ông Sáu rỉ tai tôi, thì người bạn phong trần của ông vẫn chỉ loanh quanh ở Hà thành để làm nghề... hành khất, song ai hỏi, ông Sáu bảo rằng người ấy đi làm việc ở một tỉnh xa.

Ông ta, hàng ngày thường mặc bộ tây tàng, đứng vợ vắn trong các phố đông người, đợi chờ một bộ mặt quen quen để niêm nở bắt tay rồi ghé tai hỏi vay tạm một món tiền nho nhỏ... Ông ta thường thấy đứng co ro ở bờ hồ Hoàn Kiếm, ở các ngõ tối tăm, hay ở cửa các công sở lớn, ngấp nghé một hồi lâu rồi mới đánh bạo lần vào phòng giấy các ông tham, ông phán, khúm núm gãi đầu, kể lễ bằng tiếng Pháp, với một giọng sàu sảo, những nỗi đau đớn của một gia đình có mẹ già vợ ốm, con sài... Ông ta có bận lại đàn tràng xông nhang vào giữa sa lông các nhà giàu để móc túi lấy ra thanh quế, mật gấu, con sâm Cao Ly, miếng cao hổ cốt, rồi liền thoảng ca tụng những cái hay của các vật quý ấy mới mang ở rừng về...

Thôi thì, với hết cách đê tiện, với hết mọi mưu cơ, với hết khóe lọc lừa, người bạn phong trần của ông thầy đàn đã phải dùng để kiếm tiền mua thuốc phiện sống lần hồi. Khi đã kiếm được khá rồi, ông ta lại trở về cùng nghệ sĩ mù, tay ôm một gói hoa quả, bánh mứt, chè tàu, và bất cứ lần nào, ông ta cũng không quên ra hàng áo cũ, mua cho mình và người bạn mù một thứ gì rẻ nhất để che bọc hai các xác gày còm trong những ngày đông.

Ông ta, trước kia là một thầy thông dây thép, chỉ vì tiêu lạm tiền nhà nước, hóa thành thất nghiệp! Tất cả những tiếng thì thầm của ông Sáu về lý lịch người bạn phong trần đó bắt tôi phải lặng im nghĩ ngợi, mặc dầu những câu chuyện ấy, những nhân vật ấy ta thường nghe giữa một cuộc chuyện vui, và thường thấy rất nhiều ở khắp Hà thành. Nhưng còn người nghệ sĩ mù nằm trước mặt tôi? Tôi muốn biết trong cái đầu tóc bao giờ cũng rối bù

kia có giấu kín một thiên ba đào ký, một quá khứ chứa ít nhiều cuộc thăng trầm?

Đây, người mù đã kể tôi nghe:

Rằng xưa, ông ở kinh thành Huế, trong một dòng tôn thất, giàu cả danh vọng, cả tiền tài. Tổ phụ ông xưa làm đại thần triều Nguyễn. Vì chính sự đổi thay, người lui về quê ẩn dật nhưng ít lâu sau, máu sôi thời cuộc, người liền nhập đảng Cần vương, rồi bị giết giữa một cuộc xung đột cùng quân Pháp. Song thân ông Sáu phải dắt díu nhau vượt núi sông tị nạn, bởi có lệnh triều đình truy nã tru diệt cả họ hàng ông.

Mẹ ông chạy về trốn lẩn ở một vùng quê, và sinh ông tại đấy. Ông đã trải những cảnh loạn li cực nhục, ông đã chăn trâu, cắt cỏ, làm thuê. Khi ông lớn lên, thân phụ ông vì bạo bệnh mà chết. Kinh thành Huế đã vào thời bình trị, ông quả quyết từ biệt mẹ già, đeo khăn gói ra Kinh, tìm cách tiến thân. Ăn đờ, năm chờ mãi, ông được vào Nội các giữ một chức tầm thường.

Ở gần chốn Ngai vàng, ông đã từng được nghe những câu chuyện bí mật ở miệng các cận hầu, các cung phi về đức vua Thành Thái. Ông đã rùng mình về những cảnh hung tàn, bạo ngược mà Ngài bày ra làm trò giải trí, như là bắt các bà Vương lấy thân cung làm nơi họp chợ bán hàng. Ngài cười ngửa đi làm khách mua, nếu thấy bà nào chào đón vụng về, hoặc trai lơ quá, tức thì Ngài chém chết liền. Ngài bắt các cung phi khóa thân tất cả, xếp thành hàng một như đội nữ binh bồng gươm đi diễu trước mặt Ngài. Lúc được lệnh truyền, họ phải nằm rạp xuống, rồi bắt đầu từ người thứ nhất, Ngài nằm lẩn lên mình họ đúng ba lần. Tới lần thứ ba, khi Ngài mệt mà ngừng lại trên một cung nữ nào, thì cung nữ ấy được đội ơn mưa móc đêm hôm ấy, tỉ như đời xưa các nàng phi ganh nhau thả rắc lá dâu... Nhưng mà vị cung nữ được Ngài ngừng lại trên mình đó, đôi lần mừng, song cũng đôi lần bay hồn, mất vía, là vì máu điên biến đổi tính Ngài một cách khôn lường: ngài dựng cái xác thịt nõn nà ấy lên sai đội nước sôi từ đầu tới gót.

Ngài ngồi ngắm một cách cực kỳ khoan khoái, kẻ khốn nạn bị bóng, giầy, kê lên, sau cùng nhe răng ra chết đứng. Thấy vậy, Ngài nổi giận cho là đã chết còn cười, lại sai dội thêm nước sôi vào miệng, rồi đứng dậy, tự cầm gươm khoét mắt, rạch mồm, xẻo từng miếng thịt ném đi.

Ông Sáu đã được thấy ngôi sao chổi mọc ngang trời nhằm chiếu xuống chỗ hoàng cung, giữa đêm đức vua lên ra ngoài thành đi trốn, nhưng người ta lại lúng túng bắt được Ngài ở trong rừng. Bởi câu chuyện Ngài bỏ ngôi này, người ta mới đoán rằng tất cả những trò chơi tàn ác nói trên kia, chỉ do Ngài giả bệnh điên để dễ dàng xếp đặt mưu cơ lừa người Pháp.

Câu chuyện một đấng Vương mạt vận của nước nhà do ông thầy đàn kể, làm tôi say hơn khói thuốc, cảm hơn đọc trăm cuốn sử của ngàn năm xưa. Khói thuốc tỏa trước mặt tôi, quanh mình tôi như một áng mây trời đem lại cho tôi một cảm hoài vô cùng thống thiết. Ông thầy đàn còn kể tôi nghe những cuộc nổi chìm của ông trước đây bởi một sự khảng khái bí mật riêng mà bỏ Kinh thành Huế ra xứ Bắc Hà, cảnh ngộ ba đào xô đẩy ông vào số phận một người tôn thất vong quốc, vong tộc, lo từng bữa cơm, bữa hút, thiếu từng manh áo, tấm quần, trong khi những người thân thích với ông đang ngồi ghế cao ăn lộc của triều đình, chính phủ.

Ông Sáu ngồi dậy nâng cây đàn tỳ, nổi lại đường tơ mới đứt, gẩy bài Nam Ai.

- Hương đâu? Con ca theo cho thầy nghe đi con!

Không thấy con gái đáp, ông Sáu ngơ ngác nhìn quanh bằng cặp mắt mù.

Có tiếng nấc ở phía sau, tôi ngoảnh lại: Hương đang gục đầu vào cánh cửa, ôm mặt khóc. Có phải người con gái Huế ấy khóc những cảnh huy hoàng đã chết rồi của ông cha từ mấy mươi năm cũ, hay khóc những cảnh lầm than, nghèo khổ ngày nay của mình?

Thấy tôi bắt gặp, Hương vội vàng lau nước mắt gượng cười với tôi, rồi nàng ngồi gõ nhịp ca.

Lúc này, Hương vẫn đẹp như người kỹ nữ sông Hương!

Hà thành ướt át dưới mưa xuân, và ồn ào, tấp nập vì sắm Tết.

Hôm nay, trời rét lắm, tôi đã sai người mang xuống cho ông thầy đòn chiếc áo tơ dạ cũ và một số tiền. Người ta đã vác cành đào đi bán rong ngoài phố. Người ta đã đi sắm những giành hoa cúc vàng tươi đẹp, những giò thủy tiên lá nõn mượt xanh, những cành hải đường hoa thắm đỏ như những nụ cười của các nàng xuân nữ. Thấy mấy cô em gái tôi vui mừng tíu tít đua nhau gọt thủy tiên, thi nhau làm mút, ngắm cho nhau những tấm áo đẹp mới lấy ở hiệu may về, tự nhiên lòng tôi chạnh nhớ tới người con gái Huế nghèo nàn, xấu số, sống âm thầm lẫn với các ca kỹ xóm Khâm Thiên. Tôi bảo em gái tôi ra chợ chọn mua cho tôi một bó hoa thực đẹp, rồi tôi gọi xe kéo xuống nhà ông thầy đòn. Gõ cửa và đứng chờ đã một hồi lâu, tôi mới nghe thấy tiếng rút then, đó không phải Hương, chính là ông Sáu đã rờ rẫm cố tha cái xác ồm ra mở cửa cho tôi. Tôi hỏi đến Hương. Người mù khốn nạn vật mình nằm xuống, trèm chần rên một lúc, rồi mới đáp tôi:

- Không dám giấu thầy, mấy tháng nay tôi thiếu ăn, thiếu hút, cho nên cơn nghiện nó vật tôi thành ồm thế này. Con Hương nó thương tôi lắm, nó khóc suốt ngày vì tôi. Rồi thảm quá chừng, thầy ạ, hôm kia, nó quỳ xuống bên giường, nắm tay tôi, nó khóc, van lạy. Tôi đành cắn răng mang nhục cứ liều để nó bán mình cho người chủ cô đầu mà lấy tiền xài. Cùng quá, chẳng thể nghĩ mãi tới sự giữ gìn danh thơm cho một giò quý tộc, danh gia - mà giữ làm gì nữa, hả thầy! - tôi đành cho nó theo mụ Bảy sang bên nhà hát ở gần đây.

Người mù kéo mép chần lên mặt, lau nước mắt.

Tôi cảm thấy lòng tôi tan vỡ, mặc dầu, đối với Hương, trước sau tôi chỉ có tình thương. Sao sự đời lại trở trêu đến thế! Ngày xuân, người ta đi mua hoa về ngắm, thì trái lại, ở chỗ tối tăm này, người mù khốn nạn phải bán con đi, bán một bông hoa đẹp nỡ nà đi để xài, để hút. Gian phòng lạnh lẽo và yên lặng như một cõi mồ. Tôi ngắm bức ảnh Hương, treo bên mấy cây đàn chụp hồi còn nhỏ trong vườn Tĩnh Tâm ở Thần kinh, rồi ngậm ngùi nhìn xuống bó hoa vẫn cầm ở trong tay, tôi phân vân không biết dùng bó hoa tươi đẹp ấy để làm gì.

(Năm 1934)

## Tôi là thi sĩ

“**T**ôi đã vào tới Huế. Việc tôi cần làm trước hết là đóng chặt cửa phòng, ngồi viết bức thư này gửi anh.

Tôi cần kể anh nghe những nỗi vinh nhục trong mấy năm tôi sống ở Hà thành. Mà tất cả những vinh nhục đó đều ở trong nghề làm thi sĩ của tôi. Tôi đã bỏ học để làm thi sĩ. Tôi đã ăn cắp, ăn trộm để làm thi sĩ..., thôi thì chẳng còn thiếu tật gì. Vậy mà tôi cứ vênh mặt đeo cái danh từ to tát ấy trong một năm trời đấy. Âu là nghiệp dĩ tự trời! Bây giờ khi đã tỉnh ngộ, tôi thù văn chương hơn thù một thằng hung nó giết hụt mình, và thề không bao giờ để nó quyến dụ như xưa nữa.

Đạo ấy, một buổi tôi được hân hạnh khoác tay mấy nhà văn, nhà báo đi ăn chả cá và đi hát cô đầu. Được ăn với văn nhân, được nằm ngả nghiêng thân mật với văn nhân, đó là cái mộng tôi nuôi từ lâu lắm.

Trước giờ hẹn, tôi chải chuốt cực kỳ cẩn thận. Tất cả những thứ dùng trong người tôi đều mới hết. Soi gương, tôi thấy mình sang trọng quá, đến nỗi tôi ngỡ tôi sắp sửa đi làm bạn với những ông Hoàng. Tôi luyện điệu bộ, dáng dấp cho có vẻ trang nghiêm, đứng đắn, tôi sắp đặt những lời ăn nói để chốc nữa, tiếp các bậc văn nhân kia cho xứng với giá trị của dòng tôn thất đất kinh kỳ.

Đã đến giờ. Tôi nóng ruột, lo rằng mình hoặc vô duyên hoặc đã vụng về mời chẳng khéo lời nên các văn gia giận không cho mình cái may mắn được theo hầu.



Nhưng không, những văn gia yêu kính của tôi đã đến kia rồi. Tôi đứng trên bao lơn gác vui mừng nhìn xuống, một đoàn xe tay kiểu mới rầm rộ đổ, trong số đó, tôi thấy có cả mấy cô rất đẹp, đáng chừng là nữ sĩ.

Tôi hồi hộp, luống cuống xúc thêm nước hoa vào đầu, vào mùi xoa, quần áo. Tôi gò lại cái nút ca vát cho bé hơn tí nữa, vì đó là một mối của giới ăn chơi Hà Nội. Tôi đếm lại số tách uống nước và số ghế ngồi xem có đủ không.

Chờ đến năm phút mà chưa thấy ai lên, tôi chợt nghĩ ra các ông bạn, bà bạn danh giá của tôi có lẽ đang đợi chủ nhân xuống nghênh tiếp rồi mới chịu lên. Hồi hận mình thiếu xã giao, tôi vội chạy xuống dưới nhà. Vừa bước hết bậc thang, tôi đã nghe thấy tiếng gắt nhau, mắng nhau ầm ĩ. Thì ra các văn gia đang nhường nhau trả tiền xe, nhưng ai nấy đều vỗ túi để phân trần là chẳng có một đồng chình nhỏ. Tôi sợ nếu họ cứ vỗ túi phân trần với nhau thế mãi, ắt sẽ xảy ra xung đột, vì tôi thấy mặt người nào cũng sát khí đằng đằng, tôi vội nhanh nhẩu chạy ra, nghiêng mình chào trân trọng, rồi tươi cười tranh giả tiền cho tám anh xe vừa vịn chần một đồng bạc giấy.

Họ rầm rộ trèo lên thang gác. Gót giầy tây đóng cá, gót bọc sắt giẫm ầm ầm, đến nôi cái cầu thang ồm yếu sẵn phải trêu mình xuống. Bà cụ chủ chạy ra trợn mắt nhìn, lau nhàu chửi rửa bằng những câu tục nhất của những người đàn bà An nam.

Bây giờ đến cuộc giới thiệu quý danh các danh nhân. Tôi nắm những bàn tay thân ái một cách hân hoan cảm kích, tôi nghiêng đầu chào những bộ mặt hoa một cách niềm nở, hữu tình.

Tôi lóng cọng pha nước đưa mời từng người một, đánh diêm châm hầu thuốc lá từng người, lảng xảng chạy đi, chạy lại, rồi đỏ mặt khi nghe những câu khen ngợi của các nhà báo, nhà văn đã hết sức phục văn tôi.

Cuộc đàm luận chứa toàn lời ca tụng về tôi đúng nửa giờ. Tôi cảm thấy no nê vì những lời ca tụng ấy mà quên hẳn việc mời các bạn đi chả cá, nếu nhà văn chính luận Quốc Hồn không cười rất lớn để phá tan cái không khí văn chương bằng vấn đề “nghệ thuật vị nhân sinh”:

- Thôi Hồng Vân thi sĩ hãy cho đi chén đũa, đói lắm rồi.

Hồng Vân thi sĩ! Các ngài nghe thấy gì chưa? Ông Quốc Hồn vừa gọi tôi là Hồng Vân thi sĩ đấy! Thực là danh giá cho tôi. Vậy thì tôi còn đợi gì mà không mở tủ sách moi nốt cái món tiền dành mua xe đạp để tối nay đem đi khao cực kỳ long trọng cái mỹ hiệu “Hồng Vân thi sĩ” của tôi!

Tôi nhét tập giấy bạc vào ví, rồi dẫn đầu cả một đội binh danh sĩ ra ngoài phố. Tôi ngửa mặt nhìn thiên hạ, tôi đi ngằm với bất cứ ai rằng: đừng vô phúc mà chạm đến các bạn tôi, vì cô nữ sĩ của tôi đây sẽ làm ngay bài thơ đăng báo chửi, nhà báo của tôi kia sẽ viết ngay một bài thời sự đại hải tràng giang để nói xấu kỳ cho kẻ vô phúc ấy phải đến tòa báo mà xin lỗi bằng vài chục bạc mới tha. Trêu vào nhà báo, nhà văn, tức là chạm phải vía hung thần. Ấy, tôi yên trí thế, là vì các bạn tôi thường nghiêm nghị tự trở vào ngực bảo tôi rằng: “bọn chúng ta là thần linh cả, vì bọn ta sống trên một thế giới tinh thần cao khiết”.

Nhưng lúc này, khi mà những cặp chả cá đã bốc mùi thơm ngào ngạt trên chiếc hỏa lò than nóng, khi mà mùi mắm tôm sặc sụa trên mặt chiếc bàn bừa bãi những bánh đa, bún, lạc rang, rau mùi, và rượu đổ ra lênh láng, tôi mới thấy cái câu nói trên kia hơi sai nghĩa. Vì các văn nhân của tôi ăn một cách tục tũ vô cùng. Tôi không ngờ những miệng hoa kia ban nãy ngâm cho tôi nghe những câu thơ Đường bằng một giọng êm như tiếng nhạc cung thiềm, vậy mà, lúc này những miệng hoa ấy ăn hung tợn như gấu ăn trắng. Tôi không ngờ những văn nhân của tôi lúc này ăn dữ dội tựa một bọn người chạy lụt đói bảy ngày và nói bần quá những kẻ tầm thường, đều cáng.

Song việc đó không làm tôi ngã lòng sớm, vì tôi nghĩ: các bạn có yêu tôi thì mới chiếu cố thực thà như vậy.

Khi các bạn đã hả hê, ngồi vờn bụng thở, hoặc đứng lên đi bách bộ, thi sĩ Kiếm Thần xướng lên vấn đề đi hát để khao trước một tập thơ của tôi sắp ra đời.

Cả bọn ồn ào biểu đồng tình. Tôi không có can đảm chối. Và bây giờ tôi lại được cái hân hạnh dẫn đầu các văn nhân thi sĩ xuống Khâm Thiên. Cả mấy nữ sĩ cũng đi dự cuộc vui, điều này khiến tôi ngạc nhiên hơn hết. Ái Hoa đặt bàn tay ngọc lên vai tôi nói ngọt ngào:

- Hồng Vân ạ, bấy nay yêu tài Hồng Vân, bây giờ gặp mặt Hồng Vân, không hiểu sao tôi quyến luyến khôn cùng... Tôi muốn Hồng Vân cắt nghĩa tôi nghe duyên cớ ấy...

Tôi sung sướng nhìn Ái Hoa, Ái Hoa nữ sĩ đã yêu tôi!

Trong nhà cô đầu, các bạn tôi hút thuốc phiện như thần, nghịch đùa như quỷ. Tôi thì ngớ ngẩn chẳng biết gì, chỉ ngồi bên Ái Hoa, Ái Nguyệt nghe Kiếm Thần gõ trống.

Gần nửa đêm, Ái Hoa, Ái Nguyệt bảo tôi đưa về nhà. Tôi mừng rỡ vì được dịp may đi với hai người ngọc giữa đêm khuya. Tôi giúi tiền cho Kiếm Thần chi hát hộ. Một lát sau, giữa đường vắng, ba chúng tôi vừa đi vừa nói chuyện. Khi đưa Ái Nguyệt đến nhà rồi, chỉ còn một Ái Hoa đi cạnh tôi.

Chúng tôi thú thực mỗi tình. Rồi trước lúc chia tay, Ái Hoa hẹn sẽ làm tặng tôi một bài thơ trên một tờ Nhật báo. Tôi vui mừng như được mọc đôi cánh để lên trời.

Sau lần đó, các văn nhân thi sĩ đối với tôi đã là bạn chí thân. Chúng tôi đã “mày tao”, đã dốc túi chia nhau tiêu từng xu, từng hào một.

Các anh các chị ấy luôn luôn thúc giục tôi làm thơ, họ bảo rằng về văn nghiệp, tôi sẽ có một tương lai to tát lắm.

Mỗi khi làm xong được mấy bài thơ, hoặc đoản thiên tiểu thuyết, tôi lại để dành tiền đi mua bánh đậu xanh, chè tàu, thuốc lá, rồi viết giấy đạ mời các bạn văn thơ đến họp mặt dự tiệc trà và phê bình tác phẩm của tôi. Ái Hoa, Ái Nguyệt tranh nhau ngâm thơ tôi, Kiếm Thần, Quốc Bảo tranh nhau đọc đoản thiên của tôi rồi cả bọn vỗ tay ầm ầm tán thưởng. Mỗi lần như thế, tôi lại thấy người tôi lớn hơn một chút, và danh giá to hơn một chút.

Dần dần, tôi nhận thấy Ái Hoa, Ái Nguyệt, hai người có ý ghen ty nhau để yêu tôi và để được tôi yêu. Tôi thường niềm nở, đi chơi với cả hai người, thường mua quà tặng cả hai người, nhưng thực tình thì tôi yêu quý Ái Hoa hơn bởi Ái Hoa có một giọng rất hay để ngâm thơ, mà nàng lại dùng giọng ấy để ngâm thơ và bình văn tôi thì còn có thi vị nào bằng!

Từ đây tôi mê man về yêu đương, văn chương và bạn hữu.

Tiền cha mẹ tôi ở Huế gửi ra tháng tháng, tôi dùng để mời các bạn đi ăn, đi hát, để mua cho Ái Hoa, Ái Nguyệt đủ các tặng vật đắt tiền.

Tiêu pha liều lĩnh quá, tôi phải vay lãi bà chủ trọ và nợ ba bốn tháng cơm. Bà cụ đã có ý ghét tôi, càng ghét lũ bạn tôi hễ đến là giẫm ầm ầm thang gác, cười nói như bọn giặc.

Ngày xuân sắp đến. Các bạn một hôm kéo đến nơi tôi trọ để họp mặt. Bàn luận hồi lâu, kết cục các bạn nhất quyết khuyên tôi nên xuất bản một cuốn văn mùa xuân. Coi đó là việc to tát quá, tôi rùng mình, giẫy nảy lên mà chối, vì tôi vẫn cảm thấy văn chương mình hình như còn dở lắm. Nhưng các bạn văn cam đoan sẽ làm giúp tôi nhiều bài thật đặc sắc mà lại cho tôi làm tác giả. Các nhà báo thì hứa sẽ viết bài phê bình ca tụng nó, kỳ cho sách chạy hết, thu vài trăm bạc về đi hát mới nghe. Ái Hoa, Ái Nguyệt thì ôm lấy cổ tôi mà nói nựng như dỗ trẻ: “Anh nên cho đời biết tài anh để

chúng em được thơm lây! Nếu không, tình nghĩa chúng ta kể từ đây là đoạn tuyệt...”.

Nghe những lời thúc giục, khuyến khích ngon lành ấy, tôi xin phép các bạn cho tôi mười phút để nghĩ cho lung đã. Tôi tưởng tượng hàng mấy ngàn cô gái đẹp nồn nà sẽ ấp ủ cuốn sách của tôi vào lòng, sẽ đặt nó xuống dưới gối thêu khi ngủ để mộng một cuộc viễn du khắp trời xuân xa lạ với nhà thi sĩ đa tình. Khắp mọi chỗ sẽ có sách tôi, mọi người sẽ đón đọc văn tôi, cuộc hội họp ở các văn phòng sẽ kính cẩn nhắc đến cái tên “Hồng Vân thi sĩ”. Thật là vinh dự. Vậy còn lo gì mà không cho cuốn “Hương xuân” ra chiếm một địa vị trên văn đàn Việt Nam?

Tôi ưng thuận. Và khi cuộc họp tan, anh Kiếm Thần dắt tôi đến nhà in điều đình việc in sách, in quảng cáo. Xong việc ấy, anh Quốc Bảo dắt tôi đến nhà Vạn Bảo để tôi len vào đám đông người cầm cho chú khách Tàu tất cả những quần áo tôi mới may để lấy tiền đặt cho ông chủ nhà in. Vừa xong việc, Ái Hoa, Ái Nguyệt kèm tôi đi đến nhà một me tây già để bắt tôi xia tiền ra chuộc hai bộ cánh tân thời mà vì thua chẵn, hai ả đã phải cầm tạm từ tuần lễ trước.

Mấy ngày sau, khắp các mặt tường đầu phố, khắp các cửa hàng hiệu sách ở Hà thành, người ta đã thấy mảnh giấy vàng in hai chữ “Hương Xuân” và cái tên “Hồng vân thi sĩ” thực lớn bằng mực đỏ.

Mấy ngày sau nữa, trong khi khắp vỉa hè phố hàng Bồ, hàng Gai, các thầy đồ ngồi bán tranh Chuột, bán câu đối đỏ, chợ Đồng Xuân bán đào, bán quất, bán các thực phẩm dùng ngày Tết, thì ở khắp hiệu sách người ta cũng bày món hàng văn chương cao quý của tôi.

Đêm nào tôi cũng trần trọc trong chăn với trăm thứ mộng tình tốt đẹp. Sáng nào tôi cũng dậy rõ sớm cạo mặt, chải đầu bóng, mặc bộ tây cũ còn sót lại nhưng tôi đã thuê là gần như mới, mắt đeo cặp kính trắng mà Kiếm Thần đưa tôi mượn cho có vẻ đại gia thi sĩ, rồi tay cặp một mớ báo cũ, một

mớ sách mà tôi có ý để hở mấy chữ “Hương Xuân” và cái tên Hồng Vân thi sĩ cho người đi đường trông rõ. Tôi trịnh trọng bước xuống cầu thang, song phải bước rón rén kéo bà cụ chủ nhà gọi giật lại hỏi nợ, hỏi tiền cơm thì khốn. Khi thoát được ra đường, tôi vênh mặt, nghênh ngang đi lấy điệu, nhìn người này, ngó kẻ kia, có lúc cúi gằm mặt xuống cho ra vẻ một nhà thơ hay một triết lý gia đang mãi suy nghĩ.

Qua hiệu sách nào tôi cũng nhìn vào. Thấy cô hàng sách nào xinh xinh, tôi bước hẳn vào trong, định tự giới thiệu, nhưng tôi lại hồi hộp, ngơ ngác ra bộ tìm một cuốn sách, đoạn bẽn lẽn quay ra. Gặp mặt bạn ngoài đường, bất luận thân hay sơ, lớn hay bé, tôi níu lấy, bắt tay thật mạnh, rồi nói huyên thiên về văn thơ, báo chí.

Tết đã qua, sự nô nức của thiên hạ mừng xuân đã nhạt, tôi cặp một chiếc cặp da rõ lớn đến các hiệu sách thu tiền, vì tôi yên trí sách của tôi lẽ tự nhiên là phải bán hết cả rồi.

Nhưng sự thực trái hẳn điều dự tưởng: sách tôi không một ai mua! Các cô hàng sách xinh đẹp nhăn nhó kêu rằng từ xưa tới nay, chưa có một cuốn nào khó bán như thế, dù là một cuốn sách tồi mạt hạng, một cuốn sách chỉ đáng để vứt đi, một cuốn truyện kiếm hiệp ba xu bán như miếng rẻ lau bàn ghế.

Tôi như bị người ta ném xuống cái vực sâu ba mươi trượng! Tôi lại hốt hải chạy đi khắp các hiệu khác, và vực sâu kia tôi càng thấy nó sâu hơn.

Về nhà, tôi bỏ cả ăn uống, nằm thẳng cẳng như chết dờ.

Giữa lúc đó, tôi nghe tiếng giày giẫm lộp cộp trên thang gác, tôi tưởng là các bạn đến để mình được chia xẻ nỗi buồn, vội vàng ngồi nhòm dậy nhưng kẻ vừa lên đó là... bà cụ chủ nhà và ông chủ nhà in. Ông này, mặt hầm hầm hỏi tôi món tiền thuê in sách. Tôi sợ hãi đứng khúm núm gãi đầu tìm lời khất. Ông đập bàn đập ghế cự tôi, và ông báo trước trong ba ngày không trả

được, ông sẽ kiện tại tòa. Rồi ông hằm hằm đi xuống. Bà cụ chủ nhìn tôi như có vẻ mát ruột, bằng lòng lắm.

Tôi lập tức đi tìm các bạn, hy vọng lấy tình nhường cơm xẻ áo bấy nay họ sẽ cứu giúp tôi, song đập cửa từng nhà mới hay họ trốn mặt tôi.

Gặp Ái Hoa, Ái Nguyệt ngoài đường tôi cuống quýt vẫy, họ giục xe chạy thẳng, làm như chẳng quen tôi. Tôi tức giận, đến nhà Ái Hoa đập cửa, tên đầy tớ ra nhìn rồi nó thương hại kể tôi nghe: Ái Hoa, Ái Nguyệt chỉ là hai ả điếm làm nghề khiêu vũ trong các tiệm. Bọn văn nhân, thi sĩ của tôi xui chúng nó học thuộc lòng những bài thơ của tôi, tán phỉnh tôi để lợi dụng tính hiếu danh, hiếu thắng của tôi mà bóp lấy tiền, rồi chia cho cả bọn cùng tiêu. Việc bí mật này nó biết được là vì nó đã nghe trộm chủ nó và bọn văn sĩ nọ bàn định với nhau trước khi thi hành cái mưu kế nhét đầu tôi vào giỏ.

Tôi ngã ngửa người, tức giận đến phát điên. Nhưng may trong khi điên như vậy, tôi chợt nghĩ ra một kế để gỡ thoát nỗi nguy nan. Tôi gửi điện khẩn vào Huế cho thầy mẹ tôi nói là ốm nặng, hiện đang nằm ở nhà thương. Tôi phải nói dối, vì đã nhiều lần viết thư xin tiền nhà, tôi đều bị thầy mẹ tôi cự tuyệt không cho, bởi tôi tiêu hoang phí lắm.

Quả nhiên mấy hôm sau, tôi lĩnh được “măng-đa”. Tức khắc, tôi đi trả tiền ông chủ nhà in, tiền cơm trọ. Rồi chán Hà thành, thù cả sự nghiệp văn chương, tôi xách va li ra ga vô Huế.

Trên toa xe lửa, tôi ngồi thu hình trong một xó, chán nản hết sự đời. Than bụi bám đầy tóc, đầy lỗ tai, lỗ mũi, đầy quần áo, tôi không muốn lau, muốn phủi, tôi chỉ muốn liêu nháy xuống đường tàu cho những bánh xe ghê gớm nọ sả xác tôi ra làm nghìn mảnh, nghiền bẹp cái sợ khốn nạn chỉ chứa một trí đại dột, cuồng ngu.

Tôi dựa đầu vào tấm cửa gỗ mà ngủ gật. Bỗng tàu chạy qua một cái cầu sắt, tiếng động âm âm, tôi choàng tỉnh. Khi ấy, tôi chợt thấy bên cạnh tôi,

một bà cụ già cũng người xứ Trung kỳ đang cúi mở va li lôi ra một cuốn sách. Tôi thấy cái bìa sách quen quen, vội giụi mắt nhìn, thì ra đó là cuốn “Hương xuân”. Tôi có một cảm giác là lạ chạy khắp mình. Để ý dò nét mặt vị độc giả yêu quý, nhưng trên cái khuôn mặt già nua, khắc khổ ấy, tôi không nhận thấy một nét gì biểu lộ một xúc cảm đối với những dòng chữ dưới cặp kính của bà.

Tuy vậy mặc lòng, tôi vẫn có cảm tình với vị độc giả đầu tiên của mình. Tôi vẫn không ghét con người già nua ấy, vừa đọc vài câu lại lắc lư cái đầu tóc bạc theo tàu mà ngủ lia ngủ lịa, mặc cuốn sách rơi xuống dưới chân. Mỗi lần bị đánh thức bởi tiếng còi tàu thét, bà lão lại vội vàng tìm cuốn sách, nhặt lên, lau sạch bụi than, đọc vài dòng rồi lại ngủ, cuốn sách lại bị rơi xuống dưới sàn đầy vỏ cam, bã mía.

Tôi tưởng tượng đấy là một bà mẹ hiền từ, một vị phu nhân cao quý khi về nhà, sẽ dịu dàng đặt cuốn sách của tôi vào tay một cô con gái thân yêu. Rồi vị tiểu thư đó ngồi một mình trong chốn thâm khuê sẽ nâng niu nó, hé miệng hoa ngâm đọc từng dòng những lúc vén rèm chờ trăng xế, những lúc gầy lư trầm ngồi gảy khúc đàn tỳ...

Tôi ôm khối mộng ấy trong giấc ngủ ngời mệt nhọc cho tới hồi khuya, tàu đến Huế.

Ra khỏi nhà ga, tôi bảo xe chạy theo xe bà cụ nọ nhưng chẳng mấy lúc chiếc xe ấy đã mất hút trong màn đêm đen kịt.

Tôi giục xe chạy thẳng về nhà. Cả nhà tôi đang ngủ, thấy chó sủa vang, và thấy tôi đẩy cửa xô vào thì hết thấy mọi người đều thức dậy.

Mẹ tôi mừng rỡ ôm chầm lấy tôi mà hôn hít. Tôi ngả đầu vào ngực mẹ tôi, khóc như một đứa trẻ thơ sắp thú tội một tội lỗi gì...”

*Tiểu thuyết thứ Bảy, số 195/1938*



## Lucie

Tôi mừng rỡ khi thấy Lucie trong vườn. Tôi vừa dựng xe đạp ngoài bờ rào chưa kịp gọi thì Nana, đứa con gái lên sáu tuổi của Lucie, thấy tôi vội reo lên. Tôi nhắc bổng Nana hôn vào má và vào tóc. Như mọi khi, Nana thọc tay vào túi áo tôi tìm kẹo. Nhưng lần này không có kẹo, mặt đứa bé xinh đẹp ngộ nghĩnh ấy xịu ngay đi.

Lucie đứng dậy mắng yêu con, rồi giơ tay cho tôi bắt.

Nhìn bàn tay người đàn bà thân yêu, tôi rầu mặt lại. Lucie chưa rút tay về, nhìn vào mắt tôi:

- Sao Hoài có vẻ buồn?

Tôi không dám hỏi. Tôi ngạc nhiên vì nhẫn cưới của chồng Lucie tặng Lucie năm xưa sao bữa nay không còn ở ngón tay Lucie nữa?

Không cần hỏi, tôi cũng đoán có lẽ Lucie đã bán mất rồi.

- Hoài, sao cứ buồn thế để tôi phải buồn lây...

- Không, có gì buồn đâu! Chỉ vì thấy tay Lucie nóng, tôi tưởng Lucie lại ốm.

Nàng cười phá lên:

- Ô, Hoài làm như mình là thầy thuốc ấy. - Và giọng nàng hạ thấp:

- Hoài ơi, sự thực thì lúc nào tôi chả ốm. Ốm cả tinh thần nữa kia.

Nàng và tôi cùng lặng im. Nana chạy tung tung đùa với cái bóng in dài trên mặt cỏ dưới nắng thu, đến đưa tôi giữ hộ con bướm, rồi lại chạy đi.

Lucie sững sốt vỗ vai tôi bảo:

- Chết chữa! Đứng mãi đây à! Mà Hoài cũng chưa vào xem nhà mới của tôi. Hãy thăm vườn đã.

Chúng tôi đi bên những luống hoa huệ, hoa yên chi, những cây huyết dụ, những khóm phù dung...

Tôi buồn tay ngắt một bông, rồi ngắt bông nữa, xé cánh vất đi. Lucie trách:

- Đừng phí phạm thế. Đây là hoa của người nghèo. Họ thuê đất chủ nhà để trồng hoa đem ra chợ bán. Lucie bây giờ cũng là một người nghèo, nghèo hơn họ, cho nên Lucie phải thương người cùng cảnh. Đây này, vào mà coi, trong nhà lọ hoa vẫn bỏ không, tuy trước nhà có một vườn hoa tươi tốt.

Đây là một căn nhà gỗ hình như dựng đã khá lâu năm. Những đồ đạc sang trọng của Lucie, bây giờ chỉ còn sót lại cái giường, bộ bàn ăn, cái tủ áo nhỏ với một cây đàn guitare.

Cây đàn này, Lucie trân trọng giữ gìn, nó là vật kỉ niệm của người chồng hiện giờ ở Pháp, không bao giờ trở lại Đông Dương nữa. Nhưng có thể chẳng, một ngày kia, Lucie sẽ phải bán nốt cho người, vì sinh kế? Tôi đau đớn nhìn cây đàn treo dưới bức ảnh René. Người đàn ông ấy ở xa Lucie quá. “Xa” nghĩa là “chết” hẳn rồi. Còn mong gì người ấy trở về đây. Một lá thư cũng chẳng hòng nhận được nữa là!

Ngày René ra đi là một ngày thu. René hẹn trở lại Đông Dương ba năm sau, vậy mà năm hẹn quá bao nhiêu tháng ngày rồi! - Lucie đã mỗi tay bóc

lịch và mỗi ngày, nàng bỏ một tờ lịch vào chiếc hộp sơn để thỉnh thoảng đem ra ngồi đếm rồi ôm Nana mà khóc.

Lucie đẩy tách cà phê đến trước mặt tôi, lơ đãng hỏi:

- Thế nào, Hoài?...

Lần nào gặp, Lucie cũng hỏi câu ấy bằng một giọng chán chường tuyệt vọng, vì nàng biết trước rằng để trả lời câu ấy, tôi đành chỉ lắc đầu. Lucie nhờ tôi đến nhà mấy người Pháp bạn René, hỏi thăm tin tức chồng nàng. Sở dĩ nàng không dám giao du với những người bạn chồng sang trọng ấy như xưa là vì hiện giờ Lucie đã vận y phục An Nam và ở một cái nhà tồi; Lucie tránh mặt, sợ người ta khinh bỉ.

“Thế nào, Hoài?...” Lucie không bao giờ dám nói: “René hẳn đã có một người vợ ở Paris đẹp lắm, giàu lắm, có phải người ta đã nói với Hoài như thế rồi phải không? Hoài giấu tôi làm gì nữa!”

Ờ, sao Lucie chẳng hỏi tôi như thế, vì đó là tin có thực hoặc có thể đúng cơ mà! Tội nghiệp, chỉ vì Lucie còn nhớ, còn yêu chồng quá, nàng sợ “sự thực” làm tan mất sự chờ mong mà nàng cần bám vào nó để sống, để tin rằng mình vẫn còn chồng.

- Tôi cho Hoài xem cái này nhé, có thể đoán trước là cái gì không?

Tôi chịu. Lucie đặt trước mặt tôi quyển Album.

Nàng ngồi cạnh tôi, giờ từng tờ. Đây là mấy tấm ảnh Lucie chụp với René trong những cuộc đi du lịch hầu khắp Đông Dương. Hồi ấy Lucie đẹp hơn bây giờ nhiều, ăn mặc như tất cả những người đàn bà Pháp giàu sang.

Tôi buồn rầu ngược mắt nhìn Lucie. Nàng đặt tay lên vai tôi, và má nàng áp má tôi nói khẽ:

- Hoài thương tôi lắm à? Cảm ơn. Nhưng tôi cũng không cần tiếc thời sung sướng ấy. Tôi chỉ tiếc có René. À, quyển nhật kí của tôi Hoài đọc xong rồi chứ, và nghĩ thế nào?

- Tôi thấy Lucie yêu René lắm.

Lucie thở dài:

- Có lẽ tôi không thể yêu ai hơn người ấy được đâu, Hoài ạ.

Lòng tôi bỗng bị một cái gì bóp chặt, như là một sự hờn ghen. Tôi cúi xuống để Lucie khỏi đọc thấy cảm giác của tôi.

Tôi gấp quyển Album lại, kính cẩn đặt lên tay nàng.

Lucie vô tình không biết lòng tôi, nàng đỡ lấy bỏ vào tủ, rồi quay lại mỉm cười:

- Còn việc học đàn nữa chứ? Trong tuần lễ này, Hoài tấn tới khá nhiều.

Tôi đỡ cây đàn xuống, gảy một bản mà Lucie dạy buổi đầu.

Bản đàn buồn quá. Tôi trút cả lòng đau, tình đau vào mấy đường tơ. Lucie nhìn tôi, mắt hoe hoe đỏ.

Lucie! Em khóc thương tôi, hay là khóc thương kẻ phương trời nào?

Nhưng dù sao lòng tôi cũng hả hê vì tôi đã làm cho người đàn bà xinh đẹp tuyệt vời kia phải khóc.

\* \* \*

Ra đường, tôi hối hận ngay. Sao Lucie đang sầu khổ lại nở khiến nàng sầu khổ nữa, để làm gì?

Tôi đạp xe thẳng lên phía Hồ Tây. Gió chiều hơi lạnh. Một mảnh buồm trắng đứng yên trên mặt nước, xa hơn nữa, trên đường Cổ Ngư, những chòm cây quỳên hơi sương mờ như những nét mực nhòa, thấp thoáng bóng vài con ngựa trắng.

Tôi ngồi xuống mặt cỏ, nghĩ về Lucie. Tôi ước ao lúc này Lucie đi bách bộ qua đây như mọi buổi chiều để tôi được ngó lòng, tôi khóc như một đứa trẻ còn thơ. Lucie sẽ vỗ về tôi, làm như lúc Nana khóc.

Trời tối dần. Tôi nhảy lên xe đạp, lại qua nhà Lucie. Dừng xe ở ngoài giậu, nhìn vào thấy Lucie đang dạy con học trên thềm. Dưới ánh sáng cây đèn dầu nhỏ, trong cái khung cảnh quá nghèo nàn, Lucie đẹp nào nùng như một thiếu phụ ở nhà tu kín. Những ý nghĩ đại đột bị chìm ngay, nhường chỗ cho sự kính trọng, sự thân yêu như buổi đầu tôi sẵn có đối với người đàn bà hơn tuổi ấy, - tôi vội vàng lên xe, đạp miết vào bóng tối.

Một tuần lễ, tôi chưa dám đến nhà Lucie. Bởi tôi hổ thẹn vì những cuồng vọng ở trong lòng. Nhất định tôi phải chờ cho nó mất hẳn đi, tôi phải chờ cho lòng tôi bình tĩnh, tâm tôi trong sáng. Ngày nào cũng dậy sớm, tôi cầm quyển kinh đến nhà thờ.

Các bạn học cùng trọ tưởng tôi sẽ thành một kẻ tử vì đạo, vì trong những ngày ấy, tôi sốt dữ lắm.

Một hôm, đi học về, một bạn đưa tôi một phong thư.

Thư của Lucie! Nàng bảo tôi năng đến, kéo bỏ dở việc học đàn; kéo Nana nhớ, nhắc luôn.

Chỉ có vài dòng. Tôi thềm đọc nhiều kia, nhất là chữ của Lucie. Nhưng thế cũng đủ rồi, hơn không. Nana nhớ tôi ư? Sao không là Lucie, cho tôi nhảy lên vì mừng.

Hôm sau, tôi mới vào đến vườn, Nana đã reo lên, chạy ra hỏi kẹo. Lucie thì ngồi dưới gốc lựu sưởi nắng hanh đọc sách, quay lưng ra, không nhúc nhích.

Tôi tê tái muốn trở về, nhưng không hiểu sao chân tôi vẫn tiến lên. Khi cái bóng tôi in trên mặt cỏ trước mặt Lucie, nàng mới bỏ sách xuống đưa tay cho tôi bắt. Tôi nhận thấy những ngón tay nàng bóp chặt lấy tay tôi, chặt hơn mọi bận. Tôi còn nhận thấy mắt nàng sáng hơn thường, nhìn tôi ngụ bao lời trách móc.

- Hoài chăm học quá, quên cả đàn, quên cả em bé Nana.

Nana cũng bắt chước mẹ nũng nịu nhắc theo câu ấy, rồi chạy ra vườn.

Tôi muốn thú ngay với Lucie rằng trong tuần lễ đó, tôi không học được một chữ nào chỉ vì tôi khổ về Lucie, rằng tôi sợ hãi mối tình ở lòng tôi đối với Lucie, và tôi đã kêu cầu đấng Chúa Trời như một người trọng tội. Vậy mà Lucie có biết cho đâu!

Nhưng khốn nạn! Tôi không có can đảm ấy. Tôi chỉ trân trân nhìn Lucie, rồi cúi đầu lặng im.

Lucie bày mấy quả cam ra bàn, ngồi cạnh tôi, cầm dao cắt. Vô ý, lưỡi dao sắc chạm phải ngón tay. Lucie rú lên, nhăn mặt lại. Tôi vội cầm ngón tay nàng, đưa vào miệng hút cho sạch máu. Lucie ngạc nhiên. Tôi xé một miếng mùi soa lụa trên túi áo tôi buộc vào chỗ đau của Lucie và nói:

- Làm như thế thì máu mới cầm lại được. Nếu không nó còn chảy mãi.

Lucie rầu mặt nhìn ngón tay đau, rồi nhìn tôi bảo:

- Hoài nhổ máu ra, ngậm mãi trong miệng thế à?

Tôi lấy thuốc lá hút, trả lời:

- Tôi đã nuốt máu của Lucie vào bụng rồi. Những giọt máu ấy sẽ vào tim tôi, trộn với máu tôi. Bây giờ Lucie có bắt tôi nhổ ra cũng không được đâu Lucie ạ!

Nàng kéo tôi đến sát ngực nàng, rồi gục vào vai tôi mà khóc.

Tôi sung sướng lặng yên nghe những tiếng nức nở từ một trái tim đã bắt đầu đập vì mối tình tôi; tôi lặng yên nghe những giọt lệ trong cặp mắt đen kia đã bắt đầu cho bóng tôi in vào đấy, nằm ở đấy.

Tôi vuốt tóc Lucie, vỗ về:

- Đừng khóc nữa... Đừng khóc nữa...

Và tôi đặt môi lên tóc nàng, nói rất khẽ, rất dịu như tiếng nhủ thầm say sưa:

- Hoài cảm ơn Lucie đã thấu lòng Hoài...

Lucie ngẩng đầu lên:

- Hoài ạ, Hoài đã khiến Lucie sức nhớ đến René yêu quý của Lucie..., vì cũng đã có một lần, chồng Lucie cũng hút máu ở tay Lucie như Hoài vừa làm lúc nãy..., và cũng nói như Hoài rằng: “Máu ấy sẽ trộn vào tim René mãi mãi”, - vậy mà tình của chúng tôi, Hoài biết đấy, nay còn có nghĩa lí gì đâu!

Người tôi chết lặng đi. Tôi bị bẽ bàng. Tôi hờn giận Lucie hơn là thương hại.

Nana ở ngoài vườn chạy vào trèo lên ghế, gài lên ve áo tôi bông hồng. Tôi cúi hôn trán Nana rồi cáo từ Lucie.

\* \* \*

Hôm nay tiết trời lạnh quá, lạnh thế này mà mẹ con Lucie ở một căn nhà trống trải ngay hồ thì chịu làm sao!

Tôi tung chăn ngồi dậy nhìn ra vườn, rồi mặc áo quần định đến với Lucie.

Vừa xuống hết cầu thang thì người phu trạm đến đưa tôi một phong thư. Tôi mừng cuống quýt vì biết ngay đó là thư của bà nội tôi ở Huế. Trong đó có một tấm mandat và một bức thư đầy những lời khuyên răn tôi về việc học. Không có một lời trách móc của người. Tôi cứ yên trí thế nào cũng bị người thống mạ, vì người phí tổn về tôi nhiều quá: tôi gửi thư luôn luôn để tổng tiền, mà kì thi Tú tài vừa rồi, tôi lại rớt, rớt những hai lần.

Tôi chạy thẳng ra nhà bưu điện, rồi vào Gô Đa mua làm quà tặng Lucie vài đồ mỹ phẩm, mua cho Nana chục cuốn len, mấy thứ đồ chơi. Lần này, mới tới cửa, tôi đã lớn tiếng gọi:

- Nana!

Cô bé xinh xắn chạy đến tôi, nhẹ như con bướm. Nana đỡ gói nặng trên tay tôi, hí hửng vào nhà, gọi mẹ.

Lucie nằm trên giường. Tôi đứng sững ngoài thềm. Nàng vẫy tôi.

Tay tôi bị cóng lạnh, không dám bắt tay Lucie, nhưng nàng cầm tay tôi kéo ngồi bên gối.

Mắt Lucie thâm quầng và không còn sáng nữa. Môi khô và hơi thở phào phào. Nàng ốm từ tối qua.

Tôi đứng lên chạy ra vườn xách xe đạp phóng nhanh đi tìm một bác sĩ.

Một giờ sau, bác sĩ đến xem bệnh, tiêm cho nàng. Tôi trả tiền bác sĩ, rồi mang đơn đến nhà bào chế.



Đem thuốc về, dọc đường bị mưa ướt hết, người tôi run như chiếc lá. Lucie cảm động, khóc và vuốt tay tôi:

- Hoài thương tôi lắm, không bao giờ tôi quên được lòng tốt của Hoài... nhưng số tiền ấy có lẽ cần cho việc học của Hoài...

Không muốn Lucie áy náy về việc tiền, tôi gạt đi, kê cốc thuốc vào miệng Lucie.

Suốt ba ngày tôi nghỉ học, ở liền ngay nhà Lucie để trông nom Nana trong khi người mẹ ốm. Tối, tôi bắc chiếc ghế vải ra ngoài thềm nằm ngủ, đắp bằng chiếc pardessus.

Lucie đau đớn thấy tôi bị lạnh, nhưng cả nhà chỉ có một chiếc chăn..., mà đắp chung thì không tiện, cho nên suốt đêm tôi co quắp không sao nhắm mắt, - thỉnh thoảng Lucie gọi tôi xem đã ngủ chưa. Tôi nén lòng vờ ngáy, thực ra khi ấy tôi đang hoang mang nghĩ đến Lucie, và lắng nghe tiếng gió lạnh reo vun vút cùng tiếng sóng đêm vỗ mạnh ngoài hồ.

\* \* \*

Bệnh Lucie đã đỡ. Nàng gượng ngồi đan áo cho Nana kéo trời mỗi ngày mỗi rét mà Nana không còn áo gì mặc thêm cho ấm.

Nàng đối với tôi ân cần hơn trước, và giục tôi về đi học.

Nhưng món tiền bà tôi gửi, tôi đã tiêu hết vào việc mua đồ tặng và thuốc thang cho Lucie, lấy đâu để trả tiền trọ và học phí.

Tôi đành cáo ốm xin nghỉ học hết tháng ấy. Không có một trinh trong túi, một hôm, tôi liều gói chiếc pardessus, một bộ đồ nỉ đến nhà Vạn Bảo cầm.

Không nhằm ngày nghỉ, tôi không dám đến Lucie, sợ nàng biết tôi nghỉ học. Hàng ngày, tôi vào thư viện đọc sách, ngồi cho hết giờ lại về gác trọ.

Có hôm, buồn quá, tôi vào vườn Bách Thảo, ngồi tản mẩn nhổ râu bằng hai đồng trinh. Những ngày ấy, ở công viên này không có ai, trừ người gác. Mỗi lần nghe tiếng vượn kêu, tôi buồn có thể khóc lên. Trời rét quá, áo pardessus cầm cố mất rồi, vận bộ đồ mỏng mảnh nên mặt tôi xanh xám. Thế rồi một buổi tối về quán trọ, tôi thấy ngực đau rức và ho. Lucie ơi, em có biết rằng tôi khổ vì em lắm đó không? Không! Không bao giờ em biết được tôi lang thang vất vưởng hàng ngày như thế trong khi em ngồi đan áo ấm cho con, lòng mong mỗi một người đàn ông khác ở dưới trời sương tuyết, xa cách em muôn ngàn dặm trùng dương, - xa xôi quá, vậy mà em vẫn nhớ, vẫn mong - còn tôi, ở gần em, em có nghĩ đến bao giờ!

Chờ mãi mới tới ngày chủ nhật. Tôi mượn tạm bạn một bộ đồ rét, hăm hở đến Lucie. Hôm nay trời hửng nắng. Khu vườn hoa trước nhà Lucie như rắc phấn vàng. Hình như đã đoán thế nào tôi cũng đến, Lucie đứng đợi sẵn ngoài thềm.

Thấy tôi, Lucie vui vẻ ra cửa đón. Mới vào nhà, tôi đã thấy trên bàn ăn bày sẵn vài món điểm tâm. Nana rồi rít khoe áo len mới, rồi ngoan ngoãn ngồi cạnh tôi.

Sau bữa lót lòng vui vẻ, Lucie mở tủ lấy ra chiếc foulard quàng vào cổ tôi:

- Len Hoài mua, đan áo cho Nana không hết, vậy tôi đan cái này tặng lại Hoài.

Cái khăn len ấm quá! Có lẽ suốt mùa đông, tôi không cần chuộc lại những áo quần ở nhà Vạn Bảo. Chỉ một chiếc khăn len này, chiếc khăn len do bàn tay ngọc ngà của Lucie đan cũng đủ sưởi ấm trái tim tôi.

Hôm nay, Lucie dạy tôi một bản đàn mới nữa. Lucie bảo rằng: “Bản đàn này, ngày xưa René đã gảy tôi nghe trên một boong tàu chạy giữa trùng

dương trong thời trăng mật. Đêm ấy, trời đầy ánh sao, biển đầy ánh trăng...”

Lucie nức nở, cây đàn rơi xuống mặt thềm. Tôi vội cầm lên: hai đường gỗ nứt chạy ngang cung. Lucie bưng mặt khóc.

Tôi đau đớn hơn Lucie nhiều, nhưng than ôi, tôi chỉ đành khóc ở lòng tôi thôi.

Túng tiền quá, tôi đã xoay xỏa như một người nghiện ngập đê hèn. Thật vậy, tối hôm nay vét va li không còn gì để sáng mai đem lên nhà Vạn Bảo, tôi phải lục tủ sách lấy mấy quyển đem đến một hiệu mua sách cũ ở Bờ Hồ bán. Bán xong, tôi đi lang thang qua các phố, vừa ồm xác thịt vừa đau cả linh hồn. Qua một tiệm khiêu vũ, tiếng âm nhạc đưa ra khiến lòng tôi rạo rức và tôi nghĩ ngay đến một chỗ ngồi ấm cúng ở góc phòng, trước mặt một cốc rượu mạnh sẽ làm cho da thịt cóng lạnh của tôi được nóng lên.

Phòng khiêu vũ nhuộm màu hồng, một vũ nữ quen nhìn tôi nháy mắt. Tôi đứng dậy, ả giơ tay để tôi ôm. ả nhai kẹo luôn mồm, cười rú như yêu tinh. Tôi khó chịu mong cho hết bài nhạc ấy.

Chợt có một bóng người in ngoài gương kính. Cánh cửa mở ra, người ấy hiện rõ ràng.

- Lucie!

Tôi bỏ vũ nữ bước ra quên xin lỗi.

Lucie nhìn tôi với vẻ căm hờn, rồi xăm xăm tiến ra ngoài cửa. Tôi vội gọi bồi trả tiền rượu, đoạn chạy theo sau:

- Lucie! Tại sao lại đến chỗ này đang khi trời mưa gió?

Nàng tưởng tôi ngờ vực nàng đi chơi, nên nàng đứng lại quắc mắt nhìn tôi:

- Tôi đi tìm Hoài! Tôi không bằng lòng cho Hoài trác táng! Hoài sẽ ốm, tôi sẽ đau khổ vì Hoài... Hoài có biết tôi bỏ con ở nhà để đến nhà trọ tìm Hoài, rồi lại dầm mưa đi gần khắp tỉnh, ướt cả áo thế này đây!

Tôi nắm chặt tay Lucie, mắt sáng lên. A! Tôi đã được Lucie yêu, bởi nàng đã ghen. Bảo rằng không, thì công đâu Lucie đi tìm tôi như thế. Mới có ba ngày, sợ phải trông thấy hai vết nứt của cây đàn, tôi không tới Lucie. Mới có ba ngày, Lucie đã nhớ tôi đến thế kia ư?

Tôi van lơn xin lỗi Lucie, thiết tha an ủi Lucie. Chúng tôi khoác tay nhau đi dưới trời mưa lạnh. Giọt mưa trên cành cây rơi xuống, tôi ngửa mặt mà đón lấy. Tôi bước nhẹ nhẹ, không dám nói to, sợ nỗi vui ở lòng tôi sẽ vì một tiếng động nhỏ mà bay mất.

Men rượu lúc này đã đủ làm người tôi nóng rực, lại thêm hơi ấm ở mình Lucie.

Đến cửa, Lucie bảo tôi trở về nhà trọ. Tôi muốn nài Lucie cho tôi được phép vào nằm co quắp trên chiếc ghế vải ngoài thềm lạnh như hôm nàng ốm, nhưng nàng buồn bã ôm lấy tôi, ngửa môi cho tôi hôn, rồi đẩy tôi ra, vội gài cửa lại.

\* \* \*

Noel.

Ngày hôm ấy, tôi đi bán mấy quyển sách nữa, lấy tiền mua đồ chơi, bánh kẹo và một chai rượu, rồi đến với Lucie.

Nana vui thích, bá cổ tôi hôn từ ngoài cửa.

Muốn Nana mừng, tôi chặt một cây nhỏ, trồng vào cái chậu đất đặt giữa nhà. Tôi lấy giấy trang kim dán vào các cành, các lá, làm đèn xếp treo tứ phía, và buộc kẹo bánh và những con búp bê vào nữa. Đó là cây Noel.

Nana hí hờn chạy nhảy chung quanh cây, reo hát. Tôi mang đàn ra đánh một bài vui, cùng hát với Nana.

Lucie thắp nến trước tượng Đức Bà. Rồi nàng mở rượu, kể cốc tận môi tôi.

Đến đêm, chờ Nana ngủ say, chúng tôi ra đường, đi bộ đến nhà thờ Cửa Bắc.

Tôi chìa cánh tay cho nàng khoác. Hai chiếc bóng âm thầm đi dưới trời sương.

Buổi lễ tan, tôi đưa Lucie trở lại nhà. Đứng sau cánh cửa, Lucie giơ tay cho tôi bắt.

Tại sao thế nhỉ!

Tôi không thể hiểu lòng Lucie.

Tôi quay đi, nhưng đứng nấp vào xó tối. Chờ khi đèn trong nhà nàng đã tắt, tôi trở lại, nhảy qua bức rào găng thấp, vào vườn.

Tôi trốn sau một bụi cây. Tim tôi đập thành thành, nhưng vẫn lắng tai nghe ngóng. Tiến lên, tôi không có can đảm, mà lui ra thì hình như chân tôi bị chôn xuống đất rồi.

Bỗng có tiếng người, rất khê:

- Hoài!

Tiếng của Lucie. Tôi đứng phắt ngay lên. Nàng đứng đầu thềm, vẫy tôi tiến lại gần:

- Biết trước mà! Thế nào lần này Hoài cũng nấp ở đây. Khổ chưa! Tôi muốn nén lòng tôi, tôi muốn cố lãnh đạm với Hoài mà không được! Hoài cứ nhất định ép tôi phạm lỗi với chồng, với con. Lạy Chúa, Chúa rửa tội cho con! Lại đây, Hoài! Lại đây, Hoài!

\* \* \*

*Hoài thân ái của tôi,*

*Thế là hết rồi, Hoài ạ. Sao Hoài cứ đòi hỏi ở người đàn bà đau khổ này nhiều quá thế. Sao chúng ta không cầm lòng để làm đôi bạn trọn đời thương nhau?*

*Tôi cũng không dám trách Hoài, vì Hoài đang độ có một trái tim đầy yêu thương, ham muốn, Hoài có đủ ngông cuồng để làm hại bất cứ một người đàn bà yếu đuối nào mà Hoài bắt gặp ở chợ đời...*

*Tôi cũng không hối hận vì đã để Hoài chinh phục. Xin Thượng Đế tha thứ cho tôi và người đàn ông ở cõi trời xa kia tha thứ cho tôi, bởi vì bao giờ tôi cũng chỉ là một kẻ đàn bà!*

*Xin vĩnh biệt Hoài sau khi viết bức thư này. Tôi đã vào nhà tu, Nana thì đã được bà Sơ nuôi dưỡng.*

*Hoài đừng nghĩ gì về tôi nữa, Hoài nên gắng công mà học, như thế tức là Hoài vẫn yêu tôi.*

*Tôi tin rằng sau này Nana và Hoài sẽ còn gặp nhau. Ngày ấy, tôi tin chắc Hoài sẽ chưa già.*

*Hôn Hoài và vĩnh quyết*

LUCIE

*Phấn hương*, Nxb Tân Dân, H., 1939.

# Ông Chọc tiết

Này! Các cụ, các ông, các bà Hà Nội! Có còn nhớ anh Chọc tiết tức là “Ông Hà Nội” chém mười ba cái đầu Yên Bái đó không?

Nói trắng ngay rằng hăn đã làm đồ tể ở cái thời “Hà Nội băm sáu phố phường” còn là bãi chiến của những thứ hào kiệt kiểu Lương Sơn Bạc như Hàn Bái, Tư Dậu, rồi thì Phúc Đen, Năm Hà Đông. Thuở ấy, Hà Nội tráng một lớp men phong kiến đẹp như bức phong Quảng Lạc vẽ tháp mốc, cầu son của Kiếm hồ văn vật, dân chúng hoàn toàn chỉ là những khán giả ngây thơ chất phác, vỗ tay trước cái mép nhọn của anh kếp Tín, trước tiếng than đường trường của chị đào Đính Tam Long, và rất sợ trước cái đầu Quan Công của kếp Sáu Phủ dựng râu trợn mắt làm cho Ngô Tôn Quyền, Tào Tháo ngã nhào xuống bệ.

Ở giữa cái xã hội mà lớp người Việt răng đen yên phận làm khán giả và hạng người thống trị múa lưỡi lê như các tướng tuồng hát bộ múa thương tre đao gỗ, “ài ải” một tiếng thì khán giả run lên đó, thưa các ngài, anh Chọc Tiết kia đã hàng ngày xoay trần trùng trục để mà chọc tiết lợn, tiết bò rồi thì say khướt nuốt hồng hoa với tiết canh.

Sau đó, năm ngôi nhà lớn đã được mọc trên Hà Nội, anh Chọc Tiết bỏ lò sát sinh đường Lò Đúc, ném dao đồ tể, để vào Hỏa Lò làm nghề đao phủ thủ.

Này, các cụ, các ông, các bà Hà Nội! Có còn nhớ thằng Chọc Tiết tức là “ông Hà Nội” chém đầu như sung rụng đấy không? Thưa rằng hăn còn



sống nhẵn nhở ở cái đất cố đô văn vật này đây ạ. Nhưng ngày nay, hãn đã trở nên một thứ cư sĩ cao điệu, lối cư sĩ đời Chiến quốc.

Tôi gặp hãn hôm nay.

Hôm nay, Hà Nội sống cái ngày Hà thành xưa xưa rộn tiếng voi hí ngựa lồng tiền hô hậu ủng của tả quân Lê Văn Duyệt.

Thế mà mình cứ muốn kiêu căng hay là ngậm ngùi cũng vậy, để tự ví mình với ông già Công Trứ. Bởi vì, chán đời chưa, chỉ vì đi làm “phóng sự ông Chọc Tiết, ông Hà Nội” mà suýt nữa bị ngã dưới bánh xe Chiến quốc.

Tôi thăm hãn trong một tòa nhà trông thẳng sang Đền lao Trung ương, bao lơn lối quân chủ của lầu đài cụ Thượng mà mái thì nhọn hoắt và dốc tuột kiểu công thự ông bộ trưởng Pháp quốc hải ngoại, trên đó tuyết rơi tuồn tuột xuống đã tan như lời hứa hẹn với cái thuộc địa béo tốt này.

Chọc Tiết tiếp tôi trong đại sảnh, trên tường treo ảnh một nàng ca nữ Nhật và một thanh trường kiếm.

Tôi vào chuyện:

- Thế nào, lão huynh độ này có ý kiến gì với quốc sự? Cứ khoác áo củ sũ an phận nằm trong màn bát tiên mãi, người ta ghen đấy.

Chọc Tiết cười ha hả:

- Màn bát tiên à, tôi vẫn tưởng rằng tôi đang nằm trên bể máu!

Và giọng hãn thì thềm như thảng sát nhân xin rửa tội:

- ... Máu đồng bào, ông ạ!

Nói thật tình, tôi có cảm giác mình đang ngồi trước gã Javert trong tác phẩm “Những kẻ khốn khổ”, nghĩa là tôi vụt nghĩ đến câu chuyện thẳng

mặt thám lúc nào cũng mang cái ám ảnh ghê sợ máu và ma. Chọc Tiết tự tay pha cốc nước giải khát màu đỏ thắm. Hẳn mời tôi, và hẳn uống. Tôi yên lặng nhìn mặt anh đao phủ to nặng như mặt kẻ thất cổ đã ba ngày và nhìn cái thân thể béo căng để nghĩ đến con lợn nổi trên dòng phù sa lụt bão. Hẳn xòe bàn tay nắm chiếc cốc, tôi liên tưởng đến giây phút bàn tay hùm beo đó ấn cổ kẻ tử tù ốm yếu vào đúng lưỡi dao máy chém, và ngấm cái chất nước đỏ kia chui vào cổ hẳn, tôi nghĩ tới những tia máu phùn phụt của phạm nhân chảy trong lòng máng rút theo đầu lâu vào hòm mạt cửa dưới máy.

Tôi hỏi thân mặt và trắng trợn:

- Thực tình, có nhớ ngày oanh liệt, một dao hạ mười ba thủ cấp trên Yên Bái?

Chọc Tiết lơ đờ mắt nhìn sang bãi cỏ bao quanh chân tường cao vút loáng mảnh thủy tinh và dây điện của nhà pha bên kia đường phố vắng. Thốt nhiên, anh đao phủ trở nên một sử gia ngồi ôn cố sử. Hẳn lặng lẽ nhìn khói thuốc. Tôi đoán hẳn đang nhớ lại một buổi sáng mù sương rừng Yên Bái xa vời.

Đột ngột, Chọc Tiết nhồm người lên:

- Ghê quá, cái đầu lão Ký Con dao máy hạ hai nhát mới chịu lìa. Cái đầu Đức Chính mới ghê hơn chứ. Mình càng ấn, hẳn càng ngóc lên để mà hô... Đời tôi, trăm đã hai trăm lẻ bốn chiếc đầu, thế mà mẹ ấy mình thấy trợn. Lão Ngáo Huế mà có được trăm bữa đó cũng phải chùn tay. Tôi nhớ mãi, tôi nhớ mãi...

Chọc Tiết với chai vang đổ tràn miệng cốc và uống cạn một hơi. Chao ôi, lão đao phủ uống vào lòng cả một đêm “Yên Bái đỏ”!

Tôi thốt rùng mình và ngược nhìn thanh trường kiếm trên tường màu vôi đỏ như màu chiếc quan tài.

Tôi cầm mũ. Trước khi tiễn khách xuống cầu thang, Chọc Tiết còn không quên với thanh kiếm, rút ra khỏi vỏ gỗ rùng Phù Tang bọc da cá sấu Tân Gia Ba và quắc mắt nhìn lưỡi thép, anh đao phủ cười khanh khách:

- Năm vừa rồi, một anh Nhật phiệt cho tôi đấy. Cứ nhìn ba đóa anh đào nạm vào đốc kiếm này đủ biết là gươm võ sĩ đạo ba đời. Nó hứa cho mình thanh liễu diệp đao uốn tròn như vòng dây cốt đồng hồ bỏ túi, thế rồi thì chưa kịp cho mình nó đã mất đầu.

Thanh trường kiếm nhuộm máu này lại nhắc tôi nghĩ đến cái máy chém sừng sững trong sương lạnh những ngày ảm đạm năm nào. Tôi bước nhanh xuống cầu thang, và ra cửa. Chọc Tiết bắt tay tôi. Giữa đôi cánh cửa hoa sắt sơn đen, sợi xích dài và chiếc khóa khổng lồ reo xoang xoảng sau lưng, tôi rảo bước đi vội vào bóng chiều đổ mênh mang trong cái thành phố đang sôi nổi và quần quai sống.

*Ông Chọc Tiết.* Hà Nội, Nxb Ngày mai, 1950

## Đôi giày cũ

**N**gười hảo hán ấy quả đã một thời được mệnh danh là Cọp Xám bãi cỏ xanh.

Ở cái thuở mà Hà Nội băm sáu phố phường còn có những cô me ở trại hàng hoa, hạt vàng quần cổ xe nhà nghênh ngang, còn có những cái xe lừa chiều chiều ì ạch đi tưới ướt những con đường đá gồ ghề; còn có bà đầm Hàng Cót dắt chó bông đi dạo phố cho trẻ con sợ sệt chạy theo sau, và bà Bé Tý ban tài phát lộc cho đến cả những tay anh chị ngõ Sầm Công, Phất Lộc, nhất là còn có những ông tướng Bồng, Cống, Tiên, Chức, Mégy tranh bá đồ vương trên các vòng đua vĩ đại ở đại lộ Cột Cờ, thì con người hảo hán bãi cỏ xanh kia tên tuổi đã làm cho thời nhân kính phục hay là kính sợ hơn cả mười ba cái đầu rụng giữa một đêm Yên Bái đỏ.

Hãy gọi danh thủ túc cầu ấy là Sáu Thủ. Ngoài biệt hiệu “Cọp Xám cỏ xanh”, còn hõn danh nữa là Hùng Khoát Hải (người anh hùng thứ sáu của đời Tùy đã hai tay nâng đỡ cả tấm cửa thành bằng đá mấy ngàn cân để cho ba trăm vị phản vương và thiên binh vạn mã ôm đầu hú vía chạy thoát sức mạnh Võ Văn Thành Đô vô địch).

Vậy Sáu Thủ mỗi lần đăng đàn bá tướng ra quân, các phóng viên nhà báo lại có dịp bọc quanh anh, làm như gặp một thiên thần vừa bơi qua Đại Tây Dương hay một thứ Bát Tý Na Tra vừa cưỡi xe lửa xuống hồng trần để uống với họ một chai bia, ăn với họ một đĩa bánh tôm nóng, một chiếc bánh tây nhét đầy chả trâu ngát thìa là đúng vào liễn dấm ớt của anh Hai Răng Vàng lùn.

Thời ấy, những sớm thứ hai giờ báo đọc mục thể thao, người Hà Nội ai nấy đều sung sướng như đọc truyện Phong thần, Tam quốc. Bãi cỏ Cột Cờ biến thành một chiến trường gió lửa ngút trời để cho Sáu Thủ phá ban giắt bóng, oai phong lẫm liệt.

Này là một cú ngã bàn đèn, khiến thủ thành lê dương lao người như con vượn mà thành nghiêng ả võ. Này là một cú đà đao, tam phong địch thủ đang lên như gió mà cũng cứ bị giạt cả ra nhường nhịn kiêng nể một mũi giày gài cựa.

Sáu Thủ tung hoành khắp trận, cản mặt thành, trấn biên cương, tiến nam lui bắc, có khi liều mạng mở con đường máu đem ban thoát địch như Triệu Tử Long đoạt giang phò A Đẩu, có khi ung dung giải khốn phá một trái ban phạt góc như kẻ chỉ, làm tan nát cả cuộc đột kích của đối phương, đến mực ông phóng viên nằm bên khay đèn trong tiệm viết bài tường thuật phải tung bút ví Sáu Thủ là Khổng Minh mở cửa thành đánh đàn mà lui giặc, lại có cây bút ví Sáu Thủ là Hán Thọ Đình Hầu một đao chặn giữa đường núi hẹp Hoa Dung làm rụng râu Tào Tháo và làm mất vía tàn binh Tào.

Ôi chao, Sáu Thủ! Sáu Thủ của cái thời quả banh da trâu ngự trị trên nền văn minh đế quốc, của cái thời mà anh hùng ngỗ Hàng Hương, Hàng Lược, Sầm Công, Cột Đồng hồ sống như những kẻ Lương Sơn Bạc, con người ấy quả thực đã là một cái đinh sắt ghim chặt vào nền bóng đá mới của xứ này.

Thuở ấy đã qua rồi. Cái đinh kia, theo luật thời gian đào thải, đã rỉ nát, rời khỏi bức tường rêu mốc.

Anh Sáu Thủ của chúng ta - nói riêng cái lớp bà con mộ điệu túc cầu còn sót lại đến bây giờ - cũng đã già nua, vô dụng như cái vỏ ba lông cũ rách mà người ta thường thấy vất ở bãi cỏ, đầu đường.

Trên bãi cỏ xanh Trung, Nam, Bắc đã tan mờ hình bóng Tương, Tốt, Vinh, Trọng, Nhuận, Lưu trâu lẩn, Chấm Cự ngã nạm thâu... Còn gì nữa,

hời ơi, cái thời Giang Đông khảo võ: mỗi một cầu thủ phải là một chú bò rừng, một con cọp đói, một thứ Kinh Kha, để giầy gài kín phi tiêu nhọn hoắt, bàn tay nắm chắc dao găm để lấy máu địch thủ khi loạn chiến!

Bao nhiêu bạn cùng hàng ngũ đã theo nhau ngã xuống vì thời thế, vì thuốc phiện, vì bệnh tật, nghèo nàn, vậy mà Sáu Thủ, con hùm xám bãi cỏ xanh ngày cũ, hiện nay vẫn còn lay lút sống với cái vẻ lạnh hiên của chú mèo già.

- Hết cả gân rồi, ông ạ. Trông họ chạy cũng cứ ngứa ngáy cả người lên đấy, nhưng giá ai đẩy mình ra đá dăm ba quả thì chỉ còn cách nhắm vợ con khiêng về theo tiên tổ! Bây giờ thời buổi mới, các anh ấy chơi bằng trí nhiều hơn bằng sức mạnh như cái lớp già chúng tôi. Khoa học đấy, nhưng nhiều trận đấu thật tẻ buồn, thành ra cái trí và cái lực đều không thấy ở chính ngay những cầu thủ mà người ta hâm mộ nhất. Do thế, nhiều anh hữu danh mà vô thực, không như ngày xưa, anh nào trội thì trội rõ rệt, mà đã xoàng thì không thể chịu đựng nổi nửa giờ trên bãi chiến. Chưa bị đồng ngũ sa thải họ đã bị khán giả lôi cổ khỏi bãi, lột áo, đuổi về nhà.

Ấy thế, lão tướng Sáu Thủ, trong một buổi coi trận đấu Việt - Hoa đã thì thầm với ông bạn già như vậy. Ông bạn già râu mọc lơ thơ, mặt xanh, gày lẻo khẻo, mặc áo the thâm, nghiêng ô che nắng cho Sáu Thủ.

Sáu Thủ cũng râu tóc như bạn già, đứng nép dưới vành ô đen chấy nắng, lim dim mắt nhìn ra bãi cỏ mênh mông, lúc đó, cầu thủ vừa rút lui nghỉ giải lao theo thường lệ. Ông bạn già tự hai mươi năm năm xưa vốn đã phục uy danh Sáu Thủ, nay gặp cố nhân, mừng lắm.

Sáu Thủ tuy chẳng hề biết bạn già họ tên chi, nhưng cũng hả lòng vì biết rằng trần ai còn sót lại một người này để làm tri kỷ.

Bạn già hô cô gái mở bia. Đang khát và đang thèm nước, Sáu Thủ đỡ cốc bia ở tay bạn già, uống một hơi dài khoan khoái. Sáu Thủ lại hài lòng và

hơi tiếc rằng giá gặp sớm tri âm ngay từ ngoài cổng thì hẳn là đỡ được chiếc vé bình dân. Sáu vụt nghĩ đến những chiều chủ nhật, mình phải lao đao lắm mới xoay nổi tiền mua vé, có khi nài xin tiền người vợ hai sương một nắng bán quà rong, có khi phải xoay của một anh bạn qua nhà, hay bí quá phải moi trộm ống tiền dành dụm của lũ con, thật quá thảm hại như một con nghiện đã đến giờ vật vã.

Chất bia, vì thế, không còn làm cho Sáu ngóai ngoai. Ông đứng thừ ra, mắt nhìn vào trong bãi cỏ. Ông bạn già yên trí rằng người anh hùng xưa đang nhớ lại những trận tung hoành thuở trước. Ông bèn kính cẩn nghiêng ô che nắng cho lão tướng. Rồi đó, nhẹ nhẹ rút thuốc lá mời. Sáu Thủ thở khói, ông rất hài lòng và cảm thấy cuộc đời còn thú lắm. Ông bạn già cũng lấy làm khoái trá, coi là vinh dự, vì giữa cái buổi phò tân phế cựu này, ông là một con người tôn cổ, xem cái ngọn mà không muốn quên cái gốc, sống trắng đầu mà không phụ ngày xanh. Lúc này đây, đứng cạnh ông là một danh tướng đã trăm trận đánh trăm trận thắng, đã làm rạn vỡ cả một thể hệ thể thao nước nhà, đã cho thiên hạ biết rằng đường ban bóng chày ngang dọc trên bãi cỏ đều là những đường sinh lối tử của thập bát trận đồ.

Chứ không à! Sáu Thủ của giới túc cầu Bắc Việt, người đã sinh đồng thời với Lý Huệ Đường, Guichard thời cực thịnh, những danh thủ mà hai mươi năm năm xưa mỗi lần mặc giáp lên yên là khiến ông hồi hộp, và suốt trận đấu ấy ông là người vỗ tay hăng nhất theo những cái đánh đầu tuyệt diệu, những cú đá lông và gài sút ngầm mạng mỡ tiền phong bên địch thủ vững chắc như cột đồng. Hồi ấy người ta kính phục cầu thủ danh tiếng như tôn sùng những liệt sĩ Phạm Hồng Thái, Cô Giang, Thái Học, Xứ Nhu. Và người ta cũng yêu mến cầu thủ đại tài như hâm mộ những đào kép tuồng: Tư Lộ, Ba Bí, Tư Đình, Tám Long, Ba Liên, Sáu Phủ, Hai Giờ, Chín Cường...

Được kết thân với những bậc đế vương, đại tướng, hoàng hậu, công chúa trên sân khấu, được bắt tay và cũng nghênh ngang vào bãi với Gôn Thuận,

Văn Đức Vinh hoặc Thông, Viễn, Hai, Trọng, Hiếu, hay đi với mấy tay cầu thủ sừng kèn Đồng Nai những khi họ kéo đại binh ra Bắc, ấy là những thành tích phi thường mà các tay chơi hào hiệp ở đây cần phải gây bằng cái khí phách trọng nghĩa khinh tài, nghĩa là phải có tư cách chơi cái trò thượng mã để thâm nạp anh hùng làm bạn hữu.

Đã có những anh hùng ấy ở chung quanh tức là đã có một hỗn hiệu đại vương rồi đấy.

Ông bạn già hồi ấy cũng đã chịu năm ngày tiệc lớn, ba ngày tiệc nhỏ. Ông là con một vị đại thần. Ông có ấp lộc ở miền Kinh Bắc. Ông là Ấm Hiễn. Ấm Hiễn thuở tráng niên, đã đọc thuộc lòng bộ Đông Chu Liệt Quốc, Thủy Hử, Tam Quốc, coi ba bộ truyện ấy là cái túi khôn rộng lớn hay là chiếc kim chỉ nam cho ông nhảy vào đời, bất chấp! Nhưng Cự Cố chán lộc dân, quy rồi. Cậu Ấm lại cảm thấy mình bở ngỡ non dại lắm, bèn không vào đời nữa, mà chỉ đứng ở ngưỡng cửa cuộc đời, với một cô vợ cô đầu, ở tòa nhà tây ấp lộc. Cứ chờ thứ bảy, cậu Ấm lại tạm bỏ ruộng giắt túi một món tiền ra Hà Nội, xem đá bóng và chơi hát bộ.

Vậy, ông bạn già đã là một khán giả của túc cầu, là người hâm mộ Sáu Thủ từ một nửa kiếp người rồi.

Hôm nay, gặp cố nhân, Ấm Hiễn muốn mời ngay Sáu Thủ đi đánh chén một bữa linh đình, nhưng than ôi, cuộc biến dâu đã phá tan hết ấp lộc phiêu của cậu công tử ấy. Đến nỗi bây giờ tản cư về Hà Nội, Ấm Hiễn chỉ còn là một anh kiết xác ghìen nặng túc cầu như Sáu Thủ, chủ nhật nào ông cũng xoay xở vỡ mặt mới có nổi tấm vé đi coi. May mà hôm nay, dư vài đồng bạc, đãi nhau một cốc bia, một điếu thuốc lá, bạn già nghĩ rằng thế là long trọng lắm.

Cuộc đấu đã tan. Ông bạn già cụp ô, cặp nách, theo Sáu Thủ nhảy qua bức rào xi măng cốt sắt vào trong bãi.



Sáu Thủ đi lẫn đám khán giả đang ò ạt kéo lên khán đài xem đội ban Trung Quốc lĩnh cúp. Đến giữa bãi, Sáu hoang mang nhớ lại ngày xưa ngày xưa mình chạy ở đây, đá những quả ban chí tử giữa pháo tay vang động một góc trời. Sáu lững thững đến khung gỗ trắng, lại mang máng nhớ mình đã bao lần trấn ở cửa thành này giải khốn dẹp nguy cho đồng đội, bụi cuốn lăm lăm, những gót giầy đánh rầm rập, những khối thịt lấn xô, hỗn loạn như một bày chiến mã tươi bời trong gươm giáo. Thế mà lúc này Sáu Thủ có cảm tưởng rằng bãi cỏ kia mệnh mệnh hơn trước, cái khung gỗ rộng cao hơn trước, mình đứng đây mà tưởng như lọt thỏm vào một vùng rừng núi.

Bóng tối đổ xuống đầu. Ra khỏi bãi bóng ông bạn già chia tay Sáu Thủ, tiến ngược lên phía trại Ngọc Hà. Sáu Thủ ngậm ngùi nhìn theo cái thân hình lom khom thất thểu khuất sau những gốc cây cổ thụ.

Sáu đi về cái ngõ cụt sau Đền Giám. Tới căn nhà nhỏ nằm dưới một cây bàng rụng lá, Sáu thấy hai thằng con đang lon ton đá bóng, kêu hò ầm ĩ. Quả bóng là cái vỏ da rách nát mà bữa qua Sáu Thủ lấy để nhồi giẻ rách vào làm ruột.

- Bố ơi, Tàu được hay ta được.

- Ta được phải không?

Sáu đang đói mệt cũng lây cái vui của trẻ, cười nói huyên hoa. Quả bóng lăn đến chân, Sáu chặn lại, co chân sút mạnh vào bức tường đồ trước cửa nhà. Quả bóng da bị sút mạnh quá bật ra, làm ngã thằng con nhỏ. Nó không khóc, nhịn đau chuyển lại cho bố và la lớn:

- Bố sút đi nào! Gôn này, phải biết. Thọ ve cũng phải hàng nhé!

Người cha khoái trí, sút luôn cú nữa, đúng ngực con. Thằng bé ngã chúi vào chân tường, tay còn ôm chặt quả bóng. Nó đau quá, không ngóc lên được nữa. Thằng lớn sợ hãi chạy vào mách mẹ. Người cha nhắc con lên. Thằng bé cố cười:

- Chưa thấm vào đâu. Bố tha hồ sút nữa đi. Đấy bố xem, con nhựa lắm. Có giỏi bằng gôn Nhuận ngày xưa không hả bố?

Người vợ chạy ra tru tréo:

- Khổ chưa? Đá đấm gì, khéo chết con thôi. Già còn rưng mỡ. Trót một đời đá đấm mãi còn chưa chán, hử!

Sáu Thủ cười khà, dặt con vào. Ông cởi áo phành phạch quạt. Bỗng nghe tiếng chuột rúc rích ở đâu đấy. Sáu đứng dậy tìm. Ông cúi xuống gầm giường lôi đôi giày ra phủi bụi. Mấy chú chuột nhắt ở trong giày chui vội ra chạy mất.

Ô, đàn chuột ồm ờ đã làm tổ trong đôi giày oanh liệt của lão tướng Sáu Thủ tự bao giờ! Chao ôi, đôi giày đá ban của Sáu Thủ đã từ mấy chục năm làm mưa làm gió trên cầu trường đất Bắc tuy đã miệng há, đế bong rời, nhưng lão tướng vẫn giữ gìn cẩn thận như một danh tướng thời xưa giữ gìn chiến bào, kiếm báu.

Hai năm trời tản cư miền Việt Bắc, Sáu Thủ chẳng quên đeo bông đôi giày oanh liệt, lang thang hết núi tới rừng, đến nỗi người vợ phải kêu la trời đất, ba lần vất bỏ cho nhẹ gánh, ba lần người chồng lừ mắt nhặt lên lau chùi sạch sẽ, lại bỏ vào hòm, cố quây. Ở ngoài kia, có lần đi khiêng lợn mướn, qua đường sỏi núi đau chân quá, Sáu Thủ đã lôi đôi giày quý báu này ra xỏ vào chân. Đế giày nghiêng đá rừng xào xạo, làm tung bụi đỏ khiến người ta cười rộ cho là anh lắm cẩm. Bởi thế, Sáu Thủ lại lau giày bỏ vào hòm, để rồi lại trịnh trọng tha về Hà Nội.

Thế mà không hiểu sao, người đàn bà tục tũ kia đã dám cả gan lôi đôi giày danh tướng ra vất dưới gầm giường cho nhện vương, bụi bám và chuột nhắt xông vào đùa giỡn nhau trong đó!

Thật không thể nào tha thứ được. Ông giận vợ. Ông giận luôn cả cuộc đời. Người vợ không biết cái giá trị người chồng gửi vào đôi giày cũ kỹ,

đôi giày mang cả một thiên súc cầu lịch sử hào hùng. Và cuộc đời đã hùa theo sức tàn phá của thời gian mà quên trúc già tre cối, chỉ ngảnh nhìn măng mọc, tre vươn. Tuy nhiên, đã có một người già hiểu giá trị anh, kính mến ông. Ấy là ông bạn già che ô lục soạn, chiều nay vừa trân trọng nói chuyện với ông như một kẻ thực lòng yêu nước đốt hương lần giở trang sử cũ.

Thế là đủ lắm rồi. Đời chỉ cần một người hiểu chân giá trị mình. Sáu Thủ nguôi cơn giận dữ. Ông lau bụi, dốc ngược giày cho phân chuột rơi ra, rồi trong khi người vợ lúi húi dọn cơm dưới bếp, ông xỏ giày, buộc dây cẩn thận, co chân chạy mấy bước quanh giường.

Hai đứa con lại lôi quả bóng da nhồi giẻ rách chuyền cho bố.

- Nào, bố sút nữa đi. Gôn này phải biết, quốc tế đây, bố nhớ!

Thằng nhỏ sát lưng vào vách, lăm le đợi bóng. Thằng lớn nhảy xổ vào vờn bóng với cha:

- Khê đấy, bố nhớ. Đố bố qua được đấy, qua được con mới cho là giỏi! nào, bố lừa đi, a-lê-hấp!

Thằng lớn lao vào chân bố. Bố gạt bóng, sút tréo giò. Thằng nhỏ thủ thành nhào ra bắt gọn bóng vào tay, đúng bụng. Bố ngửa mặt cười vang:

- Giỏi, giỏi! Thật cha hồ không đến nỗi sinh con chó. Thằng này rồi kế nghiệp bố đây.

Rồi đó, bố lại lừa ban với thằng con lớn để sút băng băng vào vách cho thằng con nhỏ chộp, đấm, nhào.

Sáu Thủ khoái chí:

- Khá lắm! Thực là hậu sinh khả úy, bố phục con, bố phục con!

Bóng vào gôn, bóng lại bật ra. Ba cha con nói cười âm ã. Lão danh tướng túc cầu, đã mấy chục năm qua, hôm nay mới ôn lại những đường ban cũ quanh chiếc giường tre ọp ẹp trong gian nhà đổ nơi ngô cụt với đàn con mà người bố tin rằng đó là tương lai của cầu trường mai hậu.

Muỗi hát trong bóng tối. Người vợ cầm cây đèn dầu ở dưới bếp lên, đứng sững nhìn chồng, nhìn con, khẽ lắc đầu.

Thằng nhỏ thét:

- Bố sút đi nào!

A-lê-hấp! Sút mạnh, sút mau!

*Sinh lực*, 1953

# Ông bạn ngày mưa

Tôi ở một khu trại ngoại thành Hà Nội. Những cơn gió bắc ở đây thường lạnh hơn trong khu vực phố phường nhiều hơi người và hơi lửa.

Một chiều kia mưa gió lạnh buốt khiến tôi tưởng đến một miền cát ướt đầy lau sậy, vang dồn tiếng sóng buồn xa xa mà tôi đã sống thưở ấu thơ.

Những lá cây dừa quanh trại reo múa, đập thành phạch vào nhau suốt đêm ngày càng đem hơi giá đến cho căn nhà cổ mốc meo, cây cỏ leo cả lên những bức tường lở và mái ngói cũ nát.

Tôi ở một mình, kẻ hầu là người đầy tớ già xưa đã hầu hạ song thân tôi ở quê nhà. Đang đau yếu, tôi lấy nơi này làm chỗ an dưỡng. Thóc gạo, người bố già cách vài tháng lại về quê tải ra, chuyện cơm áo vì vậy không làm tôi phải bận tâm. Bạn bè với tôi chỉ là bút sách bởi cả ngày không có một vết chân người lạ vào đây.

Những buổi chiều, ngồi trong cửa sổ mà nghe tiếng gió ngoài vườn và nhìn bóng tối mênh mông tôi có cảm giác mình đang ở một cái thung lũng sâu tối vô cùng, không bao giờ thoát được lên. Tiếng ho khù khụ của ông Bồng đi so ro ngoài vườn nhiều lúc khiến tôi vội đưa bàn tay lên ngực và thấy cổ ngứa ngáy khó chịu.

- Ông Bồng, ông ho nhiều quá!

Người bố già những khi nghe tôi nói vậy thì ngẩn mặt ra rồi cúi đầu xuống, bước vội đi. Sau đó một lúc lâu tôi không thấy ông ho nữa. Có lẽ

ông nể sợ tôi mà cố nhin. Do thế nên mỗi lần ông bật lên ho là sặc sụa và thở hỗn hển.

- Ông lấy thuốc của tôi mà uống. Đừng để thế, lờ ra...

Tôi nhận thấy ý lo sợ thoáng hiện trong đôi mắt lờ lờ đục. Một lúc, ông mới đáp, giọng khàn khàn:

- Không sao ạ. Giở trời thì sinh ho đấy mà. Mai kia nắng ráo thì lại khỏi.

Tôi để ý xem ông Bồng có để bát đĩa của tôi riêng ra không. Nhưng ông không để riêng, ông vẫn dùng chung với tôi, làm như cả thầy trò cùng khỏe mạnh. Tôi không bằng lòng. Ông đáp:

- Có mệnh trời hết cả. Cần gì phải giữ gìn quá thế. Xưa cháu hầu cậu Cả. Cậu mất đã ngót mười năm nay mà bây giờ cháu đã sao đâu.

Sự hy sinh của người đầy tớ trung thành khiến tôi mũi lòng.

- Và lại, cháu già yếu rồi, tiếc gì đời.

Trời đất càng thêm lạnh. Ông Bồng sẵn sóc luôn luôn cái hỏa lò than nóng đặt dưới chân giường hay gập bàn tôi ngồi viết. Mưa bay trắng ngoài cỏ, cây. Một buổi chiều, ngủ dậy, tôi thấy lạnh quá, thêm uống một vài chén rượu.

Hơi men hâm nóng sinh lực lên một chút, ngâm vài câu thơ chơi thì còn gì thú bằng. Tôi ngỏ ý muốn với ông Bồng. Ông ta giật mình như nghe tôi đòi thuốc độc.

- Vâng chính là thuốc độc đấy cậu ạ. Cậu Cả ngày xưa cũng hại vì rượu mau hơn vì bệnh.

Vẻ mặt và giọng nói nghiêm trang trong đó chứa cả nỗi xót xa cố chủ khiến tôi phải bỏ ngay cái thềm giải sầu bằng men say.

Một buổi chiều, mưa gió vẫn triền miên như những ngày lạnh trước, tôi ngồi đọc sách, chần chừm đôi vai tê buốt vì tiết trời. Ở chỗ tôi ngồi có thể trông lên con đường cao bên ngoài cổng trại.

Tôi thấy một ông già. Ờ, vẫn cái ông Tây già đội mũ nồi, mặc cái áo tơ vải cao su vàng, lê chiếc ba toong bằng song khá lớn, còn bộ quần áo bên trong thì chưa bao giờ tôi thấy ông thay bộ dạ màu vỏ dưa đã cũ.

Mọi chiều, ông ta qua trại tôi đứng vào cái giờ sấm tối này, và tôi để ý, lần nào ông cũng dừng lại một phút nhìn vào rồi lại lẳng lẽ mà đi. Điều đáng chú ý là ông đi bộ, dù mưa to cũng vậy. Ông đi đâu? Tôi không biết, và đó là một sự không cần biết.

Thế mà lần này, ông già kia chống gậy lừng thững vào trong trại tôi. Ông ngấm gốc cây này, khóm hoa khác, làm như vào nhà mình vậy. Con Diane, con chó săn dữ đòn nhất của tôi nhảy xổ ra. Tôi chưa kịp quát gọi con chó thì ông khách lạ, điềm nhiên như thường, thu cái ba toong kẹp vào nách, khom cái lưng gày còng, giơ một bàn tay ra hiệu vuốt ve con vật, miệng chum lại khê huyết sáo. Dáng điệu ấy có một vẻ thành thạo của con người không biết sợ là gì, hơn nữa, còn vẻ thành thạo của người đã từng chơi chó săn như kẻ khác chơi gà, chơi chim.

Con chó dữ là thế, tức thì vẫy đuôi hít hít bàn tay ông ta. Ông mỉm cười, tiến vào phía cửa, đứng ngoài hiên, rũ nước mưa trên áo, lau đế giày vào chiếc thảm dứa, rồi gõ rất từ tốn vào cửa phòng sách tôi đang ngồi.

Tôi tiếp ông già. Ông cởi áo mưa treo lên mắc. Lạ điều nữa, cái mắc áo nhỏ lẫn vào một chỗ khá kín đáo ở góc tường, sao ông ta không cần đưa mắt tìm tòi cũng biết được và tiến thẳng ngay đến nó.

Ngắm cái lưng còng già rồi nhưng bề ngang còn to; đôi đùi ngắn thấp, song bước đi quả quyết, vững chãi chậm chạp như đo đếm từng viên gạch,

tôi vụt nghĩ ngay đến mấy phim Mỹ, ông già thám tử Charlie Chan dáng điệu cũng lừ lừ và bí mật y như vậy.

Nói thực, cảm tưởng của tôi giây phút đó là hơi khó chịu. Tôi đã nghĩ cách cần đối phó với người khách quái gở này.

Nhưng sự phải đến khả quan hơn ý nghĩ đề phòng. Ông già xoa hai bàn tay gân guốc, mỉm cười, ngồi xuống. Trước khi ngồi, ông không quên xin phép bằng mấy câu lịch sự khiêm tốn.

- Ông cho tôi tự giới thiệu. Tên chính tôi có lẽ khó đọc, khó nhớ nữa, vậy xin ông cứ yên trí người bạn già - nếu ông cho phép tôi được nói vậy - tên là Goro.

Ông ta ngừng lại. Đôi mắt hiền hiền, cặp môi mỏng che bằng bộ ria đã chen sợi trắng, phác một nụ cười khả dĩ cho là nụ cười bộc lộ rất hồn nhiên cái tâm tính một kẻ không cần để mình đề phòng lắm nữa.

Ông ta tiếp, vẫn giữ nụ cười:

- Trước kia, đã lâu rồi, tôi là viên chức một công sở ở Phnom Penh, sau đó tôi thôi sở, ra làm thương mại. Tôi đã dùng đôi chân khỏe và chiếc gậy cổ hữu này để chạy khắp Đông Dương, cái xứ sở quý hóa đầy nhân tài, đầy vàng ngọc của ông...

Ông lại ngừng lại. Tôi khẽ nghiêng đầu cảm ơn lời ca ngợi đó, dẫu rằng lời ca ngợi nào cũng tất phải chứa những danh từ hoa mỹ. Nhưng một người Pháp thuộc địa khi nói câu ấy ắt phải có quyền thành thực. Mà một người Việt Nam như tôi sao lại không có quyền ngẩng cao mặt lên để cũng thành thực và kiêu hãnh nhận rằng đó là cái vinh dự dĩ nhiên của xứ sở tôi từ bao nhiêu thế kỷ nay - một vinh dự, một sự thực mà bất cứ người ngoại quốc nào, nếu đã nhận xét, đều không chối cãi.



- Tôi làm thương mại ở đất nước ông đã mười năm nay. Tôi đã được lạc quan nắm chặt tay người Việt. Tôi hiểu họ, tôi yêu họ. Một dân tộc này muốn hiểu một dân tộc khác, khó gì đâu. Không có gì xa cách cả, chỉ có những tấm lòng. Khi những ý nghĩ, những tấm lòng khác huyết mạch đã gần nhau, người ta mới có thể nói đến cái gì là đại đồng, là nhan loại. Ấy thế mà... A ha! cảm ơn chủ nhân, cảm ơn lão bộc. Nước trà gì đây? Trà tây hay trà mạn? Tôi thì tôi ưa dùng cái thứ trà mạn pha loang loãng, uống buổi tối tốt hơn cà phê nhiều.

“Có phải vậy không, ông già!”

Câu sau này, ông ta nói tiếng Việt. Giọng lưỡi sỏi lăm. Bàn tay nổi hẳn gân gờ lên đập thân mật vào vai ông Bồng để chấm câu nói và tiếng cười sang sảng.

Ông Bồng thấy ông khách thân mật một cách dễ dãi thế, có vẻ hân hoan lăm. Tôi đưa mắt cho ông Bồng lui ra. Tôi cũng tìm vài câu chuyện giản dị tiếp khách. Khách đến chơi nhà đột ngột, tôi muốn nghe hơn là cần nói. Và ông khách của tôi nói cũng khá nhiều. Không khí không vì sự gìn giữ của tôi mà tẻ nhạt.

Uống xong hai chén nước, ông già đứng dậy xin lui. Tiễn ra cửa, tôi chưa kịp mời khách đến chơi lần sau, ông đã nói:

- Mai, giờ này, tôi lại đến thăm ông. (Ông ta ngảnh về ông Bồng, nói tiếng ta). Lão, lão lại đãi tôi một ấm trà mạn nóng nữa nhé. (Ông ta vừa mặc áo tơi vừa nhìn thẳng vào mắt tôi) Trời đất lạnh lẽo như thế này mà không có một nơi ấm áp, một người kể được là tri kỷ để nói với nhau vài câu thì còn lạnh biết bao nhiêu. Tôi ít bạn, nếu nói là không có ai (Đầu ông già cúi xuống, cúi xuống. Bỗng ông ngẩng vọt mặt lên) Ồ, ngoài trời rét nhỉ!

Trong bóng tối hoang mang đổ với mưa chiều tôi nhận thấy rằng ông già cắn chặt lấy vành môi dưới. Và bàn tay ông, có lẽ run, không biết có phải vì rét không, nắm tay tôi thật chặt.

Ông bước ra ngoài mưa. Bước chân vẫn quả quyết chắc chắn, như đang đo đếm. Có lẽ đây là con người đo đếm chiều ngang rộng của đất trời đó chăng!

\* \* \*

Quả nhiên, giờ ấy hôm sau, ông già đến nữa.

Lần này, ông đến với tư cách một người bạn. Mưa làm áo tôi ông ướt sũng. Ông cười to, từ lúc chùi giày, với con Diane và lão Bồng. Lúc vào phòng, ông vỗ vai tôi (sau này, tôi nhận thấy ông có cái thói quen ấy khi tỏ điều gì thích ý), ông móc túi áo tôi lôi ra một vật, đặt lên bàn.

Ông Bồng đã đun nước sẵn, pha ngay trà bưng lên. Ông già bằng lòng về sự tiếp đón này lắm, nhìn chúng tôi một cách cảm động.

Uống trà xong, ông tháo giấy bọc, lấy ra hai chai rượu Tây. Một chai, ông bảo tặng tôi, một chai ông mở nút. Ông tự ra buffet lấy hai chiếc cốc. Lâu lắm mới ngửi mùi rượu, nhất là cái thứ rượu Tây hạng tốt này, tôi để mũi thơm thừa sức quyến rũ, như mùi hoa quyến rũ con ong đói.

Tôi vừa đưa cốc lên môi thì ông Bồng vào. Tôi không muốn ngảnh lại, nhưng biết rằng ông sợ hãi lắm. Tôi uống một ngụm hết nửa cốc. Tôi để ý đến tiếng guốc của ông sau lưng tôi.

- Cậu! Sao cậu lại thế...

Giọng quở trách của ông tự nhiên khiến tôi tức giận. Trước nay, tôi vẫn thường nể người đày tớ già. Lão trực tính, cái gì cũng nói ngay. Nhưng trong trường hợp này, tôi thấy tôi bị lão uy hiếp. Ý nghĩ ấy đưa sự tức giận

đến sự liêu lĩnh, cái kính. Tôi ngảnh lại, trợn mắt nhìn ông như đe dọa một kẻ dưới hõn hào. Ông lão nhìn tôi buồn bã, rồi cúi đầu quay ra.

Tôi uống với người bạn già hết cốc này sang cốc khác. Rượu mạnh, chúng tôi uống không pha nước lọc.

Ông móc túi lấy chiếc tẩu thuốc lá. Chiếc tẩu khá lớn, kiểu đẹp, bóng mờ hôi tay. Bấy giờ gian buồng đã tranh sáng tranh tối. Ánh lửa lòng tẩu lóe lên làm sáng đường sống mũi dài và lóng lên tảng trán hói. Nạp thuốc đượm lửa se thành tiếng, và tiếng “bập bập” ở môi ông già khiến tôi, trong khi chú ý ngắm cái khuôn mặt choắt lưỡii của ông, vụt nghĩ đến một loài rắn gì đó đang hút gió.

Tôi ngồi yên nghe hơi rượu mạnh ngấm vào mạch máu. Phải nói là tôi bắt đầu say thực sự. Còn ông bạn già vẫn tỉnh, duy đôi mắt ông lim dim, hẩn không vì rượu, mà vì khói lên đọng bờ mi mắt.

- Bữa nọ tôi đã kể với ông rằng tôi là thương gia đấy nhĩ. Ờ, xưa kia, tôi là một thương gia. Tôi còn làm nhiều nghề lắm, ở nước tôi, ở nước người. Tôi là một kẻ đi lang thang, làm ăn cần cù và nhẫn nại. Ông ạ, vàng bạc tôi kiếm được của trái đất này trong mấy mươi năm trẻ trung, một nửa đã bị mất trong một vụ đắm tàu, một nửa thành than tro trong một nạn cháy nhà vì chiến tranh ở châu Âu. Cái tin nạn sau này tôi mới biết.

Tôi tay trắng, nếu không kể ngôi nhà cuối cùng, tức là tất cả những gì là mồ hôi nước mắt của tôi; ngôi nhà đẹp quá, ồ, ông thứ cho cái lỗi tôi tự khen như vậy. Nhưng thực thế, ngôi nhà đẹp nhất theo tôi nghĩ, làm mất ít tiền thôi, giản dị thôi, vậy mà tôi thách tất cả các nhà kiến trúc, tất cả các tài năng thầu khoán có thể nghĩ ra một kiểu nào lạ hơn, dễ thương hơn thế nữa.

Ông bạn già ngừng lại úp hai bàn tay vào mặt, ông ngồi yên như vậy lúc lâu. Một lát ông bỏ tay ra, gõ cái tẩu thuốc vào cạnh bàn. Giọng ông thấp

xuống, thăm thì như nói với mình:

- Than ôi, thật là tay trắng, thật là mồ hôi nước mắt ra sông. Tôi cần cù tha mồi, đắp tổ, thế rồi một phút nghịch ngợm độc ác của đàn con trẻ công trình của tôi bỗng sạch sành sanh!

Ông già lại gục đầu mãi xuống. Nhưng bỗng ông đứng phắt lên ngay. Ông không muốn tôi biết ông khóc.

Vội vàng ông mặc áo, chụp mũ ra cửa. Ông bắt tay tôi rồi vội đi ra mưa. Đứng dưới mái hiên nhìn ông ta khuất, tôi mới quay vào. Ông Bồng đã đứng sau lưng tôi. Đôi mắt ông nghiêm trang, buồn bã, và bức bối, như lúc ông can tôi uống rượu. Tôi thấy sợ đôi mắt người tở trung thành bèn đi thẳng vào giường. Ông Bồng thắp đèn, tôi bảo thôi tắt đi, để yên tôi trong bóng tối.

Đêm ấy vào khoảng gà gáy canh hai, tôi ho nhiều. Ông Bồng ngồi suốt sáng dưới chân tôi.

\* \* \*

Cách hai tháng sau, ông bạn già mới lại đến. Nhưng lần này vào một tối sang hè sáng trăng.

Tôi ngồi trong phòng sách. Ông đứng trước mặt tôi lúc nào không biết. Hơi rượu ở ông sặc sụa. Tôi đang đọc dở một cuốn tiểu thuyết của Stefan Zweig.

Ông già rầu mặt lại, gõ cái tấu vào bàn tay (đó là dấu hiệu khi ông xúc động). Đầu ông gật gật, mắt nhìn ra những bóng lá in xuống mảnh sân xanh ánh trăng.

- Phải, phải... nhà văn mới tự sát hồi năm ngoái này là cây bút yêu thích của tôi đây. Tội quá! tội quá!

Ông bạn già không ngồi, cáo đi ngay, nói là có người đợi ở bên ngoài.

Tối hôm sau, trăng sáng hơn, tôi lững thững ra đường bách bộ. Ánh trăng giải trên con đường bụi trắng, bóng tôi đổ lẫn vào bóng lá cây.

Đến một ngôi nhà lợp rơm, kiến trúc dân Chăm, tôi lại quen thói thường đứng lại. Ngôi nhà ấy mới dựng chừng một hai năm nay, tôi yêu thích lắm. Tôi đoán chủ nhân tất phải là tay lịch duyệt, đã già, đã trải sự đời, đã chán chường tất cả, về đây an dưỡng. Cho nên tuy chưa hề trông thấy chủ nhân lần nào, tôi cũng thầm kính trọng mỗi lần qua đó.

- Kìa, ông bạn trẻ tôi ơi!

Người vừa reo lên đó, ở một chỗ tối nhất đi ra. Ông bạn già tôi, ông bạn đã kể qua cuộc đời cho tôi nghe trong một lúc có lẽ lòng đau khổ nhất, cảm động nhất, tiếc hận nhất.

Ông thì thầm bên tai tôi:

- Đấy, cái cơ nghiệp cuối cùng trong cuộc đời cần cù của tôi đấy ông bạn ạ. Tôi gây dựng nó, để dưỡng tuổi già với vợ tôi. Vợ chồng tôi ở đây được vừa hai tháng. Ờ... ờ... đã có ít nhiều đêm trăng đẹp như thế này, đôi mái tóc trắng của chúng tôi đã sát vào nhau trên bao lan kia. Vậy mà ngày nay cơ nghiệp kia đã không thuộc về chúng tôi nữa! Ông bạn ơi! ông có hiểu tại sao không? Nhưng đó cũng chỉ là sự thường ông ạ. Việc tôi được hưởng hay không được hưởng nữa, âu cũng là ý trời. Tôi không phàn nàn gì cả. Duy chỉ còn tối tối, nhất là những đêm có trăng, tôi, có khi cả vợ tôi, nếu bà ta không ốm, thường qua nhà cũ để nhìn ánh sáng đèn quen thuộc dội ra quăng đường vắng vẻ này.

Chợt ông già im lặng. Mắt ông mở to. Miệng ông mím chặt lại. Hơi thở ông rợn gập. Cái gì? Tôi nhìn theo chiều mắt ông nhìn. Ở trên bao lan có hai cái đầu xanh. Tiếng hát êm ru của một người con gái bay ra ngoài. Bóng áo như bóng hoa qua lại bên rèm. Tiếng đàn vọng mênh mông. Tiếng

cầm ca hay tiếng kiếm cung reo - tôi mơ đến một tiệc yến oanh của một tướng công nào thuở cũ.

Ông bạn già kéo tay tôi đi. Âm nhạc xa dần sau lưng tôi, xa và buồn như tiếng kêu của một đàn hải âu bay lang thang trên một vùng cát cồn sương gió.

Đến cổng trại ông bạn già nắm chặt tay tôi, từ biệt. Lần này, ông nhìn tôi lâu hơn mọi lần. Tôi lưu mời ông vào trại uống trà. Ông từ chối. Bóng ông, cong cong như một lưỡi liềm, mất vào những gốc cây quét vôi trắng.

Tôi vào nhà, cảm giác hoang mang như một kẻ vừa tàn cuộc rượu lúc xế chiều. Chiều xuống trong buổi đất trời gió bụi, hay trong cuộc đời tôi, đời ai.

*Tiểu thuyết thứ Bảy, số 457-1943*

## Gái muộn chồng

Tối nay, thành phố mới lên đèn Tâm đã thu hàng đóng cửa sớm. Chờ xong hết mọi việc, cô nhìn ra phía ngoài xem còn bỏ sót thức gì không, rồi trèo lên bàn hạ thấp cây đèn dầu phao xuống thối tắt lửa. Trước khi bùng hỏa lò, siêu thuốc cùng các thức vật lên gác, cô còn cẩn thận đốt que đóm soi gậm phản, góc tường xem có kẻ nào ẩn nấp không. Tính cẩn thận đó Tâm đã có sẵn ngay từ hồi bà Hàn còn sống. Những lúc ngồi vui chuyện dạy con gái việc tề gia nội trợ, tam tòng tứ đức, bà Hàn thường răn con gái nên ý tứ, ngồi phải nhìn trước xem có vết cốt trầu làm bẩn áo, đi phải trông trước trông sau xem có người con trai nào theo gót thì cần lánh xa ngay; ngủ phải nằm nghiêng, không nên ngáy, và điều cần hơn hết là trước lúc chèn chặt cửa, phải khua gậm giường, gậm tủ, phòng khi tối lửa tắt đèn...

Từ ngày mang khăn tang chở mẹ cho đến ba năm giỗ hết, cô và Tình, chị ruột cô, vẫn ghi lòng lờn mẹ dạy khi vui chuyện và lúc lâm chung. Hai chị em cô đã bao nhiêu năm tập đủ công, dung, ngôn, hạnh, tề gia nội trợ, tam tòng tứ đức để một mai xuất giá theo chồng...

Nhưng Tâm, Tình đã bao nhiêu năm theo lời mẹ dạy mà chưa bao giờ được hi vọng xuất giá theo chồng, chưa bao giờ được người con trai nào theo sau gót, chưa bao giờ thấy một kẻ nào rình dưới gậm giường, dù đã có đôi lần những đêm mưa lạnh lòng buồn quá, hai cô gái muộn chồng thường mê thấy hình như có bóng một người con trai nào ẩn nấp đâu kia để nghe trộm tiếng thở dài ngao ngán của mình.

Tâm mệt nhọc bước lên những bậc thang gỗ mục nát như gàn đở gãy, - cái cầu thang của một căn nhà cổ làm từ ba năm sau khi Hà Nội thất thủ

đến mãi bây giờ... Tâm nhóm bếp lò hâm lại thuốc, rồi cô rót ra bát, bưng đến chỗ chị nằm.

- Chị Tình! dậy uống đi kẻo nguội.

Tình mở mắt nhìn em, giọng nghẹn ngào như muốn khóc, cô hỏi Tâm câu tối nào cô cũng hỏi:

- Hôm nay có bán được gì không?

- Cũng khá ạ. Chị đừng lo.

Tâm buộc lòng dối chị. Thực thì mấy ngày nay có bán được gì đâu. Tất cả cửa hàng của chị em cô, khách qua đường nếu không ngại mệt vì phải trèo lên ba bậc gạch cao mới bước được lên thềm để mua một bao diêm với gói thuốc lá Job xanh, rồi thử nhìn ngắm kỹ, họ chỉ thấy có mỗi chiếc tủ con sơn long lở, bên trong bày vài xâu chỉ, vài tập giấy, phong bì, dăm ba lọ mực, mấy hộp lơ, ngoài tường treo lủng lẳng mấy sợi bắc đèn, giải rút, mấy cuộn dây thừng..., chỉ có thế thôi!

Vậy mà đã bao nhiêu năm, cửa hàng ấy nuôi sống một người mẹ góa, ngày nay nó nuôi hai cô con gái đã ngoài ba mươi, duyên hẩm hiu đành vẫn ế chồng.

Ngôi hàng kia trước đã điêu tàn giờ lại điêu tàn hơn. Từ khi Tình ốm, Tâm thương chị nên nhặt nhạnh được đồng nào lại bỏ ra chạy thuốc thang, lấy đâu buôn thêm hàng nữa.

- Tâm ơi! hôm nay là bao nhiêu nhỉ?

- Mồng hai tháng Một rồi.

Tình bỗng mở to mắt nhìn lên ảnh mẹ lơ mờ sau bức màn the xanh đã bạc hết màu.



- Mười hôm nữa sẽ đến ngày giỗ mẹ. Vậy em cần lo liệu trước đi. Lại thêm tết nhất sắp đến nơi rồi! Tâm ạ, đêm qua chị nằm mê thấy mẹ về, ngồi trên cái ghế Tâm đang ngồi. Mẹ để xoa tóc, vẫn mặc chiếc áo sa tanh chị mặc cho mẹ trước khi khâm liệm... Mẹ nhìn chị khóc nức nở không nói năng gì. Một lát, mẹ từ từ đến đầu giường cúi xuống vuốt mắt chị rồi lững lững đi ra... Tâm ơi, chị lo lắm, chị chết mất, vì từ lúc tỉnh dậy chị thấy như không còn sức mà thở nữa, xương thịt đau đớn như dần, lắm lúc mê sáng tựa hồ hồn vía bị ai dắt về âm phủ, đi lẫn cùng ma quỷ đông lúc nhúc như phiên chợ trần gian...

Tâm gạt đi, giục chị uống thuốc, rồi cô ra chỗ khác để cắt đứt câu chuyện âm phủ nó làm cho cô sợ run người và khiến cô lo ngại đêm nay chắc sẽ không ngủ được.

Mười giờ, về tháng Một nên đã gần khuya, phố đã vắng người. Tâm đang rảo bước bên bờ hồ Hoàn Kiếm về nhà. Lá trên cây rụng nhiều quá, rơi cả vào chiếc tráp đựng vàng hương ở tay cô. Nhìn nước hồ xanh ngầu vàng, cô tưởng chừng nước kia lạnh lắm, và tần mẫn cô tự hỏi mình: “Không biết từ xưa đến nay, những cô gái không như nguyện về tình liêu nhảm xuống đáy hồ sâu thăm thẳm kia mà tự tử, nhưng chẳng hay trong số đó có cô nào vì cố mệnh chồng mà hủy mạng không?”.

Một luồng gió lạnh thổi tạt vào da mặt, Tâm rùng mình. Cô cảm thấy cô không bao giờ có can đảm chết, mặc dầu Định mệnh bắt cô phải mệnh chồng mãi mãi, không chừng cả đời cô.

Cô vừa đi vừa nhớ lại những ngày xưa, hồi mười tám, mười chín tuổi, cô đã đi nhiều lần bên Hồ Gươm nhưng là đi với mẹ, với chị Tình vào đền Ngọc Sơn lễ thánh những ngày rằm, mồng một. Nhưng cô nhớ nhất là đêm ba mươi Tết, làm lễ giao thừa ở nhà xong, cô giở quần áo mới ra mặc, bưng vàng hương theo bà Hàn ra cửa gọi xe đến lễ đền này. Hà thành, lúc ấy vùng thức dậy vì tiếng pháo đốt liên thanh. Cô quên cả rét, sung sướng theo mẹ bước trên cầu Thê Húc, len vào trong đám đông người lũ lượt vào đền.

Khấn khứa và xin thẻ xong, cô ra cửa bỏ vài xu mua cành lộc, hí hớn về nhà “xông đất” lấy. Cô mới khẽ gõ cửa, Tình đã mặc quần áo chỉnh tề, đứng một bên cúi chào bà Hàn như chào khách; bà Hàn tươi tỉnh nói mấy câu chúc mừng năm mới. Tình cũng đáp mấy câu chúc mừng, rồi ba mẹ con cùng bật cười vang.

Nghĩ đến cảnh vui này, Tâm đau đớn khẽ thở dài. Cảnh vui ấy có còn đâu. Bà Hàn chết từ sáu bảy năm nay, hai chị em cô tần tảo lần hồi, ngày tháng ôm lấy ngôi hàng nhỏ, chông trơ vài cuộn thép, cuộn thùng, mấy bao diêm, mấy gói thuốc Lào, thuốc lá, phong lờ...

Tối nay, nóng ruột về bệnh của Tình nặng quá mà thuốc thang không thấy giảm chút nào, Tâm lại đi lễ thánh, lại xin thẻ, xin nước giải, cũng như xưa cô đã làm quen những việc này mỗi lần mẹ cô bị trái nắng trở trời. Lúc nào cũng chỉ tin ở Trời, ở Phật, ở Thánh mặc dầu cô đã tự biết như thế là trái với một cô gái tân thời. Gái tân thời ngày nay, họ không lễ Phật, lễ Thánh, không ăn mặc theo lối cổ như cô!

“Có lẽ vì thế mà chị em mình bị muộn chồng chẳng?” Cô hăng nhủ lòng như vậy những lúc ế hàng, ngồi nhìn các thiếu nữ mới khoác tay trai đi điều phố, mặc quần đùi đi xe đạp ngoài đường, hoặc những lúc vô tình đi qua một nhà chớp bóng, một tiệm nhảy đầm.

Lúc này Tâm đi bên ngoài một phòng nhảy, gần nhà Thủy Tạ. Cô rẽ ra xa, đánh bạo liếc mắt nhìn vào, thấy tây đầm, cả người Việt Nam nữa, từng đôi đang ôm nhau nhảy, tiếng kèn du dương. Tâm thẹn đỏ mặt, lòng nao nao như bị một cái gì khuấy rối, cô vội rảo chân đi.

Đường phố đã vắng tanh, vắng ngắt. Tâm mỗi chân muốn gọi xe, nhưng ngần ngại vì cô không muốn phí vài xu - vài xu, đó là giá bao thuốc lá, giá một cuộn dây thùng!

Bỗng Tâm để ý đến tiếng chân ai theo phía sau cô, rất gần, rất gần, chỉ cách cô quãng ngắn. Không dám ngoảnh lại nhìn, nhưng cô biết chắc chắn rằng kẻ đang theo cô là một người đàn ông vì tiếng giày gõ mạnh và cô ngửi thấy mùi thuốc lá thơm. Lòng hồi hộp, Tâm càng cố đi nhanh càng thấy hai chân tựa hồ bị ríu vào nhau mà giày thì như muốn tuột khỏi chân, bấn về phía trước.

Cô lo lắng khi thấy kẻ kia định bụng theo mình. “Lúc phố phường vắng vẻ này, một người đàn ông theo một người đàn bà để làm gì?... Ừ nhỉ! để làm gì?” Câu hỏi ấy khiến mặt Tâm đỏ gay, chân Tâm cuống quýt hơn. Nhưng thực ra lúc này Tâm sung sướng lắm. Tâm khẽ giơ tay lên vuốt lại mái tóc, nắn lại vành khăn, kéo lại cổ áo. Tâm muốn móc túi lấy cái gương nhỏ để đứng dưới cột đèn soi xem mình có vết nhọ nào ở má không, mình có già lắm không mà khiến một người đàn ông theo nàng. Một người đàn ông! một người đàn ông!

Tâm sung sướng vô ngần. Sự thật, từ thuở biết ngắm gương, biết mơ mộng tới bây giờ cô mới được một người đàn ông theo đuổi, để ý cô.

Người ấy vẫn đi sau. Tiếng giày gõ mạnh trên hè vắng, khói thuốc ngạt ngào. Tâm đoán người ấy hẳn sang trọng lắm. Cô rẽ sang phố này, rẽ sang phố khác, tiếng giày và khói thuốc thơm vẫn cứ theo cô.

Tâm hồn Tâm mỗi lúc một mê man như bị một sức gì ám thị. Tâm muốn kẻ kia tiến nhanh lên tí nữa, rồi đi ngang ngay cạnh cô cho cô đỡ lạnh. Cô mong kẻ kia nói cho cô nghe những câu mà cô chưa từng được nghe một người đàn ông nào nói. Cô sẽ lẳng lặng mỉm cười... không cự tuyệt, không, cô sẽ không cự tuyệt người đàn ông nọ..., cô sẽ ngoan ngoãn... hời con người lịch sự mà nhút nhát kia!

Nhưng người đàn ông ấy vẫn vô tình không nghe tiếng nói từ trái tim cô. Người ấy vẫn nện mạnh gót giày đi sau, dần dần như gần cô hơn trước.

Cảm động quá, Tâm nghe ngóng, chờ đợi một sự phi thường êm ái, say sưa sắp xảy ra lần thứ nhất trong đời cô... Cô muốn nhà cô ở xa, rõ thật xa để cô đi bộ mãi, để kẻ kia theo cô mãi, để cô hưởng cái cảm khoái dịu dàng này mãi. Song, nhà cô kia rồi, một căn nhà cổ lụp xụp như cái chuồng gà hiện ra trước mắt.

Rón rén trèo lên ba bậc gạch, Tâm khẽ để ngón tay vào khóa cửa, và nhân lúc ấy cô bạo dạn nhìn trở lại.

Người đàn ông cầm cúi đi qua mặt cô. Dưới ánh đèn bên hè, Tâm nhận rõ dưới chiếc mũ dạ giần giúm một khuôn mặt sạm đen, đôi mắt sâu như hai vực thăm, cái cằm đầy râu, bộ áo dạ màu tro bạc phếch, rộng lưng thụng, bên trong nó một thân hình lẻo khẻo, gầy gò.

Người ấy, qua mặt cô, vẫn thản nhiên, dứt tay vào túi quần, hai vai so cao lên, cúi đầu đi thẳng. Đến một căn nhà bẩn thỉu, lụp xụp như cái chuồng chim, người ấy dừng lại, gõ ba tiếng vào cánh cửa.

Tâm thấy trái tim mình giá lạnh hẳn đi, da mặt xanh tái lại, nước mắt muốn trào xuống má. Thì ra đó là một khách chơi đêm mà tình cờ cùng đi với cô một quãng đường để... đến tiệm hút này!

Tâm mở cửa bước vào nhà, nhọc mệt trèo lên những bậc thang gỗ mục nát như gàn đổ gãy - cái cầu thang của một căn nhà cổ tiều tụy, tượng trưng cả một cuộc đời tối tăm, tiều tụy của chị em cô.

*Tiểu thuyết thứ Bảy, số 184/1937*

## Người gác đêm

Chiều hôm nay lá rụng như mưa, vàng cả trời đất. Lá úa của ngày hè đang độ nhạt rụng nhiều, để chờ những ngày đầu thu đang tới. Trong hơi gió rào rào, lắng nghe, ai có thấy những tiếng rên nho nhỏ của những chiếc lá úa khi rời khỏi cành cây khô? Lão Năm - điên nghếch mãi mặt lên nhìn lá rụng và nghe tiếng xào xạc của lá. Lão già cô độc thương lá cả bốn mùa. Chiều nào lá rụng nhiều, chiều ấy lão không thiết nói năng gì cả, môi lão mím chặt lại, hai tay chắp sau lưng, lão bước cù rử như con cò ốm.

Lão Năm âm thầm chịu khổ từ mấy chục năm trời. Những chiều lá rụng, trong tâm trí lão hiện ra một đứa trẻ thơ đang vun lá dưới những gốc cây: ấy là con lão, đứa con gái có trái đào phơ phất trên đầu ngày xưa vẫn ra sân đình lượm lá về đun. Hai cha con sống ở một căn lều tận cuối làng. Cái ngày được người ta nhớ đến, lão chỉ muốn đào lỗ mà chui xuống, ở luôn dưới đó không bao giờ lên nữa, nhưng người ta cứ lôi lão lên để bảo cho lão biết rằng nghèo thì nghèo cũng cần phải lĩnh cái sừ cho được tiếng là người dân lương thiện, chứ lẩn lút như vậy thì có khác gì con vật.

Lão Năm xấu hổ vì bị người ta nhiếc là con vật nên một sớm lão đã đeo khăn gói bỏ làng ra đi. Hai cha con trải bộ suốt đêm đến bến đò Tân Đệ, xuống tàu lấy vé lên Hà Nội, thiếu mất chút ít tiền nhưng van lạy mãi, người ta chửi dăm ba câu rồi cũng cho một chỗ. Lạc vào Hà Nội, lão hỏi thăm đến xưởng cai xe, xin lĩnh chiếc xe mà kéo. Nhưng lão không có thể, gã cai văng tục vào mặt lão, nhiếc lão là con vật, là thằng mọi nhà quê. - “Lão già, lão mà không học thuộc bản đồ thành phố thì người ta đập sặc tiết lão ra” - gã cai xe bảo vậy.

Thế là đủ lắm rồi! Từng ấy lời đủ cho lão run cả người lên. Lão đói ba ngày. Ba ngày đói lão còn cố chịu, chứ đứa con gái nhỏ, thực là não ruột, nó rũ ra ở vỉa hè như cái giẻ rách.

Hai cha con lão lại lang thang. Khát lắm, có thể ra máy nước, vì nước là của bể, của sông, của trời. Đói thì đành cố mà chịu vậy.

May mà gặp được Phúc tinh: có một bà Phán thấy cha con lão đi qua, ngựa miệng gọi đến, rồi bằng lòng nuôi con lão làm con ở.

Con bé ốm đói mới vào hầu hạ được ba ngày thì đã bị ba trận đòn. Nhưng đủ ba lần nó rình lên được ra đầu phố dúm cho lão nắm cơm cháy và vạch áo cho lão xem những vết roi. Hai cha con thương nhau đứt ruột mà phải cố nuốt nước mắt, vì khóc ở ngay giữa cái thành phố lão đã bắt đầu sợ hãi này thì lão quyết không dám.

Lão già bỏ con vùng chạy, lão tìm một gốc cây tối ở một phố rất vắng để khóc, lão khóc cho hết nước mắt chứa ngập trong tâm hồn. Từ chiều đó, lão không dám trở lại nhìn con lão nữa. Lão mất hút trong Hà Nội. Lão xin được chân phu quét đường thành phố. Sau cùng, lão xin được chân gác trong vườn Bách thảo. Một lần lão đến nhà bà Phán hỏi con gái lão. Bà Phán bảo nó trốn từ lâu. Thế là hai bố con lạc nhau. Lão đi trong phố, gục đầu xuống ngực mà khóc, mắt lão đỏ ngầu nhìn mọi người. Lão không cần giấu rằng lão khóc.

Không ai làm gì lão, lão có quyền khóc. Lão nghĩ như thế cho đến lúc về tới vườn Bách thảo, lão trèo ngay lên ngọn núi Nùng gục xuống, là người đi.

Kể từ ngày ấy đến bây giờ đã được bốn năm. Bốn năm trong khu vườn mênh mông, bao nhiêu lần lá đã thay mùa như buổi chiều thu hôm nay.

Khu vườn mênh mông chiều nay càng mênh mông tợn. Sương đã bắt đầu vương trên các chòm cây và trên các khóm sen tàn ở dưới hồ. Gió heo may

chưa đến mà lão đã thấy lạnh.

Lão dùng chân ngoài tấm rào thép, mấy con hươu sao chạy đến rúc đầu vào bàn tay lão, bày hươu này hẳn thấy bóng lão tới là chạy cả ra, vẻ mừng rỡ như đàn trẻ nhỏ đợi quà. Những con hươu lông vàng điểm trắng ngây thơ mà nhanh nhẹn, đáng yêu biết bao. Chúng nằm ngả nghiêng trên cỏ xanh chơi với nắng, chúng đứng dưới bóng cây ghéch mắt lên nhìn đàn chim sẻ nhảy trên cành. Trời mưa, chúng tụ họp cả trong chuồng, cái chuồng xinh xinh trong đó chất đầy cỏ tươi. Bầy hươu ngoan ngoãn sống trên mảnh đất trên có trời, có cả gió trăng. Còn bầy ác thú! Mang danh thế chứ chúng có hại ai đâu. Lão Năm yêu chúng bằng tất cả tình yêu trong lòng lão. Hàng ngày, hai buổi, lão đợi xe thịt người ta kéo đến, lão cầm từng miếng thịt triu mển đưa qua song sắt cho con hổ ở chuồng này, con báo ở chuồng kia. Xong rồi lão sang chuồng gấu. Những con gấu đi như người, đùa như trẻ, giơ hai chân trước lên đón những miếng dưa đỏ ngon lành ở tay lão chuyền qua song sắt. Chúng ăn rồi chúng vục đầu vào bể nước mà uống và chạy loạn cả lên. Lão đứng nhìn đàn vật, mắt nheo lại trong một nụ cười khô héo. Lòng lão vui như lòng một người mẹ yêu con giữa một bữa cơm gia đình. Lão coi chúng chẳng khác nào những người bạn thân, những đứa con yêu của lão. Than ôi, lão già cô độc! Con lão lạc đâu rồi, lão biết thương ai; quê hương lìa bỏ đã lâu, lão còn biết có ai ở cái mặt đất mênh mông này mà yêu nữa.

Thế mà những người bạn đó, những đứa con đó, từ mấy tháng nay đã bỏ lão mà đi. Lão không biết chúng đi đâu, nhưng lão tin rằng không phải chúng về rừng. Người ta đã dồn chúng lên những cái xe bịt sắt chắc chắn. Người ta bảo lão giúp một tay, lừa cho con hổ già nhất, đó là con hổ què, vào xe. Lão trèo lên nóc chuồng kéo cửa sắt lên, trong khi ấy một gã thò chiếc gậy qua song dồn cho nó chạy. Con hổ không nhìn thấy lão trên nóc, nhưng ở trên nóc lão cúi nhìn thấy nó. Nó tập tễnh chạy quanh rồi sau cũng phải chui vào trong xe. Lòng lão Năm quặn lại, hai bàn tay gầy yếu bỏ rơi cái cửa chuồng kêu đánh rầm khiến lão giật bản mình. Thế là xong việc.

Chỉ còn một dãy chuồng không. Những con vật gặm gừ trong mấy cái xe bị kín, lão thèm được nhìn chúng thêm một lần. Người ta đẩy đoàn xe đi, đoàn xe đi lảng lạng như một bọn lũ hành ở xứ Phi Châu trong cánh rừng hoang rậm. Lão nhìn theo đoàn xe, lòng chua xót và mắt lim dim chớp... Những cái chuồng không kia đã phá bỏ cả rồi. Bây giờ chỉ là miếng đất, cỏ đã mọc xanh và những cây mới trồng đã lên cao. Bóng tối cùng với hơi sương xuống mịt mù, lão Năm đứng ở đây từ lâu lắm. Mắt lão mờ đi và hoang mang như thấy trong khoảng tối kia, trên nền cỏ xanh, thấp thoáng những cái bóng vàng vàng của con hổ, con báo đi đi lại lại, những cái bóng đen đen của bầy gấu chạy hai chân, dựng thẳng cả mình lên như người.

Lão lại co ro bước. Con bồ nông ở dưới gò vẫn xù lông đứng yên một chỗ. Khốn nạn, nó lại ốm hay sao! Ban chiều lão bơi thuyền ra đò cho cá mớ cá tươi mà nó cũng không ăn nhanh nhẹn như mọi ngày.

Gió vẫn lên mạnh thêm trong đêm tối và lá vẫn rụng nhiều. Lá rụng bao nhiêu, lão càng nhớ con gái lão. Vẫn hình ảnh khi con bé lom khom nhặt lá trên sân đình làng. Lão nhớ con và nhớ cả những đứa trẻ nhà người vào ngày chủ nhật vẫn vào đây đánh đu, nghịch cát. Chúng có những người mẹ lành hiền ngồi trên ghế cúi đầu đan tất và những chiếc áo xinh xinh cho chúng. Chúng có những người vú vui tươi lúc nào cũng chạy kèm để nâng đỡ đỡ dành khi chúng ngã. Hỡi ôi, những đứa trẻ con nhà người. Nhưng lão yêu chúng lắm, có khi lão còn đùa với chúng, ngồi yên cho chúng ném cát vào đầu, cho chúng vượt râu, cho chúng xúm vào bịt mắt lão, rồi chúng trốn đi một chỗ để lão tìm. Tốt đẹp thay! Những đứa trẻ còn nguyên tính thiện, chưa biết làm hại ai, cũng chưa bị ai làm hại chúng. Chúng là những vị thần trong sạch, nhớn nhोर chơi ở cái vườn trần cát bụi này.

Bây giờ, chủ nhật nào lão cũng mong chờ lũ trẻ vào vườn, nhưng không thấy nữa. Lão nghĩ có lẽ chúng đã cùng những người mẹ lành hiền kia đi chạy loạn, đến các nơi nghỉ mát, hay về các vùng quê yên tĩnh. Lão thở dài, chua xót thấy mình mất đi biết bao nhiêu những cái thân yêu thầm kín.



Một mình trong khu vườn tối mênh mông, tiếng guốc của lão quèn quẹt trên đường đá, và bóng lão dưới ánh đèn lờ mờ mới bật lên lẫn với những bóng cây chập chờn. Mỗi mệ, lão bước vào trong Nhà kèn, thổi bụi trên chiếc ghế gỗ dài, nằm xuống. Mưa rào đổ mau, mưa rào trong khu vườn tối này nào nuốt biết bao nhiêu. Lão thao thức nghe tiếng cú rúc ngoài cây, tiếng vượn trong chuồng ai oán rú lên từng hồi như khóc. Lão Năm ngồi dậy, lấy điều cây rít một hơi dài.

*Tiểu thuyết thứ Bảy, số 325/1940*

# Bức thư của người lấy vợ

**A**nh Lê,

Thế là xong, tất cả xong rồi anh ạ! Cái việc tôi thắc mắc, lưỡng lự, sợ hãi nữa, chiều hôm qua tôi đã dám làm.

Bây giờ mọi sự dẫn đo sôi cháy trong lòng tôi, thôi thì đành coi là những đám mây đen tan vợi trước một cơn mưa hung hãn. Tôi không còn dám nghĩ lại những điều tôi đã nghĩ. Cuộc sống từ nay như một chiếc quan tài, hay là một nghiệp chương không bao giờ xê dịch.

Khác mọi khi, tôi viết cho anh lần này trên mấy tờ giấy rất trắng có kẻ ô vuông và bằng một thứ chữ đứng đắn, lẽ lối của bàn tay viên thư ký già. Anh thấy chưa, những chữ O tròn trĩnh, những chữ hoa chân chính như cái thứ chiêu cô bách thọ đồ.

Cái bàn giấy mới của tôi kê gần chiếc giường có chăn gối mới. Mùi nước hoa ở gối màn thơm đến nhức đầu lên được. Nước hoa của vợ tôi. Đã ngót một tháng nay, từ đêm động phòng đến giờ, lúc nào rảnh rỗi, người đàn bà cũng kéo lại tấm khăn giải giường cho thẳng, xếp đôi gối cho ngay ngắn và luôn luôn... vẩy nước hoa. Làm như nước hoa là một thứ bùa ân ái mà tất cả những đôi vợ chồng mới mẻ không dùng không được.

Thế nhưng nước hoa không phải cái tôi cần nói với anh ở thư này. Tôi nói với anh về cái việc tôi thắc mắc, lưỡng lự, sợ hãi mà tôi đã dám làm, ấy là việc tôi đã ký thác tên tuổi tôi, cả cuộc đời tôi, cả sinh mệnh tôi vào tờ hợp đồng giá thú.

Thế là xong! Không ngờ gì nữa rằng từ nay trong đời tôi sẽ không còn có những ngày mà thất tình được nuông chiều bằng khoái lạc và độc dược, chẳng một ai ngăn cấm hết.

Tôi đã ký một chữ để rút ngăn và thu tròn lại cả một kiếp nhân sinh cạnh một kẻ phụ nhân. Để làm gì? Để rồi đa mang cảnh con sài mẹ ốm, kiếm chế nhau vì ghen tuông, vì bất đồng tình cảm như tất cả những cặp phu thê trên trái đất.

Vậy mà buổi chiều hôm đó tôi đã hạ tay, ký nhận cái định mệnh do luật pháp gán cho mình.

Từ nay, ô hô! Luật pháp, lễ nghi, nghĩa vụ liên kết với nhau mà câu thúc thân thể tôi, giám sát cuộc sống của tôi, gông cổ xích chân tôi.

Các anh đừng có chứa chấp tôi trong nhà các anh vài ba tháng. Kẻ phụ nhân rất có quyền lực kia sẽ được luật pháp bênh vực mà nặc tôi về cái tội tự do và vô cơ bỏ gia đình. Tôi sẽ phải nhịn nhục trước mọi sự bất hòa, vì nếu tôi có nặng tay một chút, ắt luật pháp sẽ vì cái thân bồ liễu đó mà cho tôi biết thế nào là sự tôn trọng nữ quyền.

Chúng tôi đã đem nhau ra tòa Đốc Lý, trước ba cuộc bách niên giai lão. Trước khi ra đi, vợ tôi có cái vui mừng gần nghĩa với vẻ hý hứng của một gái sắp được người ta đem đi tìm chân hạnh phúc mà bất cứ cô gái nào cũng phải hận lòng chờ đón.

Vợ tôi trang điểm rất lâu, mặc lại chiếc áo mà nàng đã mặc để quỳ bên tôi ngày cưới, trước cái án thư có con gà sống đầy mình kết tơ hồng đứng ngạo nghễ trên lưng con rùa làm bằng đu đủ.

Chiếc áo màu rượu vang thêu kim tuyến lừng danh. Vợ tôi bôi nước hoa vào vạt áo, đứng mãi trước gương mà ngắm. Tôi thì đứng đĩnh, không muốn thay đến cả chiếc sơ mi chứ đừng nói đến sự khó nhọc đi tìm chiếc ca vát cho trịnh trọng, cho ra vẻ anh chồng mới. “Nàng” nguyệt tôi, cau có cự

mặt tôi về cái lưỡi không húi đầu cạo râu cho trẻ ra một chút. - Người với ngợm thế kia, chẳng sợ cái Yến nó chê cho. Còn anh Thông nữa, hôm nay anh ấy về chỉ cốt xét xem học vấn và đức hạnh của cậu đấy!

“Cái Yến nó chê - thì sự đó tôi cũng nên lưu tâm một chút. Cô em vợ xinh đẹp quá, lúc nào cũng tít mắt cười. Còn gã anh vợ kia thì can hệ quái gì? Thực là một khối thịt xương thừa thãi trong loài người. Ấy là một kẻ đàn ông mặt mũi tròn phính, một thứ mặt của mọi kẻ con nhà giàu chứa đựng quá nhiều sâm nhung, cao hồ cốt, cao bú dù, giò lụa, gạo tám thơm, cao đơn hoàn tán... Cái mặt chuyên hưởng thụ, ngây thơ đến nỗi ta không biết là ngu dại hay lành hiền, và ta cũng lại không biết đó là con cầu tự hay cái thai tiên thiên bất túc được bọc mỡ vì tẩm bổ. Cái mặt vô nghĩa lý khiến ta nghĩ ngay rằng nếu sinh vào cửa nhà bần tiện thì chỉ đến cung đi nhật lá; nếu sinh vào nơi quyền quý thì cũng chỉ có thể bé thì làm một gã học trò lười nhác ở trường, hạc sách đầy tớ ở nhà; lên lớp, đỗ đạt nhờ luôn cú; cũng vậy, cho đến khi đi làm rồi cưới vợ đẹp đẻ con ngoan, cứ tẩm bổ mãi cho trọn cái lý tưởng làm giá áo túi cơm.

Nếu tôi đã phải cực lòng mang những ý không đẹp đối với người anh ruột vợ tôi, ấy chỉ vì tôi đã phần uất bị vợ tôi đem ông anh danh giá đó ra mà miệt thị tôi là một thằng vô nghề nghiệp.

Tức thì tôi lờm lại vợ tôi, và tôi tỏ sự phần uất kia bằng cách nằm lăn ngay ra giường.

Bà mẹ tôi ở dưới hàng đang cân mặng miến cho khách bằng the thé gọi chúng tôi xuống để ra tòa Đốc Lý.

Lệnh kia có đủ sức dựng lưng tôi dậy. Bà mẹ tôi không phải là một bà mẹ như các ông viết tiểu thuyết vẫn lấy làm tiêu biểu cho đức hiền hậu, nhẫn nại, chịu đau, chịu khổ vì chồng vì con. Bà mẹ tôi, hỡi ơi, khi giận dữ thì là một bó đuốc hun cháy hết mọi đồ đạc và mọi kẻ thân yếu ở trong nhà.

Cha tôi là một ông ký giả mất việc từ cái hồi mẹ tôi tay trắng cố làm nên giàu có như ngày nay. Cho nên, ông bất lực như một bệnh nhân hấp hối.

- Thăng cả đâu? Gớm, tôi xin ông ngắm nghía vừa vừa chứ! Rồi thì mai kia chỉ lo không được ngắm mãi thôi con ạ.

Giọng bà rít và kéo dài ra nghe mà rợn tóc, mặc dầu tôi đã quen nghe cái giọng ấy rồi. Tôi biết câu đay nghiến ấy chính là gửi gián tiếp cho vợ tôi, vì con dâu mới, bà còn nể; và bà to sự nể ấy bằng cách lấy tôi làm bia đỡ đạn.

Mặt vợ tôi chắc là xám lại dưới làn phấn khá dày. Cô ả đứng thừ ra, rồi gieo mình xuống giường khóc rưng rức. Tôi không dỗ, tôi không vuốt ve trong lúc vợ tôi khóc để chờ ở người chồng mới bàn tay âu yếm, che chở, và thương sót. Thật là bất nhẫn, nhưng làm thế nào! Giữa khi tôi đang ngao ngán nghĩ rằng nếu cần phải vuốt ve thì rồi ngày nào cũng phải vuốt ve một trăm lần là vì bà mẹ tôi, than ôi! Tôi biết, tôi biết một cách chua cay rằng mẹ tôi sẽ làm cho vợ tôi khóc đến hết cả cuộc đời.

Thành ra cơn phẫn uất ban nãy do vợ tôi gây ra, bây giờ cộng với nỗi oán hờn này, khiến tôi vụt biến ra một thằng điên dại. Tôi vỗ mạnh vào vai vợ tôi mà bảo:

- Im ngay đi, con nỡm! sốt ruột!

Vợ tôi ngẩng phắt lên. Cái mặt tròn trĩnh sao tôi thấy nó giống mặt lão anh vợ thế, lại thêm nước mắt nước mũi làm hoen nhòe son phấn, để lộ ra nước da thô xám. “Nàng” rít giọng, chao ôi, cái giọng rít ấy, sao tôi cũng lại thấy nó giống mẹ tôi đến thế? - nàng rít giọng mà bảo tôi rằng:

- À cậu đánh tôi đấy ư? Cậu mắng tôi đấy ư? Cậu tử tế nhỉ! Mới có ngót một tháng trời mà tôi đã hiểu cậu quá mất rồi, thực là đáng tiếc...

Đáng tiếc! Thế là vợ tôi đã hối hận vì lấy tôi? Lòng tự ái ở một kẻ làm chồng, dẫu là một thằng chồng xử với vợ không lấy gì làm lịch sự, không

lấy gì làm nịnh đầm như tôi lúc ấy, tuy nhiên, lòng tự ái vẫn vụt báo cho máu ghen của tôi biết rằng: “Để thường nó hối hận vì nó chợt nhớ đến lời thề nguyện với gã cố nhân nào đó. Mà bị mọc sừng rồi, Túc ạt!”.

Tôi uất người lên. Tôi phải làm gì cho hả giận. Nói to thì tôi không dám vì cái sàn gác nhà tôi đã cũ, khe ván hở hếch ra, mẹ tôi có thể nhìn lên và nghe từng câu nói. Mắt đỏ sòng sọc, tôi nhìn quanh. Chiếc gương con hình quả tim của vợ tôi trên mặt bàn, tức thì tôi vợ lấy, bẻ đôi ra. Vợ tôi thấy thế, khóc nức nở.

Tôi đã nghĩ rằng “bẻ gãy chữ đồng” rồi vậy. Tình nghĩa tao khang trong cái buổi đầu mà chén thề chưa ráo, trời xuân còn tha thướt bóng nhạt, bóng mây; gói phụng chẵn loan còn thơm nức mùi nước hoa nội hóa; vậy mà giữa cái ngày tốt đẹp sắp khoác tay nhau đi ký kết cái giao kèo phối hợp trăm năm tơ tóc thì tôi đã như một kẻ vũ phu đang tâm đập vỡ gương nguyên, nàng thì đã... hối hận vì lấy phải anh chồng không biết quỳ xuống mà vuốt ve khi người đàn bà khóc.

- Cậu gớm thật! Cậu là đồ khốn nạn!

Thôi thôi, ái ân mà đã đến nước này thì thật là mất hết cái nghĩa muôn năm của nó. Tôi nhột nhột cả người, rời rã cả tay chân, ngồi không vững, đứng mất thăng bằng, tôi muốn chồm chắn mà trốn.

Nhưng lần này thì bà mẹ tôi ở dưới hàng hét lên như còi báo động.

Tôi vội chạy xuống thang. Ông bố tôi đã mặc chiếc áo the cũ đang ngồi nhắc bát điếu lên để tìm cái bã thuốc Lào mà làm sái nữa.

Ông rử rử - bao giờ cũng rử rử - bảo tôi:

- Con bảo cái trường xuống rồi mà đi, kéo để mẹ mày kêu mãi.

Tôi lại phải leo lên cái thang ồm lằn nữa, làm lành với vợ tôi bằng cách xoa vai nó, xoa má nó rồi cười một cách trơ trẽn, vô ý thức như một gã quan viên ở nhà hát vậy.

Vợ tôi lau nước mắt, xoa lại phấn sáp, theo tôi xuống. Cố nhiên là mẹ tôi lờm một cái và lại lấy tôi làm bia để bắn thêm vài viên đạn nữa.

Chúng tôi đến tòa Đốc Lý, ở đây, chiếc xe hòm lịch sự của người anh vợ tôi đã đến rồi. Bố mẹ vợ tôi, bố mẹ tôi, hai người làm chứng, một đoàn kéo nhau lên gác, vào một phòng rộng rãi bày la liệt chậu cây.

Chúng tôi ngồi xếp hàng dài trước một bàn giấy lớn đối diện với một ông viên chức người Nam. Trước mặt ông có một giải băng lụa ba màu, mấy quyển sổ lớn. Cạnh ông một viên thư ký gầy đứng giúp việc.

- Ông bà Trần Văn Ất có bằng lòng gả con gái là cô Trần Minh Nguyệt cho ông Lâm Văn Túc không?

Bố mẹ vợ tôi đồng thanh đáp:

- Bẩm quan, chúng tôi vui lòng ạ.

- Ông bà Lâm Văn Giáp có bằng lòng lấy con gái ông Trần Văn Ất là cô Trần Minh Nguyệt cho con trai là Lâm Văn Túc không?

Bố mẹ tôi đồng thanh đáp:

- Chúng tôi bằng lòng lắm ạ.

- Ông Lâm Văn Túc có ưng thuận lấy cô Trần Minh Nguyệt không?

Bây giờ đến lượt tôi trả lời một câu để định đoạt cả một kiếp. Bao nhiêu vui buồn, sướng khổ thu ngấn lại trong có một tích tắc đồng hồ. Anh bạn xa của tôi ơi, anh hãy tưởng tượng rằng nếu tôi lắc đầu một cái thì thế giới trong đó những kẻ thân yêu của tôi kia đang ngoi ngóp sống sẽ rú lên một

tiếng mà nổ vỡ như một trái bom. Nhất là bà mẹ gớm ghiếc của tôi. Bà sẽ bóp cổ tôi mà đánh xé, mà chửi rửa ngay lúc đó, dù đang ở trong một bầu không khí trang nghiêm như bầu không khí một phòng án đại hình.

Tôi ngồi thừ ra, nhìn vào pho tượng ở trên cao. Pho tượng Quốc trưởng nhìn tôi bằng đôi mắt hiền từ vô hạn. Tôi cúi xuống. Tôi cúi xuống như một kẻ tín đồ xưng tội...

Bỗng tôi thấy đau nhói ở bên xương sườn. Những móng tay bà mẹ tôi vừa cứa thịt tôi để giục tôi đáp câu hỏi trên kia. Tôi giật bản mình, mồ hôi toát ra. Mắt tôi chạm ngay phải đôi mắt dữ dội của bà. Lập tức như tiếng còi của đứa trẻ, tôi đáp một câu gọn lỏn:

- Có!

- Cô Trần Minh Nguyệt có ưng thuận lấy ông Lâm Văn Túc không?

Vợ tôi cúi thấp đầu và hạ thấp, giọng run như khóc mà đáp:

- Có ạ!

Ông “Nguyệt lão trần ai” vừa làm cái việc xe duyên thăm cho chúng tôi, tươi cười đẩy ghế nhôm nửa mình lên, nói mấy câu, như đã nói trước bao nhiêu cặp “uyên ương” khác:

- Tôi xin mừng các cụ (ngoảnh về chúng tôi) và xin chúc ông bà bách niên giai lão.

Bố mẹ đẻ tôi, bố mẹ vợ tôi, chúng tôi, đứng cả lên kính cẩn cúi đầu cảm tạ lời chúc tụng ấy.

Việc ký kết xong rồi. Giải tán. Tiếng ghế bị xô đẩy trên nền sàn gỗ đánh si tron như mỡ.



Chúng tôi xuống cầu thang. Ra đường, trí não tôi bị căng ra đến thành quần quai, tê dại, đau xót.

Bố mẹ vợ tôi, anh vợ tôi đã lên xe ô tô đi rồi. Mẹ tôi cũng đã ngự lên xe nhà lối cổ sơn đồi mồi, cao lênh khênh. Ông bố tôi cũng được mẹ tôi gọi cho một cái xe tay để theo ngay bà về mà ngồi canh giữ cái kho măng, miến.

Vợ chồng chúng tôi đi bộ. Buổi chiều đẹp như buổi chiều nay mà đôi vợ chồng mới cưới khoác tay nhau đi quanh vườn hoa “Bôn Be”, thăm Gò đa, lượn bờ Hồ Gươm thì cuộc sống thật là đầy đủ hết những nghĩa lý mà trái tim nào mọi rợ đến đâu cũng biết ước ao thềm muốn.

Chiều nay, biết bao nhiêu là người đẹp. Chúng tôi ngắm người ta. Người ta ngắm chúng tôi. Từ này tôi không nói câu gì cả. Tôi đang khổ sở. Tôi đang nghĩ đến cái giây phút tôi đã thò tay ký tên tôi - mà sao tôi lại ký rất chân phương vào quyển sổ giá thú. Tôi nghĩ cả đến lúc vợ tôi tay run bật lên cầm quản bút, đặt cái tên nàng xuống cạnh tên tôi - không biết có phải là điềm gì lạ không mà hai cái nét nguệch dính vào nhau như sợi xích.

Đi qua nhà Thủy Tạ, tôi lững thững bước vào. Tôi gọi lấy một cốc cà phê, không cần hỏi ý kiến đàn bà, và truyền lấy cho tôi một cocktail.

Vợ tôi ngồi ủ rũ. Không ai nói với ai. Mãi sau vợ tôi gọi chuyện:

- Uống ít chút, say về mẹ mắng cho chẳng bõ!

Tôi trợn mắt nhìn vợ tôi. Thế ra tôi không còn có quyền gì cả. Mẹ tôi, bây giờ đến vợ tôi, lúc nào cũng chỉ có thể nói với tôi bằng cái giọng đe dọa ấy.

Tôi liền nốc cạn một hơi, rồi gọi luôn cốc nữa để lại uống một hơi liền. Đang đói, rượu ngấm rất nhanh trong tạng phủ. Vợ tôi chưa biết tôi say, nói

về chuyện dự định chơi họ, buôn món hàng này có lời, tích trữ món hàng kia có lãi.

Tôi biết, tôi biết người con gái xuất thân ở một căn nhà cổ nhất và giàu có tiếng ở cái thành phố này chỉ có thể nói cho tôi nghe về những chuyện tiền nong, những chuyện thêm cân bớt lượng mà thôi. Người con gái đẻ ra đã tập lẫy, tập ngồi, tập đi trên đồng tiền đồng bạc, thì tình cảm làm gì còn có nữa! Tất cả sự đời kế tiếp nhau từ ngày nhỏ đến lúc lớn đi lấy chồng, người con gái ấy đã quen đánh giá bằng tiền. Người chồng, đưa con, và tất cả cuộc đời, trong khi đó, chỉ còn là một vật bị vê nhỏ lại để nhét qua cái lỗ đồng xu.

Tôi nghĩ miên man như vậy, bạn tôi ơi, tôi nghĩ như vậy trong một cơn say thắm thía.

Tôi nhìn vợ tôi, tôi thấy nàng không đẹp như ban sáng, như hôm qua, như hôm cưới nữa. Mắt tôi mờ đi, không biết vì men hay vì nước mắt. Vợ tôi thấy tôi không nghe chuyện thì im bật, tay đưa lên mân mê chiếc kiềng vàng. Tôi ngẩn ngơ, rồi ngây dại, tôi dúng ngón tay vào cặn cà phê viết xuống mặt bàn như vẽ bùa. Vợ tôi cười gượng gạo:

- Vẽ gì thế?

Tôi đáp, không ngẩng đầu lên, giọng lạnh lẽo như gió đang thổi trên nước hồ xanh ngắt.

- Ký lại cái tên xem thế nào! Hờ, thế nào mà mình đã ký một cái tên! Lạ nhỉ!

Có lẽ vợ tôi đã nhận thấy môi tôi cắn lại, mắt tôi hỏa bốc, nên tức thì đứng phắt lên, dẫn dỗi:

- Cậu cứ ngồi đấy mà say. Tôi vẽ, không mẹ chửi. Mẹ chửi thì một mình tôi khổ, chứ cậu cần gì?

Nói rồi, vợ tôi ra đường gọi xe.

Tôi không nhúc nhích, lắng nghe cái say chạy trong mạch máu, như là thường khi tôi thăm đếm trong gương những sợi tóc sâu dần, ngày này tiếp ngày khác qua đi trên căn gác hẹp đầy mạng nhện.

Mạng nhện ám ảnh như những con chữ ký, như những sợi xích sắt không bao giờ đứt được. Anh bạn ơi, tôi sợ nhất những đường tơ nhện, tuy không có cái khí lạnh như hơi thép, nhưng cũng đủ vương gai góc những đoạn đường, có phải vậy không anh?

**Lâm Văn Túc**

*Tiểu thuyết thứ Bảy, số 473/1943*

## Trong phòng triển lãm

Vũ quanh quẩn mãi trong phòng triển lãm tranh lụa của họa sĩ Phan lúc ấy còn sớm, chưa có thêm một người nào.

Có lẽ tự thẹn vì mình không có tiền mua nổi một bức tranh, dù là bức rẻ tiền nhất của họa sỹ mà mình đã yêu tài, nên cử chỉ của anh đâm ra ngượng nghịu. Lại thêm căn phòng nhỏ hẹp này yên lặng quá, yên lặng đến nỗi mấy tiếng chim sẻ rủ nhau rỉa lông nắng sớm trên mấy cành sấu ngả vào gần cửa sổ chỗ anh đứng vang rộn hẳn lên.

Tự dưng Vũ cảm thấy giữa mình với họa sỹ đang ngồi trầm tĩnh như pho tượng kia, mỗi giây phút càng có một cái gì làm cho xa nhau thêm, nhạt nhẽo thêm, tuy rằng ở thâm tâm anh tình yêu nghệ thuật vẫn thiết tha, gần gũi như đối với một người tình.

Nhưng anh làm gì có tiền để mua được một bức tranh, mua được một chút tinh hoa của nhà họa sỹ ấy.

“Mình đến đây chùng đã một tiếng đồng hồ, được tận hưởng nguồn mỹ cảm mà không phải trả một đồng xu nhỏ. Còn gì bất công hơn nữa? Còn gì vô tình bạc bẽo hơn nữa?”

Muốn xua đuổi ý nghĩ ám ảnh đó, anh toan xuống cầu thang. Anh liếc nhìn lại họa sỹ. Có lẽ không còn một cô gái vọng phu nào có thể buồn hơn. Tất cả cái cô tịch của gian phòng này như chìm lắng lại trong cặp mắt đăm đăm, sâu thẳm ẩn sau đôi kính trắng. Anh tưởng chừng họa sỹ đang tìm

kiếm một ảo ảnh gì cũ kỹ trong ký ức, để rồi chiều nay, hay đêm nay thấp nền ngòi ghi lại trên một khung vải mới căng lên giá gỗ.

Vũ ngần ngại không muốn bước ra cửa nữa. Không biết có phải anh không muốn nện gót giầy bước qua cái phút thiêng liêng ấy, hay anh không nỡ bỏ cái tâm hồn cô đơn kia ngòi âm thầm giữa những bức tranh lạnh lẽo. Vũ do dự, rồi anh vẫn vờ ngắm lại bức tranh trên bức tường dài.

Cô gái xinh xinh ngòi ngắm bày cá vàng bơi lượn quanh hòn non bộ... Hai chị em nhà nào chơi ú tìm bên một gốc cây... Mấy cô gái què gặt lúa trên ruộng nước trong một buổi mai sương xuống mù trời...

Lòng Vũ rung lên và say say như được đứng trước những cảnh thiên nhiên muôn màu sắc và nhất là có những giai nhân... vừa hiện ra say đắm nhìn anh, cười cợt với anh.

Vũ tò mò nhìn các giá tiền thấy lắm bức ghi giá mà anh không ngờ được: chỉ ngang giá với một tác phẩm văn chương rất hay của một tác giả có tiếng khi đem bán vôi vàng cho một nhà xuất bản. Bức tranh nào cũng đề hai giá so le. Cái con số tiền theo ý định của họa sĩ bị một nét mực đỏ gạch đi để viết sang bên cạnh một con số nhỏ hơn nhiều. Có lẽ con số sau này là để cho người ta cao hứng chơi tranh thì có thể bỏ tiền mua mà không phải ngần ngại lắm. Vũ lại nghĩ đến cuộc đời của họa sĩ. Anh đoán họa sĩ cũng nghèo nàn. Nếu có vốn kha khá thì tội gì lại đi thuê gian phòng này mà bày tranh để bức nợ lẫn bức kia khiến cái đẹp có thể bị rối loạn trên khung tường thấp hẹp.

Vũ cứ lan man nghĩ thế cho tới lúc có tiếng giầy kêu ở cầu thang, anh bỗng nảy ra ý nghĩ kính phục những người đến xem tranh, và anh thầm mong những người biết thưởng thức mỹ thuật ấy sẽ vồn vã nói chuyện cùng họa sĩ, sẽ bỏ tiền chiếm luôn một bức nào đắt nhất. Họ đã bước đến sau lưng anh.

Anh rất bằng lòng thấy những con người phong lưu lịch sự ấy bước những bước e dè, mê man, êm dịu vào căn phòng đáng kính này.

Vũ khoan khoái tưởng chính mình là họa sĩ. Anh từ từ ngoảnh lại với một vẻ mặt hân hoan, nhưng anh thất vọng vô cùng khi thấy một thiếu niên đầu bóng, vận âu phục một lối lòe loẹt hạ lưu, và người thiếu nữ thì cách trang sức cho thấy ngay là một ả giang hồ hạ cấp.

- Em có đẹp bằng người trong tranh không hở?

Giọng ả cố làm cho dịu dàng, có duyên song không giấu được ả là cô gái kẻ noi. Nhưng người con trai hình như thấy người yêu hỏi mình một câu rất văn chương như thế thì thích lắm,

- Tranh này bì sao được với Liên. Liên đẹp hơn nhiều... Nét họa còn non lắm.

Tiếng cười khúc khích rúc lên. Họ lại tát yêu nhau nữa.

Vũ bực bội đến phát điên, anh lẩm bẩm:

- Không biết còn giống thú nào khả ố hơn chúng!

Nhưng Vũ thấy sự bực tức của mình là vô lý. Biết bao kẻ trường giả, biết bao kẻ trí thức còn mù lòa trước cái đẹp, cái hay, - kể gì những cái cặn bã thối nát này!

Vũ lánh ra chỗ khác, liếc mắt nhìn họa sĩ. Anh không khỏi cảm phục nghệ sĩ khi đó vẫn ngồi như cũ, nghĩa là vẫn bình tĩnh như một kẻ tu hành tĩnh tọa trong làn hương khói.

Cặp tình nhân đã đi lại góc phòng. Họ cười nói rất tự nhiên, bình phẩm rất tự nhiên. Tiếng người con gái:

- Thôi ta lên vườn Bách thú chơi đi, ở đây mất cả thời giờ. Tưởng có gì lạ, chứ vẽ con trâu, con bò, người gặt lúa, sàng gạo như thế này thì hồi còn ở nhà quê chưa ra tỉnh hát, lúc nào mà em chả thấy.

Tiếng cười càng to hơn. Những bước giầy còn vụng về ngượng nghịu lê xuống thang thành thịch. Khi cái tiếng ầm ĩ ấy tắt hẳn rồi, lòng anh mới nhẹ đi, và không khí trong phòng như dễ chịu.

Anh đã bỏ nghệ sĩ một mình ở lại lầu cao kia với những bức tranh lạnh lẽo, bây giờ anh lui thủi đi trên con đường sỏi quanh hồ. Vũ lại trở về gian lều nhỏ bên một đầm sen ở ngoại ô, ở đấy, bà mẹ già đang gập người để kéo cái vó lên trên mặt nước, nhặt vài con cá, con tôm. Mấy hòn sỏi nhọn theo chỗ đế giầy cao su thủng đâm vào da chân, Vũ đứng lại nhăn nhó móc ra, rồi lại rảo bước. Vũ bần khoản về cuốn tiểu thuyết mà anh công phu viết gần xong, chỉ ngày mai hay ngày kia là có thể đem đổi lấy một món tiền về trang trải nợ nần cho mẹ và may thêm quần áo cho lũ em thơ.

Cảnh nghèo túng, tối tăm của cuộc đời mình tuy vậy vẫn chưa một lần nào khiến anh quẫn quại, đau khổ bằng khi nghĩ đến những tác phẩm của mình chưa hề được ai nhắc đến. Anh chua xót nhận ra những người đọc anh cũng chỉ như những người đã lơ đãng xem tranh, - những người đã hờ hững bước qua những tấm lòng, những linh hồn bơ vơ giá lạnh mà không bao giờ họ biết.

*Tiểu thuyết thứ Bảy số 278/1939*

# Quan báo

**C**húng tôi tất cả bốn người. Bốn thanh niên khoảng hai mươi tuổi ở gần nhau, cộng tất cả những cái điên vào với nhau thì thành ra một thế giới điên đầy đủ. Đã thế những thanh niên ấy lại làm thơ, viết báo thì càng lôi thôi lắm. Ông nào cũng khí kiêu ngút trời, tưởng ngâm một bài thơ là núi lở, hạ một chữ xuống là đảo ngược ngay thời thế. Khí kiêu ấy chỉ bốc khi ngất ngẫu nơi tửu điếm, có dăm ba chén rượu tàng tàng. Bằng không, các ông ấy ngồi bó giò một xó mơ hương phấn, ngâm nga khóc gió thương mây...

Chả thế chúng tôi đã có... “một thời lừng lẫy” ở một tờ báo hàng ngày. Những truyện ngắn vô nghĩa lý, những bài thơ lòng thông làm não lòng đứt ruột người ta, đã vậ tờ nhật báo nợ cứ đặng mãi để đến nỗi bây giờ chúng tôi nghĩ lại mà đỏ mặt. Đã có người nhét chúng tôi vào cái “Lọ vẩn”. Đã có người bảo chúng tôi là một phường chết yếu.

Quả nhiên, những cái miệng hùm nọc rắn đã làm chết một trong tứ tử chúng tôi. Anh Lê, thi sĩ thơ hay nhất bọn cách đây ba năm đã táng mệnh rồi. Còn lại ba người. Một ông đi làm thầu khoán ở một miền quê xứ Nam Kỳ. Còn hai ông thì vẫn lẳng nhẳng cùng bút giấy, mái tóc chưa hẵn bạc nhưng nghề ngỗng vẫn chữa ra tuồng gì cả.

\* \* \*

Chúng tôi thường họp nhau tại nhà anh Nguyễn ở một phố gần hồ Hoàn Kiếm. Nguyễn làm thơ, ngoài lúc ngồi đo giầy cho khách. Anh mở hiệu giầy đã được chục năm.



Khách hàng của anh chín phần mười là gái nhảy. Hồi ấy phong trào khiêu vũ mới đột nhập vào đất nước uy linh của hai Bà Trưng. Bọn nữ kỹ binh tung hoành dữ dội. Những con đường Hà Nội là những con đường ái tình của các cô ả rẽ đầu ngói lếch, áo lam ngắn chần, quần trắng ống hẹp, chân lê Phi mã.

Vì vậy cửa hàng của thi sĩ Nguyễn rất đông. Chủ nhân tiếp khách khéo, lối bày hàng lại tân thời, đó là một nét đặc biệt trong thương trường hồi ấy.

Chúng tôi họp nhau ở đấy, vái nhau theo lễ cổ nhân và nói chuyện Tống nho theo đạo Khổng.

Bỗng một hôm có một anh chàng đến xin yết kiến. Việc này quả là quái lạ. Chúng tôi xốc lại áo quần cho chỉnh để tiếp tân khách. Đó là một gã tuổi còn non, mặt mày choắt chéo, khúm núm đứng trước chúng tôi.

- Thưa các ngài, các ngài là nhà báo.

Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau, cùng nghiêm mặt đáp:

- Vâng, chúng tôi làm báo.

- Tôi đến xin thưa các ngài một chuyện! Nguyên tôi có ý định mua lại một tờ tuần báo văn chương. Tôi nghĩ những nhà văn đang nổi tiếng là các ngài đây...

Chúng tôi lại đưa mắt nhìn nhau như để phân bua với nhau: “Các anh nghe rõ chưa? Chúng ta là các nhà văn đang nổi tiếng!”

- Vâng, các ngài đang nổi tiếng, nên tôi xin giao phó tờ báo đó vào tay các ngài.

Còn nói gì nữa! Chúng tôi không thể ngờ sự đời lại đẹp như vậy được. Có người bỗng dưng đến nịnh chúng tôi, lại mời chúng tôi chủ trương và

trình bày tờ báo sắp ra đời kia thì còn gì danh giá hơn.

Dĩ nhiên chúng tôi tán thành việc đó. Gã chủ nhiệm tờ báo tưởng tượng kia xin cung kính tháo lui.

Tiền khách ra cửa rồi, chúng tôi vẫn ngồi nghiêm như lúc có khách để nhắc thềm trong bụng những lời khách ca tụng ban nãy và để xét xem mình quả có tài không.

Từ lúc ấy chúng tôi mỗi kẻ mang trong đầu hình ảnh một tờ báo. Ông nào cũng phác sẵn chương trình làm việc của mình. Lê thi sĩ sốt sắng hơn cả, đóng một tập giấy làm “ma-ket”, đặt trang này cái đề luận thuyết, ở trang kia cái đề tiểu thuyết ngắn, tiểu thuyết dài, phê bình thời sự, hài hước, kịch và bút chiến, nhật vở sò vở hến... Cái đề nào cũng kêu như chuông và không chịu kém nhau vẽ văn chương rỗng, sáo. Ông lại khéo tay vẽ sẵn cả tranh minh họa ở các trang bài, tô chì đỏ xanh rất nổi.

Chúng tôi họp nhau uống trà tàu ăn bánh đậu xanh mà ngắm “ma-ket” phân tách sở trường sở đoản của mỗi cây bút để chia công việc. Cuộc tranh luận âm ỹ, nhưng Lê tiên sinh điều khiển rất tài, nên cuộc bàn luận có ngay kết quả đẹp đẽ, nghĩa là ai có việc người ấy, không chối, nhường chi nữa.

Chúng tôi hể hả bắt tay nhau nhận trọng trách nặng nề và hoan hỉ đợi chờ một sự nghiệp lớn lao khả dĩ lưu truyền hậu thế!

Hai ngày trôi qua mà ông “chủ nhiệm” chưa đến. Chúng tôi vẫn nhẫn nại, vẫn họp nhau như thường để làm tốn trà tàu bánh đậu và để ngắm nghía, bàn cãi, thêm bớt bài vở trong “ma-két”.

Ngày thứ ba cũng chẳng thấy gã chủ báo đâu. Chúng tôi đã lấy làm nóng ruột. Qua ngày thứ sáu gã ta đến thật.

Sau một tuần trà tàu pha lối trang nhã của cổ nhân, Lê tiên sinh điềm đạm đưa gã chủ báo coi “ma-ket”. Gã giở từng trang, mặt mũi sáng lên, tay

run cảm động. Chúng tôi im lặng đọc cảm giác báic phục trên nét mặt anh chàng. Một lúc anh chàng ngược lên nhìn bốn chúng tôi.

- Cứ như tài các ngài thế này thì lo gì báo không được hoan nghênh. Vậy tôi định sáng mai xin rước các ngài quá bộ về tậ xá ở một vùng quê gần đây chơi, trước xem phong cảnh đồng ruộng, sau xơi với chúng tôi chén rượu gọi là tỏ chút lòng thành kính.

Lại còn nói gì nữa! Nhưng chúng tôi tỏ ra không phải thứ người dễ dãi cho lắm, đều kênh kiệu từ chối để sau cùng bất đắc dĩ nhận lời mời.

Sáng hôm sau.

Khổ chủ và ba chúng tôi lên chuyến xe điện Hà Đông. (Nguyễn thi sĩ không đi vì bận đo giầy).

Sau chín mươi phút xe điện chịu khó đỡ nhiều hơn chạy, chúng tôi đến Hà Đông. Lê tiên sinh vác cái cặp bụng căng báo chí tiếng Tây và tiếng Việt cũ, tài liệu linh tinh và bài vở mới viết đi trước, ra dáng lắm. Gã chủ báo tương lai xin rước chúng tôi lên xe tay. Một đoàn xe cộc cạch chạy dài đưa chúng tôi ra ngoài tỉnh. Xe qua những ruộng ngô, lúa, đậu. Lâu lắm mới thoát ra ngoài thành phố Hà Nội, chúng tôi khoan khoái duỗi chân thẳng cẳng trên lưng anh xe mà ngắm cánh cò bay, trâu gặm cỏ, mặt trầm ngâm làm bộ đang nghĩ văn tả cảnh, nhưng thực thì không tiên sinh nào nghĩ văn chương vì trên đồng ruộng vùng này sao mà nhiều “hoa thôn dã” thế.

Những bông “hoa thôn dã” hát véo von hai bên ruộng. Chúng tôi có cảm tưởng ngay rằng cuộc đi chơi này thật thú vị. Và chúng tôi cũng có cảm tình với gã chủ báo ít tuổi, mặt mũi mắg sữa, ngây ngô kia lắm.

Suy nghĩ còn đang miên man thì gã chủ báo tương lai hò cả đoàn xe đứng lại. Thì ra chúng tôi đã ở trên một con đường làng lát gạch, một bên là

cái ao đầy bèo, váng nước; một bên là thôn xóm, nhà gianh chen chúc, tối tăm.

Chó sủa rầm rộ, trẻ con xúm lại kêu:

- Ê ê, ông Tây! Ông Tây, ê ê! Chúng bay ôi!

- Cái gì mà ê ê, ông Tây! Lũ khỉ con! Im đi cho chó nó im, kéo âm làng xóm.

Gã chủ báo trẻ tuổi xua lũ trẻ. Chúng im ngay, ngơ ngác nhìn gã mặt đang đỏ lên như gấc chín.

Một bà già đứng trong vườn chuối gần đấy lâu nhàu:

- Cái nhà cậu Giựt ấy mọi khi về chỉ mặc áo the rách thì chó nào nó thèm sủa. Lần này về đánh bộ Tây vào, lại ra dáng, mắng đuổi trẻ con.

Không biết Giựt - ông chủ báo tương lai của chúng tôi - có nghe thấy lời bà cụ già không? Chúng tôi thấy mặt anh chàng càng đỏ gắt lên, và ngơ ngác nhìn quanh như chờ ai vậy.

Bốn anh xe đứng lau mồ hôi, thở, sẵn sàng chìa tay ra đón tiền. Giựt càng có vẻ loay hoay, bối rối. Anh đập vụng về hai tay vào hai túi áo và nhìn vào một cái ngõ sâu. Đây là giờ phút nghiêm trọng của vấn đề kinh tế. Cố nhiên những kẻ được rước đi một cách có tổ chức như chúng tôi đây đều không “mang sẵn tiền lẻ”. Và dĩ nhiên là vấn đề tiền nong phải dành cho khổ chủ.

Gã chủ báo tương lai liếc nhìn bàn tay chúng tôi, thấy những bàn tay ấy không hoạt động thì lại ghé cổ cò nhìn vào cái ngõ sâu. May quá, có một người đàn bà từ trong ngõ đi ra.

Gã chủ báo tỏ ngay vẻ mừng rỡ, buột miệng reo như đứa trẻ:

- Kìa chị cả, chị trả tiền xe giúp. Tôi không sẵn tiền lẻ.

Người đàn bà mặc váy nâu cũn cỡn, cái áo cánh cũng cũn cỡn và bản thủ không kém gì cái váy, dụi cặp mắt toét nhoèn, nhìn cậu em, nhìn chúng tôi, rồi đưa bàn tay sần sùi xuống giầy lưng bao, lần lần tìm cái nút.

Hỡi ơi, cái ruột tượng lép của người đàn bà quê mùa thiếu não! Trái đất này còn, tôi còn nhớ mãi cái ruột tượng nâu, quắt lại như khúc lòng lợn, bọc quanh cái bụng ông và cặp váy và đụp chứa bao nhiêu rận, rệp, bao nhiêu mồ hôi trong đó. Người đàn bà lập cặp giở nút, dốc ra từng đồng xèng Bảo Đại, đếm, đếm, đếm một cách tiếc rẻ và hoảng hốt. Những đồng tiền chen chúc nhau reo trên bàn tay người chị và trên bàn tay người em trai đang châu đầu vào nhau như là để làm một việc rất to tát kia khiến chúng tôi động lòng thương hại, và nhất là ân hận...

Tôi nghe tiếng người đàn bà hỏi thều thào:

- Những khách nào thế?

Giọng người em đáp rất nghiêm trang:

- Các ngài ấy là... là... quan báo đấy. Chị về trước đi mà sửa soạn...

Giọng người đàn bà run run:

- Sửa soạn gì?

Người em hơi gắt:

- Giết gà, mổ vịt làm đồ nhắm chứ sửa soạn gì. Về mau!

- To chuyện thế kia à, cậu! Chết chửa! Nhà làm gì có... có...

Người em khễ quát

- Tôi bảo thế thì cứ thế. Về nói trước cho ông cụ biết.

Người chị vội vàng buộc lại thắt lưng, rồi im lặng tất tả đi vào ngõ.

Gã chủ báo tiến đến phía chúng tôi, tươi cười xin mời đi. Gã huyền thiên chỉ cái đình làng giới thiệu là các cụ xây từ đời Tiền Lê, chỉ cây gạo kể rằng những đêm sáng trăng thường có con tinh xõa tóc đưa vông hát. Tiếng cười nói của gã và tiếng giầy lộp cộp của chúng tôi làm chó làng lại sủa ồn ào.

Đến một cái xóm đường đầy bùn do trận mưa đêm qua, gã chủ báo mời chúng tôi vào một căn nhà vách rơm mái giạ mà gã gọi là tệt xá.

Chúng tôi đang loanh quanh chưa biết ngồi đâu, vì cả căn nhà ba gian tối như hũ nút chỉ có hai cái giường tre xô lệch không giải chiếu thì một ông cụ già râu tóc hoa râm, khăn áo tề chỉnh bước vào vái dài chúng tôi mà nói:

- Kính chào các quan báo!

Cụ ngừng lại gỡ tóc:

- Các quan yêu em nó mà chiếu cố thế này, chúng cháu lấy làm xấu hổ..., nhà gianh vách nát... xin các quan tha thứ cho...

Thì ra người đàn bà kia đã chạy về báo tin cho ông bố biết.

Nói rồi, ông cụ vội đi trải chiếu, rửa khay chén gọi con lấy giẻ lau giầy cho chúng tôi.

Khay chén rửa rồi mà chưa thấy con gái đem nước sôi ra và chưa thấy ai lau giầy cho khách, cụ bèn đứng dậy vào nhà sau, tức là vào bếp.

Chúng tôi nhìn cảnh nhà ông chủ báo, nhìn nhau để cùng tỏ ý hoài nghi, chán ngán. Bỗng tôi nghe thấy tiếng sào phía bếp đưa lên. Hẳn là họ đang bàn tính về mâm cơm đãi khách.

- Khổ lắm. Mà không biết nhà độ này tưng lắm...

- Túng thì cũng phải cho chu đáo chứ!

- Nhưng khốn nỗi không có một xu, bắt đâu được gà.

- Đi vay hàng xóm. Ông đừng bêu riếu tôi... Người ta là người sang trọng...

Tiếp đến tiếng ai sụt sịt. Than ôi, tôi nghe rõ giọng ôn tồn đau khổ của người bố già và cái giọng gắt gỏng hỗn láo của ông con mà chúng tôi gọi là ông chủ báo tương lai đó.

Lòng tôi đau thắt lại. Tôi lịm đi, không nói được, không cười được cho đến lúc nghe thấy tiếng lưỡi dao quèn quẹt liếc vào miệng vai, tiếng con gà kêu giẫy chết, tiếng bát đĩa khua lịch kịch...

Thế rồi một mâm cơm thịnh soạn bưng lên.

Ông cụ thắp mấy nén hương trên bàn thờ, đặt mâm cơm lên khăn vải một lúc, rồi chờ hết nửa tuần nhang ông cụ bưng mâm cơm đó xuống chỗ chúng tôi ngồi.

Ông cụ lại gỡ tóc:

- Nhân các quan chiếu cố, chúng cháu có làm mâm cơm, trước cúng tổ, sau xin mời các quan... xơi.

Rượu rót ra chén, ông cụ mời đưa cay. Chúng tôi ăn uống cầm chừng. Riêng tôi mấy lần bị nghẹn vì bên tai còn rõ rệt từng câu nói dịu ngọt khổ não của ông già, từng lời gắt gỏng của ông con hỗn láo.

\* \* \*

Sau hôm đó, gã Giự chủ báo tương lai không đến thăm chúng tôi nữa.

Băng đi một dạo, chừng ba tháng. Chúng tôi thất vọng, không còn bàn tán đến tờ báo sắp ra đời, không buồn nhìn đến cái “ma-két” của Lê thi sĩ thì một buổi kia, có kẻ quen gã chủ báo tương lai cho chúng tôi biết rằng Giự đã lợi dụng buổi mời chúng tôi về quê gã để làm con tin trước mặt ông bố già. Sau đó ba ngày, ông bố già đã bị ông con ép buộc đem nhà đất cầm cố lấy ba trăm bạc đưa ông con quý đi... mở báo.

Thế rồi không bao giờ thấy ông con mở báo để làm “quan lớn báo”, ông bố già tội nghiệp chết ngất đi mấy lần, và nhà đất thì bị cầm. Bây giờ ông bố bơ vơ mà ông con thì mất hút.

Sau tin đó ít lâu, một hôm chúng tôi đang ngồi uống trà trên gác một lầu, chợt trông thấy ông cụ đã giết gà thết rượu chúng tôi ngày nọ đi thất thểu ở dưới hè, quần áo tả tơi, che chiếc ô cũ lom khom lẫn vào đám người thành thị.

Tôi mỉm lòng thương xót và tự hỏi:

- Có lẽ ông cụ đi tìm ông con trai quý... Cũng có thể ông cụ đi tìm chúng tôi để mà than khóc đó chăng?

*Tiểu thuyết thứ Bảy, số 469/1943*



# Hà Thành hoa lệ

**H**à Thành, ngày 4 April (tháng 4) vừa rồi, tươi đẹp, trẻ trung trong một cuộc vui đầy đủ, một ngày hội lớn tương bừng.

Các anh em học sinh trường Luật, trường Thuốc đã khéo tổ chức một trò chơi mà tuy năm ngoái, năm kia Hà Thành đã mệt mệt với trò chơi ấy, ta vẫn thấy nó hợp thời, mới mẻ, ta vẫn chẳng thể quên hớp mắt để chung vui.

Này đây, các thiếu nữ của Hà Thành, dưới trời xuân lạnh mờ bụi nước, đang lũ lượt kéo nhau đi mua khoai lạc của chợ phiên.

Những cô nàng mà xác thịt đã tới thì in đây bóng mộng, lẫn với những cô em choai nhỏ còn đào tơ, vô tội, vô tình, hình như hôm nay, dùng hết nghệ thuật mà thoa son điểm phấn, mặc những tấm áo màu tươi nhất, tha thướt nhất để, gót sen qua, còn quyến theo những cái nhìn thèm muốn của các chàng.

Những cô nàng mà bóng xuân đã xế, hôm nay cũng mỹ lệ như các gái thơ lẫn với các bà quả phụ, gượng vui đến chốn chợ đời, cố nở nụ cười cho lòng sầu tươi lại trong giây lát, cho dĩ vãng xa xa sống lại với ngày xuân.

Những cô gái giang hồ nhị hoa chưa hoàn toàn nát rữa, sắc tài còn hứa hẹn với gió sương, lẫn với các bà mẹ mà hình hài đã nửa đời mệt mỏi vì tình duyên chung chạ, hôm nay cũng tươi, cũng đẹp, cũng nhớn như lượn riều như những con cá vàng vô tư lự lượn diều trong bể nước, nhả bọt ra để đớp mồi chơi...

Hà Thành với buổi chợ người. Kìa kìa, đừng vội trốn! Anh hãy đứng lại mà ưỡn ngực chờ cô đâm tóc bạch kim, xiêm ngấn hờ dùi, bó lẩn lưng ong, cổ hờ cái thiên nhiên mời công chúng ngắm, đang tiến đến hé vành son hình quả tim, xuyên vào “ve” áo anh một chiếc kim, một chiếc kim nhọn hoắt mà đầu người đẹp có ác tay đâm tới đáy tim anh, anh cũng sướng mà!

Đây này, hãy nhìn mấy cô gái non tràng hoa tươi quăn quanh vành tóc, cả thân hình nho nhỏ phơi nét đậm đà khiêu khích bậc đàn anh, đang kéo đến ngoan ngoãn dâng anh chiếc giỏ mây: anh hãy đỡ gói hoa giấy ở bàn tay bé xíu cô em mà nhận lãi một nụ cười.

Ở đây, ở cuộc vui này, anh đừng đại dột mà làm mặt trang nghiêm, già xòm như mặt nhà thi sĩ. Phải cười, phải nói, phải ngoan như đứa trẻ thơ.

Vỗ tay đi để khen cái xe hoa này đẹp, có ngụ ý nghĩa hay, nhất là có mấy nàng tiên... Mấy nàng tiên có lý lịch nào nùng bí mật lẫn với mấy nàng tiên có lý lịch vẻ vang, cao quý ngồi xe hoa để tung hoa. Thi sĩ của tôi! Các nàng đã ném lên đầu anh, đã rắc quanh mình anh những cánh hoa giấy đủ màu sắc sỡ, đẹp như những vần thơ mà anh đã... - biết đâu!... - đã rắc, đã ném, đã gửi vào trái tim đầy cảm giác của các nàng.

\*

Uống say đi, nhảy nữa đi, trong *Palais des Fêles*, đêm nay, ta vui quên chết đến canh tàn. Hoa từ trên cao rú xuống, đèn giội cơn mưa ánh sáng làm rục rờ một buổi dạ hội hoa đăng. Mỗi bàn một ngọn đèn xanh, đỏ u ẩn tằm màu son phấn của các bà các cô kiêu hãnh với phút say vui đắt giá, làm nổi bật màu đen những bộ lễ phục của những tay ăn chơi lịch sự, mở *champagne*, không nghĩ đến tiền.

Uyên ương và uyên ương đắm hồn trong bài nhạc thần kỳ êm như mộng của các nhạc công đứng tận lầu cao che hoa lá. Mấy cô đâm đi từng bàn, vui vẻ bán hoa, bán kẹo, bán những nụ cười tươi. Mấy ông quan trẻ tuổi mà

ta quen tên, quen mặt, tự dất Thần kinh ra, ở cuộc khiêu vũ này, cũng tạm quên áo gấm thụng, mũ cánh chuồn để đeo bộ *spencer*, đội mũ giấy kiểu quan binh, cười đùa như quý.

Hà Thành! Cái đêm hoa lệ ấy...

\*

Nhưng cuộc chợ phiên ấy, cái đêm hoa lệ ấy hết rồi.

Hoa giấy với những hoa tàn rải rắc trên mặt đất bùn lầy, ướt âm, những gian nhà bằng giấy trơ nan, tốc mái sau *một đêm vui* và một đêm mưa.

Các anh em học sinh, lại chúí đầu vào quyền luật, vào cái xác chết trên bàn mổ... để chờ đợi, ở ngày mai cái chức tri huyện, đốc-tơ!

Những cô gái lữ thì chung tâm sự với những bà góa bụa, - cuộc vui ấy hết rồi - nay lại âm thầm buồn với quạnh hiu!

Những cô nàng mà cả xác thịt, linh hồn đã đắm trong ân ái, với những cô em nụ non đang chớm nở - cuộc vui ấy hết rồi - nay lại nỉ non, cười cợt cùng hi vọng ngày mai.

Những ả giang hồ, đã nửa kiếp nặng nề sương gió, với những ả điếm chưa hoàn toàn phai lạt màu son - cuộc vui ấy qua rồi - nay lại trở về bóng tối, tìm khách chơi mà sài phí cho rồi nửa kiếp gió sương...

Một khi ngắm cảnh chợ tàn, người vắng, một khi men say đã nhạt rồi, ta thấy lòng ta buồn tênh vô hạn, đời ta trống trải vô cùng...

Lúc này, ta muốn để bút rơi...

*Tiểu thuyết thứ Bảy*, số 151/1937

# Chiêu niệm Vũ Trọng Phụng

**N**gười ta đã thường nhắc nhở nhiều đến Thiên Hư Vũ Trọng Phụng. Đời còn nhớ tiếc anh, văn mạch còn khóc thương anh, Phụng ơi, vẫn hay rằng cái nghề của lũ chúng mình chẳng nuôi sống được người, nhưng dầu vẫn tinh rụng sớm, anh còn ngự trị trên văn đàn xứ sở và trong lòng những kẻ bạn đã chia đau khổ với anh. Những độc giả đã thông cảm với anh qua những nhân vật điển hình bất tử: ông Týp-phờ-nờ, bà Văn Minh, Xuân Tóc Đỏ, cụ Cố Hồng, Phúc Cái Đình, Nghị Hách...

Thực vậy, Thiên Hư không bao giờ chết một khi nhân loại còn những con người, con vật, tiêu biểu cho thất tình thú tính mà chính Christ, Như Lai chưa diệt nổi, và tiêu biểu cho Thiện, Ác, Giả, Chân mà chính họ Khổng đất Lỗ xưa chưa định được trong Kinh Thi, Dịch, Lễ, Nhạc truyền thiên hạ.

Thế cho nên, bá đạo đang tung hoành trên mặt đất nhầy nhựa tội lỗi, chúng ta càng nhận thấy rằng nhân loại mất Molière, Balzac, Vũ Trọng Phụng... ấy là đã mất những bộ Bách khoa từ điển, trong đó ý nghĩa thực tiễn của con người, con vật đã được giải thích và minh họa với ống kính của những nhà vi trùng học chân chính nhất...

Nhân loại mất Thiên Hư, xã hội mất một văn hào, và vườn văn hóa Việt Nam mất một cây tùng, cây bách. Khoảng đất trống kia còn trống mãi. Đã làm gì có một loài cỏ thụ khác thay vào cho đời nghe lá gió rung nhạc quý, cho mặt đất tiềm tàng đón đợi sức sống của rễ mạnh đục muôn trùng.

Hôm nay, tôi nghĩ đến anh, viết về anh. Đốt tâm hương, chiêu niệm anh linh một cây thần bút, cái kẻ còn gửi mình vào buổi chợ chiều này còn thấy dư đôi hạt lệ gọi hồn ma, thì thầm nói chuyện cùng ma.

Ờ, Phụng nhi, hình như 1929 tôi gặp anh tại văn phòng *Ngọ Báo* sau đền Bà Kiệu. Việt Quang tức Bùi Xuân Như tức Micro (lại một văn hữu ngã vì nát phổi!) đã chỉ cho tôi biết cái anh chàng mặc áo the thâm, khom cái mình gầy trên bàn máy chữ lách tách trong xó tối và giới thiệu đó là tác giả thiên truyện ngắn *Chống nạng lên đường*.

Người thư ký làm việc âm thầm và sống nghèo nàn nhũn nhặn kia đã dám cam làm chân cậu ký quèn để tập viết thử một vài truyện ngắn, dăm cột báo phụ trương, không hề mơ tưởng tiền nhuận bút. Độc giả thờ ơ đọc và lạnh lẽo quên một nhà văn mới, có biết đâu rằng đó là ánh đuôi sao chổi sẽ làm sáng cả một trời, và đó là một danh tướng bắt đầu chống giáo lên yên để tung hoành trên trường văn trận bút.

Vũ Trọng Phụng đã chống nạng bước lên đường văn nghiệp. Cần cù, nhẫn nại, Phụng lao thân ốm đi tìm một chân trời. Chân trời hé mở đón anh với kịch phẩm *Không một tiếng vang* mà bạn anh chỉ một lần đem lên sân khấu để rồi không một tiếng vang nào vọng lại.

Phụng thôi thí nghiệm kịch trường. Anh mê mãi rẽ sang tiểu thuyết và phóng sự.

Từ *Lấy nhau vì tình* lâm li lãng mạn đến tác phẩm sau cùng *Trúng số độc đắc* (riêng tôi cho là chua cay, châm biếm, sâu sắc nhất), cây bút Vũ Trọng Phụng quả đã là cánh đại bàng vượt Thái Sơn, Nam Hải.

Tuy nhiên, chưa hề có lần nào Phụng hài lòng. Dễ dãi cởi mở với cuộc đời hung bạo bao nhiêu, Phụng càng khắc nghiệt, nghiêm nghị bấy nhiêu với những tác phẩm mà anh chỉ dám coi là non yếu lắm.

Trái ngược với các văn hữu khác, Vũ Trọng Phụng rất rụt rè. Hay tin Phụng vừa viết xong một truyện, các bạn vội quay ngay đến căn gác lụp xụp ở phố Hàng Bạc kia để đòi Phụng cho xem bản thảo. Phụng giấu kỹ tập giấy dày cộm đóng cẩn thận như sách học trò vào ngăn kéo, chỉ miễn cưỡng moi ra nếu bị đòi hỏi dữ, không chối được. Anh không thích ai đọc văn mình trước mặt mình, e thẹn như cô gái nhà lành chịu ép ngòi cho người ta xem mặt.

Thường lệ, anh vuốt ve bản thảo của anh, bận rộn quyển luyện đưa con tinh thần ấy độ ba ngày rồi mới trao cho nhà xuất bản.

Vũ Trọng Phụng là một nghệ sĩ không ưa bừa bãi. Anh thủ tín và giữ lễ như một nhà nho tự trọng, một nhà đạo đức chính tông. Không bao giờ anh chịu sai lời hẹn với nhà xuất bản, ông chủ báo, khi đã hứa viết bài, đưa tác phẩm. Trước mặt anh, một tấm thờ khắc biểu đóng trên tường, kèm bên một tờ giấy lớn, viết bằng mực đỏ ghi ngày tháng phải viết xong và danh sách những người đã đặt tiền mua văn phẩm.

Nhà văn Vũ Trọng Phụng làm việc chăm chỉ như một cậu học trò nghèo và ngày đêm lo thanh toán nợ văn chương, không muốn để ai được phép làm thương tổn danh dự và lòng tự ái. Đến nỗi những văn hữu sẵn tiếng là chây lười, hay là đấng trí như Lưu Trọng Lư, Nguyễn Triệu Luật, Lan Khai, Nguyễn Tuân - nhất là Nguyễn Tuân - đã bực mình gắt bên giường Phụng, những ngày anh đang cố giũa giũa chống với hai làn phổi nát: “Cái đức tín nghĩa và cái văn tài đầy đủ của người đã đến lúc có thể cho phép người quyết chơi dăm ba món nợ mà đòi không ai dám rửa xả đã có lũ chúng ta đây hứng chịu, trang trái sạch cho người. Can gì mà cứ ôm ngực, khạc máu vào giấy mực để mà lo trả nợ!”

Phụng chỉ mỉm cười. Anh vẫn khom lưng viết, ôm ngực viết *Người tù được tha* là cuốn tiểu thuyết được tạo tác công phu nhất trong thời kỳ lao phổi đang trầm trọng. Tiểu thuyết đó là thiên hồi ký của một chánh trị phạm bị phát vãng ngoài Côn Đảo, do một tù nhân khác thuật lại cho Phụng

viết. Phụng đã thức một đêm, lắng tai nghe và thưởng thức câu chuyện giang hồ ấy bằng những mồi thuốc lào khiến anh ho sòng sọc, rũ ra như gà giãy chết. Thế rồi, chỉ hai tháng sau, Vũ Trọng Phụng đã tìm người kể chuyện, trình trọng và kín đáo hai tay đưa bạn giang hồ đọc tập bản thảo dày ba trăm trang lẻ. Người này đọc xong, đã toát mồ hôi, ôm lấy cái thân hình gầy gò của Phụng mà bái phục: “Thế này thì thật là lạ quá! Anh đã sống hơn một tháng tù một xiềng nát xịch là tôi. Thực là một thiên tài, một thiên tài!”. Nhưng tiếc rằng hồi ấy, kiểm duyệt không cho cuốn sách ấy ra đời.

Vũ Trọng Phụng được thiên bẩm một khả năng kinh tượng và tạo tác mạnh phi thường. Quanh năm, co ro, rên rỉ vì nghèo túng và bệnh tật trong bốn bức tường giảng mạng nhện, vậy mà cây viết thần linh đó đã có sức vượt không gian, thời gian để nhập điệu tất cả cái gì là thâm kín nhất, sâu lắng nhất, u minh nhất, gai lửa nhất của nhân loại và vũ trụ.

Viết *Kỹ nghệ lấy Tây*, Vũ Trọng phụng chỉ nghe một lão hảo hán ngô Sầm Công vui kể cạnh khay đèn mà đã khiến thiên hạ rùng mình tưởng tác giả vốn đã nửa kiếp ghi tên dưới trướng, nghênh ngang quán Sở, lầu Tần.

Viết *Cạm bẫy người*, cái con người văn học mặc áo the gài đủ năm khuy, đội khăn phải soi gương cho chữ “nhân” đứng vào giữa trán, nghĩa là một con người không biết cả đến kết tốt đen đề tốt đỏ thế nào, mà chỉ nghe một công tử phá gia kể có nửa ngày, Vũ Trọng Phụng lại đã làm cho lũ chủ sòng hết vía và phần nộ đến mực cần phải giết ngay cái anh văn sĩ có lẽ đã đốt rất nhiều văn tự ấy, nếu không thì bao nhiêu mòng két biết hết tẩy của chúng rồi, thì còn làm ăn gì được nữa!

Cho đến cả *Cơm thầy, cơm cô, Lục xì*, Vũ Trọng Phụng cũng chỉ lượm lặt được chút ít tài liệu qua những câu chuyện cợt đùa của mấy dân nghiện hút, thế mà rồi những tác phẩm ấy đều là những hòn đá lớn ném vào ao ếch. Dư luận xôn xao về tác phẩm họ Vũ, ở các tao đàn, tại những gia đình trưởng giả, cho đến cả những lầu xanh, máy nước. Do thế, có thể bảo rằng

giữa cái thời phong trào lãng mạn, tư tưởng bi quan đang cực thịnh, Vũ Trọng Phụng đã là một nhà văn tiên tiến khả dĩ biểu dương quan niệm xã hội, nhân sinh và đại chúng, những danh từ, hồi ấy, chỉ là phiếm ngữ, hư văn được nêu lên bởi một nhóm nhà văn tư sản.

Thực vậy, Vũ Trọng Phụng đã có tinh thần đấu tranh và thiết thực. Nhưng hỡi ôi! Phụng đã cả một đời chỉ có dịp tranh đấu một lần, để rồi chưa kịp hưởng gì anh đã vội theo Thần Chết.

Đây là câu chuyện cũ: chúng tôi, một số lớn văn nghệ sĩ Bắc Hà - từ 1935 trở đi - đều giúp ông Vũ Đình Long mà đạo đó mặc dầu chúng tôi không nhận, người ta cũng cứ gọi là văn phái Tân Dân, nghĩa là một văn phái đối lập với anh em Tự lực văn đoàn. Sự thực đâu có thế, chúng tôi chỉ là những nhà văn độc lập, những mảnh buồm trôi tả không bảo nhau mà giạt cả vào một bến, bởi vì không có gió để ra khơi!

Nếu tôi nhớ không lầm thì năm ấy nạn kinh tế khủng hoảng làm lung lay các xí nghiệp, thương gia. Bọn hàn sĩ chúng tôi chung ảnh hưởng. Thế là Vũ Trọng Phụng nhìn quanh cái đời của anh em, đã cố ngóc đầu khỏi giường bệnh, cố xúi các bạn cùng tranh đấu, nghĩa là làm một bản yêu sách tăng tiền nhuận bút. Chúng tôi họp ở căn gác tối tăm của anh Trương Tửu, phố Hàng Gà, tuy Trương Tửu không viết gì cho họ Vũ. Khói thuốc lào, thuốc lá, tiếng ho khù khụ, tiếng cười nhạt nhẽo gây cho căn phòng ảm đạm một không khí nghẹn ngào, tức thở, khiến Lan Khai thu hình trong xó tối đang gân cổ hít điếu thuốc bào chữa suyễn, long lanh đôi mắt cú rừng ái ngại: “Họp thế này để làm gì? Tôi tin rằng chúng ta sẽ làm một trò cười”.

Lưu Trọng Lư, một nhà thơ tình tứ, một con nai vàng ngơ ngác không thích lá vàng mà lại thích giấy bạc hơn, bởi vì trên vai anh nặng một đàn thê tử, đã trợn mắt quát: “Sao lại không kết quả! Thăng thì ho nát phổi không biết đến thời kỳ thứ mấy, thăng thì rên suyễn gù gập cả xương sống, thăng thì ôm mãi khăn áo đến nhà Vạn Bảo <sup>4</sup> cầm cố, đến nỗi khách trú nó chán không cần nhìn mặt, thế mà cứ viết mãi tám hào một trang giấy rộng,



để rồi chết rũ cả hay sao?” Nguyễn Tuân phì phèo píp thuốc khói mù ở góc tường, lặng lẽ nhìn ra cửa sổ, nhất định không nói một câu nào. Có lẽ anh đang nghĩ tới ống khói một con tàu mặt biển, có lẽ anh đang nghĩ biết đến bao giờ người ta bóc mảnh da đã được thuộc nhiều chớp bể mưa nguồn, mưa rừng nắng núi của anh, để làm va li bán cho người Do Thái?

Rồi đó, ký kết xong, Vũ Trọng Phụng cùng chúng tôi chống nạng lên đường... nhằm “động” Tân Dân thẳng tiến. Phụng lòng còng cái lưng thâm hại, khăn len bịt kín đầu, lê đầu ba toong trên đường nhựa, đi tiên phong, và đi hăng hái lắm, tuy rằng đôi chân anh nặng nề nhắc bước như con rùa bò mặt đất.

Tới tòa báo đồ sộ phố Hàng Bông, Vũ Trọng Phụng không còn hơi thở. Tôi phải dìu cánh tay anh, leo đủ 32 cấp cầu thang nhẵn bóng. Kết quả vô cùng rực rỡ: bản yêu sách được chấp nhận ngay: đang từ tám hào một trang khổ giấy học trò (32 dòng, mỗi dòng đủ 14 chữ) vụt nhảy lên một đồng hai.

Phụng đau trầm trọng. Tôi đã hai lần lau dòng máu chảy ở môi anh.

Nhưng anh vẫn viết, và bảo bạn chơi một lần chót vở kịch xưa *Không một tiếng vang*, để anh đành nhắm mắt. Song bạn anh không có điều kiện chiều theo con bệnh sắp đến giờ vĩnh quyết. Hàng ngày, Phụng vẫn cố ngồi viết nốt truyện *Trúng số độc đắc*, một tác phẩm vĩ đại sau cùng. Anh gượng cười bảo bạn:

- Ta đã tranh đấu. Ta đã thắng. Ta cần được hưởng thêm bốn hào một trang, rồi chết cho an thỏa, cho mát mẻ, chúng bay ôi, chúng bay ôi!

Viết đến trang cuối cùng bộ truyện dài trào phúng và hí lộng kia, Phụng đã vật mình xuống manh chiếu rách, trên tay mẹ già, một tối mùa đông.

Anh chống gậy đến tòa báo, tự tay trao bản thảo, để rồi trở về túi rỗng. Phụng nghiêm trang khoe với bạn trong cơn sốt:

- Phụng của các anh sống không nợ, chết thủy chung. Món nợ tôi vay trước của nhà xuất bản, thế là đã được trang trải hết bằng 400 trang đủ dòng đủ chữ. Lương tâm ta yên ổn lắm, không còn lo gì quý sử, Diêm Vương kìm cặp linh hồn ta nữa.

Rồi lại có một chiều, tôi gặp Phụng ở giữa đường, tôi rợn mình vì mặt anh không còn sinh sắc nữa. Anh lê gậy đi như một con ma giữa cái thiên hạ đang tranh sống, dưới mặt trời, trong bụi gió, Phụng lão đảo ngã vào tôi, hồn hèn:

- Đưa tôi đến nhà báo thu thập những bản thảo cũ đã in. Rồi cần giữ bản thảo của tôi. Tôi thích chơi bản thảo, càng dây bản nhiều vết tay anh em thợ chữ lại càng quý.

Lần thứ hai, tôi vức Phụng lên 32 cấp thang đánh bóng, xin bản thảo về. Tới nhà, Phụng lại ngắt trên tay mẹ già không còn nước mắt mà nhỏ xuống vầng trán lạnh người con hiền. Anh nắm tay tôi.

- Giao ôi, khi liệm xác tao, nhớ cho tao gói đầu lên bản thảo. Đó là điều yêu sách cuối cùng nhờ ở lũ chúng bay còn sống sót. Đừng quên, nhá!

Bao nhiêu năm qua rồi nhỉ? “Đừng quên, nhá!” Không, tôi vẫn nhớ anh. Đời vẫn nhớ anh.

Tôi chân thành đốt trầm hương trong phòng vắng, viết những dòng tâm huyết thiết tha này giữa một đêm cầu nguyện cuối năm Thìn.

Cái xã hội này đang lúc cần có mặt anh để cho thiên hạ được soi gương, trên những dòng chữ của anh, và được che mặt gương cười thêm chút nữa. Anh đã vội đi rồi. Viết về anh, tôi đã nói, và tôi còn nhắc lại, tin tưởng mà nhắc lại nữa rằng: “Cái chết của nhà văn không có nghĩa là mất hẳn. Đấng sĩ phu kia đã có quyền an nghỉ trên những vòm hoa trắng của tháp đài văn học sử”.

(Năm 1939)

---

<sup>4</sup> Vạn Bảo: tiệm cầm đồ nổi tiếng ở phố Hàng Chiếu, Hà Nội trước năm 1945.

## Đôi điều tôi biết về Vũ Trọng Phụng

Năm 1939, Vũ Trọng Phụng mất, tôi đã viết về ông trong *Chiêu niệm Vũ Trọng Phụng*. Bài này đăng báo nào, nhiều năm đã qua đi, tôi không nhớ. Nhưng gia đình ông còn lưu giữ.

Nửa thế kỷ đã trôi qua...

Nửa thế kỷ đã trôi qua, nhưng những gì tôi biết về con người ông, với tư cách là một nhà văn, một đồng nghiệp, một bằng hữu, vẫn luôn làm tôi cảm thương, tiếc xót. Một con người tài năng siêu hạng là thế, sống nghĩa tình, đầy đặn với đời là thế, sao lại rời bỏ cõi thế gian này sớm vậy?

Lần đầu tôi gặp Vũ Trọng Phụng tại tòa soạn báo *Loa* của Côn Sinh và Tam Lang đường Gia Long xưa, nay là Bà Triệu. Tôi tới đưa bản thảo truyện ngắn *Đời tư Lã Bố*. Khi đó Tam Lang đang thích thú cái “tít” hài hước của truyện thì bỗng thấy một anh chàng nhỏ nhắn, gầy gò, đầu đội khăn xếp, mặc áo the đen, xuất hiện. Đó, Vũ Trọng Phụng. Và tôi thật sự sửng sốt trước cái nhan đề tập phóng sự mà họ Vũ đưa ra: *Kỹ nghệ lấy Tây*. Vừa lúc đó Lan Khai y phục cũng giống Vũ Trọng Phụng bước vào. Ông là người chuyên viết về *Chuyện lạ đường rừng* cho tờ *Ngo Báo* (anh em vẫn gọi đùa là nhà văn “mán xá”). Vốn rất vui tính, Lan Khai cười hô hố rồi la: “Jeu de titre! Các ông toàn chơi những cái “tít” quái ác thế này!”

Quả là sau đó, nhiều truyện của Vũ Trọng Phụng đều mang đầu sách giật gân, đập vào thị hiếu người đọc.

Vậy mà Phụng lại vốn là người rất lành hiền. Ngạn ngữ Pháp: Văn là người - với Vũ Trọng Phụng - không hẳn đúng. Đang học năm thứ ba trường Bưởi, Vũ Trọng Phụng bị đuổi vì tham gia bãi khóa ủng hộ Phan Châu Trinh. Ông bắt đầu viết văn. Truyện ngắn đầu tay là *Chống nạng lên đường*. Hồi này ông rất nghèo, chưa vợ, chưa bệnh. Ông rất thích đàn nguyệt. Giữa đám đông, bao giờ Vũ cũng ngồi im một góc, gẩy “vọng cổ hoài lang”. Thỉnh thoảng giữa đám ba văn hữu nổ cuộc tranh cãi về một tác phẩm nào đó, một nhà văn nhà thơ nào đó, hoặc về một học thuyết nào đó. Vũ nổi hăng cũng đập bàn xô ghế, bảo vệ bằng thẳng ý kiến của mình. Xong, lại rút vào một góc ôm đầu. Tôi chưa bao giờ nghe Vũ cười thành tiếng, mà chỉ đôi khi nhếch mép. Nhưng nụ cười lạnh ấy không khiến người ta liên tưởng tới một bụng dạ thâm hiểm mà chỉ nói lên một tâm hồn u uẩn, châm biếm, đến độ làm nạn nhân có thể chết luôn! Ông không bao giờ quát tháo to tiếng, nói bậy. Câu khiển trách nặng nề nhất của ông là: “Cậu xoàng lắm!”. Thế thôi!

Tôi và bạn bè đều rất lạ vì Vũ không hề biết người đàn bà nào ngoài người vợ hiền mà lại viết những *Kỹ nghệ lấy Tây, Làm đi, Lục sì...* Sau mới biết cách “đi thực tế” của ông. Thấy Vũ viết về đề tài dĩ điếm, tôi bảo Vũ: “Ở Hà Nội chỉ có mấy ỗ lâu xanh ở ngõ Hàng Manh, ngõ Hàng Hương, Cống Đục, Đường Thành, Cống Chéo, Hàng Lược. Còn me Tây phải tìm họ ở Sơn Tây, Đáp Cầu, Tông (ở đấy có nhiều trại lính lê dương đóng)”. Thế là Vũ lặn lội đến những sào huyết ấy. Đi luôn mấy hôm, trở về viết, hoàn thành bản thảo. Hồi đó chúng tôi không đi thực tế như bây giờ. Nếu hiểu “đi thực tế” như ngày nay thì chúng tôi quả là “năm tháp ngà”. Viết văn như nhờ một thiên bẩm nào đó, như chỉ nhờ sức tưởng tượng, sức sáng tạo của mình. Nhưng nhìn lại thì thấy cũng không hẳn thế. Để viết *Cơm thầy, cơm cô* Vũ Trọng Phụng đã ăn mặc như một người làm công bình thường, ra ngồi ở máy nước công cộng chợ Hàng Da. Đó là nơi những “con sen”, “thằng nhỏ” tập trung để lấy nước. Và ông đã biết được những thói hư tật xấu của những ông chủ, bà chủ qua những câu chuyện mĩa mai, phê phán của đám người nô lệ ấy.

Khi viết *Lục sì*, Vũ Trọng Phụng tìm được viên đội Tây người Coóc tên là Mác, trùm “đội con gái” chuyên bắt loại gái “ăn sương”, không có giấy “lục sì”. Viên đội này đã dẫn ông vào nhà dispensaire (chữa bệnh cho gái lâu xanh). Và nhờ đội Mác, ông biết được số phận của người gái đi. Hồi đó Hà Nội có khoảng ba mươi vạn dân thì có hơn hai nghìn gái đi.

Câu hát của gái lâu xanh thời đó, nói lên cảnh đời dày dạn, ê chề của họ:

*Hôm nay thứ sáu mình ơi.*

*Ngày mai thứ bảy, phiên tôi lục sì!*

Cũng vì những chuyến “thám hiểm” như thế mà khi viết *Cạm bẫy người*, Vũ Trọng Phụng đã suýt chết. Ông là người không biết đánh bạc, đến đánh tam cúc với vợ con vui ngày Tết, ông cũng không hề cầm đến lá bài. Thế mà lại dám liều mình “đâm đầu” vào các sòng bạc của Cả Vê, Hai Mơ, Ba Sinh là ba tên cầm đầu các sòng bạc thời bấy giờ ở Hà Nội. Đi theo một con bạc, ông la cà trong sòng bạc, xem đánh xóc đĩa, thăm thì hỏi han, quan sát cận kề các tay chơi. Và ông đã “lật tẩy” tất cả các mánh khéo cạm bẫy, lột túi giết người của bọn chủ sòng ác ôn trên mặt giấy. Chúng đe dọa sẽ giết tác giả *Cạm bẫy người*. Bạn bè lo lắng cho ông, nhưng Vũ Trọng Phụng vẫn bình thường, chỉ mỉm cười: “Tôi thích viết, tôi cần viết. Chết vì nghề cũng được. Không ai thù nạt được tôi”.

May mà bọn chủ bạc ấy cũng còn biết sợ nhà tù, nên rồi chúng phải lờ đi.

Bình thường Vũ Trọng Phụng là người ôn hòa, thậm chí yếu ớt là khác. Vậy mà khi “vào cuộc”, ông dũng cảm, nhanh nhẹn, xông xáo, có tài ứng biến với những tình huống nan giải. Tôi còn nhớ một câu chuyện vui, rất nghịch ngợm, nói lên tính cách ấy ở Vũ Trọng Phụng, nhà văn trào lộng bậc thầy.

Ngày ấy ở Hà Nội có hai tờ báo trào phúng. Tờ *Con Ong* do ông Huyền Voi (bố vợ Văn Cao) làm chủ bút. Tờ *Vịt Đực* do Vũ Bằng làm chủ bút. Các cộng tác viên là Vũ Trọng Phụng, Tam Lang Vũ Đình Chí, Phùng Bảo Thạch. Chúng tôi thường đùa là: Trong thiên hạ có ba con ác quỷ, ba cây bút sắt đảo thiên nghịch địa đó là ba thằng họ Vũ, một thằng họ Phùng (sau đó nhà nho vui tính Ngô Tất Tố cũng tham gia). Tờ *Vịt Đực* dám ngỗ ngược chửi cả toàn quyền, thống sứ Tây đến cả đức Cựu hoàng Bảo Đại, cho đến tất cả quan trường vô tài, bất đức. Nhưng từ quan Tây đến quan ta vẫn vì lẽ gì đó cứ lờ đi. Ở Hà Nội, người bị *Vịt Đực* nắm tóc nhiều nhất là mục Hồng Khê (mà họ Vũ nói lái là mục Kề Hông). Mục này, theo *Vịt Đực*, chuyên quan hệ với Môhamét bán vải ở Hàng Đào, Hàng Ngang, nhờ đó mục có cơ ngơi dọc ngang phố Huế. Nguyên do là tờ *Vịt Đực* thường xuyên ở tình trạng ba chìm bảy nổi. Nhà in không chịu in cho vì thiếu tiền. Ba ông họ Vũ bắt đắ dĩ nghĩ ra mẹo làm vụ *chantage* (tống tiền) cứ réo mục Hồng Khê, chờ mục chịu “nộp phạt” lấy tiền in báo. Thế là *Vịt Đực* liên hồi xa xả bới móc mục Kề Hông. Nhưng Hồng Khê keo kiệt nhất định không cởi túi. Trả miếng, mục thuê hai chục nữ nặc nô chợ Hôm, kéo đến tòa soạn *Vịt Đực*, góc phố Phủ Doãn, sau khách sạn Asia để “xé xác” ba họ Vũ. Có người báo cho ba ông biết sẽ có cuộc “tử chiến”. Để đối phó lại, Vũ Trọng Phụng vẫn rung đùi bình tĩnh, bàn mưu, chơi trò “Ba Giai, Tú Xuất”. Trước cửa tòa soạn thường có hàng chục trẻ ngồi chờ lấy báo và bọn hành khất nằm chờ xin ăn cửa sau khách sạn Asia. Các ông cho mỗi đứa năm xu và dặn chúng phải hoàn toàn khóa thân, nấp trong tòa soạn. Khi bọn nữ nặc nô kia đến. Ba tướng họ Vũ, có cả ông Ngô Tất Tố nép mình trên gác hô to: “Mở cửa thành!”. Vậy là hai ba chục thằng trần như nhộng, giữa ban ngày ban mặt rùng rùng chạy ra quất tháo. Bọn nặc nô đỏ mặt, ù té chạy. Hai chàng họ Vũ trên gác cười vang. Riêng Vũ Trọng Phụng vẫn điềm tĩnh, đội khăn, mặc áo the của cụ đồ Ngô Tất Tố, bắc ghế ra bao lơn gác, ôm cây đàn nguyệt ung dung gảy bài *Không Minh tọa lâu* (tích Không Minh tay không dùng mưu đánh thắng 30 vạn quân Tư Mã Ý trong *Tam Quốc diễn nghĩa*). Nhưng thói thường, cực lạc sinh bi, vui lắm buồn nhiều. Bọn nữ tặc chạy xa rồi, mấy tướng họ Vũ không ai nói với ai, chợt thấy nổi buồn mênh

mông xâm chiếm. Buồn về nghề với nghiệp, buồn về thân thể, buồn về cái trò lục sở vừa mới bày ra đó, rõ ràng là “phi quân tử”!

Các ông ấy, ở thời ấy, nghịch như vậy đấy. Nghịch đến nỗi nhiều người ở Hà Nội sợ tờ *Vật Đực*, nhất là mấy cha nghị gật, mấy anh trợ phú đại gian thương, mấy mẹ me như cô Ba Tú, Tư Hồng đã có tàn có tán, có hương án bàn đọc đều nguyên rửa chú *Vật điên khùng*. Và cũng từ đây xuất xứ câu thành ngữ “Làm báo nói láo ăn tiền”. Thực ra thì nhiều điều báo *Vật Đực*, *Con Ong* chửi đúng. Người viết có bản lĩnh khiến kẻ thù kiêng nể. Nhưng cuối cùng *Con Ong* của Huyền Voi cũng do chính trị - kinh tế rút nọc, *Vật Đực* cũng vậy, bị “đánh tiết canh”. Các ông chủ bút quan niệm, làm báo cũng là một cách chơi với đời (đời mất nước, đời nô lệ) vậy thôi. Thời đó hầu hết chúng tôi là như vậy. Mặc dầu văn phái khác nhau, viết lách, suy nghĩ, sinh hoạt khác nhau, chúng tôi không hề đối nghịch nhau. Anh em trân trọng, thương xót, đùm bọc nhau trong tình bạn. Chúng tôi thăm ví mình như Vân Hạo trong *Lều chõng* của Ngô Tất Tố. Chẳng phải chúng tôi không thấy, không thấm cái nghèo, cái nhục của cảnh sống vong nô. Đã không làm được cách mạng thì rờn nghịch chơi, phá phách chơi rờn cho thiên hạ cười, và mình cũng cười. Ở mà cười nhếch mép trước đắng cay, đều cái của cuộc sống xô bồ, Tây, Tàu, Nhật, đi đực, đi cái, nhóp nhúa, từ ngai vàng đến cống rãnh hôi tanh. Ở hãy biết cười nhếch mép như Phụng, Phụng ơi!

Nụ cười nhếch mép của Phụng ít khi trọn vẹn, thường tắt lạng nửa chừng. Nụ cười ấy chưa lúc nào giải tỏa được cõi lòng ông và cũng buộc người đời chẳng thể chỉ cười. Đọc Vũ Trọng Phụng quả là cười sa lệ, vì những cảnh đời éo le, những cảnh đời nhố nhăng, đảo điên, đời trụ vì tiền. *Trúng số độc đắc* là bản thảo cuối cùng của Vũ Trọng Phụng đăng dài kỳ trên *Tiểu thuyết thứ Bảy* cũng lột tả những mảnh đời như thế. Ông nói với tôi là ông viết tiểu thuyết này dưới ảnh hưởng của nhà văn Pháp Marcel Pagnol. Ông tìm thấy ở cốt truyện của nhà văn này cái “típ” lí thú thể hiện những thực tế của xã hội Việt Nam bấy giờ. Nhân vật chính là Phúc Cái



Đình, một thằng cha vô tài bất tướng, thất nghiệp dài dài, ăn hại báo cô, đến nỗi bố khinh vợ ghét, em gái coi rẻ. Hắn mơ ước được trúng số độc đắc, để trả thù đời bằng cách làm đủ mọi việc từ thiện cho xã hội, giúp dân nghèo, lưu danh thiên cổ. May, thần tài cười với hắn: Trúng số độc đắc, Phúc Cái Đình trở mặt. Hắn biến thành con quỷ dữ, thằng bần tiện. Trước hết hắn trả thù ông bố, trước kia đã dám khinh rẻ hắn. Rồi trả thù vợ, em gái cũng có tội như lão bố, đã dám khinh hắn là thằng vô học, thằng thất nghiệp. Suốt từ đầu đến trang cuối, tác giả không nửa lời phê phán, chỉ cảm thấy nụ cười lạnh, nụ cười nhếch mép của anh chàng họ Vũ giá băng này.

Con người từng trải cảnh đời, tình người, từng trải đến mức nhiều khi cay nghiệt ấy, lại là người sống trung hậu, tình nghĩa đầy trách nhiệm với bốn phận của mình, với nghề nghiệp, với bạn bè. Vũ Trọng Phụng đã viết hàng loạt phóng sự, truyện ngắn, tiểu thuyết về “tình trường”, nhưng ông lại rất ngây thơ về “tình riêng”. Ông chịu ảnh hưởng quan điểm của đạo Khổng: “Nam nữ thụ thụ bất tương nhân”, nên khi đã đi hỏi vợ rồi mà vẫn chưa hề gặp gỡ chuyện trò với vợ chưa cưới. Lấy nhau xong, bà Phụng mở một hiệu sách nho nhỏ ở đầu phố Hàng Nón. Cảnh nhà Vũ Trọng Phụng vẫn luôn túng thiếu. Đến nỗi tôi phải nói với nhà in Tân Dân cho ông nhận sửa morat lấy thêm món tiền nhỏ sinh sống, thuốc thang. Những năm sau đó Vũ Trọng Phụng ngã bệnh, người rất yếu rồi. Tôi còn nhớ ông còng lưng, gập người chữa bản morat. Nhưng ông vẫn sửa rất cẩn thận, sửa lỗi chính tả và có khi còn đề nghị tác giả thay đảo cả đoạn văn dài (tất nhiên là những người viết, trong đó có Như Phong mới bước vào nghề, đều vui lòng nghe theo lời ông). Nhà văn lớn của lịch sử văn học Việt Nam, thời ấy, đã vì cơm áo vợ con mà làm cái công việc khổ sai này để một tháng nhận thêm có 10 đồng.

Vũ Trọng Phụng đã làm việc gì đều làm cẩn trọng, hết mình. Bản thảo của ông đầy đặn. Ông dùng loại giấy khổ học trò, chữ đúng ngòi “ma la”, mực tím, nét rõ ràng. Bản thảo đưa cho *Tiểu thuyết thứ Bảy* dù mấy trăm trang, cũng chỉ viết một lần mà vẫn rất sạch sẽ. Đó là điều khiến lũ chúng

tôi kinh ngạc, khác hẳn bản thảo của nhà văn, nhà giáo Nguyễn Công Hoan chữa bằng mực đỏ, như thầy giáo chấm bài vở học trò. Thợ sắp chữ đọc bản thảo ông Hoan kêu mệt.

Ông Phụng đau bệnh, nhiều khi nằm viết, viết trong cơn đói, giữa cơn ho, cơn sốt. Vậy mà ngòi bút ông, mỗi dòng, mỗi chữ, hạ xuống giấy, mạnh như kiếm, như dao.

(Ờ mà, Vũ Trọng Phụng của chúng ta, sống như thế đấy, viết như vậy đấy! Phụng ơi!).

Điều đáng lạ nữa là, theo lệ nhà xuất bản, ông viết đúng *mỗi trang 32 dòng và mỗi dòng đúng 14 chữ*. Ông nói rằng ông không muốn “ăn gian của nhà in một chữ”. Khi đưa tôi năm trang cuối cùng *Trúng số độc đắc*, Vũ Trọng Phụng mệt quá, hớn hên bảo tôi: “Đây là những trang nợ cuối đời tôi. Giao nhớ nói với ông Vũ Đình Long rằng, hôm nay Phụng thanh toán nợ cũ. Tôi không nợ Vũ Đình Long (kể cả thế gian này) một đồng, một chữ”. Hồi đó các nhà văn thường lĩnh tiền ứng trước của nhà xuất bản và viết sau. Vì thế nên họ thường cuống lên vì nợ. (Trong số con nợ, khổ nhất là Lan Khai, nhà văn “mán xá” quanh năm suyễn nặng, hai vợ, năm con nghèo xơ xác, luôn viết không hề rời bút và phải bám chặt nhà xuất bản). Nhưng Vũ Trọng Phụng đâu biết mình sắp tắt, vẫn giữ sĩ khí của mình, quyết không nợ, không lụy một ai. Phẩm tiết ấy, đức độ ấy, tài năng ấy đã giúp ông không những không nợ đời mà còn để lại cho đời, nhất là cho những người viết văn chúng tôi bao bài học không ước lượng được giá. Ngay trước khi sắp “được” biệt giả cõi đời, Vũ Trọng Phụng vẫn còn nghĩ đến những người ở lại. Hồi đó anh em viết nghèo chúng tôi, đội quân bút lông, bút sắt, hàn sĩ khá đông đều tập trung tại nhà in báo Tân Dân số 93 phố Hàng Bông. Tiền nhuận bút ít ỏi không đủ sống. Nhưng vì cái bệnh “sĩ khí” và mang tâm trạng của kẻ “may thuê viết mượn” nên chúng tôi không bao giờ nói đến chuyện tiền. Vậy mà Vũ Trọng Phụng, thoi thóp chờ “đi” đã cố ngóc dậy nói với chúng tôi là cần phải “làm reo” với nhà xuất bản.

Phải viết kiến nghị đòi tăng nhuận bút từ tám hào, trang viết (32 dòng, 14 chữ một dòng) lên một đồng hai hào một trang.

Chúng tôi, gồm Vũ Trọng Phụng, Thanh Châu, Lê Văn Trường, Trúc Khê, Lan Khai, tôi... tập trung tại nhà Trương Tửu, 53 phố Hàng Gà để viết “yêu sách”. Sau đó chúng tôi “xuống đường” nhằm 93 phố Hàng Bông thẳng tiến. Tôi đỡ cánh tay Phụng, dìu đi, từng bước, từng bước nhỏ. Tay kia ông chống ba toong. Đường gần mà Vũ Trọng Phụng cứ rũ ra, dường như muốn ngã. Đến Hàng Da, tôi đưa ông, nói nhỏ: “Đi đấu tranh, Phụng cố thẳng lưng lên nào, găng lên nào!” Phụng nổi cáu mắng tôi: “Cậu xoàng lắm!” Đó là câu mắng lời trách cuối cùng của ông đối với tôi. (Đến nay thoảng nghe câu “xoàng lắm” tôi lại nhớ đến Phụng, nhớ đến câu trách mắng thân thương ấy, tôi muốn khóc!).

Đến nhà in Tân Dân, tôi dìu Phụng leo ba mươi hai bậc cầu thang, lên lầu cao gặp ông Vũ Đình Long. Tôi còn nhớ, khi nhận bản yêu sách của chúng tôi, ông Vũ Đình Long mặt tái mét, tay run lập cập (ông vốn bệnh đau tim mãn tính). Cuộc “biểu tình” ấy đã thắng lợi nhờ chàng họ Vũ, người chiến hữu đã đành chịu thua số mệnh, ném vũ khí, ném bút xuống rồi!

Vài hôm sau, có lẽ Vũ Trọng Phụng biết mình sắp chết, nên ông nói tôi đưa ông đến nhà in Tân Dân lần nữa. Tôi hỏi đến làm gì, ông bảo “Cứ đi, sẽ biết”. Vào nhà in, Vũ Trọng Phụng xin gặp xếp typô, ông Phú già. Phụng thều thào bảo ông Phú: “Cho tôi xin vài tờ bản thảo *Trúng số độc đắc*”. Ông Phú đưa chúng tôi ra sọt đựng giấy “hồi đó, bản thảo đưa in đều là bản viết tay chứ không phải bản đánh máy như bây giờ, thợ sắp chữ xong là vứt vào sọt rác, đốt đi ngay). Vũ Trọng Phụng run tay lục tìm, chọn mấy tờ bản thảo lem luốc dấu tay dầu mỡ của người thợ sắp chữ, cẩn thận bỏ vào túi. Xuống đường, ông nói: “Giao ạ, khi tôi chết, người nhà, khi liệm sẽ đặt đầu mình lên hòn gạch theo thường lệ. Cậu hãy lót mấy tờ bản thảo này lên hòn gạch cho mình được gối đầu lên...”.

Năm đó Vũ Trọng Phụng mới 28 tuổi. Ông mất ở Cầu Mới. Tôi đến và làm theo lời trăng trối của ông.

Cuộc đời Vũ Trọng Phụng thật ngắn ngủi. Lúc sinh thời ông đã sống nhiều, đã lăn lóc nhiều với cuộc sống bụi bặm của tầng lớp thợ thuyền, những con người “dưới đáy” thị thành thời ấy. Đã mấy ai đau được nỗi đau của họ như Vũ Trọng Phụng. Và cho đến lúc chết, ông vẫn muốn đem theo chút hơi ấm bàn tay những con người cần lao ấy. Tôi biết Vũ Trọng Phụng không thích nói chuyện chính trị. Ông cũng “ngây thơ” về chính trị như nhiều người viết lách lúc bấy giờ. Nhưng với thiên tư một nhà văn hiện thực lớn, trái tim ông đã tự nghiêng về phía những người lao khổ, nói lên nỗi đau không được làm người của họ, phê phán quyết liệt cái xã hội mà nhà thơ bất đắc chí Tú Xương đã thốt lên:

*Quân cu li*

*Thần cu li*

*Dân cu li*

*Tút mo <sup>5</sup> cu li*

Vũ Trọng Phụng, bút danh Thiên Hư không còn đó, nhưng tinh anh vẫn còn đây, còn đấy, cả một thiên thu.

Vũ Trọng Phụng, đầu đông năm 1930, “chống nạng lên đường”, “không một tiếng vang” <sup>6</sup> đã dũng cảm lăn vào trường văn, trận bút để chung cục trước khi xuống ngựa, người chiến sĩ họ Vũ đã tận dụng sức mạnh vũ khí của ông - cây viết của ông, xuyên tới đỉnh cao văn học Việt Nam hiện đại.

(Lê Kim Vinh ghi theo lời kể của nhà văn Ngọc Giao.

Tạp chí *Văn học* số 5/1989)

<sup>5</sup> Tout le monde: Tất cả mọi người (tiếng Pháp). Tú Xương nhại lại thành tiếng Tây bõ là "tút mo".

<sup>6</sup> *Không một tiếng vang*: kịch nói 5 màn (1931).

# Chủ nhà in, nhà xuất bản Tân Dân - Ông Vũ Đình Long

**N**hà in, nhà xuất bản Tân Dân thành lập năm 1930, tại 93 Hàng Bông.

Ông Vũ Đình Long nguyên là nhà giáo dạy lớp phổ thông (trung học), giai cấp trung lưu trí thức. Cha ông không làm quan.

Năm 1930, ông Long 40 tuổi. Vợ là Nguyễn Thị Hợi dòng dõi đại thương gia. Chỉ sinh một con gái, Vũ Tú Nga, nữ sinh trường Đồng Khánh, không đẹp lắm, nhưng rất nhiều sinh viên Hà Nội ngấp nghé vì cái sản nghiệp lớn nhà họ Vũ.

Vũ Đình Long, tính điềm đạm, nhiều cơ mưu, giỏi cả Hán văn lẫn Pháp văn. Ông to béo, khá cao, da đen sạm, đi lạch bạch. Trong giao dịch với nhà văn, ông luôn tỏ ra cực kỳ lịch sự, trọng hiền đãi sĩ. Nghe nói đến một văn gia nào có tài năng, ông Long vội viết thư mời cộng tác. Về vấn đề tiền trả nhuận bút, ông rất sòng phẳng, rất thủ tín, nhờ vậy, số lớn nhà văn ở suốt Trung, Nam, Bắc vui vẻ viết cho ông. Tiền nhuận bút tính phải chăng. Không hào phóng, không chặt chẽ.

Xưởng in tổ chức thời ấy rất quy củ. Năm 1937, phá nhà in cũ, xây nhà in lớn, máy in, chữ in đặt mua tại Pháp, loại hiện đại. Ở Hà Nội thời ấy, có mấy nhà in lớn ra sức cạnh tranh nhau: nhà in TB Cay của Hoa kiều ở phố Sinh Từ, nhà in Minh Sang ở Bờ Hồ, nhà in Ngô Tử Hạ phố Nhà Thờ, nhà in Lê Văn Tân phố Hàng Bông, nhà in (cũng là nhà xuất bản) Văn Hồng Thịnh, 112 phố Hàng Bông, và còn ngót chục nhà in nhỏ khác. Nhưng địch

thủ ghê gồm nhất của những nhà in Việt này là xí nghiệp in của người Pháp - IDEO (Imprimerie d'Extrême Orient: Nhà in Viễn Đông). Nói là dịch thủ ghê gồm là nói về tổ chức và kỹ thuật ấn loát tân kỳ của nhà in Pháp. Ngoài ra, họ không hề cạnh tranh gì với nhà in người Việt.

Ông Vũ Đình Long có đầu óc làm ăn lớn về ấn loát tối tân, cũng như tổ chức nhà xuất bản có khoa học. Xu hướng của ông là cố gắng noi theo tổ chức văn học của Editions Flammarion và Librairie Hachette - hai nhà xuất bản vĩ đại của Pháp. Bởi thế, cách đối xử với đội ngũ nhà văn khá mạnh của ông Vũ Đình Long trước sau luôn tỏ ra trang trọng, chân thành. Trong đội ngũ ấy, anh em văn hữu của nhà xuất bản Tân Dân suốt Nam, Trung, Bắc tập hợp cung cấp văn phẩm cho ông Long đều đặn, dịch hầu hết tác phẩm phương Tây từ cổ đại, trung đại, cận đại, hiện đại. Đội ngũ ấy có hai mảng thành phần: bút lông và bút sắt. Bút lông: cụ bảng Mai Đăng Đệ, cụ cử Phan Kế Bính, Sở Bảo Doãn Kế Thiện, Nhượng Tống, Nguyễn Can Mộng, Phan Khôi, Tản Đà, Trúc Khê, Ngô Văn Triện, Nguyễn Đỗ Mục... Các ông không khoa bảng: Nguyễn Triệu Luật, Phan Trần Chúc, thi sĩ Lê Bái (bút danh J. Leiba Thanh Tùng Tử - Hán học và Pháp học đều uyên thâm)...

Bút sắt: Hiên Chi Nguyễn Văn Chất (viết báo Pháp nhiều hơn viết báo Việt), Lan Khai (viết tiểu thuyết lịch sử nổi danh), Vũ Trọng Phụng, Tchya, Phùng Tất Đắc (Hán học và Pháp học cũng vào bậc uyên bác), Lê Văn Trương (“tiểu thuyết người hùng”, viết khỏe nhất, nhiều độc giả nhất miền Nam cũng như miền Bắc), Lưu Trọng Lư, Thâm Tâm, Trần Huyền Trân, Vũ Bằng, Ngọc Giao v.v...

Nhà xuất bản Tân Dân in đều đặn. Có 500 công nhân giúp việc.

Hàng tuần: *Tiểu thuyết thứ Bảy* - 60 trang. 4-5 truyện ngắn, thơ, truyện dài xã hội, tiểu thuyết dịch Trung Quốc (nội dung về võ hiệp, để câu độc giả trường kỳ do cụ tú Nguyễn Đỗ Mục (thân phụ họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung) chuyên dịch thuật, được độc giả rất ưa thích. Giá báo: 5 xu.

*Truyện bá:* truyện nhi đồng, nội dung chọn lọc, lành mạnh, hợp tuổi nhi đồng. Không truyện nào đi chệch hướng, giá 3 xu, 30 trang.

*Ích hữu:* Tuần báo, nội dung tựa báo *Văn nghệ* hiện giờ. Không thể thiếu được: một tiểu thuyết dài về tình yêu hấp dẫn tương tự *Hồng lâu mộng*, *Tây sương ký*. *Ích hữu* có nhiều độc giả nhờ truyện dài lịch sử *Phấn son Phi Yến* do thi sĩ Thanh Tùng Tử viết, với thể văn hoa mỹ. Báo in khổ rộng, chữ đẹp, minh họa đẹp. Sau truyện *Phấn son Phi Yến* tiếp truyện dài *Vết xe phu tử* của Vũ Lang. Truyện này đang viết dở thì Vũ Lang chết vì bệnh lao. (VẬY là trong nhóm Tân Dân, đã có ba nhà văn bỏ mạng vì lao phổi. Ông Vũ Lang, ông Lê Bái (J. Leiba Thanh Tùng Tử) và sau hết: ông Vũ Trọng Phụng. Cả ba ông chết yểu, chưa kịp tròn 30 tuổi). *Vết xe phu tử* viết về cuộc đời thần thánh của Khổng Trọng Ni tức Khổng Tử, người nước Lỗ. *Ích hữu* được hoan nghênh, nhờ nội dung đáp ứng thị hiếu người đọc qua những cây viết thật chắc tay như Trúc Khê, Nguyễn Đỗ Mục, Vũ Lang, J. Leiba Thanh Tùng Tử... Không cần nhiều. Mỗi tuần chỉ cần 2 hoặc 3 người đặc trách.

*Tao Đàn:* Nửa tháng ra một số, tạp chí văn học. Giấy, in cực đẹp. Nhà văn Lan Khai phụ trách. Lý luận, phê bình văn học, đề cập những đề tài lớn của văn học nghệ thuật cận đại, hiện đại Âu, Á. Truyện ngắn, truyện dài chọn lựa. Nội dung gần như tạp chí văn học nổi danh của Pháp: *Nouvelle Revue Française* (viết tắt NRF) do nhiều cây bút uyên thâm viết bài. Giá *Tao Đàn* bán 0, 25 đ.

*Những tác phẩm hay:* Loại này 3 tháng ra một cuốn. Ấn loát phẩm đặc biệt. Truyện chọn lọc kỹ. Nhà xuất bản có dụng ý giới thiệu sách in với kỹ thuật cao. Nói thật ra: Nhà xuất bản Tân Dân muốn khoe hay muốn dọa các đồng nghiệp về kỹ thuật ấn loát có thể coi là bậc đàn anh thời kỳ đó. Vũ Đình Long rất coi trọng việc sửa chữa bản in thử. Nếu mỗi trang sách, hay mỗi cột báo mắc hai lỗi trở lên, thì người phụ trách sửa morát lập tức bị kỷ



luật: cắt xén tiền lương, cũng có thể bị sa thải. Nhờ vậy, các tác giả của Tân Dân ít phải phàn nàn về lỗi nhà in mà người viết sợ hơn là sét đánh.

*Phổ thông bán nguyệt san:* Như tên đề, nửa tháng in một cuốn, không quá 200 trang, không trên 0, 25đ. In loại đẹp trung bình. Loại này chạy nhất nhờ những tên sách lịch sử, diễm tình, phần lớn là li kỳ, rùng rợn, độc giả trẻ nam nữ rất thích.

Tất cả các loại trên, không in quá con số 2.000 cuốn. Riêng tiểu thuyết Lê Văn Trương thường được in tới 3.000 cuốn.

Những loại sách lôi cuốn bạn đọc thanh thiếu niên dữ dội và liên tục: truyện võ hiệp, kiếm hiệp, như loại “chương” ở miền Nam trước giải phóng.

Trước một địch thủ “sức địch muôn người” như Nhà xuất bản Tân Dân 93 Hàng Bông, các nhà xuất bản khác trong Hà Nội hoảng sợ, song không có cách gì hạ được họ Vũ, mà chỉ còn cách ngồi nhìn tiền bạc trôi vào quỹ sắt nhà họ Vũ như thác đổ. Thật vậy, phải nói là tiền độc giả Trung, Nam, Bắc đổ vào nhà họ Vũ Đình Long như nước vỡ đê!

Duy có một phản lực lớn mạnh khiến Vũ Đình Long e ngại là nhóm Tự lực văn đoàn. Hàng tuần tờ *Phong hóa* rồi tiếp đến *Ngày nay*, cơ quan ngôn luận của nhóm Nhất Linh, thẳng tay lôi Vũ Đình Long lên mặt báo, sử dụng tranh trào phúng, thơ văn hài hước, gọi Nhà xuất bản Tân Dân 93 Hàng Bông là động Tân Dân, Vũ Đình Long là Tiên ông Vũ Đình Long phun kiếm ra tiền (tranh bìa, tranh ruột báo hàng tuần, họa sĩ Tô Tử vẽ Vũ Tiên ông hếch mũi lên trời, kiếm ở hai lỗ mũi phun ra tơi tơi, tiền theo kiếm ào ào chảy vào tay áo thụng của Vũ Tiên ông. Ngoài cửa Nhà xuất bản, tức là ngoài cửa động Tân Dân, cả gia đình họ Vũ, từ Tiên mẫu, Tiên bà, Tiên cô... đến các Tiểu Tiên đồng, giúp Tiên ông, đem rõ rá ra hứng tiền độc giả mê say sách thần tiên kiếm hiệp).

Mỗi thứ Bảy, báo *Phong hóa, Ngày nay* của nhóm Nhất Linh rao âm ỉ ngoài đường phố, chạy vào mọi gia đình thị dân Hà Nội, (cũng với tốc độ ấy, *Tiểu thuyết thứ Bảy* chạy có phần nhích hơn *Phong hóa, Ngày nay*). Vũ Tiên ông cùng Tiên mẫu, Tiên bà, Tiên cô, Tiên đồng, không những không giận nhóm Nhất Linh, mà còn tỏ ra thích thú, nói cười ran trong động. Vũ Tiên ông khoái trí, coi đó là địch thủ Tự lực văn đoàn đang làm quảng cáo không công cho Vũ Tiên ông. Nhóm Nhất Linh cũng biết vậy, nhưng vẫn phải lấy việc Tiên ông phun kiếm ra tiền làm đề tài mua vui độc giả, vì cười đùa mãi với Xã Xệ, Lý Toét, cũng làm người đọc chán.

*Tổ chức phát hành:* Đại lí cho sách báo Tân Dân đặt khắp Đông Dương, Hoa hồng cao từ 8 đến 10%. Suốt từ Lạng Sơn đến Cà Mau, Nam Vang, Vientiane... đại lí phần nhiều sòng phẳng, vì hoa hồng cao hơn hết.

*Kết luận:* Với cách làm ăn, kể sơ qua như vậy, Nhà xuất bản Tân Dân giàu mạnh, không ai địch nổi. Hai điều cơ bản dẫn đến thành công:

1) Tín nghĩa: Không sai hẹn ngày trả lương công nhân và trả tiền các nhà văn.

2) Đối xử đúng mực, chu đáo với hàng ngàn đại lí khắp cõi Đông Dương. Với 10% hoa hồng, các đại lí cũng làm giàu cùng họ Vũ.

## **Phụ lục**

Ông Vũ Đình Long là giáo học phổ thông cấp III thời Pháp thuộc. Tây đổi ông lên Hà Giang dạy học. Thời gian này, ông dùi mài kinh sử chữ Hán (tự học). Sau đó, ông bắt đầu dịch truyện Tàu. Bộ *Anh hùng náo* ông dịch thành công, được mọi người ưa thích. Tiếp đó dịch *Mảnh trăng soi*, truyện Trung Quốc, cũng được độc giả truyền tay nhau đọc.

Ông bắt đầu dịch mấy vở kịch của Molière. Để gần quần chúng Việt Nam, ông Long nghĩ ra cách “Việt Nam hóa” vở kịch trừ danh, cũng của

Molière, *Tartuffe (Đạo đức giả)*. vở này, trước Cách mạng, được đem ra diễn tại Nhà hát lớn Hà Nội. Khán giả thủ đô hoan nghênh nhiệt liệt. Năm 1955, tiếp quản thủ đô, một đoàn kịch nhà nghề của Hà Nội lại công diễn *Đạo đức giả*. Dư luận xôn xao. Chê và khen náo nhiệt.

Bước đầu vào nghệ thuật sân khấu, Vũ Đình Long, sáng tác vở kịch bốn màn: *Chén thuốc độc*. Vở kịch đầu tay, được kiều bào bên Pháp dịch ra Pháp văn, và đã được biểu diễn tại Paris.

Ông Vũ Đình Long, năm 46 tuổi như vậy đó, khởi nghiệp bằng kịch bản thành công mang cái nhan đề rùng rợn *Chén thuốc độc*, để rồi, năm 1961, họ Vũ (đây là một tin đồn, một giả thuyết) cáo chung văn nghiệp cũng bằng kịch bản đau thương ấy (?).

Ông Long là người đã xuất bản một số lượng khổng lồ tác phẩm văn học từ 1930 đến 1945; sau đó, có hoạt động, nhưng không đáng kể. Như tôi đã nói, khắp Đông Dương, hàng ngàn đại lí sách báo của ông, nhờ ông, đã làm giàu. Duy, điều đau xót nhất là một số lớn anh em thợ nhà in Tân Dân đã cam phận để nhà xuất bản bóc lột, không hề dám nghĩ đến đấu tranh. Đây là lớp thợ “mồ hôi bôi dầu mỡ”. Bên cạnh lớp thợ dầu mỡ, còn lớp thợ viết, lớp thợ “mực mài nước mắt”; lớp thợ nhà văn - cả bút lông, bút sắt, cũng không hề nghĩ đến đấu tranh đòi cơm áo, cũng cam phận sống nghèo, sống khổ, suốt “mười lăm năm ấy, biết bao nhiêu hận”.

(Tạp chí *Văn học*, số 1-1991)

## Nhớ về Lan Khai

**T**hời trước chiến sự Đông Dương, văn đàn Bắc Hà nổi danh ba cây bút lịch sử tiểu thuyết: Lan Khai, Nguyễn Triệu Luật, Phan Trần Chúc, sau này thêm Nguyễn Huy Tưởng, cũng là cây bút sắc.

Lan Khai nói với tôi: “Ở thời này, nên viết nhiều về sử, lấy người xưa, việc cũ áp dụng vào chính sự và chiến sự, nâng cao tinh thần dân tộc, ngòi bút được thả sức tung hoành, Tây nó biết đấy mà không làm gì được, nó ức lắm, nhưng kệ nó, mình cứ viết. Hơn nữa, viết tiểu thuyết lịch sử, theo riêng mình, mình cho là dễ viết hơn truyện xã hội đương thời. Trong làng văn, hiện nay, tiểu thuyết lịch sử vẫn là khan hiếm. Mình viết để ăn hơn. Tôi là cây viết nhà nghề, viết vì văn học, viết để mưu sinh, nuôi cả một đàn con nheo nhóc. Anh đã biết tôi nghèo đến mức nào. Rồi cây bút ra là chết đói...”

Lan Khai thực thà tâm sự với tôi như vậy ngày ông công cả bầu đoàn thể tử về Hà Nội. Những ngày đầu rời bỏ rừng núi Tuyên Quang, bầu đoàn Lan Khai không nơi trú ngụ, cực kỳ khốn khổ, bữa đói, bữa no. Mãi rồi mới chui được vào căn gác nhỏ ở đầu một ngõ hẻm phố Henri d'Orléan (nay là Phùng Hưng, nguyên trước là trụ sở báo *Le Travail*, báo *Dân chủ*, hàng ngày các ông Trường Chinh, Trần Huy Liệu đến làm việc. Hiện giờ là nơi trú ngụ của nhà văn trẻ tuổi Lê Bầu).

Gian gác nhỏ đến nỗi chỉ chứa được tài sản duy nhất của gia đình Lan Khai là một chiếc giường cũ nát để ông nằm vì ông luôn ốm. Còn hai bà vợ, lũ con nằm sàn gỗ đầy rệp muỗi, bởi không màn. Dân cư sinh sống

trong ngõ hẻm ấy là một số thợ thuyền nghèo, chen lẫn vào một số me Tây lấy lính da đen và một vài tiệm hút.

Lan Khai độ ấy chừng 35 tuổi. Ông có một thân hình phong nhã, cao gầy, vầng trán cao, mắt không rời kính cận, miệng rộng cười tươi, giọng nói ấm áp hiền hòa, thuyết phục được bất cứ ai ngay từ buổi đầu gặp gỡ. Ông khiêm nhường với bạn, không hề nặng lời lớn tiếng. Mãi sau này, gặp Nguyễn Tuân, Tchya, hai ông tướng nhà văn hay gây gổ, kiêu bạc, thích chơi lối đàn anh, cử chỉ ngênh ngang, ngôn từ châm chọc, con người rừng trong Lan Khai lập tức có thái độ trước hai ông tướng này. Lan Khai tỏ ra cứng rắn, trấn áp lại Nguyễn Tuân, Tchya với hành động và ngôn ngữ rất rừng, sau đó Nguyễn Tuân, Tchya phải nể nhà văn “mán xá” mà họ coi là dễ nuốt. Ông dễ chiếm cảm tình của anh em làng văn bằng cử chỉ nhã nhặn, đức độ, trung thực, kiến văn sâu rộng về Hán học, trội hơn là Pháp học. Ông sinh trưởng ở đường rừng. Tuổi thiếu niên về Hà Nội học, cố gắng thi vào trường Bưởi, đậu thành chung, rồi lại quay về rừng núi Tuyên Quang, nhất quyết không chịu sống đời công chức cạo giấy cho Tây. Sống trong căn nhà lá ven rừng, ông vùi đầu vào đọc sách Pháp, Việt cao như núi. Suốt mấy chục năm đọc sách, chuyên nhiều về sử học, nhận thức về Lão Trang, Lan Khai ngay từ thời trẻ đã trở nên con người mẫu mực, hiếu nghĩa, nhân hậu với mọi người nhất là đối với vợ con, bạn viết nghèo mà có tài năng.

Cụ thân sinh ông là một hiền nho, một danh y, chữa bệnh lấy đủ vốn tiền thuốc, nhiều khi gặp con bệnh bần bách, cụ không lấy tiền.

Cụ thân sinh ông luôn kín đáo nặng lòng thương dân yêu nước. Căn nhà chật hẹp của cụ thường mở rộng cửa đón tiếp những quốc sĩ tìm đường vượt biên giới sang Trung Quốc, đi hải ngoại, lo quốc sự. Nhà nghèo túng, nhưng cụ hân hoan coi đó là nhiệm vụ, hết lòng hầu tiếp, giúp đỡ những quốc sĩ khả kính kia. Lan Khai cũng vui mừng giúp cụ thân sinh tiếp khách cho chu đáo. Cả hai cha con không hề tò mò gạn hỏi về mục đích cuộc

hành trình, về màu sắc chính trị của những vị khách bí mật, lặng lẽ như một cái bóng trong một ngày đêm lưu trú tại nhà ông. Bởi vì cụ thân sinh và ông không hề có dự kiến làm chính trị, song rất tôn trọng những vị khách qua đường xin tạm trú để xuất dương, hi sinh cho đất nước.

Cảnh nhà ngày thêm sa sút, Lan Khai tự thấy không thể nằm co nghiên ngẫm thi thư, mong có ngày chiếm bảng vàng như những thư sinh thời xưa cũ. Cô đơn, buồn khổ, ông tìm cách khuây sầu. Thế rồi Lan Khai cầm bút, thử viết bài gửi về Hà Nội, thủ đô văn học mà anh chàng mán xá hằng mơ ước. *Chuyện lạ đường rừng* do đó được chào đời, ra mắt độc giả tờ *Ngọ Báo*, Tam Lang chủ bút. Những năm tháng thời niên thiếu, Lan Khai đã lang thang hầu khắp miền sơn cước, sống và làm việc với dân tộc ít người, Mán, Thổ, Lô-Lô, cà răng cặng tai, sơn đầu, đủ loại. Ông học được khá nhiều tiếng nói của họ, vì thế ông càng yêu họ, cảm thấy máu thịt họ là máu thịt ông.

*Chuyện lạ đường rừng* được đặc biệt hoan nghênh. Cứ buổi sáng thứ Hai là trẻ bán báo chạy tới tấp rao ngoài phố: “*Ngọ Báo - Chuyện lạ đường rừng* đây!” Ông viết hay, cốt truyện nào cũng li kỳ, rùng rợn. Người Hà Nội, vào thuở ấy, nào mấy ai bỏ phố phường lên rừng núi đèo heo hút gió, ma thiêng nước độc, thêm cả nỗi sợ thấy người rừng. Cho nên, mỗi thiên truyện Lan Khai là một chuyện lạ lùng, đưa con người thành thị đến gần những người của ma thiêng nước độc mà cứ nghĩ đến, họ đã rùng mình sợ hãi. Bùi Xuân Học, chủ *Ngọ Báo*, nhờ Lan Khai, kiếm bở, lại thêm mỗi sáng thứ Tư *Chuyện nhà binh* của Đội Tứ cũng có sức câu độc giả. Lượng báo in tăng như gió. Vậy mà, Lan Khai và Đội Tứ vẫn sống nghèo, sống đói ở nơi rừng núi. Chủ báo Bùi Xuân Học không hề hỏi địa chỉ Lan Khai, không hề gửi một tờ ngân phiếu. Cũng do vậy, nhà văn đường rừng tức khí, nhất định lạy từ cụ thân sinh, bốc vợ con bò về cái thủ đô văn học bạc bẽo này, tìm cách sống bằng văn bút.

Bầu đoàn Lan Khai vẫn tạm chui rúc trên căn gác phố Phùng Hưng. Tôi đưa ông đến động Tân Dân, ra mắt ông chủ Vũ Đình Long. Như tôi nói trên, Lan Khai có cái phong độ trí thức, lịch sự, thanh nhã, có cái nhìn nghiêm mà âu yếm, giọng nói nhẹ mà chắc nịch, toàn thân ông toát ra một trí tuệ khác thường. Điều tôi ngạc nhiên là không biết bằng cách nào, chiếc áo the bạc màu, chiếc khăn xếp sờn rách đã biến mất, thay bằng bộ com lê hạng đắt tiền, màu ghi sáng, may rất khéo. Tôi hỏi khẽ ông trước khi bước vào động Tân Dân. Ông chỉ mỉm cười: “Rồi ông sẽ biết”.

Vũ Đình Long tiếp Lan Khai với lễ thượng khách. Trước đó tôi đã đưa ông Vũ đọc mấy *Chuyện lạ đường rừng*, và cũng đã xưng tụng Lan Khai sẽ là một cây bút viết lịch sử tiểu thuyết, món hàng Vũ Đình Long đang thấy rất cần, bởi nó ăn khách nhất. Nguyễn Triệu Luật, Phan Trần Chúc không chịu viết đều cho Vũ Đình Long, vì tiền nhuận bút thấp hơn các nhà xuất bản ở Hà Nội, nhất là trong Nam. Điều cuốn hút Vũ Đình Long, “bố già” nghề buôn bán chữ hơn nữa là tiểu thuyết lịch sử *Ai lên phố Cát*, Lan Khai mới bắt đầu đưa Côn Sinh đăng báo *Loa* được hai kỳ. Gia đình Lan Khai thoát bước chân vào Hà Nội với bàn tay trắng, tôi đã khuyến khích Lan Khai hãy cố gắng viết ngay một truyện lịch sử mang nhan đề thật kêu, thay kèn trống. Ông nghe tôi, ngồi nhịn đói, cưỡng cơn bệnh suyễn, viết chuyện này. Côn Sinh vừa là họa sĩ có tài vừa là một công chức bậc cao lương, lại là một con người hào hiệp có mắt xanh, đón nhận với mấy chục trang bản thảo viết thử *Ai lên phố Cát* với niềm kính trọng nhà văn đường rừng. Côn Sinh ứng trước cho nhà văn một món tiền khá lớn. Việc cần kíp là việc thoát xác. Ông đến ngay phố Hàng Trống may bộ âu phục thật “keng”. Còn tiền đưa cho vợ, trả tiền thuê nhà, đong gạo.

Lan Khai, bệnh suyễn liên tục giày vò, nhưng ông vốn có nghị lực, cố cầm bút, cố thức đêm. Nhà văn không có bàn giấy, viết phải bò trên chiếc giường, mệt quá thì lăn kên ra nghỉ mấy phút, ôm ngực, trợn mắt, há mồm mà đớp không khí, như con cá phơi bãi cát.

Món tiền đưa vợ, gạo đong ăn vài tuần đã hết, ấy là món ăn hàng ngày chỉ có quả cà, đĩa rau. Ông không nghiện rượu, không cà phê, trà đặc, chỉ có thanh thủy cầm hơi khi nằm viết.

Giữa Lan Khai với nhà xuất bản lớn Tân Dân đã có hợp đồng: mỗi tháng, nhà xuất bản nhận của ông một (chứ không hai) cuốn tiểu thuyết dài, đề tài xã hội, chủ yếu là lịch sử.

Ông cố viết, năm viết, lấy hơi thở viết, viết cả ngày đêm. Ông tự khoán: Mỗi ngày phải bôi kín ít nhất 30 trang; khổ giấy 32 dòng, mỗi dòng 14 chữ, như tôi đã nói trong bài viết về Vũ Trọng Phụng. Mỗi sớm, ông run tay bóc lịch, run sợ đếm thời gian, lo ngày cuối tháng phải trao hàng cho ông chủ động Tân Dân. Một lần, Lan Khai nói với tôi: mình rất sợ, rất ghét cái việc xé rút một tờ lịch mỗi ngày. Tờ lịch rơi xuống, mình rùng mình cảm tưởng như tự tay mình bóc xé một mảng đời. Mỗi tờ lịch rơi là một bước chân tiến tới cõi già, cùng với tử thần đưa mình kề cái chết...

Ông làm hai ba việc hàng ngày: viết tiếp truyện *Ai lên phố Cát* cho Côn Sinh, viết truyện dài cho họ Vũ, kèm thêm một chuyện bình thường nào đó cho một nhà xuất bản vô danh nào đó. Viết kiếm tiền nuôi hai vợ, một đàn con. Bà hai cũng chạy vạy đi kiếm chợ. Bà cả bị liệt chân, ngồi một chỗ. Trong nhà, túng quẫn như thế mà không có một tiếng gặt gồng, kêu than.

Không lâu sau đó, ông tìm được căn nhà nhỏ phố Châu Long. Lại dọn nhà. Đồ đạc vẫn chỉ có một chiếc giường độc nhất. Ở đây, tiền không kiếm được hơn, song nhờ trời được hơn không khí thở. Cũng vì thế mà bè bạn kéo đến nhà ông đông hơn trước. Đủ mặt hảo hán anh tài. Chuyện sông, uống nước lã mãi, ông sàu đời, một hôm, bà Lan Khai chạy ra chợ Châu Long mua về chút ít rau đậu cho ông chồng đãi khách. Tôi có mặt trong đám ấy nhưng không dự. Khách chuyện đời, chuyện văn nghệ, chuyện giang hồ vật, vang nhà. Tôi lên vào gian bếp, thấy vợ con ông đang cạo nồi cơm, mỗi người tay cầm một miếng cháy gặm, nhịn ăn đãi khách. Tôi thấy đau lòng, thương bạn, thương lũ trẻ.



Nhà Lan Khai ở nẻo biên thùỵ xa xôi những năm xưa là “Chiêu Anh quán” chân thành đón những quốc sĩ vô danh, đến như cái bóng, đi cũng như cái bóng.

Nhà Lan Khai, lúc này đây, giữa lòng phố phường Hà Nội, cũng lại là một vũng nước Lương Sơn Bạc, chia cái nghèo với mấy chục “tao nhân mặc khách”, lấy ống sậy nhòm trời, lấy bát đong nước biển.

Việc đời, dầu sao thì cùng tắc biến, biến tắc thông. Cuộc sống gia đình đông đúc ấy, nhờ sự cần cù lao động, cũng có phần nhỉnh lên chút ít.

Vũ Đình Long đặt giấy trịnh trọng mời nhà văn Lan Khai đến tòa soạn 93 Hàng Bông làm việc ăn lương tháng. Họ Vũ giao ông chủ bút tờ báo *Văn học Tao Đàn*. Báo in đẹp nhất, đứng hàng đầu trong những ấn phẩm của Tân Dân. Báo nửa tháng ra một số, 60 trang. Lan Khai gập đất dụng võ, đem hết vốn học vấn, trí tuệ ra làm. Cả số lượng 60 trang, ông viết đến nửa báo, nhiều đề mục, nhiều bút danh. Truyện dài từ số đầu là *Cái ám ảnh*. Mục ông trân trọng nhất là “Mực mài nước mắt”, viết về những nỗi cơ cực của người cầm bút, những số phận con người xưa và nay sống đọa thác đầy vì văn bút. Anh em trong nghề bán chữ nuôi thân, đọc ông, dầu chai đá mấy, cũng ngậm ngùi, đau xót. Nỗi đau ấy chỉ anh em biết với nhau. Bọn chủ nhà xuất bản không thềm đọc, không thềm đếm xia đến.

Hà Nội thuở ấy có ba ban kịch nói, chỉ hoạt động khi cần diễn lấy tiền giúp vào việc thiện. Ban kịch đàn anh hơn cả do nghệ sĩ Ngọc Đĩnh đứng đầu, tổ chức hai đêm diễn vở *Thế chiến quốc* tại Nhà hát lớn (xưa gọi là Nhà hát Tây). Rạp chỉ mở cửa mùa đông, đóng cửa mùa hè, có 700 ghế ngồi. Khách đến bắt buộc phải mang đồ lễ phục, chí ít cũng phải com lê sang trọng mới được vào. Ngược lại, mù đầm già coi nhà hát sẽ đuổi ra.

Ngọc Đĩnh mời nhà văn Lan Khai sắm vai Ngô Thì Nhậm. Sau nửa tháng tập vở, Lan Khai nhập vai thật là kỳ diệu, không chê vào đâu được. Một nhà văn giàu vốn sử học, sáng tạo một số lớn nhân vật lịch sử trong tác

phẩm, lại u ẩn trong tiềm thức tâm tư những văn thần danh tướng qua bao thời đại. Ông đúc kết những tinh hoa ấy, với cả niềm kính trọng trong từng động tác, từng câu nói, bước đi. Ngô Thì Nhậm hiện trên sân khấu quả là một nhân vật siêu phàm kiệt kiệt, một đại danh sĩ Bắc Hà, một đại mưu sĩ của Bắc Bình Vương.

Buổi diễn đóng màn. Anh chị em diễn viên, cả một đoàn, thả bộ về nhà ông bàn kịch, húp bát cháo nóng thay tiệc lớn. Đấy, thưở ấy, chúng tôi làm văn học thì đói khát, chơi nghệ thuật thì đạm bạc, nghèo nàn như vậy, mà vẫn cười vui, không oán, không than. Trừ khi quá uất ức thì mượn vai hề sân khấu, mượn ngòi bút ác độc chửi đổng mấy thằng vua quan bù nhìn, mấy thằng “Tây ăn dân” đầu sỏ vài câu cho bõ ghét.

Cái đêm diễn *Thế chiến quốc*, trời Hà Nội sao mà rét đến chết người. Ở rạp ấm, bước ra đường, răng đánh vào nhau. Một ông đi cạnh tôi, bỗng ôm sát mình tôi, đi cùng cho đỡ rét. Phở tối, tôi nhìn mặt, hóa ra ông vua tướng số tử vi Hà Nội, tên là thầy tướng Diễn, nhà phố Cầu Gỗ. Ông Diễn ít xem cho khách tạp, chỉ thích coi tướng lũ văn nghệ mà ông gọi đùa là lũ quái nhân. Đi đến Bờ Hồ, thốt nhiên thầy Diễn nói khẽ với tôi: “Cái ông Lan Khai này chơi kịch thì giỏi đấy. Nhưng mà...”, ông ngừng lại, rét quá, hà khói ở miệng ra, đứng tựa ở gốc cây, run tay châm điếu thuốc, bước đi... Tôi nắm chặt cánh tay ông, linh cảm một cái gì gớm ghiếc lắm đây trong câu nói lửng “nhưng mà...”. Tôi gặng: “Nhưng mà sao? Ông nói nốt đi”. Ông Diễn im lặng một lúc nữa, sau thấp giọng: “Rồi ông coi, Lan Khai sẽ bất đắc kỳ tử, ở tuổi 50. Suốt buổi diễn, tôi đã cố ý nhìn nhận tướng mạo anh ấy. Tôi quyết đoán như vậy đấy. Bác cố chờ xem lời tôi nói đêm nay”.

Đến Cầu Gỗ, chia tay. Câu nói của người khác thì tôi bỏ, không cần nghĩ ngợi. Nhưng lời lão thầy Diễn khét tiếng Hà Nội này thì tôi thấy ớn. Trong bài viết về Vũ Trọng Phụng, tôi đã cố tình giấu một chi tiết, ngại người ta bảo tôi là lão già mê tín. Chi tiết ấy thế này: Ông Phụng đã chuyển bệnh lao sang thời điểm thứ hai, ông Diễn đến thăm. Không lâu sau đó, thầy Diễn

bảo một ông bạn văn già: “Phụng sắp đi rồi. Tôi hẹn với bác ngày giờ Phụng nhắm mắt”. Quả nhiên, ngày tháng, đúng như thầy Diễn báo trước, duy có giờ thì sai mất 50 phút. Lúc sinh thời, nhà văn hoạt kê, nhà văn hiện thực Vũ Trọng Phụng rất thích chuyện xem tướng số, học nghiên cứu cả khoa học tử vi. Có điều, ông giấu kín, riêng tôi được biết, bởi tình cờ, tôi chạm trán Phụng tại nhà thầy bói nổi danh Ba La Bông Đỏ (Hà Đông). Lời đoán của thầy Diễn, tôi để lòng cho mãi đến hai năm sau, vào một buổi tối, nhà Lan Khai không có khách, ông cũng nghỉ viết... bởi cơn suyễn hành hạ không chịu nổi. Ông hớn hển bàn với tôi là muốn mang vợ con về Tuyên Quang. Cụ thân sinh độ rày luôn ốm yếu, lại nghe tin Nhật đã chiếm Tuyên Quang. Tình hình bấn loạn, để bố già sống trong cảnh ngộ ấy, lòng ông không nở. Ông vốn là hiếu tử, không thể sống an phận với vợ con như người khác. Tôi nghe ông nói, cân nhắc kỹ, rồi tôi đành ghé xuống gối ông nhắc lại lời ông Diễn. Dưới ánh đèn hoa kỳ yếu ớt, tôi cũng nhận thấy sắc mặt ông thay đổi. Cặp mắt cận thị không mang kính mở to nhìn tôi, hoảng hốt. Tôi năn nỉ khuyên ông đừng về. Vậy mà sau đó ít ngày, ông nhận được thư cụ thân sinh. Gia đình ông trả chủ nhà căn phòng thuê số 67 Châu Long, về biên giới.

Từ đấy, xa nhau, xa bần bật, xa muôn dặm, tưởng như cả hai chúng tôi không còn tồn tại.

Cho đến một buổi chiều mùa thu, tôi đang ngồi trong nhà, chợt nhìn ra sân, thấy một phụ nữ mặc toàn đồ đen, thắt dải khăn tang cũng màu đen buông suốt sống lưng, tôi vội chạy ra: thì ra bà Lan Khai, bà quả phụ Lan Khai. Vẫn hình dáng ung dung, đường bệ của một vị phu nhân cao quý. Người đây, cảnh ấy, té ra lời tiên tri của lão thầy tướng Diễn chẳng phải là chuyện nói đùa.

Chị Lan Khai nắm tay tôi, ôm mặt khóc từ ngoài sân. Vợ tôi phải cố dìu chị vào trong nhà. Cứ thế, người quả phụ khóc như một người mệnh bạc chưa bao giờ tự xót thương số phận mình đến thế...

Qua nhiều năm sau, một chiều thu lạnh sắp vào đông, tôi nhân chút việc nhà, đã ngồi thuyền ngược Lô Giang lên giáp thượng nguồn. Ông lái đò gập cái thân già trên mái chèo kêu cọt két. Đất trời, sông, nước không tiếng động. Sương mù vùn vụt mặt sông, bàng bạc như khói sóng. Trước thuyền, một vật gì đó bồng bênh trôi đến. Tôi chú mục nhìn cái vật bồng bênh ấy, thốt nhiên thấy rợn. Thế rồi, như vô thức, tôi réo gọi tên anh. Tiếng gọi không to nhưng cũng đã thành âm vang vọng đập dội vào vách đá ven rừng, bạt ngàn “Vi lô san sát hơi may”. Cùng lúc ấy, trên ngọn cây nào đó, vút lên mấy tiếng chim kêu thảm thiết. Tôi sức nhớ hồi Lan Khai viết *Chuyện lạ đường rừng* thường nhắc đến một loài chim có tiếng kêu buồn, gọi là chim khám khắc. Khám khắc kêu gọi bạn lúc bóng tối bắt đầu đổ xuống rừng.

Vậy thì con chim kia, ới Lan Khai! Phải chăng là khám khắc, là Anh?

(Tạp chí *Văn học*, số 6-1991)

## Chơi sách

**T**hưở ấy, 1945, tôi có ông bạn văn mắc chứng mê say sách quý đến mức điên cuồng rồ dại. Anh em gọi đùa ông là anh chàng mang bệnh “dâm thư” không thuốc chữa. Tôn thờ sách quý đã đành, ông còn yêu sách đẹp, in đẹp. Chữ đúng, cỡ 10, soi trang sách nơi ánh sáng, dòng chữ bên này phải căn chỉ với dòng chữ trang sau. Giấy phải loại ngoại hạng, Boufflant. Gờ sách nhà in không được xén bằng máy, mà phải để cho người mua sách, nghĩa là độc giả, dùng dao con bằng tre nửa, nhẹ tay rọc tờ này sang tờ khác, những sợi bông giấy thối ra tua tủa dưới lưỡi dao tre. Người đọc sách vui sướng vuốt ve, ngửi hít mùi hương hồng giấy, say sưa như hôn hít người đẹp trong trắng dâng tình.

Cái anh chàng “dâm thư” ấy là nhà văn đường rừng, chuyên viết tiểu thuyết giả lịch sử Lan Khai, cùng thời với Nguyễn Triệu Luật, Phan Trần Chúc. Thời ấy văn đàn từ Nam, Trung đến Bắc phần, chỉ có Lan Khai, Triệu Luật, Trần Chúc chuyên viết tiểu thuyết sử, tác phẩm nào cũng đẹp, cũng li kỳ, làm độc giả mê say. Truyện của Lan Khai thường được các rạp hát chuyển thể cải lương, tuồng chèo.

Ở tuổi hoa niên, Lan Khai rời sinh quán Tuyên Quang về Hà Nội, theo học trường Bưởi. Đỗ bằng thành chung lại trở về rừng núi Tuyên Quang, năm đọc sách “trau dồi kinh sử”, đi sâu vào văn học, lịch sử Trung Hoa, dưới sự hướng dẫn của phụ thân vốn là một danh y nhân hậu chữa trị bệnh nhân nghèo không đòi tiền thuốc. Trong cảnh nhà tan nước mất, cụ cũng thuộc vào hàng ngũ những bậc danh nho đêm ngày gạt lệ thầm ngâm ngợi lời thơ bất hủ của bà Huyện Thanh Quan: “ *Nhớ nước đau lòng con cuộc*

*cuốc - Thương nhà mỗi miếng cái gia gia* ”. Cụ lang, trải nhiều năm, lấy ngôi nhà tranh làm thuốc cứu dân nghèo, làm nơi chiêu anh quán kín đáo tiếp cận, đón đưa hết tốp người vượt tuyến này đến lớp người yêu nước khác tìm đường ra hải ngoại.

Ngày ấy, Lan Khai cũng đỡ dần thân phụ, hết lòng hầu hạ, chăm sóc những tráng sĩ ra đi, lòng nặng căm thù như Ngũ Tử Tư căm thù nước Sở thời chiến quốc.

Nằm suông nghe núi rừng rung chuyển không chịu được, Lan Khai bắt đầu cầm bút viết văn. Tức thì *Chuyện lạ đường rừng* hàng tuần, được gửi về Hà Nội, Thủ đô văn học. Tờ *Ngọ Báo* của Bùi Xuân Học, Tam Lang làm chủ bút được hân hạnh đăng tải bài của Lan Khai. Mỗi sáng thứ Hai trẻ bán báo rao ới ới “ *Ngọ Báo* đây! *Chuyện lạ đường rừng* của Lan Khai, mua mau kéo hết”. Tờ *Ngọ Báo* đang có cơ chết chìm, nhờ có *Chuyện lạ đường rừng* lại ngóc được lên, số lượng in gấp bội.

Vậy mà Lan Khai, nhà văn đường rừng hàng tuần thấy chuyện lạ của mình trên trang nhất tờ *Ngọ Báo*, không cho là chuyện lạ mà chỉ thấy làm lạ là chưa hề được nhận một lá thư, một tờ giấy ngân phiếu của ông chủ báo Bùi Xuân Học. Nghĩ rằng con không khóc mẹ không vạch vú. Lan Khai viết thư hỏi ông chủ báo họ Bùi. Không hề có hồi âm. Không chịu được. Nhà văn đội khăn xếp cũ rách, áo the thâm bạc màu, về Hà Nội. Đứng giữa đất Thủ đô văn hiến, nhà văn tâm trạng bồi hồi, xao xuyến, nghiêng mình chào Khuê văn các nơi Văn Miếu, run tay mó vào chân tượng đồng khổng lồ đền Quan Thánh, băng khuâng về thần thoại rùa đớp kiếm nước Hồ Gươm... Sau đó, lại tình cờ thấy mặt một số nhà văn Hà Nội ông vẫn mến yêu những năm tháng dài năm ôm mộng trường văn trận bút ở rừng xanh. Ngày nay, tay bắt mặt mừng anh em văn bút, thôi thì chuyện văn học, chuyện tình đời, chuyện “nhớ nước đau lòng con cuốc cuốc”, rồi đến chuyện yên hoa “ *nửa giấc yên hoa cười mộng cũ, hai hàng si lệ khóc tình xưa* ”.

Lan Khai bị cuốn vào câu chuyện hàn huyên chày thao thao như thác loạn, cứ ngẫu nhiên ra, rồi thì dòng thác ấy cuốn phăng xuống xóm “Kính trời” (Khâm Thiên) mặc cho sinh phách cuốn hồn, nụ cười hồ li xé xác. Nhà văn ba đêm liền chết lịm trong mê hồn trận, do nhà thơ giang hồ vật Tchya dẫn dắt. Sang ngày thứ tư, Lan Khai tỉnh dần ra, hồn phách trở về. Ông soi gương, ngắm hình bóng khăn xếp, áo the cũ rách, chán đời. Ông định đến *Ngọ Báo* đòi tiền nhuận bút, sắm bộ quần áo tây, mặc vào mình cho nó ra người, ra ngợm. Tchya gạt đi: “Không cần món tiền còm ấy. Anh đến nhà tôi, ngồi viết một tiểu thuyết lịch sử thật hay, với nhan đề thật ngộ đưa cho tuần báo *Loa*, họa sĩ Côn Sinh là chủ báo, cũng là một kẻ biết nhìn văn nhân và văn phẩm bằng mắt xanh. Nó sẽ trả anh số tiền lớn, đủ may bộ âu phục bảnh, đủ giúp cho các em bé xóm “Kính trời”.

Thế là không quá hai tuần, nhà văn thiên bẩm về tiểu thuyết lịch sử đã viết xong *Ai lên phố Cát*, Côn Sinh nhiệt liệt hoan nghênh. Đọc *Ai lên phố Cát* thấy quý mến con người Lan Khai: trung hậu, chân thật, phóng khoáng, mắc chứng bệnh đa tình.

Lập tức, *Ai lên phố Cát* được báo *Loa* quảng cáo âm ỉ, rồi đăng tải.

Báo *Loa* nổi tiếng. Các tuần báo, cả nhật báo khác, cũng xô nhau đặt cọc, thuê Lan Khai viết truyện dài lịch sử, tạm quên hai nhà văn sử học quá quen thuộc là Nguyễn Triệu Luật, Phan Trần Chúc. Tchya khuyên Lan Khai không nên viết bừa bãi, giá văn sẽ rẻ đi, phải biết từ chối, treo cao giá ngọc. Côn Sinh chủ báo *Loa* xin Lan Khai chỉ viết cho báo *Loa*. Côn Sinh giữ độc quyền cây bút sắc sảo của Lan Khai. Nhưng rồi Côn Sinh cũng không làm chủ được tài năng trí tuệ của con “người rừng” này được mãi. Vì cuộc sống của lũ vợ con kéo nhau về Hà Nội, Lan Khai phải tìm cách tự làm chủ bản thân mình. Ông được tiên ông, chủ động Tân Dân phố Hàng Bông, đọc *Ai lên phố Cát* mến tài Lan Khai, bảo tài xế đánh xe đến nhà thi sĩ Tchya đón rước Lan Khai về sơn động.

Gặp mình chủ, Lan Khai làm việc hết sức mình. Ông ngồi ghế lớn trong tòa soạn. Động chủ Vũ Đình Long dùng cả tòa nhà gác (xưởng in tầng dưới) trang trí văn phòng cho các nhóm nhà văn đặc trách tạp chí *Tao Đàn*, *Ích Hữu*, *Tiểu thuyết thứ Bảy*, sách nhi đồng *Truyền bá*, sách *Phổ thông* nửa tháng ra một số. Từng nhóm nhà văn ngồi riêng biệt, mỗi nhóm có một kẻ hầu chạy việc vặt do các nhà văn sai khiến, như mua thuốc lá, bia, rượu, đưa thư. Các nhà văn lão thành thuộc thế hệ bút lông ngồi phòng ngoài, bút sắt buồng trong. Cứ như là một Hàn lâm viện ở một nước châu Âu thế kỷ cũ.

Lan Khai, lúc này đã có ghế ngồi trên văn đàn Bắc Việt, mặc dầu mang danh chủ bút một tạp chí văn học, tiền lương tháng vẫn là số tiền quá nhỏ nhoi không đủ cứu lũ vợ con nheo nhóc giữa cái Hà thành hoa lệ.

Chính giữa lúc hữu danh vô thực ấy, chính giữa lúc nghèo nàn chen chân với thiên hạ giàu sang ấy, nhà văn Lan Khai, qua nhiều ngày mò mẫm vào các thư viện Thủ đô, trở về nhà bắt đầu không ốm mà rên vì mắc nhiễm đột ngột cái bệnh chơi sách đẹp.

Ôi chao, sách Thư viện Quốc gia, chất cao như núi, Lan Khai thấy rùng mình. Nhớ hồi còn thiếu niên, cậu bé lâm tuyền này một mình vờ trong khe đá, trên ngọn núi, thấy tảng đá nào hình thù quái dị thì sụp xuống, cung kính lạy, gọi là bái thạch vị huynh. Lạy đó, là vì cậu bé sơn nhân này một hôm nghe phụ thân vui chén kể chuyện về cái tính khí ngang tàng cao ngạo của văn nhân tráng sĩ thời xưa vào triều không sụp lạy vua nhưng đi đường thấy hòn đá lạ thì sụp lạy. Không phải lạy đá, mà lạy khí thiêng âm dương của trời đất, của vũ trụ đã trải triệu triệu năm hun đúc thành đá lạ. Thật vậy, trước kia, cậu bé Lan Khai chỉ biết vách đá cao sừng sững. Lúc này, nhà văn sử học Lan Khai nổi da gà trước những núi sách tưởng như dài vô cùng, cao vô tận. Núi đá lóe sáng dưới nắng nóng mặt trời. Ở đây núi sách lóe hào quang dưới ánh đèn chiếu sáng rọi vào những nét vàng in trên lưng sách, xếp liền nhau trùng trùng điệp điệp. Nhà văn đứng như đá mọc trước



những hàng núi sách bìa cứng gáy mạ vàng, có sức hấp dẫn tâm hồn dễ xúc cảm, chỉ suýt chút nữa thì Lan Khai sơn nhân ngày cũ quỳ xuống lạy sách như lạy đá.

Mắc bệnh gì còn có thuốc, vướng vào cái bệnh si mê sách hay, sách đẹp thì không còn có thuốc gì ngoài tiền, mà bệnh nhân lại quá nghèo. Càng túng kiệt, không mua được sách quý, không gây được một thư viện tại gia, sách hay hàng ngày, hàng vạn cuốn, sách đóng bìa cứng, bọc gấm vóc, vàng son chói lọi, con người “dâm sách” Lan Khai càng rên xiết vì con trùng sách ngày đêm hành hạ, nguy hơn trùng lao, trùng hủi.

Lan Khai đã mê sách hay, sách đẹp, lại mê cả cách chơi bản thảo của chính mình mỗi khi phác họa một tác phẩm đã chín mùi trong não. Chỉ là bản nháp thôi nhưng ông rất coi trọng bản nháp, phải viết nó trên giấy trắng, dày dặn, bút mực phải tốt. Phải thuê thợ đóng bìa gáy mạ vàng, gáy sách phải có bốn gân. Phải có triện đóng vào bìa sau sách, triện đủ loại, triện lá lật, triện âm, triện dương...

Đó, bản thảo của nhà văn nghèo yêu cái đẹp, cái sang, cái hiếm. Viết kín tập bản thảo đều đóng bìa đẹp, đắt tiền như vậy, ông đọc lại, sửa chữa cắt xén, sửa đi sửa lại, chữa chán chữa hồi, sửa chữa đến nỗi mấy trăm trang viết chữ như rồng như phượng, bị bôi trát nhem nhuốc, đưa cho nhà xuất bản, họ phải khước từ, nói là không đọc nổi, thợ nhà in sắp chữ cũng xin thua. Thế là nhà văn có tính chơi ngông này lại vác tập bản thảo về, móc túi vợ, lần lượm con, cố gom góp số tiền nữa đến nhà đóng sách giỏi nhất Hà Nội là nhà Trung Ký ở vườn hoa phố Cửa Nam, ông còn nhân nhó khi vợ thở than cái bệnh chơi bản thảo đẹp của ông chồng túng kiệt. Tập bản thảo thứ hai lại đẹp hơn tập đã vứt đi. Ông ngồi chép lại, khó nhọc như trâu cày, ngựa kéo. Các bạn văn thấy vậy, thương ông. Họ cười nói đùa ông:

- Cái bất tử là văn hay. Bản thảo miễn là viết rõ cho thợ sắp chữ khỏi la trời là được. Cái vỏ áo mũ đẹp, không biến con quý thành ông thánh.

Câu nói đùa ấy không khiến Lan Khai giận. Bởi vì khi chơi cái bản thảo cầu kỳ, đắt tiền ấy Lan Khai đã qua ba tháng trời, rút mồ hôi, hơi thở, viết *Mực mài nước mắt*, một thiên ai sử tặng làng văn.

Đã muốn là phải được. Nén chịu ba năm khổ nhục, nhà văn mê sách đã cố sức gây được tủ sách gia đình. Khá nhiều pho sử cổ kim, khá nhiều tác phẩm Âu Tây cổ đại, trung đại, hiện đại đã có mặt và mặc áo đẹp, đứng hiên ngang trong tủ kính. Thậm chí, ông đã nhờ ông bạn quý, nhân chuyến công du Pháp quốc, đến bờ sông Sein tìm hàng sách cũ. Ông già bán sách đã trao cho ông bạn ấy ba pho sách của ba nhà văn lớn kỷ nguyên ánh sáng loại thực, không phải giả.

Có một số khá đông, hàng ngày rình xem giờ nào Lan Khai ở nhà báo về, đến gõ cửa, xin vào xem nhờ một cuốn nổi danh, chỉ tìm thấy trong thư viện Lan Khai. Có một số đến xin ghi chép, chụp ảnh những trang hay. Khi chúng rút lui, nhìn vào tủ thấy khuyết đi một chỗ.

Lan Khai nhăn nhó, hoảng hốt, lại ngửa tay xin vợ đủ số tiền đi chuộc sách về cho đủ bộ. Ngày ấy, ở Hà Nội, có một nhà chuyên mua sách cũ, tức là sách ăn cắp được. Nhà đó ở phố Hàng Trống, số 64. Bạn bè, kể cả mấy bạn chí thân, cũng mượn sách không trả lại. Đến nỗi, người mê sách phải viết lên tấm biển, treo ngoài tủ kính:

“Có thể cho mượn vợ. Không cho mượn sách” (!).

(*Báo Người Hà Nội*, số 46, 24/11/1996)

## Hồi ức về Lê Văn Trương

**T**hời tiền chiến, 1930-1945, kể về số lượng tác phẩm. Lê Văn Trương là một nhà văn lớn. Theo tôi nhớ, ông có tới 60 tiểu thuyết dài, không nói khá nhiều truyện nhỏ đăng trên các báo khắp ba miền trong nước. Ở miền Nam, nhất là tại Sài Gòn, tủ sách nhà nào cũng có Lê Văn Trương. Giai đoạn ấy, văn học lãng mạn thịnh hành. Về mặt chính trị, con người, nhất là giới trí thức, lâm vào đời sống tinh thần bế tắc, đứng ở ngã ba lịch sử kể từ sau cái *đêm Yên Bái đỏ*, mười ba cái đầu yêu nước, cùng một lúc, rụng dưới lưỡi dao thực dân Tây.

Bắt đầu từ 1932, xuất hiện Lê Văn Trương trong làng báo, làng văn. Họ Lê ra mắt độc giả một cách khiêm tốn với những bài ngắn đăng đều hàng ngày trên nhật báo *Trung Bắc Tân Văn* của ông Nguyễn Văn Luận (bố nhà cử nhân văn chương thứ nhất của Việt Nam - ông Nguyễn Khắc Kham ở Pháp về, thiên hạ hồi ấy quen miệng gọi là cậu Cử Kham). Trên báo *Trung Bắc Tân Văn* mỗi ngày một cột trang đầu, không hề thiếu vắng tên Cô Lý (cô lý luận) nội dung triết lý, hài hước, nói về các tầng lớp xã hội, đả kích rất chua cay. Quan lại phần lớn bị ông xia bút vẫn làm ngơ, Tây cũng mẫn thính, không có dấu hiệu gì phản ứng. Tờ nhật báo của ông Luận nhờ Cô Lý được nhiều người yêu mến, làm ngả nghiêng mấy bạn đồng nghiệp *Ngọ Báo* của Bùi Xuân Học, *Đông Pháp* của Ngô Văn Phú, *Tia Sáng* của Ngô Văn...

Được hơn một năm, Lê Văn Trương thôi viết báo, bắt đầu sáng tác văn học. Tôi không nhớ tác phẩm đầu tay là cuốn gì, chỉ biết rằng ngay từ bước đầu, chủ động Tân Dân Vũ Đình Long đã rung đùi xoa tay, hài lòng với

tiểu thuyết *Cô Ba Trà* của họ Lê. Thuở ấy, người ta đang say sưa với mở tiểu thuyết tình lâm li của Pháp như *Trà hoa nữ*, *Mai Nương lệ cốt*, *Graziella*... Độc giả nữ mê say và ảnh hưởng đến mức đã xảy ra mấy vụ “trầm hương đắm ngọc” ở Hoàn Kiếm, Tây Hồ. Về vụ đó, đáng kể nhất là vụ “Tuyết Hồng lệ sử”. Cô gái đẹp Hà thành này là Hội viên hội “Phi Cao đẳng bất thành phu phụ”. Hội viên nào phạm nội quy: Không lấy chồng sinh viên Cao đẳng sẽ bị tử hình. Cô Tuyết Hồng, vì khuôn phép giáo dục gia đình đã bị bức bách lấy một thanh niên tên là Đạm ở phố Hàng Mã. Ngay hôm đón dâu, cô nhận được bản án tử hình. Cô vẫn bình tĩnh lên xe hoa, rồi sớm ngày nhị hỉ, một nữ đao phủ đứng đón Tuyết Hồng tại đầu phố Hàng Mã, áp đảo cô lên Tây Hồ, đọc bản án, rồi lập tức đưa mình xuống nước.

Nhân vật cô Ba Trà của Lê Văn Trương cũng như các nhân vật nam nữ khác ở mọi tiểu thuyết của ông không hề có hành động, tư tưởng yếu hèn, sống khổ, chết khổ vì tình. Ông quyết liệt chống đối lối yêu đương, lễ thói hôn nhân ngu muội của cái bọn nữ ma đầu tư sản “Phi Cao đẳng bất thành phu phụ” đó. Từ *Cô Ba Trà*, tiếp đến *Cô Tư Thung*, ông được độc giả hoan nghênh. Đây là hai cô gái đẹp, nổi danh tài sắc của Sài Gòn, yêu tình táo, yêu cuồng bạo với thủ đoạn dẫm lên đầu kẻ đàn ông, không hề biết khóc, không hề quỳ gối trước mấy ông nghị gật, mấy anh nhà giàu đốt giấy bạc kiểu công tử triệu phú Cần Thơ. Hai cuốn tiểu thuyết này đã khiến những chàng, những nàng vốn tôn thờ *Mai Nương lệ cốt*, *Trà hoa nữ*... quay đầu về phía Lê Văn Trương, ôm ấp tác phẩm của ông, và đón đợi những tác phẩm sau. Cuốn truyện ra tiếp đó là *Người anh cả*, in thành hai tập loại *Phổ thông bán nguyệt san* của Tân Dân. Đây cũng là một tác phẩm đáng ghi nhớ. Nhân vật chính chỉ là một chàng trai nhà nghèo, sau lưng anh, một đàn em nheo nhóc đói ăn, thiếu học. Người anh cả đã lao vào cuộc sống kiếm tiền nuôi lũ em, dạy dỗ, dẫn dắt chúng, trở nên những con người hữu dụng. Câu chuyện cũng rắc rối, phức tạp, li kỳ như *Anh em nhà Karamazov* của Dostoievski. Tác phẩm Lê Văn Trương chủ yếu dựng lên những nhân vật, nam cũng như nữ, phải có một cơ thể mạnh để chứa đựng một tinh thần

mạnh. Bởi thế, thời đó, người ta mệnh danh ông là nhà văn triết lí người hùng với luận điệu nửa đùa, nửa mỉa. Thời kỳ ấy, một số đông trí thức hâm mộ hai nhà văn chủ trương con người phải mạnh. Đó là Nietzsche và Kant. Lê Văn Trương tán thành ảnh hưởng chủ thuyết này. Lê Văn Trương luôn nghĩ con người phải nuôi dưỡng tinh thần mạnh, ý chí nam nhi. Ông thường nhắc nhở “Soyons hommes!” (Hãy là Người!) Và với luận cứ ấy, ông bám chặt vào con người hùng trong tất cả sáng tác của ông. Giữa giai đoạn này, xuất hiện một số trí thức tôn sùng André Gide qua tiểu thuyết *La porte étroite* (Cửa hẹp). *Ô famille, je te hais* (Gia đình, ta căm thù mi). Nhà thơ Lưu Trọng Lư đã là tín đồ của Gide. Bài thơ tứ tuyệt của ông đăng trên *Tiểu thuyết thứ Bảy*, tôi đã bảo thợ đóng khung trang trọng:

*Vô liêu như chiếc đồng hồ*

*Đôi kim đã chết trên giờ thê nhi.*

*Sông hồ thưa vắng biệt li*

*Người lành của rẻ có đi cũng sâu.*

Tâm trạng những người trí thức, nhất là những văn nghệ sĩ, như tôi đã nói, đứng ở ngã ba lịch sử, ngày tháng rối ren, không biết làm gì, không biết đi đâu, ngoài những chuyến đi giang hồ vất.

Lê Văn Trương, ngược lại, không tán thành A. Gide, không căm ghét gia đình, coi gia đình là cái lồng hẹp, nhốt đại bàng. Ông càng viết khỏe, càng bảo vệ chủ thuyết yêu cuộc sống, vượt qua mọi thăng trầm. Hồi đó, một số người nhắc đến Lê Văn Trương với giọng mỉa mai, xem ông là người hùng kiểu Đông Ki Sốt đánh cối xay. Và cho đến nay cả bây giờ, thanh niên chưa hề đọc Lê Văn Trương, cũng tưởng Lê Văn Trương là người hùng loại cao bồi phong kiến.

Số lượng tác phẩm khổng lồ của Lê Văn Trương, trước khi in, tôi đều đọc bản thảo, thật tình, chưa hề bắt gặp một truyện nào thiếu đạo đức, vắng

cái hào khí của con người đất Việt.

Tôi tưởng cũng cần phác họa dáng dấp nhà văn Lê Văn Trương. Ông cơ thể to cao, da ngăm đen, trán hơi gồ, cặp mắt tinh khôn, có một hột cơm dưới đuôi mắt phải, tiếng cười sáng khoái, đi đứng ung dung, chững chạc. Bạn bè quý mến tính hào phóng, lễ độ, ngang tàng, chân thật, gắn bó với bạn văn nghèo. Gần họ Lê, không có gì đáng phải đề phòng. Duy có điều đáng ngại là mỗi lần gặp nhau, cái bắt tay thân ái của ông khiến người được ông chào phải cố gắng giấu nét mặt đau đớn trong bàn tay sắt của ông. Thật vậy, bàn tay Lê Văn Trương không phải sinh ra để cầm bút, mà để bóp chết những kẻ nào mà ông căm ghét. Mỗi lần Lê Văn Trương đến động Tân Dân hoặc nhà xuất bản nào đó, về đến nhà thì anh em văn hữu, được ông hẹn, đã ngồi chật căn nhà lá hẹp ông thuê tại Ngã Tư Sở, gọi đùa là “Chiêu Anh Quán”, cũng được mang cái tên nữa là Lương Sơn Bạc, bạn bè đùa ông là Tống Công Minh.

Bà vợ cả Lê Văn Trương quanh năm ở ngôi nhà dưới ngõ Chùa Vua với hai con trai, một con gái. Bà cả người miền Nam, dáng điệu cốt cách ung dung như một phu nhân mệnh phụ. Cạnh bà vợ quá nghiêm túc, ông tìm hết cách sống riêng, xa vợ, xa con. Và, quả vậy, ông đã sống riêng với một nàng kỹ nữ (chị Đào) nháy ở tiệm Fantasio, phố Hàng Bông. Bà cả không hề phản đối, không hề liếc mắt ngó coi ông chồng nghệ sĩ sống cách nào.

Những ngày trong túi có món tiền bán sách, ông hô bạn đến nhà, cơm rượu suốt đêm ngày, cầm bằng như đốt bạc. Ông có hai đồ đệ tận tụy trung thành là hai gã trẻ tuổi Đặng Đình Hồng, Tân Hiến. Hồng thấp bé, những ngày đói rách, đã từng làm cái nghề đi tuyên truyền đạo Tin Lành ở khắp nơi. Hiến thì cao lớn bên cạnh vẻ thấp lùn của Đặng Đình Hồng. Tân Hiến tháo vát, khỏe mạnh, tính nết hiền hòa. Tôi nhớ mỗi lần tôi vào “Lương Sơn Bạc”, thăm Lê Văn Trương, thấy bóng tôi từ đầu ngõ, ông đã vui vẻ hô to: “Kìa, đại ca đã đến, chú Hồng, chú Hiến đâu mau đi làm việc”. Làm gì, tôi kinh ngạc tự hỏi? Thì ra, ngay lúc đó, Tân Hiến đã với tay lên vách, lấy

cây lao sắt nhọn. Còn Đặng Đình Hồng thì cặp cây nỏ và một túi tên tre. Tuần trà vừa trọn, ngoảnh ra sân, thấy hai cao đồ của họ Lê đã xách về một chú gà, một chú vịt, và không thiếu một xâu cá béo bắt trộm ở ao trong xóm. Những nhà văn, nhà thơ gần gũi Lê Văn Trương hồi ấy là Nguyễn Bính, Lan Khai, Trần Huyền Trân, Thâm Tâm... lẫn cả anh chàng Viễn, một tay đồ tể khét tiếng ở lò sát sinh Lò Đúc. Làm nghề chọc tiết lợn, nhưng Viễn rất yêu mến, hiểu biết về văn học, hào hiệp như một hảo hán thời Đông Chu liệt quốc. Bài thơ *Tống biệt hành* bất tử của Thâm Tâm chính là ông gửi tâm sự vào đó trong bữa rượu tại nhà Lê Văn Trương, chia tay Viễn, đi xa... Thâm Tâm ứng khẩu đọc bài thơ ấy trên chum rượu bến Hồ. Nhắc đến Thâm Tâm tôi không thể nào không thương nhớ con người gãy choắt, cao thước rưỡi, hầu như không nói, không cười. Có cảm giác, con người Thâm Tâm, sâu như cái giếng. Rượu uống chẳng kém gì thi sĩ đời Đường. Thơ ứng khẩu nhanh chẳng kém Tào Thực nhà Hán. Con người nhỏ bé này chưa hề biết sợ ai. Chúng tôi thường ví Thâm Tâm là Yêu Ly, là Lạn Tương Như đất Triệu. Cũng ví Lê Văn Trương là đại tướng Liêm Pha, cũng người nước Triệu. Một Lạn Tương Như nhỏ bé, một Liêm Pha thét lửa, cả hai đều khiến bạo Tần phải nể.

Lê Văn Trương chịu đọc sách, nghiên cứu sâu văn học Pháp, từ thế kỷ Ánh sáng. Nhưng ông không khoe sách trong câu chuyện văn học với bạn bè.

Về sức mạnh, họ Lê luôn khiêm tốn. Hồi ấy, ở Hà Nội, phố Hàng Trống có một lực sĩ tên là Nguyễn Lộc, mở lò dạy võ, chụp hình trên sách báo, bắp thịt trông ghê như nhà quyền anh vô địch thế giới Tyson ngày nay. Nguyễn Lộc văng đờ đệ, có cơ đôi rách. Có người xui Nguyễn Lộc thách đấu với Lê Văn Trương, mà thiên hạ thì thầm nhà văn này là cao thủ gồng trà kha, võ thuật Cao Miên. Chuyện ấy đến tai Lê Văn Trương. Trương chỉ mỉm cười. Sau lại nghe võ sĩ Nguyễn Lộc được báo đưa tin ông vừa biểu diễn võ nghệ cho công chúng nhìn tận mắt: trước một tấm màn che cửa, ông Lộc phất tay một cái là lá màn tự động cuốn lên chừng bốn mươi

phân. Sau đó, ông Lộc đứng bên một miệng giếng, nước cao gần bằng thành giếng, ông phát tay, làm cho mực nước dâng lên, sóng lăn tăn bắn ra ngoài giếng. Rồi thì báo chí đăng rầm rĩ ca ngợi Nguyễn Lộc quá trời. Báo *Đông Pháp* lại mạnh hơn, tung ra cái tin vũ sĩ Nguyễn Lộc thách đấu với nhà văn gồng trà kha Lê Văn Trương.

Đã có một lúc, Lê Văn Trương mất cái bình tĩnh thường ngày. Ông định nhận lời thách thức đó. Chúng tôi vội xúm lại hết lời can ngăn, nhắc ông: dù thắng bại cũng làm trò cười thiên hạ. Nguyễn Lộc, bán sức kiếm ăn như một anh mãi võ, thua không ai cười. Nhà văn Lê Văn Trương mà bị Lộc đánh ngã trước quần chúng thì đó là cái nhục chẳng riêng cho ông, mà nhục chung cho cả làng cầm bút. Cuối cùng ông nghe chúng tôi, rồi câu chuyện lỗ bịch ấy cũng qua đi.

Năm tháng không đứng lại. Chúng tôi tan tác dần, mỗi người một ngả, vác bút đi kiếm ăn ở khắp ba kỳ. Chao ôi, cái nghề viết mướn may thuê!

Lê Văn Trương vẫn ở ngôi nhà lá cũ với hai đồ đệ, với kỹ nữ Đào, người đàn bà xinh đẹp, hiền hậu, cơm nước, hầu hạ ông chồng, càng thêm tuổi càng sinh biến tấu, nóng nguội thất thường.

Ông vẫn viết, quanh năm ít có một ngày nghỉ bút. Chỗ làm việc của Lê Văn Trương là một góc gian phòng tối. Những hôm thời tiết đông âm u tối, ông bảo đốt nến trắng, soi bản thảo. Một bàn giấy gỗ mọt, một ghế gòn như còn có ba chân. Ông ngồi đó, mặt đăm chiêu, suy nghĩ. Trên bàn giấy, ngay trước mặt đặt một cái sọ người luộc kỹ, sọ bóng lên bởi nhiều bàn tay đã mó vào. Ông ngồi đó, môi mím chặt, mắt trũng sâu, dưới tay một chồng giấy bản thảo. Chúng tôi lặng lẽ ngắm nhìn cái đầu ông lẩn với cái đầu lâu sọ người nào đó lung linh trong ánh nến. Theo thói quen, có khi mạch văn bí tắc, ông cầm bút gõ mạnh lên cái đầu lâu mấy tiếng liền. Rồi im lặng. Sau đó ít phút, ông cầm bút viết lia viết lịa, không ngừng nghỉ, có lẽ không cả thở.



Biết ông say viết, chúng tôi bấm nhau lạng lẽ ra về. Cũng đã nhiều lần, ông bảo đồ đệ Đặng Đình Hồng, Tân Hiến, mỗi người ngồi một đầu bàn, cầm bút viết theo ông đọc. Đầu ông ngả lên lưng ghế, mắt nhắm lại, như người ngủ nói mê. Không, ông rất tỉnh. Ngồi mãi mỏi, ông vò vò đứng dậy, đi đi lại lại quanh bàn giấy, vẫn tiếp tục đọc cho hai đồ đệ viết. Những tác phẩm sáng tạo theo kiểu đó, khá nhiều. Có tác phẩm thành công, cũng không ít cuốn thất bại. Cũng nhiều khi ông thảo nội dung với đầy đủ chi tiết, ném cho hai đồ đệ viết. Bởi thế, qua mấy năm liền, mấy nhà xuất bản cương quyết khước từ bản thảo tiểu thuyết Lê Văn Trương, vì kém quá, hơn nữa, chữ bản thảo không phải là nét chữ quen thuộc của ông. Họ Lê đi vào túng quẫn. Ông đành vác bản thảo kiểu hàng rơm đó đến “động” Tân Dân. Tất nhiên, ông chủ Vũ Đình Long đưa tôi đọc, cho ý kiến. Thật tình, (nói trộm linh hồn ông Vũ Đình Long) tôi đã biết là hàng rơm, nhưng thương bạn, tôi không đọc, phê ngay bằng mực đỏ ngoài bìa: “Tốt. In được”. Thế là, ngay hôm sau, Lê Văn Trương, lúc nào cũng y phục chỉnh tề, ngửa cao đầu bước qua động Tân Dân, tay múa can như Saclô, tiếp nhận chiếc phong bì lớn đầy giấy bạc do tay “Tiên ông” đưa.

Sau đó, Trần Huyền Trân, Thâm Tâm, Nguyễn Bính, Vũ Trọng Can được tin mừng, đã đến đủ mặt trong “Lương Sơn Bạc”. Với Lê Văn Trương, viết là cho văn học, cho độc giả thân kính, tiền viết kiếm được, chỉ có giá trị trong việc tiếp đãi, giao du, thỏa mãn bạn văn nghèo. Cho nên, hôm nay tiệc lớn, không tiếc một ai. Ngày mai, lại xác xơ, nghèo túng. Nhưng họ Lê không vì thế mà than thở, chau mày. Những năm tháng ấy, chúng tôi thực tình yêu thương nhau, đùm bọc nhau, cái nhục cái vinh cùng chia sẻ.

Cho đến một buổi chiều cuối đông, gần Tết. Anh em cùng kiết xác, họp nhau uống rượu suông ở nhà Thâm Tâm. Trần Huyền Trân nâng cốc, nhìn Thâm Tâm, Nguyễn Bính, nước mắt lã xuống má. Trân cúi đầu, lau nước mắt, ứng khẩu mấy câu thơ này, mỗi lần nhớ đến, tôi thấy nã lòng:

*Thôi thế anh về yên xóm cỏ*

*Xứ nghèo đã cõi gốc yêu thương.*

*Nhớ nhau vẫy bút làm mưa gió*

*Cho đồng xương đời được nở hương.*

Nghe xong, con người sắt thép như Lê Văn Trương mà cũng cúi đầu giấu tiếng thở dài.

1950, nhà văn Lê Văn Trương vào Nam, chúng tôi không hề biết trước. Tôi tình cờ giở tờ tuần báo *Mới* của Phạm Văn Tươi, chủ nhà in, nhà xuất bản Tín Đức thư xã phố cũ Sabourin, thấy truyện dài in hàng tuần, nhan đề *Cô gái họ Phạm*. Ít ngày sau, tin Sài Gòn đưa ra: Làng báo trong đó, không biết vì lí do nào, đang phát động phong trào tẩy chay Lê Văn Trương? Tuần báo *Mới* không in tiếp *Cô gái họ Phạm* nữa. Lần nữa mãi, Lê Văn Trương, cũng như Vũ Bằng, Tam Lang, Thượng Sỹ, đều thất nghiệp.

Sống chơ vợ, cùng quẫn, họ Lê ốm, già, kiệt sức. Không ai thân thích, ông vẫn hàng ngày đi xoay xỏa. Đói thì chịu vậy, nhưng ông không nỡ để đói lũ mèo ba mươi con, đủ các loại, các giống, sống quanh ông, bầu bạn chung thủy với ông.

Cho đến một ngày, ông bạn Thanh Châu nhận được thư Thượng Sỹ (nhà văn, nhà phê bình cũ trong nhóm Vũ Bằng) gửi ra, kèm theo một mẫu báo cắt nham nhờ, đưa tin nhà văn Lê Văn Trương đã qua đời trên căn gác ổ chuột. Trương ơi, anh chết đói hay chết bệnh? Bệnh gì? Vẫn chỉ là căn bệnh chung của lũ chúng mình, cái bệnh của những con người không chịu sống bình thường. Bài báo không quên tả, quanh thi thể ông, một đàn ba mươi con mèo đói, không kêu gào gì hết. Chúng lặng lẽ bám quanh xác chết, rúc đầu vào nhau. Chúng, chỉ có chúng, những con mèo chung thủy, tiễn ông đi.

Lê Văn Trương ơi.

Hôm nay, ngày xuân Hà Nội. Mây trời u ám. Gió xuân se lạnh. Tôi, đã tám mươi, râu tóc bạc phơ rồi. Tôi khép chặt cửa phòng, run tay cầm bút, viết về Anh, nhớ thương Anh. Viết theo thể hồi ức, nhớ gì viết nấy, không bố cục, không văn hoa.

Con chim già, đang rơi rụng cánh, tiếng hót thường lạnh lót. Bạn đọc cố kim thân quý của tôi, đọc tôi, hãy tin tôi. Sức quá yếu rồi, mạch văn cũng yếu. Bạn đọc thể tình cho cây bút về già.

(Tạp chí *Văn học*, số 3-1991)

# Tam Lang Vũ Đình Chí

## với nổi vinh nhục của nghề làm báo

### Cái vinh

Thời xưa, cứ đầu xuân, nho gia có thói quen khai bút, dầm đầu bút lông vào nghiên đá, phất tay áo rộng, chữ nghĩa như rồng như phượng nhảy múa trên mặt giấy hoa tiên. Một đôi câu đối. Một bài thơ tâm sự với chúa xuân. Một bài từ, bài phú chuyện trò với côi phù sinh.

Thời nay, vẫn còn mấy cụ già, mấy ông văn báo, cũng múa bút bi, sớm ngày mừng một Tết, gọi là “khai bút cái chơi”.

Phần tôi, vốn biếng lười không ưa quá nệ cổ, chẳng xuân nào khai bút. Vậy mà, đầu xuân năm nay, cái xuân con khỉ này, tôi cảm thấy nổi xốn xang, man mác, nhớ thương một cái gì trong quá khứ. Đêm giao thừa qua hai tiếng đồng hồ, ngời bịt kín tai mong trời đất im tiếng pháo, tôi chui vào màn, tìm giấc ngủ. Nhưng sao mà ngủ được! Chao ôi, những ngày xuân, những đêm xuân thời trai tráng vẫn cứ đến hoài với cái thân già, giờ đây, ngấn ngơ trong một gian phòng nhỏ, một đèn một bóng, mình nói với mình, nhớ rất nhiều đến những người thân kẻ sơ đã khuất.

Nửa đêm thức giấc, bật ngọn đèn nhỏ đầu giường, nhìn chồng báo chí xếp đầy mặt bàn con, tôi nghĩ ngay tới ông Tam Lang Vũ Đình Chí, sư phụ tôi, dẫn dắt tôi viết từng dòng, kể từ năm 1929.

Ông Tam Lang nếu sống được đến nay thì gần tròn trăm tuổi. Ông là một nhà văn viết báo, không là một nhà báo viết văn.

Nói không ngoa, ông Vũ Đình Chí sinh ra để đa mang nghề báo. Ông đến báo nào, người ta cũng sẵn lòng đặt ghế, mời ông làm chủ bút, mà lại là thứ chủ bút khác thường, rành nghề quá, sắc sảo quá, đến mức bạn đồng nghiệp phải ghét ghen.

Thuở ấy không có trường huấn luyện làm báo, làm văn. Viết được, sống được, đứng ngời vững được là do một năng khiếu bẩm sinh nào đó, không một ai dám tự đắc nhấn đến chữ thiên tài.

Đêm giao thừa năm nay, tôi trần trở nhớ đến ông Tam Lang Vũ Đình Chí, là vì tờ lịch trên tường nhắc tôi nhớ rõ ông Tam Lang sinh đúng năm Canh Thân.

Những ngày xưa ấy, các bạn đồng thời, đồng nghiệp với ông Tam Lang, trong cuộc vui đùa, trà dư tửu hậu, thường bạo miệng bảo thằng Chí Béo (ông cao lớn, to béo) chính là con khi Tề Thiên Đại Thánh. Con khi Tôn Ngộ Không có cây gậy sắt như ý bồng, đánh loạn cả thiên đình thủy phủ, trừ diệt yêu ma. Con khi Chí Béo có một cây bút sắt cũng là một thứ như ý bồng, nó đánh “tút mo” (tout le monde) chẳng sợ ai, kể từ phủ toàn quyền, triều đình Huế, đến loại tham quan nội giám hạng bét là tỉnh trưởng, quận trưởng, lãnh chúa đồn điền Việt, Pháp.

Cá tính đặc biệt của ông Chí lăm lì, rất ít nói cười, tránh hết sức các cuộc tranh luận với bất cứ ai. Nhưng cái tật nóng tính, khi cặp mắt lạnh hiên trên khuôn mặt chữ điền, đỏ sọc lên thì coi chừng đấy, bạn hữu bấm nhau né tránh ông ngay. Các cụ bảo “người lành hay cục”, quả tình như vậy.

Tờ *Ngọ Báo* sở dĩ được suy tôn là anh cả làng báo, nhờ vào thủ pháp Tam Lang. Hàng ngày, ở góc bên phải dưới trang nhất *Ngọ Báo*, hút mắt độc giả là cái khung kép “Mỗi ngày một chuyện”. Là báo thông tin, nhưng bất cứ tin long trời lở đất nào cũng không được người đọc lưu ý hơn cái “mục máy chém” này. Quả nó là cái giá treo cổ, cái hố mìn bom, lưỡi đao “chém treo ngành”. Mỗi ngày, ở góc báo ấy, treo lủng lẳng một cái đầu,

tưởng như đang rỏ máu hoen nhòa mực in trên trang báo. Người đọc, đọc xong, rợn lo cho tác giả, tên đao phủ nhà nghề, sắp sửa được bốc lên ô tô đen bịt kín, biến đi vào lúc nửa đêm, khi cả thành phố đã ngủ say. Vậy mà, cái con khỉ Chí Béo này vẫn ngày ngày, sáng sớm, từ số 15 ngõ Hàng Hành, lững thững đến nhà báo phía sau đền bà Kiệu, sau đổi đến 15 ter phố Gia Long (nay là Bà Triệu), con khỉ Tề Thiên vẫn bình thản đi cạnh ông bạn là nhà văn chuyên viết bình luận Thái Phi Nguyễn Đức Phong. *Ngọ Báo*, tôi nhắc lại, là cơ quan ngôn luận thông tin, đúng như tôn chỉ. Nhưng tôi đã nói Tam Lang Vũ Đình Chí vốn là một nhà văn, ông bắt *Ngọ Báo* làm hai việc: thông tin và văn học, mang một sứ mệnh riêng, bộ mặt riêng, không muốn, không thể giống bộ mặt tất cả báo hàng ngày khác.

Các báo hàng ngày thuở đó không đăng thơ văn, ngoài tin tức, kể cả tin chó chết. *Ngọ Báo* thì khác hẳn. Không cần nói kỹ thuật trình bày khác lạ, chọn từng cỡ chữ đẹp cho đầu bài, đến cách theo đúng nội dung bài dùng chữ đứng hay chữ ngã, bài đóng khung kép hay khung đơn, góc khung phải khép kín, hờ một ít là ông bắt thợ phải sửa chữa liền. Căn bản là không được để bài có lỗi hệt dòng, mất câu, lỗi chính tả, làm sao không bao giờ báo phải xin lỗi độc giả về sai lầm thiếu sót. Khi cầm bút ký “bon à tirer” cho máy chạy, thấy ông cứ nhìn chăm chăm vào mắt người công nhân đứng máy, như có ý đe dọa, nhắc nhở: “Ông phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về chữ ký của tôi”.

*Ngọ Báo* được người yêu thích, là vì nó đăng cả thơ ca, truyện ngắn ngay trên trang nhất. Cho mãi đến bây giờ, gần mãn kiếp rồi, tôi vẫn nhớ những truyện ngắn thật hay do họa sĩ Côn Sinh minh họa. Đây là một chuỗi ngọc trên trang nhất *Ngọ Báo*. Tôi tin rằng Hà Nội ngày nay còn một số độc giả cao niên vẫn chưa quên: *Chống nạng lên đường* của Vũ Trọng Phụng, *Thần giữ cửa* của Tchya, *Lầu Thụy Hoa* viết theo phong cách liêu trai của J. Leiba Thanh Tùng Tử, *Tiếng sáo* của Thanh Châu, *Cái chết của người kỹ nữ* của Thanh Tử. Phần tôi, tên lính mới tập cầm bút cũng được sự phụ Tam Lang sớm đặt thanh kiếm lên vai, đăng lên trang nhất bài *Dưới con mắt tôi*,

*cái xã hội người*. Nỗi mừng không bù được cái lo. Hồi ấy tôi mới cưới vợ, đúng 22 tuổi, ở thuê căn nhà phố Hàng Chiếu trông thẳng sang Nhà Vạn Bảo tức hiệu cầm đồ của Hoa kiều. Bài báo ra được ba hôm. Qua ngày thứ tư, vợ tôi khê rĩ tai: “Coi kìa, sáng nào cũng đúng 7 giờ là cái lão kia đã đỗ xe đạp đứng hút thuốc lá, nhìn chòng chọc vào nhà ta. Cậu lên xe đạp, hẳn cũng đạp theo liền. Có thể là mật thám”. Tôi để ý, theo dõi thẳng cha ấy. Khoảng ngót chục ngày, sự kiện ấy diễn đều. Lo quá hóa liều. Mỗi sáng dắt chiếc xe đạp cũ ra vỉa hè, thấy nó, tôi nổi cáu, làu nhàu trong miệng: “Et alors j'ai des flics dans mes couilles”<sup>2</sup>. Nhưng rồi, cái họa cũng lặng lẽ qua. Tôi lại tiếp tục viết, viết mãi, viết hoài cho tờ *Ngọ Báo*. Viết cả thơ, đăng mục *Sợi tơ lòng*. Về thơ, tôi tự thấy bất tài, xin bỏ, vì hồi đó, thơ J. Leiba, Thanh Tùng Tử, Sybar, Sybarite (đều là bút danh nhà thơ thiên tài chết non Lê Bái, người Nam Đàn, Ý Yên, Nam Định, đồng hương cụ Nhưộng Tổng danh nho, dịch *Tây sương ký*) hay quá được cả thiên hạ đọc báo ngợi ca. Anh nổi tiếng trước cả Thế Lữ và các thi sĩ Tự lực văn đoàn. Mới tròn ba mươi tuổi, Lê Bái đã lìa đời vì lao phổi, chưa in được tập thơ nào, vì bài anh đăng tản mát khắp các tờ báo, không có cách sưu tầm. Anh sống như đùa, làm thơ viết truyện cũng như đùa, cho đến lúc chết, cũng lại như đùa. Ba mươi tuổi mà tài học phi thường, Hán văn, Pháp văn, Latinh, Hy Lạp, hiểu biết đến tầm sâu. Đôi khi buồn quá, viết chơi vài bài đăng báo Pháp, trong bài pha cả Latinh, Hy Lạp; Chủ bút René Candelon báo *L'æurre*, chủ bút *Patrie Annamite* Lê Thăng (cử nhân văn đã du học ở Pháp) đọc bài Lê Bái (anh thường kí Jacqueline Lê Thủy) đều không hiểu nổi. Hai tay cử nhân chủ bút Pháp, Việt ấy mò đến phố Hàng Chiếu nhà tôi, tìm gặp Lê Bái, nhờ giải cho những từ Latinh, Hy Lạp. Một văn tài hãn hữu trong thiên hạ! Ngày anh chết, chúng tôi buồn thương anh, thương như làng văn mặc thương Đỗ Phủ và - ngây thơ hơn mà cũng thực tình hơn - như người đọc *Tam quốc chí*, buồn thương cái chết nửa chừng đại nghiệp của Khổng Minh nhà Hán.

Tôi vội đến văn phòng *Ngọ Báo*, đưa cái tin Thanh Tùng Tử chết. Ông Tam Lang đang ngồi cặm cụi soạn bài, nghe tin ấy, ném bút xuống bàn,

ngồi lặng đi, mấy giọt nước mắt lăn xuống má.

## **Nỗi nhục**

Giờ đây, tôi nói đến nhà văn, nhà báo Tam Lang Vũ Đình Chí “đi thực tế”. Hồi ấy, chúng tôi chưa biết danh từ này. Cứ nói chung chung là đi làm phóng sự.

Chúng ta đã rõ là ông to béo, nặng nề, không bước được nhanh. Thế mà, một sớm mờ sương, nhà văn Chí Béo cuốc bộ từ ngõ Hàng Hành xuống phố Sinh Từ (trông sang Văn Miếu) đến xưởng xe kéo của Cai Mơ. Ông xuất trình giấy căn cước, thuê xe. Tên lưu manh cai xưởng là Tuế Lợn, phát cho ông bộ quần áo culi đóng dấu số, thu bộ quần áo tồi tàn của ông ném vào xó xưởng. Thân hình ông to béo quá, mà áo culi thì chật hẹp ngăn cũn, quần cũng vậy. Áo không cài được khuy, hở cả ngực cả rốn. Quần ống quá hẹp, bó vào đùi, khó chạy.

Ông dắt chiếc xe kéo ra ngoài phố, sụp nón rách che nửa mặt. Dắt xe qua mấy phố, lên đến đường đôi, gần cột cờ, có tiếng gọi: “Ê, culi!”. Một tên lính Tây da đen cao lớn sừng sững chặn xe ông. Hạ còng xe cho người khách đầu tiên mở hàng lấy may, ông kéo (lần đầu tiên trong đời một nhà văn nhà báo nổi danh!). Ờ, ông Tam Lang culi của tôi bắt đầu kéo, kéo, bước chậm, bước nhanh, chạy. Ôi chao, sao mà nặng thế. Thằng Tây ngồi chễm chệ trên lưng ông, cao hứng rung đùi. Xe kéo ngày xưa có nhíp khiến xe nhún nhảy. Tên Tây càng rung đùi, cặp nhíp càng thêm đà nhún lên nhún xuống, khối nặng của xe do vậy càng tăng. Xe đến Hồ Tây, ông bắt đầu thờ dốc, mồ hôi nhỏ giọt. Hai cánh tay cầm càng xe tê dại. Đôi bắp đùi nhức buốt. Bụng vốn béo phệ quặn đau. Lồng ngực tức nghẹn. Mắt bắt đầu hoa, đầu nhức choáng. Lại thêm buốt thận, đau lưng, buồn đi tiểu cộng với nỗi buồn nôn mửa, ông ngừng chạy, cố dài bước, tưởng chừng khách sẽ vừa lòng, đưa mắt ngắm cảnh đẹp Hồ Tây. Nhưng nhà văn culi gặp phải ông khách không là thi sĩ. Nó duỗi dài chân, thúc cả mũi giày sắt đá vào lưng ông. Nó quát: “Culi! Plus vite, plus vite” (nhanh hơn, nhanh hơn!). Nhà văn



Tam Lang, nhà báo phóng sự của tôi, sự phụ của tôi! Cản cứng hàm răng chịu cái đập thứ hai, gắng chạy. Xe bắt đầu lên dốc Cổ Ngư - làm sao lên được? Không bỏ cuộc, cố thử sức mình, ông dồn hết lực lôi chiếc xe lên, cho đến lúc không còn sức, thân thể rã rời, mấy lần xe dọa lộn nhào. Ông vẫn cản răng, cố, cố, cố lôi xe, hai đầu gối sắp khụy. Vừa lúc ấy, may sao, hai em nhỏ vai vác cần câu, tay đu đưa xâu cá, chạy ùa lên, vừa reo hò, vừa bám sau xe đẩy cái khối nặng sắt thép, xương thịt ấy lên đầu dốc. Xe dừng lại ông lau mồ hôi mướt làm xót cặp mắt mờ, nhìn hai em bé, muốn cảm ơn tấm lòng trẻ nhỏ, nhưng chúng đã chạy biến rồi, bởi vì ngay lúc đó, hai thầy đội xếp bắt đầu phóng xe đạp đuổi bắt chúng, đoạt cướp xâu cá, phạt tội xâm phạm cá của quốc gia.

Cũng may là thằng Tây không đi nữa. Nó thấy ông không còn sức kéo. Nó lầu nhầu: “Sale culi Annamite”. Nó quăng cho ông một hào chỉ trắng. Ông nhìn nó, lại nghiêng răng, cúi nhặt đồng hào dưới đất. Đứng thờ một lúc, nhà báo phóng sự Tam Lang dắt xe quay lại, đỗ trước cổng chùa Trấn Quốc, nhất định ngồi nghỉ đã. Ông rút cuốn sổ tay bé xíu, ghi vội mấy dòng gì đó. Một bà già bước đến với ấm nước, chiếc bát, điều cày. Ông uống bát nước, tỉnh dần ra. Nhà văn Tam Lang tạm trút bỏ cái xác culi, đưa mắt ngắm nhìn cảnh đẹp Tây Hồ, viên ngọc của Thăng Long - cố đô bao triều đại, tâm hồn nhà văn bỗng nhớ đến bên hồ nước lịch sử này, Nguyễn Trãi đã gặp cô gái Thị Lộ bán chiếu gon ở chỗ nào đây... Trịnh Sâm, Đặng Thị Huệ đã ngự thuyền rồng hái sen, ngâm thơ, nghe đàn sáo ở chỗ nào đây... Vợ chồng bà huyện Thanh Quan, sau vụ chê văn hoàng đế bị đuổi ra khỏi cung đình, mất chức đại học sĩ, làm sao tấm thân liễu yếu đào tơ ấy trảy bộ ra Bắc Hà qua rừng xuyên núi, hùm beo răn rết, qua đỉnh Đèo Ngang cảm khái nước non thân thể mà ứng khẩu bài thơ châu ngọc “Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà...”. Thôi thì bị thất sủng về vườn cũng là cái phúc cho bà, cũng là cái may cho văn học Việt Nam, nhờ đó mới có bài thơ giá trị thiên cổ ấy.

“Này, anh xe, kéo lên chợ Đồng Xuân nào”.

Cái tiếng lanh lảnh, đánh đá ấy giựt phắt nhà văn nhà báo tài hoa ra khỏi giấc mơ lịch sử nặng kiếp, phù du, ảo cảnh. Anh culi xe to béo lại còng lưng, thót bụng, lôi cái xe cốt kít, chứa một mụ to lớn chẳng kém gì tên lính Tây đen.

Chạy thêm vài chuyến nữa, Tam Lang đưa xe về xưởng, thay quần áo, trả xe, trả tiền thuê, tiền thuế, về nhà, tắm rửa. Bà Tam Lang là con gái cưng một ông quan huyện về hưu. Bà bệ vệ, chuyên cầm cái họ, lúc nào cũng ung dung đài các như một vị phu nhân. Thấy ông chồng thân tàn ma dại như vậy, bà la trời kêu đất. Ông vẫn lăm lì ngậm miệng, ăn qua tí chút, mặc bộ com lê màu nâu, vội vã đi bộ đến tòa báo, viết bài cho tập phóng sự *Tôi kéo xe*. Ông còn tiếp tục đến xưởng Cai Mơ nửa tháng nữa thuê xe kéo, cho đến khi cảm thấy đã đủ tư liệu rồi, ông mới già từ lão Cai Mơ, thăng cai Tuế Lợn.

Tiếp sau, ông làm liền mấy thiên phóng sự nữa tại “Dạ lữ viện”, “Viện tế bần” ở phố Hàng Bột. Ông vẫn lê bộ quần áo rách trăm mụn vá, tối nào cũng đến mấy hang ổ thảm khốc này, nằm chui ngủ rúc, gặm xương, nhai chuối với bầy người khổ rách, ăn mỳ, móc túi, cù đỉnh thiên pháo, ghẻ lở nặng đến gần như hủi.

Sớm về, ông trút bỏ áo quần cho bà bắt rận tuốt trứng, nấu luộc trong tiếng kêu la trời đất. Những phóng sự này đều được đăng *Ngọ Báo*. Có điều lạ là khi xuất hiện tại những hang địa ngục kia, không bao giờ ông chịu xuất trình *Thẻ Nhà Báo*, tuyệt đối giữ kín tuổi tên, sự nghiệp, rất hài lòng cái tiếng “Ê, culi. Này, thăng cùng đình hạ bộ, ôlala! Thăng ăn mỳ, móc túi, ăn uống cái gì mà béo thế!”.

Như thế đấy, nhà văn nhà báo Tam Lang Vũ Đình Chí, niên kỷ 1927-1930 đã “đi thực tế” theo kiểu hoàn toàn lao động, hoàn toàn vô sản, hoàn toàn con người, sống đau sống khổ với con người.

Thưa các bạn đồng nghiệp cao tuổi của tôi, thưa các vị độc giả yêu thương báo chí qua mấy thời đại của tôi! Các vị đọc những dòng này xin hãy tin tôi. Tôi chân thành run tay bút viết về con người, thân thể, sự nghiệp của bậc sư phụ đáng kính của tôi, tôi xin thề với mái tóc bạc của cái tuổi kề cõi chết, rằng tôi viết với tất cả cái não cái tâm, không hề sai một việc, một lời, một ý.

Ông Tam Lang bình sinh điềm đạm, thành tín, trung hậu với nghề nghiệp, với cuộc đời. Thế mà có một lần ông nổi trận lôi đình không khác gì con khỉ Tôn Hành Giả vác gậy sắt xuống thủy cung hỏi tội Long Vương.

Số là, câu chuyện thế này: Năm 1950, ông làm chủ bút nhật báo *Lẽ Sống*. Quanh ông, có cụ Bạch Diện chuyên dịch tin *AFP*, cụ Thu Sơn chuyên dịch *Tân Hoa Xã*, Phạm Mạnh Phan phụ trách hai trang tin ruột, tôi viết bài phỏng vấn, tường thuật các trận đấu thể thao, chủ yếu viết đều truyện dài (*Xã Bèo*, *Người của đất*), phần trình bày mỹ thuật có họa sĩ tài ba Lưu Văn Sìn (lúc nào cũng phong lưu công tử, song luôn túng quẫn. Anh em gọi đùa là Lưu Không Tiền). Bên cạnh chúng tôi còn có một nghệ sĩ lão thành sân khấu kịch nói thời ấy, đó là Trương Đình Thi, con một nhà giàu sang nổi tiếng ở Hà Nội. Chúng tôi, chỉ có bốn người, tiền vốn không có, lại thuê in, ngồi nhờ trên căn gác chật hẹp của một nhà in phố Hàng Bông. Nghệ sĩ Trương Đình Thi chỉ nhận làm công việc người sửa bản in thử (Correcteur). Công việc tui bụi cả buổi sáng, anh em làm không xuể. Trong khi ấy, tôi và cả độc giả Hà Nội biết rằng tuần báo *Loa* của Côn Sinh đã đăng nhiều tuần thiên hồi ký nổi danh *Tôi, kếp kịch*, tác giả Trương Đình Thi. Một hôm, tôi ngồi cạnh nghệ sĩ Thi trong lúc ông chưa có bài sửa. Tôi ân cần thủ thỉ với ông: báo thiếu người viết, nghèo nàn về bài vở. Sao anh không viết cho báo chúng mình một phóng sự hay một hồi ký tuyệt vời như *Tôi, kếp kịch*...

Tôi nhắc lại câu nói ấy hai lần. Ông nghệ sĩ trợn mắt nhìn tôi, mặt hầm hầm, đi xuống gác. Tôi ngạc nhiên. Tam Lang vẫy tôi lại gần, bảo tôi: “Ông bảo nó thế, nó cho là ông chửi nó, lật tẩy nó. Nó thù ông rồi đấy, phải coi

chùng”. Tôi càng ngỡ ngác. Tam Lang nói tiếp: “Hồi kí *Tôi, kếp kịch* được nổi tiếng, nổi tên Trương Đình Thi, sự thực thì hồi ký ấy Vũ Trọng Phụng viết hộ, cho nó kí tên”.

Sáng hôm sau, nghệ sĩ “kếp kịch”, gây sự với tôi trong tòa soạn. Tam Lang đã nóng lại thẳng tính, ném bút, vùng đứng dậy, dẫm đạp nghệ sĩ già đến nỗi ông ta phải chui xuống gầm bàn. Cuộc đại náo ấy khiến chủ nhà in và thợ in phải âm ỉ chạy lên gác can xin, dàn xếp hộ.

Giấy mực có chùng, tôi xin phép ngừng ở đây thôi. Tôi chỉ băn khoăn một điều là lịch sử văn học của mình, khởi điểm phóng sự có từ năm nào, lao sâu vào lãnh địa phóng sự là ai?

Tôi chỉ biết 1927 đến 1930, Tam Lang Vũ Đình Chí, một mình, một số tay, một bút, ngày và đêm, đi kéo xe giữa “Hà thành hoa lệ” trong lúc có phong trào “Phi cao đảng bất thành phu phụ”, gái thì son phấn rình mò các ông sinh viên cao đẳng thi đỗ ra làm tri huyện. Ông Tam Lang, ngày và đêm mò vào mấy hang ổ thối tha, ăn ngủ, sống với hàng trăm con người cặn bã, xã hội không thèm nhìn ngó.

Những cống hiến cho văn học của ông Tam Lang có cái đã in sách, có cái đã đăng trên báo. Vậy thì nó là chứng cứ có sự sống, còn tồn tại.

Từ 1930 trở đi, ông Tam Lang cảm thấy đuối mệt rồi, an phận ngồi yên ghế chủ bút các nhật báo, viết không run sợ, đánh không chùn tay bọn tham quan, lũ nội gián, những tên hề chính trị.

Năm 1954 ông vào Nam. Năm nhà, không nuôi nổi bà vợ, hai đứa con gái tật nguyền, cuối cùng vì miếng ăn, ông miễn cưỡng theo yêu cầu đối phương, ông phải phụ trách một tạp chí cho tên Bộ trưởng Thông tin, Trần Chánh Thành, thời Diệm.

Báo ra được năm số, một cú điện thoại réo bên tai Tam Lang: Lập tức lên Bộ hầu Bộ trưởng. Ông đến. Tên Bộ trưởng Trần Chánh Thành, đập bàn,

ném tờ báo vào mặt ông Tam Lang. Nó quát: “Có trông rõ nét mực đỏ gạch hàng chữ kia không? Ông định ý dùng mấy từ của Việt cộng để phản Chính phủ Quốc gia đó hả?”.

Ông Tam Lang chưa kịp đáp thì nó lại đập bàn: “Ông xuống phòng trị sự lĩnh lương. Mai không được bước chân đến nhà báo nữa”. Ông vẫn không nói một câu, mỉm cười, bình tĩnh ra về, cũng không cần lĩnh nửa tháng lương.

Hỡi ơi, cái vinh, nổi nhục của nghề làm báo đấy. Từ 1927, ông Tam Lang Vũ Đình Chí là một cây bút đàn anh trong làng văn bút, không ai chối cãi. Ông Tam Lang Vũ Đình Chí là lá cờ đầu mở ra cho văn học xã hội con đường làm phóng sự, cũng không ai chối cãi. Sau ông, văn đàn mới thấy xuất hiện Vũ Trọng Phụng, Trọng Lang, Tràn Khanh.

Sư phụ! Vào ngày đầu xuân Nhâm Thân, kẻ môn sinh già yếu này xin đốt hương, rửa bút, viết mấy trang hồi ức về thầy. Theo thói thường xưa nay, kẻ võ sinh sau khi biểu diễn kiếm thuật hoặc côn quyền, không thể thiếu cái lễ tì đốc kiếm hoặc chấp đôi bàn tay trước ngực, tỏ lòng thành kính bái tổ, bái sư.

Từ 1930 đến nay, kiếp đời sắp hết, kẻ môn đồ này mỗi lần viết xong một tác phẩm dù thất bại hay thành công, vẫn cúi đầu nhớ ơn thầy diu dặt. Ngày nay, kẻ môn đồ chắt chiu có được một số tác phẩm nhỏ nhoi, với một cái tên cũng nhỏ nhoi, môn đồ cho đến ngày nhắm mắt, không hề một phút quên sư phụ.

Đầu xuân Nhâm Thân

(Tạp chí *Cửa Việt*, số 15-1992)

---

<sup>2</sup> Câu chửi tục của người Pháp.

## Hồi ức về nhà thơ Nguyễn Bính

Giờ đây là mùa thăm viếng Chùa Hương. Đã quá lâu rồi, tôi không còn sức khỏe, không còn hứng thú rủ bạn văn đi văn cảnh động Nam Thiên. Không còn cái thú được nhìn các cô gái hái mơ. Nhưng giữa phố phường Hà Nội, lão già tôi còn đủ sức chống gậy đi nhìn các cô gái bán mơ, trên mấy vỉa hè bốc bụi kinh thành. Nhìn những thúng mơ đầy, những bàn tay cô gái bán mơ thoăn thoắt bốc mơ trao cho khách, làm sao tôi không thể nhớ đến bài thơ *Rừng mơ* bất hủ của thi nhân Nguyễn Bính. Bởi vậy, sớm nay tôi cố ngồi nghĩ về anh, viết về anh.

Viết hồi ký là gì nhỉ? Là thân thơ nói chuyện với hồn ma. Ít lâu nay, tôi đã nói chuyện khá nhiều với các anh, những con người chí thiện thuở thiếu thời. Hồi những hồn ma thân hữu của tôi ở bên kia cõi thế. Nếu quả có linh hồn thì các anh đã có thể đọc tôi, nghe tôi khóc thương cái chết, phần đông là chết quá trẻ của các anh trên những trang giấy đầy nhân hậu, đầy tình nghĩa, thủy chung này. Tôi nhắc đến các anh cả cái tốt và đôi khi có cả ít điều gọi là cái xấu.

Bạn văn bút chúng mình, hãy can đảm nói to lên, chúng ta viết khôn mà sống dại, chỉ vì nhân hậu, chỉ vì tình nghĩa, chỉ vì quá hào hoa phong nhã trong cái nghèo, cái khổ. Nhà tiểu thuyết Lê Văn Trương, Lan Khai, Vũ Trọng Phụng thuộc vào loại người tiêu biểu cho cái phóng khoáng này.

Tôi viết về các anh, những hồn ma sống dại chết khôn, chính là cái lão già này, cũng sống dại và chết dại, làm cái công việc đọc kinh sám hối, nói theo lời đạo là rửa tội.

Gần đây một bức thư của một bạn văn tên tuổi ở miền Trung <sup>8</sup> - một cử nhân triết học - bay đến tay tôi. Qua bốn trang giấy dày, anh triết luận về cái sống và cái chết của Kipling, của Sartre, của anh. Anh đã đọc tất cả các bài hồi ký của tôi. Tôi xin trích một đoạn ngắn trong thư, nhà triết học trẻ tuổi này ngộ ý về ký sự:

*“ Cháu rất mong những bài anti-mémoire của bác, để nhìn lại lịch sử dưới con mắt của một nhà văn đã trải cuộc sống, đủ năng lực phán xét thực sự. Ai cũng có thể viết mémoire được nhưng viết anti-mémoire thì chỉ một số người đủ trung thực, và đủ trí tuệ để phán xét về sự thực ấy... ”* .

Tôi coi những câu này là lời tâm đắc, khích lệ tôi, đầu não yếu, tay run, vẫn cố sức viết ký sự nói về những hồn ma chí thân chí thiết của tôi, đồng thời, nói với những người còn tồn tại trên cõi thế gian tạm bợ này về những nghiệp văn oan trái của một số người trước kia đã cúi đầu hứng chịu những roi đòn định mệnh.

Như tôi thường nhắc nhiều lần, bọn viết lách chúng tôi, thời cũ, sống với nhau, cũng như đối với cuộc đời hết sức trân trọng, hết tình thân ái. Chúng tôi luôn giữ cách sống cho phong nhã, nghiêm chỉnh mà vui vẻ, lễ độ, dù chung sống với cô gái yên hoa, sa chân lỡ bước...

Ngày ấy đã quá xa rồi, ngày nay tôi thấy một số bài viết phê phán, có thể nói là giễu cợt...

Thưa rằng, không có những trò hề ấy ở thời chúng tôi. Quả tình chúng tôi có lạ nhau, chỉ khi nào trong phòng kín, chúng tôi bái phục một áng văn tuyệt bút của tiểu thuyết gia này, nhà thơ nọ. Lê Văn Trương, Lan Khai, những con người ngang bướng ấy, đã nhiều lần vái lạy Vũ Hoàng Chương, J. Leiba, Đinh Hùng, Nguyễn Bính... Người xưa, nhất là kẻ sĩ, đi vào triều kiến hoàng đế, có khi không lạy, nhưng đi đường, thấy tảng đá núi dáng hình kỳ lạ, ông ta vội thụp xuống lạy, gọi là “bái thạch vi huynh”. Kẻ sĩ biết ngẩng cao đầu, cũng có lúc biết cúi đầu.

Ô này, tôi đã lạc đề rồi. Xin trở lại với mấy cô bán mơ trên via hè, nghĩ về mấy thôn nữ hái mơ rừng Chùa Hương của thi nhân Nguyễn Bính.

Tôi nhớ năm 1939, một bọn nhà thơ thành phố Nam Định, trong đó có Hiếu Lang, tức Đồ Đức, Võng Xuyên, Nguyễn Bính, Việt Quyên (nhà thơ trào phúng tuyệt vời), Nguyệt Hồ họa sĩ, cuối là tôi. Các ông đều chết cả rồi. Nay còn sót lại họa sĩ Nguyệt Hồ (nhiều năm minh họa cho *Tiểu thuyết thứ Bảy*, nay đã 92 tuổi).

Chúng tôi thuê chiếc thuyền lớn trên sông Đáy, khởi hành từ Phủ Lý vào Bến Đục, Chùa Hương. Trong thuyền, ngoài lũ chúng tôi, còn có một đào nương ca trù, một ông kếp đờn luống tuổi. Trong khoang rộng trải chiếu hoa, đặt một khay đèn nha phiến, theo đề xuất của nhà thơ Nguyễn Bính. Thời ấy chuyện mượn “ả phiến” làm khuây là chuyện rất bình thường. Cuộc họp mặt bình văn nào, cuộc du hí lớn nhỏ nào cũng không thể vắng nàng tiên nâu nũng nịu, duyên dáng.

Thuyền rời bến Phủ Lý vào chập tối. Đàn đáy đã rung tơ, phách đàn nương đã hòa nhập cùng sóng vỗ mạn thuyền. Tiếng trống của Hiếu Lang đã lách vào đàn, vào phách, khuyến những lời văn đẹp ca trù của Nguyễn Công Trứ, Tú Xương, Tản Đà, Dương Thập Lang (con Dương Khuê, một tay chơi sành sỏi như tiến sĩ phong lưu Nguyễn Khả).

Con dê buộc ở đầu thuyền đã được ông lái thuyền hóa kiếp. Ông và cô gái xinh đẹp đang dọn tiệc. Nửa đêm, trời đổ cơn giông, gió xoáy, sấm ran trời, mưa trút. Gió giật mạnh liên hồi, con thuyền tuy được cha con ông lái già cố điều khiển mà vẫn trườn lên ngụp xuống, có khi quay theo sức lốc.

Chúng tôi không ai biết làm dấu thánh, cũng không ai biết “nam mô” chỉ nhìn nhau bình tĩnh chờ thăm Hà bá. Nhà thơ Nguyễn Bính bình thản hơn ai hết, anh vẫn nằm bên ả phù dung, tay che ngọn đèn gió thổi, tay vẫn múa tiêm như Quan Vũ múa đao.



Thế rồi, sóng gió im dần. Nguyễn Bính nói đùa: Lũ mình thì trời chu đất diệt cũng không nổi, kể gì cái gió xoáy này.

Sáng hôm sau đã đến Chùa Hương. Chúng tôi nhập cùng thiên hạ, một chốc đã không thấy Nguyễn Bính đâu. Mãi đến gần bữa ăn chiều, mới thấy gã về nhà trọ tìm chúng tôi. Trong bữa ăn Nguyễn Bính uống nhiều rượu hơn thường, miệng luôn lẩm bẫm, có lúc, rút sổ tay ra ghi vội đôi câu gì đó.

Sau này tôi mới biết, thì ra Nguyễn Bính đang thai nghén bài thơ *Cô gái hái mơ* từ thuở ấy. Thoạt đến Chùa Hương, anh đã một mình lên vào rừng mơ, một mình câu tú. Điều khiến tôi lạ là Nguyễn Bính chưa bao giờ phải dăm chiêu vò tóc về việc hoàn chỉnh một thi phẩm dài ngắn và khó dễ. Anh thường ứng khẩu đọc trước mọi người, coi việc sáng tạo một bài thơ dễ dàng như tợp rượu. Bài *Cô gái hái mơ* nằm trong đầu Nguyễn Bính từ năm 1939. Vậy mà cho đến gần đây viên ngọc bích ấy mới sáng rực lên khi anh đã vĩnh viễn đi vào cõi tối, tan vào nơi cảnh ảo.

Thi nhân Nguyễn Bính quả là một thi nhân rất dễ thương khi anh say túy lúy. Bộ mặt da nâu lúc nào cũng như nhãy mồ hôi. Vẻ mặt chỉ nghiêm nghị lúc nào ngậm miệng, không có chén bên tay trái mà chỉ có bút bên tay phải. Nói là cười, cái cười nhếch mép. Chẳng bao giờ nói to, không hề cầu xin ai kể từ đồng xu nhỏ đến đôi tất rách. Uống khó bao nhiêu thì ăn và mặc, nhất là mặc cầu thả không nói được. Tính này giống hệt Nguyễn Hồng. Tôi nhớ một hôm Bính đến chơi nhà tôi. Thấy Bính quần áo nhem nhuốc quá, tôi mở tủ lấy bộ đồ mới may, cho đến cả sơ mi, quần đùi, rồi ngọt ngào mời thi sĩ thay cái vỏ ấy vào người. Nguyễn Bính trợn mắt nhìn tôi, mặt hầm hầm: “Các ông sợ tôi rách rưới, coi tôi như hủi, không dám chơi với tôi nữa à? Sợ xấu hổ à? Thế thì thôi, cái kẻ rách rưới này xin vĩnh biệt các ông!”. Nhà thơ ôm vội mớ bản thảo, định ra đường. Ngay lúc đó, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Đoàn Phú Tứ bước vào. Tôi ra hiệu. Đoàn Phú Tứ, cản lối ra. Vũ Hoàng Chương níu áo Nguyễn Bính giữ lại. Tôi phân trần. Bộ ba Đinh Hùng phải họa lời, đề nghị Nguyễn Bính chấp nhận tặng vật và lòng yêu

kính của bạn. Nguyễn Bính ngơ ngác tự ái, cười to, vào phòng tắm gội, thay bộ đồ mới, lại như một công tử thư sinh. Sau đó, chúng tôi hò nhau xuống xóm. Bính phản đối đề nghị xuống xóm (Khâm Thiên, Vạn Thái) mà anh muốn “sang sông” nghĩa là qua cầu Bồ Đề, sang Gia Thượng, Gia Quất (Gia Lâm).

Rồi những năm kháng chiến, thi nhân Nguyễn Bính vào Nam, chúng tôi xa nhau, tưởng chừng muôn thuở. Nhưng may sao, 1954, lại thấy nhau trong bốn bàn tay nóng hổi. Bính ở Hà Nội có một mình, tâm sự một lần trên miệng chén đầy, rằng anh ra Bắc, để lại bên dòng sông Thu Bồn một cô vợ trẻ đẹp, một đứa con thơ.

Không thể nào xa cây bút, Nguyễn Bính xoay xỏa cả tám phương, lấy tiền để ra tuần báo *Trăm hoa*. Tôi chưa kịp viết gì cho bạn cố tri, chỉ đến tìm anh, thăm báo. Ngồi bên anh, tôi thấy một nàng nho nhỏ, khá xinh tươi. Anh nháy mắt ra cái điều cô nàng là nữ thư kí của *Trăm hoa*. Tôi thấy lo sợ thay cho cô gái non trẻ ấy. Hàng ngày, có thể cả hàng đêm giữ gìn sao được tấm thân mình bên con quỷ rượu. Chỉ ít ngày sau, báo *Trăm hoa*, đâu như mới ra ba số đã tàn rồi, nghĩa là đã chết.

Nhà thơ chỉ biết ngẫu hứng làm thơ, đâu có biết gì về kinh tế, về phương pháp điều khiển tờ tuần báo, từ bài vở, đường lối chính trị, đến việc tiếp cận các người trợ bút, cận tiếp nhà in... Nhà thơ không thể trở nên nhà báo mà không cần học hỏi. *Trăm hoa* chết không trống kèn. Riêng cô nàng thư ký đi đâu? Tôi nghe thiên hạ đồn cô đã trở thành phu nhân Nguyễn Bính. Tôi không tin và cũng không cần tìm hiểu rõ, coi đó là chuyện quá thường.

Nguyễn Bính về Nam Định sống với gia đình, coi như an phận. Chị Bính là người hiền hậu, nết na. Chị hàng ngày ra chợ Rồng, thu nhật từng xu từng hào với mẹ bày quả chanh, quả ớt. Chị tháo mồ hôi, phai tàn tuổi trẻ, làm sao cho hàng ngày có đủ rượu, đồ nhắm, bồi dưỡng cho ông chồng thơ.

Ngày tháng qua đi trên cái thị xã tẻ buồn. Một ngày gần Tết, người ta tập nập đón xuân. Nguyễn Bính quá nghèo, chị Bính đành bắt lức với cái mẹt ớt chanh cay chua ấy. Bính quá buồn, một buổi sáng gió đông se lạnh, anh lững thững rời đất Vị Hoàng, đến một thôn xóm ven đô. Tình cờ, anh gặp một người lạ mặt. Ông này đã biết Nguyễn Bính, chịu tài Nguyễn Bính, vồ vập ngay Nguyễn Bính, nói rõ lòng thán phục nhà thơ, tự giới thiệu là Hân, cựu y sĩ thời cũ, xin kính mời thi nhân về nhà uống rượu.

Tất nhiên, nhà thơ không từ chối. Sự tiếp đãi quá nồng hậu, với rượu đế thơm ngon, đồ nhắm tốt, lại thêm ông Hân còn có huê viên, mai trắng, đào phai, hải đường, hoàng cúc nở rộ. Chủ nhân mời khách quý ngồi dưới gốc mai, đào, đánh chén liên qua Tết. Bà Bính không biết ông chồng thơ ở mô tê, bà đi tìm kiếm. Ông thi sĩ không cần biết chuyện vợ tìm, cứ uống tối ngày với đào, mai.

Thế rồi, trưa một ngày đầu Giêng, nhà thơ vẫn chưa tắm rửa, thay quần áo. Trong người ngứa ngáy không chịu được, mặc cơn say, nhà thơ bò ra bờ ao nhà ông Hân. Bính lao đao bước xuống ván cầu, ngồi cởi áo, xắn cao ống quần, vốc nước ao bèo gội tóc, rửa mặt, rửa cả mình. Xong, áo vắt cánh tay anh lại lao đao bước khỏi ván cầu. Cơn gió bắc phào thổi đến. Nguyễn Bính thấy trời đất xoay tròn, anh chỉ kịp kêu một tiếng, rồi cả thân hình đổ sấp xuống, mặt úp vào bùn nước, máu mũi rỉ ra. Anh vừa mổ dạ dày ít đó không lâu. Có lẽ anh chết vì bực dạ dày.

Nhà thơ thiên tài Nguyễn Bính đã đi rồi, sự thực như thế đấy. Anh rời cõi đời giữa mùa mơ rừng Chùa Hương gửi hương cho thiên hạ, và kết trái, cùng với bài thơ *Cô gái hái mơ* của anh giao duyên với những ai bấy lâu yêu thương Nguyễn Bính, suốt từ Nam đến Bắc, qua từ già đến trẻ, nữ như nam, có học như thất học.

Nguyễn Bính ơi, anh đã đi rồi! Thôi nhé! Hôm nay người bạn già này tâm niệm, uống hớp nước mơ do bà vợ già đưa trong khi đang viết về anh,

đang nói với anh, với một hồn ma lang thang như làn sương khói trong rừng mơ ấy.

Nguyễn Bính ơi, anh đã đi rồi! Thôi cũng cứ coi là một việc bình thường của kiếp phù du. Xưa Lý Bạch say rượu vờ trăng, chết chìm trên dòng sông lớn. Nay thi nhân Nguyễn Bính cũng say, chết nổi bên vũng nước ao bèo, âu cũng là cái chết, bằng cách nào cũng là cái chết. Và Bính ơi, nó cũng nhẹ nhàng như

... rừng mơ hiu hắt lá mơ rơi.

**(In trong *Đốt lò hương cũ*, Nxb Khánh Hòa, 1992)**

---

<sup>8</sup> Nhà thơ Hoàng Phủ Ngọc Tường

## Phấn hương

**B**ạn làng chơi chẳng lạ cái ngõ hẻm đầy người, đầy rơm rác, nặng “mùi bần tiện”, “mùi hạ lưu” ấy tại Hà Thành. Nhưng đây là một chỗ ăn chơi, thật là một chỗ ăn chơi huyền ảo, cuộc vui bắt đầu từ lúc sáng đèn.

Bước chân vào ngõ ấy, vào giờ vui ấy, tức thì người ta quên mùi nước cống mà để cho khứu giác xúc tiếp ngay với mùi thơm của một tiệm cao lầu âm ỉ những tiếng hò hét của các ông chiệc đang đánh bài cào, mặt chược, và những tiếng đàn ca lanh lảnh của các cô đào Tàu mua vui cho khách đến ăn.

Liên đây là rạp hát tuồng, một rạp hát tuồng trường thọ nhất và được khán giả hoan nghênh nhất. Ngoài cửa bao giờ người ta cũng thấy treo tấm biển: “Tối nay đại diễn...” chữ viết bằng phấn nước của họa sĩ Trần Phệnh, nét chữ mềm mại quá, khiến người ta càng ngắm càng yêu. Mấy tàu lá gồi quần ngoài cửa rạp đã héo vì nắng gió, chiếc đèn lớn làm theo hình tấm hoành phi, phơi mãi ngoài trời, nên những chữ cắt dán hồ đã rơi rụng từng nét một, và giấy bạc hết mà thùng rách từng miếng lớn, trơ lại khung tre.

Đó là buổi hát đặc biệt, thiên hạ nô nức đi xem. Vì người ta chú ý ngay tự lúc chiều: một chiếc ô tô tã phun khói mù đường, trên chở một tấm biển lớn kê tên tích hát, và năm bảy đào kép, mặt phấn môi son, mũ giáp lịch sự như Tiết Đình Sơn, Phàn Lê Hoa nhà Đường; dữ dội, xấu xí như Chung Vô Diệm, Bao Công đời Tống. Những danh nhân thời chinh chiến ấy ngồi chồng chất lên nhau, chiều chiều đi diễu hết các phố, phơi mặt hè dưới nắng chiều hè còn nóng rát, hoặc dưới mưa gió buốt những chiều đông. Họ

đã quen với khán giả lắm rồi, mà dân các phố cũng thích nhìn những bộ mặt ấy, vì họ cho là một trò vui mắt vui tai.

Hà Thành thời đó không thiếu gì những sự ngang tàng. Muốn gặp những cái ngang tàng ấy, phải đến cái ngõ hẻm này, chỗ đấu chọi của các tay chơi.

Phong trào đâm chém của đảng Càn Long đang thịnh, cho nên những tay anh chị luôn luôn giắt roi da, dây điện, dao, búa làm khí giới cần dùng trong lúc thị uy để tranh cướp một con đĩ thập thành, hoặc một con sen ngoài máy nước. Nhất là ở cửa rạp hát tuồng trong cái ngõ đầy người, đầy rơm rác, đầy ruồi muỗi ấy - âu là tôi cứ gọi thẳng tên nó là ngõ Sầm Công - dân Càn Long càng muốn trở oai, hoành hành như những ông tướng đóng tuồng. Người lịch sự phải góm mặt các ông tướng đó, vì mỗi khi họ cần cà khịa, nhe chiếc răng đồng cười nhạt để thử gan một ông diện sang đi với một cô nhân tình xinh đẹp, thì tốt hơn là ông này cứ lẳng lặng mà đi.

Nhưng các ông tướng Càn Long lại rất nhún nhường, nịnh hót những ông tướng đóng tuồng, vì họ cần những ông này truyền cho họ dăm ba miếng võ tuồng.

Được nói chuyện với một kép hát trứ danh là một điều hạnh diện. Vừa thấy mặt ông kép mặt xanh xao đầu tóc rối bù, vận quần áo cánh lụa, nghênh ngang rẽ đám đông người vào rạp, là mấy ông tướng Càn Long chạy đến chào hỏi, mời kéo ra hàng nước để thết miếng trà, hay cốc nước chanh.

Ở thời ấy, đào kép hát tuồng được người ta yêu mến như bây giờ người ta yêu mến những ngôi sao màn ảnh..., nhưng thời ấy qua rồi!

Ngày nay người ta thích chớp bóng, thích cải lương Nam Kỳ, người ta quên hẳn nghề hát bộ, quên những người, chừng mười, mười lăm năm trước, đã được họ nhắc nhủ luôn, đã được họ ngắm những chân dung lồng trong khung kính treo ngoài cửa rạp, như ngắm những bậc vĩ nhân thế giới.

Phong trào của kịch trường mới đã đẩy họ lùi vào dĩ vãng tối tăm hoặc đưa họ về những năm mờ. Họ đã chết hay là đang sống không nghề nghiệp, hay là đang hấp hối, thở nặng nề mà tiếc than nghề cũ, thời xưa.

Đã lâu lắm rồi, tối nay tôi mới đi qua cái ngõ chật người, đầy muối, ngạt mùi hôi hám ấy.

Tôi đã vì một sự bất đắc dĩ mà chui đầu qua một khung cửa gần như đổ sụp xuống đầu tôi, và tôi đã đứng trong một căn gác gần như hũ nút. Bạn tôi bảo tôi ngồi xuống chiếc giường có sẵn một người nằm bên khay đèn thuốc phiện chưa lên lửa. Người nằm đó nhóm đầu lên, vợ chiếc giẻ lau khay đèn để chùi mũi, nhìn chúng tôi không biết nói câu gì. Bạn tôi lẳng lặng đặt giữa lòng khay một hộp thuốc một đồng, rồi giới thiệu cho tôi rõ người đàn bà ấy xưa là một danh ca của nghề hát bộ.

Nàng là Bảy Hoa.

Tôi tưởng đó là lời giễu cợt, nhưng không, ai lại giễu cợt một nỗi đau thương, một hiện hình của cái dĩ vãng sâu thẳm ấy. Vậy thì Bảy Hoa, chính thị nàng. Nàng, xưa là Sắc đẹp, xưa là Tài hoa, xưa là tất cả những lời tưởng lệ, mà nay, trái lại... tôi rất ngại ngùng vì phải tìm những chữ chẳng văn hoa để tả hình dung người đàn bà ấy.

Bảy Hoa! Tên nàng in vào óc tôi tự ngày còn nhỏ. Tôi bỏ học, nhịn ăn quà để lấy tiền xem hát, cũng như để thuê những truyện La Thông tảo Bắc, Chinh Đông, Chinh Tây, Thủy Hử, Tùý Đường. Mê xem hát và ham đọc tiểu thuyết Tàu đến nỗi bị thầy tôi treo ngược chân lên cành cây mà đánh, bắt nhịn cơm đến hai ba bữa, mẹ tôi xin hộ mới thôi.

Tôi thuộc tên các đào kép hơn thuộc tên các danh nhân trong sử ký; tôi thuộc tích hát hơn thuộc những bài học ở trường.

Nhất là Bảy Hoa, cái tên dễ nhớ làm sao! Tôi mê vẻ đẹp của nàng - tôi chỉ biết mê thôi, bởi vì tuổi thơ ngây tôi đã biết gì là yêu. Tối nào đi xem

mà Bảy Hoa không sắm trò thì tôi chán ngán chỉ muốn về. Không được đi xem, tôi nằm mê thấy Bảy Hoa, tôi thấy Bảy Hoa hiển hiện trên trang sách học, trong bóng ngọn đèn. Tôi vui thích mỗi khi Bảy Hoa đóng võ chém một tướng Phiên; tôi hồi hộp mỗi lần Bảy Hoa bị trúng mũi tên, xoa tóc than thảm thiết bên bức phong vẽ cảnh núi rừng.

Không bao giờ Bảy Hoa sắm vai đào phụ, vì người ta phải kính trọng cái danh và tài nghệ của nàng. Nhiều lần, chen lách vào lấy được chiếc vé hàng ghế cuối, tôi ra cửa thờ, và tôi đã phát ghen với mấy ông lớn rất sang khoác tay Bảy Hoa lên chiếc xe hơi, đưa nàng đi ăn uống trước giờ nàng vào rạp sắm tuồng.

Bảy Hoa đẹp như thế, tài danh như thế, ai mà chẳng đón đưa.

Bảy Hoa lại được hãng thu thanh mời hát vào đĩa nhựa. Tôi xin thầy tôi mua tất cả những đĩa có bản hát của nàng, và tôi đoán rằng được vậy, tôi sẽ không dám trốn học đi coi hát nữa.

Thế là ngày đêm tôi đã có Bảy Hoa ở bên mình, ở chung giường ngủ, ở trên bàn học và Bảy Hoa theo tôi về tận nhà quê, trên bãi cỏ, hát cho tôi nghe dưới bóng cây râm mát giữa cánh đồng. Trời ơi! giọng ngân dài như tiếng tiêu sâu, nỉ non và thắm thía như lời than thở ấy, tôi không mê một làm sao! Đây là lớp Hán - Sở tranh hùng, Ngu Cơ khóc biệt Hạng Vương trên bến Ô Giang vắng buồn khúc địch Trương Lương... Đây là lớp Bàn Phi quỳ ôm gối Nhân Tôn, kéo dài bào van lạy quân vương xin cho khỏi tội tử hình... Đây là lớp Bạch xà bị tiên ông hãm trong tháp ngọc..., Đát Kỷ làm nũng Trụ Vương đòi ăn gan nuốt mật Tỷ Can...

- Bảy Hoa ơi! Thời xưa mất hẳn rồi.

Tôi ngậm ngùi thương người đẹp ấy, nàng danh ca ấy, tối nay, một tối mưa đông buồn lạnh, một tối mà không biết vì đâu, lòng tôi cũng lạnh buồn như mưa. Cuộc gặp gỡ Bảy Hoa, hình sắc Bảy Hoa càng khiến lòng tôi



thêm chán ngán, và quả như lời kẻ buồn đời thường than thở, cuộc sống của con người ngán ngủi quá chừng.

- Vừa mới năm nào!

Ừ, vừa mới năm nào Bảy Hoa còn được đời mển chuộng, đón đưa, mà nay thì thân tàn ma dại, mình gày bọc manh áo vá tanh hôi.

- Bảy Hoa hiện nay làm nghề gì cho đủ xài, đủ hút?

Nàng tiêm thuốc trả lời:

- Còn biết làm chi nữa! Nghề hát đã phế bỏ rồi. Chỉ còn một cách tự tử, hoặc sống mà ăn xin cho qua bữa.

Câu nói ấy se lòng tôi lại, nhưng Bảy Hoa vẻ mặt thản nhiên, vì có lẽ nàng đã dùng câu đó để đáp nhiều người, như tôi, đã thương hại hỏi nàng.

- Ông ạ, bọn anh em chúng tôi nay sống ít, mà chết thật rất nhiều. Tôi đã đi đưa đám những bạn tôi, hồi còn có sức; nhưng nay yếu rồi, tôi chẳng còn sức mà đi đưa đám nữa. Sau khi mất nghệ, chị Tám mà nay còn đĩa hát đấy, đã chết vì đau phổi, anh Sáu đã bỏ mạng bởi thiếu sài... còn kẻ sống sót như anh Hải thì soạn vở cải lương, như chị Thanh, chị Cường thì đi làm điếm. Còn tôi, tôi chỉ còn đủ hơi chờ một ngày rét quá, một buổi trời u ám quá...

Bảy Hoa thở dài.

Tuy căn gác tối như hũ nút, tôi cũng cố tìm xem có vật gì đáng giá ít nhiều, nhưng không. Tôi chỉ thấy trên tường đầy khói ám, mấy tấm ảnh lồng trong khung kính vỡ treo lệch lạc: ảnh Bảy Hoa chụp hồi còn trẻ. Bức thì chụp nàng mặc áo giáp Tàu sắm vai nữ tướng, bức thì chụp nàng ôm bó hoa to che gần kín ngực, tươi cười.

Bảy Hoa của thời xưa sắc tài đang lừng lẫy đấy! Bảy Hoa thuở trước đã qua rồi!

Tôi lại bước chân vào cái ngõ hẻm đầy người, đầy rơm rác, đầy nặng, đầy “mùi bần tiện, mùi hạ lưu” ấy một đêm sau, mưa gió lạnh lùng hơn. Và tôi lại khom lưng chui qua khung cửa thấp, trèo lên cái thang ọp ẹp gần sụp đổ, ngồi nhìn Bảy Hoa tiêm hết hộp thuốc lớn tôi mua tặng, nhìn những bức ảnh lúc thiếu thời treo trên vách bẩn nhện chằng.

Nàng kể cho tôi nghe những tích hát nàng thích, những đoạn tình kỳ dị, những người yêu thủy chung, si ngốc hoặc là đểu giả lọc lừa...

Tôi ngỡ cho nàng biết lòng tôi yêu mến sắc tài nàng hồi tôi còn thơ nhỏ. Nàng ngược mắt nhìn tôi:

- Trời ơi, đã lâu lắm tôi mới được nghe một người, là ông, nhắc đến sắc đẹp của tôi, nhắc đến một cảm tình gửi tặng tôi... tôi sung sướng quá...

Bảy Hoa ngồi nhóm dậy, lôi một chiếc hòm gỗ đầy bụi bậm ở gầm giường, mở lấy một gói giấy to..., nàng run tay trịnh trọng mở gói giấy đó ra, khẽ đặt lên lòng tôi:

- Đây là những bó hoa năm xưa, nhân dịp diễn giúp dân bị nạn, quan Đốc lý đưa tặng tận tay tôi... đây là bó hoa của một người... một người đã mất cả gia tài, cơ nghiệp vì tôi... đây là những bó hoa của một số đông khán giả... đây là... nhưng thôi, nó nào phải là những bông hoa tươi thắm như nhan sắc tôi năm ấy, ... nay chỉ là một đồng lá khô, cánh héo, hương sắc không còn.

Tôi bùi ngùi đưa trả lại nàng những bó hoa khô.

Nàng khẽ tiếp:

- Giờ trót đời tôi ước gì lại được bó hoa tươi của ai tặng nhỉ! Có một đêm tôi nằm mê thấy được như thế đấy. Song đùa vậy mà chơi, chứ đó chỉ là một giấc mơ mà!

Mấy ngày sau, vào một buổi chiều trời u ám, lá rụng nhiều, gió thổi nhiều, tôi đi lang thang bên bờ hồ Hoàn Kiếm, rồi qua chợ Đồng Xuân. Chợ đã tàn, chỉ còn một cô gái bán hoa, - trên rổ còn một bó hoa gần héo úa. Nhìn cô gái bán hoa mặt buồn rười rượi, quần áo tồi tàn, tôi tưởng tượng đến cảnh gia đình nghèo túng của cô, tôi vét tất cả xu trong túi mua bó hoa tàn úa ấy rồi đi.

Đang lúc không biết dùng bó hoa ấy làm gì, thì một chiếc lá rơi xuống đầu tôi, một hơi gió nhẹ thổi qua tai tôi như hơi thở của một người gần chết, tôi vụt nhớ đến Bảy Hoa. Vội vàng, tôi quay lại nhà nàng.

Nghe tiếng giầy tôi vừa giẫm cọt kẹt trên sàn gỗ nát, Bảy Hoa đang thiu thiu bên khay đèn không lửa, bỗng mở mắt nhìn tôi, gượng cười.

Ngồi bên nàng, tôi ngạc nhiên vì thấy đày mình nàng rắc kín những cánh hoa khô héo mà người ta đã tặng nàng, và nàng đã cho tôi xem đêm nọ. Nàng nắm tay tôi, thở phì phào:

- Ông làm ơn mở rộng cái cửa sổ kia ra, cho tôi nhìn thấy trời một lần chót nữa.

Tôi kính cẩn nâng bó hoa mua ban nãy, ghé tai nàng:

- Bảy Hoa, tôi tặng bà bó hoa này, tôi tặng bà tất cả tấm cảm tình của tôi hồi thơ nhỏ, và tôi cầu cho linh hồn bà siêu thoát.

Mắt sáng hẳn lên, nàng đỡ bó hoa đặt lên miệng hôn, rồi ấp lên ngực, hơi nhếch đôi môi xám nhạt:

- Ông đã làm giấc mơ của tôi thành sự thực, ông đã cho tôi một bó hoa cuối đời..., ông ơi, tôi mãi nguyện quá, vui thỏa quá...

Rộn người, tôi cúi đầu trước thi thể Bảy Hoa trong căn gác tối, khi ấy ngoài trời mưa gió vẫn thổi dài.

Sáng tác năm 1934

Đăng *Tiểu thuyết thứ Bảy*, số 163 / 1937

## Anh gắng nuôi con

Cuộc đời Phương đều đặn như một cái đồng hồ tốt. Sáng anh dậy sớm đánh thức thằng nhỏ, giục nó quét nhà, đun nước. Còn anh ra cửa đứng đợi mẹ hàng xôi quen.

Mua xôi xong, thằng Hoa, đứa con trai lên năm tuổi cũng ở trên giường bò xuống đất. Phương bế nó lên nệm một lúc, rửa mặt cho nó và cho con ăn uống xong xuôi anh mới ăn sau. Rồi rất vội, anh trèo lên giường với lấy cái khăn lượt chụp lên đầu, mặc chiếc áo trắng dài hồ cứng cổ, xỏ chân vào đôi giày vải trắng đế cao su.

Trong khi ấy, thằng đầy tóc đỏ như râu ngô, mặt búng như thị rụng, mà tai hại thay nó có sức ăn khỏe tựa hổ, đã ủ rũ đứng bên cạnh để nhắc anh chi tiền mua đậu phụ và rau muống.

Hôn con một chập nữa, căn dặn thằng nhỏ trông nom con kỹ càng, Phương dắt chiếc xe đạp tồi ra ngoài ngõ. Đến đường nhựa, anh vén áo gài vào thắt lưng cho khỏi nát, nhảy lên yên, gò lưng đạp.

Tới sở, Phương cất xe đạp vào một xó, khóa cẩn thận. Anh cúi chào người chủ Tây đen rồi tiến đến dãy tủ kính, đứng nguyên một chỗ, nhìn ra ngoài cửa đợi khách vào hàng để tiếp.

Suốt buổi, Phương cố sức làm hết bốn phận một người làm công cho được lòng chủ. Hết giờ, anh lại dắt cái xe đạp tồi ấy ra đường, vén áo gài vào thắt lưng cho khỏi nát, nhảy lên yên, gò lưng đạp... và lại theo những

con đường cũ về nhà. Cứ đến cửa, thấy con là anh đã vui sướng ôm ngay lấy nó bế lên hôn, đặt nó lên vai, cù cho nó cười để anh cũng cười với nó.

Hoa nghịch bần, anh tức khắc tắm rửa cho con; quần áo lấm của nó anh giặt lấy. Bữa cơm, anh sẵn sóc cho nó ăn no rồi anh mới ăn sau. Cả buổi trưa, Phương ru cho con ngủ. Và trong khi nó ngủ, anh lại vội chụp cái khăn xếp lên đầu, lồng chiếc áo trắng dài vào cái mình còm cõi, rón rén bước để nó khỏi thức dậy, xuống bếp dắt xe đạp ra đường, cầm đầu đạp nhanh đến sở.

Buổi tối Phương nằm kể chuyện cổ tích cho con nghe, để nó mau buồn ngủ.

Và sáng hôm sau thức dậy, anh lại bắt đầu sống lại cái ngày hôm qua, hôm kia... Anh lại lo đầy đủ phận sự một người làm công, phận sự một người cha góa nuôi con dại, phận sự một người đàn ông sống lương thiện, hiền lành.

Bởi vậy, cuộc đời Phương đều đặn như một cái đồng hồ tốt.

Phương đạp từ từ cho xe chạy chậm trên con đường vắng. Nắng hè chiếu rất lừng, anh khát, ghéch chiếc xe đạp vào rìa hè, uống cốc nước đá hai xu rồi lại đạp. Anh đi phơi nắng như thế từ lúc một giờ trưa. Sự diên rồ ấy anh vẫn có mỗi lần bị những nỗi đau đớn thấm vào tâm hồn, mỗi lần bị những ý nghĩ chán đời thúc giục và xô đẩy đến gần một sợi dây thừng, một chén thuốc độc, một lưỡi dao.

Nỗi sầu khổ vì vợ cũng nguôi dần: người đàn bà ấy đã nằm yên dưới mộ rồi. Trước khi trút hơi thở cuối cùng, nàng còn cầm tay anh dặn dò: “Anh gắng... nuôi... con”, và không lúc nào tâm trí anh không vang vọng lời dặn dò khắc khoải ấy. Bây giờ, anh chỉ biết có yêu con. Nó là lẽ sống của anh, cho nên, những khi con ốm, anh ôm chặt nó vào lòng và run sợ: Nếu nó

làm sao... thì anh tự sát, vì không nó anh còn biết yêu thương ai trên cái cõi đời gớm ghiếc này!

Hôm nay, điều khiến anh buồn vẫn một duyên cớ này thôi: sự nghèo nàn, cùng túng quá đỗi. Nghĩ đến thằng bé vừa mếu máo vừa dặn anh ban nãy: “Ba nhớ mua cho Hoa quả bóng cao su đỏ nhé”, anh lại thở dài. Anh biết lúc này không thể mua cho con quả bóng cao su đỏ ấy. Có đắt lắm đâu! Nhưng than ôi, chẳng đã bao lần anh ăn cháo đấy sao? Hình ảnh con anh lại hiện lên. Ban nãy thằng Hoa chạy sang nhà hàng xóm. Một lũ trẻ nhà giàu xúm nhau đá quả bóng cao su đỏ trên sân. Nó đứng nhìn một cách thèm thuồng. Quả bóng lăn tới chân nó. Nó vội nhặt lên xem thì bị một đứa trẻ hung ác đánh đuối ra cửa. Chạy về, nó vất quả bóng mà anh quẩn bằng giẻ rách đi, khóc nức nở bá lấy cổ anh, đòi mua bóng cao su chứ không chơi bóng làm bằng giẻ nữa. Đau ruột, thương con, anh hẹn nó chiều mai sẽ mua một quả bóng cao su. Nhưng giết ai cho ra tiền được. Ở cái đất Hà Nội giữa lúc này, anh làm sao có thể liều cầm súng giả tổng tiền.

Phương đạp đến một phố Tây. Anh vẫn cúi đầu nhìn vòng bánh cao su từ từ quay, nghĩ ngợi xót xa.

Bỗng Phương giật nảy mình vì cánh tay anh vừa bị cái gì đập phải. Đó là quả bóng cao su lớn. Quả bóng bắn xuống rãnh nước, lăn mãi trước mặt anh, rồi lăn tọt vào miệng cống. Đạp nhanh qua miệng cống, anh để ý nhìn: quả bóng bị mấy chiếc lá bàng che kín.

Mừng rỡ, anh đạp đến đầu phố, dừng xe sau một cột đèn. Anh vờ đánh diêm châm mẩu thuốc lá để dành trong túi tự hôm qua, và liếc mắt nhìn trở lại. Anh thấy mấy đứa trẻ con Pháp đang ngơ ngác tìm quả bóng. Nhưng chúng chỉ tìm qua loa, không thấy, chúng chạy cả vào nhà.

Phương sững quá, mím cười rồi đạp xe đi. Suốt buổi làm ở hiệu, anh bồn chồn nghĩ mãi đến quả bóng cao su nằm trong miệng cống. Anh bần

khoản lo rằng lũ trẻ con Pháp sẽ tìm thấy nó, hoặc anh phu quét đường, anh phu rác vô tình đưa nhát chổi vào...

Mong mỗi mãi mới tới lúc thành phố lên đèn. Phương dắt xe đạp ra đường, chẳng kịp gài vạt áo vào thắt lưng cho khỏi nát, anh phóng đi vun vút.

Cái miệng cống đây rồi!

Nhưng anh không dám dừng xe lại. Anh đạp thẳng, mặt tái đi bởi anh thấy tính lương thiện của mình không thể dễ dàng biến ra cái liều lĩnh của một thằng ăn cắp. Đi hết phố, Phương quay trở lại. Tim anh đập mạnh hơn. Song anh hẹn cho mình lần này phải liều. Đến gần miệng cống, anh tạt xe tới vỉa hè, toan xuống. Bỗng một tiếng còi xe hơi hét sau lưng. Phương giật nảy mình, đạp thẳng.

Anh hãm xe lại sau cột đèn, bực tức... Anh phải gọi lòng dũng cảm bằng cách nghĩ tới những vị đường quan ăn cắp tiền dân để làm giàu; những sự tàn nhẫn của các bậc đại thần... bóc lột cả tiền tài, trinh tiết của đàn bà, con gái để cung cho đục vọng chốc lát... còn anh, anh chỉ nhặt quả bóng cao su trong lỗ cống bẩn mà thôi! Đó không phải là tội lỗi mà là quyền của một người đi ngoài phố - không ai cấm nhặt vật gì nằm dưới gót giày.

Thế rồi, người đàn ông đã triết lý để có đủ năng lực ăn cắp, chặc lưỡi một cái ung dung đạp xe đến gần miệng cống; anh nhìn trước sau, nhìn xung quanh, sau cùng vờ hỉ mũi, cố ý đánh rơi chiếc khăn tay. Và tức thì, anh nhảy xuống nhặt chiếc khăn, đồng thời bàn tay run bần bật thò vào miệng cống gạt mấy cái lá bàng sang bên, lôi quả bóng ra. Đoạn anh luống cuống trèo lên yên, ra sức đạp. Mắt anh hoa lên, mặt tái mét, mồ hôi chảy ròng ròng. Qua được vài phố, ngoắt ra đường bờ sông, nhờ luồng gió mát quạt vào người anh mới tỉnh. Quả bóng bám đầy nước cống bốc lên một mùi hôi hám, anh vẫn ôm chặt vào sát ngực.



Ngày chủ nhật, Phương xoay trần, chuyền bóng với con ở ngoài sân.

Quả bóng qua lại trước mắt anh, anh lại nhớ đến buổi chiều hôm ấy... Mặc dầu cách nay đã một tháng, và lý luận cách nào đi nữa, Phương vẫn đỏ mặt, đau đớn mỗi lần thấy con tươi cười ấp quả bóng cao su lên cái má trắng hồng phình phính, chạy tới nũng nịu: “Ba mua bóng ở đâu thế hả ba?” Bị con hỏi ngây thơ như thế, anh rầu mặt, cúi đầu nhìn bàn tay buổi chiều nọ bám đầy nước cống mà tới giờ lúc nào anh cũng còn ngửi thấy mùi hôi.

Phương bảo con cất bóng, rồi anh mặc áo, dắt nó lên vườn Bách thú.

Ở công viên này, vào ngày chủ nhật trẻ con Pháp chơi đông lắm.

Đi qua chỗ trẻ chơi đu, nó đứng lại nhìn một cách thèm thuồng con búp bê của một đứa con Tây đang ẵm.

Phương kéo nó, nó không chịu đi cứ ngây mặt ngắm con búp bê ấy mãi. “Ba mua cho con con búp bê đẹp như thế kia nhé! Ba mua nhé!...”

Phương nín lặng. Nó nhìn cha rồi mếu máo. Anh đưa con về, và từ đấy anh lại náo lòng vì con búp bê mà anh biết rằng không bao giờ mua được.

Trưa hôm sau, Phương lại cùng chiếc xe đạp lang thang trên các con đường vắng dưới nắng hè. Mỗi mệt, anh ngồi xuống chiếc ghế xi măng bên hồ Hoàn Kiếm, rút khăn thấm mồ hôi. Anh nghĩ đến con lúc này đang ngoan ngoãn ngủ để mơ thấy con búp bê xinh đẹp anh hẹn chiều nay sẽ mua về. Phải đánh lừa con, anh khổ tâm lắm. Anh muốn khóc, khóc to lên. Anh hăn học với tất cả mọi người, bởi vì mọi người, giữa lúc lòng anh khổ não thế lại nhớn như kiêu hãnh vì được sống, khiến anh ghen tị và tức tối. Xe hơi bóng nhoáng chạy vun vút trên đường, những tà áo lụa thấp thoáng sau những khóm liễu rủ tơ mảnh... Hoa gạo đỏ, hoa soan tây trắng nở rục trời bên kia bờ in bóng xuống mặt hồ xanh lặng sóng. Đời đẹp lắm, vậy mà anh cảm thấy mình không được sống giữa cuộc đời!

Mắt anh bỗng đỏ hoe. Một thiếu nữ đi qua nghiêng dù liếc trông anh, cười khúc khích với bạn tình. Xấu hổ, Phương vội đứng lên, nhìn đồng hồ nóc nhà Gô đa. Đến giờ rồi, Phương dắt xe đạp lên đường, tới hiệu.

Người chủ Tây đen tươi cười với anh và giơ tay cho anh bắt. Anh ngạc nhiên, trở mắt nhìn vẻ mặt hoan hỉ của chủ nhân và không hiểu tại sao cái bộ mặt tối như đêm ba mươi Tết lại có thể lòi ra cái cười hân hỷ ấy khen anh ít lâu nay làm việc tốt nên bán được nhiều hàng. Vậy mà, anh vẫn không có tiền mua cho con một thứ đồ chơi!

Sự bức tức, cái kính lại trở dậy trong lòng, Phương sầm mặt. Anh cảm thấy người ta lợi dụng anh, vắt mồ hôi sức lực của anh, để rồi thỉnh thoảng ban cho anh một nụ cười, một cái vỗ vai, làm như anh là một đứa trẻ con. Thực là vô lý.

Cơn phẫn uất tự nhiên phát sinh một cách mạnh mẽ, khiến Phương run lên. Anh muốn bóp cổ kẻ đã bóc lột anh, nếu không, ít nhất anh cũng phải làm một cái gì... Anh đứng thừ ra nghĩ... hai tay bám chặt vào thành ghế. Nhưng mắt anh nhìn thấy những viên cảnh sát qua lại ngoài đường, tưởng tượng một tay mật thám trong túi sẵn sàng sợi xích đang ung dung bách bộ trên hè phố kia thì sự phẫn uất đó không dám đưa anh đến một hành động quyết liệt nào cả. Anh buông thõng hai tay xuống.

Một chiếc xe hơi vút đến sịch đỗ ngay trước cửa. Trên xe, một cô đầm xinh xắn, thò đầu ra nhìn vào trong hiệu. Tức thì, ông chủ anh ôm một bó hoa ra bước lên xe. Phương biết chủ đi Tam Đảo, ở cửa hàng chỉ còn anh và hai người làm công nữa. Nhưng họ đứng cách xa anh.

Anh đưa mắt nhìn cái tủ đựng đồ chơi của trẻ con.

Thốt nhiên, hình ảnh Hoa lại hiện ra, và một giọng ngây thơ nũng nịu văng đến tai: “Ba mua cho con con búp bê đẹp nhé!...”.

Vậy lúc này anh có thể mua cho nó con búp bê không phải mất tiền, chỉ cần mất đi một chút lương tâm, hủy đi một chút danh dự làm người. Không khó khăn gì, chỉ mất một giây để nhìn xem có ai để ý đến không - y như bữa nọ trước khi thò tay vào miệng cống moi quả bóng - thế rồi anh cứ việc nhấc ra con búp bê đẹp nhất. Phương quyết thi hành. Lần này tim anh không đập rộn bằng lần ăn cắp quả bóng cao su, và mặt anh cũng không tái lăm, tay chân anh cũng không run lăm. Người đàn ông lương thiện ấy đã đủ can đảm làm một thằng ăn cắp có nghệ thuật. Một phút sau, con búp bê đẹp nhất trong tủ kính đã nằm trong một xó kín, và năm phút sau nữa, Phương đã đem thoát nó ra đường, nhảy tót lên xe đạp.

Hoa chán quả bóng cao su và bỏ quên nó dưới gầm giường. Bây giờ, nó chỉ chơi với búp bê: “Ba mua búp bê ở đâu thế hả ba?” Mỗi lần con thơ hỏi thế, Phương lại rầu mặt. Anh khổ tâm lắm. Nhìn hai bàn tay mình, anh muốn khóc lên, muốn chặt nó đi: “Bàn tay này đã khoẳng vào nước cống; bàn tay này đã thò vào tủ kính ngát mùi thơm, để ăn cắp những hai lần!”.

Hai lần ăn cắp trong một tháng, chỉ vì chiều một đứa con. Đã nhiều lần anh muốn bắt chước những người hàng ngày làm điều như bản tội lỗi mà không cần tự vấn, nhưng không được; anh vẫn bị sự hối hận đêm ngày day dứt, sự hổ thẹn làm cho đỏ mặt. Đã biết bao đêm không ngủ, buồn bã nằm ngắm đứa con thơ, bên tai anh lại văng vẳng lời người vợ dặn dò lúc lâm chung: “Anh gắng... nuôi... con”, nhưng anh muốn được nuôi con một cách đàng hoàng trong sạch chứ không phải như thế này. Anh đấm ngực kêu lên.

Phương sống quặn quại như thế tự bốn hôm nay. Một buổi trưa, anh đang mặc áo đội khăn và ngắm con ngoan ngoãn ngủ, tay nó còn ôm chặt con búp bê và quả bóng cao su thì có tiếng giầy gõ lộp cộp ngoài cống. Nhìn ra, Phương thấy lão Tây đen ở hiệu anh làm cùng một người nữa dựng xe đạp ngoài cửa, xồng xộc bước vào nhà.

Lão Tây đen giật lấy con búp bê và quả bóng ở tay Hoa, ngửa mặt cười một cách khoái trá, rồi bảo người kia khóa hai tay Phương lại, lôi đi. Phương không chống cự, ngánh cổ nhìn con, nước mắt trào ra.

Trong khi ấy, Hoa vẫn ngoan ngoãn ngủ say, hai cánh tay bị bấm vòng trước ngực như để giữ chặt lấy con búp bê yêu quý, mà nó tưởng không ai có quyền cướp được của nó.

(Đăng *Tiểu thuyết thứ Bảy*, số 222/1938)

## Ra tỉnh

"**Ấ**y, chúng tôi ra tỉnh chơi vài ngày. Nhà ông bà phán cháu ngoài ấy có tiệc cưới cô Lan. Nghe đâu cô Lan lấy chồng làm quan lớn đốc tờ, kiếm nhiều tiền lắm.

Vợ chồng anh Tư tươi tỉnh khoe với mọi người như vậy suốt từ con đường xóm ra đến cổng cái làng, từ cổng cái làng ra đến nhà ga xe lửa. Chị Tư cắp cái thúng trong đựng chiếc hộp sắt tây gi chứa trầu cau, thuốc lào và ít quần áo của hai vợ chồng sẽ dùng thay mấy ngày nóng nực ở tỉnh. Anh Tư một tay giương chiếc ô đen thủng rách, một tay xách cái bu đựng bốn con chim câu. Năng xiên khoai, anh Tư che nghiêng ô, và có ý che cả cho chị vợ tong tả đi trước, trên con đường ruộng hẹp.

Cánh đồng vắng và nắng mông mênh. Bầu trời có những đám mây trắng lặng lẽ trôi. Lúa vàng trĩu hạt. Những con cào cào kêu canh cách buồn tẻ ở các ruộng khoai sọ, và ruộng đỗ úng nước mưa đêm qua. Anh Tư đi sau, cách vợ chỉ chừng hai bước ngắn. Anh nhìn trời, nhìn lúa, nhìn mấy con trâu lững thững gặm cỏ trên con đê xa. Cảnh trời đất, mùa màng ấy anh thấy quanh năm còn có gì là thú nữa. Anh cúi xuống, bước tránh những đám cỏ may, và giục vợ:

- Mau lên bu mày, kéo nhỡ tàu thì khốn.

Chị Tư, nhổ toẹt cốt trầu sang bên ruộng, kéo vạt áo lau mồ hôi, bước gập lên chút nữa:

- Chả lo. Đã trông rõ nhà ga kia rồi. Còn chặng đồng nữa chứ xa bao nhiêu mà sợ nhỡ.

Anh Tư theo sát chân vợ, cả hai cùng rầm rập bước. Cái bu chim lắc lư mạnh, mấy con chim bị sóc, giãy xáo xác, vướng mắc cả đuôi cả cánh vào nan tre. Trong khi ấy thì dải dây lưng lụa màu hoa lý của chị Tư thình thoảng gặp gió lại bay rẽ sang bên ruộng lúa vàng, màu hoa lý nổi bật lên. Anh Tư cứ nhìn dải dây lưng bay mà bước. Gió làm ráo mồ hôi, và vẻ đẹp của mảnh lụa làm cho lòng anh nhẹ nhõm. Chút nghĩa tao kang bao lâu cơ hồ bị sao nhãng đi vì lo cơm gạo, nợ nần, lúc này khiến anh băng khuâng nghĩ đến. Nghĩ đến mà thương nhau. Anh thấy hối hận những lúc bực mình, cáu kỉnh mà đánh chửi chị Tư, anh thấy khổ thấm thía những lúc hai vợ chồng ngồi nhịn đói mà nghe người ta réo nợ vang cả ngõ. Và anh vụt nhớ lại ngày nào chị Tư còn có đôi má đỏ hây hây, thân mình thon thả.

Cái nhục và cái vui hoang mang trong lòng anh như giấc ngủ nặng nề của một con bệnh sốt rét ngã nước. Anh bước lập cập, vấp ngay vào chị vợ, anh lạng người suýt đâm bổ xuống bên ruộng nước. Chị Tư vội đỡ được chồng, cười bảo:

- Nhà này sao thế? Không có tôi thì bộ cánh diện đúng bần. Để đến cung lại quay về giặt!

Chị cười toe toét. Anh Tư cũng cười, cúi nhìn cái áo cánh đùi vàng chốe, và cái quần trắng vải ta anh đang mặc. Chị Tư bảo là bộ cánh diện, anh cho ngay là phải. Công trình ăn nhịn để dành của hai vợ chồng trong nửa năm mới có nó và có dải lưng lụa hoa lý kia, chứ có dễ đâu. Hai vợ chồng lại bước đều. Qua một cánh đồng gần bờ đê bỗng cả hai người không bảo nhau mà cùng đi chậm lại. Giọng chị Tư lo lắng:

- Quái! Bố nó trông hình như có đứa nào nhỡ trộm, sao lại có chỗ lúa thưa đi thế kia. Lại đứa chăn trâu, bò chết dẫm nào nó mót non đây.

Anh Tư không nói, chỉ chép miệng, thở dài hai ba cái liền. Chị Tư cau mặt lại, lầm bầm:

- Ruộng xa làng hại thế đấy. Đã đến nước này thì bố nó để tôi chửi bật mà chúng nó lên mới được.

Chị ngẩng nhìn quanh. Trên đê có vài con trâu lằm lì gặm cỏ. Khắp cánh đồng không có bóng người. Mặc kệ, không có ai, dù chỉ có mấy con trâu, chị Tư cũng định chửi mấy câu, chửi cho to thì trong làng *chúng nó* cũng phải nghe thấy chứ. Chị đặt thúng xuống, vừa sửa soạn để chửi thì anh Tư gắt mà gạt ngay đi:

- Thôi bu nó. Hay gì cái thói chua ngoa. Mình càng chửi nó càng lấy trộm già.

Chị Tư vốn sợ hãi chồng, lại bưng thúng lên, nhưng chị cũng lầu nhầu, rồi cả hai vợ chồng lại rảo bước.

- Ưc lăm. Làm mồ hôi cái mồ hôi con, đến vụ chúng nó kéo nhau ra ăn trộm.

Anh Tư chỉ chép miệng, im lặng bước. Chị Tư một lúc sau lại nói:

- Nào có phải ruộng của mình. Cái thân phận đi cấy rẽ, không gặp mưa nắng thuận hòa, không trông nom xuể thì bán xác đi mà bù thóc cho người ta ư. Món nợ ông bà Phán ngoài ấy còn có ít, vụ này lại nợ thêm lên nữa thì đến cùng...

Chị nín ngay lại. Chị toan nói đến câu “tự tử”, nhưng biết rằng nói đến câu ấy là anh Tư nổi cục mà chửi liền. Anh rất sợ cái việc phẫn uất ghê gớm ấy. Thường khi, anh bảo vợ: “Dù khổ thì cũng cứ phải cố sống. Trời đầy mình làm thẳng khổ rách áo ôm mà chỉ nghĩ đến chết thì chết một nghìn lần chưa đủ. Huống chi mình còn có cha mẹ già, còn có con thơ nữa. Chết làm gì vội cho phí đời. Khổ mãi cũng quen đi”. Anh Tư nghĩ thế, nói

thế, khuyen vợ thế. Chị Tư cũng nghe mà vâng lời chồng. Nhưng đã có nhiều hôm, chị Tư rất đỗi ngạc nhiên thấy chồng đi đâu về, lầm lũi giở chứng ra uống một hai chén rượu (anh không hay uống rượu), uống rồi chồng chị nằm thẳng cẳng ra đập đầu vào thành giường, đập huỳnh huých cả hai chân vào vách. Chị vợ không dám hỏi, nếu có đánh bạo mà hỏi thì anh chỉ đáp:

- Đàn bà biết cái cóc gì! Mẹ kiếp chúng nó. Ông sống làm người, giờ đây ông thế này thì ông chịu, nhưng rồi có lúc ông hơn chúng nó. Trời có đóng cửa mãi ai đâu!”

Chị Tư chỉ biết lại chuyện nợ nần với lũ cường hào, chuyện ngôi thứ lôi thôi gì đấy. Chị không muốn hỏi nhiều. Hỏi thì anh cũng đáp. Nhưng trước khi nói, thế nào anh cũng mắng “Đàn bà biết cái cóc gì!” - “Ừ, tôi là đàn bà!”. Lần nào bị mắng, chị chỉ nói gọn lỏn một câu như thế, rồi ngồi ăng lạng. Anh Tư nghe vậy đã có lần ngấn mặt ra nhìn vợ. Anh hiểu chị chỉ định ngỏ cái ý phẫn uất của chị mà thôi.

- Đây bố nó này, cái số tiền mình còn thiếu của ông bà Phán, giá mình nói khéo mà xin, may ra được đấy.

Anh Tư lầm lỳ bước. Tính anh vậy, ai nói, ai hỏi gì, anh không đáp ngay bao giờ. Để người ta đợi một lát, anh mới chặc lưỡi. Cái tật của anh là chặc lưỡi. Chị Tư đã chế anh là con thạch sùng.

- Cái đó để còn xem ra sao chứ. Bu mày tưởng dễ lắm hử. Cái trò nhà giàu, càng giàu có lại càng tham của.

Anh vừa nói đến đấy thì ở đằng chân trời có một làn khói đục vẩn lên. Chị Tư rồi rít giục chồng rảo cẳng.

Tàu đến ga, toa nào cũng chật. Khổ sở lắm, anh Tư mới thu xếp được một chỗ cho chị vợ ngồi, còn anh thì đứng co ro giữa những bồ hàng. Chị



vợ nhìn chồng, ái ngại. Anh biết vợ thương mình. Nhưng anh ngoảnh mặt trông ra đồng lúa, chặc lưỡi khẽ một cái.

Đến ga Hà Nội. Nhà ông bà phán ở phố gần ga. Anh Tư ra tỉnh lần này là lần thứ hai, còn mang máng nhớ đường và nhớ tòa nhà hai tầng, cửa có hàng rào song sắt của ông bà phán. Hai vợ chồng lệch thếch, ríu vào nhau mà đi. Tới một tòa nhà hai tầng, anh Tư không còn ngờ gì vì sân có xác pháo. Nhà có việc vui mừng, xác pháo là dấu hiệu. Anh ý tứ bảo vợ theo anh đi vòng ra phía cửa sau.

Cô Lan - cô dâu - niềm nở đón vợ chồng anh Tư, và trách mãi rằng sao lại về vội mừng rỡ làm gì cho phiền phức.

- Hai bác ra chơi là đủ, còn chim thì để mà nuôi có hơn không.

Chị Tư toan đáp nhưng đi đến cái chỗ long trọng này, chị rất sẵn lòng nhường quyền ăn nói cho chồng. Nhưng anh Tư tính vốn thế, lẳng lặng chưa đáp cô Lan. Anh đang chợt nghĩ đến một buổi tối trời, có bốn con chim không biết ở đâu bay lạc đến đậu trên mái bếp. Anh lửa tóm được cả. Xem ở chân có đeo mấy chiếc sáo anh mới biết là chim thi bạt gió mà lạc đến. Vậy thì cái lễ vật này là của trời cho, chứ vợ chồng anh làm gì có tiền mà mua. Anh toan nói thực thà, anh vừa gãi tai thì cô Lan đã chạy vút ra cửa trước để đỡ cho bà phán những gói hàng bà đi mua về. Anh chị Tư ra chào ông bà phán. Ông phán mắng mãi về sự bày vẽ kia. Bà phán đang bực mình sự gì, không cho cái việc ấy là cần nói đến.

Khách khứa ra vào mừng rỡ âm âm. Cô Lan mãi cười nói với các cô bạn tân thời. Bà phán lại lên xe nhà đi luôn. Ông phán thì nằm hút ở phòng riêng, không nói năng gì.

Vợ chồng anh Tư loanh quanh dưới nhà bếp. Bồi, con sen, thằng nhỏ, vú già, ai cũng tấp nập, mổ gà, mổ vịt. Mấy cô bạn tân thời của cô Lan thì đưa

nhau thái những thức đồ nấu và làm bánh trái. Vợ chồng anh Tư không biết làm gì, mà cũng không thấy ai cử mình làm việc gì cho khỏi bị trơ trên.

- U để tôi rửa nhé!

Chị Tư sán đến mấy chậu bát đĩa mà mẹ vú già đang rửa. Mẹ đáp hững hờ:

- Bác khéo tay cho. Bát đàn vỡ chũa sao, chứ bát sứ, đĩa sứ này mà vỡ thì tiền công của tôi không đền đủ.

Anh Tư thì lửng khửng đứng nhìn phở xá. Thực thì anh không muốn làm gì vợ. Anh nghĩ thầm rằng, chẳng lẽ ra tình ăn cỗ cưới mà cũng lại phải làm thì khổ lắm. Thà ở nhà, uống nước lã, ăn khoai.

Bà phán sấm sấm về. Bà chống hai tay sang bên sườn, nhìn gia nhân làm việc. Anh Tư thấy mình không có ích lợi gì thì lấy làm ngượng nghịu. Giữa lúc ấy bà phán quay lại ngọt ngào bảo anh:

- Chết chửa, nước sắp hết rồi, mà đũa nào cũng bận cả. Giá được bác Tư ra máy quáy giúp tôi mười chuyến thì quý hóa quá.

Nói dứt lời, bà phán nhanh nhẩu chỉ ngay đôi thúng và đưa cái đòn gánh cho anh Tư. Anh vội giơ tay ra đỡ đòn gánh, và đáp khẽ:

- Vâng, bà để nhà cháu xin đi gánh ạ.

Anh đặt đòn gánh lên vai. Chị Tư liếc nhìn anh, rồi cúi ngay xuống. Chị thở rộ lên một cái, chị lo chiếc áo cánh đùi và chiếc quần vải trắng mới của chồng sẽ bị bẩn.

Anh Tư ra máy nước. Máy thảng xe, thảng bếp ngấm anh rất cẩn thận, rồi chúng cười rộ cả lên:

- A, người anh em sang quá.

- Ông lý làng ta hẳn phát tài nên diện tợn!

Anh Tư ngỡ ngác nhìn chúng. Anh tức và hơi sợ. Thấy người ta xếp thùng theo một hàng dài thứ tự, anh cũng làm như vậy. Chờ nửa giờ mới đến lượt anh lấy nước. Nhưng đến lượt anh thì cái gã chế anh ban nãy ném ngay đôi thùng của anh đi, bảo:

- Tớ vội, tớ lấy trước. Đẳng ấy lấy sau.

Đôi thùng bị ném đi, kêu vang lên và lăn long lóc. Anh Tư chạy theo đôi thùng, nhặt lên. Mắt anh đỏ ngầu, anh chửi một câu. Gã kia xông đến thụi vào ngực anh một quả. Ngực anh đau nhói, anh lạng đi. Anh đứng vững lại, hoang mang. Chưa có ý định rằng có nên đánh trả lại hay chịu nhịn thì có hai viên cảnh sát đến, ghéch xe đạp vào vỉa hè, đứng nhìn tất cả mọi người. Mọi người đều im răm rắp. Anh cũng đứng yên. Đến lượt thùng của anh lấy đầy rồi gánh về. Chị Tư đang vo gạo. Chị ngược lên nhìn chồng. Quần áo chồng bị ướt át, tóc rối bù lên và mắt thì đỏ ngầu ngầu. Anh Tư cũng nhìn vợ. Hai vợ chồng cùng vội cúi xuống.

Gần khuya, khách ăn đã ra về. Anh Tư mệt nhoài vì hầu hạ, bưng mâm, xách ghế. Anh hết lên nhà trên, lại xuống bếp. Ở bên bể nước, anh chợt nghe thấy một tiếng kêu khe khẽ. Và tiếng cười sảng sặc. Anh đứng lại, nép mình vào góc tường nhìn ra. Anh thấy chị Tư đang ngồi rửa bát, thằng bếp ngồi bên cạnh. Anh bước xuống sân. Thằng bếp lảng đi chỗ khác, và nó ba hoa cười nói, làm ra không có sự gì. Thấy nó du côn quá, mà trên nhà thì đèn sáng rực, anh hoang mang trước cái cảnh vợ mình vừa bị làm nhục, như chính anh cũng đã bị người ta làm nhục ban chiều ở ngoài máy nước!

\* \* \*

Hai ngày sau tiệc mới xong, và cô Lan đã vui vẻ lên xe ô tô về nhà chồng.

Vợ chồng anh Tư xin phép ông bà phán về quê. Cái ý định xin ông bà phán cho số nợ nhỏ cũ, anh Tư không dám nghĩ đến nữa. Bà phán tiễn vợ chồng anh bằng hai miếng trầu, và sai gói làm quà cho con anh vài chiếc bánh.

Tàu đến cái ga bé nhỏ giữa cánh đồng. Vợ chồng anh xuống, và lại đi trên những con đường ruộng hẹp. Hai vợ chồng lăm li bước, đầu cúi xuống, anh Tư có ý tránh những người quen. Anh không muốn người ta hỏi thăm về việc vợ chồng anh đi ra tỉnh ăn tiệc cưới. Thế mà cũng không tránh được. Có một hai kẻ hỏi, anh cũng phải cười mà đáp:

- Vâng, ngoài tỉnh đẹp quá, vui lắm ạ.

Về đến bậc cổng, thấy thằng cu lên bốn đang bò lê la nghịch vũng nước đá, chị Tư ãm ngay con lên nựng và hôn rối rít. Anh Tư xuống ao tắm rửa. Lên nhà, bỗng anh thấy ngực đau nhói, anh giơ tay lên xoa vuốt. Chị Tư đang ngồi vờng cho con bú, thoáng nhận thấy chồng ôm ngực và nhăn mặt thì vội hỏi:

- Bố nó làm sao thế?

Anh Tư im lặng cúi đầu bước vào nhà, một lát mới đáp:

- Không, chả làm sao cả!

Anh bưng bát chè tươi lên uống. Qua hơi khói nóng, anh nhìn vợ. Đứa con đang vừa bú một bầu sữa vừa đưa một bàn tay nhem nhuốc lên nghịch bầu sữa kia.

Chị Tư mắng yêu con:

- Cha thằng cu, bú còn nghịch nhá!

Cái cảnh thằng đầu bếp giở trò bỡn cợt vợ mình bên bể nước nhà bà phán vụt hiện ra trước mắt anh, tàn nhẫn... Anh ngả mình xuống giường, ngoảnh mặt vào vách, nhắm nghiền mắt lại. Bóng tối vào đây nhà. Chị Tư cất tiếng ru con buồn rười rượi.

(Đăng *Tiểu thuyết thứ bảy* số 434/1942)

## Xóm nghèo ăn tết chó

Tiếng mưa Một hò buồn rã rượi... Đây đâu phải con sông Hương mà là ngõ xóm Khâm Thiên, nên tiếng mưa hò lạc lõng, không ai nghe cả, chỉ một mình mưa và tiếng muỗi kêu loạn trong ánh sáng ngọn đèn dầu lạc. Nước ở chiếc áo vá phơi trên sợi dây bắt ngang gian nhà hẹp rỏ từng giọt xuống mặt, mưa vẫn nằm không nhúc nhích. Khói thuốc phiện đang khiến cho mưa say. Say rượu thì còn dễ quên sầu hận, chứ thuốc phiện càng say, buồn khổ càng ngấm mạnh vào xương vào máu. Mưa Một say thuốc phiện lần này là lần đầu nơi xứ Bắc. Xưa kia, lênh đênh ở con sông Hương, đàn vài khúc mà nghe, gặp tri kỷ ép nài thuốc, mưa cũng nể mà “tui vô phép” rồi nghiêng mình hút một điếu.

- Một điếu thì có hề gì ạ - Mưa nói với họ, hai khước mắt lim dim nhìn lên mũi bông đong đưa trên con sông khuya.

Đêm nay, đôi khước mắt ấy nhìn lên chiếc áo vá nước rỏ ròng ròng xuống mặt. Mưa thấy cái gì cũng mờ mờ. Mưa thấy cái áo trên kia biến ra cái áo lụa màu mạ non mà ngày xưa mưa ưa mặc nhất. Đã biết bao nhiêu con cá đớp cái bóng ấy in dưới nước dòng sông trong, biết bao nhiêu chiếc én liệng như đưa thoi ở đầu bông.

*Duyên nợ ba sinh,*

*Nghìn dặm lênh đênh... ai nhớ mình...*

- Đào ôi, cực quá! - Mưa Một thở phì phì, hai tay đập rời rã xuống giường.

Xưa mù chỉ hút một điếu chơi. Cái gì cũng chỉ để chơi! Thế mà bây chừ mù Một hút nhiều, tựa như việc mù ăn trầu, uống rượu, đánh bài, nếu mấy ả cô đầu ngoài phố rủ rê, nếu gặp ông Hai út (một ông thầy đồn người Bắc, đã một thời nổi trôi ở Huế để làm đồ đệ hai bậc danh cầm Đội Trác và Ngũ Đại) thì nhất định mù Một phải say rượu trong khói thuốc. Gái già gặp người tri kỷ già, “đôi chúng mình như hai con đò nát thầy ơi, hãy uống với nhau dăm chén, hút với nhau mười điếu rồi đồn vài khúc, ca vài câu cho nó vơi sầu, vơi khổ!”. Gặp những dịp như vậy, ông Hai út bèn lên dây cây tì bà. Mù Một sóng nhịp bằng hai bàn tay yếu, ca theo tiếng đồn.

- Ôi dào ôi, cực càng thêm cực! Thầy Hai út ạ... - Mù Một cúi đầu khóc.

Người bạn già không biết nói sao, bàn tay thông xuống. Mù Một ngượng ngừng lau nước mắt, mù mỉm cười, với cái tiêm dúng vào ngao thuốc phiện. Điếu thuốc xèo xèo. Mù Một nghĩ thầm khi mù mếu ắt cái mặt già nhăn nheo của mù cũng móp méo như điếu thuốc đang nở trên đầu bắc lửa. Nghĩ vậy mù thấy thẹn. Mù hò đôi câu, rồi bỏ lửng cho giọng trầm xuống tan đi như tiếng đàn của thầy Hai út bỏ lửng ở cung hồ.

Thầy Hai út ra về cho mù ngủ.

Mù cũng đứng lên theo tiễn ông bạn già. Nhưng mù không dám bước ra ngưỡng cửa, mù chỉ chấp tay lễ phép vái ông hai cái, rồi vịn tay vào tường, thò đầu ra tỳ nũa xem nhà hai bên dãy ngõ có ai thấy người đàn ông ở cửa mù ra không. “Phải e dè với cả tấm lòng ngay thẳng của mình, cực quá! Mình có chi giăng gió với người ta đâu. Chém cha cái miệng rộng dài!...”. Mù nói vậy rồi quay ngay vào. Mù lao đao buông phịch người xuống chiếu. Mù nằm nhìn lên cái áo vá, từng giọt nước lạnh rỏ xuống vầng trán nóng tê tê...

Mù hò. Lại hò mà nghe một mình. Mù chỉ có một mình nơi đất khách quê người.

\* \* \*

Có con, có cháu, mà rồi phải sống chơ vợ trong cái ngõ hẻm Khâm Thiên, người đàn bà Huế nọ không than thở với ai, không trách trời, trách Phật, buồn khổ quá mù chỉ ca đôi tiếng, có tiền thì ra quán uống chơ vài cút rượu, xong rồi mù lằm lì trở về nhà - ấy là một cái xó bụi bậm và đầy mạng nhện mà trước đây người ta chứa ô tô, mù năm lăm ra, hò vài ba câu như thời xuân xanh ở kinh kỳ.

Con mù Một là một anh thư ký, có vợ và đứa con trai bảy tuổi. Vợ anh là một chị gái giảng hoa gặp nhau ở đâu, lấy nhau năm nào, có con ra sao họ cũng chả cần nhớ làm chi, anh cũng quên luôn rằng trên đời còn có một mẹ già đang đau và ghen âm thầm cái “tình mẹ con” của mù đã bị ả gái giảng hoa, nàng dâu của mù chiếm đoạt. Người con trai yêu quý có nhìn đến mù đâu. Người nàng dâu một hôm ton hót với chồng rằng:

- Tôi thấy người ta đồn dạo này bà ấy nghiện rượu, nghiện thuốc phiện, đêm nào cũng ca hát với một lão thầy đàn.

Người con tê tái, rình xem một đêm khuya. Quả nhiên, gã nhìn thấy vậy. Gã lướt qua mặt mù, cố ý bật que diêm châm thuốc lá cho mẹ rõ mặt mình, gã cười nhạt rồi gã lao mình ra đi. Gã xin đổi ngay vào một tỉnh miền Trung, đem cả vợ con theo. Mù Một khóc sậm sục liền ba tháng, nhớ con năm phần, nhớ cháu cả mười phần. Cái thằng bé kháu khỉnh, mập như con ông Bụt. Trước kia, mỗi khi thằng bé được bố dắt đến ngõ thăm bà thì nó quần lấy cổ bà, bà cũng ôm chầm lấy cháu mà hôn:

- Cháu bà đấy à? Cháu có nhớ bà không? Chứ bà nhớ thương đến đứt ruột, đứt gan, cháu ạ...

Mù khóc trên tay cháu, rỏ nước mắt xuống bàn tay cháu. Thằng bé không chùi vào áo, nó đưa bàn tay lên môi:

- Bà ơi, nước mắt sao mặn thế, a bà?



Mụ nheo mắt nhìn cháu, cắn vào má cháu:

- Nước mắt và máu đều mặn cả. Thế cháu đã nếm nước mắt của ba cháu chưa?

Thằng bé ngây ngô:

- Chưa. Ba cháu chả bao giờ khóc như bà.

Mụ ngùi ngùi:

- Hôm nào cháu thử bảo ba cháu khóc, rồi cháu nếm xem nước mắt ba có mặn giống nước mắt bà không, cháu ạ.

Người con trai nghe mẹ nói, cúi gục đầu nhìn xuống đất. Lần thăm ấy, gã biểu mụ nhiều tiền hơn mọi lần:

- ...Để mẹ đong gạo trắng mà ăn. Gạo hẩm thế này, nuốt làm sao được.

Rồi gã cầm tay mụ, ngập ngừng:

- Thôi thì trăm giận nghìn hờn mẹ bỏ đi cho. Mẹ về ở với chúng con. Mẹ lần quất thế này, con xấu hổ với người ta, mà cháu thì nó nhớ...

Mụ thở dài:

- Con ơi, mẹ còn muốn nhìn mặt nó làm chi nữa. Nó lãng loạn, nó có coi mẹ ra gì đâu. Con cứ để mẹ ở đây, ngày nào mẹ chết thì con làm ma cho mẹ. Sau ba năm rồi, con có thương mẹ thì nhớ đem năm xương khô của mẹ về Huế mà táng ở bên mồ ông ngoại, bà ngoại con dưới chân núi đó...

Mụ ghen lời, khóc như mưa như gió. Mụ khóc một lúc lâu, vừa ngừng lên thì nàng dâu đã đứng ngoài đầu ngõ rít răng gọi thằng cháu mụ:

- Đi về thẳng kia. BỐ mà muốn ở đây với người ta thì cứ ở. Tao không cần.

Người con đành lẳng lẳng chạy theo đứa bé ra khỏi ngõ. Tiếng nàng dâu mù còn rít róng mãi ngoài đường.

Bữa ấy, mù Một lại ra quán uống đủ ba cú rượu. Mù lao đao về ngõ; mới bước chân vào cửa đã thấy ông Hai út ngồi đợi đấy rồi. Như mọi lần ông mang cả khay đèn đến, ông đang sửa bắc, mù bèn reo lên:

- May quá, thày út à. Tui đang buồn, tui đang say. Thày ôi, lại gặp cố nhân, thế thì lại đơn vài khúc, ca vài câu mà nghe chơi, chớ không gặp thày thì chừ tui đã treo cổ tui lên xà nhà cho rồi kiếp...

Thày út chỉ “ạ”, lặng đi một lúc mới ngậm ngùi:

- Chết chi cho uống bà bạn ôi! Đời còn vui lắm bà, nếu cứ được vui mãi như thế này.

Cả hai người hút xong chừng mười điếu thuốc, thày út lên dây đàn, dạo. Mù Một hắng giọng, ngồi lên, đôi mắt ướt mờ, nhìn vào ngọn lửa đèn đăm đăm.

\* \* \*

Tết đến rồi. Kẻ giàu sắm tết. Cái dân xóm nghèo của mù Một cũng bắt đầu bàn về tết và lo tết.

Nắng hoe hoe ấm lấp lánh trên dòng nước cống ngang cửa nhà mù. Những con muỗi ngày ở dòng nước cống bay rờn nắng, trắng lên như đám bụi. Mù Một ngồi sưởi nắng, ôm con chó vào trong lòng.

Con chó vàng của mù là bạn đọc từ đầu chưa ai hay, vì mù đã dặt đi cầm cho một mù chủ cô đầu. Con chó hay bậy, hay cắn khách, đã một lần dám

chui vào gậm giường Hồng Kông rình tha áo quần của một ông tham biện nhân tình mù chủ cô đầu, mù chủ đánh nó một trận đau rồi đuổi về mới mù Một.

Hôm ấy mù Một ngồi thụp xuống, giang cả hai cánh tay gầy ra đón nó, như những khi đón thằng cháu quý được bố dặt đến thăm mình. Mù cũng đã khóc trên đầu nó, mù đã ra ngoài ô mua một mớ xương bò về làm tiệc đãi nó, để tỏ chút tình chút nghĩa với nhau.

Ngày còn đưa cháu ở bên mù, đưa cháu vẫn là bạn thân của nó. Chúng chơi, chúng nghịch cùng nhau suốt ngày. Ngày mù ra đi, con chó cũng theo đi. Mù lại bầu bạn với nó, để nhìn thấy nó mà nhớ đến thằng cháu yêu. Thế mà túng bán quá, mù đã phải đem cầm cho mù chủ cô đầu. Bây giờ nó lại trở về, mù xoa vuốt nó, ngồi lăm lì với nó, hò cho nó nghe trong những ngày mưa dầm gió bắc hay những buổi cố nhân của mù, thầy Hai út, đi đâu xa.

- Bà Một ơi, con vàng độ này béo quá. Giá được nó mà bó giò hay hầm rửa mặn chén tết thì thú quá!

Bác Năm - răng - bặc cười nói oang oang. Mù Một cũng cười:

- Ủ, tui bán cho anh. Thế đã có tiền chưa?

Bác Năm - răng - bặc vỗ vào cái túi áo xanh đầy dầu máy, cái túi không có tiếng xu hào, nhưng bác lại càng cười to hơn rồi đi thẳng.

- Bà Một ơi, con vàng độ này có vẻ khặc khừ lắm thế. Để cho chúng tôi, sẵn riêng, mé ở nhà rồi. Chưa có gì chén tết đây, bà ạ.

- Ủ, tui bán cho bác. Thế đã có tiền chưa?

Họ đã có tiền. Nghĩa là họ đã loan báo cho cả xóm biết rằng tết này sẽ thưởng xuân bằng con vàng mù Một. “Con vàng béo lắm, chả cần gì kiêng

kị, nghèo thì bắt chấp thiên địa sự, bà con ạ!” . Họ góp tiền, kéo đến nhà mẹ Một.

Họ cười vang nhà, đặt tiền xuống chiếu. Rồi họ kéo con vàng ra. Con vàng sợ sệt nằm run nép ở gậm giường. Người ta cứ khua nó ra. Nó cũng gằm gừ kháng cự, nhưng bác Năm - răng - bạc đã đánh trúng một búa vào lưng, nó gục ngay xuống bên chân mẹ Một. Nhìn hai mắt con vàng ướm sưng ngược lên nhìn lại mình, trong khi người ta đã buộc dây thừng kéo nó đi xềnh xệch, mẹ Một đứt ruột, ôm lấy mặt. Mẹ nghĩ đến cái ngày nàng dâu mẹ giăng đũa bé cháu yêu khỏi tay mẹ, kéo tuồn tuột đi. Đôi mắt đen nhánh của nó cũng ướm đầm đìa như đôi mắt con vàng, như đôi mắt mẹ.

- Đào ôi, tôi nhớ con tui, tui thương cháu tui! Tui biết tìm nơi mô chừ!

\* \* \*

Chiều ba mươi Tết. Gió lạnh. Gió từ đâu reo trên mái ngói. Mẹ Một bứt rứt như điên, mẹ đi vào đầu ngõ, lại trở ra cuối ngõ, mẹ không chào ai, cũng chẳng nhìn ai cả. Đầu gục xuống, lưng mẹ còng xuống, trông thảm hại, thực là thảm hại!

Con vàng của mẹ cũng đang lờng lộn đòi đứt sợi dây thừng ở trong sân nhà bác Năm - răng - bạc, vì cái nhà cô đầu bên kia đã đốt một bánh pháo cúng tổ chiều ba mươi làm cho nó sợ.

Những bánh pháo khác tiếp ran lên. Con vàng cuống cuồng. Sợi dây bợt dần, sau cùng đứt hẳn. Con vàng cong đuôi chạy. Nó chạy ra bờ ao, luồn qua các bụi cây. Một đứa trẻ, con bác Năm - răng - bạc thét lên. Dân xóm, ấy là những người nghèo có phần vào con chó, lúc bấy giờ vừa kịp đi làm về, nghe trẻ thét, đều hò nhau vác gậy đuổi con vàng. Một cuộc náo loạn ghê gớm. Không ai thấy bóng con vật xó nào. Cái xóm nghèo nhớn nhác vì mỗi nhà mất một nòi giả cầy chó thưởng xuân. Họ cãi cộ nhau, trách mắng nhau, rằng sao Ba Kim có cũi mà không nhốt, rằng sao chị cả Ca - bánh -

cuốn có xích sắt lại không chịu bỏ ra: “Ừ xích sắt thì nó chạy đằng giờ! Xích sắt còn phải kể..., người còn chịu nữa là giống chó!”.

Ông cả Cao nói thế, rồi bảo nhau kéo cả ra nhà mụ Một. Một người già vờ tìm guốc để cúi nhòm gậm giường mụ, biết đâu con chó khôn nó chẳng về với chủ.

- Các bác ôi, con vàng nó trốn thì tui xin nộp lại tiền các bác. Tui cũng định đi vay thêm để lấy cái vé xe lửa về miền trong đi tìm con tui, cháu tui, chúng nó bạc với tui nhưng mà tui nhớ chúng nó, tui không còn chịu được cảnh chơ vợ này nữa. Bây giờ tui xin trả lại... Vâng, tui xin trả lại các người...

Mụ cúi xuống cho người ta khỏi thấy rằng mụ khóc, mụ mở hòm lấy món tiền trả ra giường.

Nhưng mọi người không ai thò tay ra lấy lại tiền. Họ nín lặng nhìn mụ mà ái ngại.

Một lúc lâu, bác Năm - răng - bạc mới lên tiếng:

- Cảnh đến thế này thì chúng tôi còn lòng nào lấy lại số tiền mượn nữa. Chúng tôi xin biếu bà, tôi lại xin tất cả các ông các bà đây mỗi người thêm một tí đưa bà để bà về quê hương, may ra bà tìm thấy mặt con, mặt cháu.

Ai cũng khen bác Năm nói phải. Họ vét túi giúp thêm tiền mụ Một, rồi vui vẻ ai về nhà nấy.

Chiều hôm mồng một, mụ Một đi chào biệt hết cả mọi người trong xóm. Mỗi nhà mừng tuổi mụ một chén rượu đầy. Mụ không từ chối. Uống vừa vặn say thì mụ lao đao ra phố gọi một cái xe kéo ra ga, đi chuyển tốc hành.

\* \* \*

Đoàn tàu lao trong bóng tối. Mụ Một co ro rét và say, gục đầu vào cánh cửa toa. Mụ se lòng nghĩ đến con vàng của mụ bây chừ nơi mô? Con vàng lang thang, mụ cũng lang thang một mình.

(Đăng *Tiểu thuyết thứ bảy* số 404/1942)

## Một ngày chủ nhật

**N**gày chủ nhật của ông cò-mi Thoại. Ông dậy sớm trước cả đám gia nhân để đánh giầy, chải áo, lau bàn ghế, đánh sàn si. Cả một tuần lễ, ông chỉ làm công việc ấy vào buổi sáng ngày chủ nhật. Bà cò-mi vẫn thường chau mày cự ông sao lại cứ làm cái việc bần tiện đó.

- Anh xe, anh bếp, thằng nhỏ, con sen, chúng cả ngày dưng mỡ thừa rồn với nhau. Ông tranh cả việc, để chúng ăn hại cơm à.

Ông Thoại cười lớn:

- Ngày chủ nhật là ngày vận động, là ngày thể thao. Tôi cần làm, cho máu huyết lưu thông, cho bắp thịt nở nang. Bà cứ mặc tôi.

Bà đành mặc ông cởi trần tròng trực, đeo chiếc quần đùi cũn cũn, bò nhòai ra mà đánh si sàn gỗ cho bóng đến soi gương. Ông thở hốn hển, nhìn sàn gỗ bóng lấy làm hài lòng lắm, mồ hôi chảy dòng dòng trên làn da xanh nhợt bọc bộ xương già, ông cò-mi lấy tay khẽ vuốt rồi lại hì hục lau chiếc đỉnh đồng tam khí hun đen mà cái đuôi con sấu trên nắp đỉnh cụt một tí đã khiến ông bực tức vì chưa có cách gì chữa được.

Ở phòng tắm bên cạnh, bà Thoại đang vừa ca vọng cổ mười sáu nhịp vừa lim dim mắt, ngửa bộ ngực nở căng hưởng cái thú vị của những tia nước như mưa rào xuống làn da trắng mịn. Và cô Oanh, cô Thúy, vốn là con gái đầu lòng ở dưới nhà cũng đang thét vú già đi mua phở đãi hai anh bạn trai là nhạc sỹ, vũ sư, sáng chủ nhật nào cũng đến huấn luyện cho Oanh, Thúy đàn ca, khiêu vũ. Rồi đó, tiếng đàn băng đô, tiếng ca hợp tấu, tiếng cười

của những người sung sướng vì ân ái, của những người bị cù vì cuồng dục vang vang ở căn phòng kín dưới nhà đưa mãi lên tai ông Thoại.

Ông mỉm cười đứng dậy, xoa hai bàn tay bần, khẽ huýt sáo theo nhịp đàn hát của lũ trẻ và hai chân ông nhún nhảy tiến ra cửa sổ, cúi nhìn đàn chim câu trắng đang gù nhau trên cây liễu lớn bên cổng sắt. Mấy cậu ấm con ông đang đùa dưới sân, hú tùm quanh gốc liễu; chúng xinh đẹp, khôi ngô, như một bày đồng tử. Ông cò-mi Thoại lấy làm hài lòng lắm. Bảy con tất cả. Trai gái đầy nhà. Vợ đẹp. Con ngoan. Cuộc đời như bức gấm. Ông là công chức thượng hạng. Lương cò-mi, rấp ben luôn luôn, mà lại là công chức lương Tây từ mấy chục năm nay ở Sở Bưu chính không phải là ít nhé. Phải, ông hàn Thoại đã hai chục năm, thời loạn như thời bình, vẫn ngồi như con cú già trong cái núi bưu kiện, hàng ngày ông thu nhận để gửi đi khắp bốn phương trời. Cặp kính gọng vàng ngự trên khuôn mặt gày tái xanh soi mói vào tất cả những gói to gói nhỏ cặp chì, đóng dấu. Chưa bao giờ ông bị lỗi trong nhiệm vụ. Trước kia, sếp Tây thường vỗ vai ông, khen tốt. Thời cộng hòa, sếp ta bắt tay, bảo ông là anh đồng nghiệp lành nghề. Ngày nay, ông vẫn được hai chữ bình an, đúng giờ như cái đồng hồ bưu chính, sáng chiều còng lưng tòm cõi chiếc xe đạp Peugeot cổ sơn đen, phanh đĩa, đến Sở dán tem, đóng dấu, và về nhà lau bàn ghế, đỉnh đồng, hoành phi câu đối, đánh sàn si cho bóng loáng như gương. Và ông há hê ngồi thu gọn dùm thịt xương trong chiếc ghế, lim dim mắt sau cặp kính gọng vàng ngắm bà vợ tuổi đã ngót ngũ tuần mà vẫn đẹp nõn nà, ngắm hai ả tố nga dầu còn đi học nhưng đã cắt bỏ tóc thề để uốn xoắn và đánh đàn, khiêu vũ, nói tiếng Anh với bạn trai như đào Mỹ.

Hồi đầu, ông Thoại đã phản đối phong trào cách tân trong gia đình ông. Nhưng rồi bà cò-mi cùng hai cô con gái và các cậu ấm đã liên minh đánh đổ ông cò-mi như là người ta đã đánh đổ nền quân chủ thoái hóa và lạc hậu. Ông cò-mi bị thế cô, sau cùng nhượng bộ đến mức đành cư xử như người quân tử đối với việc đời bằng câu “kính nhi viễn chi” cho yên ổn.



Bà cò-mi điếm trang phấn sáp, ông rất vui lòng quạt cho bà, nếu chẳng may mất điện. Bà cò-mi vờn bồn nước trong buồng tắm, ông rất vui lòng vào kỳ lưng nếu bà truyền gọi, và sẵn sàng hé cửa đưa quần áo vào cho bà thay, nếu con hầu còn bận chạy đi mời các bà phán đến xoa mặt chườc, đánh tổ tôm. Bà cò-mi đi hầu bóng, ông sẽ sung sướng đi theo để tấu lạy cô, nếu bà muốn trừng phạt ông về cái tội nhút nhát, dờ hơi, lấm cấm, bằng cách cho ông mọc sừng trước con mắt lẳng lơ và cái giọng hát khiêu dâm của anh kếp cung văn trẻ tuổi thì ông cũng chẳng cho cái đó có gì là quan trọng. Bà là con cái nhà thánh... nếu ông cung kính bà, sợ hãi bà, ấy là tỏ lòng thành kính của người đối với trời.

Hôm nay chủ nhật. Trời đẹp quá, nắng hoe hoe. Bà cò-mi tắm xong, thay bộ đồ ngủ mỏng như sương khói, bơm nước hoa vào nách, tẩm phấn vào kẽ ngón chân rồi đưa mắt nhìn bàn ghế, sàn si bóng loáng, khê gập đầu tỏ ý bằng lòng và nhẹ nhàng bước xuống cầu thang. Xuống nhà, bà gắt con ở đi mời khách mặt chườc sao mãi chưa về, nhưng bà lại tươi cười âu yếm ngắm hai cô ả đang cùng hai cậu nhạc vũ sư luyện bài Săm ba mà tám bộ đùi cứ đá hất mãi lên như khi bà hầu bóng ông Hoàng, đức Mẫu.

Ở trên gác, ông cò-mi Thoại hả hê vào buồng tắm. Đoạn, ông ra ghế sa lông, mở tờ nhật báo đọc lần thứ ba cái tin đấu bóng tròn.

Bóng tròn! Ôi chao, đó chính là cái thú đặc biệt, cái thú độc nhất vô song của người quân tử với vợ con và lương thiện với cuộc đời, xã hội, trong những năm tàn của cái thế kỷ hai mươi khốc hại này.

Bóng tròn, thực là một môn thể thao quá đổi bình dân lại vô cùng thượng võ. Mỗi tuần, chỉ bỏ ra có hai chục bạc để vào khán đài ngồi ngất ngưỡng hút thuốc lá thơm, ngâm kẹo, ô mai, uống la-de, xem hăm hai cầu thủ biểu diễn những đường ban điếm ảo trên sân cỏ xanh mơn mớn, ông cò-mi cho như vậy là tuyệt thú. Ông đã được say xưa, khi hữu biên Khê, bé nhỏ nhưng tinh nhanh gan dạ, một mình xông xáo, dắt bóng đến cửa thành quân địch mà sút như trái phá vào trong lưới anh thủ thành người Pháp, lớn như

hộ pháp, nhanh như con vượn, bổ nhào theo không kịp, đành ôm hận trước tài bách bộ xuyên dương của anh chàng Khê thần mã đó.

Bóng tròn, bãi cỏ xanh. Khán giả, trong đó có những ông già đầu bạc, chăm chú theo dõi bộ giò anh cầu thủ để cổ vũ hăng hơn cả anh lực sĩ; có những ả me tây mặc váy hoa ngồi lên đùi những ông râu xồm để vừa nhai kẹo, mút cà rem cây vừa la ó chửi cầu thủ Việt Nam đã dám xô ngã cầu thủ lê dương trong vòng cấm địa. Có những công nương khuê các chưa mất vẻ phù dung e lệ thế mà cũng vỗ tay cổ vũ, hò hét cuồng nhiệt hơn cả những ông lính mũ đỏ ngồi bên vừa đi nhảy dù ở mặt trận rừng về, lại có cả những ông rất gầy còm, cò lả như ho lao sắp chết thế mà trong giây phút hào hứng hay phần nô cũng đập chân, đập tay chửi cầu thủ là “vendu” và chỉ về phía trọng tài mà hét “Sortez arbitre!”.

Ông cò-mi giây thép của chúng ta đã có tất cả cái phong độ yêng hùng, tất cả cái cuồng nhiệt hung hãn, tất cả cái hào hứng hồn nhiên, cái say sưa trẻ nít của đám người rất nhộn nhịp, rất phiền phức đó. Bởi vì ngày chủ nhật là ngày của Bóng tròn, nghĩa là của bãi cỏ xanh, của nắng gió, của thần sức mạnh, của cả một thế hệ thanh niên mã thượng. Vậy, ông cò-mi giây thép đã được ba giờ đồng hồ tự thoát ly cái không khí gia đình, cái ngưỡng cửa gia đình vang nhộn những tiếng ca vũ của hai cô con gái yêu quý, tiếng bài mạt chược xô sát âm ã cả trên gác dưới nhà của vợ hiền đang cùng các bạn hiền sát phạt nhau những nước bài hơn thua bạc vạn.

Ông cò-mi vẫn đọc báo, đọc không chán cái tin đấu bóng tròn chiều nay trên sân cỏ nhà binh. Ông lấy giấy, bút chì xanh đỏ, vẽ thành bản đồ chiến pháp. Ông tự cho mình có tài hơn Tổng cục Thể thao Bắc Việt, xếp đặt đấu pháp theo kinh nghiệm sâu sắc của ông. Ông vẽ mười một cầu thủ bằng mười một cái chấm xanh, và những nét chì đỏ chạy ngang chạy dọc như mạng nhện hay là những con đường máu mà ông bảo đó là chiến thuật “đúp vê- em mờ” (W-M), ông gật gù lẩm bẩm:

- Ba Biêu thủ thành, tốt lắm. Hữu biên Diễm, được lắm. Anh này tuy yếu nhất, nhưng chạy nhanh như chuột. Tả biên Khê thần mã, phải lo gì nữa. Khê mà lỏng chân sang số, sút vào chân trái thì cứ là ăn chết. Hậu vệ: Thái, Ứng, Luyện, Bầu, bốn con hùm xám này đã thành tinh, dê non khó mà xông được vào sào huyệt. Tiền đạo: Cư, Thương, Hối... ồ, cứ là ăn chết, cứ là ăn chết.

Ông cò-mi xoa tay, khoái lắm lại tự cho mình là giỏi binh pháp như Hàn Tín, Tôn Võ Tử.

Nghe tiếng cười nói the thé của bà vợ và các bạn hiền đã tề tựu ở dưới nhà, ông cò-mi giây thép bèn đứng dậy mặc quần áo, đi ăn phở. Ông vừa xuống khỏi cầu thang thì vợ và các bạn đã hoan hỉ dẫn nhau lên. Ông chào mọi người, đứng lánh một bên nhường bậc thang cho khách, vợ. Họ lên khỏi rồi, ông đứng ngẩn ra, đau lòng tiếc mồ hôi, và sót ruột thương cái sà si bóng loáng ông vừa lau đến sái tay, gãy cả xương sườn xương sống.

Ông thở dài, khẽ lắc đầu cam chịu như khi ở sở ông cũng đã cam chịu một cách rất quân tử trước cái nhún vai, cái cười mũi bất nhã của ông chủ sự ít tài và kém tuổi ông nhiều.

Ông đi ăn phở, rồi ngồi ở vườn hoa Chiến sĩ. Đến hai giờ, ông lấy vé, xông vào bãi cỏ nhà binh. Khán đài còn vắng. Ông là tín đồ thứ nhất vào giáo đường buổi lễ bình minh. Ông cò-mi giây thép đi coi đấu bóng không khác một con chiên đi thụ đạo.

Quanh bãi cỏ và trên khán đài chật người. Và giờ phút tranh hùng đã đem đến cho ông cò-mi giây thép một cơn hồi hộp đến sốt nóng.

Đội ban Việt và đội ban Pháp dàn thế trận. Quả bóng da trâu bay lên trời, sa xuống đất. Và thịt da người đã hơn một lần va chạm, làm xôn xao những ông khán giả già nua tự cho mình là lão tướng sân cỏ, những ông khán giả

gầy còm ho lao, những cô khán giả me tây, những cô khuê các... đều cùng hò reo hoặc nín thở theo dõi trận đấu.

Lần trong đám quảng đại quần chúng trên chiến địa kia, ông cò-mi giây thép thốt nhiên đã trở lại làm tay hảo hán sôi máu yêu nước yêu nòi, bởi vì ông mơ tưởng rằng mười một cầu tướng đó không mặc may ô, quần đùi, mà chính là mặc giáp sắt, cỡi ô truy đang tung hoành gươm giáo trên sa trường kháng địch.

Bỗng tiếng vỗ tay như sấm sét. Thần mã Khê đã lập công đầu: sang số và sút tung lưới địch quân. Ông cò-mi, như tất cả mọi người yêu nước yêu nòi khác, sượng phát điên: ông nhảy cõn lên, đập tay vào vai anh con trai bên cạnh:

- Biết mà, tôi đoán ngay từ nhà rằng cứ xếp đặt như thế, là Khê ăn chết.

Ông cười sằng sặc, ông tự khoe chiến công của Khê bằng điều thuốc lá Cô-táp, ông lại mời cả hai ông bạn mộ điệu ngồi hai bên cùng hút. Sau đó, Khê được bóng Cự chuyền, lại sang số sút treo giò vào góc thành trì địch thủ. Ông cò-mi lại phát điên, nhảy cõn lên. Ông cười và tự khoe cái tài tiên đoán của mình. Đội Việt Nam, hiệp đầu thắng một lúc bốn bàn rất vẻ vang, đích đáng.

Rốt cuộc đấu, hai đội thủ hòa, đáng lẽ, nếu trọng tài không thiên vị, đội ban Việt phải được cai bài chiến thắng.

Hàng vạn người kéo ra về như thác lũ. Ông cò-mi lách mãi mới lôi được chiếc xe Peugeot cổ ra khỏi lớp sóng người, rồi một nhọc và uất hận đạp về phố vắng để ngẫm nghĩ về trận đấu.

Đường đã sáng đèn. Và đèn trên gác, dưới nhà ông cò-mi giây thép đã từng bừng như có tiệc. Ông mệt nhọc xuống xe đạp, khẽ lách cái mình bé nhỏ, gầy còm qua khe cổng sắt, khẽ bước cho tiếng giầy khỏi kêu trên sân sỏi, đưa mắt nhìn vào thấy hai cô con gái đã luyện xong bài “Săm ba”, đang

say sưa với cái hôn tài tử chớp bóng trong cánh tay hai chàng ca-vũ-sư đầu chải “bộp”.

Ông cò-mi đỏ mặt. Ông rảo chân, nhón gót, giắt xe đạp vòng về phía bếp, không dám ho, không dám giặng hắng, sợ làm tan giấc mộng tình đằm đuối của hai cô con gái yêu quý và tân tiến.

Ông toan lên gác. Tiếng bài khua và tiếng cười của vợ hiền, tiếng hát cải cách của ông bạn trai nào đó khiến ông dừng bước. Ông tụt xuống, đứng ngẩn ra, tiếc mồ hôi, thương cái sàn si bóng loáng, cả một kỳ công vĩ đại của ông sáng ngày chủ nhật.

Nghĩ thừa ra, ông tắc lưỡi, rồi lại len lén ra sau bếp, giắt xe đạp, rón rén bước nhẹ cho khỏi động trên sân sỏi, lách cái mình gầy ốm qua cánh cửa sắt, ra đường.

Ông ngồi lên yên, gò lưng đạp. Một quãng ngắn ông dừng xe ghé vào bờ hè, đứng dưới gốc cây dạ hương. Ông lau mắt kính lừ đừ nhìn lên tòa gác nhà ông, rồi nhìn vào mấy cửa sổ dưới nhà. Ánh đèn chiếu ra đường, vui đẹp như hoa đăng. Tiếng cười lẫn tiếng bài xương xô xát ở trên gác, tiếng cười rú ở dưới nhà rồi bỗng vụt tắt đèn.

Ông cò-mi nhếch mép cười, ông bằng lòng một cách băng khuâng rằng vợ hiền ông ở trên gác rất vui; rằng con ngoan ông ở dưới nhà cũng rất vui, và chắc chúng nó nghịch tinh đã tắt đèn để tập đánh đàn và nhảy “săm - ba” không đèn cho chóng giỏi.

Ông lại nhếch mép cười. Ông còng lưng đạp trong phố vắng hiu hắt lạnh. Ông định tâm đến hiệu phở sẽ gọi bát tái sách trần đánh chén cho say. Và bát phở tái sau cùng ông sẽ bảo đập thêm quả trứng gà vào cho bổ để sáng mai đi làm cho khỏe.

- Hà! Ngày chủ nhật, cũng vui, cũng vui, cả nhà cùng vui!

Ông cò-mi nghĩ vậy, lại khoan khoái gò lưng đập, cái lưng còng còng  
khuất dần nẻo đầu phố vắng.

(Đăng *Phố thông* số 3/1951)

# Thèm sống

**G**ió bắc giục về nương tử rét

*Bạn nghèo chưa sắm áo nhung tơ*

Tuy mới chỉ là tiết thu, gió bắc chưa kịp bứt lá khô vàng, nhưng Hoài cũng đã thấy gầy gầy lạnh và cứ ngâm câu thơ đó, giọng buồn buồn.

Người chị góa già sớm nay đã lặng lẽ mở tủ đưa em chiếc áo len dày, chiếc phu la, đôi tất. Và Hoài cũng đã mang những thứ đó vào mình, lặng lẽ leo cầu thang sắt, lên gác thượng để nhìn mây thu. Đứng trên này, tầm mắt Hoài có thể bao trùm cả tám hướng thành phố.

Tòa biệt thự của người chị góa đột khởi mé nam thành, cây cỏ bốn mùa xanh. Cửa sổ phòng Hoài trông xuống một võ trường. Hoài thường mệt mỗi buổi rơi sách nhìn xuống bãi cỏ rộng, hàng mi chớp động giữa đôi quầng mắt thâm. Đã hai năm qua Hoài không còn biết sống vui. Rất nhiều ông thầy thuốc tây lấy tim, gan, ruột, phổi con bệnh trẻ trung kia để hoài công thí nghiệm; những ông thầy lang tự kiêu là đạo hữu Hoa Đà cũng hàng ngày cắp ô đến chẩn mạch kê đơn cương quyết rửa sả y học Âu châu là bá đạo và nhất định khoe thần dược để rồi làm cho Hoài cứ héo hắt dần như cuống rơm phơi đồng nắng.

Người chị góa se ruột nhìn em. Bà càng hoài nghi y học, càng tin tưởng vào thần phật, bà đi lễ các chùa đền và lập đàn cúng lễ cả điện nhà. Hoài muốn phát điên lên, song cũng nể lòng người chị hồng nhan đã hai đời chồng.

Trước kia, Hoài không đến nổi bất thành nhân dạng, xương thịt nở nang, đi đứng vững vàng nhanh nhẹn, nhưng phải cái tiên thiên bất túc, nên động tiết sang mùa hay nắng mưa là y như Hoài hắt hơi sổ mũi, đau xương nhức cốt. Đau ốm thất thường cứ như trẻ nít, Hoài sinh liều, phó thác hình hài cho định mệnh, lấy câu sống gửi thác về mà tự an ủi lòng mình.

Hoài lao vào đọc sách. Đọc từ kinh Lăng Nghiêm đến Tân Ước, Cựu Ước, đọc từ kinh Nhạc kinh Lễ đến Duy vật sử quan, đọc từ Bách gia chư tử đến Ái tình bách khoa tư điển...

Hoài trang trọng đọc sách, và trịnh trọng nghĩ về Giáo lý Càn khôn Phật tổ, về Chúa sả thân chịu cái đau cho nhân loại, về sự phối hợp đạo lý vi diệu của bậc thánh nhân nước Lỗ, về những người hiền mặc áo thụng xanh giặt giải mũ nước sông trong và chống gậy trúc leo lên núi xa tục lụy, và sau cùng, anh bạn dâm thư mà hồn thanh xác tịnh của chúng ta lại nghĩ về ái tình tự điển, trong đó mấy ông già bác sĩ trứ danh đã đại luận về sự tai hại của nạn thủ dâm mà các ông quả quyết rằng hiện nay 98% người Âu Mỹ đang giẫy giụa trong bệnh tật vì cái trò chơi ma quái. Để chứng minh bản án vĩ đại kia, mấy nhà thông thái thấy cần đơn cử mấy chứng cứ rất hùng hồn rằng văn hào cổ điển Goethe sám hối mình đã thủ dâm trong thời gian sáng tác. Rằng J.J. Rousseau cũng đã thú nhận là bị các bạn đồng học kê gian, xô ông vào tội lỗi. Chưa đủ, mấy ông già đầu bạc lại đơn cử cả đoạn văn khiêu tình của các nữ sĩ đương kim là Colette, Vicki Baum tả sự cuồng dâm bỉ ổi của con người. Tác giả Ái tình bách khoa tư điển đã... giáo dục thanh niên bằng những lời và ảnh thừa hiệu quả đến nỗi Hoài choáng váng ngừng thở và gần chết giắc!

Sợ sách, Hoài một dạo thôi đọc sách. Anh thấy thích chơi nhạc. Đêm đêm, sầu đau vì cung đàn giọng địch nên người chị góa khuyên em trai hãy buông cầm cất trúc kéo gương mặt người em trai đa tài đa bệnh ngày thêm nhợt nhạt.



Âm dương thái cực đã tạm ôn hòa trong cơ thể người trai trẻ, sau một thời gian bồi bổ an dưỡng.

Rồi trời đất vào thu.

Hoài đứng trên sân thượng, gió phơ phất đầu giải khăn quàng len, gió lùa cả vào mớ tóc bông bành xoa xuống vầng trán, anh ngược mắt nhìn mây, rùng mình khi thấy một cánh nhạn bay ngang trời.

Hoài nhìn theo bóng chim, thêm sức sống của loài chim, khẽ thở dài...

Chợt bên bãi võ trường, tiếng còi vang động.

Hoài chăm chú nhìn xuống mặt cỏ xanh. Trên đó, từng đoàn trai tráng, gái và trai, đang thao dượt. Hoài đoán chắc sắp đến ngày Đại hội điền kinh. Tiếng còi nhịp nhàng lạnh lạnh gọi cho Hoài một nỗi vui rất trẻ thơ. Dưới võ trường đoàn nam nữ võ sinh, y phục trắng, đẹp như đàn chim câu rờn bay trong nắng ấm. Họ theo nhịp còi tụ thành vòng hoa trắng, lại giải ra như những nan quạt ngà để rồi tụ lại thành thế trận “nhất tự trường sà”, sau đó lại tỏa thành vòng cung uốn mà hàng giữa là một mũi tên kết bằng những nữ võ sinh sắp sửa bắn trúng vào phía trước khán đài.

Đàn chim câu trắng ấy vui rờn dưới nắng thu khiến Hoài nao nức, cảm giác như lây say men sống của đoàn người đang vui sống, áo ạt sống dưới bãi cỏ.

Sau đó, đến những trò biểu diễn nhảy sào, chạy thi tốc lực, ném lao, phóng đĩa, leo giây, đánh vòng trên “ba” sắt...

Nhựa sống! Mạch sống! Cuộc sống!

“Phải khỏe!”

Tự thâm tâm Hoài, trong gân cốt Hoài vang lên câu nói đó. Anh ngậy ngất, bám chặt vào gờ tường hoa, da thịt nghe bừng bừng như lên cơn sốt.

“Phải khỏe! Phải khỏe!”

Mười ngón tay anh bám mạnh vào tảng gạch, nửa mình nhào về phía trước, anh vận dụng gân lực, theo cái đà của lực sĩ bên võ trường đang biểu diễn các động tác nhào lộn dẻo mềm trên gióng sắt cao chót vót. Nửa mình anh dướn cao trên hai bàn tay chống xuống mặt tường, chân anh rời nền gạch, mắt anh trừng trừng nhìn xuống bãi cỏ xanh, hoa mắt và miệng hùng hực thở. Tuy vậy, anh vẫn cố bắt chước lực sĩ ở dưới kia.

- Cậu làm gì thế? Khéo kéo ngã nhào xuống thì nát thịt mất thôi! Cậu vào nằm nghỉ, rồi uống thuốc đi. Nó sắc xong rồi đấy!

Người chị góa vừa trang điểm xong, sắp gọi bác tài đánh xe ra đền lễ cho em, thấy vậy thốt ôm chặt lấy Hoài, la lớn. Hoài đỏ mặt, khó chịu vì người chị coi mình như con trẻ. Thật lạ lùng! Anh là một sĩ phu, vậy mà, trong cánh tay run sợ của người chị góa lúc này anh chỉ là một cậu bé nghịch tinh, và trước cuộc sống anh chỉ là một tàu lá chuối cũ.

Hoài khổ sở quay vào buồng sách, sợ chị lo âu. Người chị đi lễ rồi, anh lại ra cửa sổ, áp vầng trán nóng bừng vào song sắt, nhìn xuống võ trường đang dâng lên những tiếng còi, tiếng hát vang như sóng bể.

“Phải khỏe!... Phải khỏe!”

Hoài lao đao ngồi bật xuống giường, anh ngả mình xuống nệm, mắt từ từ khép. Ánh nắng thu dội qua khung kính lấp lánh nhảy rờn trên hai bàn tay nổi gân xanh đặt trên lồng ngực khê động như cánh hoa sắp rụng.

Tối ấy trăng thu sáng vằng vặc.

Hoài thừa lúc người chị góa chưa xong giá đồng Mẫu Thoái ở ngôi đền Ngõ Gạch bèn mặc áo len, quần phu la, rời biệt thự lần xuống đường, rẽ vào sân vận động.

Sương bàng bạc quyện vào trăng, ngun ngút ánh huyền mơ dị ảo. Người trai trẻ thềm sức mạnh lách tấ mình nhỏ bé qua cánh cửa, ưỡn ngực bước vào bãi cỏ. Không có một bóng người. Chỉ có bóng Hoài chìm trong sương trắng. Để nguyên cả áo len, cả khăn quàng, Hoài định chạy nửa vòng cho nóng máu. Và Hoài đã chạy. Tiếng chân anh rào rào trên than vụn, chạy chừng mười thước, Hoài đã hoa mắt, tai ù, tim rộn. Anh đứng lại, choáng váng, tưởng rằng ngộ gió giống mọi khi. Hoài khẽ giơ tay và khẽ thở đều. Một lát, tim đã dịu, mắt thôi hoa. Hoài nghĩ đến gã lực sĩ sáng nay, liền cố nhảy lên gióng sắt cao, tay nắm chắc, lấy toàn sinh lực đã cạn như ẩm thuốc sắc quá già than lửa, còn trơ bã cháy. Mình Hoài treo thông thẹo, hai bàn tay rời rã buông rời gióng sắt lạnh sương. Hoài ngã ngồi xuống cát, ê ẩm cả xương hông.

Ngồi dí dấy một lúc lâu, Hoài mới đỡ đau, đứng dậy, khập khiễng bước đi mấy bước. Cái khung trắng dựng trước mặt Hoài lừng lững như trái núi, gió khẽ đu đưa sợi giây trảo đại to như con rắn rùng từ cành cây cao buông đầu xuống rình mồi. Hoài lại nghĩ đến mấy nữ võ sinh lúc ban chiều, đã thoãn thoắt đu mình lên tít trên cao nhanh và nhẹ như con mồi vách. Hoài xoa hai bàn tay vào cát cho khỏi trơn, rồi nắm sợi trảo to, lấy gân bắt tay gầy, đu mình. Nhưng đôi cánh tay xương xấu chẳng đủ sức nhích lên một tí, thành ra mình hạc lại đu đưa theo gió. Bàn tay đau buốt, Hoài đành thò chân xuống đất. Ngao ngán, Hoài tự nhủ: “Những cái trò khó khăn kia, mình làm sao nổi. Hãy chờ cho thực khỏe như xưa...”

Xưa, nghĩa là trước chiến tranh. Hoài vẫn thường sang bãi này tập dượt: chạy, nhảy, cử tạ, leo đu, và cả đấm bao cát như các võ sĩ quyền anh nữa. Song càng tập, chàng thư sinh ấy càng rạc gầy đi, và một lần tập xong lại

gây gấy sốt, không ăn uống được bằng khi chưa tập. Cuối cùng bác sĩ khuyên anh thôi vận động mạnh, nếu không anh sẽ sớm mắc bệnh lao.

Hoài cúi gục đầu, đi quanh một vòng võ trường trong ánh trăng lạnh lẽo - Trăng soi chéch bóng, thân hình Hoài ngả dài như cành phượng in xuống cỏ. Gió thổi, và Hoài ớn ớn rét. Anh co ro, soa suýt lách mình ra khỏi cổng. Đến cửa nhà, anh mệt mỏi vịn cầu thang, lên gác. Tới buồng sách tầng cao, Hoài bàng hoàng, rời rã, để rơi mình xuống nệm giường. Một lát, bàn tay run rẩy nhoai ra trong bóng tối, tìm cái bấm đèn. Ánh điện sáng ngời. Hoài đưa mắt ra chiếc bàn con ở cạnh giường: bát thuốc bổ bốc mùi hương sâm nhưng quen thuộc, đã đặt sẵn đó tự bao giờ, khói còn tỏa nhẹ quanh miệng bát.

Buồn bực, Hoài bưng bát thuốc uống một hơi.

Đoạn, Hoài ngã xuống nệm êm đắp chăn ngang bụng, mở quyển sách dạy điền kinh, nhận từng hình vẽ, đọc từng giòng chữ. Hoài chăm chú đọc, chăm chú đọc... Nguồn cảm hứng lại giạt dào trong cơ thể người thanh niên thềm sống. Hoài mệt nhọc đặt sách lên trên bụng, lim dim mắt. Tai Hoài nghe tự dưới võ trường dâng lên những tiếng hô.

Trăng soi vào cửa sổ. Môi Hoài bồng khô hé hé mở uống ánh trăng thu, uống đợt gió thu, hấp thụ một chút sinh lực của trời.

- Phải khỏe.... cần sống khỏe!

Làn môi se khép lại, Hoài cố vùng lên nắm chặt hàng song lạnh, nhìn xuống bãi cỏ bao la mà Hoài tưởng tượng những đoàn thanh niên còn đương chạy nhảy, đương hò hét, tràn đầy lực sống.

(Đăng *Sinh lực*, số 7/1952)

## Tội lỗi ngoài ngưỡng cửa

Chị Tư cúi mãi xuống thổi lửa bếp, tro củi bốc lên bám trắng cả chiếc khăn nhung đã cũ bạc. Lửa vừa cháy đượm thì chị mệt, thở dốc mấy hơi liền. Bụng chữa to mà bếp lại là bếp ngòi, củi ẩm cho nên làm xong được bữa cơm, chị thấy đau tức bụng hoa cả mắt.

Hai đứa con nhỏ, cùng gái cả, nghịch những vỏ khoai, cuống rau muống, ríu rít sau lưng mẹ. Đứa bé bỏ rau sống vào miệng nhai. Chị ngoảnh lại, móc miệng con lấy rau ra, rít răng mắng.

- Con ranh này, mày làm khổ mẹ. Những cái nợ mần kiếp của tôi đây. Xong đứa này, lại sắp đến lượt đứa khác.

Bỗng chị nhăn mặt lại. Chị vội đặt nồi canh nóng xuống, hai tay xoa bụng, khom khom người về phía trước.

Bà mẹ chồng đi đâu về, lép kẹp đôi dép, lườm con dâu một cái, nhưng bộ mặt đanh quánh ấy lại hơi dịu:

- Mẹ con đay nghiến nhau đấy hẳn. Để con thì phải nuôi con chứ. Vú em nó xin về rồi, thằng nhỏ thì nó trốn mất, chị chịu khó làm mấy buổi, rồi tôi đi mượn người mà sai. Làm cho chồng, cho con, cho mình ăn, chứ chả nhẽ đi ăn hiệu!

Nói rồi bà xách tay hai cháu kéo vào trong nhà.

- Bố mày sắp về rồi. Khổ, rét mướt thế này mà sang tận bên Gia Lâm làm thì thật cực. Giờ mới phải dậy từ ba giờ sáng. Chao ôi, lương lậu có là

bao nhiêu mà gạo vàng, củi quế.

Bà cụ sờ sẫm đi lấy chiếc đèn. Đèn là cái cốc do anh ký Tư chế tạo, thấp bằng dầu lạc, có khi bằng mỡ nước. Ngọn lửa vàng úa hắt sáng gian nhà chật lũng cùng hai ba cái giường, một cái bàn, bức tranh phụ bản báo tết treo trên tường vôi bần nhem nhuốc.

Bà cụ trèo lên chiếc giường cạnh cửa sổ, ngồi thu hai bàn chân vào vạt áo bông, xuýt xoa rét. Hai đứa cháu cũng trèo lên. Hai đứa ngồi hai bên đùi bà nội, ấm chỗ rồi lại tròng ghẹo nhau.

Bà cụ mắng:

- Xương thịt bà còn gì đâu mà chúng bay cứ nhảy như chơi chơi thế mãi!

Chị ký Tư đã thấy dịu cơn đau bụng. Chị lau bát đĩa, lắng nghe mẹ chồng than thở. Chị nguôi giận dỗi vì lời day nghiệt ban nãy để nghĩ đến những đêm không ngủ, những cơn đau ốm, những miếng cơm ngắc ngứ của bà mẹ chồng già. Mẹ chồng ác, lăm điếu, chấp nhặt từng ly từng tí. Trước kia, bị mẹ chồng mắng mỏ chị còn dám cãi, những bây giờ, nhẫn nhục rên giũa quen mãi đi, chị chỉ bực một mình hoặc uất ức quá thì chị phát vào lưng con vài cái. Trẻ khóc, chị ấm sóc nó lên, chạy sang hàng xóm, rồi tối ấy nằm bên chồng, chị ngoảnh mặt vào tường khóc.

Anh ký biết vợ dầy vò mình bằng nước mắt. Anh không dỗ, chỉ lầu nhầu:

- Người ta đi làm vất vả cả ngày, để cho người ta ngủ.

- Chả ngủ thì đừng. Tôi bụng mang dạ chứa cũng quần quật cả ngày, nào cơm nước, nào giặt giũ, nào hầu con cái. Đầy tớ vào làm, đứa nào cũng chỉ đậu được ba ngày lại cuốn gói đi. Tôi mà không kiên gan thì cũng...

Chị nói đến đây ngừng ngay lại. Tuy nhiên anh ký đã hiểu, anh ngồi nhóm dậy, giọng gay gắt:

- Thì cũng cuốn gói chứ gì! Giỏi nhỉ! Ừ, giỏi thì cứ đi cho ta xem...

Thế là vợ chồng to tiếng. Bà mẹ ở trong chăn thò đầu ra chửi cả hai bên. Chị nhin trước. Anh ký nằm xuống, xích xa vợ hơn một tí, rồi ngáy ngay. Được cái anh dễ ngủ. Một ngày hai lần từ ngõ Hàng Khoai qua cầu sông Cái sang tận Gia Lâm, làm sổ sách cho người ta, rồi thì về, còn sức đâu mà không mệt. Chị được cái cũng vô tâm và cũng vì công việc quần quật suốt ngày nên thôi khóc, không trăn trở nữa, chị ôm hai con mà ngủ ngay sau đó.

Sáng, mới năm giờ, chị đã dậy đun nước nóng pha trà, đun nước rửa mặt, rồi đánh thức anh ký dậy. Nhìn chồng dắt chiếc xe đạp cọc cạch ra đường còn mù mịt bóng tối, chị thương chồng xót xa, hối hận sao đã làm cho chồng đau khổ vì lời qua tiếng lại, vì nước mắt của mình.

Bảy giờ tối. Lũ trẻ kêu đói ầm lên, anh mới về. Chị khệ nệ bưng mâm cơm đặt trước mặt mẹ chồng và hai con. Bữa ăn buồn tẻ. Anh ký thì lằm lì. Anh nghĩ đến ngày mai là ngày Tết Tây.

Ông cụ cai già lại bàn xin cắt anh, ngày mai sẽ thay mặt tất cả, ứng khẩu chúc tết ông giám đốc. Thành ra, việc kinh tế đã làm anh lo, việc này lại khiến anh băn khoăn hơn nữa. Anh tự xét học lực của mình có gì đâu, mới hết lớp nhất, con nhà nghèo đã xoay đi làm, rồi lấy cô vợ nhà quê, rồi ngày nay vợ là chị ký, chồng là anh ký. Làm mãi quen việc. Tiếng Tây đủ dùng trong công việc, vậy mà anh vẫn thấy thiếu thốn, túng bấn. “Rồi mai... mình biết nói gì với chủ đây. Lão ta nói khó nghe gớm đi ấy! Thật là chết mình, mang tiếng ký với kiếc, giá cứ là anh phu, anh thợ lại yên thân”. Anh hối hận đi làm về đã không chịu học thêm chữ nghĩa. Về đến nhà, anh chỉ đọc truyện kiếm hiệp, ngâm thơ cổ. Đi xem chớp bóng thì chỉ chọn phim Tàu để xem giáp mũ và thành trì thời Chiến quốc. Nói chuyện với ai, anh chỉ biết nói về ông Uất Trì Cung cầm giản sắt. Ông Tiết Đình Sơn lấy bà Phàn Lệ Hoa...

- Bố ơi, ăn xong rồi bố kể Tấm Cám nghe!

Anh ký đang vừa nhai vừa mãi nghĩ những câu văn chương dùng ngày mai. Đứa con gái lớn vừa ăn vừa nghịch, làm đổ cả bát nước mắm. Người bố bực mình sẵn, ném đũa đứng dậy, mặt lầm lìm.

Bà mẹ khẽ phát cháu một cái, rồi nhìn con tỏ vẻ ái ngại. Lúc nào bà cũng thương con trai, nhất là dạo này thấy anh gầy sút đi, ăn ít hơn trước. Anh ký ra giường nằm, vắt tay lên trán, miệng ngậm cái tằm. Hai đứa trẻ mon men ở đầu giường sợ bố chưa dám đến gần. Bóng tối lạnh đầy nhà, anh vung tay đập phồng một con muỗi. Bà mẹ khẽ trèo lên giường, buông màn cho con nghỉ.

Ở dưới bếp, tiếng bát đũa chạm lanh canh vào chậu sành. Anh nghĩ đến chậu nước giá buốt xương. Lòng anh thấy nao nao thương vợ. Anh nhắm mắt lại vờ ngủ, đón chờ tiếng guốc của vợ lên. Đứa lớn đã đi nằm với bà nội. Quờ tay sang bên phải, anh ký thấy con bé. Còn một bên giường bỏ trống, nửa manh chiếu chưa có hơi người lạnh như đồng. Vì vậy, anh càng lắng nghe tiếng guốc, sốt sắng như tình nhân đón chờ tình nhân.

Chiều hôm sau, ông cai già đi đầu, anh ký đi thứ hai, rồi đến anh loong toong, anh Chà Và Mohamed đến chúc tuổi ông giám đốc.

Anh ký lúng túng lúc đầu, nhưng khi mỗi người được ngồi một ghế trong gian phòng khách rất lịch sự rồi, anh thấy dạn ra, nhất là khi mỗi người đã được ông giám đốc đãi một cốc rượu Tây thì anh có cảm tưởng tình thế của anh không đáng ngại như anh nghĩ.

Anh không được nói mấy câu anh đã sửa soạn trong đầu. Ông giám đốc nói cướp lời anh, nói luôn luôn, ông hết ngoảnh sang bên ông cai già lại ngoảnh sang anh Mohamed, thở khói xì gà. Bọn anh thì mỗi người phì phèo một điếu thuốc lá thơm, và ai cũng thấy có quyền ngồi bắt chéo chân cho sang trọng. Ông cụ cai già hai tay đặt đầu gối, xòe cả mười ngón ra như



chụp ảnh. Anh Mohamed thì nghiêng nghiêng cái đầu quần vuông khăn vàng, hai bàn tay nắm lấy nhau như khi anh chống ba toong đứng mà ngủ gật ngoài công sở.

Anh ký nháy các bạn xin cáo lui. Ông chủ lại thân ái tiễn ra tận cửa, bắt tay tất cả mọi người. Cái dấu hiệu cảm tình bất thường đó gieo vào tâm trí hoang mang của mọi người một sự kinh ngạc, một sự kính trọng, một sự vui sướng mà họ chưa bao giờ có từ ngày biết đi làm cho Tây.

Ông cụ cai già ra đến đầu phố, đưa tay lên vuốt bộ râu mép, sát đầu vào má anh ký:

- Có phải thế không? Tôi nói có sai đâu! Ở đời không nên ngờ hão. Nhất là bọn trẻ.

Anh ký mặt đỏ gay vì cốc rượu Tây ngon ngọt mà anh yên trí là bổ lắm, nhếch mép cười, không nhìn ông bạn già, anh nhìn lên ngọn cây, khẽ nói:

- Trời đẹp quá. Sao mùa lạnh sáng hơn sao mùa hè. Giá ta đi dạo quanh một tí...

Ông cụ cai già vỗ túi cười ha hả:

- Tôi tính thế này: đi chén thịt chó. Chén xong, tôi lại ứng ra chục bạc, ta sang Gia Quất hát. Rồi cuối tháng, các bác góp trả tôi. Có phải thế không, anh Mohamed? Đi hát ả đầu thú lắm.

Không ai phản đối. Thế là cả bọn yêu đời đi hành lạc, do một ông già vuốt râu đi trước. Họ đi vào bóng tối. Cầu sông Cái lù lù bóng đen, ghê rợn. Tiếng chó sủa dưới cầu vằng vất.

Anh ký nói đùa:

- Cầu vồng. Chó ngao cắn oan hồn đấy!

Cụ cai già tắc lưỡi:

- Bậy nào, nói nghe mà ghê! Đi mau lên, tôi thèm rượu lắm. Trời đất này mà không rượu cho say thì sống làm sao được. Rét quá!

Đêm ấy, chị ký trở dạ ở nhà hộ sinh. Chị đau nhiều hơn hai lần đẻ trước. Chị nguyền rủa nhện kêu, mong anh ký về. Bà mẹ chồng điềm đạm như thường, dỗ con dâu:

- Con cứ ngồi yên. Xưa mẹ còn có lần đau hơn thế. Ấy mẹ đẻ thẳng bố ký, đau đến hai ngày.

Nghe mẹ nhắc đến chồng, chị lại giận: “Mình khổ thế này, người ta thì vui chơi, sung sướng”. Chị nguyền rủa lại. Rét thế mà mồ hôi cũng vã ra.

Đến hai giờ đêm, chị lên bàn đẻ.

Đứa trẻ mắc, xoay ngang, không ra được. Huyết ra nhiều quá. Chị đuối hơi, lá đi, mắt mờ, chân tay rời rã. Bà đỡ bối rối. Bà mẹ chồng niệm Phật, lạy Trời và khuyên con dâu:

- Con cố hơi nữa. Con ơi, con cố...

Chị ù cả hai tai, không nghe thấy gì. Hơi tức đưa lên ngực, lên cổ họng. Da thịt chị xám lại, bắt đầu lạnh giá.

Bà đỡ cuống quýt xe vào nhà thương. Chị tắt hơi ở dọc đường.

- Bác ký, nghe gì nào? “Tỳ bà” nhé!

Anh ký đã say la đà, lại bị ép hút một điếu thuốc phiện thành ra nôn nao, sắp muốn đi tìm chỗ mưa.

Lão cai đập trống với cả hơi sức còn lại trong cơn say, nháy anh Chà Và:

- Thẹn thò cái đẽch gì! Anh em ơi, thú quá, cuộc đời nếu cứ tốt đẹp mãi như đêm nay thì mới thực đáng gọi là cuộc đời. Anh em ta cùng làm với nhau, hàng ngày thấy mặt nhau, tại sao lại không nắm tay nhau một cách thân mật, tại sao lại không chề chén với nhau một cách thú vị.... như thế này, hờ bác ký? Tôi nói thế có phải không? Hay là các bác bảo tôi là thằng say nói nhảm?

( *Đăng Tiểu thuyết thứ bảy số 451/1934*)

# Kim Dung

"**T**hưa ông, bà Đạm Ngọc nói rằng chưa thấy cô Kim Dung lên Hà Nội.

Hoàng Thanh biến sắc mặt, vạch tay áo xem đồng hồ: 8 giờ 25 phút; anh cau mày, lẩm bẩm:

- Hay Dung bận việc gì chẳng? Có lẽ nào thế được! Danh dự của Dung, của tất cả anh em tài tử, của ta trong buổi tối long trọng này trên tất cả những việc cần khác trong một đời người...

- Thưa ông, các cô Phong Nga, Thu Liễu đều nói chưa thấy cô Kim Dung...

Nhìn hai người vừa chạy về rạp báo tin, Hoàng Thanh kinh ngạc, điên cuồng. Anh hé tấm màn, ghé mắt ngó ra bên ngoài: từ hai tầng gác, xuống đến dưới nhà không còn một chiếc ghế nào bỏ trống, anh lo sợ:

- Trời ơi, nếu Kim Dung không có mặt trên sân khấu, buổi diễn sẽ ra sao. Kim Dung sao nữ giết hy vọng của ta, Kim Dung sao nữ phụ lòng công chúng đang chờ dịp vỗ tay khen ngợi tài cô.

Hoàng Thanh ngược mắt nhìn lên chỗ các nhà báo đang thì thầm bàn tán, anh buồn bã nghĩ đến ngày mai tên tuổi anh sẽ bị họ đem lên báo chế giễu mà vở kịch "Én lạc" - một tác phẩm đã thu hết tâm trí của anh trong hai tháng ngồi bóp óc mới viết được đến lớp cuối cùng - cũng sẽ bị những cây

bút cay nghiệt kia chê là dở, vì vai chính, một vai khó nhất, một vai gây giá trị cho vở kịch, Kim Dung đã bỏ lỡ rồi.

- Tám giờ hai mươi phút, chỉ còn bốn mươi phút nữa thôi. Anh liệu cắt người nào có thể tạm đóng thay Kim Dung, và cần nhất, anh phải ra xin lỗi khán giả việc Kim Dung vắng mặt.

Hoàng Thanh nhìn các bạn đã sửa soạn xong chỉ còn chờ khai diễn. Đang lúc anh bối rối, Như Hà bước đến khẽ vịn vai anh:

- ... Em lo quá... không biết chị Kim Dung tại sao tới phút cuối cùng mà chưa đến... Hay là...

Thấy Như Hà không nói hết câu, Hoàng Thanh ngẩng đầu lên hỏi:

- Cô muốn nói sao?

- ... Hay là ông cho phép em tiến cử một người khác đóng thay chị Kim Dung...

Hoàng Thanh cười nhạt:

- Cô nói đùa tôi. Nhưng cô hiểu cho câu nói đùa ấy không phải lúc!

Như Hà thản nhiên, lễ phép trả lời:

- Chết nỗi! Ông yên trí trong thiên hạ không có ai cáng đáng nỗi vai trò quá nặng ấy chẳng? Nói thế, tức là ông có ý đặt chị Kim Dung lên tột bậc trong nghề kịch... Song, nếu để ý nhận kỹ, ông sẽ thấy, ngoài ngôi sao sáng đó còn ngôi sao nữa, trước mắt công chúng tối nay chẳng đến nỗi lu mờ...

Sửng sốt, Hoàng Thanh đẩy ghế đứng lên:

- Vậy cô muốn giới thiệu người nào?

Chúm môi son nhả mấy vòng khói thuốc lá “ăng-lê”, rồi ngửa mặt nhìn theo... nàng chỉ tay vào ngực, lơ đãng nói:

- Như Hà!

- Như Hà? Cô lại nói đùa. Cô nên nhớ ngoài Kim Dung chẳng còn ai làm “sống” được lớp sau cùng...

Như Hà vội ngắt lời Thanh:

- Vâng, lớp cuối cùng nó “sống” được ở chỗ: một thiếu phụ điên đi lang thang bên bờ biển tìm đứa con nhỏ đã bị người chồng làm nghề chài lưới nghi cho nàng vì mê trai mà định giết chồng, nên đem con bỏ vào trong khe núi. Tới lúc nàng nghe tiếng khóc của con văng vẳng đằng xa, lần mò tìm được gần đến nơi thì người chồng chở thuyền tới ãm đứa bé vượt ra khơi sương phủ mặt mù... Trong những phút mà trái tim công chúng đều hồi hộp ấy, Như Hà - người thiếu phụ mất chồng, mất con - cần hết sức đặt mình vào cảnh thực, một cảnh chia lìa đau đớn mà chính mình đã biết, hay sắp trải... Phải có nước mắt, phải có dáng điệu yếu đuối khi trèo lên các mỏm đá nhọn, phải có giọng khàn khàn đầy lệ lúc hấp tấp chạy đến bờ con, phải có hai bàn tay run rẩy khi đứng chơi vơi trên mỏm đá vấy người chồng gian ác và đứa con tội nghiệp trên chiếc thuyền vùn vụt trôi, rồi ngã khụy xuống, mặt ngoảnh ra khơi, một tay vẫn từ từ, uể oải... chờ cho màn hạ gần hết mới nằm yên... Một tấm kịch cảm động vô cùng mà người sắm vai chính, Như Hà xin cam đoan chẳng để “*Én lạc*” không có một tiếng vang...

Như Hà nói trôi chảy một hồi, Hoàng Thanh hình như lắng tai nghe, nhưng không nhớ cô nói những gì bởi óc anh bận nghĩ đến Kim Dung.

Lê Quang, một diễn viên lay vai Thanh, nói:

- Anh có bằng lòng để Như Hà thay Kim Dung? Quả quyết mau đi, chỉ còn có mười phút nữa...

Chán nản, Hoàng Thanh gật đầu liều, rồi đứng lên, bước ra sân khấu. Tiếng vỗ tay vang động của khán giả chào đón nhà soạn giả có biệt tài đã nhiều phen hiển công chúng Hà thành những phút buồn vui, xúc cảm đã từng được các tờ báo lớn in ảnh, trưng tên trên mục “Kịch trường”. Hoàng Thanh - theo lối nhà nghề - báo tin Kim Dung bị nạn xe hơi không về kịp trước giờ diễn, và xin cắt Như Hà thay Kim Dung sắm vai Cúc Lệ.

Trong số đông công chúng đang yên lặng, có mấy tiếng “ồ”, những tiếng chẳng hài lòng của những người đã mua hoa sấn tặng Kim Dung.

Hoàng Thanh bảo người xếp cảnh cho kéo màn khai diễn, rồi anh lên ra ngoài rạp. Trên phố, người đi lại đã hầu thừa thớt. Mặt đường nhựa loáng nước mưa. Thanh, đầu không mũ, mình không khoác áo tơi, rảo gót đến phố Tràng Tiền, rẽ ra Bờ Sông, gõ cửa mấy nhà mà anh biết Kim Dung thường năng lui tới. Nhưng không được tin gì, Thanh lại quay về rạp. Anh ngồi yên một chỗ, lơ đãng không biết các anh em đã diễn được mấy hồi. Chốc chốc, anh nghe thấy tiếng vỗ tay tán thưởng, song sự khen ngợi đó chẳng khiến anh cảm động, vì mục đích anh khi soạn vở “*Én lạc*” là chỉ cốt đem nghệ thuật của mình nâng nghệ thuật của Kim Dung, - người mà anh yêu sắc, mến tài - lên một bậc cao trong kịch giới. Song đến lúc này, kết quả không theo ý nguyện, sao Như Hà lại cướp hết lời tưởng lệ mà người đời đáng lẽ phải riêng tặng Kim Dung.

Các diễn viên - mỗi lần khán giả vỗ tay khen - thường vui vẻ báo cho Thanh hay rằng Như Hà quả đã sắm một cách sinh động. Thanh chỉ gượng cười, không đáp...

\* \* \*

Ánh trăng suông trộn trong khói sương đêm màu sữa bay lơ mờ trên khoảng đồng lúa xanh non bát ngát. Kim Dung trèo lên đường xe hỏa đứng nhìn quanh bốn phía, không có một bóng người, quanh cô là bãi tha ma, gò đất ngổn ngang, tiếng côn trùng kêu âm ỉ; phía xa, sông con ngoằn ngoèo

uốn khúc dưới gập cầu. Ven sông, lão thuyền chài khom lưng nhấc chiếc cần tre, kéo lưới lên trước mặt, vét mấy con tôm, cá bỏ vào trong giỏ rồi lại từ từ buông lưới xuống lòng sông...

- Anh Vinh, xin anh cố sức chữa cho xe chạy về Hà Nội. Tôi nóng ruột lắm. Anh đừng để tôi nhớ việc. Hà thành tối nay, giờ này, cần có mặt tôi. Hàng ngàn người đang mong đợi tôi, nhất là Hoàng Thanh..., trời ơi, Hoàng Thanh, anh ấy thất vọng biết chừng nào!

Tự nãy Vinh vẫn loay hoay chữa máy, ngẩng đầu lên:

- Tôi cũng mong về Hà Nội có việc cần. Nhưng không may xe bị hỏng, mà hai ngọn đèn cũng hỏng hết, trăng mờ mịt thế này chữa nhanh sao được...

Kim Dung tức bực ngồi xuống bãi cỏ, hai tay chống má, nước mắt chảy quanh, lo lắng nghĩ thầm: “Nếu Vinh không chữa được xe, đêm nay ngồi ở giữa nơi đồng không quạnh quẽ này, lỡ kẻ gian hãm hiếp ta chống lại cách nào”.

Trong lòng nấu nung như lửa đốt, cô ngánh mặt nhìn về thành phố xa tít tận chân trời. Cô nghĩ đến Hoàng Thanh... chắc anh đang oán trách cô phá hoại danh tiếng của anh. Nghĩ lại hồi hai năm trước, nhân một buổi hội họp các nhà văn tại nhà người bạn gái, cô được hân hạnh quen biết Hoàng Thanh. Cách ít lâu anh viết thư mời Dung giúp một vai chính trong vở “*Sóng đời*” của anh soạn, diễn tại Nhà Hát Lớn để giúp dân bị bão. Vở kịch ấy đã giới thiệu tài sắc của cô với báo chí và dư luận Bắc Kỳ.

Hồi ba tháng trước, tình cờ Kim Dung lại gặp Hoàng Thanh một đêm mưa gió trên đường. Hồn nghệ sĩ hiểu hồn nghệ sĩ - hiểu rồi yêu. Anh hứa soạn một vở, một vở mà Kim Dung giúp anh các tài liệu xác đáng mà cô đã dụng công ghi chép được, để nhìn nhận một kiếp người. Muốn vở “*Én lạc*” không bị bại, lẽ cố nhiên Thanh phải dành riêng vai chính cho Dung. Bởi



vậy, hai tháng trời ròng rã toàn thể diễn viên cố công tập luyện, và Kim Dung nhờ sắc đẹp, diễn xuất giỏi, giọng hay, đã vẽ trước mắt anh cái kết quả mỹ mãn khi đem vở đó lên sân khấu.

Tối nay, một buổi tối náo nhiệt, tưng bừng, Nhà Hát Lớn ngập tràn ánh sáng, người ta nô nức kéo đến thưởng thức những câu văn giễu đời, chua chát của văn sĩ Hoàng Thanh, người ta bỏ tiền không tiếc để xem tài nghệ của Kim Dung, một nữ tài tử được các báo hoan nghênh cổ động từ tuần lễ trước, được ban quảng cáo in những chiếc ảnh đẹp tuyệt trần lên các tờ cáo bạch dán khắp thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, in trên các tờ chương trình phát cho khán giả trong rạp hát. Nhưng giữa lúc mọi người đang mong đợi Kim Dung thì ở nơi đồng nước Kim Dung ngồi bó gối trên vệ cỏ, ngửa mặt nhìn mây đen mà gan dạ bồn chồn.

Trần Vinh vẫn chưa chữa được xe, chàng nhọc mệt ngồi một chỗ, thở dài. Tít đằng xa, tiếng còi tàu rít trong khoảng vắng, hai đốm lửa đèn đỏ chói trông như cặp mắt một con quái vật văng mình đuổi bóng ai. Đoàn xe đến gần, lãnh đạm chạy vụt theo dọc đường sắt xa thăm thẳm, để lại người thiếu nữ thần thờ ngó theo... Thình thoảng, một vài chiếc xe hơi ở Cảng về Hà Nội, chiếu những vạch ánh sáng chói lòa trên đường nhựa, át hẳn bóng trắng mờ. Mỗi một lần thấy chiếc xe nào sắp tới, Kim Dung hồi hộp đứng giữa đường giơ tay phất chiếc mùi soa ra hiệu, nhưng những chiếc xe ấy cứ lạnh lùng tiến thẳng, mặc cô thét gọi hết hơi. Dung tức điên, nước mắt lăn xuống má.

Mãi đến gần khuya, Dung mới vẫy được chiếc xe của vợ chồng một người Pháp ở Cảng lên, đỗ lại vui vẻ mời Dung cùng về Hà Nội. Dung bảo Vinh lên tiện thể, song anh nói phải coi xe.

Ngồi trên nệm bông, kính che kín mít, Dung thấy ấm áp, dễ chịu, nghĩ thầm:

- Thực là “én lặc”! Ta đã đóng một vai kịch giữa cái sân khấu thiên nhiên đầy sự nguy hiểm hãi hùng mà không ai biết tới!...

\* \* \*

Trước cửa Nhà Hát Lớn, mấy ngọn cờ bay phất phới, những bồn hoa tắm ánh sáng đèn. Một chiếc xe cứu hỏa chờ sẵn bên đường, vài người cảnh sát đi đi lại lại dưới trời mưa lất phất. Trên trời mây che u ám, trăng, sao thưa dần.

Kim Dung đứng co ro dưới một gốc cây sấu lớn, ngắm nhìn quang cảnh, bờ ngỡ, buồn rầu. Cô phân vân không biết có nên vào xem, hay về Hàng Buồm ăn một bát cháo lót lòng vì từ sáng bụng cô chưa có một hột cơm. Sau, sự hờn ghen khiến cô cần biết ai là người thay cô sắm vai Cúc Lệ, một vai đào tuyệt khó mà nàng vẫn tự phụ ngoài cô ra, chẳng còn ai đủ tài đóng nổi.

Kim Dung rút chiếc khăn san trùm lên đầu, che hai bên má cho bạn nghề không nhận ra rồi cô mạnh bạo bước lên thềm. Cô lấy chiếc vé cuối cùng để coi cảnh diễn cuối cùng. Vào rạp, màn chưa kéo, Kim Dung vội cúi đầu lên tầng gác thứ ba, đứng trong chỗ tối, nhìn quanh. Cô thấy khán giả đều có vẻ hài lòng vui thích, mấy người bạn trai, bạn gái của cô ngồi tầng dưới cũng đều tươi tỉnh, ghé đầu vào nhau bàn tán, hình như họ đang phê bình những vai khéo đóng, hoặc một đoạn diễn hay. Bên cạnh cô, mấy người trẻ tuổi tranh nhau bình phẩm:

- ... Kim Dung, nếu đóng, chắc tuyệt hơn. Nhất là chỗ Cúc Lệ ru con trong vườn trăng sáng...

- ... Mà Kim Dung lại đẹp hơn Như Hà nhiều lắm...

Kim Dung giật mình, lẩm bẩm:

- Như Hà đóng vai chính thay ta? Như Hà! Ô hay, sao Như Hà thuộc vở? Từ khi bắt đầu tập, tới khi tập xong, cô ấy chỉ giữ vai người vú em nhà bà phủ Tám, bộ điệu ngớ ngẩn, vụng về. Hoàng Thanh cũng không trao cho cô ấy một bản sao nào, thế thì cô ấy lấy gì để luyện?

Kim Dung đang suy nghĩ thì màn kéo lên cảnh miền duyên hải: một bức phong mây, nước. Ngõn ngang những hòn đá nhọn nhấp nhô. Tắt đèn làm tối. Lấy khói làm sương. Cúc Lệ loạng choạng nhô đầu sau bóng lá, trèo lên mỏm đá, tóc xõa sau lưng... Cúc Lệ tìm con... kể lẽ nỗi niềm... oán chồng tệ bạc, khóc than như kẻ điên rồ...

Trong ba mươi phút, mỗi tiếng nói của người thiếu phụ ấy là một tiếng kêu thương gieo vào lòng công chúng... Một cái trượt chân của người đàn bà khốn nạn ấy khi lăn mình trên hàng đá nhọn là một niềm thương xót cho những khán giả giàu tình cảm... Mãi tới lúc Cúc Lệ ngó theo chồng bắt đứa bé, chở thuyên ra xa, nàng ngắt đi, ngã xuống... màn đang từ từ hạ... thì khán giả vỗ tay như pháo, hoan hô cái tài hiếm có của Như Hà, ngôi sao mới lần đầu ra mắt công chúng Thủ đô.

Kim Dung lúc ấy quên hẳn nỗi ghen hờn, ích kỷ cũng vỗ tay khen ngợi người mà trước kia cô cho là vô dụng, song hiện nay đã đỡ thay cô cái gánh nặng nề một cách vẻ vang xứng đáng, đã cố công lấy lại danh tiếng cho vở kịch của Hoàng Thanh đáng lẽ vì cô mà sụp đổ.

\* \* \*

Hai giờ đêm. Như Hà về nơi gác trọ, uể oải trèo trên chiếc cầu thang lung lay, bước lên sàn. Chán nản, cô vắt bó hoa của một khán giả vừa tặng xuống mặt bàn. Cô đánh diêm châm ngọn đèn dầu nhỏ, cởi áo treo lên mắc. Sắp buông màn nằm nghỉ, cô chợt nghe tiếng động sau lưng. Cô ngảnh lại, vội kêu lên một tiếng:

- Ô, chị Kim Dung, chị về Hà Nội lúc nào?

Kim Dung rút khăn tay lau nước mưa đọng trên vành tóc, nắm chặt hai tay bạn, vui mừng:

- Tôi vừa thoát chết ở giữa đồng không vì ô tô của anh Vinh bị hỏng dọc đường. Nhưng may được nhờ xe của vợ chồng người Pháp về tới đây, và kịp xem lớp cuối cùng vở kịch. Vậy tôi thay mặt toàn ban mừng chị đã thành công.

Như Hà cúi đầu nhìn xuống, hai má đỏ bừng.

Kim Dung tát yêu má bạn, cười to:

- Kìa Cúc Lệ vờ then với Văn Lương đó chứ?

Như Hà vẻ mặt buồn rầu:

- Thưa chị, em không đáng được nhận một lời khen... em xấu hổ vô cùng, em đê tiện vô cùng trước một người bạn hiền từ, rộng lượng...

Kim Dung kinh ngạc lấy ngón tay nhắc cằm bạn lên. Như Hà để rơi mấy dòng nước mắt.

- Chị khóc ư? Trời ơi, có lẽ chị khóc vì thỏa nguyện quá..., vì sung sướng quá...

Như Hà đau đớn:

- Chị tha thứ cho em, em đã nở tâm hại chị... em đã...

- Ô hay, chị điên rồi.

- ... Em hối hận lắm, lương tâm bắt em thú tội... Chị có biết đâu chị không về kịp Hà Nội là do mưu kế của em... Em đã nhờ anh Vinh - nhân tình em - đánh xe xuống Cảng cố tìm cách rủ chị cùng lên Hà Nội, nhưng cần nhất là cho xe chạy chậm, rồi nửa đường đỗ lại, nói dối rằng máy hỏng

để chị sẽ không có mặt tại nhà hát trước giờ khai diễn... Thi hành cái âm mưu khốn nạn đó, không phải em ghen danh vọng của chị đâu, thực ra, chị ơi, vì em muốn có một món tiền! Chị không rõ mẹ em đã hai tháng nay bị giam tại đề lao, bởi người ta vu oan cho mẹ em mua đồ ăn cắp. Tòa chưa xử án mà để mẹ ngồi tù, không nổi, nên em phải nhờ anh Vinh làm hại chị. Được anh nhận lời, em mừng rỡ, đi mượn vở, tập đóng vai Cúc Lệ hai ngày, hai đêm trên căn gác nhỏ này. Thế rồi, tối nay, yên trí chị bị nạn giữa đường, em yêu cầu Hoàng Thanh cho em đóng thay chị. Không ngờ, công chúng hoan nghênh... thực lòng em... đau khổ... Cái vui về danh vọng, em không mong có, song cái vui vì được hội trả món tiền năm chục bạc để em có thể chạy trạng sư cãi cho mẹ em may thoát khỏi tội tù là cái vui làm cho em rơi nước mắt. Bó hoa kia, em xin dang lại chị, vì người ta mua bó hoa ấy chỉ cốt tặng Kim Dung, chứ nào định tặng em! Vở “ *Én lạc* ” còn diễn thêm một buổi tối ngày mai nữa. Em xin nhường trả chị vai Cúc Lệ, bởi chị mới đáng được công chúng hoan nghênh... Em, em chỉ là một kẻ gian ác, khốn nạn, lọc lừa...

Như Hà ôm mặt, nấc lên khóc mấy tiếng...

Cảm động, Kim Dung nâng đầu bạn lên, an ủi:

- Không, Cúc Lệ tối mai sẽ vẫn là Cúc Lệ tối nay. Chị cần phải có tiền lo gỡ nạn tù cho mẹ già oan khổ. Phần tôi, hiện giờ đưa em gái ở Hải Phòng đang ốm nặng, trong nhà không có một xu, nếu chẳng có món tiền của hội thuê đóng vai Cúc Lệ. Nhưng cái đó không cần lắm, tôi vui lòng hy sinh. Dù sao, chị cũng chớ nên bỏ lỡ cái danh vọng huy hoàng này... Tối mai, Kim Dung sẽ lại lấy chiếc vé năm hào hạng bét, lại mặc tấm áo xuềnh xoàng, giấu mặt, giấu tên, đứng nấp trong xó tối, vỗ tay tán thưởng tài nghệ của Như Hà, - Như Hà! người bạn đáng thương của tôi... Như Hà, một ngôi sao mà hiện phút này có lẽ người ta đang nhắc nhủ ngoài đường phố, hiện phút này đang được các nhà báo ngồi bên đèn bấm cúi viết hàng trăm lần cái tên tốt đẹp trong bài bình luận để kịp in trong số báo chiều mai...

(Đăng *Tiểu thuyết thứ Bảy* số 83/1935)

## Lệ vui

"**T** hứ, đi xem hội “Ngày học sinh” với chúng tớ.

- Mình không đi được, bận lắm.
- Bạn thêu khăn tay tặng Lãng?
- Hay chui vào phòng kín làm thơ?
- Mình van các bạn...
- Hay có cuộc hẹn hò với người tình trên chùa Láng?
- Đừng nói nữa mà! Thôi, đi đi...

Thu Hương, Bích Nguyệt, Tuệ Hà, nháy nhau cười giòn giã, rồi cùng châu đầu trước tủ gương, cầm “húp” đập lên má, bôi thêm son lên môi, uốn lại mái tóc cho bông, kéo nếp áo cho phẳng phiu. Riêng Thúy bị các bạn giễu đùa thì ngồi thừ một chỗ, buồn rầu.

Một cơn gió nhẹ lướt vào cửa sổ. Trong chiếc hộp vuông đựng đồ kim chỉ, một mảnh lụa rớt xuống đất, để hở mấy mẫu giấy xanh cô vừa xé vụn.

Tự nhiên, Thúy cảm thấy buồn lạ lùng.

Bích Nguyệt chế cô đi với người tình trên chùa Láng? Cô thẹn thùng, không chối cãi. Vì một ngày xuân, cô mua hương hoa, xin phép mẹ đi lễ Phật. Trước cửa đền, cô đã gặp chàng... Nhưng, ô hay! Người cô yêu thấy cô vội vã quay đi, như không hề quen biết. Cô tê tái bước vào đền dâng

hương hoa, quì trước phật đài thốn thức, lâm râm khẩn vái, cầu đấng Thiêng liêng ứng cho cô quẻ thẻ cầu duyên. Rồi cô thần thơ trên đường vắng, chợt trên gò cao cô thấy người cô yêu đang kề vai một thiếu nữ tuyệt xinh, tà áo màu lá lướt vờn gió.

Nghiến răng, cô ngậm ngùi rửa phận, gọi xe, vội vã trở về.

Về đến nhà, cô vô tình nhìn bóng mình trong gương. Thì ra, than ôi, cô già, cô xấu, nét vô duyên in trên khuôn mặt võ vàng. Từ đấy, cô căm hờn chàng trai ấy, và những chàng trai khác. Họ là lũ người thù địch, họ là lũ người... “khốn nạn”, nữ coi cô như mảnh lụa gợn nhiều máu khi soi ra ngoài ánh sáng.

Cô buồn giữa lúc chúng bạn cợt đùa, chế giễu, thi vẽ đẹp tươi tắn bên một cái sắc tàn!

- Thúy ơi!

- Có thích cùng bọn này ra nhà Khai Trí, ngồi xe hoa, ném *confetti* vào đầu các anh chàng tán phục mình...

- ... Nhưng tớ xấu số... trời ơi, ... tớ xấu số, không được như các bạn.

- Nếu không xinh, sao được người ta cầu khẩn mời đi chơi chùa Láng; được người ta đứng chầu suốt đêm dưới cửa.

- Tớ bị người ta chê xấu khi rõ mặt rồi...

Ngượng ngùng đáp bạn, cô cười đau xót giữa lúc các bạn khúc khích, khoác tay nhau nhảy xuống cầu thang.

Cô hé cửa sổ, nhìn xuống phố. Một chiếc xe hoa chạy về phía hồ Hoàn Kiếm; người xuôi, kẻ ngược rộn ràng.

Một đám hội lớn. Một ngày vui.



Thốt nhiên, cô thấy trái tim mình cũng đập một điệu vui ca rộn ràng. Cô vùng đứng lên, ngảnh về phía chiếc bàn thấy mấy hộp phấn sáp của các bạn ban nãy vội đi còn bỏ lại. Cô cầm hộp phấn... phân vân không biết có nên thoa một chút lên màu da vốn quen mộc mạc..., rồi mở hộp son, cô băn khoăn không biết có nên tô một chút lên vành môi.

Bỗng cô ngược mắt nhìn lên mấy tấm ảnh của ba người bạn gái - cái nào cũng tô màu lộng lẫy, tươi mát như những cánh hoa nhung. Cô thèm có được nhan sắc ấy; thế rồi, quả quyết, cô đóng các cửa, đến trước gương trang điểm.

Một lát, cô mở các cửa ra cho ánh sáng lùa vào. Cô mỉm miệng cười, thấy mình không xấu lắm. Nghĩ là cô đẹp, ... hơi đẹp.

Đoạn, cô với chiếc áo dài của bạn treo trên mắc, mặc vào. Cô thấy mình khác hẳn đi... đẹp hơn lên, rồi cô hồi hận: “Nếu hôm xưa, mình cũng đẹp như buổi hôm nay thì đâu đến nỗi anh ấy nở gò má đi, không thèm đái hỏi”.

Đến cửa nhà Khai Trí, cô đi lẫn vào đám hội ồn ào. Cô bị người ta xô đẩy vào bực thềm mấy hiệu buôn. Cô phải tìm một chỗ đứng để từ đó có thể nhìn tứ phía.

Đoàn xe hoa lần lượt diễu trên đường. Những tiếng reo hò vang động, rồi cơn mưa hoa giấy tới tấp bay lên đầu, lên mặt các thiếu nữ ngồi trên những chiếc xe kết đầy hoa thắm, lá tươi... Các bạn trai háo hức đi tìm người đẹp để tung hoa, để bơi lội vẫy vùng trong lớp... sóng hoa.

Cô đứng một chỗ, chỉ một chỗ, hồi hộp chờ một nắm giấy đỏ, vàng, xanh, trắng gieo rắc lên mái tóc, chờ một cặp mắt đầy ánh vui, âu yếm nhìn mình... Nhưng..., cố sao... Cố sao, người ta chỉ tranh nhau tung hoa lên đầu, lên má bọn thiếu nữ ngây thơ, xinh đẹp đứng tận phía sau cô... Người ta thờ ơ, hờ hững, chẳng thèm nhìn nhận một người thiếu nữ quá xuân đang

nhọc lòng khát khao, mong mỗi một sự vuốt ve thoảng nhẹ của cánh hoa giấy vô tình giỡn bay.

Buồn bã, cô toan rẽ lối trở về.

Nhưng đột nhiên, cô bị tối tăm mặt mũi, hai má cô bị rát hằn đi. Cô vội mở mắt ra: tóc cô, áo cô lốm đốm những hoa... Mừng, tủi, bàng hoàng, sung sướng - khước mắt cô ứa lệ - cô giơ tay vuốt má.., thấy ngón tay dính... một vết bùn! Cô ngoảnh về phía có tiếng cười khúc khích: một đứa trẻ tinh ranh đang cúi nhặt những bông hoa bị vùi trên vỉa cống và lượm những mảnh hoa giấy bị người ta giày xéo dưới chân để, lần nữa, ném tặng cô.

Đau đớn, Thúy rút khăn tay xóa vết bùn trên má, và lau những giọt nước mắt đang rưng rưng ứa ra trước giây phút bàng hoàng sung sướng hiếm hoi ấy.

(Đăng *Tiểu thuyết thứ bảy* số 222/1938)

## Một người không sống

**Đ**ã tám năm nay, bà Mộng Hoàng sống với người đàn ông ấy những ngày tối tăm, buồn tẻ quá. Nhưng, yên phận làm người vợ hiền bà chưa một lần nào tỏ ý chán chường cuộc đời bằng tiếng thở dài trước mặt chồng.

Bộ mặt nghiêm khắc của người chồng lâu dần làm đổi sự yêu đương bỗng bật ở lòng bà ra sự phục tòng, sợ hãi. Bà cảm thấy rất thối tha rằng một ngày sống với người chồng ấy, một ngày bà hoàn toàn là người nô lệ, nô lệ một cách nhục nhã, vô lý mà người ngoài không ai biết, ngay cả chồng bà.

Hàng ngày, bà Hoàng dậy rất sớm. Trong khi bọn gia nhân mở cửa hàng, bà ra ngồi chỗ thu tiền, cầm cúi trên chồng sổ sách đầy những tính cộng, tính trừ, nó làm cho bà nhức đầu, hoa mắt. Từ sáng đến chiều, khách mua tấp nập, bà phải luôn miệng nói cười niềm nở. Chỗ này, bà Hoàng cần để mắt tới bọn phu đóng hàng cho cẩn thận để tải ra ga; chỗ kia, bà phải chạy đến để vui vẻ điều đình với một ông khách hàng khó tính; và chốc chốc, tiếng chuông điện thoại lại gọi bà chạy về bàn giấy trả lời, tính toán với một hãng buôn người Pháp về việc hàng hóa, tiền nong.

Suốt ngày, bà Hoàng bận bịu, nói khô họng, viết mỏi tay, đôi khi gặp trường hợp khó khăn bà lại phải thay người thư ký, thân chinh xách cặp da đi thu tiền.

Cửa hiệu bà Hoàng phát đạt như thế quanh năm vì sự lịch duyệt, thực thà, ngay thẳng của bà, nụ cười vui vẻ của người thiếu phụ xinh đẹp ấy đã bắt Thần Tài phải tươi cười mà bước vào nhà.

Nhưng khi bọn gia nhân đã lẳng lặng thu hàng đóng cửa, khi thành phố đã lên đèn rực rỡ thì tự nhiên lòng bà Hoàng ám nặng một túi sầu... Bà mệt nhọc bước lên thang gác, cố nghĩ ra một chuyện gì vui lạ để cầu xin người chồng nghiêm khắc một tiếng cười, một lời an ủi, yêu đương.

Bà đứng lại ngoài phòng, gõ ba tiếng nhỏ, rồi bà khẽ hé cánh cửa lách vào, đi rón rén trên tấm thảm nhung, dáng sợ sệt như con chuột trước móng vuốt một con mèo sắp sửa xồ ra.

Bà nói dụi dàng hết sức vì bà sợ một tiếng nói hơi to, một tiếng giày vấp có thể làm động cái không khí lạnh lùng trong gian phòng lặng lẽ, các cửa đều đóng kín.

- Mình!

Ông Cảnh ngồi ngoảnh mặt vào lò sưởi đọc sách, vẫn yên lặng như pho tượng. Ông không nhúc nhích, không ngảnh đầu trông lại bà đang cố tươi cười để làm đẹp lòng ông.

- Mình ơi!

Con người trơ như đá ấy không thềm ngảnh lại, không thềm đáp lại lời bà.

Bà buồn bã, đứng sau ghế chồng lau nước mắt, nhìn bóng ông chập chờn in trên mặt tường.

Một lúc, bà nhẹ bước đến bên ông âu yếm vuốt tóc ông, đặt môi lên trên cái trán hằn những nếp nhăn. Ông Cảnh khẽ rùng mình như khó chịu. Bà nhớ đến việc bà vẫn thường làm. Bà rón rén đi ra một lát, rồi bưng vào một thau nước trầm thơm, đặt dưới chân ông. Bà vén áo ngồi xõm bên chân ghế, tháo bít tất ở chân ông, nhúng chân ông vào chậu nước để kỳ cọ từng ngón chân một. Đoạn lấy chiếc khăn bông trắng lau khô, bà cầm dao gọt từng chiếc móng, cạo từng cái chai rồi lại xỏ bít tất vào.

Trong khi ấy, ông Cảnh vẫn lặng yên như pho tượng, mắt không rời nhìn quyển sách trên tay.

- Mình nghỉ để xơi cơm, mình.

Năm phút sau, ông Cảnh mới ngẩng đầu trông đồng hồ, đánh dấu trang sách đang đọc dở, ném lên trên lò sưởi, rồi ông chỉ mắt công khê nhắc mình kéo chiếc ghế nệm bọc da, nhích ra phía sau một tí vì bà đã đẩy chiếc bàn ăn đến bên lò sưởi cho ông khỏi lạnh.

Bà cố tươi cười rót rượu cho ông uống, tiếp luôn những món ăn ngon. Bà kể những chuyện vui vẻ nói ông nghe, nhưng ông không đáp lại một lời.

Sự lãnh đạm ấy, bao nhiêu năm nay đã thành cái lệ thường lắm rồi nên bà Hoàng không giận nữa, chỉ biết đau khổ ngấm ngấm.

Ông buông đĩa đứng lên, cầm mấy quả nho ăn tráng miệng, mở hộp lấy điếu xì gà hút, rồi, như lệ hàng ngày, ông lẳng lẳng sang phòng bên mặc áo quần.

Ông chụp mũ dạ lên đầu, cầm ba-toong xuống nhà dưới, ra đường.

Lúc này, bà Hoàng chỉ biết buồn rầu mở rộng hai cánh cửa sổ đứng nhìn theo hút người chồng đi khắp khiêng bên hè, dưới cơn mưa bụi.

Nhìn mãi, nhìn mãi cái dáng đi thất thểu, chân bước tập tễnh của chồng, bà âm thầm nhớ lại cả một cái dĩ vãng tự ngót mười năm cũ.

\* \* \*

... Xưa, ông Cảnh làm Tri phủ. Một ông phủ trẻ, khỏe mạnh, giỏi võ Tàu, ưa mạo hiểm, minh mẫn, thanh liêm. Chính tay ông đã nhiều lần bắt được bao tên cướp, nên dân tình rất mến phục ông.

Năm ấy, phong trào đấu tranh đang mạnh. Một đêm, ông phủ Cảnh đương ngồi nói chuyện với bà, chợt có tên lính vào trình có một bọn người lạ mặt sắp đi qua đường xe lửa. Ông vội đứng lên dẫn mấy tên lính ra đi, nhưng ra đến ngoài cửa phủ, không biết chợt nhớ điều gì, ông cho bọn lính lùi về, rồi một mình ông rảo bước đi trong đêm tối.

Ông nấp vào một bụi cây chờ. Một lát, bọn người lạ mặt đến gần. Ông chú ý nhìn cho rõ, rồi bị một sự gì kích thích mạnh trong lòng, ông khẽ kêu lên, gọi tên một người trong bọn. Người ấy là một bạn già chí thiết của ông. Người ấy xưa kia đã nuôi ông ăn học, đã nhường cơm xẻ áo cho ông. Người ấy là một ân nhân đã cho ông cuộc đời tốt đẹp, và vì ông mà người ấy bị nghèo, giang hồ khắp nơi khắp chốn, lang thang như một người khốn nạn. Thật vậy, con người ấy đã ba lần bị đạn, ba lần trốn thoát lao tù.

Ông phủ từ sau bụi bước ra. Bọn người lạ mặt đã cho tay vào túi tìm khí giới. Nhưng ông phủ Cảnh vỗ vãi bạn già, cười to mấy tiếng, tiếng cười dọa nạt của một người gan dạ xem thường kẻ địch và coi sự chém giết là một trò đùa.

Ông bạn già lùi lại giữ thế, nhìn thẳng vào mặt ông phủ Cảnh như có ý đau đớn, hỏi thăm: “Thế bây giờ, ông định bắt chúng tôi?”

Ông phủ nghiêm mặt nhìn lão già và cả bọn, giọng dịu dàng: “Tôi sẽ không mó đến mình một vị nào, bởi tôi lấy tình ông già Hưng đây là người tôi phải chịu ơn mãi mãi”.

Ông kéo ông già Hưng ra góc ruộng, khẽ khuyên lão nên bỏ công việc ấy đi, và mời lão về phủ ở cho ông đáp đền ơn cũ. Nhưng ông già quắc mắt nhìn ông phủ, cười gằn: “Thà tôi chết ở một cầu sương, điểm cỏ, còn hơn... Thôi, ông để chúng tôi đi, không bao giờ chúng tôi quên được ơn này”.

Đứng nhìn ông già Hưng và mấy người lạ mặt khi đã biến vào khoảng sương mù, ông phủ Cảnh mới quay về. Lòng ông như có một cái gì ám ảnh,

ông buồn bã thở dài.

Nghĩ đến việc vừa xảy ra, ông nhớ lại đoạn sử Quan Công thả Tào Tháo ở đường Hoa Dung khiến ông mỉm cười. Ông rất bằng lòng về hành động nghĩa khí đó, nhưng sau, dần dần ông thấy một mối buồn mênh mông vô duyên cứ làm cho ông chán nản sự đời. Ông nhớ mãi tiếng cười gằn và câu nói xót xa của lão già Hưng: “Thà tôi chết ở một cầu sương, điểm cỏ, còn hơn...” Càng ngẫm, ông càng thương con người luân lạc ấy. Càng ngẫm, ông càng chán chường địa vị của mình. Lâu dần, ông sinh ra thờ thần, yếu đau luôn. Tính nết ông đổi thành nóng nảy, hay gắt, hay quát tháo. Đã mấy lần, không vì một tội gì mà ông sai căng nọc mấy người Chánh tổng, Lý trưởng nằm giữa phủ đường, truyền lính đánh. Đã có lần, ông đập tan hòm sặc, ném dấu son xuống gậm bàn, vất tung công văn, sổ sách ra sân.

Bà Mộng Hoàng lo sợ, tưởng ông mắc bệnh điên, nên đêm nào bà cũng thắp nến, nhang, giữa trời cầu khẩn, song ông vẫn điên khùng, nóng nảy như thường.

Một đêm, ông đang ngủ, bỗng thức giấc, nghe thấy tiếng lính gọi nhau tíu tít, và phía xa tiếng tù và, tiếng trống ngũ liên văng vẳng, ông liền vùng dậy, rút thanh mã tấu gài trên giá, nhảy ra sân gọi lính chạy đi. Đến một cánh đồng ngô thì gặp bọn cướp đang dắt trâu, vác đồ đạc đã cướp được ở một làng kia chạy tới. Bọn lính chĩa súng lên trời bắn dọa, ông phủ điên tiết xông vào bắt sống tên đầu đảng đi đoạn hậu, nhưng ông sơ ý bị một tên cướp khác đâm mạnh luôn mấy mũi mác vào đùi, rồi chúng nhảy cả xuống dưới đầm có thuyền đợi sẵn, bơi đi thoát, còn để lại trâu bò, đồ đạc, và hai tên cướp bị đạn bắn trúng đầu.

Ông phủ bị trọng thương, phải khiêng ra bệnh viện ngoài tỉnh chữa. Hai tháng sau, thương tích đã lành, nhưng bị què chân, và sức lực rất suy, ông lấy cớ ấy xin từ chức.

... Bây giờ đây, con người gan dạ, nghĩa khí như Quan Vân Trường ấy chịu thua, chịu yếu trước cuộc đời. Ông tự nhốt mình vào căn phòng lúc nào cửa cũng kín như bưng. Mùa đông, lò sưởi luôn luôn có lửa, ông ngồi như pho tượng trên chiếc ghế nệm bọc da, đọc sách. Suốt ngày ông không nói. Bất đắc dĩ phải sai tên đầy tớ việc gì, ông ra hiệu cho nó hiểu, hoặc chỉ khẽ mấp má môi. Ban đêm, ông ngồi đọc sách có khi gần sáng, chờ mỗi một, ông ngả đầu ngủ thiếp đi một lúc. Rất sợ giấc ngủ đêm, ông chỉ ngủ ngày độ vài giờ, vì ban đêm, ông bị ám ảnh bởi những mộng mị hãi hùng. Ông thấy toàn những bóng ma, bóng người dữ tợn, quần áo tả tơi, đầu tóc rối bù, hoặc bị lòi ruột, hoặc đầu lâu vỡ ra vì viên đạn, hoặc nằm quặt quai trên vũng máu, xúm xít bám lấy chân ông mà lôi kéo, nhằm mình ông mà cào, mà cắn, mà đâm... Hình như ông cũng hơi tin đó là vong hồn những tên cướp cướp đã chết bởi tay ông trong ba năm làm việc.

Ông hơi tin như vậy, vì ông nhớ mang máng ông đã dùng, trong năm lần, năm viên đạn để bắn trúng sọ năm tên cướp lợi hại dám kháng cự lại ông. Ông còn nhớ mang máng đã sáu bảy lần, ông chui thanh mã tấu vào bãi cỏ ngoài đồng, sau khi những tên cướp kẻ thì như con ếch bị chặt đầu chỉ đập tay chân được mấy cái rồi rúc mình vào trong ruộng bùn mà chết; kẻ thì ôm ruột cố chạy được một quãng đường, rồi không biết nó bị lặn ra chết bên một bờ ao, trên một đoạn cầu tre bắc ngang sông, trong một quán nước giữa đường, hay là cố bò về nhà nhìn vợ, nhìn con rồi mới chịu nguyện rửa ông mà tắt thở...

Bà Hoàng nhiều lúc giữa đêm thấy ông giật mình, mở mắt nhìn thanh mã tấu trên tường. Càng nhìn, mắt ông càng đỏ lên như tiết. Đôi lần, vài giọt lệ rơi ra. Ông nghiêng hai hàm răng kêu kèn kẹt, ông chống hai cánh tay yếu đuối và run bần bật vào hai bên tay chiếc ghế bành, nhồi người về phía trước, lão đảo đứng lên như để vờ lấy thanh mã tấu, nhưng rồi ông lại gieo người xuống ghế, nhắm nghiền mắt lại, da mặt xám tựa trầm.



Bà Hoàng đã cạy lời xin ông cho đem xuống vườn chôn cái kỷ vật ghê gớm ấy đi, vì chính bà, bà cũng khiếp sợ nó như lưỡi liềm Thần Chết, song ông nhất định không nghe, cứ treo nó trên lò sưởi để nhìn.

Mỗi khi than trong lò sưởi nguội, ông thấy gian phòng thành ra giá như băng, không phải giá vì tiết trời đông, ông cho là giá vì hơi lạnh ở thanh mã tấu u ẩn những vong hồn, cái đây những vết máu tiết ra, làm cho ông run bần bật.

Đêm, thương chồng cứ phải ngủ ngồi trên chiếc ghế bành, bà Hoàng không đành tâm nằm một mình trên giường, nên bà cũng trải nệm xuống dưới sàn, ôm lấy chân chồng mà ngủ.

Ban ngày, tuy bận về hàng họ, bà cũng phải chạy lên luôn, rón rén đứng hé cửa nhìn, hay đến sau lưng ông khẽ dặng hắng lên một tiếng, thấy ông không sai gì, không có sự gì lạ cả, bà lại rón rén xuống dưới nhà.

Cuộc đời của người đàn ông sống như chết ấy, cuộc đời của người thiếu phụ trẻ trung đã bị thảm sâu đâu đó dần dần, cứ như thế mãi, như thế mãi..., cho đến ngày nào?

\* \* \*

Con người khốn nạn nọ đang tập tễnh đi dưới đường mờ mưa bụi, đầy lá chết, đi hoài...

Bà Hoàng đứng trên cửa sổ nhìn theo bóng chồng, lòng như bị đứt ra. Ông đi đâu, bà đã biết rồi. Hàng ngày, sau bữa cơm buổi tối, một cái lệ quen bắt ông phải mặc quần áo, ngậm điếu xì gà, vác ba toong ra đi bộ, mặc dù bà luôn ép ông ngồi xe hơi, hay ngồi xe tay nhà cho khỏi ướt, khỏi lạnh.

Đi theo dõi phía sau lần đầu và mấy lần sau nữa, bà Hoàng thấy ông lang thang lên đường Hồ Tây, đứng tựa gốc cây, có khi đứng ngoài cửa chùa

Quán Thánh lắng tai nghe dứt một hồi chuông. Sau cùng ông rẽ vào vườn Bách Thảo, đi đến một căn nhà lá phía gần chùa Một Cột. Ông chui vào căn nhà tối tăm đó, thông thuộc như một người quen, sau khi gạt đầu đáp lời chào của người gác vườn Bách Thảo.

Để nguyên cả áo tơi, cả giày, ông ngã mình xuống tấm giường tre, trên đó, bày sẵn một khay đèn thuốc phiện.

Người cai lệ phép nâng đầu tẩu, ông kéo một hơi dài. Hút chừng mười điếu, ông đứng dậy chụp mũ lên đầu, mở ví ném cho người cai tờ giấy bạc một đồng, đoạn vẫn bộ mặt chán nản, âu sầu, ông lúi thủi đi ra.

Ông lại theo đường cũ về nhà. Tối sau cũng thế. Tối sau nữa cũng thế. Đó là cái lệ, là cái chương trình của con người không sống ấy, - tại làm sao?

Bà Hoàng đau đớn tự hỏi lòng. Nhưng con người câm như cá ấy sẽ không bao giờ trả lời bà, mà thật ra bà cũng chưa một lần nào dám hỏi.

Người đàn ông khốn khổ nọ dưới trời mờ mưa bụi, tối tay lại tập tễnh đi, đi như cái bóng...

Bà Hoàng nhắm mắt tưởng tượng mỗi bước chân của cái vong hồn đau khổ ấy lê đi là mỗi bước lấn gần vào một năm mờ, dưới đó, đã mở rộng ra một cái vực đen thăm thẳm để chôn sâu, chôn khổ, chôn tội lỗi, chôn tất cả.

- Thà như thế lại còn hơn...

Nhưng hối hận rằng ý nghĩ ấy là cay độc, bà Hoàng sợ hãi, rùng mình luôn mấy cái, rồi ôm mặt khóc lên rưng rức.

\* \* \*

Mãi gần khuya ông Cảnh mới về.

Ông đi qua vườn, đi rất nhẹ như cái bóng ma đến nỗi con Dick cũng không biết mà sửa nữa. Vào đến chân thang gác, ông đứng lại giữ áo hơi ướt đầm nước mưa, chùi giầy vào chiếc thảm dứa, rồi bước lên thang. Hai đầu gối mỏi nhừ, run lật bật, ông phải men từng bậc một, bước lên không vững, vì tối nay ông hút rất nhiều, ông say thuốc phiện.

Đến cửa phòng, không bình tĩnh như mọi bận, lần này không hiểu sao ông không dám sờ tay vào quả năm sứ, vì ông có một thứ cảm giác rờn rợn, một thứ sợ sệt vô nghĩa lý của đứa trẻ khi nghĩ đến chuyện ma quỷ, yêu tinh.

Một lúc.

Sau cùng, ông cắn chặt môi dưới, dồn hết lực vào cánh tay, đẩy mạnh cánh cửa phòng.

Ông lên tiếng gọi tên thằng đầy tớ. Thằng này ngủ say, đang ngáy trong một xó tường. Tiếng ngáy của nó càng làm ông thêm sợ hãi. Than trong lò sưởi còn đỏ rực, nhưng chỉ đủ sức cho gian phòng rộng một thứ ánh sáng rất mờ. Ông sờ soạng tay lên mặt tường để tìm chỗ bật đèn.

Khi căn phòng đang tối đã sáng trưng, ông Cảnh định thần nhìn chung quanh, tìm khắp chỗ... một cái gì.

Ông bước lên ba bước, ba bước nữa, ông thấy sau cái ghế của ông bày ra một cảnh... một cảnh rất tầm thường, nhưng với ông, cảnh tầm thường đó cũng đủ làm cho máu trong tim ông đứng lại.

Choáng váng, ông trợn mắt nhìn dưới mặt sàn: pho tượng bán thân của ông mà người bạn điêu khắc đã tạc để tặng ông hồi ba năm trước, vẫn đặt trên lò sưởi bị lăn xuống, *đầu rụng bắn vào gậm ghế*, còn thì vỡ tan thành nhiều mảnh vụn.

Run như chiếc lá, ông ngược mắt trông lên tường: chiếc đinh đỡ thanh mã tấu bị rơi ra, cả thanh đao cũng rơi theo xuống - (chỗ này ông cố định thần xét đoán) không ngờ thanh đao đó rơi nhằm đúng ngay pho tượng tạc hình ông đặt trên lò sưởi, và đồng thời làm lặn xuống cả chiếc bình sứ cắm hoa hồng. Những cánh hoa một màu đỏ sẫm lẫn với nước ở bình tóa ra lênh láng, rải rác lên đầu pho tượng, lên những mảnh vụn và đống quanh thanh đao nằm trên sàn gác, trông rùng rợn như vũng máu trong một vụ ám sát nào.

Ông Cảnh ngã ngồi xuống chiếc ghế bành da. Bệnh đau tim có từ bảy tám năm nay, gặp lúc này, chấm một dấu hết cho cuộc đời người khốn nạn. Toàn thân lạnh dần đi, ông vẫn ngồi như lúc bình thường ngồi đọc sách. Ông nhếch miệng cười, và hai mắt mờ tinh lác vẫn mở to để nhìn trừng trừng vào thanh mã tấu kề liềm bên chiếc đầu pho tượng.

\* \* \*

Bóng câu thoáng bên màn mây nổi!

Những hương sầu phấn tủi cho xong!

Bà Hoàng ở phòng bên, đang đứng pha cốc cà phê sữa để bưng sang mời chồng.

Bà khe khẽ hát...

Một điệu hát buồn thương...

Một điệu hát trường xuân hận...

Một điệu hát của một tấm lòng cô quạnh đã chết rồi.

Thù nhau ru, hơi đông phong!

Góc vườn dài nắng cầm bông hoa đào.

(Đăng *Tiểu thuyết thứ bảy* số 198/1938)

## Người đàn ông đau đẻ

**T**hốt nhiên, Linh ngồi nhồm lên rồi rít hỏi Hiền:

- Mình đau lắm à? Thế bây giờ định làm sao?

Hiền nhăn nhó xuýt xoa, gất với chồng:

- Vào hộ sinh chứ còn làm sao nữa!

Tức thì Linh mở tủ bưng ra cái thúng mà Hiền đã xếp sẵn áo quần của cô, quần áo khăn lót của đứa con sắp đẻ; rồi anh cuống quýt ra mở cửa gọi xe. Đang lúc đêm đông khuya khoắt nên từ đầu phố đến cuối phố không có một cái xe nào. Linh phải chạy sang phố khác, mất hồi lâu anh mới dẫn được một cái xe về cửa.

Anh run cầm cập vì rét và vì xúc động, mặc vội vàng quần áo. Hiền vừa khoác xong chiếc áo măngtô, lại nhăn nhó kêu đau. Linh đánh thức thằng nhỏ dậy sai đóng cửa, rồi dìu Hiền ra xe. Anh đẩy con bé ở lên ngồi cạnh đỡ cho Hiền ngồi vững.

Anh bước rảo chân để theo cho kịp. Có lúc anh phu xe xuống con đường dốc, chạy nhanh quá, anh cũng phải chạy nhanh, thật là thảm hại. Giờ ấy, bên hè tối, thỉnh thoảng một vài ả điếm ở nhà nhảy, tiệm hút ra, đi nép vào nhau, ôm ấp lấy nhau cho khỏi rét. Anh kéo sụp mũ xuống để họ không nhìn rõ mặt và đi chậm lại, y như một đấng tử vừa lăn lóc ở một động phủ nào ra.

Xe đỗ trước cổng nhà hộ sinh. Linh kiễng chân với lấy đầu sợi dây chuông, giật. Một người đàn bà bụng miêng ngáp bước ra, và hai ba con chó cũng xô theo, sủa nhặng sị. Anh đỡ cánh tay vợ bước lên mấy bậc thêm cao để vào buồng đẻ. Và trong khi Hiền ở trong buồng đẻ cho bà Đốc thăm thai thì người chồng khôn ngoan ấy đi chọn một cái giường trong phòng hạng nhất. Lúc chọn được giường rồi, anh đến cửa buồng đẻ thập thò ngó vào xem. Nhưng lại vướng tấm màn.

Bỗng có tiếng xuýt xoa, rồi tiếng rên khe khẽ. Đích thị là vợ yêu của anh đang đau. Anh bứt rứt... và tự cấu mạnh tai mình một cái, làm như thế để được cùng vợ cùng đau. Bây giờ thì tiếng rên đã trở thành những tiếng kêu. “Khốn khổ, em đau đến thế kia ư? Hiền! Hiền ơi!”. Anh muốn đâm đầu qua tấm màn để thét lên, và để nhìn xem vợ mình ra sao.

Nhưng ngó lại sau lưng, anh thấy mấy người sản phụ nhìn mình dữ quá. Vừa định lùi lại sau một bước thì một người bên trong ra vấp phải anh. Đó là một cô đỡ xinh xinh. Cô nhìn anh, cười rất duyên:

- Ông chịu khó đứng đây chờ một lát. Chỉ lát nữa thôi là ông đã có em bé ẵm.

Cô cười khanh khách. Mấy người đàn bà đẻ cũng cười họa theo. Mặt Linh đỏ bừng bừng. Anh oán cái “con bé xinh xinh” tai quái ấy quá.

Tiếng kêu của vợ anh càng to hơn nữa. Anh nghe thấy rõ cả tiếng thở nhọc mệt đứt quãng và tiếng nghiến răng ken két. Anh hoa mắt, hình dung thấy Hiền đang nằm trên một chiếc bàn dài, tóc xõa, mặt tái nhợt, người run lên. Xung quanh bàn, mấy người đàn bà đỡ đẻ, mặt thản nhiên đứng đón chờ đứa bé. Anh thấy hiện ra mấy tờ báo đăng những cái tin rùng rợn về các sản phụ hoặc chết ngay trên bàn đẻ, hoặc sinh ra những quái thai..., anh rùng mình chuôi tay vói lấy mặt tường.

- Trời ơi, sao mà đau đớn thế này! Tôi chết mất!

- Cố một hơi này nữa! Mím miệng lại! Cố đi!

Linh run bật cả chân tay, tim đánh thành thịch trong lồng ngực.

Trong buồng đưa ra tiếng thở phều phào của Hiền, nhanh và gấp.

Tiếng giục giã xen vào:

- Cố lên! Mím miệng lại đi!

Ở ngoài cửa phòng, tự nhiên Linh cũng mím môi lại..., và anh khom người xuống hai tay ôm lấy bụng, cũng cố rặn một hơi...

- Cố đi, cái đầu ra một nửa rồi! Cố đi!

Linh ôm bụng, mím môi rặn một hơi dài nữa. Người chồng chung thủy ấy tâm niệm rằng, mình làm như thế để giúp sức một cách gián tiếp cho người vợ yếu đuối mà chưa bao giờ bằng phút này anh thương xót vô cùng, thương xót đến có thể đập đầu vào bức tường này cùng chết, nếu không may có làm sao.

- Nào cố đi! Còn một nửa nữa thôi!

Theo lời thúc giục bên trong, Linh lại rặn... Mặt anh đỏ gắt, tóc dựng ngược, môi anh cắn vào nhau rớm máu, cả người anh tựa hồ bốc lên một hơi men rượu mạnh.

- Ra rồi!

Tiếng trẻ khóc oe oe, tiếng chậu thau chạm vào nhau, và tiếng cười nói rối rít ở trong phòng.

Linh lão đảo, dựa lưng vào góc tường, có vẻ mệt rũ như người mẹ mới làm xong cái việc cho ra đời một đứa con.



Con bé ở tất tưởi chạy ra báo tin mừng:

- Thưa cậu, chú bé ạ. Bà đỡ còn đang tắm.

Linh thở phào một cái, đưa cả mười ngón tay lên vuốt mớ tóc rối cho đẹp xuống, và rút mùi soa đưa lên mặt lau lia lia một hồi.

Anh chạy đến cái giường mới chọn ban nãy, gieo mình nằm xuống. Anh lim dim mắt, nghĩ đến cái khoái của người cha bắt đầu tự lúc này. Anh lấy thuốc lá hút, thở vung khói sang cả các giường bên...

Một lát, một người đàn bà khỏe mạnh, sẫm sẫm bẻ Hiền ra. Anh vùng đứng lên để trả chỗ nằm cho vợ.

Hiền mặt xanh xao, mặc quần sọc đen - cái này làm cho anh lạ mắt - nằm thẳng cho người đàn bà kia bóp đầu và lăn chai chườm bụng. Cô âu yếm nhìn chồng, và nhân khi người đàn bà ấy xoay lưng lại để xỏ bút tất cho, tức thì mắt cô sáng lên, cô đặt một ngón tay lên môi hôn vọng về phía chồng, y như đôi tình nhân mới.

Cô đỡ mà Linh gọi là “con bé xinh xinh”, ẵm đứa trẻ sơ sinh ra.

Linh sung sướng vồ ngay lấy. Anh ngắm nghía thấy nó hao hao giống mình và hao hao giống cả vợ, nghĩa là nó đẹp. Anh hôn con một chập, quẩn lại cái lót, bế con rất gọn gàng, rất khéo, hình như trời sinh ra anh là chỉ để làm những công việc ấy.

Anh nhảy một bước đã ra đến ngoài đường.

Đèn thành phố bây giờ mới tắt. Chuyển xe điện sớm đang rít bánh trên đường sắt ở đằng xa đâm tới. Người phu đưa những nhát chổi khô khan, rời rạc quét lá sấu rụng xuống khắp mặt đường. Gió bình minh lạnh buốt. Anh kéo cổ áo lên, thọc tay vào túi quần, gõ mạnh gót giầy xuống gạch, vừa đi vừa phác sẵn trong đầu một bức thư gửi vào Sài Gòn cho bố mẹ để các cụ

mừng mới được có thằng cháu đầu, và anh cố nghĩ một cái tên hay đặt cho nó để ngày mai ra tòa Đốc lý khai vào sổ sinh.

Phác xong bức thư và tìm ra cái tên thật hay đặt cho con rồi, người thanh niên bắt đầu được làm cha ấy kiêu hãnh ngửa mặt lên nhìn thiên hạ. Nhưng sớm quá, thiên hạ còn ngủ cả trong chăn, nên người cha ấy lại gõ gót giầy mạnh hơn, huýt sáo miêng vang đường, hăm hờ đi hoài, chỉ mong gặp một bạn nào quen để mà bắt tay thật chặt.

(Đăng *Tiểu thuyết thứ bảy* số 229/1938)

## Số kiếp

“**K**hông! Thực là vô lý, chẳng đời nào lại có thể tin như vậy được?”.

Linh mỉm cười với ý nghĩ ấy. Anh không giận ông lão coi tướng số nữa mà chỉ thấy thương hại. Rõ gớm ghê, cái lão gàn dở! Không biết lão chiếu theo ngôi sao nào trên thiên đình mà dám bảo rằng nội năm nay anh sẽ bị hổ vồ. “Phải giữ gìn, xa lánh những chốn ma thiêng nước độc thì may ra mới thoát”. Câu sau này, ông lão nói bằng một giọng an ủi khi thấy Linh có vẻ lo sợ.

Anh đã quăng cho ông già tờ một hào rách nát, không thèm nhìn lại xem ông già khốn khổ có nài anh đổi cho tờ khác lành hơn một chút không. Thoạt đầu anh ghét lão vô chùng, nhưng sau đi đã hết một vòng Hồ Gươm, tâm hồn bình tĩnh lại, anh mới thấy không có cứ gì để ghét ông lão vô tội kia.

Anh có quyền không tin lão. Anh có quyền tự tin rằng không có lý gì mình sẽ bị hổ vồ, bởi theo một lẽ rất giản dị là không bao giờ anh đi xa, anh không lên rừng, không leo núi, dù là cái núi đất trong vườn Bách Thú. Anh không muốn tin Trời bằng cái xã hội của anh. Trời ở xa, Trời vô hình. Xã hội ở quanh anh, là một xã hội có công lý. Anh đi làm một cách lương thiện lấy tiền gửi về quê nuôi vợ nuôi con, một năm một lần về làng bỏ món tiền dành dụm ra lĩnh cái sưu, đóng cái thuế dăm ba sào ruộng, vài mươi thước đất. Anh làm đủ bốn phận một người công dân. Không ai nữ làm hại anh, bởi vì anh không có tội gì cho ai làm hại. Ngày hai buổi ở một căn nhà chật hẹp chui ra, thế rồi từ Bạch Mai, lên chợ Hôm, phố Huế, qua Hồ Gươm, qua Hàng Ngang, Hàng Đào, đến cạnh vườn hoa Hàng Đậu, anh đứng lại

thở phào một tiếng rồi bước vào xưởng ô tô, hì hục làm cho đến giờ về. Lúc trở về anh lại qua bấy nhiêu phố, xa thì xa thực nhưng cũng nhiều hôm anh không thấy mình khổ lắm, còn thấy thích nữa. Hàng Đào, Hàng Ngang có biết bao nhiêu cô gái đẹp như tiên. Những cô tiên ấy không hề nhìn đến bộ quần áo vải xanh thợt máy của anh, nhưng anh cũng có quyền nhìn các cô để mà âm thầm thèm khát. Hồ Gươm có tất cả gió của trời, lành như hơi thở nhẹ của cô gái dậy thì. Anh phồng ngực lên hít gió trời để rồi lấy sức khỏe đi cho chóng tới căn nhà chật hẹp ở ngoại ô.

Nói đổ xuống sông... xuống biển có con hổ nào ở vườn Bách Thú sống ra tìm kiếm anh trên con đường Bạch Mai - Hàng Đậu, thì người ta bắn nổ óc nó ra. Có lẽ đâu một tên dân lương thiện như anh mà xã hội lại nỡ để cho chết vì ác thú.

- Vô lý quá, vô lý quá, lão già tướng số kia! Lão chỉ có thể dọa nạt được người nhà quê, lão chỉ có thể làm khiếp đảm được mục vụ em, con sen, thằng nhỏ, chứ ta là một cây thông đứng giữa trời.

Linh nghĩ đến đó thì vừa vặn đến cửa ô. Trời sâm sâm tối. Thế là sắp hết một ngày chủ nhật. Anh thấy tiếc cái ngày ngắn ngủi đã cho anh được nghỉ ngơi sau sáu ngày liền phải quần quật như một con trâu kéo cày. Tự nhiên anh có ý cần làm việc gì hay hay một chút để chấm hết cái ngày quý hóa như vàng này.

- Bác Linh ơi, cầu hôm nay tốt lắm nhé! Vào chén cái đã nào!

Linh toét miệng cười với thằng cha gày gò đang đứng thái khoai dồi chó. Có mấy hạt mưa rơi xuống gáy anh. Anh ngẩng nhìn mây đen trên trời, “chậc” một tiếng rồi cúi đầu chui qua cái mái gianh thấp vào trong quán. Anh gọi thịt và rượu. Rượu uống một mình trong quán vắng nhưng Linh vốn dĩ tâm hồn giản dị, anh chẳng nhớ ai mà cũng chẳng có ai để nhớ.

Mưa rơi lộp độp trên mái gianh. Gió lên, cuốn bụi trắng ngoài đường. Cây đèn trong quán đã sáng. Rượu say tà tà, Linh giằng cái chai không xuống mặt bàn. Những đoàn xe điện ngoài kia mờ mờ qua cặp mắt đỏ lim dim.

Thốt nhiên anh giật nảy mình vì vừa ngoảnh lại, anh thấy một cái bóng in trên vách. Bóng một con vật, nhưng đó là một con vật dữ tợn và to bằng... con hổ. Cái bóng ấy nhô lên, vươn dài ra, hai chân trước nhoai rộng, tựa hồ sắp sửa vồ Linh.

Một con hổ, ối trời đất ơi, bóng một con hổ! Con hổ ở đâu mò đến rình sau lưng anh? Gáy lạnh dợn đi, anh vùng đứng dậy. Một bước, anh nhảy ra tới ngưỡng cửa, dúi vào tay người đàn ông đứng thái thịt:

- Tôi trả tiền đây. Thừa thiếu thế nào sớm mai tôi đi làm qua sẽ tạt vào.

Trời mưa rào nhưng Linh tưởng là tạnh ráo bởi cơn say và nỗi sợ ngang nhau; anh đi giữa đường, dẫm văng mạng vào vũng nước.

Về đến nhà, anh thấy say thực sự. Đầu anh nhức và mệt như ốm. Anh ra vại nước mưa dưới gốc cau ngoài vườn, múc một gáo, uống một hơi. Nước vào lòng sướng và mát như khi người ta có tiền uống cả một chai “bia” ướp đá. Vợ chồng người chủ trọ về quê. Nhà vắng như một cái mồ. Anh đứng ngoài bậc thềm, tay vịn vào cánh giại.

Bóng tối đen đặc cả gian nhà hẹp, đồ vật không thấy rõ nhưng trong đó có hai điểm sáng lóng lánh khiến anh rợn cả người. Anh biết hai điểm sáng ấy không thể giết được anh nên anh cố tĩnh tâm, rón rén bước vào bật diêm thắp ngọn đèn con. Gian nhà sáng lên, hai điểm sáng tức là cặp mắt bằng kính của bức tranh con hổ trên ban thờ, mờ đi. Con hổ vẽ trên mảnh giấy nom lạnh tựa một con mèo! Linh mỉm cười tự chế giễu tính nhút nhát của mình. Anh thối tắt đèn, đi ngủ. Giường anh nằm, vô phúc quá, lại kê dưới ban thờ Hồ tướng. Vợ chồng người chủ trọ muốn dành riêng cho anh nằm

chiếc giường ấy, vì anh là trai xa vợ tất chạy tịnh. Còn vợ chồng bác và đàn con nhỏ thì nằm cái giường kê phía bên kia. Muốn kính cần đức Hồ Tướng hơn, vợ chồng bác đã chặn ngay đầu giường một tấm phen, như thế để Ngài xa cách uế nhân tục vật. Tối quá, tối mù mịt, anh cố ngủ, song vẫn thao thức, giấc ngủ không đến với anh. Nằm mãi một bên, anh thấy mỏi, phải xoay mình lại. Mắt anh tự nhiên hé ra nhìn cặp mắt hổ sáng trên ban thờ. Anh có cảm tưởng cặp mắt ấy đang nhìn anh, cái miệng ấy đang há ra với những cái răng sắc! Tức thì đầu anh lại nóng bừng lên vì nghĩ đến những câu nói của ông lão coi tướng số. “Ta sẽ bị hổ vồ nội năm nay! Trời ơi, khốn khổ cho ta! Nhưng có đời thưở nào lại tin như vậy được. Không, không bao giờ...”

Nghĩ ai oán thế rồi anh tưởng chừng lên cơn sốt. Anh chống tay ngồi dậy. Một lát anh đứng lên rón rén bước... Làm gì bây giờ. Anh sờ soạng tìm cây đèn con, song tối quá, mà có lẽ anh cũng quên mất cái bàn kê ở chỗ nào, cây đèn ở chỗ nào và tay anh run lăm, không chắc có bật nổi que diêm. Anh đứng yên một lúc rồi chẳng biết nghĩ thế nào, anh chạy ra sân, chạy ra ngoài ngõ. Đêm ấy, anh vừa đi vừa ngủ ở ngoài đường.

Đã đến ngày chủ nhật. Một ngày vàng bạc cho cái xác thịt lao động nghỉ ngơi. Linh lại đi chơi phiếm trên những con đường cũ, nhưng khi đến cửa sở làm, anh vui chân tiến thẳng lên một con đường râm mát nhất của Hà thành. Con đường ấy đưa anh lên vườn Bách Thú.

Đứng mãi xem lũ khỉ độc cũng chán, anh tha thân đến chỗ khác. Ồi chao! chỗ này có một mùi gậy gậy gớm chết. Anh toan lùi lại, nhưng tính hiếu kỳ cứ bắt anh tiến lên vài bước nữa. Hai con hổ! hai con ác thú hiện ra bằng xương bằng thịt, chứ không phải là cái bóng con chó luộc trong bếp nhà hàng thịt chó buổi chiều hôm nọ. “Rõ khiếp! Con hổ to thế kia, răng sắc thế kia, vuốt nhọn thế kia nó mà tóm được mình thì sống làm sao được! Nhất là hai con mắt, đỏ ngầu vì khát máu, mẹ ơi, hai con mắt giống hệt hai

con mắt của bức tranh hổ trên ban thờ nhà trọ!” Linh run cả mình như chiếc lá trên cây.

Anh tròn mắt mà nhìn những chiếc chấn song sắt. Chả mùi mẽ gì những chiếc que sắt ốm yếu ấy! Những bàn chân kia, những chiếc răng kia có thể bẻ, có thể nhai vụn nó ra như cám.

Hai con hổ ở hai chuồng, đi đi lại lại. Thỉnh thoảng chúng dừng nhìn anh gờm gờm. Mồ hôi túa ra khắp cả mình, anh vội lui, nhưng miệng vờ huýt sáo, làm bộ mình bất chấp.

Anh lại đi trong phố, qua phố Hàng Ngang, Hàng Đào. Vẫn từng nấy những cô con gái ngồi xé lụa. Anh lại qua Hồ Gươm, bên gốc liễu đã thêm và bớt đi biết bao nhiêu màu áo, vui thay, vui thay! Những con bướm của trời. Vậy mà anh không còn được sống mãi mà ngắm những con bướm trời xinh đẹp ấy. Anh sẽ bị hổ vồ, hổ xé. Ý nghĩ nào nùng này nhường chỗ cho một ý nghĩ điên khùng, liều lĩnh khi anh qua cửa đền Ngọc Sơn. Ở dưới chân cái tháp bút cao chót vót kia, lão già coi tướng số vẫn ngồi. Lão ngồi yên lặng như pho tượng bên chiếc tráp đen, vài ba cuốn sách chữ Nho cũ nát, một chuỗi chân gà khô như người lão. Con người vô dụng như pho tượng ấy sao còn có thể làm cho anh khổ sở, sợ hãi vì cái ám ảnh “sẽ bị hổ vồ”? Anh rất hối hận sao đã để quý đưa đường ma dẫn lối, la cà đến hỏi lão về tương lai số phận của anh. Anh ước ao giết ngay được lão mà không bị tội tù gì thì hả quá.

Một người cảnh sát đi qua. Người cảnh sát ấy nhắc thăm anh nhiều thứ lắm, nên anh đi vội về nhà.

Trời còn sớm. Vợ chồng người chủ trọ lại về quê làm ma mẹ. Anh mua một chai rượu và gói lạc rang ngồi nhắm nháp. Uống hết chai thì vừa vụng say. Bức quá, anh ra sân đứng nhìn mây để chờ mưa, hay một cơn gió giông.

Trời sấm chớp ầm ầm. Gió lên. Gió mát quạt lạnh cả thịt da. Mưa đổ xuống. Gió mạnh hơn thành cơn bão. Càng tốt, anh bằng lòng lắm, tức thì vào giường ngủ.

Trời tối dần dần. Cặp mắt của đức Hồ Tướng lại sáng lung linh nhìn thẳng xuống anh. Không sợ! anh quyết thế, và anh đã dậy vịn to đèn. Tinh thần bình tĩnh hơn mọi hôm nên giấc ngủ dễ dàng đến với anh ngay.

Bỗng giữa cơn mưa bão, có một tiếng vang lên như sục đất. Chao ôi, bức tường gạch của một nhà giàu bên hàng xóm đang xây dở bị gió bão làm ụp xuống. Bức tường cao lắm, sức nặng như trái núi đổ nhào xuống căn nhà lá ốm yếu tựa bộ xương hom.

Người thợ máy say rượu đang ngủ ngon lành dưới mái lá bị bức tường gạch chôn vùi, chết ngay trong đó, không kêu được tiếng nào. Mà có lẽ ngủ ngon lành quá anh cũng không ngờ mình đã chết.

Sáng hôm sau, mưa bão dứt cơn, bà con lân cận và gã nhà giàu có bức tường đổ kia mới biết, và vợ chồng người chủ trọ mới ở nhà quê ra. Họ xúm lại bới đồng gạch ngổn ngang. Họ thấy một người say rượu đầu đập mấy mảnh, và, *một sự lạ lùng, là trên xác chết có bức tranh Hồ Tướng.*

*Nhấc bức tranh lên, người ta thấy ở miệng “Ngài” đỏ ngòm máu tươi.*

\* \* \*

Linh đã chết như lời lão già coi tướng số.

Nhưng anh không mất xác, bởi vì anh không dám... lên rừng.

(Đăng *Tiểu thuyết thứ bảy* số 319/1940)



## Tết cô đầu <sup>9</sup>

Vội vàng, Hương bỏ cả giày len lén ra thang gác xuống dưới nhà, chui vào buồng tắm trốn. Hương chưa kịp thở, một que diêm đã bật lên, một lão già sặc rượu đứng ôm bụng cười hềnh hếch, rồi xô cả cái mình vĩ đại vào, ôm chặt lấy Hương. Hương giãy giụa, lão già càng ghì mạnh, sau cùng, Hương khụy xuống góc tường, tóc tung rã rợi, và máu ở môi Hương bật ra tề xốt.

Tức uất người, Hương co chân đạp lão già rồi Hương cực thân ôm mặt khóc. Lão già càng cười lớn, cúi xuống hôn gáy Hương, hôn tóc Hương, xoa nắn đôi vai tròn trĩnh của Hương. Hương đẩy lão ra, lão sấn lại gần. Lão nhét vào tay Hương tờ giấy bạc. Hương ném trả, lão tức mình bẻ xốt Hương ra vừa lớn tiếng gọi bà chủ để mách tội Hương không tiếp quan viên, vừa lôi tuồn tuột Hương lên thang gác.

Thấy mục chủ nhìn mình như đe dọa, Hương đành nuốt khổ, vắn lại tóc, gài lại khuy áo, theo lão già lên.

Cả bọn cười rộ để hoan hô:

- Quan Nghị đi ăn mảnh ở xá nào mà lâu thế?
- Quan Nghị còn dĩ tính lắm!
- Em Hương...
- Bà Nghị chứ! Chớ quên thế, quan Nghị giận.

- Ừ thì bà Nghị ngồi lên đây tiêm hộ điều thuốc tất niên nào! Bàn tay xinh thế kia mà tiêm thuốc thì hút kỳ chết cũng đáng. Có phải không quan Nghị?

Lão Nghị già gật gù, cười khoái trí như khi trúng cử. Bọn kia cười to hơn, tựa hồ các cử tri đang hy vọng được mời đi ăn cơm Tây, mời xuống xóm.

Hương lại nén lòng, ngồi lên sập. Họ tranh nhau, đẩy nhau để được gối đầu lên hai bên đùi Hương. Thỉnh thoảng họ làm cho Hương đau phải kêu oai oái. Họ vây chặt xung quanh cho Hương không chạy. Họ thở khói thuốc phiện cho Hương hít phải mà ho sù sụ, mặc dầu khói thuốc đã khiến Hương say choáng váng, mặc dầu Hương van lạy họ đủ điều, ngảnh mặt đi, hoặc vợ lấy chiếc gối để che.

Nước mắt Hương ứa trào ra, nhưng họ lại khôi hài cho kỳ Hương phải bật cười, rồi nhân dịp, họ cười theo âm ỹ, thực là một cuộc vui đầy đủ.

Bây giờ, họ kéo nhau sang tiệm khiêu vũ đặng cuối phố, chỉ còn vài ba người nằm lại. Mấy người này lạnh hơn cả, họ để Hương được ngồi yên.

Hương cầm dao bổ một quả cam. Vô ý, lưỡi dao sắc cắt sâu vào thịt, máu chảy ròng ròng. Hương vội chạy ra ngoài bao lơn, dúng ngón tay vào chậu nước. Máu đào loang khắp chậu, Hương rùng mình một cái nhẹ, người nàng run lên. Hương sức nghĩ đến đêm nào, nàng nhẹ dạ, tin lời dỗ dành dịu ngọt của một người trẻ tuổi để đến nỗi công giữ gìn bao năm bị phá hoại nửa giờ.

Những khi ngồi nghĩ lại, Hương chỉ nhớ lơ mơ như giấc chiêm bao rằng đêm ấy, cái đêm đầu tiên, nàng nằm trên một tấm giường là lạ sau khi ký giấy bán mình cho mục Bảy để lấy vài chục bạc nuôi cha..., nàng chỉ nhớ lơ mơ rằng cũng đêm ấy, người ta bắt nàng phải ngồi ca cho một bọn đàn ông nghe, rồi nàng bị ép nằm với một người trẻ tuổi... Nàng sợ hãi, mê man

như một cô dâu mới, sợ hãi, mê man quá đến nỗi nàng không dám kêu van cũng không dám kháng cự gì...

Hương lấy chiếc mùi xoa lụa nhỏ quấn ngón tay rớm máu. Nàng quay vào ngồi một lát thì tiếng hò hét, tiếng giầy dẫm thành thịch ngoài cầu thang làm Hương tái mặt.

Bọn lão Nghị đã lộn về. Lão thét giục làm cháo. Lão ôm chầm lấy Hương, sốc lên tay ấm, chạy khắp phòng. Hương giãy giụa, kêu la, lão cúi xuống gấn cả bộ râu rậm, cả bộ môi xám xịt vào miệng Hương làm Hương ngạt không dám kêu to nữa. Lão cười sảng sặc, nước bọt lẫn cốt trầu bắn be bét vào mặt Hương. Hương oằn ẹo, ngả đầu xuống, lão càng ôm chặt, phăm phăm chạy vào buồng, đóng sầm cửa lại.

Bọn chị em đồng nghiệp ngả nghiêng, nhí nhảnh trên lòng các quan viên, được dịp cười, càn rỡ vỗ tay reo để trợ vui. Hương biết các chị em thù ghét mình, không che chở cho mình là vì từ hôm bước vào nghề, Hương chỉ âu sầu ngồi một xó, lãnh đạm với tất cả mọi người. Họ cho là Hương làm bộ, nên họ cố ý xui giục quan viên hành hạ, giày vò, giễu cợt Hương cho bõ ghét.

Bàn tiệc đã dọn xong.

Họ đập cửa ầm ầm, lão Nghị ấm Hương ra đặt ngồi xuống chiếc ghế liền bên lão.

Lúc này, họ hoàn toàn là lũ hung thần. Họ ăn uống một cách thô bỉ, đùa nghịch một cách tàn nhẫn, nói cười với tất cả sự đều cáng, dâm ô.

- Uống cho chết đi!

- Uống tất niên! Rót đầy vào, chị Huệ!

- Hôn tất niên! Môi đâu, em Yến?

- Yêu tất niên! Hương ơi, đừng chối điều thỉnh cầu ấy nhé!

- Thỉnh cầu! Ha! Ha! Quan Nghị thỉnh cầu Chánh phủ một nghìn linh một điều cho nước, cho dân còn đắt giá, hưởng hồ thỉnh cầu em Hương có mỗi một chữ Yêu, lẽ nào chẳng được! Hương duyệt y đi, mai quan Nghị sẽ dắt đi làm lễ cưới!

Thôi thì không còn một câu khôi hài nào vô duyên hơn thế, không còn thiếu một cử chỉ nào tục tĩu hơn thế, vì ở đây là cái chiếu rượu cô đầu. Người ta có quyền nói chữ Thánh mà không cần quay lưng bấy lần, người ta có quyền văng tục trong khi ngâm một bài thơ hay nhất của tiền nhân, người ta có quyền ghé răng cắn đứt dây quần của một cô đầu khó tính rồi sáng mai lại nghiêm nghị giảng bài luân lý cho học trò nghe như thường.

- Châu tất niên! Uống cho khỏe vào! Hút cho khỏe vào!

- Rót rượu anh đây, em Liễu!

- Gắp thịt gà cho quan đây! Mai!

- Sao không cho muối vào trong trứng? Cô đầu gì mà vụng thế! Sao lại đưa rượu tay này? Phạt một cốc!

- Không biết uống à? Cô đầu phải biết uống! Uống đi!

Hương phun rượu ra đầy chiếc mùi xoa. Rượu rỏ xuống ướt áo, ướt quần. Hương say quá, chỉ muốn nôn. Nhưng bị lão Nghị ép chặt trong cánh tay, Hương không đứng lên được, gục đầu xuống cạnh bàn, giữ lấy ngực, chẹn lấy cổ, vì nàng đang sắp ọe ra. Lão Nghị nâng mặt Hương lên ngắm. Men rượu làm cho da mặt Hương hồng hào như vừa thoa thêm phấn, môi Hương đỏ thắm như mới vẽ lại son, và mắt Hương lơ lơ như chứa cả một khoảng trời ân ái.

Lão Nghị gục mặt xuống má nàng, hôn không cho nàng thở. Rạo rức cả ruột gan, Hương nén không được nữa, đành nôn liều ra sàn gác.

Bọn chị em cùng nghề kêu chu chéo, kẻ chạy xuống nhà mách chủ, kẻ đứng phỉ nhổ, riếc móc Hương vô ý tứ. Lão Nghị bị bắn tí quần, gắt âm nhà. Các quan viên bỏ tiệc đứng lên, nhao nhao như chợ vỡ.

Hương thấy trời như đen đặc lại, toàn thân nàng nóng rức. Nàng men tường, men cầu thang, một mình lần xuống dưới nhà, nằm vật xuống cái trống kê trong một xó tường ẩm thấp, chằng đầy chiếu chăn, quần áo bẩn.

Nàng lịm đi tựa cái cây ma.

Hăm chín Tết rồi.

Vậy mà Hương vẫn ốm, bởi xác thịt nàng bị hành hạ suốt đêm qua.

Hương ngao ngán nghĩ đến cái số kiếp khốn nạn của mình. Nàng không biết rồi đây xác thịt nàng có quen với nghề để chịu đựng được tất cả sự đày đọa của bọn quan viên tàn nhẫn, chứ mới có ba tối sống trong nhà hát, nàng đã thấy rùng mình, tưởng chừng đã bị sa vào địa ngục để chịu hình phạt của bọn đầu trâu, mặt ngựa tự muôn đời.

Hương chòm chần kín đầu để được khóc to một lát cho người ta khỏi biết. Hương nhớ cha quá, muốn lên về thăm xem mệnh hệ thế nào, nhưng mụ chủ dặn tất cả người nhà phải để ý đến Hương, không cho Hương lọt ra khỏi cửa. Nàng lo lắng không biết người cha mù lòa ốm yếu mấy hôm nay mất nàng đã sống làm sao? Món tiền bán rẻ xác nàng, không biết ông Sáu có gói đầu giường cẩn thận, hay đã bị kẻ nào lấy mất? Niêu cơm con ai thổi, ấm nước ai đun, thuốc phiện nhờ ai mua hộ, hay là không biết cậy nhờ ai, ông đã nhịn ăn, nhịn uống, nhịn hút mà chết lả đi rồi? Manh áo rách ai người khίου vá, ngọn đèn dầu, chắc không bao giờ lên lửa nữa, vì cả đất trời, với cả non sông, người mù kia chẳng mong gì nhìn thấy, thì căn phòng nhỏ hẹp này, người mù còn cần chi cơn tắt lửa, tối đèn!

- Cha ơi!

Hương muốn khóc òa lên cho lòng đỡ khổ, muốn kêu to lên cho người cha mù ở trong ngõ bùn lầy kia nghe tiếng, nhưng nàng không dám khóc, dám kêu.

Thanh danh của tổ tiên xưa kia ăn lộc triều đình, của một giòng tôn thất đến ngày nay còn được vẻ vang, Hương đành quên đi một khi đã bán mình làm đĩ nuôi cha.

Nhưng người ta có tin đâu tiểu sử của nàng, mà nàng cũng không can đảm kể ai nghe. Người ta chỉ nhận nàng là con đĩ, người ta đủ quyền đọa đày nàng, vì nàng là thứ đồ chơi công cộng của loài người.

Hương năm đợi đã lâu mà người vú già vẫn không cho nàng bát cháo. Nàng cố chống tay ngồi dậy, đứng xuống đất, rón rén lặn ra.

Ngấp nghe nhòm ra ngoài nhà, Hương thấy Liễu, Huệ đang thử áo mới. Mai, Lan ở chợ Đồng Xuân về, đang đơn đả bưng chậu cúc, cành đào, cây quất vào nhà. Họ ríu rít nịnh bà chủ, tranh nhau bày hoa, trồng cây, nhện nhíp như ở một gia đình phú quý, mà bọn họ là các cô thiếu nữ đảm đang khoe đức hay làm để được bà mẹ hiền ban cho một nụ cười âu yếm.

“Nhưng ở đây, họ có được gì đâu!” Hương nghĩ vậy, thở dài.

Nàng toan quay vào bếp tìm xem có thừa chút cơm nguội ăn cho đỡ đói thì mẹ chủ nhìn thấy gọi giật nàng ra.

Nàng sợ hãi đứng không vững để chịu một hồi chửi rủa. Sau cùng, mẹ chủ cho phép nàng chỉ được nằm đến lúc lên đèn, rồi phải dậy phấn sáp để chờ tiếp khách.

Sẩm tối, Hương phải ra nhà ngoài trang điểm. Nàng đứng gỡ tóc. Mỗi một sợi quăn vào răng lược bị rút ra thì da đầu nàng đau chói buốt thấu vào

tận óc và nước mắt lại ứa ra. Nàng vừa xuýt xoa rên khe khẽ, vừa soi gương đánh phấn trong khi các bạn nàng đang khảo nhân tình của nhau, đang sung sướng vẽ lông mày, bôi mi mắt, và bàn sáng mai mừng một Tết, sẽ mặc áo quần gì, đi lễ những chùa nào...

Hương kéo ghế ngồi bên trong cửa sổ để ý nhìn các chị em xếp hàng ngồi đầy cửa, đi lượn giữa đường để thốc mách nhòm vào những chiếc xe chạy qua mui che kín mít, để đi đánh ghen với nhân tình vào nhà khác hát, để trò kéo, gọi tên những khách chơi đi qua cửa tuy họ chưa quen biết bao giờ.

Thấy họ nhớn như vô tư lự, mãn nguyện sống với nghề, Hương càng chán ngán. Hương cố nghĩ để hiểu cái cố tại làm sao mà họ vui đùa nhớn như được như thế mãi, như thế mãi suốt ngày này, đêm khác, cả tháng, cả năm! Nhưng Hương cũng hoài nghi rằng trong số bạn hồng nhan, chắc có nhiều người khổ sở mà cười, âu sầu mà vui, mà hát. Đi “săn” khách, bắt nhân tình với quan viên, đó có lẽ chỉ là việc phải làm cho tròn phận sự với nghề, cho bổ miếng cơm ăn của chủ.

Nghĩ vậy Hương lo ngại quá. Nàng không biết rồi đây nàng có thể trở trên buộc lòng học những khéo nhà nghề đó không.

Như lạc vào cơn ác mộng, nàng băng khuâng nghĩ đến một đoàn xe hơi đám cưới chạy qua đường hôm nọ. Những tràng hoa trắng kết đầy xe... Những chồng gói thêu, chần gấm... Những tiếng pháo nổ vang đảng cuối phố xa... Không bao giờ Hương được ngồi trên chiếc xe kết hoa trắng ấy, không bao giờ Hương được nằm trong tấm mền gấm ấy, không bao giờ Hương được rộn lòng nghe tiếng pháo kêu ròn rã ấy... không bao giờ Hương được hưởng một giấc ngủ thần tiên trong tối tân hôn vì không bao giờ Hương được lấy chồng! Tất cả những ước vọng, hạnh phúc, hoan lạc, những sự nâng niu vuốt ve mà các cô thiếu nữ có quyền được hưởng ở một người chồng trong tối tân hôn, than ôi, Hương chẳng có quyền mong ước nữa!

Đoàn xe đám cưới ấy đi qua rồi nhưng còn để lại bên lòng Hương biết bao niềm tủi cực, nàng khóc ngấm ngấm thương tiếc cả cuộc đời. Cuộc đời Hương đã bị người ta giày xéo, thể chất ngọc ngà, trong trắng của Hương đã bị người ta bỏ tiền mua như mua một món đồ cũ bày ở hiệu tầm tầm, rồi thì... một gã đàn ông đêm hôm ấy, tự do bịt miệng, bóp cổ nàng, hăm dọa dễ dàng nàng mà hăm hiếp!

- Hăm hiếp! Trời hời, loài người!

Hương vội đưa tay lên che mặt, thẹn thùng với cái hồng nhan. Hương cảm thấy hết cả nỗi nhục nhã của đời mình và nhận thấy hết cả sự đố kỵ của giống người, tuy nhiên nghề làm dĩ nó vẫn bắt nàng phải chiều chuộng, gần gũi cái giống người ấy mãi. Là vì, nếu không, họ có quyền làm đau thịt da nàng bằng một nắm tay chắc chắn chứ không phải bằng một cánh hoa, họ có quyền làm đau linh hồn nàng bằng một lời mắng chửi chứ không phải bằng một câu an ủi dễ dàng.

Hương khóc nức lên mấy tiếng. Sợ chủ biết, nàng chạy vào nhà bếp, chúi vào xó tối mà thốn thức một hồi lâu.

Lát sau, cơn uất ức dịu dần, Hương xoa lại phấn, ra nhà ngoài ngồi “bày hàng” cùng các bạn, đợi khách hát tất niên.

Người ta đang rầm rộ tiến đến kia kìa!

Một cơn gió lốc sắp lùa vào làm tan tác những bông hoa úa.

Hương bắt đầu run bần bật như chiếc lá vàng chờ rơi...

(Đăng *Tiểu thuyết thứ bảy* số 192/1938)

---

<sup>9</sup> Viết tiếp truyện “Ông thầy đàn” đã đăng kỳ trước.



## Bức thư

Ông phán Liễn về nhà và đã leo lên tầng gác thứ ba ngồi yên được mười lăm phút rồi mà dân hàng xóm vẫn còn nhúc tait vì tiếng động cơ và ngạt mũi vì mùi xăng của cái xe “tubin” mà bác tài vụng loay hoay mãi chưa cho vào lọt cái cổng sân quá hẹp.

Dân hàng xóm vừa thoát nạn ấy, lại đến lượt gia tộc chịu cái nạn nghe ông phán hắt hơi văng nhà, khi ấy bọn đầy tớ phải tranh nhau đi đóng hết các cửa trong nhà lại và xoa dầu cho ông. Còn thằng nhỏ thân tín nhất ông quen gọi là thằng bồi tiêm thì phải nhịn thở mà cởi giày, bít tất, rồi vội vàng đi đốt bàn đèn thuốc phiện và tiêm cấp tốc luôn vài chục điếu to cho ông đỡ hắt hơi.

Ông đã hút được nhiều, nhưng thực tình hút thuốc hôm nay ông chẳng thấy gì là ngon. Ông nuốt khói, cầm một chùm nho tươi giơ lên miệng cắn một quả rồi lại ném vào chiếc đĩa bạc, ông vất tay lên trán có vẻ ngao ngán lắm. Bỗng sực nhớ ra hai việc rất hệ trọng, ông vùng dậy thò đầu ra cửa sổ, giọng yếu khàn, dặn bác tài rửa kỹ xe và bảo thằng nhỏ lên lấy đôi giày tây đầy bùn của ông xuống đánh kem.

Nghĩ đến xe, ông sực nghĩ đến thông Năng, vì ông mua lại chiếc xe ấy của ông thông bằng “giá bạn” là ngót hai trăm bạc. Lẽ ra ông cũng chẳng thiết mua chiếc xe cũ kỹ ấy làm gì, động chạy là kêu ầm phồ, và mỗi lần qua Sở Cảnh là các quan đội sếp phải trợn mắt nhìn, ngượng chết người đi được, chỉ tại ông nể người vợ yêu của ông nài ép mãi, và bác thông nói khéo quá, nên ngày nay vợ chết rồi mà ông còn đeo đẳng hoài cái của nợ

này! Bây giờ tuần lễ một lần, ông chỉ dùng nó để chở ông và một bó hoa xuống nghĩa địa mà thôi.

Ông thở dài não nuột, ân hận rằng ban nãy đã đi quá đến nỗi quên không cho đầy tờ cầm thư sang rủ bác thông đi viếng mộ Thu. Bác thông thế nào mai cũng cho đưa thư sang trách. Ông phán bực bội lắm, những muốn mua hoa lần nữa để rủ người bạn trung thành kia xuống nghĩa trang cho ra con người biết giữ chữ “tín”. Song ông cảm thấy mệt lắm rồi, đành ngày mai xin lỗi bạn vậy.

Càng nghĩ đến bác thông, ông phán càng nhận thấy ở bác thông nhiều cái khả ái, khả tín mà ở đời này ông không tìm thấy người bạn thứ hai nào nữa. Ông vén quần lên vỗ vào đùi: “Thật là trời ban cho ta người tri kỷ ấy!”

Ba việc này làm cho ông phán nhớ lâu, có lẽ nhớ trọn đời:

1. Khi Thu ốm, bác thông đến thăm luôn, gió mưa cũng đến. Khi thì biểu yến, khi thì biểu sâm, biểu nhung, biểu quế. Tiền đốc tờ, tiền thuốc, bác thông chịu cả.

2. Thu chết, bác thông khóc rất nhiều.

3. Đã mấy lần, ông xuống mộ đều bắt gặp bác thông đã mang hoa xuống đứng ở mồ Thu, đang lau nước mắt.

Như vậy thì bảo rằng không “trần ai tri kỷ” làm sao!

\* \* \*

Trưa hôm nay, ông phán ở sở về, ăn cơm xong, vừa nằm bên khay đèn hút chậm chậm vừa nghe ngóng người gõ cửa: Ông có nhã ý đợi bạn thiết đến trách ông về cái việc sơ xuất hôm qua. Vậy mà ông bạn thiết kia chưa đến. Bát dứa Phú Thọ hãm đá, ông phán thành tâm chờ ông thông Năng tới mới dùng, đá tan gần hết rồi ông thông vẫn chưa đến cho. Nóng ruột và

nhặt miệng, ông phán tỉnh thoảng nhìn ra cầu thang, không thấy gì buồn tay cầm cái đĩa bạc xóc một miếng dưa lên miệng nếm và khen ầm lên với thằng bồi tiêm rằng ngon lắm. Thằng này đưa mắt liếc vào bát dưa và “dạ” một tiếng rất khô khan.

Tiêm đúng số điều đủ dùng của ông phán rồi, tên bồi tiêm được xuống dưới nhà, còn ông phán thì nằm duỗi thẳng chân tay như cái xác chết, lơ mơ ngủ. Nhưng lúc ấy không phải là lúc ông dễ ngủ. Ông đang hé mắt nhìn lên bức ảnh Thu, người vợ trẻ đẹp của ông treo trên tường, bên trên lò sưởi. Ông nhìn như thế cho đến khi đôi mắt mỏi rồi ngủ thiếp đi.

Buổi trưa nay, càng nhìn ảnh nàng ông càng thấy dường như nàng hiện thành hình mà bước hẳn ra ngoài. Dáng điệu nàng uyển chuyển như một cành cây mềm đu trong gió, mắt nàng sáng như hai bóng sao trời rớt xuống mặt hồ trong.

(Ông phán nhớ phảng phất những câu văn này ông đã đọc trong một cuốn tiểu thuyết tình cờ ông nhặt được bên khay đèn chị em dưới xóm, và ông muốn dùng nó để tả Thu của ông lúc bấy giờ)

Thu bỗng bước ra ngoài thực và đi như lớp sương lam đến chỗ sập ông nằm, hôn ông một cái vào trán, đoạn nàng tới tủ áo của nàng. Nàng mở tủ lấy ra chiếc hộp trong đó đựng từng bó thư, xem qua một lượt rồi đốt cháy...

Lửa bốc lên đỏ rực...

Ông phán bừng mở mắt, vùng ngồi lên, hoảng hốt giụi mắt, để tay nén ngực, ngơ ngác nhìn quanh phòng rồi tự hỏi: “Rõ ràng mình vừa thấy cháy, lửa bốc rất to cơ mà?”.

Sau bình tĩnh trở lại, ông phán dần dần nhớ ra giấc mơ ban nãy. Ông nhìn lên ảnh Thu. Khuôn mặt tươi đẹp của nàng nhìn xuống ông, mỉm cười.

Ông khoái trá vỗ đùi đánh đét: “A ha! Hương thừa nhường hãy ra vào đầu đây! Thật là một *giấc mơ tiên*, trời ạ”. Ông toan tìm quyển “Kiều” để bói chơi. Nhưng quyển “Kiều” đi đâu mất, ông tìm mãi. Đang khi ấy thì ở trong tủ áo của Thu tự nhiên có tiếng chuột cắn nhau. Ông rờn rợn nghĩ ngay đến lúc này, trong giấc mơ, Thu lừng lững đi đến mở tủ rồi lấy hộp thư ra đốt, thành ra đám cháy làm tan mất giấc mộng đẹp đang nồng...

- Hoặc là trong đó có cái gì bí mật chẳng?

Ông phán hơi ngờ như thế. Sau khi lấy Thu được nửa tháng ông mua cho Thu cái tủ ấy để đựng áo quần phẩn sấp. Và từ khi mua tủ thì chìa khóa Thu giữ riêng, ông không mó đến mà cũng không bao giờ lưu ý tới.

Ông ngồi lên, đến trước tủ quả quyết mở ra. Tự nhiên ông thấy bàn tay hơi run như có người giữ lại. Ông càng tin trong đó có cái gì bí mật của người chết, ông kéo mạnh cánh cửa tủ và lục lọi. Quả nhiên có một chiếc hộp đựng những tập thư đủ các màu, y như trong mộng. Từng tập một xếp riêng. Một tập, ngoài buộc sợi băng, trên viết: *Thư của anh Năng yêu quý*.

Ông phán hoảng lên, tay run bần bật, dứt sợi băng, giở ra xem. Toàn là thư của thông Năng gửi cho vợ ông. Ông chỉ đủ nghị lực đọc bức thư xếp trên đầu tập.

*Thu rất yêu của anh,*

*Khổ quá! Mình trách thì anh xin chịu muôn vàn tội lỗi. Để mình đi một mình vào xem hội chợ Huế mà anh không đi cùng được, ấy chỉ vì thằng sếp này nó ác lắm, không xin được phép. Thôi thì mình vui vẻ mà đi vậy, nhớ chụp ảnh rõ nhiều để tặng anh dán album gối đầu giường. Mai kia, - ngày đó còn có bao xa nữa! - lão già nghiện ấy chết đi, thì chúng mình sẽ vui một tổ, tha hồ đi chơi. Điều này, há chẳng phải Thu đã bao nhiêu lần mong ước đó ư? Bây giờ, chúng ta cầu trời, cầu phật nữa đi. Anh tin rằng lời kêu*

*cầu đó sẽ linh ứng, vì lão già keo kiệt cứ đeo đẳng mãi cái xe ô tô nát thì thế nào cũng đâm xuống ruộng, xuống sông.*

*Mai nói dối lão già để đến ăn cơm tối với anh. Có món thỏ sốt vang ngon lắm.*

*Người tình chung thủy của em*

*Năng*

Ông phán diên lên, muốn giết ngay thằng bạn, ông hẳn học nhìn ảnh người đàn bà đã phản ông.

Ông chỉ muốn vác ba toong đập nát cái mặt đẹp nồn nà kia ra, một khi người đàn bà trong trắng của ông đã ngoại tình, đã cắm vào đầu ông một cặp sừng vĩ đại.

Ông lấy can đảm đọc thêm bức nữa. Tức thì ông ngã ngửa vì được hiểu rõ nguyên nhân sự bị mọc sừng. Thảm hại! Chỉ tại ông nghiện ngập thành lười nhác quá, ít săn sóc đến Thu - trong thư, Thu kể cho thông Năng nghe thế. Có những đêm mưa gió rét chết người, Thu nằm không ngủ được, bò lên gác với bộ quần áo ngủ bằng lụa rất mỏng, rất tình, nằm đợi ông xong cuộc hút để xuống ngủ cho nó ấm, nhưng ông thì mặt cứ lạnh như tiền, hút cho nhũn người rồi nằm duỗi thẳng chân tay, mắt trợn lòng trắng, miệng há ra mà ngáy lúc nào không biết.

Như thế thì cho mọc sừng là đáng kiếp, là ý Trời chứ không phải ý nàng.

Nhưng ông có biết vậy đâu. Ông chưa xót lấy làm lạ rằng tại sao giàu có như ông lại có thể bị một người đàn bà phản bội để đi yêu một thằng bạn chồng kiết xác, chỉ được cái khỏe như vâm và nói giỏi. Ông lấy làm lạ lắm và trở vào ảnh Thu, ông nguyên rửa mãi lòng dạ của đàn bà.

Ngảnh lại thấy ảnh thông Năng để trên lò sưởi, ông vợ lấy ném vào góc tường, rồi ông vợ tất cả những bức thư kia bỏ vào trong tủ dùng làm tang chứng, để ném vào mặt thằng phản bạn.

Thằng xe lên bấm đến giờ đến sở. Thằng bồi tiêm vội hầu ông dăm điều nữa. Ông ngồi lên đeo cavát vào cổ, bấm khuy bấm trong khi ấy thằng bồi tiêm quì dưới sàn nhịn thở để xỏ tất và xỏ giày cho ông.

\* \* \*

Trong suốt một tuần lễ, ông phán chờ mãi mà ông thông Năng không đến. Ngày chủ nhật, ông phán chán ngán chẳng buồn bảo đầy tớ mua hoa để xuống nghĩa trang. Ông còn tiếc tiền mua xăng đổ vào cái xe ô tô cà khố để đi thăm mộ vợ, và thấy rằng những bó hoa hằng tuần ông kính cẩn đặt lên mồ người đàn bà hồng nhan ấy là vô nghĩa lý, là một sự mai mỉa cho ông.

Nhưng rồi... một chiều thu ông mở tủ lấy chiếc áo len của Thu đan cho ông mùa đông năm ngoái để mặc cho khỏi siết. Mùi băng phiến dễ gây mùi nhớ tiếc... ông phán bùi ngùi nghĩ đến dáng điệu Thu lúc ngồi bên cửa sổ, cạnh chiếc hỏa lò than hơ tay đan chiếc áo này cho ông. Ông ra đứng ngoài thềm, và ông bỗng quên những con số nợ, số lãi chưa thu về để cảm khái ngâm một bài thơ vịnh “Thu” mà ông không nhớ đã đọc ở một tờ báo nào, ở đâu. Ngâm hết bài thơ ấy, ông thấy lòng buồn vô cùng, tưởng rằng nỗi buồn của người sắp chui đầu vào sợi dây thừng cũng đến vậy mà thôi.

Thu về! Người ấy chiều nay đã biết lạnh thịt da và thấy *lạnh cả tâm hồn*. Đó là sự báo hiệu của tình yêu. Nhưng hỡi người chồng già bị mọc sừng, bây giờ người mới được biết bốn phận của kẻ làm chiến sĩ thì chậm quá mất rồi.

Tự nhiên, cơn gió lạnh làm cho ông giác ngộ. Nghĩ đến cái rét của mình buổi hôm nay, ông lại thương Thu đã chịu bao nhiêu ngày, bao nhiêu tháng

rét trong bao nhiêu năm trời với một mối dục tình bồng bột ở lòng xuân ông không biết đến mà nàng cũng không được ai giơ hai cánh tay ấm áp đỡ lấy nàng.

- Ấy, đúng như thế đấy! Chỉ tại mình để Thu ham muốn quá. Thằng thông Năng thì suy ra, chắc đâu lỗi hoàn toàn về nó cả! Một trăm cuộc thông dâm, tội lỗi đều do người đàn bà gây nên. Người đàn bà nếu không bằng lòng thì người đàn ông không thể làm gì được.

Ông lặng đi một lúc, và khi ông đã chịu rằng lý luận của ông đứng vững rồi, ông rầu mặt lại nhìn lên trời mà kêu:

- Phật Tổ ơi! Nếu vậy thì vợ tôi thành thực ngoại tình để cấy sừng lên đầu một người chồng đứng đắn và khuôn mẫu như kẻ khốn nạn này ru?

\* \* \*

Lòng giận vợ và căm bạn đã nguôi nguôi, ông phán lại bắt đầu sống cuộc đời bình tĩnh, đều đặn như cái đồng hồ.

Hôm nay, ông truyền cho thằng bếp phải làm cỗ thực long trọng để cúng một trăm ngày vợ ông.

Chiếc xe ô tô lại có dịp làm khổ tai, khổ mũi dân hàng xóm để lách qua cái cổng hẹp ra đường và rồi để chở ông và một bó hoa đi nghĩa địa.

Xuống đến mồ Thu, ông lại hoảng lên vì đã thấy một bó hoa rất tươi đặt đó rồi. Ông biết đích là hoa của thông Năng. Ông động lòng thương bạn, và nhận ra rằng bạn ông cũng đau khổ như ông.

Về đến nửa đường thì gặp Năng ngồi trên chiếc xe tay ngoài ô đang lạch bạch chạy bên đường, ông phán vội thét bác tài hãm xe vì tiếng động cơ kêu dữ lắm.

Chiếc xe phải khó nhọc mới đứng lại được, ông phán nhảy xuống đất. Thông Năng reo lên, vô tình như một anh chàng vô tội. Ông phán nắm vai Năng, nhìn vào mắt Năng, lông mày hơi cau lại. Lòng ông thoáng có một cơn gió lốc xoáy lên. Nhưng cơn gió ấy tan ngay khi cái lý luận mà ông tìm thấy hôm đứng ngâm bài thơ “Thu”, lúc này, lại sống lại ở trong đầu. Ông lắc hai vai Năng, như xưa ông vẫn làm thế mỗi lần rủ nhau đi hát:

- Sao? lâu nay không đến làm vài điệu chơi? Hay là chỗ anh em, tôi đã có điều gì không phải với bác chăng? Này, lên xe ô tô nhân thể, về đặng tôi đánh chén. Hôm nay ta uống thật say, *có món thỏ xốt vang ngon lắm!*

Hai người bạn ấy lên xe một cách vui vẻ, suốt dọc đường họ nói chuyện huyền thiên - thật là đôi con người giấu đau khổ để đóng kịch và để làm ra vô tư lự nhất đời.

(Đăng *Tiểu thuyết thứ bảy* số 231/1938)



## Truyện thần tiên

**S**imonne thích chí đặt mấy lá bài xuống nệm, xòe tay vợ năm tiền chinh Bảo Đại nhét vào túi áo, rồi lăn ra cười. Nàng cười to quá khiến các bạn nàng tái mặt sợ bà giám thị nghe thấy thì cả bọn sẽ bị phạt, nếu bị phạt về tội đánh “ít-sì” trong giờ ngủ ít ra cũng phải quét vườn, rửa bát đĩa và một buổi nghỉ học để quỳ.

Simonne ngồi dậy, vuốt ngược làn tóc cho khỏi xòa kín mắt, thọc tay vào túi đếm nhăm tiền xem được tất cả bao nhiêu, nàng thấy được nhiều quá thì lại cười to hơn nữa. Các cô bạn xúm lại, vật nàng ngã ra, bịt lấy miệng. Simonne giãy mạnh, các bạn bảo nhau giữ chặt chân tay Simonne, đoạn nhét mũi soa vào đầy miệng.

Có tiếng giầy gõ ngoài hành lang. Cả bọn con gái im thin thít. Tiếng giầy ai tiến đến gần phía cửa, rồi có tiếng ho sù sụ, tiếng ho của một người già. Biết đích là bà giám thị, cả bọn đều chia nhau, kẻ thì vội tắt đèn, kẻ chui vào gầm giường, kẻ nấp sau tủ áo, xó tường.

Một lát, khi nghe tiếng giầy đã đi xa, bọn quỷ sứ mới chui ra, ai về phòng người ấy. Simonne lôi chiếc khăn tay ở miệng, ném trả một cô bạn, cười khúc khích, rón rén trèo lên thang gác về buồng.

Simonne mở ngăn kéo tìm thỏi nến mà nàng phải giấu kỹ kéo sợ các bạn đùa ăn cắp mất, bật diêm đốt cho chảy, dính xuống bàn. Nàng ngược mắt nhìn tập lịch treo ở góc tường, tập lịch bản thiêu nàng nhặt được ở một phố Tây. Nàng kiểng chân, bóc một tờ, mắt nàng bỗng sáng lên vì mai là ngày chủ nhật. Sung sướng quá! Mai nàng sẽ được tạm thoát cái ngục u tối giam

hăm toàn những cô trinh nữ vô duyên bạc phận này để trong vài giờ tự do sống ngoài phố phường đông vui, ngoài trời đầy ánh sáng, đầy cây xanh, bóng mát, hoa tươi...

Nàng chắc rằng ngày mai thế nào nàng cũng được ra, vì kỳ trước khi nàng đánh liều xin phép, bà Đốc vuốt tóc nàng mà hẹn chủ nhật này.

Ngày mai, các cô bạn nàng sẽ phải ghen vì thấy nàng nhảy như con chim sẻ ra ngoài cửa. Sẵn có món tiền dành dụm được từ lâu và cả món tiền được bạc tối nay, nàng sẽ gọi xe không cần mặc cả, đi một cuộc đến nhà bà cô nàng trong một ngõ hẻm ngoại thành.

Cô nàng, một me Tây già năm mươi tuổi, căn cỗi tựa cây cổ thụ, đau ốm quanh năm. Bà có ba đời chồng đều là người Pháp: một người chết trận, một người chết vì say rượu, và một người tự nhiên bỏ bà để về Pháp chịu tang cha từ sáu bảy năm nay. Sau bảy năm ấy bà vẫn đợi chờ..., bà không hiểu duyên trời đã định hay sao mà bà thương nhớ người chồng này quá đỗi, bà buồn rầu mà sinh bệnh, hai mắt bị đau do bà khóc than nhiều quá.

Bà có một cô con gái mà cô con gái đó chính bà mãi đến bây giờ còn hoài nghi không biết rõ cô là con ai trong ba người chồng của bà, vì cô không giống người nào. Ngay đến bà, cô cũng không giống, không giống cả về hình thức lẫn tâm hồn. Cô đẹp một vẻ đẹp nhuần nhuyễn của người Việt, một vẻ đẹp buồn mơ, quý phái, thoạt nhìn ai cũng ngỡ cô là vị tiểu thư lá ngọc cành vàng. Cô nghiêm trang, thùy mị, ít cười ít nói, mắt lúc nào cũng như đắm lệ. Cô hổ thẹn vì lai lịch mẹ, sầu tủi vì duyên phận mình rồi đây không hi vọng lấy được người chồng theo ý muốn của cô. Quả nhiên, cô bị mẹ ép lấy một võ quan người Pháp, cô cưỡng mãi mà không thể được, sau liều mình cô tự sát bằng thuốc độc.

Con gái quý chết được nửa năm nay, bà hồi hận khóc ngấm than ngấm, bệnh rức đầu, sổ mũi, đau tim, đau ngực lại càng thêm nặng. Bao nhiêu tiền mà bà nhịn ăn nhịn mặc để dành phải bỏ ra uống thuốc, đến nỗi hiện giờ bà

thân tàn ma dại, nghèo nàn. Sống cô độc, bà chỉ còn lấy cháu gái làm thân; nhưng cháu bà, Simonne cũng là đứa trẻ hoàn toàn xấu số, mẹ chết nơi đất Việt, bố chết dưới trời Âu, nên bơ vơ, Simonne phải xin vào ở “*Nhà nuôi trẻ mồ côi*”.

Simonne năm nay gần mười bảy tuổi. Simonne cũng có vẻ đẹp của người thiếu nữ quý phái phương Đông, đẹp đến nỗi người ta tưởng chừng trời sinh ra nàng cho bọn đàn ông, dù gan dạ anh hùng cũng phải quỳ xuống khẩn cầu nàng ban cho một chút tình. Trái với nét con gái bà cô - tức là chị nàng - Simonne hay cười hay nói, nhí nhảnh ngây thơ, ngoan ngoãn. Nhờ vậy, nàng được các bạn đều quý mến và ngay cả bà giám thị, bà Đốc cũng thương yêu.

Châm tiếp một mẫu nến khác, Simonne mở cái tủ con sơn trắng, cẩn thận lấy ra bộ áo bằng nhiễu đen. Nàng đem soi gần vào cây nến, và nàng mỉm cười, yên trí rằng những con mắt tò mò của kẻ đi đường sẽ không nhận thấy mấy chỗ thủng nàng đã vá, đã mạng rất khéo tự hồi trưa. Simonne lại lấy cả chiếc mũ dạ mà nàng mới chải đi chải lại mất nửa giờ, chiếc mũ nàng dùng từ ba bốn năm nay, nó đã bạc màu và hơi chật khiến nàng đội lâu phải nhức đầu. Simonne tìm miếng giẻ lau lại đôi giày đen cho bóng, song nàng lau đến mỗi tay mà vẫn không vừa ý, vì nó cũ lắm rồi. Simonne moi đôi tất đen nhét dưới nệm giường, nó cũng rách hở cả ngón chân, nhưng chỉ có một đôi ấy nên nàng vẫn quý như đôi tất lụa đắt tiền.

Đây là bộ cánh diện ngày chủ nhật, ngày lễ, ngày tết của cô gái mồ côi.

Gió thổi tạt vào lành lạnh, Simonne nhìn chòm cây phơ phất ngoài tường, và nàng ngược mắt nhìn vòm trời cao xanh, điểm lác đác mấy vì sao thưa. Nàng vui thích nghĩ đến ngày mai nắng thu dịu dịu, nàng sẽ đi chơi khắp chốn, đi cho kỳ mỗi chân mới chịu về trường. Rồi nàng hớn hờ, khe khẽ hát, cởi áo ngoài, lên giường nằm, lim dim mắt nhìn ngọn nến tàn dần...

\* \* \*

Simonne ra ngoài đường vui tựa con sơn ca xô lồng. Không đi xe như đêm qua dự định. Nàng đi bộ, bởi đi bộ là một cái thú khi người ta không vội vã, và còn một lẽ khác. Nàng hà tiện, không muốn bỏ ra món tiền mà tiêu đi nàng không còn hi vọng kiếm được.

Simonne tìm những phố lạ chưa bao giờ đi đến, nàng dừng chân ngắm những tòa nhà lộng lẫy của những gia đình người Pháp, lòng Simonne thốn thức khi thấy mấy cô gái Pháp ăn mặc cực kỳ sang trọng và những đứa trẻ xinh đẹp đang chơi piano hoặc đang xúm quanh cái máy hát, cười nói, nô đùa. Đến đầu phố nàng hay đứng lại để ngửa mặt ngắm bằng cặp mắt thèm muốn hình những chiếc xe hơi lịch sự in trên giấy dán ở tường, và nàng đọc rất kỹ mấy tờ quảng cáo phim chiếu bóng của các rạp Hà thành. Nàng ước ao được xem các bộ phim ấy thì sung sướng lắm.

Đã qua nhiều phố mà Simonne chưa thấy mỗi chân. Nàng đi tới Gôđa. Nàng thấy hoa mắt lên vì xe hơi xuôi ngược chẳng ngừng, lòng sôi lên vì ghen với số phận, với vẻ kiêu sa, lịch sự của người đời nhớn nhor đi lại ngắm nhìn nhau, ríu rít chuyện trò. Nàng cảm thấy mình như mới ở một địa ngục nào ra, lẻ loi, trơ trẽn, không biết nói cùng ai, mà cũng không ai đếm xỉa đến nàng.

Thấy những hàng bán “son” bày ở ngoài hiên, Simonne sau một lúc suy nghĩ đã quyết định mua một đôi giày vải, một chiếc áo len, và đôi tất màu da chân.

Ôm một gói to, Simonne vui thích bước rảo chân sang bên kia hè. Những quây hoa tươi bày một dãy dài bên bờ Hồ Gươm, hương thơm thoang thoảng. Simonne toan mua một bó, nhưng nàng chợt nhớ ra: mua hoa để làm gì? Nếu để biếu bà cô thì thật là việc vô nghĩa lý, vì con người già nua ấy còn thiết gì đến hoa, mà đem về trường thì nàng không có lọ để cắm, lại nữa, bà giám thị sẽ chẳng bằng lòng về sự làm dáng không xứng đáng với nàng chút nào!

Nhìn đồng hồ trên nóc Gôđa chỉ mười giờ, Simonne thấy đói, mệt và mỏi chân. Nàng vẫy một chiếc xe, khẽ mặc cả cẩn thận rồi mới dám ngồi, bởi một cô đầm xinh đẹp mà mặc cả với gã culi là một sự lạ lùng.

Simonne đẩy cửa nhà bà cụ, nhanh nhẩu bước vào. Nàng đoán trước rằng bà cụ hẳn như mọi lần đang nằm ho sù sụ, kêu sổ mũi nhức đầu, nhưng không, nàng ngạc nhiên thấy bà cụ hôm nay có vẻ tỉnh táo, ngồi phơi nắng ngoài sân, vừa giữ tóc ra lần chấy vừa để ý canh gác mệt cá khô phơi trên ghế, bà chỉ sợ con mèo ốm đói kia đang rình để ăn vụng.

Simonne reo lên một tiếng, chạy sấn đến ôm cổ bà cụ mà hôn rồi nàng ngồi xuống bới chấy giúp bà cụ, kể lại những chuyện trong trường, những cái lạ nàng được gặp ngoài đường từ hồi sáng.

Một lát sau, Simonne và bà cụ vào nhà. Simonne sung sướng thấy mâm cơm đặt sẵn. Nàng chắt dưới chiếc lồng bàn kia có vài món ăn nóng sốt để thết nàng. Nuốt nước bọt và rón rén nhắc chiếc lồng bàn lên, nàng thất vọng: chỉ có đĩa rau muống già, chén nước chấm, hai con cá mằm bày trên chiếc đĩa sứ rạn, một bát thịt kho và một chiếc liễn nhỏ đựng cơm hầm.

Bà cụ sốt sắng giục Simonne ăn, gắp cho Simonne từng ngọn rau, từng miếng cá, hình như bà cho bữa cơm như thế này là thịnh soạn lắm rồi. Nếu không có nàng, món cá kia, món thịt kia, bà cụ tất đậy kín trong nồi, treo lên gác bếp để dành ăn dần.

Đói bụng, lại được vài giờ sống tự do, Simonne ăn thấy ngon lành, hể hả hơn những bữa cơm ở trong trường.

Buông đĩa bát, Simonne nhảy ra vườn cây hái một quả đu đủ chín xuống bồ ăn tráng miệng.

Bà cụ ăn xong, lại nổi cơn nhức đầu sổ mũi, vào buồng nằm rên. Simonne ngoan ngoãn, xoa đầu, đấm bóp cho bà cụ, tức thì bà cụ nằm yên ngủ. Buồn quá, Simonne đi quanh quẩn trong phòng, lục xem những tấm

ảnh của bà cụ chụp với những ông Tây, người già mặc đồ nhà binh, người trẻ mặc “si-vin”, từ mấy mươi năm cũ. Nàng lại tìm thấy trong một chiếc hộp gỗ rất nhiều thư từ của tình nhân hoặc của chồng bà bên Pháp gửi sang cho bà, toàn đề “*Simonne yêu quý*”. Thì ra bà khi xưa cũng lấy tên là *Simonne*, trùng với tên nàng? *Simonne* mỉm cười ranh mãnh, cất trả những bức thư vào hộp.

Thấy cái tủ áo cũ kê ở góc tường hé mở, *Simonne* tò mò mở ra xem. Nàng ngạc nhiên thấy treo tấm áo nhung the màu hoàng yến, khuy ngọc phách, cắt kiểu tân thời. Nàng mở chiếc hộp bằng giấy, thấy một đôi sandale da trắng. Mở cái hộp nữa, nàng thấy một chiếc kiềng vàng lóng lánh, dưới chiếc kiềng có mấy cái quần lụa trắng, áo cánh viền đăng ten, và cả sơ mi lụa màu hồng, cả mùi soa, bí tất, cả phấn, sáp, nước hoa..., đủ các thức dùng trang điểm. Nàng còn thấy một cái dù màu tím sẫm, một chiếc ví tay. Những thức ấy, những quần áo ấy là của con gái bà cụ để lại khi nàng giận mẹ ép duyên mà tự tử từ nửa năm nay.

Đứng ngắm một cách thèm muốn say sưa những y phục mà từ thuở bé chưa được mó đến bao giờ, *Simonne* tinh nghịch nảy ra một ý: mặc thử. Không ngần ngại, *Simonne* khép cửa buồng, cởi bộ áo đầm và mặc quần áo kia vào mình. Xong, *Simonne* xoa phấn, sức dầu thơm để chải làn tóc cho gọn sóng, làn tóc đẹp vô cùng, khiến các thiếu nữ trông thấy mà phát thèm.

Sau khi đánh phấn, thoa son, đeo kiềng, đi sandale *Simonne* giương chiếc dù đứng trước tấm gương hoen mờ, ngắm nghía. *Simonne* ngỡ không nhận ra mình nữa. *Simonne* lúc này là vị tiểu thư người Việt đặc biệt. Bộ áo mới đẹp làm sao! Nó ăn sát vào tấm thân tuyệt mỹ của nàng. Không ai dám bảo là nàng đi mượn, người ta chỉ biết thán phục nàng mà thôi. Ngắm một lúc, *Simonne* toan cởi hết ra bỏ trả vào tủ, nhưng cơn gió ở đâu thổi mạnh làm bật cánh cửa sổ con; tự nhiên tâm hồn nàng mở rộng để vui đón cả một khoảng trời cao xa lồng lộng, ánh nắng thu rực rỡ, gió thu man mác. Nàng muốn được đi chơi, đến một nơi nào xa Hà Nội, ở đấy có

cây cao bóng mát, có hoa đồng cỏ nội ngạt ngào... Simonne bỏ áo, mũ, giày của mình vào tủ, rồi hé cửa, rón rén bước ra, khẽ dặng hăng... nhưng bà cụ vẫn ngủ say.

Ra ngoài phố, ai nấy đều nhìn nàng để khen thầm nhan sắc một giai nhân. Nàng biết vậy và cảm thấy lòng hổ thẹn, bồi hồi.

Gặp chuyển xe điện, Simonne chẳng nghĩ ngợi, nhanh nhẹn trèo lên, cũng chẳng cần biết chuyển xe ấy chạy về đâu. Nàng bảo người phát vé bán cho chiếc vé mà nàng có thể ngồi tới khi xe chạy hết đường nàng sẽ xuống. Và nàng mỉm cười nói tiếng Pháp cho người ta biết rằng: nàng chỉ có việc đi chơi phiếm để hưởng một buổi trời thu mát mẻ, “một ngày tự do”.

Hơn nửa giờ, Simonne đã đến cuối con đường sắt. Người ta xuống cả, nàng cũng xuống.

Lững thững đi lên một quãng ngắn, nàng hỏi một người, người ấy cho biết đây là tỉnh Hà Đông, mà dòng sông chảy dưới cầu kia là sông Nhuệ.

Simonne rẽ sang bên phải, đi theo dọc bờ sông. Nàng nhìn những xóm làng sau rặng tre xanh im lìm không một bóng người. Nàng đi mãi, qua một ngôi nhà có vườn hoa rất đẹp. Thích quá, nàng đứng lại nhìn vào. Một con chó sấp xồ ra thì may có một bà già ra đuổi nó đi. Nàng lễ phép chào bà cụ và xin bà lão cho phép nàng vào hái vài bông. Bà lão niềm nở vui lòng. Những đóa hoa lạ nàng chẳng biết tên, dưới làn gió hiu hiu ngoài sông đưa lại nhịp nhàng uốn éo tựa hồ vui vẻ đón chào nhan sắc của nàng. Nàng đi giữa những luống hoa, dịu dàng tha thướt như nàng tiên dạo chơi trong vườn Thượng uyển. Tà áo mỏng rập rờn bay lướt trên hoa như cánh điệp, và muôn vàn đóa hoa đua nhau ngả theo như hôn, như đón áo nàng, như giữ nàng đứng lại, mời nàng cúi mình đưa bàn tay ngọc mà hái, đem về phòng ngủ thả vào bát sứ, cắm vào lọ đẹp, rồi nâng niu chúng mãi tới khi tàn. Nhưng than ôi, nếu phải hoa có hồn hoa sẽ tủi... vì nàng tiên ấy chỉ đẹp có một ngày, bởi không phải lúc nào nàng cũng được yêu hoa như các nàng

tiên khác ở cõi trần. Tắm mình ngà kia, chốc nữa sẽ phải mặc lại chiếc áo đen buồn thảm như chiếc áo thầy tu, bàn tay đẹp nọ chỉ lát nữa thôi sẽ cầm chổi quét sàn, rửa soong, rửa đĩa, rẫy cỏ ngoài vườn... Nàng, hỡi ơi, chỉ là một kẻ hồng nhan đầy tục lụy, lạc vào một giấc mơ tiên!

Hái xong mấy bông hoa đẹp nhất vườn, nàng dúm hai hào vào tay thằng bé con đứng đó, rồi cúi chào bà lão, trở ra. Nàng đi lên nữa, ngửa mặt nhìn mây trôi, ưỡn ngực hít gió trời, nàng gửi nụ cười âu yếm tặng Thiên nhiên. Mọi chân, nàng đến ngồi dưới một gốc cây cành lá um tùm rủ trên mặt nước. Mấy con đò im đậu bên sông.

Rồi trong bóng nước, bỗng nhiên in bóng một người cạnh bóng nàng. Giật mình, nàng ngảnh lại. Một người đàn ông trẻ tuổi vận âu phục rất sang, tay cầm máy ảnh, cúi chào nàng:

- Thưa cô, cô cho phép?

Nàng kinh ngạc:

- Cho phép gì, thưa ông?

Anh nói ngọt ngào:

- Cô cho phép tôi chụp tấm ảnh cô ngồi trong bóng lá bên sông.Ồ..., đẹp quá! đẹp quá! Ánh sáng rất đều, dáng điệu rất tự nhiên! Xin cô cứ ngồi như thế, đừng động đậy... Cô nhếch miệng cười cho tươi... cô ngược mắt nhìn con chim ở đầu cành rập rờn mặt nước kia kìa... Thế! Xong rồi!

Anh chạy lại gần nàng cảm ơn lần nữa. Rồi thân mật, anh ngồi ngay cạnh nàng, trong khi nàng còn bỡ ngỡ ngạc nhiên không hiểu anh là hạng thế nào, và không rõ tại sao nàng cứ như bị thôi miên ngồi yên cho anh chụp ảnh, hơn thế, nàng lại cười, lại nhìn con chim xanh đu ở cành cây..., nàng đã dễ dàng, ngoan ngoãn tựa một người tình chí thiết của anh.



Hối hận, nàng vùng đứng dậy giận dữ:

- Ông là ai mà dám chụp hình tôi trong khi tôi chưa cho phép? Ông không lịch sự! Tôi sẽ kiện ông tại tòa!

Anh cười khanh khách, lễ phép đáp:

- Cô kiện tôi xin chịu, nhưng thưa cô, cô đẹp quá, cảnh trời đẹp quá..., nếu không chụp được thì suốt một đời nghệ sĩ tôi sẽ không bao giờ còn gặp một người khác đẹp như cô, sẽ không bao giờ còn gặp cảnh trời đẹp như cảnh trời này. Xin cô vui lòng thể tình cho. Và một mỹ nhân có bao giờ giận dữ, bởi như thế vẻ đẹp sẽ giảm nhiều.

Anh nói khéo quá, nàng phải mỉm cười. Tức thì, anh tiến đến nhẹ nhàng nắm lấy tay nàng. Nàng ngây dại ngã lòng, không kháng cự, theo anh cùng ngồi xuống.

Ánh nắng từ trên cành cây cao dội xuống làn tóc lăn tăn như sóng gợn, bóng cây rắc loang lổ xuống áo nàng như dệt thành những tràng hoa. Nàng đẹp vô ngần!

Anh say đắm nhìn nàng..., nàng cũng vậy.

- Cô có thể cho tôi biết tên.

- Ông hỏi làm chi vô ích. Là bạn ngồi chơi ngắm cảnh đẹp trong chốc lát, cần gì phải biết họ tên nhau.

- Tôi cần được biết để vài hôm nữa, khi ảnh rửa xong, tôi sẽ gửi đến tận nhà tặng cô.

Ý muốn có tấm ảnh không cho nàng kín đáo như vậy mãi, nàng khẽ trả lời:

- Simonne!

Anh biên vào cuốn sổ tay.

- Và Simonne làm ơn cho biết luôn chỗ ở.

Trời ơi! Liệu nàng có can đảm cho anh biết chỗ ở của nàng? Không, không! Nàng đâu có can đảm ấy! Ai lại đại dốt mà tự thú với kẻ đang ngưỡng vọng nhan sắc mình rằng mình là *cô gái mồ côi ở trong nhà nuôi trẻ mồ côi*.

Nàng im lặng.

Anh gặng mãi, nàng đáp buồn rầu:

- Ông đừng hỏi nữa. Những cái đó nào có nghĩa gì. Chỉ ngày hôm nay ông mới thấy em, đến ngày mai thì hết rồi, ông không thể thấy em được nữa đâu, ông ạ...

Sự liên tưởng đưa trí nàng đến hình ảnh bà cô ốm yếu trùng với tên nàng, nàng cau mày, mỉm cười:

- Nếu ông tới nhà em mà hỏi, thì có lẽ ông chỉ thấy một Simonne già nua, xấu như hủi, bẩn như ma, đón ông vào để mà kêu than với ông về bệnh sổ mũi, rức đầu, bệnh tật suốt tháng năm...

Anh la lên một tiếng, nhìn nàng như nhìn một cái gì quái gở, nhưng rồi anh lại thản nhiên cười:

- Simonne làm như là một con tinh thay hình đổi dạng, hiện lên để ghẹo đùa tôi!

Nàng cũng mỉm cười:

- Hơn cả một con tinh! *Lúc này, chính thực em không là... em, ông ạ. Em chỉ là một nhân vật sống trong những truyện thần tiên mà thôi.*

Anh cho là câu chuyện khôi hài thú vị, liền bá lấy cổ nàng:

- Vậy em hãy ban cho kẻ này một cái hôn, gọi là chút duyên may của người tiên, kẻ tục.

Anh đặt môi lên má nàng, xuống môi nàng. Nàng rùng mình, bủn rủn cả thịt da.

Nắng chiều sắp tắt sau cái hôn dài mà nàng trinh nữ lần đầu được hưởng, mà gã phong tình như con bướm thành tinh lượn bay khắp trời hương đã mê ly hút giọt mật đầu. Giọt mật đầu ấy là một lời thơ ở môi nàng: “Em muốn yêu anh”.

Nhưng đó chỉ là câu nói vô tình buột miệng trong cơn cảm khoái, vì vậy, Simonne cuống quít gỡ tay anh đứng dậy, nhìn hoàng hôn lòng lại nhủ lòng: “Một ngày tự do đã hết rồi!”.

Nghĩ ra một kế để gỡ thoát tay anh: nàng vờ để rơi vài bông hoa xuống sông, bảo anh xuống vớt. Chờ lúc anh cúi húi bám rễ cây lần xuống, nàng rón rén bước đi một quãng rồi cắm đầu chạy.

Nhưng không biết nghĩ sao, nàng đứng lại, lấy ngón tay viết xuống bãi cát địa chỉ của bà cô nàng, và để làm dấu hiệu cho chàng biết, nàng cắm lên hàng chữ ấy mấy bông hoa.

Ra đến đường sắt, may gặp chuyến xe điện sắp đi Hà Nội, nàng vừa kịp nhảy lên thì tàu chạy. Tàu chạy được quãng dài, nàng mới thấy chàng chạy đuổi theo giơ tay vẫy. Nàng thương hại cũng giơ mùi xoa vẫy. Một nỗi buồn bỗng xâm chiếm cả tâm hồn, nàng đưa khăn lên làn môi thắm như để lau, để xóa một vết gì như bản, một vết của Tình yêu.

\* \* \*

Về đến nhà bà cô thì sấm tối, Simonne trống ngực đổ hồi, sợ hãi bước vào. Bà cụ mới qua cơn sốt, đang ngồi róm bếp thổi cơm. Thấy bà cụ mãi cúi đầu thổi lửa, quay lưng ra không biết có người vào, Simonne mừng rỡ, tháo giày cầm tay, rón chân khe khẽ vào buồng.

Nàng bối rối tháo kiềng, cởi quần, cởi áo, trải ra giường gấp, bỏ vào hộp; rồi sau khi cất đủ mọi thứ vào trong tủ như trước, nàng mới yên lòng mặc bộ áo của mình. Nhìn vào gương, nàng buồn rầu ngao ngán quá. Bây giờ, nàng đã trở lại nguyên hình một cô gái mồ côi, áo giầy toàn một màu đen lạnh lẽo, nàng cảm thấy mình già, xấu hẳn đi.

Mặc xong, Simonne lại rón rén bước ra. Bà cụ vẫn bận cầm cúi ghế nồi cơm, nàng đến ôm vai bà cụ.

Bà cụ lau nước mắt vì khói ngược nhìn cháu, mếu máo cười:

- Cháu đi chơi có vui không? Ăn cơm đã rồi hãy về trường.

- Cháu về trường muộn quá. Thế nào cũng bị bà giám thị mắng, rồi sẽ bị phạt, cháu đang lo sốt cả người đây. Không biết bao giờ cháu mới lại được ra thăm bà...

Nàng ôm trong cánh tay gói hàng mua “son” ban sáng, chào bà cụ, nghẹn ngào ra cửa. Nhưng sức nhớ một điều, nàng lại trở vào, nũng nịu:

- Bà ơi, cháu hỏi cái này bà đừng giấu nhé!

- Cháu cứ nói đi.

Nàng vuốt mớ tóc bạc của bà cụ, giọng ngây thơ:

- Cháu thấy trong tủ có bao nhiêu là quần áo, cả dù, kiềng, giày, phấn sáp nữa. Chắc của chị Jacqueline, nhưng chị đã chết rồi, bà còn giữ những vật đó làm gì cho thêm thương nhớ, hả bà?

Bà cụ nhìn cháu, nước mắt dưng dưng:

- Bà cũng định sáng mai mang tất cả đến nhà Vạn Bảo cầm, hoặc hàng xóm có ai mua, bà bán đứt để lấy tiền ăn, vì bà túng bán quá, gạo hết cả rồi, áo rách hết cả rồi...

Nghe bà cụ khóc, nàng đau đớn an ủi rồi cúi thúi bước ra. Nàng không hy vọng được mặc bộ quần áo ấy nữa để gặp anh. Nhớ lại những câu chuyện thuở bé được nghe mẹ kể, nàng tự ví mình như nàng tiên vẽ trong tranh, cảm lòng thành của gã thư sinh, nàng tiên hiện hình, rồi bị chàng rình xé nát bức tranh, nàng tiên đành phải ở với chàng, không bao giờ được về tiên giới. Simonne cũng vậy. Như nàng tiên mất cánh để ẩn hình giỡn gã si lang. Simonne từ đây, than ôi, cũng bị mất bộ y phục đẹp, tức là mất cả phép nhiệm màu để quyến rũ lòng người... Bà cô nàng sắp mang nó đi cầm bán rồi! Nàng đành mãi mãi làm cô gái mồ côi nghèo khổ, nàng sẽ phải trọn đời trốn lánh mặt anh!

Simonne tần ngần đứng trong cửa kính, nghe tiếng gió thổi dài âm đạm ngoài song. Nàng nhìn gian phòng u tối như địa ngục, lúc này vắng tanh ngoài tiếng mọt kêu.

\* \* \*

Sau buổi gặp nàng, anh vẫn lang thang đi khắp chốn để tìm.

Anh đã lần đến một túp nhà tiêu tụy ở một xóm ngoại thành, theo như nàng đã viết trên mặt cát bên bờ sông Nhuệ... Anh gõ cửa và lên tiếng gọi, một bà lão bước ra.

- Cụ làm ơn cho tôi biết có phải đây là chỗ ở của Simonne?

Bà cụ lặng yên nhìn khách, rồi sực nhớ đến một cái tên đã chôn sâu trong dĩ vãng, bà cụ nhếch miệng cười như khóc, để hở hàm răng còn trơ lại vài chiếc:

- Simonne! Simonne! À, phải, đó là tên tôi hồi trẻ. Thày muốn hỏi gì? Hay là có thư của ông ấy ở bên Pháp gửi về cho tôi?

Rồi theo tật quen, bà kể lể:

- Cực khổ lắm, thầy ạ. Ba người chồng Pháp, kẻ chết, người bỏ, tôi ngày nay già nua nghèo khó, đau ốm quanh năm. Đã vậy, có một đứa con gái lớn, thương nó, tôi ép nó lấy một người lương chừng ba trăm, thế mà nó hờn duyên tui phận, giận tôi, uống thuốc độc mà tự tử... Thế có thảm không hả thầy?

Bà cụ bưng mặt vật đầu vào cửa khóc rưng rức. Anh chán chường không đáp, vội bước đi.

Càng nghĩ đến bà cụ anh càng hoảng sợ, rùng mình. Thực đúng như lời nàng nói: “Nếu ông có tìm thì ông chỉ thấy một Simonne già nua, bần như khi, xấu như ma, sẽ kêu than với ông về bệnh tật ốm đau...”.

Chẳng lẽ, Simonne - bà cụ bần như con hủi này, với Simonne - thiếu nữ đẹp tuyệt trần ngồi bên sông hôm ấy là một người ư?

Anh mê hoảng ngỡ mình gặp phải yêu tinh, hay như lời nàng nói, *anh đã gặp một nhân vật sống trong những truyện thần tiên hoang đường.*

Lang thang suốt một ngày đêm dưới bầu trời đầy mây và lá rụng, anh càng thấy lòng hoang mang, vương vấn khi nghĩ đến người con gái đẹp kỳ dị và say sưa cùng giấc mơ tiên chữa tàn...

(Đăng *Tiểu thuyết thứ bảy* số 179/1937)

# Chạy loạn

**"T**ôi, cho cháu đi chơi.

Cụ cử đặt chén trà xuống khay, nhìn theo thằng cháu chạy ra hè nô nghịch. Cụ mệt nhọc tựa khuỷu tay vào chiếc gối xếp, cầm khăn lau những giọt mồ hôi trên nếp trán nhăn. Tấm lòng già bao năm yên vui cùng dâu con và đàn cháu nhỏ, bây giờ lại bị khuấy rối bởi những tin loạn lạc hàng ngày đăng trên các báo và ở cửa miệng người ta đồn đại.

Cụ cử ăn không được, ngủ không yên giấc nữa. Tiếng trẻ con chạy loạn xạ rao những số báo đặc biệt ngoài phố ồn ào, tiếng người bàn tán lao xao về cuộc phòng thủ rất nghiêm trọng của thành phố khiến cụ cử rối cả ruột gan. Không như trước suốt ngày ngồi trên tấm tràng kỷ kê sau bức màn xanh, cụ bình thản ngâm thơ, tỉ mỉ lau chùi bộ chén trà cổ, nghe mấy đứa cháu học ê a, và tối đến cụ khấn áo chỉnh tề ngồi tụng vài cuốn kinh trước ban thờ đức Thánh Quan. Từ một tuần lễ nay, cụ cử bận tâm nhiều về thời sự. Thằng cháu Tồn, mỗi ngày hai buổi, phải ra chờ cửa đón mua tờ Trung Bắc, hăm hở mang vào đọc cho ông nghe những tin khói lửa ở Âu Châu.

Cụ cử đã thờ dài nói với dâu con trong một bữa cơm thân mật của gia đình:

“Thế này thì loài người đến ngày mạt kiếp! Người ta cứ xâu xé nhau, giết chóc nhau. Những chữ từ bi, bác ái, đạo đức, nhân loại lúc này không cần coi nghĩa lý gì!”

Ngoài ra, cụ cử không biết than thở cùng ai nữa. Mấy ông bạn già thì nay đã đi xa. Cụ bảng Hoàng, cụ tú Lưu, xưa kia một tuần lễ một lần thường che hai chiếc ô đen cũ, ngất ngưỡng đến ngôi hàng sách Nho cũ ở phố Hàng Gai này thăm ông bạn đồng song. Người con dâu cụ cử, mới thấy hút hai cái bóng gầy còm kia ở đằng đầu phố đã chạy vào bầm bố chông, rồi nàng vui vẻ bày khay trà, giục vú già nhóm bếp, đoạn nàng xách rá đi chợ mua rau. Giờ đây, cụ bảng Hoàng, cụ tú Lưu đã ra người thiên cổ mất rồi. Cái túi gấm đựng quân nga treo bên cuốn lịch trên tường đã bị cát bụi ngoài phố bay vào bám trắng, cái bàn cờ dựng bên mẽ tử chè đã bị nắng hanh làm vênh, nứt.

Cụ cử, đêm qua, lẩy bẩy trèo thang tre lên gác sân, đứng nhìn về Cửa Bắc thở dài:

“Hai bác Hoàng, Lưu ở tuổi vàng thế mà tốt số hơn mình. Vất vưởng ở cõi trần gian trong cái hồi này, có lẽ mình khó mà được nhắm mắt yên lành như hai bác ấy”.

Xuống nhà nằm, người cụ nóng ran, lên cơn sốt. Nhưng hôm nay, cụ cử lại tỉnh như thường, một mình ôm chiếc ấm độc ấm đang hãm nước trà đầu vào lòng hai bàn tay lạnh giá sau khi nghe thằng cháu Tốn đọc những tin tức về thời cục Đông Dương.

Thấy người con trai vội vã dựng xe đạp ngoài hè để chạy vào đưa phong thuốc cho vợ và giục sắc ngay, cụ động lòng thương con: “Thằng này có hiếu ngay từ thuở nhỏ cho đến lớn. May phúc nhà cho ta đưa con dâu hiền và ba đứa cháu đứa nào mặt mũi cũng khôi ngô”.

Ý nghĩ ấy càng khiến cụ buồn rầu, nếu có sự gì thì những giọt máu thân yêu đó sẽ không còn.

Cụ gọi người con trai sẽ bảo:



- Thầy cảm qua loa, bây giờ khỏi rồi, con lấy thuốc làm gì cho thêm tốn tiền. Con nên cần kiệm, đang lúc con mới ở trường ra chưa có việc làm, mà vợ con mở ngôi hàng bán những sách Nho cũ nát này, thầy xem ra có khi suốt ngày chả có ai bước vào hàng. Tiền đâu mà cứ nay thuốc, mai thuốc mãi.

Người con trai cúi đầu đứng yên. Cụ rót trà ra chén âu yếm bảo:

- Nay cậu uống đi với thầy. Mợ cả nữa, để hàng đầy vào uống một chén cho vui. Nhưng sao cũng vẫn thứ chè Liên tử mọi hôm, mà hôm nay thầy thấy như là nhạt lắm.

- Bẩm có lẽ tại thầy khó ở trong người.

Cụ ngẩng nhìn các con, xoa đầu ba đứa cháu vừa ở ngoài hè kéo nhau vào:

- Không tại thế đâu con ạ.

\* \* \*

Cụ cử đi đã nhiều và đã mệt. Sương thu đã ướp giá đôi vai gầy trong tấm áo the thâm. Hai tay chấp sau lưng, cụ vẫn một mình lủi thủi trong những phố Tây vắng ngắt. Cụ dừng chân bên một bức thành. Bức tường đen mốc năm im lìm dưới bóng đèn xanh âm ỉ của thành phố tối nay dùng để tập phòng không. Ánh đèn xanh lạnh lẽo bao trùm lên kinh thành vốn yên bình này, tối nay đột nhiên gọi cho mọi người một nỗi ghê rợn, bồi hồi. Cụ bước những bước e dè, yếu ớt kéo sợ tiếng đôi giày ta mòn gót vang lên trong cái yên lặng gớm ghê. Phố vắng tanh, thỉnh thoảng mới có một hai người khuất sau những cây to ở bên hè. Hình như những người ấy đang vội vã trở về nhà. Có tiếng kêu vù vù ở trên không. Cụ nhìn lên, chỉ thấy một vệt đèn xanh bay vun vút trộn lẫn vào những ánh sao xanh lấp lánh. Tiếng kêu ấy càng gieo thêm những ý nghĩ nặng nề sợ hãi xuống lòng người.

Tối một vườn hoa, cụ nhìn những cái hố đen ngòm người ta đào sẵn cho dân tránh bom đạn khi cần. Một cảm giác rùng rợn chạy khắp mình cụ. Và lòng thương xót loài người, thù oán chiến tranh lại dội lên, cụ bỗng nhớ đến hồi xưa cụ đã phải theo mẹ già trốn giặc Cờ Đen, ban ngày lẩn vào rừng, ban đêm bỗng bế nhau đi, có khi đói khát gục xuống không lê được nữa...

Mất cụ lúc này hoa lên, vụt hiện ra những toán quân Cờ Đen loạn xạ, gào ghét như đàn sói, xông xáo vào lương dân mà hiếp tróc, chém giết, rồi lại kéo nhau đi nơi khác...

Những hình ảnh xa xôi của thời loạn lạc xưa bỗng bị xóa ngay đi, cụ giật bản mình bởi tiếng giầy của hai cảnh sát đi tuần vừa đổ xe đạp bên vỉa đường. Ở đầu phố, một tờ giấy in lớn có đường mực xanh kẻ dọc lại khiến cụ dừng chân. Cụ đọc những hàng chữ Nho, lòng cụ rối thêm về những lời ông Đốc lý dặn dân về cách đề phòng quân địch.

Tự lúc này, chân cụ bước đi không vững nữa. Cụ phải gọi xe mặc cả kéo về nhà.

\* \* \*

Người con dâu sáng hôm sau bị cụ cử bắt đóng cửa ngôi hàng sách cũ, tuy rằng ở phố ấy người ta vẫn đi tấp nập và mọi cửa hàng vẫn buôn bán như thường.

- Hai vợ chồng con phải nghe lời thầy. Thế nào cũng cần đem ngay lũ trẻ nhỏ về quê, chứ ở đây nhỡ có sự gì chết cả một hố thì tuyệt tự! Cứ để một mình thầy ở ngoài này trông giữ nhà cho. Có làm sao, thì tao cũng đáng đời. Bảy mươi tuổi, trải qua hai lần loạn lạc rồi, - lần trước còn trẻ như các con thì còn tham sống, chứ lần này biết trời cho sống được là bao ngày nữa mà phải lo cái chết. Ba thằng cháu đấy, cứ như tử vi, như điện tượng chúng nó, tất sau này sẽ khá. Vợ chồng con phải cố giữ gìn nuôi nấng cho được nên người”.

Người con trai vẫn còn bần khoản lưỡng lự, mặc áo rồi lại cởi ra, nhìn cụ một cách đau khổ vô cùng.

- Kìa, chùng chình mãi lại nhờ tàu. Có trẻ phải đi chuyến này, về đến làng mới không gặp tối. Đồng quê đang lúc này mà mong yên lành như trước ấy à?

Cụ cử quay lại người con dâu đang cầm cúi buộc chăn màn, xếp quần áo trẻ con vào chiếc vali lớn:

- Mợ Cả, mợ nên ăn mặc cho nhũn nhặn. Bỏ cái áo lụa xanh kia đi, bỏ cái quần trắng kia đi nữa. Không được phấn sáp gì. Đất có lẽ quê có thói. Về làng thì phải ăn nói, cư xử cho ai nấy cũng vừa lòng, kéo người ta trách móc đến thày, nghe không con!

Cụ gọi ba đứa cháu đến đặt cả lên đùi, ôm ba cái đầu xanh vào ngực, mắt cụ Cườm rơm rớm ướt:

- Các cháu về quê có nhớ ông không? Phải ngoan nhé, chớ có đùa nghịch mà sảy chân ngã xuống sông, xuống ao thì khốn. Cháu xòe cả bàn tay ra nào!

Ba đứa trẻ xòe cả bàn tay ra. Cụ cử nhổ nước bọt vào và giọng run vì xúc động:

- Ông làm thế này cho đỡ nhớ... Các cháu hôn ông đi nào!

Cụ cử đứng lên lấy ở góc tường ra một cái gậy sắt mà đem qua cụ kỳ cục đập cho thành nhọn sắc.

- Hễ có còi báo động tắt đèn là tao cứ ngồi yên trong nhà, uống rượu cho say chứ già yếu mà chạy ra đường thì người ta đè lên cũng đủ như xương. Cái giáo này, nếu thẳng ma cà bông nào giở trò hôi của, đập cửa định vào là tao cứ đâm ra...

Cụ múa cây song sắt lên, khiến lũ cháu vỗ tay reo thích.

Người con trai thấy cụ làm trò cho vợ chồng anh được yên lòng thì anh càng thấy ruột gan đau thắt. Anh không sao gượng được nữa, khóc nức lên:

- Bẩm thầy, con đưa mẹ con nó về đến làng, rồi con lại ra với thầy...,

Cụ ngời phịch xuống ghế thờ, nghiêm nghị nhìn con:

- Anh nhất định cưỡng lời tôi à? Anh coi thường mấy giọt máu quý kia của dòng họ Nguyễn đang bị suy sút này à? Có phải thế anh cứ nói thẳng cho tôi biết.

Người con trai sợ hãi không dám nói gì hơn. Thở dài, thương lòng hiếu nghĩa của con, cụ đưa tay lên ôm trán. Ba đứa cháu im lặng xúm bên mình cụ.

Đồng hồ trên tường gõ mười hai tiếng. Cụ ngẩng đầu lên kín đáo lau nước mắt:

- Thôi, các con gọi xe mà ra ga...

Đứng trong bậc cửa, cụ nhìn theo hai cái xe khuất đằng đầu phố. Cụ quay đầu lại: căn nhà lúc này như tiêu điều rộng rãi thêm ra.

Hai bàn tay run yếu, cụ từ từ khép cửa.

(Đăng *Tiểu thuyết thứ bảy* số 115/1941)

# Table of Contents

[Mấy Lời Của Người Làm Tuyển Hà Nội Cũ Năm Đây](#)

[Đời nó thế](#)

[Người đưa thư](#)

[Người xưa cảnh cũ bây giờ...](#)

[Mối tình của Cựu hoàng](#)

[Cái kiêu người Hà Nội](#)

[Bóng đá Việt Nam thời xưa](#)

[Hà Nội xưa - Nghề in ấn](#)

[Hà Nội cũ vui buồn sân khấu](#)

[Hà Nội cũ năm đây](#)

[Người phun kiếm](#)

[Sử tử Hà Đông đại chiến sử tử Hà Nội](#)

[Hoang thai](#)

[Buôn xác](#)

[Hành khất, hành văn](#)

[Phấn hương](#)

[Ở bãi](#)

[Cuội già](#)

[Ông thầy đờn](#)

[Tôi là thi sĩ](#)

[Lucie](#)

[Ông Chọc tiết](#)

[Đôi giày cũ](#)

[Ông bạn ngày mưa](#)

[Gái muộn chồng](#)

[Người gác đêm](#)

[Bức thư của người lấy vợ](#)

[Trong phòng triển lãm](#)

[Quan báo](#)

[Hà Thành hoa lệ](#)

[Chiêu niệm Vũ Trọng Phụng](#)

[Đôi điều tôi biết về Vũ Trọng Phụng](#)

[Chủ nhà in, nhà xuất bản Tân Dân - Ông Vũ Đình Long](#)

[Nhớ về Lan Khai](#)

[Chơi sách](#)

[Hồi ức về Lê Văn Trương](#)

[Tam Lang Vũ Đình Chí với nổi vinh nhục của nghề làm báo](#)

[Hồi ức về nhà thơ Nguyễn Bính](#)

[Phấn hương](#)

[Anh gắng nuôi con](#)

[Ra tỉnh](#)

[Xóm nghèo ăn tết chó](#)

[Một ngày chủ nhật](#)

[Thèm sống](#)

[Tội lỗi ngoài ngưỡng cửa](#)

[Kim Dung](#)

[Lệ vui](#)

[Một người không sống](#)

[Người đàn ông đau đẻ](#)

[Số kiếp](#)

[Tết cô đầu 9](#)

[Bức thư](#)

[Truyện thần tiên](#)

[Chạy loạn](#)